TỨ PHẦN LUẬT

Phần II - PHẦN TĂNG SỰ

Hán Dịch: Tam tạng Phật-đà Da-xá và Trúc-phật-niệm.

Việt Dịch :**HT. ĐỖNG MINH**
THÍCH NGUYÊN CHỨNG - THÍCH ĐỨC THẮNG
Hiệu chính và chú thích
---o0o---
Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 11-7-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

CHƯƠNG I - THỌ GIỚI
I. THÍCH THỊ THẾ PHỔ
II. TRUYỆN ĐỨC THÍCH TÔN
1. Xuất gia và thành đạo
2. Sơ chuyển Pháp luân
3. Da-xá
4. Long vương Y-la-bát-la
III. TĂNG PHÁP THỌ GIỚI
1. Sơ chế Pháp
2. Hòa thượng pháp
3. Nhân và sự như pháp
4. Pháp thức truyền thọ cụ túc
CHƯƠNG II - THUYẾT GIỚI
I. PHÁP THỨC THUYẾT GIỚI
1. Bố-tát
2. Thuyết pháp
3. Ba-la-đề-mộc-xoa
4. Lịch pháp
II. KẾT GIỚI

1. Giới trường
2. Đại giới cọng trú
3. Thất y giới
4. Đại giới liên kết
5. Tiểu giới
III. TẬP TĂNG
1. Bạch Tăng
2. Dữ dục
3. Thuyết giới
4. Sám hối
5. Hạn kỳ
6. Phá yết-ma
7. Chuyển trú xứ
8. Hòa hiệp thuyết giới
CHƯƠNG III - AN CƯ
1. Kết giới an cư
2. Phân phòng xá
3. Phân ngọa cụ
4. Tiền hậu an cư
5. Trú xứ an cư
6. Xuất giới
7. Phá hạ
8. Ước định an cư
CHƯƠNG IV - TỰ TỨ
1. Á pháp
2. Cầu thính
3. Pháp thức tự tứ
4. Chúc thọ tự tứ
5. Phá tự tứ
6. Già tự tứ
7. Hạn kỳ tự tứ
8. Khách tự tự
CHƯƠNG V - DA THUỘC
I. NHÂN DUYÊN THỦ-LUNG-NA
1. Hai bàn chân
2. Giây đàn căng
3. Sáu tín giải
II. NHÂN DUYÊN ỨC NHĨ
1. Tăng già biên địa
2. Những quy định về da thuộc
CHƯƠNG VI - Y
I. Y PHẤN TẢO
II. KỲ-BÀ ĐỒNG TỬ
1. Kỹ nữ thành Vương-xá

2. Học thuốc
3. Chữa bịnh
III. ĐÀN VIỆT THÍ Y
1. Kỳ-bà thỉnh nguyện
2. Các loại y quý
3. Nhận và chia
4. Y cát triệt
5. Kỹ nữ thành Tỳ-da-li
6. Ba y
7. Pháp thức phân vật
8. Tăng vật
9. Tỳ-lưu-ly
10. Thân hậu
11. Di vật của Tỳ-kheo
12. Tạp sự
CHƯƠNG VII - THUỐC
1. Các loại thuốc
2. Các loại thịt
3. Tịnh trù
4. Tịnh nhục
5. Tám thứ nước
6. Tịnh địa
CHƯƠNG VIII - Y CA-THI-NA
1. Năm công đức
2. Y như pháp
3. Thọ y
4. Xuất y
CHƯƠNG IX - CÂU-THIỂM-DI
1. Tránh sự phát khởi
2. Biệt bộ yết-ma
3. Hoà giải
4. Trường Sanh Vương
5. Tăng hoà hợp
6. Giải yết-ma
CHƯƠNG X - CHIÊM-BA
1. Cử tội phi pháp
2. Túc số yết-ma
3. Túc số Tăng
4. Yết-ma bất thành
5. Ngăn yết-ma
CHƯƠNG XI - KHIỂN TRÁCH
1. Khiển trách
2. Tẫn xuất
3. Y chỉ
4. Hạ ý

5. Xả trí
CHƯƠNG XII - NGƯỜI
1. Phú tàng
i. Hành ba-lợi-bà-sa
ii. Bản nhật trị
iii. Ma-na-đỏa
iv. Xuất tội
2. Không phú tàng
3. Tổng hợp tăng tàn
CHƯƠNG XIII - PHÚ TÀNG
CHƯƠNG XIV - GIÀ YẾT-MA
1. Cầu thính
2. Già thuyết giới
3. Mười như pháp già
4. Tỳ-kheo cử tội
5. Pháp thức già
6. Cáo tội
7. Tỳ-kheo ngăn
CHƯƠNG XV - PHÁ TĂNG
1. Đề-bà-đạt-đa
2. Truyện thiện hành
3. Ưu-ba-ly vấn
CHƯƠNG XVI - DIỆT TRÁNH
I. BẢY DIỆT TRÁNH
1. Hiện tiền tì-ni
2. Ức niệm tỳ-ni
3. Bất si tì-ni
4. Tự ngôn trị
5. Đa nhân ngữ
6. Tội xứ sở
7. Như thảo phú địa
II. BỐN TRÁNH SỰ
III. TRÁNH SỰ DIỆT
1. Nguyên tắc hiện tiền
2. Diệt ngôn tránh
3. Diệt mích tránh
4. Diệt phạm tránh
5. Diệt sự tránh
6. Ưu-ba-ly hỏi
CHƯƠNG XVII - TỲ-KHEO-NI
I. KIỀU-ĐÀM-DI
II. NI THỌ GIỚI
1. Sa-di-ni
2. Thức-xoa-ma-na

3. Thọ cụ túc
III. NI THƯỜNG HÀNH
CHƯƠNG XVIII - PHÁP
1. Khách tỳ-kheo
2. Vệ sinh
3. Khất thực
4. A-lan-nhã
5. Ẩm thực
6. Nhuộm y

---o0o---

CHƯƠNG I - THỌ GIỚI[1]

I. THÍCH THỊ THẾ PHỔ

[779a7] Tôi từng nghe chuyện được kể như vầy:
Từ xa xưa về trước, có vị Vua đầu tiên xuất hiện trong đời, tên là Đại Nhơn, được đại chúng suy cử[2] . Nhà Vua có thái tử tên là Thiện Vương. Thiện Vương có thái tử tên là Lâu-di. Vua Lâu-di có con tên là Trai[3]. Trai vương có con tên là Đảnh Sanh[4]. Vua Đảnh Sanh có con tên là Giá-la. Vua Giá-la có con tên là Bạt-giá-la. Vua Bạt-giá-la có con tên là Vi. Vua Vi có con tên là Vi-lân-đà-la. Vua Vi-lân-đà-la có con tên là Bề-hê-lê-tứ. Vua Bề-hê-lê-tứ có con tên là Xá-ca-đà. Vua Xá-ca-đà có con tên là Lâu-chi. Vua Lâu-chi có con tên là Tu-lâu-chi. Vua Tu-lâu-chi có con tên là Ba-la-na. Vua Ba-la-na có con tên là Ma-ha-ba-la-na. Vua Ma-ha- ba-la-na có con tên là Quý-xá. Vua Quý-xá có con tên là Ma-ha-quý-xá. Vua Ma-ha-quý-xá có con tên là Thiện Hiện. Vua Thiện Hiện có con tên là Đại Thiện Hiện. Vua Đại Thiện Hiện có con tên là Vô Ưu[5]. Vua Vô Ưu có con tên là Quang Minh. Vua Quang Minh có con tên là Lê-na. Vua Lê-na có con tên là Di-la. Vua Di-la có con tên là Mạt-la. Vua Mạt-la có con tên là Tinh Tấn Lực. Vua Tinh Tấn Lực có con tên là Lao-xa. Vua Lao-xa có con tên là Thập Xa. Vua Thập Xa có con tên là Bách Xa. Vua Bách Xa có con tên là Kiên Cung. Vua Kiên Cung có con tên là Thập Cung. Vua Thập Cung có con tên là Bách Cung. Vua Bách Cung có con tên là Năng Sư Tử. Vua Năng Sư Tử có con tên là Chơn-xà. Từ Vua Chơn-xà theo thứ tự về sau có mười chủng tộc Chuyển luân thánh vương: 1. Già-nâu-chi. 2. Đa-lâu-tỳ-đế. 3. A-thấp-tỳ. 4. Càn-đà-la. 5. Già-lăng-ca. 6. Chiêm-tỳ. 7. Câu-la-bà. 8. Bát-xà-la. 9. Di-tất-lê. 10. Ý-sư-ma.

Già-nâu-chi theo thứ tự tương thừa có năm Vua. Đa-lâu-tỳ-đế theo thứ tự có năm Vua. A-thấp-tỳ có bảy Vua. Càn-đà-la có tám Vua. Già-lăng-ca có chín Vua. Chiêm-tỳ có mười bốn Vua. Câu-la-bà có ba mươi mốt Vua. Bát-xà-la có ba mươi hai Vua. Di-tất-lê, theo thứ tự có 84.000 Vua. Vua Ý-sư-ma, theo thứ tự có 100 Vua. Từ Vua Ý-sư-ma về sau có nhà Vua tên là Đại Thiện Sanh. Vua Đại Thiện Sanh có con tên là Ý-sư-ma. Vua Ý-sư-ma có con tên là Ưu-la-đà. Ưu-la-đà có con tên là Cù-la. Cù-la có con tên là Ni-phù-la. Ni-phù-la có con tên là Sư Tử Giáp[6]. Sư Tử Giáp có con tên là Duyệt-đầu-đàn. Duyệt-đầu-đàn có con tên là Bồ-tát. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la.

---o0o---

II. TRUYỆN ĐỨC THÍCH TÔN

1. Xuất gia và thành đạo

i. Vương tử họ Thích

Bồ-tát là con nhà họ Thích, bên cạnh Tuyết sơn, quốc giới phía bắc; thuộc dòng dõi hào quý, cha mẹ chơn chánh, các tướng đầy đủ. Khi vừa mới sanh, các thầy tướng bà-la-môn đều đến xem tướng. Họ luận đoán: «Đại vương, hài nhi đây có đầy đủ ba mươi hai tướng của đại nhơn. Người có tướng này sẽ hướng đến hai con đường, chắc chắn không sai. Một là, nếu không xuất gia, sẽ là Vua Sát-lợi Quán đảnh[7] Chuyển luân thánh vương, có khả năng chinh phục tất cả, làm chủ bốn thiên hạ, được gọi là Pháp vương[8], vì chúng sanh mà làm vị Tự tại[9] , đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu là: 1. Luân bảo, 2. Tượng bảo, 3. Mã bảo, 4. Châu bảo, 5. Ngọc nữ bảo, 6. Chủ tàng thần bảo, 7. Điển binh bảo. Thái tử có đầy đủ một ngàn người con hùng mãnh, dũng kiện có khả năng đẩy lui tất cả quân địch trên lãnh thổ, không cần dùng đao trượng, tự xử dụng sức của mình, bằng chánh pháp cai trị giáo hóa, không hề có sự sợ hãi khi hành vương sự. Nhà Vua thi hành mọi việc một cách tự tại, không hề khiếp nhược. Hai là, nếu Thái tử xuất gia, sống không gia đình, thì sẽ thành bậc Vô thượng Chánh chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Ngài, ở giữa các chúng hội của Ma, của Phạm, của sa-môn, bà-la-môn, chúng hội chư thiên và loài người, đã tự thân chứng ngộ, tự thân an lạc, rồi vì chúng sanh nói pháp; pháp ấy, khoảng đầu,

khoảng giữa và khoảng cuối đều thiện xảo, có đủ nghĩa và vị, với phạm hạnh được hiển hiện.»

Bấy giờ, Vua nước Ma-kiệt là Bình-sa[10] lo ngại các nước ở biên giới; sai người thám sát khắp nơi. Nhà Vua nghe quân thám sát tâu rằng, dưới chân Tuyết sơn, quốc giới phía bắc, có một người con trai dòng họ Thích, dòng dõi hào quý, cha mẹ chơn chánh, có đủ ba mươi hai tướng đại nhơn. Các thầy xem tướng nói như trên.

Bấy giờ, quân thám sát đến tâu với Vua rằng:

«Đại vương nên biết, dưới chân Tuyết sơn, quốc giới phía bắc, có một người con trai dòng họ Thích, dòng dõi hào quý, cha mẹ chơn chánh, có đủ ba mươi hai tướng đại nhơn, như trên đã nói. Nay nhà Vua nên tìm cách trừ khử người kia đi. Nếu không, sợ sau này sẽ gây hại cho Vua. Việc mất nước, mất đất, sẽ do từ đây phát sinh.»

Vua nói:

«Làm thế nào mà trừ khử được! Nếu vị kia không xuất gia, sẽ là vua Sát-lợi quán đảnh, làm Chuyển luân thánh vương, có đủ bảy báu, thống lãnh bốn thiên hạ, là bậc Tự tại, không hề khiếp nhược. Ta sẽ là thần thuộc phục mệnh. Nếu vị ấy xuất gia học Đạo, chắc thành bậc Vô thượng Chí chơn, Đẳng chánh giác, nói pháp cho mọi người; pháp ấy, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, đều thiện xảo. Ta sẽ làm đệ tử của vị ấy.»

Theo thời gian Bồ-tát khôn lớn, các căn đầy đủ. Từ chỗ nhàn tịnh, Ngài suy nghĩ: «Nay, Ta xét thấy thế gian này thật là khổ não. Có sanh, có già, có bệnh, có chết. Chết đây sanh kia. Do thân này mà biên tế của khổ không được chấm dứt. Làm thế nào để chấm dứt cái thân khổ này?»

---o0o---

ii. Xuất gia tầm đạo

Lúc bấy giờ, Bồ-tát vừa tuổi thanh xuân, đầu tóc đen mướt, tướng mạo thù đặc, đang thời thịnh tráng, mà tâm không ham muốn dục lạc. Cha mẹ sầu ưu khóc lóc, không muốn để Bồ-tát xuất gia học đạo.

Rồi thì, Bồ-tát cưỡng ý cha mẹ, tự mình cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, từ bỏ gia đình để sống không gia đình. Bồ-tát du hành, dần dà đi từ biên giới nước Ma-kiệt đến thành La-duyệt[11] . Nghỉ đêm tại núi kia[12] . Sáng sớm tinh sương, Ngài khoác ca-sa, bưng bát, vào thành La-duyệt khất thực. Tướng mạo cực kỳ đẹp đẽ. Co duỗi, cúi ngước, bước đi ung dung, nhìn thẳng trước mà đi tới, không liếc ngó hai bên. Khi ấy, Vua Ma-kiệt ở trên lầu cao, các đại thần vây quanh trước sau. Vua từ xa nhìn thấy Bồ-tát vào thành khất thực. Co duỗi, cúi ngước, bước đi ung dung, nhìn thẳng trước mà đi tới, không liếc ngó hai bên. Thấy vậy, nhà Vua nói bài kệ khen ngợi cho các đại thần nghe:

Các ngươi xem người kia,

Cử chỉ Thánh tuyệt vời.

Tướng hảo thật trang nghiêm;

Chẳng phải hàng hạ tiện.

Nhìn thẳng, không liếc ngó;

Trực chỉ tiến bước lên.

Vua liền sai người hỏi:

Tỳ-kheo muốn đi đâu?

[780a1]Người sứ được Vua sai

Theo sau chân tỳ-kheo;

Xem tỳ-kheo đến đâu,

Nghỉ đêm ở chỗ nào?

Xin xong khắp mọi nhà,

Các căn định, trầm tĩnh.

Bát cơm nhanh chóng đầy;

Ý chí thường vui tươi.

Sau khi khất thực xong,

Thánh liền ra khỏi thành.

Trên núi Ban-trà-bà[13],

Sẽ tạm nghỉ nơi đây.

Biết chỗ tỳ-kheo nghỉ;

Một người ở lại đó,

Một người trở về tâu.

Để nhà Vua biết rõ

Tỳ-kheo hiện nghỉ đêm

Tại núi Ban-trà-bà.

Nằm ngồi như sư tử;

Như cọp tại rừng sâu.

Vua nghe sứ thần tâu,

Lệnh trang hoàng cỗ voi.

Cùng quân hầu tùy tùng,

Đồng đến lễ Bồ-tát.

Khi đến hỏi chào xong,

Rồi ngồi qua một bên.

Sau khi chào hỏi rồi,

Vua lại nói như sau:

«Xem Ngài đang tráng thịnh,

Các hành rất thanh tịnh;

Lẽ đáng ngự đại xa

Quần thần hầu giá nghiêm.

Tướng mạo rất đoan chánh,

Tất sanh dòng Sát-lợi?»

«Nay tôi trả lời ngài;

Xin nói quê hương mình.

Nay phía Bắc núi Tuyết,

Có nước Đại vương trị.

Nay ở Bắc tuyết sơn

Họ cha gọi là Nhật[14]

Sinh xứ là Thích-ca.

Tài bảo, kỹ thuật đủ,

Cha mẹ đều chơn chánh.

Bỏ nhà, tầm học đạo;

Không ưa chốn ngũ dục.

Xem dục nhiều khổ não.

Ly dục thường an ổn.

Tìm cầu chỗ diệt dục,

Là tâm ý của tôi.».

Bấy giờ, nhà Vua nói với Thái tử rằng:

«Nay ngài hãy ở lại đây. Tôi sẽ chia cho phân nửa nước.»

Bồ-tát trả lời:

«Tôi không thể nghe theo lời đó được.»

Nhà Vua lại nói:

«Ngài có thể làm Đại vương. Nay tôi cho ngài trọn nước và tất cả những sở hữu. Tôi dở luôn cả vương miện báu này tặng ngài. Ngài ở ngôi vương vị để trị vì. Tôi sẽ làm thần hạ.»

Bồ-tát trả lời:

«Tôi bỏ ngôi vị Chuyển luân vương để xuất gia học đạo, đâu có thể ham ngôi vị Vua nơi biên quốc mà sống ở thế tục. Này Vua nên biết, cũng như có người đã từng thấy nước trong đại hải, sau thấy nước trong vũng chân trâu, đâu có thể sanh tâm nhiễm trước. Việc này cũng như vậy. Tôi há lại bỏ ngôi Chuyển luân vương để nhận ngôi vị tiểu vương chư hầu[15] . Việc này không thành vậy!»

Bấy giờ, nhà Vua thưa rằng:

«Nếu người thành Vô thượng đạo, thì đến thành La-duyệt này trước, để tôi được thăm.»

Bồ-tát trả lời:

«Được.»

Nhà Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ sát chân Bồ-tát, nhiễu ba vòng, rồi cáo lui.

Bấy giờ, có người tên là A-lam-ca-lam[16] là bậc thầy trong mọi người, dạy cho các đệ tử môn thiền định vô sở hữu xứ[17] . Bồ-tát đến chỗ của A-lam-ca-lam thưa hỏi:

«Ngài dạy các đệ tử bằng những pháp gì, khiến cho họ chứng đắc?»

A-lam-ca-lam trả lời:

«Này Cù-đàm, tôi nói cho các đệ tử về định vô sở hữu, khiến cho họ chứng đắc.»

Bấy giờ, Bồ-tát liền nghĩ: «Đâu phải chỉ có A-lam-ca-lam có lòng tin, mà nay Ta cũng có lòng tin. Đâu phải chỉ có A-lam-ca-lam có tinh tấn, mà Ta cũng có tinh tấn. Đâu phải chỉ có A-lam-ca-lam có trí tuệ, mà nay Ta cũng có trí tuệ. Nay, A-lam-ca-lam bằng pháp này mà chứng đắc, Ta há không tịnh tọa tư duy, bằng trí tuệ, mà chứng đắc. Nay, Ta cần siêng năng tinh tấn để chứng pháp này.» Bồ-tát liền nổ lực tinh tấn, không bao lâu, chứng đắc pháp này. Khi Bồ-tát chứng đắc rồi, đến chỗ A-lam-ca-lam nói:

«Ngài chỉ chứng pháp vô sở hữu định này và nói cho người phải không?»

A-lam-ca-lam trả lời:

«Tôi chỉ có pháp này. Ngoài ra không có pháp nào nữa.»

Bồ-tát nói:

«Tôi cũng đã chứng pháp vô sở hữu định này. Nhưng không nói cho người khác.»

A-lam-ca-lam hỏi:

«Cù-đàm, thật sự người đã chứng vô sở hữu định này nhưng không nói cho người chăng? Tôi cũng chứng vô sở hữu định này nhưng tôi mà nói cho người khác. Cù-đàm, những gì tôi biết thì người cũng biết. Những gì người biết thì tôi cũng biết. Người như tôi. Tôi như người. Này Cù-đàm, người có thể cùng tôi lo Tăng sự[18] chăng?»

Bấy giờ, A-lam-ca-lam sanh lòng hoan hỉ, cung kính thừa sự Bồ-tát, coi ngang hàng với mình.

Rồi thì, Bồ-tát lại nghĩ: «Loại thiền định vô sở hữu này không phải là pháp tịch diệt, không ly dục, chẳng phải là diệt tận, chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng thể thành Đẳng chánh giác, chẳng phải là sa-môn, chẳng phải là nơi chứng đắc Niết-bàn. Ta không thích pháp này.» Bồ-tát bèn bỏ A-lam-ca-lam ra đi để cầu pháp cao siêu hơn.

Bấy giờ, có Uất-đầu-lam Tử[19] là bực thầy đứng đầu ở trong đại chúng. Vị này sau khi thầy mạng chung, dạy các đệ tử của thầy về loại thiền định phi tưởng phi phi tưởng xứ[20] . Bồ-tát đến chỗ Uất-đầu-lam Tử thưa hỏi:

«Thầy của Ngài dạy đệ tử bằng những pháp gì?»

Uất-đầu-lam Tử trả lời:

«Thầy của tôi dạy các đệ tử môn thiền định phi tưởng phi phi tưởng xứ.»

Bồ-tát nghĩ rằng: «Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử có lòng tin mà ta cũng có lòng tin. Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử có tinh tấn mà ta cũng có tinh tấn. Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử có trí tuệ mà ta cũng có trí tuệ. Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử chứng pháp này mà vì người nói. Ta há không thể chứng pháp này. Nay Ta có thể nổ lực tinh tấn để chứng pháp này.» Bồ-tát liền nổ lực tinh tấn, không bao lâu chứng được pháp này.

Bấy giờ, Bồ-tát đến chỗ Uất-đầu-lam Tử hỏi:

«Ngài chỉ có môn thiền định phi tưởng phi phi tưởng xứ này, hay còn có pháp nào nữa?»

Uất-đầu-lam Tử trả lời:

«Cù-đàm, tôi chỉ có pháp này. Ngoài ra không có pháp nào nữa.»

Bồ-tát hỏi:

«Nay, tôi cũng đã chứng định phi tưởng phi phi tưởng xứ này.»

Uất-đầu-lam Tử nói:

«Người thật sự có định phi tưởng phi phi tưởng nầy rồi chăng? Thầy của Uất-đầu-lam Tử tôi cũng đã chứng nghiệm định phi tưởng phi phi tưởng xứ này. Những gì Thầy của tôi biết thì nay người cũng biết. Những gì người biết thì Uất-đầu-lam Tử cũng biết. Người giống như Uất-đầu-lam Tử, Uất-đầu-lam Tử cũng giống như người. Nầy Cù-đàm, nay người hãy cùng tôi trông coi Tăng sự này.»

Bấy giờ, Uất-đầu-lam Tử phát tâm hoan hỷ, thừa sự Bồ-tát, tôn lên bậc Thầy để thờ kính. Bấy giờ, Bồ-tát lại nghĩ: «Ta quán sát định phi tưởng phi phi tưởng xứ này chẳng phải là pháp tịch diệt, không ly dục, chẳng phải là diệt tận, chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng thể thành Đẳng chánh giác, chẳng phải là sa-môn, chẳng phải là nơi chứng đắc Niết-bàn. Ta không thích pháp này.»

Bồ-tát bỏ Uất-đầu-lam Tử ra đi để tìm cầu pháp cao siêu hơn.

Pháp thù thắng mà Bồ-tát tìm cầu, đó là pháp tịch tĩnh tối thượng[21] .

---o0o---

iii. Sáu năm khổ hạnh

Bồ-tát từ ranh giới Ma-kiệt du hóa về phương nam, đến núi Tượng đầu[2223] , Nơi đó, có một vùng đất sạch sẽ, bằng phẳng, xinh đẹp, khả ái; cỏ xanh non mềm mại đều xoay về phía hữu; ao tắm trong mát mẻ, nước sạch sẽ; vườn rừng rậm rạp bao quanh; thôn xóm dân cư ở xung quanh đông đảo. Thấy vậy, Bồ-tát nghĩ: «Thiện nam tử nào muốn tìm cầu nơi đoạn trừ kết sử, đây là chỗ tốt. Nay ta tìm cầu nơi đoạn trừ kết sử, đây chính là chỗ ta muốn. Nay ta có thể ngồi nơi đây để đoạn kết sử.» Bấy giờ có năm người đi theo Bồ-tát tự nghĩ rằng: «Nếu Bồ-tát thành đạo thì sẽ nói pháp cho chúng ta.» trong thôn Đại tướng, ở Uất-tì-la.

Bấy giờ, Uất-bề-la có bốn người con gái: một tên là Bà-la, hai tên là Uất-bà-la, ba tên là Tôn-đà-la, bốn tên là Kim-bà-già-la đều [781a1] để ý vào Bồ-tát, tự nghĩ: «Nếu Bồ-tát xuất gia học đạo chúng ta sẽ làm đệ tử. Nếu Bồ-tát không xuất gia học đạo, ở tại gia theo thế tục thì chúng ta sẽ là thê thiếp.»

Ở đây, Bồ-tát khổ hạnh sáu năm, nhưng vẫn không chứng được pháp thù thắng của Thánh trí tăng thượng. Rồi Bồ-tát nhớ lại. Xưa kia, nơi bờ ruộng, chỗ phụ vương hạ điền, ngài ngồi dưới bóng cây Diêm-phù, với sự ly dục, ly

pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly[24] , ngài chứng nghiệm và an trú Sơ thiền.

Bồ-tát lại nghĩ: «Có con đường nào để từ đó đạt được dứt sạch nguồn gốc khổ?» Lại nghĩ tiếp, «Con đường này sẽ dẫn đến chỗ dứt sạch nguồn gốc khổ.» Rồi Bồ-tát liền nổ lực tinh tấn tu tập trí này; từ con đường này, sẽ dứt sạch được nguồn gốc khổ.

Bồ-tát lại nghĩ: «Có hay chăng, nhân bởi pháp bất thiện, ái dục, mà đạt được pháp an lạc?» Rồi lại nghĩ: «Không thể do bởi pháp bất thiện, ái dục, mà đạt được pháp an lạc.»

Ngài lại nghĩ, «Có phải chăng, do tập hành vô dục, xả pháp bất thiện, mà đạt được pháp an lạc? Nhưng Ta không do bởi sự tự hành khổ thân này mà đạt được pháp an lạc. Nay, Ta có nên ăn một ít cơm, bánh bột, để có được sức khoẻ trở lại chăng?»

Sau đó Bồ-tát bắt đầu ăn một ít cơm khô[25] để có được sức khỏe. Khi Bồ-tát ăn một ít thức ăn đó, năm người đi theo đều thất vọng và từ bỏ Bồ-tát ra đi, nói với nhau rằng: «Sa-môn Cù-đàm cuồng mê mất đạo. Đâu còn có đạo chơn thật nữa.»

---o0o---

iv. Thành Đẳng chánh giác

Bấy giờ, Bồ-tát đã phục hồi sức lực rồi, liền đến nơi dòng nước sông Ni-liên-thiền[26] tắm rửa thân thể. Sau đó, lên bờ, đến dưới bóng cây Bồ-đề. Khi ấy, cách gốc cây không xa có một người cắt cỏ tên là Cát An[27] , Bồ-tát đến trước người này nói:

«Tôi cần cỏ. Ông làm ơn cho tôi một ít.»

Cát An thưa:

«Được, tốt lắm!»

Không chút luyến tiếc, Cát An trao cỏ cho Bồ-tát.

Bồ-tát đem cỏ đến dưới bóng cây Cát tường[28] , trải cỏ ngồi thẳng người, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bồ-tát trừ dục ái, trừ pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do sự viễn ly[29] , chứng và an trú Sơ thiền. Đó gọi là Bồ-tát đạt được pháp thiện thù thắng đầu tiên. Tại sao vậy? Vì nhờ buộc ý chuyên niệm, không phóng dật.

Bấy giờ, Bồ-tát lại trừ bỏ giác, quán[30] , đạt được nội tín[31] , có hỷ lạc do định sanh[32] , với không giác quán, chứng và an trú Nhị thiền. Đó là Bồ-tát đạt được pháp thiện thù thắng thứ hai. Tại sao vậy? Vì buộc ý, chuyên niệm, không phóng dật.

Rồi Bồ-tát trừ bỏ hỷ[33] , an trú xả, chánh niệm chánh tri, thân cảm giác lạc, mà bậc Thánh nói là xả, niệm, an trụ lạc[34] , chứng và an trú Tam thiền. Đó là Bồ-tát đạt được thắng pháp thứ ba. Tại sao vậy? Vì nhờ buộc ý, chuyên niệm, không phóng dật.

Rồi Bồ-tát xả khổ lạc, dứt ưu hỷ đã cảm thọ từ trước, không khổ không lạc, với xả, niệm thanh tịnh[35] , chứng và an trú Tứ thiền. Đó gọi là Bồ-tát đạt được thắng pháp thứ tư này. Tại sao vậy? Vì nhờ buộc ý, chuyên niệm, không phóng dật.

Bấy giờ, với tâm định tĩnh như vậy[36] , Bồ-tát trừ sạch các kết sử, thanh tịnh không còn tỳ vết, được sử dụng một cách nhuần nhuyễn[37] , an trụ kiên cố, chứng trí túc mạng, nhớ biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai chục đời, ba chục đời, bốn chục đời, năm chục đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời; kiếp thành, kiếp bại, vô số kiếp thành, vô số kiếp bại, vô số kiếp thành bại, «Ta đã từng sanh nơi kia, có tên như vậy, họ như vậy, sanh như vậy, thức ăn như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng như vậy, sống ở đời dài vắn như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy; từ nơi này chết, tái sinh nơi kia; từ nơi kia chết, tái sanh nơi này, với tướng mạo như vậy.» Ngài nhớ biết vô số việc của mạng sống đời trước.

Bấy giờ, Bồ-tát lúc đầu đêm đạt được minh ban đầu này, vô minh diệt và minh phát sanh, bóng tối hết ánh sáng xuất hiện. Đó gọi là sự chứng túc mạng thông. Tại sao vậy? Vì nhờ tinh tấn, không phóng dật.

Lại với tâm định tĩnh của tam-muội, thanh tịnh không tỳ vết, không kết sử, các cấu bẩn đã sạch, được sử dụng nhuần nhuyễn, an trụ kiên cố, Bồ-tát biết sự sống, sự chết của chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, Ngài xem thấy

sự sống sự chết của chúng sanh[38] , với hình sắc đẹp, hình sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc sang hoặc hèn, tùy thuộc vào hành động của chúng sanh, tất cả đều biết rõ. Bồ-tát tự quán sát biết chúng sanh này, do thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, tà kiến, hủy báng hiền thánh, tạo nghiệp báo tà kiến; thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Bồ-tát lại quán sát chúng sanh, do thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện; chánh kiến, không hủy báng hiền thánh, tạo nghiệp báo chánh kiến; thân hoại mạng chung sanh trong thiên thượng, nhơn gian. Bằng thiên nhãn thanh tịnh như vậy, Ngài quán sát thấy sự sống, chết của chúng sanh tùy theo nghiệp mà chúng đã làm. Đó gọi là, vào lúc nửa đêm, Bồ-tát đạt được minh thứ hai này, vô minh hết, minh phát sanh, bóng tối hết, ánh sáng xuất hiện. Tức là trí thiên nhãn nhìn thấy chúng sanh. Tại sao vậy? Vì nhờ tinh tấn, không phóng dật.

Lại với tâm định tĩnh của tam-muội, thanh tịnh không tỳ vết, không kết sử, các cấu bẩn đã sạch, được sử dụng nhuần nhuyễn, an trụ kiên cố, Bồ-tát đạt được lậu tận trí hiện tiền. Với tâm duyên trí lậu tận, Ngài biết như thật rằng, «Đây là khổ», «Đây là tập», «Đây là khổ diệt», «Đây là con đường đưa đến khổ diệt.» Do Bồ-tát biết như vậy, quán như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu. Đã giải thoát, biết rõ là đã giải thoát, biết rằng, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa. Đó là, vào lúc cuối đêm, Bồ-tát đạt được minh thứ ba này, vô minh diệt, minh phát sanh, bóng tối hết, ánh sáng phát sanh. Đó là trí lậu tận. Tại sao? Vì nhờ Như lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, phát khởi trí này, đạt được vô ngại giải thoát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ này đoạn tận tất cả các lậu, trừ tất cả kết sử. Dưới bóng cây Bồ-đề, ngồi kết già bảy ngày, bất động, hưởng thọ an lạc của giải thoát.

---o0o---

v. Hai người khách thương

Qua bảy ngày, Thế Tôn xuất khỏi định tâm. Trong bảy ngày chưa ăn thứ gì. Bấy giờ, có hai anh em lái buôn, một người tên là Trảo, một người tên là Ưu-ba-ly[39] , điều khiển năm trăm chiếc xe chở tài bảo đi ngang qua cách cây Bồ-đề không xa. Bấy giờ có vị thần cây chí tín đối với đức Phật, là tri thức quen biết từ lâu đối với hai khách buôn này. Muốn khiến cho hai người khách buôn được Phật độ, ông đến chỗ hai người, nói:

«Các ông biết chăng? Đức Thích-ca Văn[40] Phật, Như Lai, Đẳng chánh giác, trong bảy ngày đã thành tựu tất cả các pháp. Trong bảy ngày ấy cũng chưa ăn thứ gì. Các ông có thể đem mật ong, cơm khô phụng hiến Như lai, để các ông được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.»

Hai anh em người lái buôn nghe vị thần cây nói như vậy, hoan hỷ; liền đem mật ong và cơm khô[41] đến cây Bồ-đề để phụng hiến. Từ xa trông thấy đức Như Lai tướng mạo khác thường, các căn tịch định, với sự điều phục tối thượng, như con voi được điều phục thuần thục không còn hung hăng, như nước được lóng trong không có bụi nhơ. Thấy vậy, họ phát tâm hoan hỷ đối với đức Như Lai. Họ đến trước đức Như Lai, đảnh lễ rồi, đứng qua một bên, hai người lái buôn bạch đức Thế Tôn:

«Chúng con xin phụng hiến mật ong và cơm khô. Ngài thương xót thâu nhận cho.»

Đức Thế Tôn lại nghĩ như vầy: «Mật ong và cơm khô do hai người này dâng cúng; lấy thứ gì đựng đây?» Đức Thế Tôn lại nghĩ tiếp: «Quá khứ, [782a1] chư Phật Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, dùng vật gì để đựng thức ăn? Chư Phật Thế Tôn không dùng tay để nhận thức ăn.» Bấy giờ, Tứ Thiên vương đứng hai bên, biết đức Phật nghĩ như vậy, liền đến bốn phương, mỗi vị lấy một bình bát bằng đá đem đến dâng lên đức Thế Tôn và bạch rằng:

«Cúi xin Ngài lấy bình bát này để nhận mật ong và cơm khô của người lái buôn.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn với lòng từ mẫn, liền nhận bốn chiếc bát của Tứ Thiên vương, rồi hiệp lại thành một cái để nhận mật ong và cơm khô của người lái buôn. Nhận thức ăn bằng lương khô trộn với mật của người lái buôn rồi, nhơn cơ hội này đức Phật khai hóa họ bằng lời chú nguyện rằng:

Ai sở hành bố thí

Chắc chắn được lợi ích

Ai vì lạc bố thí,

Sau tất được an lạc.

«Này Thương khách, nay các người hãy quy y Phật, quy y Pháp.»

Hai người lái buôn liền nhận lời dạy của đức Phật thưa:

«Bạch đại đức! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp.»

Đó là, trong những người Ưu-bà-tắc đầu tiên nhận lãnh hai quy y, chính là hai anh em người lái buôn này.

Bấy giờ, hai người lái buôn bạch với đức Phật rằng:

«Nay chúng con muốn về lại quê nhà. Nếu khi về đến nơi rồi, muốn làm phước thì làm thế nào? Muốn lễ kính cúng dường thì lễ kính cái gì?»

Đức Thế Tôn biết ý muốn của họ, Ngài liền đem móng tay và tóc cho và nói rằng:

«Các ngươi đem vật này về đó, làm phước, lễ bái, cung kính cúng dường.»

Bấy giờ, hai người lái buôn tuy nhận tóc và móng tay, nhưng không thể chí tâm cúng dường vì nghĩ rằng: «Tóc và móng tay là những vật mà người đời coi rẻ, vất bỏ. Sao đức Thế Tôn lại bảo chúng ta cúng dường!»

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm của người lái buôn nghĩ như vậy, nên Ngài liền nói với hai người lái buôn:

«Các ngươi chớ nên có tâm niệm coi thường tóc và móng tay của Như Lai như thế, cũng đừng nói, tại sao vật người đời vất bỏ mà Như Lai bảo chúng ta cúng dường. Các người nên biết, khắp cả thế giới bao gồm cả Ma chúng, Phạm chúng, sa-môn, bà-la-môn chúng, trời và người, đối với tóc cũng như móng tay của Như Lai đều cung kính cúng dường, khiến cho tất cả bao gồm cả Ma chúng, Phạm chúng, sa-môn, bà-la-môn chúng, đều được công đức không thể kể xiết.»

Người lái buôn bạch Phật:

«Sự cúng dường tóc và móng tay này có những chứng nghiệm gì?» Đức Phật dạy người lái buôn:

vi. Nhân duyên quá khứ

«Này khách thương, thuở quá khứ xa xưa, có một nhà Vua tên là Thắng Oán, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề. Lúc bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề, lúa gạo đầy đủ, nhơn dân hưng thạnh, cuộc sống rất là vui sướng. Cõi nước có tám mươi bốn ngàn thành quách, năm mươi lăm ức thôn xóm, sáu vạn quốc thổ nhỏ. Cung thành Vua Thắng Oán ở tên là Liên hoa, từ đông sang tây mười hai do-tuần, từ nam qua bắc bảy do-tuần. Đất đai phì nhiêu, lúa gạo đầy đủ, nhơn dân hưng thạnh, cõi nước an lạc, vườn rừng sum sê, thành quách kiên cố, ao nước mát mẻ, mọi thứ đầy đủ, đường sá hanh thông.

«Khách thương, các ngươi nên biết, bấy giờ Vua Thắng Oán có người bà-la-môn làm đại thần tên là Sư[42] -diêm-phù-bà-đề. Người này, lúc Vua còn bé nhỏ, cùng nhau vui đùa rất thân hậu. Sau khi làm đại thần, nhà Vua chia cho phân nửa nước. Vị đại thần nhận được phân nửa nước rồi, liền xây dựng thành quách cho quốc gia mình từ đông sang tây dài mười hai do tuần, từ nam đến bắc rộng bảy do tuần, lúa gạo dư dật, nhơn dân hưng thạnh, quốc độ an lạc, vườn rừng sum sê, thành quách kiên cố, nước ao mát mẻ, mọi thứ đầy đủ, đường sá hanh thông. Đô thành tên là Đề-bà-bạt-đề, đẹp đẽ hơn đô thành Liên hoa.

«Khách thương nên biết, Vua không có người kế thừa, nên đi đến các miếu thờ thần, các thần suối, thần sông, thần núi, thần hà thủy, thần ao hồ, mãn thiện thần, bảo thiện thần, mặt trời, mặt trăng, Đế Thích, Phạm thiên, hỏa thần, phong thần, thủy thần, Ma-hê-thủ-la thần, thần vườn, thần rừng, thần chợ, thần ngả tư, thần thành, quỉ tử mẫu, miếu thờ Trời, miếu thờ phước thần, đều cầu khẩu, cho được sanh con trai. Sau đó, đệ nhất phu nhân có thai. Người phụ nữ có ba thứ trí tuệ như thật không hư dối: một là biết mình có thai, hai là biết từ đâu có thai, ba là biết đàn ông có ái dục đối với mình. Bấy giờ phu nhân đến thưa với nhà Vua rằng: ‹Thưa đại vương, tôi vừa có thai.› Nhà Vua nói: ‹Tốt lắm, tốt lắm!› Vua liền ra lệnh cho các quan tả hữu cung cấp cung phụng nhiều thức ăn, y phục, ngọa cụ, tất cả những nhu cầu cho phu nhơn đều là những thứ tốt nhất. Mười tháng trôi qua, phu nhơn hạ sanh một hài nhi nam, xinh đẹp cực kỳ, hy hữu trong đời. Vừa mới sanh, không ai đỡ mà hài nhi tự mình đứng dậy, đi bảy bước và nói: ‹Trong thiên thượng thế gian, tôi là bậc tối tôn tối thắng. Tôi sẽ độ tất cả chúng sanh khỏi khổ sanh-lão-bệnh-tử.› Tức thì được hiệu là Định Quang Bồ-tát.

«Khách thương nên biết, bấy giờ quốc vương liền đòi các thầy tướng giỏi trong dòng bà-la-môn đến nói: ‹Các người nên biết, phu nhân của ta vừa sanh ra, sanh một nam hài nhi, tướng mạo xinh đẹp, hiếm có trên đời. Vừa mới sinh không ai đỡ mà tự mình đứng dậy đi bảy bước và nói: ‹Trong thiên thượng thế gian, tôi là bậc tối tôn tối thắng. Tôi sẽ độ tất cả chúng sanh khỏi khổ sanh-lão-bệnh-tử.› Các người rành nghề tướng số, xem tướng hài nhi cho ta.› Các thầy tướng tâu nhà Vua rằng: ‹Xin Đại vương cho bồng hài nhi ra để chúng tôi xem.› Nhà Vua liền đích thân vào cung bồng hài nhi ra để cho các thầy tướng xem. Các thầy tướng xem xong, tâu với Vua: ‹Đại vương sanh hài nhi này, có đại thần lực, có đại phước công đức, sở nguyện đều đầy đủ. Nếu Vương tử này ở tại gia sẽ là vua Sát-lợi quán đảnh, làm vị Chuyển luân vương bảy báu đầy đủ, thống lãnh bốn thiên hạ, có ngàn người con, dũng kiện, hùng mãnh, có thể đánh bại các địch thủ, dùng pháp trị mà không cần đến đao trượng. Nếu xuất gia, thì sẽ thành Như lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, bậc Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Ở giữa các chúng hội của chư thiên và loài người, giữa các chúng Ma thiên, Phạm thiên, bà-la-môn, Ngài tự thân tác chứng, tự thành tựu rồi nói pháp; pháp ấy thượng-trung-hạ đều thiện, có nghĩa có vị, với phạm hạnh được hiển hiện.›

«Khách thương nên biết, bấy giờ Vua khen thưởng cho bà-la-môn rồi, sai bốn bà vú nuôi, bồng ẵm, chăm sóc Bồ-tát Định Quang. Bà thứ nhất bồng ẵm, bà thứ hai tắm rửa, bà thứ ba cho bú, bà thứ tư dẫn đi chơi. Bà vú bồng ẵm có phận sự bồng ẵm, xoa bóp, khiến cho tất cả bộ phận trong cơ thể đều được ngay thẳng. Bà vú tắm rửa có phận sự tắm rửa, giặt giũ áo quần. Bà vú cho bú có phận sự tùy thời cho bú. Bà vú dẫn đi chơi có bổn phận cùng các công tử tập cỡi voi, cỡi ngựa, cỡi xe, đi kiệu và các thứ tạp bảo, nhạc khí, các loại máy móc. Với tất cả các thứ đầy đủ như vậy để phục vụ cho Bồ-tát Định Quang vui chơi. Mỗi khi đi, có người cầm lọng báu hình con công đi theo.

«Khách thương nên biết, Bồ-tát Định Quang khi vừa tám tuổi, mười tuổi, được dạy các thứ kỹ thuật, kinh sách, toán số, ấn, họa, ca vũ, trống, đàn, cách cỡi ngựa, cỡi voi, cỡi xe, bắn cung, giác đấu. Tất cả các kỹ thuật, không một thứ nào Bồ-tát không tinh luyện.

«Khách thương nên biết, khi Định Quang tuổi được mười lăm, mười sáu, Vua liền cho xây cất ba cung điện mùa, cho đông, hạ và xuân; cấp hai vạn thế nữ để vui chơi. Tạo vườn ao dọc ngang mười hai do tuần. Tất cả loại cây

hoa, cây ăn trái, cây tỏa hương, tất cả cây kì lạ toàn cõi Diêm-phù-đề đều đem về trồng nơi vườn đó.

«Khách thương nên biết, vị trời Thủ-đà-hội[43] hằng ngày đến hầu hạ, hộ vệ. Vị trời ấy nghĩ: ‹Nay Bồ-tát ở tại gia đã lâu rồi, ta nên làm cho Bồ-tát sinh yếm [783a1] ly. Bồ tát sau khi đã yếm ly, sẽ sớm xuất gia, cạo bỏ râu tóc khoác áo ca-sa, tu đạo vô thượng.› Chờ khi Bồ-tát vào phía sau vườn, vị trời liền hóa thành bốn người, một người già, một người bệnh, một người chết và một người sa-môn xuất gia. Bồ-tát thấy bốn người như vậy rồi, lòng sanh ưu sầu, nhàm chán sự khổ của cuộc đời: ‹Xem đời như vậy rồi, có gì để tham luyến?›

«Khách thương nên biết, Bồ-tát nhàm chán rồi, ngay ngày ấy xuất gia, nội nhật thành đạo vô thượng.

«Khách thương nên biết, Đức Như Lai Định Quang, Chí nhơn, Chánh đẳng chánh giác, quan sát khắp tất cả chưa có người nào thích hợp, để vì họ chuyển Pháp luân vô thượng hóa độ. Bấy giờ, cách thành Đề-bà-bạt-đề không xa, Định Quang Như Lai hóa làm một thành lớn, cao rộng, tốt đẹp, treo tràng phan bảo cái, khắp nơi chạm trổ hình tượng các loài chim hay các loài thú; ao hồ; vườn cây trái; trong sạch nhiệm màu hơn hẳn thành Đề-bà-bạt-đề. Như Lai hóa làm dân, tướng mạo hình sắc cũng hơn nhơn dân của nước kia, khiến nhơn dân của nước mình cùng nhau tới lui giao tiếp thân hữu.

«Khách thương nên biết, Đức Định Quang Như Lai quán sát nhơn dân trong thành Đề-bà-bạt-đề, thấy các căn đã thuần thục, liền khiến cái thành hóa bỗng nhiên phát hỏa. Nhân dân trong thành Đề-bà-bạt-đề thấy sự việc như vậy lòng ôm sầu ưu, sanh tâm yểm ly. Đức Như Lai Định Quang trong bảy ngày độ sáu mươi sáu na-do tha người, năm mươi lăm ức Thanh văn.

«Khách thương nên biết, bấy giờ đức Như Lai Định Quang nổi tiếng vang lừng, giáp khắp mười phương, mọi người đều nghe biết. Tất cả đều xưng tụng rằng, ‹Định Quang Như Lai, là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Ngài, ở giữa tất cả thế giới, bao gồm Ma, hoặc Ma thiên, Phạm chúng, sa-môn, bà-la-môn, trời và người, đã tự thân tác chứng, và an trú, rồi thuyết pháp cho người; pháp ấy, khoảng đầu, chặng giữa và đoạn sau thảy đều thiện, có nghĩa có vị, với phạm hạnh được hiển hiện.›

«Khách thương nên biết, Đức Định Quang Như Lai, bình thường, từ thân phát ra ánh sáng chiếu trăm do-tuần. Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, ánh sáng chiếu vô lượng, khi nhiếp thu ánh sáng lại thì ánh sáng còn bảy thước.

«Khách thương nên biết, khi Vua Thắng Oán nghe trong cung của Vua Đề-diêm-bà-đề sanh một Thái tử, phước đức oai thần, các tướng đầy đủ, ngay trong ngày xuất gia liền thành bậc Vô thượng Chánh chơn, Đẳng chánh giác, tiếng đồn vang khắp, mọi người đều xưng tụng, ‹Đức Như Lai Định Quang là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác... cho đến phạm hạnh được hiển hiện.› Vua Thắng Oán liền sai sứ đến nơi Vua Đề-diêm-bà-đề nói: ‹Ta biết khanh sanh Thái tử phước đức oai thần, đầy đủ các tướng, ngay trong ngày xuất gia liền thành đạo quả... cho đến phạm hạnh hiển hiện, danh xưng vang lừng, đồn khắp mười phương. Nay ta muốn được xem Thái tử. Nếu khanh không cho Thái tử đến thì ta sẽ tự thân đến đó.› Bấy giờ, vua Đề-diêm-bà-đề nghe như vậy, ôm lòng sầu ưu, tập trung quần thần bàn thảo: ‹Các ngươi hãy suy nghĩ, chúng ta nên trả lời như thế nào? Và làm thế nào để vừa ý Vua kia?› Quần thần đề nghị: ‹Nên đến hỏi Như Lai Định Quang. Tùy theo lời Phật dạy thế nào thì chúng ta làm thế ấy.›

«Bấy giờ Vua Đề-diêm-bà-đề cùng các quần thần đến chỗ Phật Định Quang, đảnh lễ sát chân, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo Vua: ‹Vua thôi chớ sầu ưu. Ta sẽ tự thân đến đó.›

«Khách thương nên biết, bấy giờ, Vua Đề-diêm-bà-đề tại quốc nội suốt bảy ngày cúng dường y phục, ẩm thực, giường nằm, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh cho đức Như Lai Định Quang và Tăng tỳ-kheo, không thiếu một thứ gì.

«Khách thương nên biết, Đức Như Lai Định Quang sau bảy ngày cùng các tỳ-kheo du hành trong nhơn gian, đến bên ao của Long vương Dược Sơn.

«Khách thương nên biết, cung của Long vương này, dọc ngang năm trăm do tuần. Định Quang Như Lai và Tăng tỳ-kheo trụ nơi núi kia. Bấy giờ, Định Quang Như Lai phóng đại quang minh khắp soi ba ngàn đại thiên cõi nước, sáng chói không phân biệt ngày đêm. Khi các loại hoa, như hoa ưu-bát, bát-đầu-ma, cưu-vật-đầu, phân-đà-lợi, đều búp lại; và khi các loài chim không hót, thì biết đó là đêm. Khi các loài hoa như hoa ưu-bát v.v... nở và các loài chim hót, biết đó là ngày. Như vậy trải qua mười hai năm, không phân biệt được ban ngày ban đêm. Bấy giờ, Vua Thắng Oán liền tập hợp các đại thần

nói: ‹Ta nhớ xưa kia có ngày có đêm. Sao nay không có ngày, không có đêm. Khi các loài hoa ưu-bát nở, và các loài chim hót thì biết là ngày. Nếu hoa búp, chim không kêu, biết là đêm. Vì ta có làm điều gì lầm lỗi hay trong thế gian này có điều phi pháp, hoặc là các khanh có điều gì tội lỗi chăng? Các người cứ thành thật cho ta biết.› Chư thần tâu: ‹Vua cũng không có điều gì lầm lỗi. Nước cũng không có điều chi phi pháp. Chúng tôi cũng không có điều chi tội lỗi. Mà hiện nay Định Quang Như Lai ở trên núi Ha-lê-đà, bên cung Long vương, phóng đại hào quang, khắp soi ba ngàn đại thiên cõi nước. Do oai thần đó, khiến ngày đêm không phân biệt được. Muốn biết ngày đêm phải dựa vào hoa búp, chim không kêu là đêm; hoa nở, chim kêu là ngày. Vua không có lầm lỗi. Nước không có phi pháp. Chúng tôi cũng không có tội lỗi gì. Đây là oai thần của Định Quang Như Lai. Chúng ta không nên lo sợ.› Vua hỏi chư thần tả hữu:

“- Cung Long vương, núi Ha-lê-đà, cách đây xa gần?

Chư thần tâu:

“- Cách đây không xa, độ chừng ba mươi lí thôi.

«Vua truyền lệnh cho các quan tả hữu nghiêm chỉnh cỗ xe có gắn lông chim, nói:

“- Nay ta muốn đến đó để lễ bái Định Quang Như Lai.

«Các quan tả hữu tuân lệnh, liền nghiêm chỉnh cỗ xe có gắn lông chim, rồi đến tâu với nhà Vua:

“- Xa giá đã chuẩn bị xong. Tâu đại vương biết cho.

«Khách thương nên biết, Vua liền lên xe. Quần thần thị tùng, cùng đến cung Long vương trên núi Ha-lê-đà. Đoàn xe đi đến chỗ xe không đi được, Vua và đoàn tùy tùng xuống đi bộ đến cung Long vương.

«Khách thương nên biết, bấy giờ, Vua từ xa trông thấy Định Quang Như Lai tướng mạo đoan chánh, các căn tịch định. Thấy vậy Vua phát tâm hoan hỷ, liền đến trước đức Phật Định Quang, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự vì nhà Vua nói pháp vi diệu khuyến hóa, khiến hoan hỷ. Nhà Vua nghe Phật nói diệu pháp khuyến hóa hoan hỷ rồi, bạch Phật:

“- Nay đã đúng lúc, cung thỉnh đức Như Lai vào thành Liên Hoa.

«Định Quang Như Lai im lặng nhận lời Vua cung thỉnh. Vua Thắng Oán biết đức Phật nhận lời mời bằng cách im lặng rồi, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và cáo lui.

«Trở về lại quốc nội, ra lệnh cho nhân dân:

“- Các ngươi, đào đất đắp đường thật kiên cố, từ thành Liên hoa đến Dược sơn, hãy đào đất ngập đầu gối, rồi lấy chày nện cho chặt cứng. Dùng nước thơm rưới trên đất. Hai bên đường, trồng các loại cây hoa. Lề đường làm lan can. Đốt đèn dầu tốt để lên trên. Làm lò hương bằng bốn món báu, là kim, ngân, lưu ly, pha lê.

«Nhân dân nhận lệnh của Vua như trên. Rồi Vua liền tập hợp các đại thần bảo:

“- Các khanh phải trang hoàng đại thành Liên hoa này. Dọn dẹp tất cả các rác rưới, đất cát, sỏi đá bẩn nhớp. Dùng bùn đất tốt mịn trét lên trên mặt đất. Treo tràng phan, bảo cái. Xông các loại hương đặc biệt. Dùng các loại nệm dệt bằng lông để trải. Dùng các loại hoa tốt rải trên mặt đất.

«Quần thần vâng lệnh Vua mà trang trí. Vua Thắng Oán lại bảo các đại thần:

«Nhân dân trong quốc độ, cấm không cho người bán hương hoa. Nếu có người nào bán thì không được mua. Ai mua bán [784a1] sẽ bị trừng phạt. Tại sao vậy? Vì Trẫm muốn cúng dường Định Quang Như lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác.

«Bấy giờ, có vị đại thần bà-la-môn tên là Tự Thí, có nhiều tài bảo chơn châu, hổ phách, xa cừ, mã não, thủy tinh, kim, ngân, lưu ly, trân kỳ dị bảo, không thể kể xiết. Bà-la-môn kia trong mười hai năm tế tự, cầu rằng, ‹Trong nhơn gian, nếu có người nào có nhiều trí tuệ đệ nhất, ta sẽ đem cho bình bát bằng vàng đựng đầy thóc lúa bằng bạc; hoặc bát bằng bạc đựng đầy thóc lúa bằng vàng; và cả cái âu rửa cũng bằng vàng; bảo cái, guốc dép tốt đẹp lạ thường; còn hai tấm thảm đẹp, các loại tạp bảo làm song giường, luôn cả một cô gái trang nghiêm xinh đẹp tên là Tô-la-bà-đề; tất cả để biếu tặng cho vị ấy.›

«Lúc ấy, trong chúng hội tế tự, có một đại bà-la-môn đệ nhất thượng tọa, là đại thần của nhà Vua, có mười hai tướng xấu xí: chột, gù, gầy, bướu cổ, da vàng đầu vàng, mắt xanh, răng lưỡi cưa, răng đen, tay chân khèo, thân cong, lùn, lòi xương đầu gối.

«Khách thương nên biết, bà-la-môn Tự Thí kia nghĩ rằng: ‹Nay, trên chỗ ngồi cao nhất này, người ngồi có mười hai cái xấu, là đại thần của Vua, làm thế nào dùng những vật quý báu và người nữ của ta trao cho người ấy được? Ta hãy kéo dài ngày tế tự để thật sự có người bà-la-môn thông minh trí tuệ, dung mạo đẹp đẽ, ta sẽ dâng cho.›

«Khách thương nên biết, phía nam Tuyết sơn có một Tiên nhơn, tên là Trân Bảo, thiểu dục, ưa nhàn tịnh, không có lòng tham, tu tập thiền định, đặng năm thần thông, dạy năm trăm phạm chí khiến cho tụng tập. Tiên nhơn năm thần thông có một người đệ tử, tên là Di Khước, cha mẹ chơn chánh, bảy đời thanh tịnh, cũng lại dạy cho năm trăm đệ tử.

«Khách thương nên biết, bấy giờ, đệ tử Di Khước đến chỗ Trân Bảo Tiên nhơn thưa: ‹Nay học vấn của con đã xong. Nên học thêm thứ gì?› Trân Bảo Tiên nhơn liền trước tác kinh thơ, mà tất cả bà-la-môn không có. Trước tác xong, bảo đệ tử rằng: ‹Người có thể học tập tụng đọc sách này. Sách này, các bà-la-môn không có. Học tập đọc tụng xong, đối với các bà-la-môn, ngươi có thể là đệ nhất tối thắng.›

«Khách thương nên biết, bấy giờ người đệ tử kia liền học tập sách ấy một cách thông suốt. Học xong, đến chỗ Trân Bảo Tiên nhơn thưa: ‹Con học xong sách này rồi. Còn học thứ gì nữa?› Vị thầy nói:

“- Nếu, ngươi học xong sách ấy rồi, thì phàm người đệ tử nên trả ơn thầy. Nay, con nên trả ơn!

«Người đệ tử thưa:

“- Con phải trả ơn thầy bằng cách nào?

«Vị thầy nói:

“- Cần có năm trăm đồng tiền vàng.

«Di Khước nghe thầy nói rồi, liền dẫn năm trăm đệ tử đến phía nam Tuyết sơn, du hành trong nhân gian. Từ nước này đến nước kia; từ thôn kia đến thôn nọ; lần hồi, đến thành Liên hoa. Nghe mọi người nói: ‹Bà-la-môn Da-nhã-đạt[44] , trong mười hai năm tế tự thiên thần, khấn rằng, nếu có người thông minh đệ nhất, sẽ dùng bình bát bằng vàng đựng thóc lúa bằng bạc, bát bằng bạc đựng thóc lúa bằng vàng, bình rửa bằng vàng, bảo cái tốt, nệm rất tốt, các đồ dùng bằng bảy báu trang nghiêm và Tô-la-bà-đề người nữ đoan chánh đẹp đẽ để hiến dâng.› Bèn nghĩ, ‹Nay ta hãy vào trong chúng kia, hoặc giả có thể được năm trăm đồng tiền vàng.›

«Khách thương nên biết, Di Khước liền vào trong tế đàn. Ngay khi vừa mới vào, có đại oai thần, sáng chói. Bấy giờ, bà-la-môn Da-nhã-đạt nghĩ rằng: ‹Người này vào tế đàn, mà có đại oai thần, chói sáng. Nay, ta nên dời vị Thượng tọa kia đi, để lấy chỗ cho Ma-nạp này ngồi. Nếu, Ma-nạp này ngồi nơi chỗ Thượng tọa rồi, các người sẽ cùng ta cao giọng xưng hô: Lành thay! rồi trỗi nhạc, rải hoa, đốt hương, cung kính lễ bái.› Bấy giờ, mọi người đều vâng lời, nói:

“- Nên như vậy. Chúng tôi sẽ theo lời dạy mà làm.

«Bấy giờ, khi Ma-nạp Di Khước vào trong chúng kia rồi, bèn đứng dưới mà hỏi bên trên:

“- Các ông tụng những thứ kinh gì? Tụng được bao nhiêu thứ? Tụng nhiều ít?

«Trả lời:

“- Tôi tụng được những kinh như vậy; chừng ấy.

«So sánh, những kinh Ma-nạp tụng được nhiều gấp trăm vạn ức lần, không thể so sánh được. Ma-nạp lại hỏi hai, ba người cho đến trăm ngàn người: ‹Các ông tụng những thứ kinh gì? Tụng được bao nhiêu thứ? Tụng nhiều ít?› Họ trả lời: ‹Chúng tôi tụng được những thứ kinh đó; chừng ấy.› So sánh, những kinh Ma-nạp tụng được nhiều gấp trăm vạn ức lần, không thể so sánh được. Kế đến hỏi vị thượng tọa đệ nhất: ‹Ngài biết được những thứ kinh gì? Tụng được những thứ kinh gì?› Vị ấy trả lời, ‹Tôi tụng đọc như vậy; chừng ấy.› Ma-nạp Di Khước lại cũng vượt hơn vị này.

«Bấy giờ, Ma-nạp Di Khước nói:

“- Những thứ kinh mà tôi tụng được nhiều hơn ngài!

Ma-nạp nói tiếp,

“- Ngài nên nhường tòa cho tôi ngồi!

«Vị Thượng tọa nói:

“- Nếu ngài không bảo tôi dời chỗ, thì những vật cúng dường và kim bảo tôi thu được ở đây sẽ chia cho ngài.

«Ma-nạp Di Khước trả lời:

“- Dù cho tôi bảy báu đầy cõi Diêm-phù-đề, tôi cũng không nhận. Chỉ có việc là ông dời đi chỗ khác. Tại sao vậy? Vì tôi có pháp này, phải ngồi vào chỗ ngồi này.

«Khách thương nên biết, bấy giờ Ma-nạp Di Khước dời vị Thượng tọa ấy đi, rồi ngồi lên chỗ đó. Khi Ma-nạp Di Khước ngồi lên tòa, tức thì đất rung động sáu cách, liền có tiếng xưng hô lớn: Lành thay! và âm nhạc trỗi, hương hoa cúng dường.

«Khách thương nên biết, Da-nhã-đạt rất hoan hỷ, vui mừng vô lượng; dùng bát bằng vàng, đựng thóc lúa bằng bạc; bát bằng bạc đựng thóc lúa bằng vàng, bảo cái bằng vàng bảy báu trang nghiêm; âu rửa cũng bằng vàng bạc rất là đẹp đẽ; nệm bằng lông tốt kỳ lạ để trang trí và dẫn người nữ trang nghiêm xinh đẹp đến trước Ma-nạp Di Khước thưa:

“- Cúi xin ngài thọ nhận các bảo vật này và, người nữ trang nghiêm xinh đẹp này.

«Di Khước trả lời:

“- Tôi không cần những thứ đó.

«Da-nhã-đạt liền hỏi:

“- Vậy, ngài cần thứ gì?

«Trả lời:

"- Tôi cần năm trăm đồng tiền vàng.

«Da-nhã-đạt liền đem năm trăm đồng tiền vàng đến trao.

«Khách thương nên biết, bấy giờ, Ma-nạp Di Khước nhận năm trăm đồng tiền vàng rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui. Bấy giờ, người nữ Tô-la-bà-đề cũng đi theo. Ma-nạp Di khước quay lại nói:

"- Tại sao cô đi theo tôi?

«Người nữ trả lời:

"- Cha mẹ em bảo em đi theo anh để làm vợ.

«Ma-nạp Di Khước dứt khóat nói:

"- Tôi tu phạm hạnh đâu cần đến cô. Ai có ái dục thì mới cần đến cô. Người nữ kia đành phải trở về, vào trong vườn của cha. Trong vườn có cái ao tắm trong sạch. Trong ao có bảy cành bông sen. Năm bông cùng với một cành, mùi thơm ngào ngạt màu sắc đặc biệt. Lại có hai bông cùng với một cành, hương sắc thù diệu. Thấy vậy người nữ nghĩ, ‹Ta thấy hoa sen này thật là vi diệu tuyệt hảo. Nay ta nên hái hoa này để tặng cho Ma-nạp Di Khước, khiến cho người được vui thích.› Nghĩ xong liền hái hoa, cắm vào trong bình nước, ra khỏi vườn, đi khắp nơi tìm Ma-nạp Di Khước.

«Bấy giờ, Ma-nạp Di Khước trở lại đại quốc Bát-ma[45] , thấy nhân dân trong nước quét dọn đường sá, trừ bỏ tất cả các thứ dơ bẩn, tu bổ sửa chữa bằng phẳng, dùng hoa trải trên đất, rưới nước hương, treo tràng phang bảo cái, trải đệm dệt bằng lông... Thấy vậy, Di Khước liền hỏi người trong thành:

"- Nay, trong thành tu bổ trang trí đẹp đẽ như thế này là để phục vụ cho ngày tiết hội hay là dùng vào ngày tinh tú tốt?

«Người trong thành trả lời:

"- Phật Định Quang sẽ đến thành này, cho nên mới trang trí đẹp đẽ như thế...

«Ma-nạp Di Khước tâm niệm: ‹Nay ta nên dùng năm trăm đồng tiền vàng này để mua tràng hoa tốt đẹp, hương thơm, kỹ nhạc đặc biệt tràng phan bảo cái quý báu, trước là để cúng dường Định Quang Như Lai, sau sẽ vì thầy cầu tài.› Di Khước liền đi khắp nước Bát-ma [785a1] để mua mà không có. Tại sao vậy? Vì Vua Thắng Oán đã ra lịnh cấm việc mua bán.

«Bấy giờ, người nữ Tô-la-bà-đề, từ xa thấy Ma-nạp Di Khước đến liền hỏi:

“- Này người Niên thiếu[46] , vì sao bước đi vội vã như thế? Anh cần gì? Ma-nạp Di Khước trả lời:

“- Tôi cần hoa tốt. Người nữ hỏi:

“- Anh dùng hoa làm gì? Đáp rằng:

“- Tôi muốn cắm rễ vô thượng để làm hạt giống Phật.

«Người nữ hỏi:

“- Hoa này đã khô héo rồi, màu sắc đã biến đổi, không thể trồng lại được, làm sao có thể dùng nó để cắm rễ vô thượng làm hạt giống Phật?

«Ma-nạp nói với người nữ:

“- Ruộng này rất tốt phì nhiêu. Dù cho hoa này đã khô héo, biến sắc, hạt giống bị hư nát, vẫn có thể sống lại.

«Người nữ liền nói:

“- Vậy ông có thể lấy hoa này để cắm rễ vô thượng để làm hạt giống Phật đi!

«Ma-nạp hỏi:

“- Cô bán với giá bao nhiêu, tôi sẽ lấy cho?

«Người nữ liền nói:

“- Tiếc gì tài vật của tôi? Cha tôi tên là Da-nhã-đạt, tài bảo rất nhiều. Ma-nạp muốn mua hoa này chỉ cần cùng tôi thề ước, là bất cứ sanh ở nơi đâu, luôn luôn làm chồng tôi. Ma-nạp đáp rằng:

"- Tôi thật hành đạo Bồ-tát; tất cả không có gì thương tiếc cả. Nếu có người xin, kể cả xương thịt, tôi cũng không luyến tiếc. Chỉ trừ cha, mẹ. Nhưng chỉ sợ rằng cô làm trở ngại cho tôi.

«Người nữ nói.

"- Chỗ nào Ông sinh ra, nơi đó tất có đại oai thần, tôi cũng theo đó mà có oai thần. Muốn đem tôi để bố thí thì tùy ý ông cứ bố thí.

«Bấy giờ, Ma-nạp dùng năm trăm đồng tiền vàng mua năm cành hoa, hai cành còn lại, người nữ trao cho Ma-nạp Di Khước và nói:

"- Đây là hoa của tôi gởi cho ông, để dâng cúng Định Quang Như Lai. Tại sao vậy? Tôi nguyện cùng ông sanh bất cứ nơi nào, thường không xa nhau.

«Khách thương nên biết, bấy giờ Ma-nạp Di Khước được bảy cành hoa sen này rồi, hết sức vui mừng, không thể kể xiết, liền đến cửa đông thành. Vào lúc đó, số người nhiều không tính hết, tất cả đều cầm hương hoa, tràng phan bảo cái, trổi nhạc đợi rước Định Quang Như Lai. Ma- nạp Di Khước muốn đến trước để rải hoa, mà không đến được, liền trở lại hỏi Vua Thắng Oán rằng:

"- Vì lý do nào mà Ngài tu sửa thành nội khang trang thế này? Ngày tiết hội hay ngày tinh tú tốt?

«Nhà Vua trả lời:

"- Nay có Định Quang Như Lai đến nơi thành nầy nên mới trang hoàng đẹp đẽ như vậy.

«Ma-nạp hỏi Vua:

"- Làm sao biết được ba mươi hai tướng của Như Lai?

«Nhà Vua nói:

"- Các sách sấm ký của bà-la-môn cho biết.

«Ma-nạp thưa:

“- Nếu thật như vậy thì tôi có tụng sách này sẽ chứng biết được việc ấy.

«Nhà Vua nói:

“- Nếu ông có khả năng biết điều đó, thì ông đến trước để xem có ba mươi hai tướng không, sau đó, tôi sẽ đến diện kiến.

«Khách thương nên biết, bấy giờ, Ma-nạp nghe Vua nói rồi, vui mừng không xiết kể, liền đến bên ngoài cửa thành phía đông.

«Bấy giờ, dân chúng thấy Ma-nạp đến thì vui mừng, đều tự tránh đường cho Ma-nạp đi. Tại sao vậy? Vì vâng theo lệnh của Vua.

«Khách thương nên biết, Ma-nạp từ xa thấy đức Như Lai, trong tâm hoan hỷ, liền dùng bảy cành hoa rải trên đức Phật Định Quang Như Lai. Do oai thần của Phật, từ trên hư không hoa kia biến thành bảo cái bằng hoa, rộng mười hai do tuần, cành bông ở phía trên, lá ở phía dưới, mùi thơm ngào ngạt, che khắp nước kia, không chỗ nào không được che, nhìn không biết chán. Đức Phật đi đến đâu bảo cái bằng hoa che đến đó. Nhân dân nam nữ trong thành đều cởi áo mới của mình, dùng để trải dưới đất.

«Bấy giờ, Ma-nạp mặc hai chiếc áo bằng da nai, liền cởi một cái trải dưới đất. Nhân dân trong thành lấy chiếc áo ấy quăng đi. Ma-nạp tự nghĩ: ‹Định Quang Như Lai không thương tưởng.› Định Quang Như Lai biết ý nghĩ ông kia, liền hóa đất thành bùn, khiến cho không một người nào trải áo lên trên được.

«Khách thương nên biết, Ma-nạp lại nghĩ: Người trong thành ngu si, không có sự phân biệt, chỗ nên trải lại không trải. Ma-nạp liền lấy chiếc áo da nai trải vào chỗ bùn. Song không che hết bùn.

«Khách thương nên biết, tóc của Ma-nạp năm trăm năm thường búi lại, chưa từng mở ra. Ma-nạp liền thưa hỏi đức Như Lai, xem Thế Tôn có thể bước qua trên tóc của mình đi qua được không? Được đức Thế Tôn thuận ý. Ma-nạp liền xổ đầu tóc ra, trải lên trên chỗ bùn, tâm phát nguyện: Nếu Định Quang Như Lai không thọ ký riêng, thì ta ở chỗ bùn này dù hình khô mạng chung, quyết không đứng dậy. Định Quang Như Lai biết được lòng chí thành của Ma-nạp, đời trước có trồng căn lành, các đức đầy đủ, nên Ngài dùng chân bên tả bước qua trên tóc và nói:

“- Ma-nạp, đứng dậy! Đời vị lai, vô số a-tăng-kỳ kiếp, ngươi sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, Chí nhơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư , Phật, Thế Tôn.

«Nghe lời biệt ký rồi, Ma-nạp liền vụt bay lên không trung, cách mặt đất bảy cây đa-la mà tóc vẫn còn trải nơi đất cũ.

«Khách thương nên biết, bấy giờ, Định Quang Như Lai, Chí nhơn, Đẳng chánh giác, xoay qua bên hữu, như con đại tượng vương, bảo các tỳ-kheo: ‹Các ông chớ nên bước lên trên tóc của Ma-nạp. Tại sao vậy? Đây là tóc của Bồ-tát. Tất cả Thanh văn, Bích chi Phật đều không được bước lên trên.›

«Bấy giờ, trăm ngàn vạn ức người, đều rải hoa đốt hương cúng dường tóc kia. Người lái buôn nên biết, bấy giờ, vị đại thần của Vua Thắng Oán, có mười hai tật xấu ấy, nghe Định Quang Như Lai thọ ký cho Ma-nạp liền đến nơi Vua Thắng Oán tâu: ‹Tôi có khả năng trong vòng hai vạn năm cúng dường Định Quang Như Lai và chúng Tăng y phục, ẩm thực, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh.› Vua nói với bà-la-môn rằng: ‹Ý ông rất hay. Ông hãy biết thời.› Bà-la-môn này, trong vòng hai vạn năm cúng dường Định Quang Như Lai và chúng Tăng y phục, ẩm thực, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh rồi phát nguyện: ‹Trong vòng hai vạn năm tôi cúng dường Định Quang Như Lai và chúng Tăng y phục, ẩm thực, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh. Song, đối với Ma-nạp, người đã dời chỗ ngồi của tôi, đoạt sự cúng dường của tôi, hủy báng danh dự của tôi; duyên vào phước báo nhân duyên này, người này bất cứ sanh chỗ nào, tôi luôn luôn hủy nhục kẻ ấy, cho đến khi y thành đạo, cũng không xả ly.›

«Khách thương nên biết, Bà-la-môn Da-nhã-đạt thuở ấy, đâu phải ai khác, mà nay là Chấp Trượng Thích chủng[47] . Người nữ Tô-ma-bà-đề, nay chính là Thích nữ Cù-di[48] . Đại thần của Vua Thắng Oán, có mười hai tật xấu, Bà-la-môn ấy, nay chính là thân của Đề-bà-đạt. Trân Bảo Tiên nhơn, đâu phải ai khác mà là Bồ-tát Di-lặc. Ma-nạp Di Khước chính là Ta vậy.

«Khách thương nên biết, học đạo Bồ-tát, người có thể cúng dường móng tay và tóc, chắc chắn thành vô thượng đạo. Bằng con mắt của Phật mà nhìn trong thiên hạ không một ai không vào Vô dư Niết-bàn giới để Bát-niết-bàn. Huống chi là người không dục, không sân, không nhuế, không si. Bố thí cho

vị ấy là bậc nhất trong các bố thí, là phước tối tôn. Bậc nhất trong các người thọ nhận, lại không báo ứng sao?»

Bấy giờ, hai anh em người lái buôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Đức Thế Tôn ăn cơm khô trộn với mật của người lái buôn rồi, liền ngồi kết già bảy ngày bất động dưới bóng gốc cây Bồ-đề, an trú tam-muội giải thoát mà tự thọ dụng an lạc.

---o0o---

vii. Hai quy y

[786a1] Qua bảy ngày, Ngài từ tam-muội xuất. Do ăn cơm khô trộn với mật nên gió trong thân di động. Sở dĩ gọi là đất Diêm-phù-đề vì có cây là Diêm-phù[49] . Cách đó không xa có cây Ha-lê-lặc[50] .Vị Thọ thần của cây ấy có lòng tin sâu đậm đối với Phật, liền hái trái ha-lê-lặc đến dâng cúng dường đức Thế Tôn. Vị Thọ thần đảnh lễ rồi, đứng qua một bên bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế Tôn, do ăn cơm khô trộn với mật nên gió trong thân Ngài di động. Nay xin Ngài dùng trái cây này để làm vị thuốc trừ bệnh nội phong.

Đức Thế Tôn từ mẫn nên thọ nhận liền và bảo:

«Nay ông nên quy y Phật, quy y Pháp.»

Vị thần ấy liền quy y Phật, quy y Pháp. Các vị thần quy y Phật, Pháp trước nhất là thọ thần Ha-lê-lặc.

Đức Thế Tôn ăn trái ha-lê-lặc rồi, ngồi kết già dưới gốc cây bảy ngày, tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc. Sau bảy ngày, từ tam-muội dậy, đến giờ, khoác y, bưng bát, vào thôn Uất-bề-la khất thực.

Ngài đi lần đến nhà bà-la-môn thôn Uất-bề-la, đứng lặng im trước sân. Bà-la-môn thấy đức Thế Tôn im lặng đứng trước sân, phát tâm hoan hỷ, liền đem thức ăn ra cúng đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ mẫn thọ nhận thức ăn và nói:

«Nay ông nên quy y Phật, quy y Pháp.»

Bà-la-môn liền thưa:

«Nay con quy y Phật, quy y Pháp.»

Đức Thế Tôn nhận thức ăn của bà-la-môn nầy, ăn xong, liền đến dưới gốc cây ly-bà-na[51] , ngồi kết già bảy ngày, tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc. Sau bảy ngày đức Thế Tôn từ tam-muội đứng dậy, đến giờ, khoác y bưng bát vào thôn Uất-bề-la khất thực, theo thứ tự đến nhà bà-la-môn, im lặng đứng trước sân, vợ của người bà-la-môn kia là con gái của đại tướng tên Tô-xà-la[52] , thấy đức Như Lai im lặng đứng trước sân, liền phát tâm hoan hỷ đem thức ăn ra cúng dường đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ mẫn đối với thí chủ nên nhận thức ăn, ăn rồi và bảo:

«Nay, người nên quy y Phật, quy y Pháp.»

Vợ bà-la-môn liền thưa:

«Nay con quy y Phật, quy y Pháp.»

Như vậy trong chúng Ưu-bà-di quy y Phật, quy y pháp, thì Tô-xà-la con gái của đại tướng, vợ của Uất-bề-la là Ưu-bà-di đầu tiên.

Bấy giờ đức Thế Tôn ăn thức ăn ấy, liền trở lại cây ly-bà-na, ngồi kết già dưới gốc cây bảy ngày, tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc.

Sau bảy ngày, đến giờ khất thực, đức Thế Tôn khoác y bưng bát vào thôn Uất-bề-la khất thực, theo thứ tự đến trong sân nhà bà-la-môn Uất-bề-la, đứng im lặng. Bấy giờ con trai, con gái của bà-la-môn Uất-bề-la thấy đức Như Lai rồi, phát tâm hoan hỷ, liền đem thức ăn ra dâng cúng dường Như Lai. Đức Như Lai dũ lòng thương đối với họ, nhận thức ăn, ăn rồi bảo rằng:

«Nay, các con nên quy y Phật, quy y Pháp.»

Các nam nữ con của bà-la-môn thưa:

«Nay, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp.»

---o0o---

viii. Long vương mục-chân-lân-đà

Đức Thế Tôn ăn xong, liền đến cây Văn-lân[53] , bên bờ sông Văn-lân[54] , cung điện của Long vương Văn-lân. Khi đến nơi, ngồi kết già suốt bảy ngày tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc. Vào lúc ấy, trời mưa to gió rất lạnh, suốt bảy ngày Long vương tự ra khỏi cung đến chỗ Phật ngồi, dùng thân hình của mình quấn xung quanh đức Phật, đầu che trên đỉnh đức Phật, bạch Phật rằng:

«Ngài không bị lạnh, không bị nóng, không bị gió, không bị nắng, không bị muỗi mòng gây bất an chăng?»

Sau bảy ngày, cơn mưa to gió lớn chấm dứt, bầu trời quang đãng, Long vương tự tháo mình ra, không quấn xung quanh đức Phật nữa, và biến hóa làm một thiếu niên bà-la-môn, đến trước đức Như Lai, chấp tay, quỳ gối, kính lễ sát chân Như Lai. Sau bảy ngày đức Thế Tôn từ tam-muội dứng dậy, liền dùng bài kệ này tán thán:

Ly dục, có hỷ lạc,

Quan sát pháp, cũng lạc;

Trong đời, không sân, lạc,

Không nhiễu hại chúng sanh.

Đời vô dục, là lạc,

Vượt khỏi cõi dục giới;

Chế phục tánh ngã mạn,

Đấy là đệ nhất lạc[55] .

Lúc bấy giờ, Long vương Văn-lân đến trước đức Phật thưa:

«Sở dĩ con dùng thân hình con quấn quanh đức Như Lai, đầu che trên đỉnh đức Như Lai, vì không muốn đức Như Lai bị quấy rầy bởi lạnh nóng gió mưa, muỗi mòng, cho nên con mới làm như vậy.»

Đức Phật bảo Long vương:

«Nay ngươi nên quy y Phật, quy y Pháp.»

Long vương nói:

«Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp.»

Như vậy trong hàng súc sanh, nhận hai quy y, Long vương là đầu tiên.

---o0o---

ix. Phạm thiên khuyến thỉnh

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau thời gian an trú dưới gốc cây Văn-lân Long vương, liền đến dưới gốc cây A-du-ba-la ni-câu-luật[56] , trải tọa cụ, ngồi kết già và nghĩ rằng:

«Nay Ta đã đặng pháp này, này rất sâu kín, rất khó hiểu, rất khó biết, vĩnh viễn tịch tĩnh, an chỉ, vi diệu, tối thượng, chỉ người trí mới có thể biết, chẳng phải điều mà kẻ ngu có thể thân cận. Chúng sanh có kiến chấp khác nhau, tín nhẫn khác nhau, xu hướng khác nhau, mạng khác nhau. Y trên những kiến chấp dị biệt này mà yêu thích hang ổ[57] . Do vì chúng sanh yêu thích hang ổ, cho nên đối với pháp duyên sanh sâu thẳm này, khó có thể hiểu. Lại còn có cái sâu thẳm khó hiểu hơn nữa, đó là Niết-bàn với sự dập tắt các dục, diệt tận khát ái. Đây cũng là chỗ khó hiểu. Nay, Ta muốn nói Pháp mà mọi người không biết, không hiểu, thì đối với ta có nhọc công vô ích chăng?»

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói hai bài kệ, mà trước đây chưa ai được nghe, cũng chưa từng nói:

Đạo Ta chứng, khó hiểu;

Nói cho kẻ trong hang.

Người tham, nhuế, ngu si,

Không thể vào pháp này.

Lội ngược dòng sanh tử,

Sâu kín, rất khó hiểu.

Tham dục không thấy được,

Vì ngu tối che lấp[58].*

Thế Tôn tư duy như vậy rồi, im lặng không nói pháp. Bấy giờ, Phạm thiên vương[59] , từ xa trên cõi Phạm thiên, biết được tâm niệm của đức Như Lai, tự nghĩ: «Thế gian hoàn toàn sụp đổ. Như Lai nay đặng pháp nhiệm mầu này, sao im lặng không tuyên thuyết, khiến cho thế gian không được nghe pháp?»

Bấy giờ, Phạm thiên, khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi kia hiện đến trước đức Như Lai, đảnh lễ rồi, đứng qua một bên, bạch đức Thế Tôn:

«Cúi xin đức Như Lai nói pháp! Cúi xin đức Thiện Thệ nói pháp! Chúng sanh trong thế gian cũng có kẻ trí tuệ với lớp bụi dơ mỏng, thông minh, dễ độ, có khả năng diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp.»

Đức Thế Tôn bảo Phạm thiên vương:

«Đúng như vậy, đúng như vậy, như lời ông nói. Vừa rồi Ta ở nơi nhàn tịnh có ý nghĩ: ‹Nay Ta đã đặng pháp này. Pháp [787a1] này rất sâu kín, rất khó hiểu, rất khó biết, vĩnh viễn tịch tĩnh, an chỉ, vi diệu, tối thượng, chỉ người trí mới có thể biết, chẳng phải điều mà kẻ ngu có thể thân cận. Chúng sanh có kiến chấp khác nhau, tín nhẫn khác nhau, xu hướng khác nhau, mạng khác nhau. Y trên những kiến chấp dị biệt này mà yêu thích hang ổ. Do vì chúng sanh yêu thích hang ổ, cho nên đối với pháp duyên sanh sâu thẳm này, khó có thể hiểu. Lại còn có cái sâu thẳm khó hiểu hơn nữa, đó là Niết-bàn với sự dập tắt các dục, diệt tận khát ái. Đây cũng là chỗ khó hiểu. Nay, Ta muốn nói Pháp mà mọi người không biết, không hiểu, thì đối với Ta có nhọc công vô ích chăng?›»

Bấy giờ, Thế Tôn nói hai bài kệ mà trước đây chưa ai từng được thấy, từng được nghe, và cũng chưa từng nói:

Đạo Ta chứng, khó hiểu,

Nói cho kẻ trong hang.

Người tham, nhuế, ngu si,

Không thể vào pháp này.

Lội ngược dòng sanh tử,

Sâu kín, rất khó hiểu.

Tham dục không thấy được,

Vì ngu tối che lấp.

«Này Phạm thiên! Vì vậy Ta im lặng, không nói pháp cho người đời.» Bấy giờ, Phạm thiên lại bạch Phật:

«Thế gian hoàn toàn sụp đổ. Như Lai nay đặng pháp nhiệm mầu này, sao im lặng không tuyên thuyết, khiến cho thế gian không được nghe pháp? Cúi xin đức Thế Tôn nên diễn nói chánh pháp để lưu bố trong đời. Chúng sanh trong thế gian cũng có kẻ trí tuệ với lớp bụi dơ mỏng, thông minh, dễ độ, có khả năng diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp.»

Phạm thiên nói rồi, lại nói kệ:

Ma-kiệt, nơi cấu uế[60] ,

Phật từ đó sanh ra.

Nguyện mở cửa cam lồ,

Vì chúng sanh nói pháp.

Đức Thế Tôn sau khi nhận lời khuyến thỉnh của Phạm thiên, bằng con mắt Phật, quan sát chúng sanh trong thế gian: Sanh ra trong thế gian, lớn lên trong thế gian, có người ít trần cấu, có người nhiều trần cấu, có lợi căn, có độn căn, có dễ độ, có khó độ; có kẻ sợ tội đời sau, có thể diệt tận pháp bất

thiện, thành tựu thiện pháp. Cũng như trong ao ưu-bát, ao bát-đầu, ao câu-mâu-đầu, ao phân-đà-lợi có hoa ưu-bát, hoa bát-đầu, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi; có cái mới ra khỏi bùn mà chưa lên khỏi nước; hoặc có cái đã ra khỏi bùn mà ngang mặt nước; hoặc có cái lên khỏi nước mà không bị bụi trần nơi nước thấm vào. Đức Như Lai cũng như vậy, bằng Phật nhãn quán chúng sanh trong thế gian: ‹Sanh ra trong thế gian, lớn lên trong thế gian, có người ít trần cấu, có người nhiều trần cấu, có lợi căn, có độn căn, có dễ độ, có khó độ; có kẻ sợ tội đời sau, có thể diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp.› Bấy giờ, đức Thế Tôn vì Phạm thiên nói kệ:

Phạm Thiên! Ta bảo ông:

Nay mở cửa cam lồ,

Cho người nghe tin nhận.

Vì nhiễu loạn, không nói[61] ,

Phạm Thiên, pháp vi diệu,

Pháp Mâu-ni chứng được.

Bấy giờ, Phạm thiên biết đức Thế Tôn nhận lời khuyến thỉnh rồi, đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn, đi nhiễu bên hữu ba vòng, cáo lui, ẩn mình, không thấy nữa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại nghĩ: ‹Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước, mà người ấy có thể vừa nghe liền hiểu được?› Ngài liền nghĩ, ‹A-lan-ca-lan[62] trần cấu ít, lợi căn, thông minh có trí. Nay Ta có thể nói pháp cho ông ấy.› Tức thì trí kiến khởi lên nơi Ngài, ‹A-lan-ca-lan qua đời đã bảy ngày rồi.› Chư thiên cũng đến cho biết: ‹A-lan-ca-lan qua đời đã bảy ngày rồi.› Đức Phật nghĩ rằng: ‹Khổ thay, ông mất điều lợi. Pháp cực kỳ vi diệu này, sao không được nghe? Nếu được nghe, ông ấy sẽ hiểu nhanh chóng.›

Đức Thế Tôn lại nghĩ: ‹Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước, mà người ấy có thể vừa nghe liền hiểu được?› Ngài liền nghĩ, ‹Uất-đầu-lam Tử, người này có trần cấu mỏng, lợi căn, thông minh có trí. Nay ta nên nói pháp cho ông ấy nghe trước.› Tức thì trí kiến khởi lên nơi Ngài, ‹Uất-đầu-lam Tử đã qua đời ngày hôm qua.› Chư thiên cũng đến thưa: ‹Uất-đầu-lam Tử đã qua đời ngày hôm qua.› Đức Phật nói: ‹Khổ thay, ông mất điều lợi. Pháp cực kỳ

vi diệu này, sao không được nghe? Nếu được nghe, ông ấy sẽ hiểu nhanh chóng.›

Đức Thế Tôn lại nghĩ: ‹Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước, mà người ấy có thể vừa nghe liền hiểu được?› Ngài liền nghĩ, ‹Năm tỳ-kheo đã từng phục vụ Ta khổ nhọc, không ngại sự lạnh nóng, hầu hạ, hộ vệ, cúng dường Ta. Nay Ta có nên nói pháp cho họ trước hay chăng?› Đức Thế Tôn lại nghĩ: ‹Năm vị tỳ-kheo này hiện nay ở đâu?› Ngài liền dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát trong nhơn thiên, thấy năm vị tỳ-kheo ở tại nước Ba-la-nại, trong vườn Nai Tiên nhơn.

Thấy vậy rồi, Ngài liền đến đó. Trên đường đi, Ngài gặp phạm chí Ưu-đà-da[63]. Từ xa thấy đức Thế Tôn, Phạm chí đến trước mặt thưa với đức Phật rằng:

«Cù-đàm, các căn tịch tịnh nhan sắc vui đẹp. Vậy thầy của Ngài là ai? Ngài theo học với ai? Ngài học pháp gì?»

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ trả lời:

Nhất thiết trí, trên hết,

Mở mọi gút ái dục.

Tự nhiên được ngộ giải,

Nào có theo ai học.

Ta cũng không có thầy,

Bè bạn cũng lại không.

Thế gian chỉ một Phật,

Trầm lặng, thường an ổn.

Ta không bị đời nhiễm,

Ta vượt trên thế gian.

Chư thiên và người đời,

Không ai sánh bằng Ta.

Ta đến Ba-la-nại,

Chuyển vô thượng pháp luân.

Thế gian đều tăm tối,

Ta đánh trống cam lồ[64].

Phạm chí hỏi rằng:

«Vừa rồi Cù-đàm nói: Ta là người không nhiễm trước, tối thắng[65]. Tôi muốn được nghe ý nghĩa nầy.»

Đức Phật dùng kệ trả lời:

Ta mở tất cả gút,

Ta hết tất cả lậu;

Ta thắng các pháp ác,

Ưu-đà, Ta tối thắng[66].

Bấy giờ, Phạm chí im lặng. Đức Thế Tôn liền bỏ đi, nhắm đến Tiên nhơn Lộc uyển.

---o0o---

2. Sơ chuyển Pháp luân

i. Trung đạo

Năm vị tỳ-kheo, từ xa trong thấy đức Thế Tôn đến, dặn bảo nhau rằng:

«Sa môn Cù-đàm này đã đi lạc đường, mê mờ, mất chí hướng. Nếu đến đây, chúng ta đừng nói năng gì với ông ta. Cũng đừng kính lễ. Chỉ nên cho một chỗ ngồi nhỏ, bảo ngồi mà thôi.»

Thế Tôn từ từ đi đến chỗ năm vị tỳ-kheo. Bấy giờ, năm vị tỳ-kheo bỗng nhiên đứng dậy nghinh đón, lễ kính. Người thì trải chỗ ngồi. Người thì rước y bát. Người lấy nước rửa chân. Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ: ‹Những người ngu si này đã không cố giữ được ý chí của mình. Đã cùng nhau giao ước, rồi lại phá bỏ. Tại sao vậy? Vì không thể nào cưỡng lại oai lực của Phật. Nay Ta nên đến chỗ ngồi mà an tọa.› Năm tỳ-kheo thấy Như Lai đến ngồi nơi chỗ ngồi rồi, bèn gọi tên Như lai, và gọi Ngài bằng ‹Ông bạn.›[67]. Bấy giờ đức Phật bảo năm vị tỳ-kheo:

«Các ông chớ nên gọi tên Như lai, và gọi Ngài bằng ‹Ông bạn.› Như Lai, là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, oai thần tối thắng vô lượng. Nếu các người gọi tên Như lai, và gọi Ngài bằng ‹Ông bạn› thì thọ khổ vô lượng và lâu dài.»

Năm người nói:

«Này Cù-đàm, ngài trước kia với cuộc sống khổ hạnh, chấp trì oai nghi, còn không thể đạt được thần thông, trí kiến của pháp thượng nhơn, để có thể tự mình chứng nghiệm lợi ích tối thượng. Huống chi là nay không đi đúng đường, đã lạc lối, mê mờ, mất chí hướng?»

Đức Phật bảo năm người rằng:

«Các người đã từng nghe, có khi nào, Ta nói hai lời mâu thuẫn nhau hay chăng?»

Năm tỳ-kheo nói:

«Xưa kia, chúng tôi không nghe người nói hai [788a1] lời.»

Đức Phật nói:

«Các ngươi, hãy đến đây! Nay ta đã đặng cam lồ. Ta sẽ chỉ dạy cho các ông. Các ông có khả năng tiếp nhận lời nói của Ta, không bao lâu, các ông sẽ có sở đắc; đạt được mục đích mà vì đó thiện nam tử với lòng tin kiên cố, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hành đạo, tu vô thượng phạm hạnh, ở ngay

trong đời hiện tại, tự thân tác chứng, tự mình an trú an lạc, biết rằng, ‹sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa.›

«Này Tỳ-kheo, kẻ xuất gia không được thân cận hai cực đoan[68], ưa hưởng thụ ái dục hoặc tự khổ hạnh. Đó không phải là pháp của Hiền thánh. Hành hạ thân xác không thành tựu được gì. Tỳ-kheo từ bỏ hai cực đoan này, lại có con đường giữa, có sự sáng của con mắt, có sự sáng của trí tuệ, vĩnh viễn tịch tĩnh, an ổn, thành tựu thần thông, đặng Đẳng chánh giác, tác thành Sa-môn, dẫn đến Niết-bàn[69].

«Thế nào gọi là con đường giữa, có sự sáng của con mắt, có sự sáng của trí tuê, vĩnh viễn tịch tĩnh, an ổn, thành tựu thần thông[70] , đặng Đẳng chánh giác, tác thành Sa-môn, dẫn đến Niết-bàn? Đó là con đường tám chánh[71] của các bậc Thánh gồm có: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định[72]. Đó tức là con đường giữa, có sự sáng của con mắt, có sự sáng của trí tuê, vĩnh viễn tịch tĩnh, an ổn, thành tựu thần thông, đặng Đẳng chánh giác, tác thành Sa-môn, dẫn đến Niết-bàn.

---o0o---

ii. Chuyển Pháp luân kinh

«Bốn Thánh đế[73]. Thế nào gọi là Thánh đế? Là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ tận Thánh đế, Khổ xuất yếu Thánh đế.

«Những gì gọi là Khổ Thánh đế? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù ghét tụ hội khổ, ái biệt ly khổ, muốn điều gì không được là khổ. Nói một cách gọn, là năm thạnh ấm là khổ[74]. Đó gọi là Khổ Thánh đế. Lại nữa, Khổ Thánh đế cần được biết thì Ta đã biết. Đây nên tu đạo tám chánh: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

«Những gì là Khổ tập Thánh đế? Ái lạc vốn được phát sinh từ trước do duyên nơi ái[75] , và tương ưng với dục[76] . Đó là Khổ tập Thánh đế. Lại nữa, Khổ tập Thánh đế cần diệt thì Ta đã diệt và tác chứng, nên tu tám chánh đạo: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

«Những gì là Khổ tận Thánh đế? Ái kia đã vĩnh viễn đoạn tận, vô dục, tịch diệt, xả, xuất ly, giải thoát, vĩnh viễn diệt tận, tĩnh chỉ[77] , không còn hang ổ[78] . Đó gọi là Khổ tận Thánh đế. Lại nữa, Khổ tận Thánh đế cần được chứng đắc, Ta đã tác chứng, nên tu tám chánh đạo: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hạnh, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

«Những gì là Khổ xuất yếu Thánh đế ? Con đường của Hiền thánh có tám chánh này, chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định. Đó là Khổ xuất yếu thánh đế. Lại nữa, Khổ xuất yếu Thánh đế này cần được tu tập thì Ta đã tu tập.

«Khổ thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, phát sinh trí, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh huệ, đắc chứng[79] . Lại nữa, nên biết Khổ Thánh đế này mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, Ta đã biết Khổ Thánh đế mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, phát sinh trí, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh huệ. Đó gọi là Khổ Thánh đế.

«Khổ tập Thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, phát sinh trí, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh huệ. Lại nữa, nên diệt Khổ tập Thánh đế này mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa Ta đã diệt Khổ tập Thánh đế nầy mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Đó gọi là Khổ tập Thánh đế.

«Khổ tận Thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, nên tác chứng Khổ tận Thánh đế nầy, đối với pháp trước đay chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, ta đã tác chứng, Khổ tận Thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ.

«Khổ xuất yếu Thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, nên tu Khổ xuất yếu thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, Ta đã tu Khổ xuất yếu Thánh đế, đối

với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ.

«Đó là bốn Thánh đế. Nếu Ta không tu bốn Thánh đế nầy, với ba lần chuyển thành mười hai hành tướng, mà không biết như thật, thì nay Ta không thành đạo Vô thượng chánh chơn. Song ta đối với bốn Thánh đế, với ba lần chuyển thành mười hai hành tướng, như thật đã biết, nên nay Ta thành đạo Vô thượng chánh chơn, không còn gì nghi ngờ.

«Như Lai nói bốn Thánh đế này mà trong chúng không có người giác ngộ thì Như Lai không chuyển pháp luân. Nếu Như Lai nói bốn Thánh đế nầy, mà trong chúng có người giác ngộ thì Như Lai vì họ chuyển pháp luân, là bánh xe mà sa-môn, bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma, trời và người trong thế gian, đều không thể vận chuyển được. Cho nên, hãy nỗ lực tinh tấn tu bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ xuất yếu Thánh đế. Hãy nên học như vậy.»

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, năm tỳ-kheo A-nhã Kiều-trần-như dứt sạch các trần cấu, pháp nhãn được sanh[80] . Đức Thế Tôn biết sở đắc trong tâm A-nhã Kiều-trần-như, liền khen rằng:

«A-nhã Kiều-trần-như, đã biết! A-nhã Kiều-trần-như, đã biết![81]» Từ đó về sau gọi là A-nhã Kiều-trần-như.

Bấy giờ, các vị Địa thần đã nghe những gì đức Như Lai đã nói, bèn cùng bảo với nhau:

«Nay, đức Như Lai, bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, đang ở tại vườn Nai, trú xứ của Tiên nhơn ở tại Ba-la-nại, đang chuyển pháp luân vô thượng, mà xưa nay vốn chưa từng được chuyển, mà sa-môn bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma, trời và người đều không thể chuyển được.»

Tiếng của Địa thần xướng lên như vậy, được nghe lần lên Tứ Thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-thuật-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hoá thiên, lần lượt cùng nói với nhau rằng:

«Nay, đức Như Lai, bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, đang ở tại vườn Nai, trú xứ của Tiên nhơn ở tại Ba-la-nại, đang chuyển pháp luân vô thượng, mà xưa nay vốn chưa từng được chuyển, mà sa-môn bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma, trời và người đều không thể chuyển được.»

Chỉ trong khoảnh niệm, âm thanh ấy đã lên đến trời Phạm thiên.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, đã đạt quả chứng, bạch Phật rằng:

«Nay, con ở trong giáo pháp của đức Như Lai tu phạm hạnh.»

Phật nói:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo![82] Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.»

Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như liền xuất gia, thọ giới cụ túc. Như vậy, trong hàng tỳ-kheo, người đầu tiên thọ giới cụ túc là A-nhã Kiều-trần-như.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như thưa với đức Thế Tôn rằng:

«Nay con muốn vào thành Ba-la-nại khất thực. Xin Thế Tôn cho phép.»

Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo, nên biết đúng lúc.»

Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn rồi, khoác y bưng bát vào thành Ba-la-nại khất thực.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói pháp cho các Tôn giả A-thấp-ti, tỳ-kheo Ma-ha-ma-nam, khuyến khích, khiến cho hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên[83]. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Các Tôn giả ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi thưa với đức Như Lai:

«Chúng con muốn ở trong pháp Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.»

Đức Phật nói:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.»

Tôn giả liền xuất gia thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo A-thấp-ti, Ma-ha-ma-nam bạch Phật:

«Chúng con muốn vào thành Ba-la-nại khất thực.»

Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo, nên biết đúng lúc.»

Các Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi khoác y bưng bát vào thành Ba-la-nại khất thực.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói pháp cho Bà-đề, Bà-phu, khuyến khích, khiến cho hoan hỷ.

Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Các Tôn giả ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, [789a1] được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi thưa với đức Như Lai:

«Chúng con muốn ở trong pháp Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.»

Đức Phật Nói:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.»

Tôn giả liền xuất gia thọ giới cụ túc, rồi hai vị Bà-đề, Bà-phu bạch Phật:

«Chúng con muốn vào thành Ba-la-nại khất thực.»

Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo, nên biết đúng lúc.»

Các Tôn giả Bà-đề, Bà-phu liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn rồi, khoác y bưng bát vào thành Ba-la-nại khất thực.

Khi đức Thế Tôn nói pháp cho ba người, thì hai người đi khất thực; hai người khất thực đủ cho sáu người cùng ăn. Nếu đức Thế Tôn nói pháp cho hai người trong năm người, thì ba người khất thực; ba người khất thực đủ cho sáu người cùng ăn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn khuyến hóa năm tỳ-kheo, tuần tự dạy dỗ, khiến cho tâm họ hoan hỷ.

---o0o---

iii. Vô ngã tướng kinh

Sau bữa ăn đức Thế Tôn bảo năm tỳ-kheo:

«Sắc là vô ngã. Nếu sắc là ngã, thì sắc không suy lão[84] để cho ngã thọ khổ. Nếu sắc là ngã thì phải được tự tại mà muốn rằng ‹sắc phải là như vậy›, hay ‹sắc không nên là như vậy›. Vì sắc vô ngã nên sắc tăng trưởng, khiến cho thọ các khổ, và cũng không thể tuỳ ý muốn mà được rằng, ‹sắc phải là như vậy›, hay ‹sắc không nên là như vậy›.

«Thọ tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

«Thế nào, các tỳ-kheo, sắc là thường hay sắc là vô thường?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế Tôn! Sắc là vô thường.»

Đức Phật dạy:

«Nếu sắc là vô thường vậy sắc là khổ hay là lạc?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Bạch đức Thế Tôn, sắc là khổ.»

Đức Phật dạy:

«Nếu sắc là vô thường, khổ thì nó là pháp biến dịch. Các ngươi nghĩ sao, có phải sắc là ta, là cái kia, là cái kia; ta là sắc, là cái kia, là cái kia chăng?»[85]

Thưa rằng:

«Chẳng phải như vậy.»

«Thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy.

«Cho nên, các tỳ-kheo, tất cả sắc, sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả sắc hoặc ở trong hoặc ở ngoài, hoặc tế hoặc thô, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần. Tất cả sắc chẳng phải là ta, là cái kia, chẳng phải sở hữu của cái kia, chẳng phải sở hữu của ta. Hãy dùng trí tuệ mà chánh quán như thực như vậy.

«Thọ tưởng hành thức lại cũng như vậy.

«Này các tỳ-kheo, Thánh đệ tử quán như vậy rồi, nhàm tởm sắc. Khi đã nhàm chán thì không đắm trước. Không đắm trước thì được giải thoát. Khi đã giải thoát rồi, thì biết là đã giải thoát; biết rằng ‹Sự sanh đã dứt; phạm hạnh đã vững; điều cần làm đã làm xong; không còn tái sinh đời sau nữa.›

«Thọ tưởng hành thức lại cũng như vậy.»

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, năm tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi tất cả hữu lậu, được vô ngại giải thoát, chánh trí phát sanh.

Bấy giờ, trong thế gian có sáu vị A-la-hán. Năm vị đệ tử, và đức Như Lai, Chí chơn đẳng chánh giác là sáu.

---o0o---

3. Da-xá

i. Thiện lai Tỳ-kheo

Bấy giờ, đức Thế Tôn du hóa tại nước Ba-la-nại. Tại đây, có người con dòng họ tộc tánh, tên là Da-thâu-già[86] . Cha mẹ chỉ có một người con cho nên rất thương yêu quí mến, chăm sóc trông nom, không bao giờ không để ý đến. Cha mẹ cho xây cất ba cung điện mùa, để cho Da-thâu-già ở theo thời tiết ba mùa, xuân hạ và đông, khiến cho con mình vui chơi theo năm thứ dục lạc.

Cậu con trai say đắm mình trong năm thứ dục lạc đến cực độ, quá mệt mỏi nên ngủ. Khi thức dậy, cậu thấy ở cung điện thứ nhất các nhạc cụ mà các kỹ nữ đã cầm bỏ dọc ngang, bừa bãi; bọn chúng gối đầu lên nhau, tóc rối bời, nằm loạn xạ; ngáy, nghiến răng, nói mớ. Thấy vậy, cậu hoảng sợ, lông trong người dựng ngược lên, sanh tâm nhàm tởm, không còn một chút ý muốn tụ hội, tự than: «Khổ thay! Có gì đáng ham muốn ở đây?»

Cậu liền bỏ cung điện này, đến nơi cung điện giữa. Tại đây, cậu nhìn thấy điện đài, cùng các kỹ nữ, giống như chỗ kia không khác. Cậu lại hoảng sợ gấp bội, lông trong người dựng đứng lên, sanh tâm nhàm tởm, xa lánh, không muốn tụ hội. Cậu tự than: «Khổ thay! Có gì đáng để ham muốn?» Cậu liền bỏ đi, đến cung điện thứ ba, lại cũng như trên, hoảng sợ gấp bội lần, lông trong người dựng đứng lên, sanh tâm nhàm tởm, xa lánh, không muốn tụ hội, cũng như trên.

Công tử liền ra khỏi cung điện, đến cổng thành Thi-khư[87] . Bấy giờ, vị thần giữ cửa thành Thi-khư, từ xa trông thấy cậu đến, bèn nghĩ: «Công tử này đến, chắc muốn yết kiến đức Như Lai, chứ không có đường nào khác. Ta nên mở cửa cho đi.» Nghĩ xong vị thần liền mở cửa thành. Cậu ra khỏi thành, đến bên bờ sông Bà-la. Khi đến trên bờ sông, cậu cởi bỏ guốc bằng vàng, lội qua sông Bà-la, đến vườn Nai chỗ Tiên nhơn ở.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi kinh hành nơi đất trống, từ xa thấy cậu đến, liền trải chỗ ngồi mà ngồi. Như thường pháp của chư Phật, có ánh sáng tròn đầy chiếu khắp. Da-thâu-già từ xa trông thấy đức Như Lai, tướng mạo đoan chánh, sanh tâm vui kính, tiến đến trước Thế Tôn bạch:

«Nay con khốn khổ, không có nơi nương tựa. Cúi xin ngài cứu vớt giúp con.»

Đức Phật bảo cậu đồng tử:

«Hãy đến đây! Chỗ này là vô vi. Chỗ này là nơi không nguy khốn. Chỗ này là nơi an ổn; là nơi dục vọng đã được đoạn tận, vĩnh viễn tĩnh chỉ, vô vi; là chỗ ái không còn, diệt tận, là Niết-bàn.»

Bấy giờ, cậu Da-thâu-già, đảnh lễ đức Thế Tôn rồi nồi qua một bên. Đức Thế Tôn nói pháp khuyên dạy, khiến phát tâm hoan hỷ. Ngài nói về pháp bố thí, pháp trì giới, và pháp sanh thiên. Ngài chỉ trích dục là bất tịnh. Ngài khen ngợi tịnh lạc của xuất ly. Cậu liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch các trần

cấu, đắc pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tự thân đạt được quả chứng, rồi bạch Phật rằng:

«Con muốn tu phạm hạnh trong pháp của đức Như Lai.»

Đức Phật dạy:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Ngay lúc ấy, Da-thâu-già liền thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, cung nhơn và kỹ nữ trong cung điện thứ nhất thức dậy, tìm Da-thâu-già không thấy. Đến cung điện giữa để tìm, cũng không có. Chúng lại đến tìm nơi cung điện thứ ba, cũng không có. Bấy giờ, cung nhơn và kỹ nữ đến chỗ bà mẹ cậu báo cáo:

«Thưa đại gia! Da-thâu-già hiện nay không biết đi đâu!»

Bà mẹ được tin báo cáo liền tức tốc đến tin cho cha cậu:

«Hiện không biết đứa con cưng của mình ở đâu?»

Lúc ấy người cha đang tắm gội trong cung điện giữa. Nghe tin liền vội vàng chải tóc, cấp tốc ra lệnh cho người hai bên rằng:

«Chận tất cả các nẻo đường nơi nước Ba-la-nại.»

Tự thân ông đi ra cửa thành Thi-khư, đến sông Bà-la, bắt gặp đôi guốc bằng vàng của cậu con trai bỏ bên bờ sông. Người cha liền nghĩ: «Con ta chắc đã qua sông.» Ông liền tìm theo dấu qua sông, đến mãi trong vườn Nai của Tiên nhơn.

---o0o---

ii. Ba quy y

Bấy giờ, đức Như Lai từ xa trông thấy cha của Da-thâu-già đến, liền dùng thần lực khiến cho cha của Da-thâu-già thấy Phật mà không thấy con của mình. Ông ta đến chỗ Phật, thưa rằng:

«Thưa Đại Sa-môn! Ngài có gặp đứa con của tôi tên là Da-thâu-già không?»

Đức Phật nói rằng:

«Bây giờ ông hãy ngồi xuống, không chừng sẽ thấy con của ông.»

Cha của Da-thâu-già nghĩ rằng: «Đại Sa-môn nầy rất là kỳ lạ, nên mới có lời an ủi mời ta như vậy.» Bấy giờ, cha của Da-thâu-già đảnh lễ sát chân Phật rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn tuần tự nói pháp, khiến ông ta phát tâm hoan hỷ. Ngài chê trách dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất yếu là an lạc. Cha của Da-thâu-già liền từ chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tự xét[88] đã đạt được quả chứng rồi, bạch Phật: «Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi xin đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Từ nay về sau trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.» Như vậy cha của Da-thâu-già là vị ưu-ba-tắc đầu tiên thọ ba quy y.

Khi đức Thế Tôn [790a1] vì cha Da-thâu-già nói pháp, bấy giờ, Da-thâu-già các lậu đã đoạn tận, ý mở, đặng trí vô ngại, giải thoát. Hiện nay trong thế gian có bảy vị A-la-hán, gồm sáu vị đệ tử và Phật là bảy. Đức Thế Tôn liền thâu nhiếp thần túc, khiến cho cha của Da-thâu-già thấy con mình, đang ngồi cách Phật không xa. Ông liền đến chỗ Da-thâu-già nói rằng:

«Mẹ con đang chờ. Mất con, không biết con đi dâu, bà hết sức sầu ưu, muốn tự tử. Con nên về thăm mẹ. Chớ để mẹ con tự hại.»

Bấy giờ, Da-thâu-già nhìn lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo cha của Da-thâu-già rằng:

«Thiện gia nam tử học trí, học đạo, đã sạch hết trần cấu, được pháp nhãn tịnh, sau khi đã quán như vậy rồi tâm giải thoát khỏi hữu lậu. Thế nào, trưởng giả, khi người đã bỏ dục, lại có thể thân cận dục trở lại được chăng?»

Trả lời:

«Thưa, không. Đúng vậy, Thiện gia nam tử Da-thâu-già này đã học trí, học đạo, đã sạch hết trần cấu, được pháp nhãn tịnh, sau khi đã quán như vậy rồi tâm giải thoát khỏi hữu lậu, không bao giờ thân cận dục trở lại như trước khi còn ở thế tuc. Nay, Thiện gia nam tử Da-thâu-già này đã khéo đạt được lợi

lớn, học trí, học đạo được tâm giải thoát vô lậu, dứt sạch các trần cấu, đặng sự trong sạch của con mắt pháp. Sau khi quán như vậy, tâm giải thoát khỏi hữu lậu. Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con; cùng với Da-thâu-già và tỳ-kheo thị giả.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Nhưng Da-thâu-già không nhận thọ biệt thỉnh vì chưa được đức Thế Tôn cho phép thọ biệt thỉnh. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép thọ biệt thỉnh.»

Thỉnh có hai cách: thỉnh Tăng rồi Tăng sai đi và thỉnh riêng[89].

Bấy giờ, cha của Da-thâu-già biết đức Như Lai nhận lời bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân đức Phật, rồi cáo lui.

Về đến nhà, nói với mẹ của Da-thâu-già và vợ của con mình rằng:

«Các người nay có biết chăng? Da-thâu-già hiện ở tại chỗ Đại Sa-môn, tu phạm hạnh. Hôm nay ta thỉnh Đại Sa-môn và Da-thâu-già, cùng vị thị giả đến thọ thực. Các người hãy biết thời, sửa soạn tất cả mọi thứ cần dùng.»

Mẹ và vợ của Da-thâu-già liền sắm sửa đủ các thứ cần dùng và thức ăn rồi, đến mời đức Phật quang lâm thọ thực.

Bấy giờ đã đến giờ, đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, Da-thâu-già theo hầu, đồng đến nhà của cha Da-thâu-già, an tọa trên chỗ ngồi dọn sẵn. Mẹ và vợ của Da-thâu-già dâng thức ăn và các thứ cần dùng lên đức Thế Tôn. Ngài thọ thực xong, dọn bát rồi, hai người dọn chỗ ngồi nhỏ, ngồi trước đức Thế Tôn. Đức Phật vì họ tuần tự nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan hỷ, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đặng sự trong sạch con mắt pháp, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, bèn bạch đức Phật rằng:

«Kính bạch đức Thế Tôn, từ nay về sau, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Xin nhận con làm người ưu-bà-di. Từ nay về sau trọn đời con không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Như vậy, người thọ ba tự quy, làm người ưu-bà-di đầu tiên là mẹ và vợ của Da-thâu-già. Đức Thế Tôn vì mẹ và vợ của Da-thâu-già nói pháp rồi rời chỗ ngồi ra về.

---o0o---

iii. Những người bạn

Một thời, đức Thế Tôn du hóa nước Ba-la-nại. Nơi đây có bốn người bạn lúc nhỏ của Da-thâu-già. Một người tên là Vô Cấu. Người thứ hai tên là Thiện Tý. Người thứ ba tên là Mãn Nguyện. Người thứ tư tên là Già- phạm-bà-đề[90]. Nghe Da-thâu-già tu phạm hạnh tại chỗ Đại Sa-môn, mỗi người tự nghĩ rằng: «Giới đức nầy chắc chắn không hư dối. Pháp tu phạm hạnh của Sa-môn cũng không hư dối. Tại sao vậy? Vì nó đã khiến cho con nhà tộc tánh này chấp nhận tu và học phạm hạnh theo nó. Con nhà tộc tánh kia đã đối với giới đức kia tu phạm hạnh, thì chúng ta nên đến chỗ Đại Sa-môn tu phạm hạnh.»

Rồi bốn người bạn liền đến chỗ Da-thâu-già nói:

«Sự tu phạm hạnh của bạn nơi Đại Sa-môn có phải là rất đặc biệt?»

Da-thâu-già trả lời:

«Sự tu phạm hạnh của nơi Đại Sa-môn thật là rất vi diệu.»

Bốn người bạn nói với Da-thâu-già:

«Chúng tôi cũng muốn xuất gia tu phạm hạnh nơi Đại Sa-môn.»

Da-thâu-già liền dẫn đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch:

«Đây là bốn người bạn của con, ở Ba-la-nại, nay muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai. Cúi xin Ngài dũ lòng thương cho phép các bạn của con xuất gia tu phạm hạnh.»

Đức Thế Tôn thuận ý và tuần tự giảng cho họ pháp thù thắng. Pháp thù thắng là bố thí, trì giới, sanh thiên; chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Tức thì, ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng, họ liền bạch Phật:

«Chúng con muốn tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.»

Đức Phật nói:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Như những gì đã thấy, bốn người quán sát trở lại, liền đoạn tận hữu lậu, tâm đặng giải thoát, và phát sanh trí vô ngại giải thoát.

Bấy giờ, trong thế gian có mười vị A-la-hán; các đệ tử và đức Như Lai là mười một.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa nơi nước Ba-la-nại. Khi ấy, có năm mươi người bạn thiếu thời của Da-thâu-già cư trú bên ngoài thành, nghe Da-thâu-già tu phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn đều nghĩ rằng: «Tu phạm hạnh trong giới này không hư dối. Tại sao vậy? Bởi vì con nhà tộc tánh đã tu phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn nầy. Con nhà tộc tánh đã tu phạm hạnh, nay chúng ta nên đến chỗ Sa-môn để tu phạm hạnh được chăng?»

Bấy giờ, năm mươi người đồng bạn đều đến chỗ Da-thâu-già hỏi:

«Chỗ này tối thắng chăng? Tu phạm hạnh tuyệt diệu không?»

Da-thâu-già trả lời:

«Đây là chỗ tối thắng và tu phạm hạnh cũng tuyệt diệu.»

Năm mươi người nầy đều nói với Da-thâu-già:

«Chúng tôi cũng muốn xuất gia tu phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn.»

Da-thâu-già dẫn họ đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch:

«Kính bạch đức Thế Tôn, năm mươi người đồng bạn của con đây, cư trú bên ngoài thành Ba-la-nại, nay nuốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp của đức Như Lai. Cúi xin đức Thế Tôn dũ lòng thương cho phép họ xuất gia tu phạm hạnh.»

Đức Thế Tôn liền cho phép và tuần tự vì họ nói pháp thù thắng. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Tức thì, ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng, họ liền thưa rằng:

«Kính bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong pháp của Như Lai.»

Đức Phật dạy:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Như những gì đã thấy, quán sát trở lại, liền đoạn tận hữu lậu, tâm đặng giải thoát, và phát sanh trí vô ngại giải thoát. Bấy giờ, trong thế gian có sáu mươi vị A-la-hán đệ tử và đức Như Lai là sáu mươi mốt.

Bấy giờ Thế Tôn du hóa nơi nước Ba-la-nại. Khi ấy có nhóm năm mươi người đồng bạn đến nước Ba-la-nại, thành hôn nhơn tại nước Ba-la-nại. Họ đi du ngoạn khắp nơi ngoài thành, lần hồi đến chỗ vườn Nai của Tiên nhơn. Năm mươi người từ xa trông thấy đức Thế Tôn tướng mạo đoan chánh, đặc biệt, liền phát tâm hoan hỷ, đến chỗ Ngài, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn vì họ nói pháp tối thắng, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Pháp tối thắng được Ngài dạy là bố thí, trì giới, phước báo sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Tức thì, ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của [791a1] con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng, họ liền thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai.»

Đức Phật dạy:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Như những gì đã thấy, quán sát trở lại, liền đoạn tận hữu lậu, tâm đặng giải thoát, và phát sanh trí vô ngại giải thoát.

Bấy giờ, trong thế gian có một trăm mười vị A-la-hán; các đệ tử, và đức Phật là một trăm mười một.

---o0o---

4. Long vương Y-la-bát-la

Bấy giờ, Thế Tôn du hóa tại nước Ba-la-nại. Khi ấy có Long vương Y-la-bát-la[91] , vào những ngày mồng tám, mười bốn và rằm[92] , tự ra khỏi cung điện của mình nơi sông Hằng, tay bưng bát bằng vàng đựng đầy thóc bằng bạc, bát bằng bạc đựng đầy thóc bằng vàng, dẫn các long nữ đi theo, nói bài kệ như sau:

Vua gì vua lớn nhất?

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng;

Làm sao được vô cấu?

Thế nào là người ngu?

Người nào bị nước cuốn?

Được gì gọi là trí?

Tại sao dòng không chảy?

Mà gọi là giải thoát?

Long vương nói tiếp:

«Người nào giải bày được nghĩa bài kệ này, ta sẽ đem bát bằng vàng đựng đầy thóc bạc, bát bằng bạc đựng đầy thóc bằng vàng và dẫn các long nữ tặng thưởng người ấy. Ta cầu tìm đức Như Lai, Đẳng chánh giác.»

Bấy giờ, mọi người tụ tập thành đám đông rất lớn. Có người đến để xem bát vàng thóc bạc, bát bạc thóc vàng; có người đến để xem long nữ; có người muốn đến để cùng Long vương phân biệt nghĩa của bài kệ.

Lúc đó, có một Phạm chí tên là Na-la-đà ở bên cạnh thành Ba-la-nại, ít cấu bẩn, lợi căn, nhiều trí thông minh. Na-la-đà ra khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ Long vương, nói rằng:

«Tôi muốn giải nghĩa bài kệ đó.»

Long vương Y-la-bát-la hướng về Na-la-đà nói lại bài kệ:

Vua gì vua lớn nhất?

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng;

Làm sao được vô cấu?

Thế nào là người ngu?

Người nào bị nước cuốn?

Được gì gọi là trí?

Tại sao dòng không chảy?

Mà gọi là giải thoát?

Long vương nói:

«Người nào giải bày được nghĩa bài kệ này, ta sẽ đem bát bằng vàng đựng đầy lúa bạc, bát bằng bạc đựng đầy lúa bằng vàng và dẫn long nữ tặng thưởng người ấy. Ta cầu tìm đức Như Lai, đẳng chánh giác.»

Phạm chí Na-la-đà nói với Long vương Y-la-bát-la rằng:

«Sau đây bảy ngày tôi sẽ giải bày nghĩa bài kệ này.»

Phạm chí Na-la-đà đọc tụng thuộc lòng bài kệ này rồi trở lại thành Ba-la-nại. Lại nghĩ: «Ở đây sa-môn, bà-la-môn nào tài cao đức cả, để ta hỏi nghĩa của bài kệ này?» Phạm-chí lại nghĩ: «Bất-lan Ca-diếp[93] là người trưởng thượng trong mọi người, là bậc thầy của người, mọi người đều tôn ngưỡng, danh tiếng khắp nơi. Sở tri của ông như biển, được nhiều người cúng dường. Nay ta nên hỏi vị ấy nghĩa của bài kệ này được chăng?»

Bấy giờ, Phạm chí Na-la-đà đến chỗ Ca-diếp hỏi nghĩa bài kệ. Bất-lan Ca-diếp nghe bài kệ xong, thật sự không biết nghĩa của nó, nên không trả lời được, liền cau mày, trợn mắt, giọng nói hung dữ, nổi gân cổ, cơn giận bừng bừng. Phạm chí liền bỏ đi và nghĩ: «Ta sẽ đến đâu để tìm sa-môn, bà-la-môn nào để hỏi nghĩa của bài kệ này.» Đi giữa đường Phạm chí lại nghĩ: «Mạt-khư-lê-cù-xa-li, A-di-đầu-sí-sá-khâm-bà-la, Mâu-đề-xỉ-bà-hưu-ca-chiên-diên, San-nhã-tỳ-la-tra-tử, Ni-kiền Tử, hiện là bậc thầy ở trong mọi người được mọi người đều tôn ngưỡng, xa gần ai cũng biết, sở tri như biển, nhiều người cúng dường. Nay ta nên đến đó để hỏi nghĩa bài kệ nầy.»

Bấy giờ, Phạm chí Na-la-đà đến nơi Mạt-khư-lê-cù-xa-li, cho đến, Ni-kiền Tử. Đem bài kệ này nói cho họ nghe. Nghe xong, vị ấy thật sự không biết nghĩa của nó, nên không trả lời được, liền cau mày, trợn mắt, giọng nói hung dữ, nổi gân cổ, cơn giận bừng bừng. Phạm chí liền bỏ đi và nghĩ: «Ta sẽ đến đâu để tìm sa-môn, bà-la-môn nào để hỏi nghĩa của bài kệ này.» Phạm-chí nghĩ tiếp: «Đại Sa-môn Cù-đàm là bậc thầy trong đại chúng, được mọi người tôn ngưỡng, tiếng đồn khắp nơi. Sở tri rộng như biển, được nhiều người cúng dường. Nay ta nên đến đó để hỏi nghĩa bài kệ này.» Nhưng rồi Phạm chí lại nghĩ: «Những vị sa-môn, bà-la-môn kia lớn tuổi, xuất gia đã lâu, còn không thể giải thích được bài kệ này, huống là Sa-môn Cù-đàm tuổi còn non trẻ, lại mới xuất gia, làm sao giải thích được?» Tuy nhiên, Phạm-chí nghĩ lại: «Tuy tuổi nhỏ ấu trĩ, nhưng không thể khinh. Cũng có người xuất gia tuổi nhỏ, học đạo đắc A-la-hán, thần túc tự tại. Nay ta nên đến đó để hỏi nghĩa bài kệ này.»

Bấy giờ, Phạm chí Na-la-đà ra khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ vườn nai nơi ở Tiên nhơn, đưa tay chào đức Như Lai. Hai bên thăm hỏi xong, ngồi qua một bên thưa đức Thế Tôn rằng:

«Tôi có điều muốn hỏi. Sa-môn Cù-đàm cho phép tôi được hỏi hay không?»

Đức Phật nói:

«Nầy Phạm-chí! Ông muốn hỏi điều chi cứ tùy ý hỏi.»

Bấy giờ Na-la-đà nghĩ: «Các sa-môn, bà-la-môn kia không có được nhan sắc như vậy. Không cởi mở cho ta. Không nói rằng, ‹Tùy ý cứ hỏi.› Vị Sa-môn Cù-đàm này rất là kỳ lạ, hy hữu.»

Phạm chí liền đọc bài kệ:

Vua gì vua lớn nhất?

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng;

Làm sao được vô cấu?

Thế nào là người ngu?

Người nào bị nước cuốn?

Được gì gọi là trí?

Tại sao dòng không chảy?

Mà gọi là giải thoát?

Đức Thế Tôn dùng kệ trả lời cho Phạm chí Na-la-đà:

Thứ sáu[94] vua lớn nhất.

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng[95].

Không nhiễm thì vô cấu.

Người nhiễm là người ngu.

Người ngu bị nước cuốn.

Người hay diệt là trí.

Hay xả tất cả giòng.

Trời cho đến thế gian.

Không cùng giòng tương ưng.

Không bị chết mê hoặc.

Hay lấy niệm làm chủ.

Các giòng đều giải thoát.

Bấy giờ Na-la-đà nghe đức Như Lai nói bài kệ này rồi, đọc tụng thuộc lòng xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ sát chân đức Thế Tôn, nhiễu ba vòng, trở về thành Ba-la-nại.

Sau bảy ngày, Y-la-bát-la Long vương ra khỏi long cung, dẫn các long nữ, đem bát vàng đựng đầy lúa bạc, bát bạc đựng đầy lúa vàng đến nói kệ:

Vua gì vua lớn nhất?

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng;

Làm sao được vô cấu?

Thế nào là người ngu?

Người nào bị nước cuốn?

Được gì gọi là trí?

Tại sao dòng không chảy?

Mà gọi là giải thoát?

Long vương nói:

«Ai có thể diễn nói nghĩa của bài kệ này, tôi sẽ dùng bát bằng vàng đựng đầy [792a1] lúa bạc, bát bằng bạc đựng đầy lúa bằng vàng và đem các long nữ tặng thưởng vị ấy. Vì muốn cầu tìm Vô thượng, Chánh chơn, Đẳng chánh giác.»

Bấy giờ, có nhiều người tập hợp, hoặc để xem bát vàng đựng lúa bạc, hay bát bạc đựng lúa vàng; hoặc có người đến để xem long nữ; hoặc có người đến để nghe Phạm chí Na-la-đà giải thích nghĩa của bài kệ.

Phạm chí Na-la-đà ra khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ Long cung của Long vương Y-la-bát, nói với Long vương:

«Tôi sẽ vì người phân biệt luận giải từng câu một của bài kệ ấy.»

Long vương liền hướng về Na-la-đà nói kệ:

Vua gì vua lớn nhất?

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng;

Làm sao được vô cấu?

Thế nào là người ngu?

Người nào bị nước cuốn?

Được gì gọi là trí?

Tại sao dòng không chảy?

Mà gọi là giải thoát?

Na-la-đà dùng bài kệ trả lời Long vương:

Thứ sáu, vua lớn nhất.

Cái nhiễm cùng nhiễm bằng.

Không nhiễm thì vô cấu.

Người nhiễm là người ngu.

Người ngu bị nước cuốn.

Người hay diệt là trí.

Hay xả tất cả giòng.

Trời cho đến thế gian.

Không cùng giòng tương ưng.

Không bị chết mê hoặc.

Hay lấy niệm làm chủ.

Các giòng đều giải thoát.

Bấy giờ, Long vương Y-la-bát hỏi Phạm chí:

«Tự ông có đủ trí để nói bài kệ này hay là ông được nghe từ sa-môn, bà-la-môn nào rồi nói lại?»

Phạm chí trả lời Long vương:

«Tôi không đủ trí để nói; mà là được nghe từ Sa-môn Cù-đàm Thích tử, xuất gia học đạo thành Vô thượng Chánh chơn, Chánh đẳng giác, rồi nói lại mà thôi.»

Long vương liền nghĩ: «Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn, Chánh đẳng giác đã xuất hiện ở đời chăng? Đã xuất hiện ở đời chăng?»

Long vương liền hỏi Phạm chí:

«Hiện nay đức Như Lai ở chỗ nào?»

Phạm chí nói:

«Hiện nay Ngài đang ở gần tại vườn Nai của Tiên nhơn.»

Long vương nói với Na-la-đà:

«Hãy cùng tôi đến đó để kính lễ đức Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác?»

Bấy giờ, Na-la-đà và Long vương dẫn theo tám vạn bốn ngàn đồ chúng, đến vườn Nai Tiên nhơn vây quanh trước sau chỗ đức Thế Tôn, kính lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Na-la-đà cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên.

Trong tám vạn bốn ngàn đồ chúng, có người kính lễ sát chân đức Như Lai, rồi đứng qua một bên; có người đưa cao nắm tay lên, cùng chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên; có người hướng về đức Như Lai tự xưng danh tánh, rồi ngồi

xuống một bên; có người chắp tay nhìn đức Như Lai, rồi ngồi xuống một bên; có người ngồi lặng lẽ không nói, ngồi xuống một bên.

Tám vạn bốn ngàn đồ chúng ổn định chỗ ngồi rồi, đức Thế Tôn tuần tự vì họ nói pháp tối thắng, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Bấy giờ Na-la-đà và tám vạn bốn ngàn đồ chúng ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật rằng:

«Chúng con từ nay về sau, xin quy y Phật, Pháp, Tăng, cúi xin đức Thế Tôn cho phép chúng con làm người ưu-bà-tắc trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Bấy giờ Long vương Y-la-bát buồn khóc, không thể ngăn được nước mắt. Rồi lại vui mừng phấn khởi. Na-la-đà hỏi Long vương:

«Tại sao buồn khóc? Vì tiếc bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng và long nữ các thứ mà khóc phải không?»

Long vương nói:

«Tôi không phải vì những vật ấy mà buồn khóc đâu. Na-la-đà nên biết, nay ông cần lấy bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng thì cứ lấy, chớ có ngại. Nếu ông cần người nữ Sát-lợi, người nữ bà-la-môn, người nữ cư sĩ, người nữ công nghệ trong thành Ba-la-nại, tôi cũng khiến họ trao tặng cho ông. Tại sao vậy? Này Na-la-đà, vì ông không thể cùng với long nữ chung hội được.»

Na-la-đà trả lời Long vương:

«Bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng, tôi không cần. Long nữ, tôi cũng không cần. Nay tôi chỉ muốn tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai.»

Phạm chí Na-la-đà đã thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tự biết[96] đặng quả chứng, liền bạch Phật:

«Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.»

Phật bảo:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Như trước đã thấy, sau khi quán sát lại nữa, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, phát sanh trí vô ngại giải thoát. Bấy giờ trong thế gian, có một trăm mười một vị A-la-hán. Với Phật nữa, là một trăm mười hai vị.

Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi Long vương rằng:

«Vì sao ngươi buồn khóc không thể tự ngăn chận được?»

Long vương bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế Tôn, con nghĩ xưa kia, khi đức Phật Ca-diếp ra đời, con tu phạm hạnh mà phạm giới, phá hoại lá cây y-la-bát[97] nên mắc phải quả báo thế này. Bạch đức Thế Tôn, do nghiệp báo này nên con sanh trong loài rồng trường thọ. Sau khi đức Như Lai nhập Niết-bàn, chánh pháp diệt tận, con mới chuyển được thân loài rồng này. Con bị mất cả hai điều lợi; không được tu phạm hạnh. Cho nên con buồn khóc, không thể ngăn chận được.»

Bấy giờ đức Thế Tôn lại hỏi Long vương rằng:

«Vì lý do gì ngươi lại vui mừng?»

Long vương thưa:

«Chính con được nghe đức Phật Ca-diếp nói, ‹Sau này sẽ có đức Phật Thích-ca Mâu-ni xuất hiện trong đời, là Như Lai, Chí nhơn, Đẳng chánh giác.› Những điều con thấy hôm nay là đúng như thật không hề sai khác. Con nghĩ, ‹Đây là điều chưa từng có. Sở kiến, tuệ của Như Lai, là như thật, không hai.› Vì điều đó, cho nên con vui mừng phấn khởi, không tự ngăn được.»

Đức Phật bảo Long vương:

«Nay, ngươi hãy quy y Phật, Pháp, Tăng.»

Long vương thưa:

«Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng.»

Như vậy, trong hàng súc sanh, lần đầu tiên thọ ba tự quy y trước nhất là Long vương Y-la-bát. Đức Thế Tôn dùng bài kệ bảo các tỳ-kheo:

Ta bứt mọi lưới bũa,

Trên trời và trong đời;

Ngươi cũng bứt tất cả

Trên trời và trong đời[98].

Bấy giờ, ma Ba-tuần dùng bài kệ hướng về Thế Tôn nói:

Ông bị các lưới trói,

Trên trời và trong đời;

Trói bởi mọi thứ lưới,

Sa-môn, không thể thoát.

Đức Thế Tôn cũng dùng bài kệ để trả lời Ba-tuần rằng:

Ta đã thoát tất cả,

Trên trời và trong đời.

Thoát tất cả các lưới;

Ta nay chiến thắng ngươi.

Ba-tuần lại dùng bài kệ để trả lời Phật rằng:

Trong ông có kết phược;

Tâm hành ở trong đó.

Vì vậy nó theo ông;

Sa-môn, không thể thoát.

Đức Thế Tôn lại cũng dùng kệ để trả lời rằng:

Thế gian có năm dục.

Ý thức là thứ sáu.

[793a1] Ta ở trong không dục.

Ta đã chiến thắng người.

Bấy giờ, ma Ba-tuần tự nghĩ: «Như Lai đã thấu suốt ý nghĩ của ta; đã biết tất cả.» Do vậy, nó ôm lòng sầu ưu không vui, ẩn mình mà trở về bản xứ.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các tỳ-kheo bài kệ này:

Ta nay bứt mọi lưới,

Trên trời và trong đời.

Các ngươi cũng bứt cả,

Trên trời và trong đời.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các ông hãy du hành trong thế gian. Không nên hai người cùng đi. Nay Ta muốn đến thôn đại tướng ở Ưu-lưu-tần-loa để thuyết pháp.»

Các tỳ-kheo đáp:

«Kính vâng, bạch Thế Tôn.»

---o0o---

III. TĂNG PHÁP THỌ GIỚI

1. Sơ chế Pháp

i. Tam ngữ đắc giới

Các tỳ-kheo vâng lời đức Thế Tôn dạy, du hóa trong nhân gian thuyết pháp. Lúc bấy giờ có người nghe pháp sanh lòng tin, muốn thọ giới cụ túc. Các tỳ-kheo dẫn người muốn thọ cụ túc về chỗ đức Như Lai. Khi chưa đến nơi, giữa đường, họ mất lòng tin, nên không được thọ giới cụ túc. Các tỳ-kheo đem việc này bạch lên đức Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép các ông trực tiếp cho người xuất gia, thọ giới cụ túc. Nên dạy bảo người muốn thọ giới cụ túc như vầy: bảo cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, cởi bỏ dày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay. Dạy nói như vầy:

«Con tên là ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con xin xuất gia trong giáo pháp của đức Như Lai. Đức Như Lai, bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, là Thế Tôn của con.»

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Rồi, nói tiếp:

«Con tên là ..., đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con xin xuất gia trong giáo pháp của đức Như Lai. Đức Như Lai, bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, là Thế Tôn của con.»

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép nói ba câu[99] như vậy tức là thọ giới cụ túc.»

---o0o---

ii. Bạt-đà-la-bạt-đề

Một thời, đức Thế Tôn trú trong vườn Kiếp-ba[100] tại Uất-bề-la. Bấy giờ có Uất-bề-la Bạt-đà-la-bạt-đề[101] ,gồm có năm mươi người đồng bạn, dẫn các phụ nữ đến nơi vườn này, cùng nhau vui chơi. Trong số đồng bạn đó, có một

người không có vợ, thuê một dâm nữ dẫn đến vui chơi. Dâm nữ này trộm lấy của cải của người ấy, rồi bỏ trốn; không biết ở đâu. Đồng bọn biết bạn của mình bị mất của, liền rảo khắp vườn để tìm người dâm nữ. Từ xa thấy đức Như Lai tướng mạo đoan chánh, các căn tịch định, họ bèn phát tâm hoan hỷ, đến trước đức Thế Tôn thưa hỏi:

«Đại Sa-môn có thấy một người đàn bà đến đây hay không?»

Đức Phật nói:

«Các cậu là công tử nhà ai? Đi tìm người đàn bà nào?»

Các cậu nói:

«Đại Sa-môn nên biết, Uất-bề-la Bạt-đà-la-bạt-đề, và đồng bạn gồm năm mươi người, cùng các phụ nữ vui chơi trong vườn nầy. Một người trong số đồng bạn không có vợ, nên dùng tiền thuê một dâm nữ dẫn đến cùng vui chơi. Dâm nữ ấy trộm lấy của cải của anh ta rồi bỏ trốn; không biết ở đâu. Nay, chúng tôi vì là đồng bạn đến đây để tìm dâm nữ kia.»

Đức Phật nói:

«Sao các công tử, nên tự tìm chính mình[102] , hay nên tìm người phụ nữ?»

Các cậu trả lời:

«Nên tìm chính mình, hơn là tìm người phụ nữ.»

Đức Phật bảo các cậu:

«Các cậu công tử hãy ngồi lại đây. Ta sẽ nói pháp cho các công tử.»

Bấy giờ, các công tử kính lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì các cậu nói pháp tối thắng, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Các công tử ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật rằng:

«Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.»

Phật bảo:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

---o0o---

iii. Uất-bề-la Ca-diệp

Một thời đức Thế Tôn du hóa tại Uất-bề-la. Nơi Uất-bề-la[103] có Phạm chí tên là Uất-bề-la Ca-diếp[104] , đang cư trú tại đó. Ông là bậc thầy cao cả đối với năm trăm Phạm chí bện tóc[105] . Người trong nước Ương-già[106] và Ma-kiệt đều xưng là A-la-hán. Đức Thế Tôn đến chỗ Uất-bề-la Ca-diếp, nói:

«Tôi muốn nghỉ lại một đêm trong nhà này[107] , được không?»

Uất-bề-la Ca-diếp trả lời:

«Được thôi. Không có gì trở ngại. Chỉ có điều, trong nhà đó có con độc long cực ác. Sợ nó làm hại ông chăng?»

Đức Phật nói:

«Không can chi. Miễn ông đồng ý. Độc long không hại tôi đâu.»

Ca-diếp trả lời:

«Nhà này rộng rãi. Tùy ý ông cứ nghỉ.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn vào trong thạch thất, tự trải tọa cụ, ngồi kết già, thẳng mình chánh ý. Con độc long thấy đức Như Lai ngồi im lặng rồi, liền khạc ra khói mù. Đức Như Lai cũng phóng ra khói mù. Con rồng thấy đức Như Lai phóng ra khói mù, nó lại khạc ra lửa. Như Lai cũng phóng ra lửa.

Bấy giờ, trong thạch thất bốc khói lửa. Ca-diếp từ xa thấy lửa và khói nơi thạch thất, bèn nghĩ: «Sa-môn Cù-đàm rất xinh đẹp. Đáng tiếc là bị độc long làm hại rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ: «Nay Ta hãy bắt con độc long này, không nên gây thương tổn thân nó, mà hàng phục nó.» Như Lai liền dùng thần lực hàng phục độc long, không làm thương tổn đến thân con độc long. Khói và lửa từ thân của độc long phóng ra, từ từ yếu dần. Trong thân Như Lai phóng ra vô số ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, lưu ly, pha lê. Đức Như Lai hàng phục con độc long rồi, đựng nó trong bình bát. Sáng sớm, đem đến chỗ Uất-bề-la Ca-diếp và nói:

«Ông muốn biết không? Con độc long mà ông nói đó, tôi đã hàng phục. Hiện đựng trong bát này.»

Ca-diếp nghĩ: «Sa-môn Cù-đàm có đại oai đức, thần túc tự tại, nên mới có thể hàng phục được con độc long này, mà không bị nó làm hại. Sa-môn Cù-đàm này, tuy đạt thần túc tự tại, nhưng sự chứng đắc A-la-hán của ông không bằng sự chứng đắc A-la-hán của ta.»[108]

Ca-diếp nói:

«Đại Sa-môn có thể nghỉ đêm nơi đây, tôi sẽ cung cấp thức ăn»

Đức Phật bảo Ca-diếp:

«Nếu ông tự thân báo giờ đã đến, tôi sẽ nhận lời mời của ông.»

Ca-diếp bạch:

«Đại Sa-môn tạm nghỉ đêm nơi đây. Tôi sẽ đến báo giờ.»

Đức Như Lai sau khi thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về nghỉ đêm tại thạch thất. Đêm hôm ấy tĩnh mịch, đức Thế Tôn nhập hỏa quang tam-muội, làm cho thạch thất kia sáng rực lên. Trong đêm, Ca-diếp thức dậy, thấy thạch thất tỏa ánh sáng của lửa rực chiếu, liền nghĩ: «Ngài Đại Sa-môn này cực kỳ xinh đẹp, nay nghỉ đêm nơi thạch thất này, bị lửa thiêu mất.» Ca-diếp liền dẫn đồ chúng đến đứng vây xung quanh thạch thất.

Sáng ngày, Ca-diếp bạch Phật:

«Giờ đã đến. Xin mời đến ăn cơm.»[109]

Lại hỏi:

«Đại Sa-môn, đêm qua vì sao có ánh lửa sáng lớn vậy?»

Đức Phật nói:

«Đêm vừa rồi, tôi nhập hỏa quang tam-muội nên thạch thất tỏa ánh sáng chiếu rực.»

Ca-diếp nghĩ: «Đại Sa-môn này có đại oai thần. Trong đêm tịch tĩnh, nhập hỏa quang tam-muội chiếu sáng thạch thất. Sa môn Cù-đàm tuy đã chứng đắc A-la-hán, nhưng không bằng sự chứng đắc A-la-hán của ta.» Sau khi đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, đến một khu rừng, nghỉ đêm nơi đó.

Sáng ngày, ông Ca-diếp đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Giờ đã đến. Xin mời đến ăn cơm.»

Đức Phật nói:

«Ông về trước. Tôi sẽ đến sau.»

Đức Thế Tôn bảo ông Ca-diếp về trước, rồi Ngài đến cây diêm-phù-đề. Gọi là Diêm-phù-đề vì nơi đó có cây diêm-phù-đề[110] . Đức Như Lai đến đó lấy trái diêm-phù[111] , rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

«Đại Sa-môn [794a1] bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?»

Phật nói với Ca-diếp:

«Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi đến Diêm-phù-đề lấy trái diêm-phù, về đây trước và ngồi ở đây. Trái diêm-phù này, sắc đẹp, thơm, ngon. Ông có thể dùng đi.»

Ông Ca-diếp nói:

«Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi. Đây là trái mà đại Sa-môn nên dùng.»

Ca-diếp nghĩ rằng: «Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về trú tại khu rừng cũ. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ đức Phật thưa:

«Giờ đã đến, xin mời Ngài thọ thực.»

Phật bảo:

«Ca-diếp, Ông về trước. Tôi sẽ đến sau.»

Đức Thế Tôn nói với ông Ca-diếp như vậy rồi, Ngài đến Diêm-phù-đề. Cách đó không xa, có cây ha-lê-lặc. Ngài hái lấy trái ha-lê-lặc, rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

«Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?»

Phật nói với Ca-diếp:

«Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi đến Diêm-phù-đề. Cách đó không xa, có cây ha-lê-lặc. Tôi đến lấy trái ha-lê-lặc, rồi mới đến đây. Trái ha-lê-lặc này sắc đẹp, thơm ngon, ông có thể dùng đi.»

Ca-diếp nói:

«Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi. Đây là trái mà đại Sa-môn nên dùng.»

Ca-diếp nghĩ rằng: «Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về trú tại khu rừng cũ. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ đức Phật thưa:

«Giờ đã đến, xin mời Ngài thọ thực.»

Phật bảo:

«Ca-diếp, Ông về trước. Tôi sẽ đến sau.»

Đức Thế Tôn nói với ông Ca-diếp như vậy rồi, Ngài đi lên phương bắc, đến Uất-đơn-việt[112] , lấy lúa tám tự nhiên[113] , rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

«Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?»

Phật nói với Ca-diếp:

«Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi lên phương bắc, đến Uất-đơn-việt, lấy lúa tám cánh tự nhiên, rồi mới lại ngồi đây. Gạo này sắc đẹp thơm ngon, ông có thể lấy dùng.»

Ca-diếp nói:

«Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi. Đây là gạo mà đại Sa-môn nên dùng.»

Ca-diếp nghĩ rằng: «Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về trú tại khu rừng cũ. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ đức Phật thưa:

«Giờ đã đến, xin mời Ngài thọ thực.»

Phật bảo:

«Ca-diếp, ông về trước. Tôi sẽ đến sau.»

Đức Thế Tôn nói với ông Ca-diếp như vậy rồi, Ngài đi lên trời Đao-lợi lấy hoa mạn-đà-la, rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

«Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?»

Phật nói với Ca-diếp:

«Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi lên trời Đao-lợi, lấy hoa mạn-đà-la[114] , rồi mới lại ngồi đây. Hoa nầy sắc đẹp, mùi thơm sực nức. Ông cần có thể lấy dùng.»

Ca-diếp nói:

«Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi.»

Ca-diếp nghĩ rằng: «Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về khu rừng cũ nghỉ đêm. Trong đêm ấy Tứ Thiên Vương mang phẩm vật cúng dường đến chỗ đức Thế Tôn để cúng dường và nghe pháp. Trong đêm tối, họ toả ánh sáng chiếu soi bốn phương, giống như một vòm lửa lớn, chấp tay kính lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi đứng phía trước. Bấy giờ Ca-diếp thức dậy, thấy trong khu rừng có ánh sáng lớn, chiếu soi bốn phương, giống như một vòm lửa to. Sáng ngày, đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.»

Rồi ông hỏi:

«Đại Sa-môn, đêm vừa rồi sao có ánh sáng lớn này, chiếu soi bốn phương, giống như một vòm lửa rực cháy?»

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

«Đêm qua, Tứ Thiên Vương đem phẩm vật cúng dường đến chỗ tôi để cúng dường và nghe pháp. Họ toả ánh sáng chiếu soi bốn phương, chứ chẳng phải là lửa.»

Ca-diếp nghĩ: «Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại Sa-môn nầy có đại thần lực, khiến cho Tứ Thiên Vương đến nghe pháp. Đại Sa-môn có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp xong, trở về lại khu rừng cũ. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhơn[115] đem phẩm vật đến cúng dường và muốn nghe pháp;

toả ánh sáng lớn trong đêm tối, chiếu bốn phương, như vòm lửa lớn rực cháy, vượt hơn ánh sáng trước, thanh tịnh không tỳ vết; chấp tay kính lễ đức Như Lai, rồi đứng phía trước để nghe pháp. Ca-diếp trong đêm thức dậy, thấy ánh sáng chiếu bốn phương, hơn cả ánh sáng hôm trước, trong sạch không tỳ vết. Sáng ngày, đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.»

Rồi ông hỏi:

«Đại Sa-môn, đêm vừa rồi sao có ánh sáng chiếu soi bốn phương như vòm lửa to rực cháy, hơn cả so với ánh sáng hôm trước, thanh tịnh không tỳ vết. Ánh sáng đó từ đâu mà có?»[116]

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

«Đêm vừa qua, Thích Đề-hoàn Nhơn mang phẩm vật đến cúng dường tôi và nghe pháp nên có ánh sáng đó.»

Ca-diếp nghĩ: «Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại Sa-môn nầy có đại thần lực, khiến cho Thích Đề-hoàn Nhơn mang phẩm vật đến cúng dường nghe pháp. Đại Sa-môn có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực rồi trở về rừng cũ.

Bấy giờ, Phạm Thiên vương muốn dâng phẩm vật cúng dường lên đức Như Lai, tỏa ánh sáng soi khắp bốn phương trong đêm tối, như một vừng lửa lớn, hơn ánh sáng trước, trong sạch không tỳ vết. Ông chấp tay kính lễ đức Như Lai rồi đứng phía trước. Trong đêm ông Ca-diếp thức dậy thấy trong khu rừng có ánh sáng chiếu soi bốn phương như một vừng lửa lớn, trong sạch không tỳ vết, hơn ánh sáng trước. Sáng ngày, đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.»

Rồi ông hỏi:

«Đêm vừa rồi có áng sáng lớn hơn so với ánh sáng trước, ánh sáng ấy do đâu mà có?»

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

«Đêm vừa rồi Phạm Thiên vương đến nghe pháp, cho nên có ánh sáng đó.»

Ca-diếp nghĩ: «Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại Sa-môn nầy có đại thần lực nên mới khiến Phạm Thiên vương đến nghe pháp. Đại Sa-môn có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc [795a1] A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi trở về lại khu rừng kia.

Bấy giờ, Ca-diếp tổ chức một cuộc tế lễ lớn. Dân chúng trong nước Ma-kiệt tập hợp đông. Ông nghĩ rằng: «Trong cuộc tế lễ này của ta, dân chúng tập hợp đông. Đại Sa-môn không đến chẳng là điều tốt sao? Tại sao vậy? Vì nay trong tế lễ này của ta, dân chúng trong nước Ma-kiệt tập hợp đông. Nếu Đại Sa-môn có mặt, với tướng mạo đoan chánh trên đời rất ít có của Sa-môn, dân chúng thấy ắt sẽ bỏ ta, thờ cúng Sa-môn làm thầy, không thờ kính ta nữa.» Đức Thế Tôn biết Ca-diếp nghĩ như vậy nên Ngài đi lên Uất-đơn-việt[117] lấy gạo lúa tám tự nhiên[118] , và ngồi nghỉ ban ngày tại suối lớn A-nậu[119].

Ca-diếp lại nghĩ: «Hôm nay Đại Sa-môn sao không đến thọ thực. Ta có lễ cúng lớn, nhân dân trong nước Ma-kiệt tập hợp đông. Ta nên để phần cho Sa-môn chăng?» Nghĩ xong, Ca-diếp liền bảo người để phần. Sáng ngày, đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.»

Rồi ông hỏi:

«Đại Sa-môn, sao ngày hôm qua không đến? Ngày hôm qua tôi có lễ cúng lớn, nhiều người tập hợp. Tôi có nghĩ: ‹Hôm nay Đại Sa-môn không đến. Ta nên để phần cho Sa-môn chăng?› Và tôi có để phần.»

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

«Tôi cũng biết trước ý ông nghĩ. Ông nghĩ rằng, ‹Hôm nay đại Sa-môn không đến thì đại tế đàn của ta thành tựu. Tại sao vậy? Vì trong đại tế đàn của ta hôm nay, dân chúng trong nước Ma-kiệt tập hợp đông. Đại Sa-môn với tướng mạo đoan chánh, mọi người thấy, họ sẽ bỏ ta thờ kính Sa-môn làm

thầy, không thờ kính ta nữa.› Tôi biết trong tâm ông nghĩ như vậy nên tôi đến Uất-đơn-việt lấy gạo lúa tám tự nhiên và ngồi nghỉ ngày bên suối lớn A-nậu.»

Ca-diếp nghĩ: «Đại Sa-môn nầy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại thần lực, biết những điều trong tâm ta đã nghĩ nên đến Uất-đơn-việt lấy gạo lúa tám tự nhiên và ngồi nghỉ ngày bên suối lớn A-nậu. Đại Sa-môn tuy có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi trở về lại khu rừng cũ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận được một chiếc y phấn tảo quý giá[120] , liền nghĩ: ‹Làm sao có nước để giặt chiếc y này?› Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhơn biết đức Phật nghĩ như vậy, liền đến trước Như Lai, dùng ngón tay chỉ xuống đất, một cái ao lớn liền hiện ra, nước rất trong không có bợn nhơ. Thích Đề-hoàn Nhơn thưa:

«Cúi xin đức Thế Tôn dùng nước này để giặt chiếc y.»

Đức Thế Tôn lại nghĩ: «Nên giặt y trên cái gì đây?» Thích Đề-hoàn Nhơn biết đức Như Lai nghĩ như vậy, liền đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy một hòn đá lớn vuông vức để trước đức Thế Tôn và thưa:

«Cúi xin ngài giặt y trên hòn đá này.»

Đức Thế Tôn lại nghĩ: «Giặt rồi lại phơi ở đâu?» Thích Đề-hoàn Nhơn lại cũng biết đức Như Lai đang nghĩ như vậy, nên lại đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy thêm một hòn đá vuông vức để trước đức Phật và thưa:

«Xin Thế Tôn phơi y trên tảng đá này.»

Đức Thế Tôn giặt và phơi y rồi lại nghĩ: «Bây giờ Ta hãy xuống ao Chỉ đất[121] này tắm.» Ngài liền cởi y xuống tắm. Tắm xong đức Thế Tôn nghĩ: «Bây giờ Ta vin cái gì để lên khỏi ao?» Khi ấy, bên bờ ao có một cây ca-hưu[122] lớn, trước đó nó nghiêng mình ra phía ngoài. Nhưng khi đức Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, nó liền xoay trở lại, nghiêng mình vào phía trong. Đức Thế Tôn vịn vào nó để lên khỏi ao. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.»

Rồi ông hỏi:

«Đại Sa-môn, sao nay có cái ao đẹp thế này, mà trước đây không thấy có?»

Đức Phật nói với Ca-diếp:

«Gần đây tôi nhận được một chiếc y phấn tảo quý giá, liền nghĩ: ‹Làm sao có nước để giặt chiếc y này?› Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhơn biết tôi nghĩ như vậy, liền dùng ngón tay chỉ xuống đất, một cái ao lớn liền hiện ra, nước rất trong không có bợn nhơ, rồi thưa: ‹Cúi xin đức Thế Tôn dùng nước này để giặt chiếc y.›

«Ca-diếp nên biết, ao này gọi là ‹ao Chỉ đất›, cũng như miễu thần không khác.»

Ca-diếp lại hỏi:

«Do đâu mà có hòn đá vuông vức lớn như thế này, trước đây không có?»

Đức Phật nói:

«Tôi lại nghĩ: ‹Nên giặt y trên cái gì đây?› Thích Đề-hoàn Nhơn biết Tôi nghĩ như vậy, liền đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy một hòn đá lớn vuông vức để trước đức Thế Tôn và thưa: ‹Cúi xin ngài giặt y trên hòn đá này.›»

Ca-diếp lại hỏi:

«Hòn đá thứ hai do đâu mà có, trước đây cũng không thấy?»

Đức Phật nói:

«Tôi giặt y rồi, nghĩ: ‹Giặt rồi lại phơi ở đâu?› Thích Đề-hoàn Nhơn lại cũng biết Tôi đang nghĩ như vậy, nên lại đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy thêm một hòn đá vuông vức đến thưa với Tôi rằng, ‹Xin Thế Tôn phơi y trên tảng đá này.›»

Ca-diếp hỏi tiếp:

«Đại thọ trên bờ ao này, trước kia nghiêng xa phía ngoài, tại sao nay lại nghiêng vào phía trong? »

Phật nói với Ca-diếp:

«Tôi giặt và phơi y rồi lại nghĩ: ‹Bây giờ Ta hãy xuống ao này tắm.› Tôi liền cởi y xuống tắm. Tắm xong, Tôi nghĩ: ‹Bây giờ Ta vin cái gì để lên khỏi ao?› Khi ấy, bên bờ ao có một cây ca-hưu lớn, trước đó nó nghiêng ra phía ngoài. Nhưng khi Tôi nghĩ như vậy rồi, nó liền xoay trở lại, nghiêng mình vào phía trong. Tôi vịn vào nó để lên khỏi ao. »

Rồi Ngài nói với Ca-diếp:

«Nên biết, giống như cây thần không khác.»

Khi ấy, Ca-diếp nghĩ rằng: «Đại Sa-môn này thật là kỳ diệu! thật là kỳ diệu! Có đại thần lực nên Thích Đề-hoàn Nhơn mới cung cấp những thứ cần dùng và mới khiến các vật vô tình theo ý muốn của Sa-môn.» Ca-diếp nói, «Đại Sa-môn này thần túc tự tại đã đắc A-la-hán. Tuy nhiên không như ta đắc A-la-hán.»

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp xong trở về lại khu rừng cũ.

Bấy giờ ông Ca-diếp lại nghĩ: «Nếu có người đến đây ta sẽ mời ăn cơm.» Đức Thế Tôn biết ý nghĩ đó, liền hóa năm trăm vị tỳ-kheo, khoác y bưng bát, từ xa đi đến. Ca-diếp từ xa thấy năm trăm vị tỳ-kheo khoác y bưng bát đi đến, lại nghĩ: «Than ôi, các tỳ-kheo từ đâu đến? Ta làm sao đủ thức ăn để mời.» Đức Thế Tôn liền thâu thần túc, khiến năm trăm vị tỳ-kheo này biến mất. Ca-diếp nghĩ: «Đây là do thần lực của Đại Sa-môn biến hiện thế này.» Sau đó Ca-diếp lại nghĩ: «Nếu có người đến đây ta sẽ mời cơm.» Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa thành năm trăm vị Phạm chí bện tóc, tay xách bình tắm, từ xa đi đến. Ca-diếp từ xa thấy năm trăm vị Phạm chí búi tóc, tay xách bình tắm đi đến, liền nghĩ: «Than ôi, năm trăm Phạm chí đến, thức ăn ở đâu đủ để mời.» Đức Thế Tôn liền nhiếp thần túc khiến năm trăm vị Phạm chí biến mất. Ca-diếp nghĩ: «Đây là do Đại Sa-môn biến hóa.» Ca-diếp lại nghĩ: «Nếu có người đến đây ta sẽ mời cơm.» Đức Thế Tôn lại hóa năm trăm vị Phạm chí thờ lửa, cách thạch thất không xa, đều cùng nhau kính lễ thần lửa. Ca-diếp thấy vậy, nghĩ: «Than ôi, họ ở đâu đến? Thức ăn làm sao có đủ để mời.» Đức Thế Tôn liền nhiếp thần túc khiến năm trăm vị Phạm chí biến mất. Ca-diếp nghĩ: «Đây là do Đại Sa-môn biến hóa.»

Bấy giờ, các Phạm chí đệ tử ông Ca-diếp mỗi ngày ba lần xuống nước để tắm. Nhưng quá lạnh không thể chịu nổi, họ rét run. Bấy giờ đức Phật liền hóa năm trăm lò sưởi mà không có lửa khói và bảo các Phạm chí tự mình sưởi ấm. Các Phạm chí nghĩ: «Đây là do Đại Sa-môn biến hóa.» Các Phạm chí đều muốn bửa củi mà không thể bửa được. Các phạm chí nghĩ: «Đây là do đại lực của Đại Sa-môn làm nên.» Sau đó [796a1] bửa được. Họ lại nghĩ: «Do thần lực của Đại Sa-môn làm nên.» Họ muốn đưa búa lên, mà không thể đưa được; họ nghĩ: «Do thần lực của Đại Sa-môn làm nên.» Sau đó lại đưa búa lên được, họ cũng nghĩ, do Đại Sa-môn làm ra. Các Phạm chí muốn hạ búa xuống không thể hạ được, họ nói là do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại hạ búa được, họ cũng nói, do Đại Sa-môn làm nên. Các Phạm chí muốn nhen lửa không thể nhen được, nghĩ rằng: do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại nhen được, họ cũng nói, do Đại Sa-môn làm nên. Họ muốn tắt lửa, không thể tắt được, nói là do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại tắt được, họ cũng nghĩ là do Đại Sa-môn làm nên. Họ xách bình tắm muốn đổ nước ra mà không đổ được, họ nghĩ là do Đại Sa-môn làm ra. Sau đó lại đổ được, họ cũng nghĩ do Đại Sa-môn làm ra. Các Phạm chí muốn thôi không trút nước vào bình tắm nữa, vẫn không thôi được, họ nghĩ là do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại thôi được, họ cũng nghĩ là do Đại Sa-môn làm nên.

Lúc bấy giờ, bốn phía có đám mây đen kéo đến, trời mưa lớn như trút nước xuống, nước lụt lên đến ngang lưng, Ca-diếp nghĩ: «Đại Sa-môn này cực kỳ xinh đẹp, bậc nhất trong loài người này, có lẽ bị nước cuốn mất.» Ca-diếp liền dẫn đồ chúng đi trên một chiếc thuyền bằng một cây đại thọ, đến để cứu đức Thế Tôn. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang kinh hành nơi vùng đất khô ráo bên ngoài, như mấy bữa trước. Ca-diếp thấy đức Phật đi kinh hành nơi vùng đất khô ráo như trước, như trong nhà, bèn nghĩ: «Đại Sa-môn này thật là kỳ diệu, thật là kỳ diệu, nên mới khiến những vật vô tình vẫn xoay theo ý muốn của mình. Đại Sa-môn này thần túc tự tại đã được A-la-hán. Tuy nhiên vẫn không như ta đắc A-la-hán.»

Qua một ngày khác, ông Ca-diếp lại đến chỗ đức Thế Tôn mời ngài thọ thực. Phật bảo Ca-diếp về trước, Ngài sẽ đến sau. Sau khi bảo Ca-diếp về, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Ngài biến mất khỏi chỗ đang đi kinh hành, xuyên qua đáy thuyền của Ca-diếp mà xuất hiện. Thấy vậy, Ca-diếp nói:

«Đại Sa-môn này có đại thần đức, bảo ta về trước rồi sẽ đến sau, mà nay lại có mặt nơi thuyền ta trước.»

Đức Phật nói với Ca-diếp:

«Tôi bảo ông về trước, sau đó trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, tôi biến mất khỏi chỗ đang đi kinh hành, xuyên qua đáy thuyền của ông mà xuất hiện.»

Ca-diếp nghĩ và nói:

«Đại Sa-môn này có đại thần lực nên bảo ta về trước rồi sẽ đến sau, mà rồi chỉ trong khoảnh khắc đã có mặt trên thuyền. Đại Sa-môn này có thần lực, đã đạt A-la-hán. Tuy nhiên không như đạo chân thật của ta.» Đức Thế Tôn biết trong tâm Ca-diếp nghĩ như vậy, liền nói:

«Ông thường xưng rằng ‹Đại Sa-môn tuy đã đạt A-la-hán nhưng không như ta đặng A-la-hán. Nay Tôi quán sát, thấy ông chẳng phải là A-la-hán, cũng chẳng phải là hướng A-la-hán đạo.»

Ca-diếp nghĩ và nói:

«Đại Sa-môn này có đại oai thần nên biết điều ta nghĩ trong tâm. Đại Sa-môn này có thần túc lớn tự tại, chứng đắc A-la-hán. Nay ta hãy theo đại Sa-môn để tu phạm hạnh.»

Ca-diếp liền đến trước đức Phật thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, nay con muốn theo đức Như Lai để tu phạm hạnh.»

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

«Ông có năm trăm người đệ tử theo ông học phạm hạnh. Ông nên nói cho họ biết. Nếu họ có ý vui theo thì tùy sở thích mà tu hành.»

Ca-diếp liền đến chỗ đệ tử, nói:

«Các ngươi biết chăng? Nay thầy muốn theo Sa-môn Cù-đàm để tu phạm hạnh. Nếu tâm các ngươi muốn thì tùy ý các ngươi.»

Các người đệ tử thưa:

«Từ lâu chúng con đã có lòng tin đối với đại Sa-môn, chỉ chờ đợi ý của thầy mà thôi.»

Bấy giờ năm trăm người đệ tử liền đem dụng cụ thờ lửa của Bện tóc như tịnh y, bình tắm, ném xuống dòng nước sông Ni-liên-thiền[123] , rồi đến chỗ đức Như Lai, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên.

Bấy giờ đức Thế Tôn vì năm trăm người tuần tự nói pháp tối thắng khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Năm trăm người liền ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tinh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật rằng:

«Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.»

Phật bảo:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, người em giữa của ông Ca-diếp tên là Na-đề Ca-diếp[124] , cư trú bên dưới dòng sông Ni-liên-thiền có ba trăm đệ tử. Người em ấy được trong chúng tôn trọng, là bậc thầy của họ. Ngay lúc ấy, trong chúng có một vị đệ tử đến dòng sông Ni-liên-thiền, bỗng thấy trong dòng nước có dụng cụ thờ lửa, tóc bện, bình tắm, tịnh y, trôi trên dòng nước. Thấy vậy, người đệ tử vội vã chạy đến chỗ Na-đề Ca-diếp báo:

«Thưa thầy, hiện trên dòng sông Ni-liên-thiền có dụng cụ thờ lửa, tóc, tịnh y, bình tắm, trôi trên dòng nước. Không biết Đại sư ở trên đó có bị kẻ ác hãm hại hay chăng?»

Na-đề Ca-diếp bảo một người đệ tử:

«Ngươi đến gấp núi Tượng đầu[125] báo với Già-da Ca-diếp[126] rằng: ‹Hiện nay trên dòng sông Ni-liên-thiền có dụng cụ thờ lửa đủ tất cả thứ đang trôi bồng bềnh trên đó. Ông phải đến mau để cùng với anh của ông đến xem có thể đại huynh đã bị kẻ ác hãm hại rồi chăng?»

Già-da Ca-diếp là người em nhỏ của Uất-bề-la Ca-diếp đang cư trú trong núi Tượng đầu, có hai trăm người đệ tử, ông là bậc thầy ở trong chúng.

Người đệ tử vâng lời Na-đề Ca-diếp, liền đến chỗ Tiểu sư Già-da Ca-diếp thưa:

«Tiểu sư có biết chăng, thầy của con nói hiện trên dòng sông Ni-liên-thiền có bình tắm, tịnh y, tóc, các dụng cụ thờ lửa đang trôi. Tiểu sư phải đến đó để thăm đại huynh phải chăng đã có kẻ ác hãm hại?»

Tiểu sư nghe nói rồi liền dẫn hai trăm đệ tử đến chỗ ở Na-đề Ca-diếp. Khi đến nơi, Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp lại nói với một người đệ tử rằng:

«Ngươi phải mau mau đến chỗ đại huynh để thăm, phải chăng đã có kẻ ác hãm hại Đại huynh?»

Bấy giờ người đệ tử vâng lời hai vị thầy liền đến chỗ đại huynh. Khi đến nơi, thưa xong và hỏi:

«Sao, Đại sư theo Đại Sa-môn này tu học phạm hạnh có tốt hơn chăng?» Ca-diếp trả lời:

«Các ngươi nên biết, ta theo đức Thế Tôn xuất gia học đạo, thật là cực kỳ thắng diệu.»

Người đệ tử kia trở về chỗ hai vị thầy báo:

«Hai Tôn sư nên biết, Đại sư của con đã dẫn các đệ tử đến chỗ Đại Sa-môn xuất gia tu phạm hạnh rồi!»

Bấy giờ hai vị thầy nghĩ rằng: «Từ bỏ nhà đến chỗ không phải nhà để tu phạm hạnh, điều ấy chắc chắn là không hư dối! Tại sao vậy? Anh của ta thông minh, ít trần cấu, có nhiều trí tuệ mà dẫn các đệ tử đến thọ học nơi kia, chắc chắn có sự suy nghĩ kỹ. Chúng ta không thể không đến đó để thọ học.»

Bấy giờ Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp đều dẫn các đệ tử đến chỗ đại huynh. Đến nơi, họ thưa hỏi người anh rằng:

«Đại huynh, chỗ này tốt đẹp hơn chăng?»

Ông Ca-diếp trả lời với hai người em rằng:

«Nơi đây là chỗ rất tốt. Từ bỏ nhà đến chỗ không phải nhà, theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh, thật là cực kỳ thắng diệu.»

Hai người em thưa với ông anh rằng:

«Chúng em cũng muốn theo Đại Sa-môn tu học phạm hạnh.»

Bấy giờ, Uất-bề-la Ca-diếp dẫn hai người em và đệ tử của họ gồm năm trăm người đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, Uất-bề-la Ca-diếp đến trước đức Phật thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, con có người em giữa tên là Na-đề Ca-diếp, cư trú bên sông Ni-[797a1]liên-thiền, thường giáo thọ ba trăm đệ tử, là vị thầy đứng đầu. Người em thứ ba của con cư trú tại núi Tượng đầu, giáo thọ hai trăm người đệ tử, là vị thầy đứng đầu. Nay hai em của con đều muốn đến cầu tu học phạm hạnh trong giáo pháp của Thế Tôn. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép họ xuất gia thọ giới cụ túc, tu phạm hạnh.»

Đức Thế Tôn nhận lời, và tuần tự vì họ nói pháp tối thắng. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Họ liền ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật rằng:

«Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.»

Phật bảo:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Đức Thế Tôn độ một ngàn Phạm chí này thọ giới cụ túc rồi, dẫn đến trong núi Tượng đầu. Ở đây hiện có một ngàn Tăng tỳ-kheo, Ngài dùng ba việc để giáo hóa[127] . Một là giáo hóa thần túc, hai là giáo hóa ức niệm, ba là giáo hóa thuyết pháp.

Giáo hóa bằng thần túc[128] là một hóa thành vô số, hoặc vô số trở lại thành một; trong ngoài thông suốt, vách đá đều xuyên qua được, như đi giữa hư không, không có gì trở ngại; ngồi kiết già giữa hư không, cũng như con chim bay qua lại khắp nơi; vào đất như xuống nước, chìm nổi tự tại; đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm; thân bốc khói lửa, như vừng lửa lớn; mặt trời, mặt trăng kia có thần đức lớn, không chỗ nào không chiếu soi, mà có thể dùng tay sờ đến; thân cao đến trời Phạm Thiên, tới lui không trở ngại. Đó gọi là đức Thế Tôn dùng thần túc để giáo hoá một ngàn vị tỳ-kheo.

Giáo hóa bằng ức niệm[129] là nói rằng, «Ngươi nên[130] suy nghĩ điều này. Ngươi chớ suy nghĩ điều này. Ngươi nên niệm tưởng điều này. Người chớ niệm tưởng điều này. Hãy diệt cái này. Hãy thành tựu cái này.» Đó gọi là đức Như Lai dùng sự ức niệm để giáo hóa cho một ngàn vị Tỳ-kheo.

Giáo hóa bằng sự thuyết pháp[131] là dạy rằng, «Tất cả đang bị bốc cháy. Cái gì mà nói là tất cả đang bị bốc cháy? Mắt đang bị bốc cháy. Sắc đang bị bốc cháy. Thức của mắt đang bị bốc cháy. Xúc của mắt đang bị bốc cháy. Các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc phát sinh do nhân duyên xúc của mắt, đang bị bốc cháy.

Bị bốc cháy bởi cái gì? Bởi lửa dục, lửa nhuế, lửa si. Sao gọi là đang bốc cháy? Đang bốc cháy vì sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não đều đang bốc cháy. Ta nói đây là chỗ sanh ra khổ.

«Cho đến ý cũng vậy.»[132]

Bấy giờ đức Thế Tôn dùng ba việc này để giáo thọ một ngàn Tỳ-kheo. Một ngàn tỳ-kheo nhờ sự giáo thọ bằng ba việc này rồi, liền đạt được tâm vô lậu giải thoát, phát sanh trí vô ngại giải thoát.

---o0o---

iv. Vua Bình-sa

Đức Thế Tôn sau khi giáo hóa một ngàn vị tỳ-kheo này rồi liền nghĩ: «Trước đây Ta có nhận lời mời của Vua Bình-sa[133] và có hứa, nếu khi thành Phật, đắc nhất thiết trí, thì trước hết ta sẽ đến thành La-duyệt. Nay Ta hãy đến đó để thăm Vua Bình-sa.»

Nghĩ xong, đức Phật liền sửa y phục, dẫn một ngàn vị đại tỳ-kheo, đều là cựu học của các Phạm chí bện tóc. Tất cả, đã đắc định, nhuần nhuyễn, vĩnh viễn được giải thoát.

Từ quốc giới nước Ma-kiệt, đức Phật du hóa tuần tự đến Trượng lâm.[134135136] Tốt đẹp thay, nếu được gặp vị A-la-hán như vậy. Nay ta hãy tự thân đến đó để kính thăm Đại Sa-môn Cù-đàm. Nơi đây, đức Thế Tôn nghỉ dưới cây bàng chúa Ni-câu-luật Thiện trụ. Vua Bình-sa nghe, Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, dẫn một ngàn đệ tử du hóa đến nước Ma-kiệt. Họ là cựu học của các Phạm chí bện tóc, đã đắc định, nhuần nhuyễn, vĩnh viễn được giải thoát; từ quốc giới nước Ma-kiệt, du hành tuần tự đến Trượng lâm, nghỉ dưới cây bàng chúa Ni-câu-luật Thiện trụ. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm rất lớn, không ai không nghe biết. Tiếng đồn rằng, Ngài là Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Ở giữa chư thiên và thế gian, giữa các chúng Ma hoặc Thiên ma và Phạm thiên chúng, sa-môn, bà-la-môn chúng, mà tự mình chứng biết, đắc thần thông trí chứng, tự mình an trú, rồi nói pháp cho người; pháp ấy, khởi đầu, khoảng giữa, và đoạn cuối đều thiện xảo; có nghĩa vị sâu xa, được trình bày đầy đủ, với các phạm hạnh được tu tập.

Bấy giờ, Vua Bình-sa chuẩn bị một vạn hai ngàn cộ xe, dẫn theo tám vạn bốn ngàn người hộ giá trước sau, với oai thế của Vương quyền, ra khỏi thành La-duyệt để đến viếng thăm đức Thế Tôn. Vua Bình-sa đến trong Trượng lâm, đến chỗ xe có thể đến, tức thì xuống xe, đi bộ vào rừng. Từ xa trông thấy tướng mạo thù thắng tuyệt diệu của đức Thế Tôn, giống như sắc vàng tía, Vua sanh tâm hoan hỷ, đến trước đức Như Lai, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, người trong nước Ma-kiệt, hoặc kính lễ sát chân Ngài rồi ngồi, hoặc có người đưa tay lên chào hỏi rồi ngồi, hoặc có người tự xưng danh tánh rồi ngồi, hoặc có người vòng tay, chắp tay hướng về đức Như Lai rồi ngồi, hoặc có người im lặng mà ngồi xuống.

Bấy giờ, người trong nước Ma-kiệt suy nghĩ, «Không biết Đại Sa-môn học phạm hạnh của Uất-bề-la Ca-diếp, hay là Uất-bề-la Ca-diếp và đệ tử học phạm hạnh của đại Sa-môn Cù-đàm?» Bấy giờ đức Thế Tôn biết ý nghĩ người trong nước như vậy, liền dùng bài kệ nói với Uất-bề-la Ca-diếp:

Các ông thấy sự gì,

Mà bỏ việc thờ lửa?

Nay Ta hỏi Ca-diếp:

Sao bỏ đồ thờ lửa?

Ca-diếp lại dùng bài kệ để trả lời đức Thế Tôn:

Ẩm thực, các mỹ vị,

Ái dục, nữ, tế tự.[137]

Tôi thấy là cấu bẩn;

Nên bỏ đồ thờ lửa.

Đức Thế Tôn lại dùng bài kệ hỏi ông Ca-diếp:

Ẩm thực, các mỹ vị,

Trong đó không có lạc;

Trên trời và thế gian,

Hãy nói, chỗ nào lạc?

Ca-diếp lại cũng dùng bài kệ để trả lời đức Thế Tôn:

Tôi thấy dấu tịch tĩnh,

Ba cõi không trở ngại;[138]

Không khác không thể khác,[139]

Nên không ưa thờ lửa.

Bấy giờ người trong nước Ma-kiệt lại nghĩ:

«Đại Sa-môn nói hai bài kệ, Uất-bề-la Ca-diếp cũng nói hai bài kệ. Chúng ta cũng chưa phân biệt được là Đại Sa-môn thọ học nơi Ca-diếp hay là Ca-diếp và đệ tử thọ học nơi Đại Sa-môn?» Đức Thế Tôn biết họ nghĩ như vậy, nên bảo ông Ca-diếp:

«Ông đứng dậy. Hãy quạt sau lưng Ta!»

Ca-diếp vâng lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bay lên trên hư không rồi hạ xuống, kính lễ sát chân đức Phật, lấy tay xoa bóp chân Như Lai, hôn chân Ngài rồi tự xưng tên họ và nói:

«Đức Thế Tôn là Thầy của con. Con là đệ tử.»

Nói xong, Ca-diếp lấy quạt, đứng phía sau đức Như Lai hầu quạt. Bấy giờ người trong nước Ma-kiệt nói với nhau:

«Không phải Đại Sa-môn Cù-đàm đến học phạm hạnh nơi Ca-diếp; mà là Ca-diếp và chúng đệ tử đến học phạm hạnh nơi Đại Sa-môn Cù-đàm.»

Đức Thế Tôn biết người trong nước Ma-kiệt không còn nghi ngờ nữa, tuần tự vì họ nói pháp, khiến cho họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Bấy giờ người trong nước Ma-kiệt, Vua Bình-sa đứng đầu, gồm tám vạn bốn ngàn người, mười hai na-do-tha loài trời đều dứt sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, [798a1] thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật rằng:

«Chúng con từ nay về sau, xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đức Thế Tôn nhận chúng con làm người ưu-bà-tắc trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Vua Bình-sa thấy pháp, đặng pháp, đến trước đức Phật bạch:

«Kính bạch đức Thế Tôn, xưa kia khi còn là Thái tử, trong lòng con có sáu ước nguyện:[140] 1. Khi thân phụ mãn phần, con lên ngôi làm Vua. 2. Khi con đang trị nước, nguyện Phật ra đời. 3. Cho con được gặp đức Thế Tôn. 4. Được thấy đức Như Lai rồi, sanh tâm hoan hỷ đối với đức Như Lai. 5. Phát tâm hoan hỷ rồi được nghe chánh pháp. 6. Nghe pháp rồi tức thì được sự tín giải.

«Nay phụ vương của con đã mạng chung. Con được lên ngôi Vua, đang trị vì mà gặp Phật ra đời, chính mình thấy được Phật. Thấy Phật rồi phát tâm hoan hỷ, ở chỗ đức Phật đã phát tâm hoan hỷ rồi liền được nghe pháp. Nghe pháp rồi liền được tín giải. Kính bạch đức Thế Tôn, nay chính là lúc, cúi xin cung thỉnh Ngài vào thành La-duyệt.»

Khi ấy, đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua Bình-sa. Rồi đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, khoác y, dùng oai thần của mình dẫn một ngàn tỳ-kheo là cựu học Phạm chí bện tóc, đã đạt được định, đã nhuần nhuyễn, vĩnh viễn được giải thoát; cùng với một vạn hai ngàn chiếc xe, tám vạn bốn ngàn dân chúng trước sau hộ giá; thảy đều nương oai thần của Phật mà vào thành La-duyệt. Vào lúc ấy, gặp khi trời mưa, nhưng phía trước, phía sau và ngay chỗ đức Thế Tôn đi thì vòm trời trong sáng, bên trên có mây che. Đức Thế Tôn hiện sự biến hóa này để vào thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhơn hóa làm một người bà-la-môn tay cầm gậy bằng vàng, bình tắm bằng vàng, cây quạt cán bằng vàng, thân tại không trung, cách mặt đất bốn ngón tay, dẫn đường đi trước đức Như Lai, và dùng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp, Tăng.

Bấy giờ, người trong nước Ma-kiệt đều nghĩ, «Đây là oai thần của ai mà hóa làm người bà-la-môn cầm gậy vàng, bình tắm bằng vàng, cây quạt cán bằng vàng, thân ở không trung, cách đất bốn ngón tay, đi trước đức Như Lai để dẫn đường và dẹp đường, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp, Tăng?» Nhân dân nước Ma-kiệt nói với Thích Đề-hoàn Nhơn bằng bài tụng:

Ai hóa làm Phạm chí,

Hiện ở trước chúng Tăng;

Khen tụng công đức Phật,

Ông đang thừa sự ai?

Thích Đề-hoàn Nhơn dùng kệ trả lời cho nhân dân nước Ma-kiệt:

Đấng Dõng mãnh, giải hết[141]

Ái dục và ẩm thực;

Hổ thẹn, niệm, biết đủ.

Tôi đệ tử vị ấy.

Trong đời không ai bằng,

Không thấy ai như vậy;

Chí chơn, Phật Như Lai,

Tôi hầu hạ vị ấy.

Diệt dục và sân nhuế,

Vô minh đã dứt sạch;

A-la-hán lậu tận,

Tôi hầu hạ vị ấy.

Như người vớt kẻ trôi,

Cù-đàm là thuyền pháp;

Chiến thắng, qua bờ kia,

Tôi hầu hạ vị ấy.

Đã vượt bốn dòng thác,[142]

Hay nói pháp bất tử;

Pháp tối thắng vô ngại,

Tôi hầu hạ vị ấy.

Bấy giờ vua Bình-sa nước Ma-kiệt lại nghĩ: «Nếu đức Thế Tôn dẫn các đệ tử vào thành La-duyệt, Ngài vào vườn nào trước, ta sẽ đem khu vườn này dâng cúng để lập tịnh xá.» Bấy giờ, các khu vườn trong thành La-duyệt chỉ có

Trúc viên khu Ca-lan-đà[143] là hơn hết. Đức Thế Tôn biết trong tâm của vua Ma-kiệt nghĩ như vậy. Ngài liền dẫn đại chúng đến Trúc viên. Vua liền xuống voi, tự tay xếp yên voi thành bốn lớp, trải trên mặt đất, mời Phật an toạ. Đức Thế Tôn liền đến ngồi. Vua Bình-sa bưng bình tắm bằng vàng đựng nước dâng đức Như Lai để Ngài rửa sạch[144] và bạch Phật rằng:

«Các khu vườn trong thành La-duyệt này, Trúc viên này là hơn hết. Nay con xin dâng cúng đức Như Lai. Mong Ngài thọ nhận cho.»

Đức Phật bảo nhà Vua:

«Nay Vua nên đem Trúc viên này dâng cúng cho Phật và bốn phương Tăng. Tại sao vậy? Vì nếu Như Lai có riêng vườn và sản vật của vườn; phòng xá và vật dụng trong phòng xá; y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, thì chư thiên, người đời, Ma hoặc Ma thiên, sa-môn, bà-la-môn không thể sử dụng được.»

Vua thưa:

«Nay con xin đem Trúc viên này dâng cúng cho Phật và bốn phương Tăng.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn dũ lòng thương xót thọ nhận Trúc viên, rồi nói lời chú nguyện:

Gieo trồng các cây vườn,

Làm cầu, thuyền qua sông,

Quả vườn, các ao tắm,

Và chỗ ở cho người:

Những người làm việc ấy,

Ngày đêm phước thêm lớn.

Trì giới, theo chánh pháp;

Người kia được sanh thiên.

Bấy giờ, Vua Bình-sa kính lễ sát chân Phật rồi lấy một chiếc ghế nhỏ[145] ngồi phía trước Ngài để nghe pháp. Đức Thế Tôn tuần tự vì nhà Vua nói pháp khuyến hóa khiến tâm được hoan hỷ. Phát tâm hoan hỷ rồi, nhà Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ đức Phật và cáo lui.

---o0o---

v. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên

Khi đức Thế Tôn ở tại thành La-duyệt, trong thành này có một Phạm chí tên là San-nhã[146] với hai trăm năm mươi người đệ tử, mà Ưu-bà-đề-xá Câu-luật-đà[147] là bậc thượng thủ. Bấy giờ Tôn giả A-thấp-ti[148] hầu đức Như Lai. Đến giờ, Tôn giả khoác y bưng bát vào thành khất thực, nhan sắc an lạc, các căn tịch định, y phục tề chỉnh, bước đi khoan thai, không nhìn ngó hai bên, oai nghi đĩnh đạc. Bấy giờ Ưu-bà-đề-xá vào vườn xem coi, thấy oai nghi của Tôn giả A-thấp-ti như vậy bèn sanh ý nghĩ: «Tỳ-kheo này oai nghi đầy đủ, nay ta có thể đến hỏi đạo lý.» Nhưng rồi lại nghĩ: «Tỳ-kheo này đang đi khất thực. Không phải giờ để ta hỏi đạo lý. Ta nên đợi vị này khất thực xong rồi sẽ hỏi.» Ưu-bà-đề-xá đi theo sau để chờ. Tỳ-kheo A-thấp-ti vào thành La-duyệt khất thực rồi, để bình bát xuống đất, xếp y tăng-già-lê. Ưu-bà-đề-xá nghĩ rằng: «Tỳ-kheo này khất thực đã xong. Nay chính là lúc ta có thể hỏi được.» Nghĩ như vậy xong, liền đến hỏi:

«Ông là ai ? Ai là thầy của ông? Ông học pháp gì?»

Tôn giả trả lời:

«Thầy tôi là Đại Sa-môn. Ngài là Thế Tôn của tôi. Tôi theo học nơi Ngài.»

Ưu-bà-đề-xá lại hỏi:

«Thầy Đại Sa-môn của ông nói những pháp gì?»

Tôn giả trả lời:

«Tôi tuổi còn non trẻ[149] , mới xuất gia, chưa có thể trình bày được những nghĩa lý sâu xa. Nay tôi chỉ lược nói những nghĩa thiết yếu.»

Ưu-ba-đề-xá nói:

«Tôi chỉ thích nghe điều thiết yếu, khỏi phiền nói rộng.»

Tôn giả A-thấp-ti nói:

«Ông nên biết, đức Như Lai nói về nhơn duyên các pháp sanh, cũng nói nhơn duyên pháp diệt. Nếu pháp do nhơn nào mà sanh, đức Như Lai nói nhơn đó. Nếu pháp do nhơn nào diệt, Đại Sa-môn cũng nói nghĩa nầy. Đây là những lời dạy của Thầy tôi[150] .»

Ưu-ba-đề-xá nghe rồi liền hết các trần cấu, đạt được sự trong sạch của con mắt pháp. Ưu-ba-đề-xá nghĩ rằng: «Chỉ chừng ấy pháp cũng đã đưa đến chỗ vô ưu, mà vô số ức trăm ngàn na-do-tha kiếp vốn chưa từng được thấy.»

Ưu-ba-đề-xá với Câu-luật-đà trước đây có lời cam kết: «Nếu ai đặng pháp mầu trước sẽ nói cho nhau.» Bấy giờ Ưu-ba-đề-xá liền đến chỗ Câu-luật-đà. Câu-luật-đà thấy Ưu-ba-đề-xá đến bèn nói như vầy:

«Nay nhan sắc của bạn an lạc, các căn tịch định, [799a1] như có sở đắc cái gì. Bạn thấy được pháp chăng?»

Ưu-ba-đề-xá trả lời:

«Đúng như lời của bạn nói.»

Câu-luật-đà nói:

«Bạn được những pháp gì?»

Ưu-ba-đề-xá nói:

«Đức Như Lai kia nói về nhơn duyên pháp sanh; cũng nói về nhơn duyên pháp diệt. Nếu pháp sanh do bởi nhân gì, đức Như Lai nói nhân. Nếu pháp diệt do bởi nhân gì, Đại Sa-môn cũng nói nghĩa ấy.»

Khi Câu-luật-đà nghe nói như vậy rồi liền dứt sạch các trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Câu-luật-đà nghĩ: «Chỉ bằng chừng ấy pháp đã đưa đến chỗ vô ưu, mà vô số ức ngàn na-do-tha kiếp chưa hề được thấy.›

Câu-luật-đà hỏi:

«Không biết hiện nay đức Thế Tôn ở chỗ nào?»

Ưu-ba-đề-xá nói:

«Như Lai hiện ở tại Ca-lan-đà trong Trúc viên.»

Câu-luật-đà nói với Ưu-ba-đề-xá rằng:

«Hôm nay chúng ta có thể cùng đến chỗ đức Như Lai kính lễ, hỏi chào và nói rằng, Ngài là thầy của chúng ta.»

Ưu-ba-đề-xá nói:

«Trước chúng ta có hai trăm năm mươi đệ tử theo ta tu phạm hạnh. Ta nên cho họ biết việc này rồi tùy ý họ muốn.»

Bấy giờ, Ưu-ba-đề-xá cùng Câu-luật-đà đến chỗ các đệ tử nói:

«Các ngươi nên biết, hai người chúng tôi muốn theo Đại Sa-môn học phạm hạnh. Tùy ý các ngươi muốn thế nào thì muốn.»

Các đệ tử đều nói:

«Bọn chúng con từ trước theo Thầy thọ học. Nay đại sư còn theo Đại Sa-môn cầu học, huống là chúng con đâu không theo học. Những gì Thầy đã chứng đắc, chúng con cũng sẽ chứng đắc.»

Bấy giờ, Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà cùng các đệ tử dẫn nhau đến Trúc viên. Vào lúc ấy, đức Thế Tôn đang vì vô số trăm ngàn chúng nói pháp. Từ xa thấy Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà cùng các đệ tử đến, Ngài bảo các tỳ-kheo:

«Hai người đang đến từ xa ấy, một người tên là Ưu-ba-đề-xá, người thứ hai tên là Câu-luật-đà. Trong hàng đệ tử của Ta, hai người này là bậc tối thượng thủ, trí tuệ vô lượng, vô thượng, sẽ đạt được hai giải thoát.»[151] Trước khi chưa đến Trúc viên, hai người cùng là bạn đã được Như lai thọ ký.

Hai người cùng các đệ tử đến chỗ đức Như Lai đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự nói thắng pháp khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Ngài chê trách dục là

bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Họ liền ngay trên chỗ ngồi, sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật rằng:

«Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.»

Phật bảo:

«Hãy đến đây, tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.» Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Bấy giờ Thế Tôn đang dừng chân tại thành La-duyệt. Khi ấy Tôn giả Uất-bề-la Ca-diếp cùng các đệ tử xuất gia học đạo, lại có hai trăm năm mươi phạm chí từ San-nhã cũng xuất gia học đạo. Các con nhà hào quý tộc tánh trong thành La-duyệt cũng xuất gia học đạo. Bấy giờ, các trưởng giả trong thành La-duyệt tự cảnh giác với nhau rằng: «Các người có con nên tự giữ gìn cẩn thận. Vợ thì có phu chủ cũng phải giữ gìn cẩn thận. Hiện nay, có Đại Sa-môn, từ quốc giới nước Ma-kiệt đã độ các phạm chí. Rồi họ đi theo, nay đã đến đây. Coi chừng họ sẽ dẫn người ở đây đi nữa.» Các tỳ-kheo khất thực nghe người ta nói: «Đại Sa-môn này dẫn các phạm chí tự nguyện đi theo đến đây. Nay lại dẫn người ở đây đi nữa.» Các tỳ-kheo nghe đều ôm lòng hổ thẹn, đến chỗ đức Thế Tôn, đem nhơn duyên này trình bày đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

«Khi các ông vào trong thành La-duyệt khất thực, nghe các trưởng giả nói rằng, ‹Đại Sa-môn, từ quốc giới nước Ma-kiệt đã độ các phạm chí, rồi dẫn họ theo. Nay họ sẽ độ những người ở đây dẫn đi nữa›, các ông nên dùng bài kệ này trả lời với họ:

«Như Lai đại thế lực,

Dẫn đi bằng Chánh pháp.

Được dẫn bằng Chánh pháp,

Các người lo sợ gì?»

Các tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, vào thành La-duyệt khất thực, nghe các ông trưởng giả nói như vậy, liền dùng kệ này trả lời:

Như Lai đại thế lực,

Dẫn đi bằng Chánh pháp.

Được dẫn bằng Chánh pháp,

Các người lo sợ gì?

Các ông trưởng giả nghĩ: «Như chúng ta nghe, đại Sa-môn dẫn người đi bằng Chánh pháp, đâu phải là bằng phi pháp.»

---o0o---

2. Hòa thượng pháp

i. Hoà thượng truyền giới

Bấy giờ Tôn giả Uất-bề-la Ca-diếp dẫn các đệ tử xuất gia học đạo. Đệ tử[152] của San-nhã phạm chí dẫn hai trăm năm mươi đệ tử xuất gia học đạo. Con các hào tộc trong thành La-duyệt cũng xuất gia học đạo. Đại chúng tập trung và sống nơi thành La-duyệt. Bấy giờ những người chưa được giáo giới không xét biết oai nghi của mình, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh[153] . Lúc tiểu thực, đại thực lớn tiếng kêu la, như pháp bà-la-môn nhóm họp. Bấy giờ có một tỳ-kheo bệnh, không có đệ tử, không ai chăm sóc, phải mạng chung. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau cho phép cầu thỉnh Hòa thượng[154]. Hòa thượng chăm sóc đệ tử[155] với tâm ý đó là con. Đệ tử chăm sóc Hòa thượng với tâm ý đó là cha[156]. Trên dưới kính trọng lẫn nhau, chăm sóc cho nhau. Có như vậy chánh pháp mới được lâu bền, mới được lợi ích rộng lớn.»

Pháp thỉnh Hòa thượng như sau: Hãy dạy để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Con tên là..., nay thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Cúi xin Đại đức vì con làm Hòa thượng. Con nương theo Đại đức được thọ giới cụ túc.»

Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.

Hòa thượng nên trả lời, «Được.» Hoặc nói, «Như vậy.» Hoặc nói, «Sẽ dạy bảo ngươi.» Hoặc nói, «Thanh tịnh chớ buông lung.»

Phật dạy:

«Từ nay về sau nên bỏ pháp thọ giới cụ túc bằng tam ngữ. Từ nay về sau cho phép phải đủ mười vị mới trao cho giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Phép thọ cụ túc như sau:

Người muốn thọ giới cụ túc phải đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Con tên là..., theo tỳ-kheo tên là..., cầu thọ giới cụ túc. Con tên... nay đến giữa Tăng cầu thọ giới cụ túc, tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Cúi xin Tăng vì lòng thương tưởng tế độ con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Trong chúng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Người này tên là..., theo tỳ-kheo tên là... cầu thọ giới cụ túc. Người có tên... này, nay đến giữa Tăng cầu xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận cho phép người có tên... thọ giới cụ túc, tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Người này tên ..., theo tỳ-kheo tên ... cầu thọ giới cụ túc. Nay người có tên... đến giữa Tăng cầu xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Vậy, trưởng lão nào chấp thuận, Tăng cho phép người có tên... thọ giới cụ túc, tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý cho người có tên... thọ giới cụ túc, tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi nhi nhận như vậy.»

---o0o---

ii. Tuổi hạ của Hoà thượng

[800a1] Bấy giờ các tỳ-kheo biết đức Thế Tôn chế giới cho phép trao giới cụ túc cho người. Tỳ-kheo mới thọ giới vội trao giới cụ túc cho người, mà không đủ khả năng giáo thọ. Vì không đủ khả năng giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực, đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn hiềm trách tỳ-kheo kia: «Đức Thế Tôn chế giới, cho phép trao giới cụ túc cho người. Nhưng các ông mới thọ giới tỳ-kheo, sao lại vội trao giới cụ túc cho người để rồi không thể giáo thọ cho họ được. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực, đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.›

Bấy giờ Tôn giả Hòa-tiên[157] mới hai tuổi mà dẫn đệ tử một tuổi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi:

«Đây là tỳ-kheo nào?»

Tôn giả thưa:

«Đó là đệ tử của con.»

Đức Phật hỏi:

«Nay ông bao nhiêu tuổi?»

Tôn giả thưa:

«Bạch Thế Tôn, con hai tuổi.»

Đức Phật lại hỏi:

«Đệ tử của ông mấy tuổi?»

Tôn giả thưa:

«Một tuổi.»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

«Ông làm việc chẳng phải pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Hòa-tiên, ngươi tự thân chưa hết bú sữa mà đã nhận giáo thọ người; làm sao giáo thọ cho người được?»

Vào lúc đó có các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên, cũng đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn nói:

«Vừa rồi có tỳ-kheo Hòa-tiên mới hai tuổi mà dẫn đệ tử một tuổi đến Ta, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Ta biết mà vẫn cố hỏi: ‹Tỳ-kheo này là ai?› Hòa-tiên nói, ‹Đệ tử của con.› Ta hỏi, ‹Ông bao nhiêu tuổi?› Hòa-tiên thưa, ‹Con hai tuổi.› Ta hỏi, ‹Đệ tử của ông mấy tuổi?› Hòa-tiên thưa, ‹Một tuổi.› Ta liền dùng vô số phương tiện quở trách: ‹Ông làm việc chẳng phải pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Hòa-tiên, ngươi tự thân chưa hết bú sữa mà đã nhận giáo thọ người, làm sao giáo thọ cho người được?› Như Lai cho phép trao giới cụ túc cho người, nhưng ngươi mới thọ giới tỳ-kheo lại vội trao giới cụ túc cho người, nên không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.»

Bấy giờ Phật dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo mười tuổi mới được trao giới cụ túc cho người.»

Bấy giờ các tỳ-kheo nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi mới được trao giới cụ túc cho người. Có tỳ-kheo mười tuổi mà ngu si, vội trao giới cụ túc cho người, nên không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không biết xét oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như pháp nhóm họp của bà-la-môn.

Các tỳ-kheo, nghe trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách tỳ-kheo này rằng: «Đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi được trao giới cụ túc cho người. Thầy dù là tỳ-kheo mười tuổi nhưng ngu si sao lại vội trao giới cụ túc cho người, nên không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không biết xét oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp cácTăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo kia:

«Ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Như Lai chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ được trao giới cụ túc cho người. Ông dù là tỳ-kheo mười tuổi nhưng ngu si, sao lại vội trao giới cụ túc cho người, không biết giáo thọ? Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như pháp nhóm họp của bà-la-môn.»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ mới trao giới cụ túc cho người.»

Các tỳ-kheo khi nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ mới được trao giới cụ túc cho người, bèn tự nói là: «Tôi đủ mười tuổi, có trí tuệ, được phép trao giới cụ túc cho người.» Rồi vội trao giới cụ túc cho người mà không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết

oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn quở trách tỳ-kheo kia, nói: «Đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ mới được trao giới cụ túc cho người. Tại sao thầy lại tự nói là có trí tuệ, vội trao giới cụ túc cho người mà không giáo thọ? Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợpTăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia:

«Ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Như Lai chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ được trao giới cụ túc cho người. Tại sao các thầy tự nói mình có trí tuệ, để rồi trao giới cụ túc cho người mà không giáo thọ được? Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.»

---o0o---

iii. Phận sự của Hoà thượng

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau phải chế pháp tắc của Hòa thượng, bắt buộc phải làm theo pháp Hòa thượng. Hòa thượng đối với đệ tử phải có phận sự như vầy, nên thực hành pháp như vầy:

«Nếu đệ tử bị chúng Tăng tác pháp yết-ma, tác pháp ha trách, tác pháp tẫn xuất, tác pháp y chỉ, [801a1] tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội; thì Hòa thượng nên như pháp liệu lý, khiến cho Tăng đối với đệ tử ấy không tác pháp yết-ma. Nếu trường hợp phải tác pháp, thì khiến cho

đúng pháp. Nếu Tăng đối với đệ tử ấy tác pháp yết-ma, tác pháp ha trách, tác pháp tẫn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội; thì Hòa thượng nên liệu lý như pháp, khiến đệ tử thuận tùng Tăng không trái nghịch, cần cầu, trừ bỏ tội lỗi, khiến cho Tăng sớm vì đệ tử giải pháp yết-ma.

«Trường hợp đệ tử phạm tăng tàn, Hòa thượng nên liệu lý như pháp. Cần cho ba-lợi-bà-sa thì cho ba-lợi-bà-sa. Cần cho bổn nhật trị thì cho bổn nhật trị. Cần cho ma-na-đỏa thì cho ma-na-đỏa. Cần xuất tội thì nên xuất tội.

«Nếu đệ tử bị bệnh, Hòa thượng nên chăm sóc, hoặc nhờ người khác chăm sóc cho đến khi lành hay mạng chung. Nếu đệ tử không thích sống nơi trú xứ này, nên tự mình đưa đi hay nhờ người đưa đi đến trú xứ khác.

«Nếu đệ tử có điều nghi, nên đem pháp, đem luật, đem lời Phật dạy giáo dục đúng như pháp để trừ nghi. Nếu đệ tử sanh ác kiến, nên giáo thọ khiến cho bỏ ác kiến, an trụ nơi thiện kiến. Nên dùng hai pháp để nhiếp hộ, tức là pháp và y thực. Dùng pháp nhiếp hộ là dạy tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, dạy học vấn, tụng kinh. Dùng y thực nhiếp hộ là cho y thực, giường, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh theo khả năng có thể.

«Từ nay về sau chế pháp tắc cho Hòa thượng như vậy. Hòa thượng nên làm như vậy. Nếu Hòa thượng không làm thì như pháp trị.»

---o0o---

iv. Phận sự của đệ tử

Bấy giờ có Hòa thượng đối với đệ tử thì thi hành đúng pháp của Hòa thượng, mà đệ tử đối với Hòa thượng không phụng hành đúng pháp của đệ tử. Họ không bạch với Hòa thượng[158] khi vào thôn, đến nhà bạch y; hoặc đi theo các tỳ-kheo khác, hoặc làm bạn với các tỳ-kheo khác, hoặc cho, hoặc nhận, hoặc giúp đỡ các việc, hoặc nhận sự giúp đỡ của người khác, hoặc cạo đầu cho người, hoặc nhờ người khác cạo đầu. Không bạch với Hòa thượng vào phòng tắm; hoặc xoa kỳ thân cho người, hoặc nhờ người xoa kỳ thân mình. Hoặc không bạch với Hòa thượng mà ban ngày đến các phòng khác trong trú xứ, hoặc đến nơi gò mả, hoặc ra ngoài giới, hoặc đến phương khác.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách các tỳ-kheo kia, nói: «Tại sao Hòa thượng đối

với đệ tử thi hành đúng pháp của Hòa thượng, mà để đệ tử đối với Hòa thượng lại không phụng hành pháp của đệ tử? Không bạch với Hòa thượng mà vào thôn, đến nhà bạch y, cho đến, (không bạch mà) đến phương khác?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo quở trách tỳ-kheo kia:

«Ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao Hòa thượng đối với đệ tử thi hành đúng pháp của Hòa thượng, mà để đệ tử đối với Hòa thượng lại không phụng hành pháp của đệ tử? Không bạch với Hòa thượng mà vào thôn, đến nhà bạch y, cho đến, (không bạch mà) đến phương khác?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau nên chế pháp của đệ tử. Đệ tử phụng hành pháp gì, khiến cho đệ tử đối với Hòa thượng phải phụng hành pháp đệ tử. Pháp của đệ tử là:

«Nếu Hòa thượng bị chúng Tăng tác pháp yết-ma, tác pháp quở trách, tác pháp tẫn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội, thì đệ tử phải nên như pháp liệu lý, khiến cho Tăng đừng vì Hòa thượng tác pháp yết-ma. Nếu phải tác pháp thì khiến cho nhẹ bớt. Nếu Tăng vì Hòa thượng tác pháp yết-ma, tác pháp quở trách, tác pháp tẫn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội, thì đệ tử nên liệu lý như pháp, khiến Hòa thượng thuận tùng Tăng, không trái nghịch. Cần cầu, trừ tội, khiến Tăng mau giải yết-ma.

«Trường hợp Hòa thượng phạm tăng tàn, đệ tử nên liệu lý như pháp. Cần hành ba-lợi-bà-sa thì cho ba-lợi-bà-sa. Cần trao bổn nhật trị thì trao bổn nhật trị. Cần trao ma-na-đỏa thì trao ma-na-đỏa. Cần xuất tội thì nên xuất tội.

«Nếu Hòa thượng bị bệnh, đệ tử phải chăm sóc hoặc nhờ người chăm sóc cho đến khi mạnh khoẻ hay mạng chung. Nếu ý của Hòa thượng không muốn ở trú xứ này thì nên tự dời hay nhờ người khác dời.

«Nếu Hòa thượng có điều gì nghi ngờ thì nên đem pháp, đem luật, đem lời Phật dạy giải quyết như pháp. Nếu Hòa thượng sanh ác kiến thì khuyên

khiến cho bỏ ác kiến, trụ nơi thiện kiến. Nên dùng hai việc để nhiếp hộ, tức là pháp và y thực. Dùng pháp nhiếp hộ: là khuyên khiến cho tăng giới, tăng tâm, tăng huệ, học vấn, tụng kinh. Y thực nhiếp hộ: là phải cúng dường y thực, giường nệm, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh, vật cần dùng theo khả năng của mình có thể.[159]

«Từ nay về sau nên chế pháp cho đệ tử. Pháp của đệ tử là như vậy, nên phụng hành, nếu không phụng hành thì như pháp trị.»

«Đệ tử đối với Hòa thượng không phụng hành pháp của đệ tử[160] . Đệ tử không thưa với Hòa thượng thì không được vào thôn, không được đến nhà người, không được theo các tỳ-kheo khác, hoặc làm bạn với các tỳ-kheo khác; không được cho, không được nhận, không được giúp đỡ các việc, không được cạo đầu cho người khác, không được nhờ người khác cạo đầu, không được vào nhà tắm để tắm, không được xoa kỳ thân cho người, không được nhờ người xoa kỳ thân, không được ban ngày đến phòng (khác) của trú xứ, không được đến nơi gò mả, không được ra ngoài giới, không được đến phương khác.

«Đệ tử nên mỗi sáng sớm vào phòng Hòa thượng thọ pháp, tụng kinh hỏi nghĩa; nên đem đổ đồ tiểu tiện, nên bạch giờ cơm; cung cấp tháo đậu hoặc phân bò, tro để rửa tay.

«Nếu có thức ăn gì thì nên nhận phần của Hòa thượng. Nếu trong Tăng có lợi dưỡng, nên nhận cho Hòa thượng. Nên đem tháo đậu, tăm xỉa răng trao cho Hòa thượng để Hòa thượng rửa tay, súc miệng. Có thức ăn dâng cho Hòa thượng. Trong Tăng có lợi dưỡng nên bạch với Hòa thượng, ‹Có phẩm vật như vậy là phần của Hòa thượng.›

«Đệ tử muốn xin phép Hòa thượng vào thôn, nói: ‹Con xin phép vào thôn, bạch Hòa thượng, được không?› Nếu Hòa thượng nói: ‹Không được vào›, thì hỏi: ‹Vậy lấy thức ăn ở đâu?› Nếu Hòa thượng nói: ‹Lấy thức ăn tại chỗ nào đó›, thì nên như lời dạy, đến đó để lấy. Nếu Hòa thượng trả lời: ‹Tôi vào thôn›, đệ tử nên rửa tay, nhẹ nhàng lấy y từ trên giá, đừng cho nhầm lộn; lấy an-đà-hội trương ra đập giũ, xem xét có các loài ác trùng như rắn, ong không; kế đó lấy dây buộc, lấy tăng-kỳ-chi[161], uất-đa-la-tăng trương ra đập giũ, xem xét có các loài ác trùng như rắn, bọ cạp, ong không, trao cho Hòa thượng. Nên xếp tăng-già-lê máng trên đầu hay trên vai. Kế đó lấy bình bát, dùng tháo đậu, tro, phân bò, rửa cho sạch, đựng vào trong đãy lưới, hoặc lấy khăn tay gói lại, hoặc để trong đãy đựng bát, rồi mang đi. Nên lấy áo lót cho

Hòa thượng. Lại lấy những vật rửa chân, tấm dạ để nằm, chăn, trao cho Hòa thượng.

«Khi Hòa thượng xuất hành, nên lấy đôi guốc đi đường của Hòa thượng ra ngoài phòng. Khi ra khỏi phòng xá nên coi lại cửa, lấy tay xô thử cánh cửa có chắc hay không. Nếu không chắc, phải đóng lại. Nếu chắc rồi thì bỏ sợi dây vào trong. Xem khắp bốn bên, cất chìa khóa chỗ kín. Nếu sợ người thấy hay sợ không chắc, bị người thấy, thì nên đem theo, hoặc dời chỗ khác kín và chắc. Mời Hòa thượng đi trước. Trên đường đi gặp người quen biết, nên khéo lời chào hỏi với thiện tâm ghi nhớ. Khi đi, nên tránh người đi đường.

«Khi thầy muốn vào thôn, [802a1] nên tạm dừng lại bên đường, để bát xuống một bên, lấy y tăng-già-lê từ trên đầu hay trên vai xuống, trương ra xem coi có rắn, bọ cạp, loài ác trùng hay không, rồi mới trao cho Hòa thượng. Nếu bên ngoài thôn có khách xá hay quán bán hàng hay phường hội, thì nên đem đôi guốc đi đường gởi trong đó, rồi hỏi Hòa thượng: ‹Thưa thầy, con có đi theo hay không?› Nếu thầy nói đi thì đi. Nếu nói không cần đi, thầy bảo chờ chỗ nào đó, thì chờ.

«Nếu Hòa thượng vào thôn mà trở ra không đúng giờ, thì nên nghĩ như sau, ‹Vào thôn khất thực, đây là phần dành Hòa thượng, đây là phần thuộc về mình.›

«Khi thầy ra khỏi thôn, nên đến chỗ gởi đôi guốc đi đường lấy lại, rồi ghé bên đường, để bình bát xuống đất, xếp tăng-già-lê, máng lại trên đầu hay trên vai. Giữa đường gặp người quen biết nên với thiện ý hỏi chào. «Nếu Hòa thượng dùng cơm chỗ nào thì nên quét dọn cho sạch, trải tọa cụ, bình nước sạch đầy đủ, đồ tắm rửa, đồ đựng thức ăn. Nên trao cho Hòa thượng ghế ngồi tắm, hòn đá rửa chân, khăn lau chân.

«Từ xa thấy Hòa thượng đến, liền đứng dậy nghinh đón, rước bình bát nơi tay, dặt trên đế để bát[162] hay trên dàn để bát[163] , hoặc treo nơi đầu võng; lấy tăng-già-lê trên đầu hay trên vai, trương ra xem có mồ hôi, đất bẩn hay không, hoặc bị bùn nhơ hay phân chim v.v... Nếu có các thứ bẩn ấy thì đem giặt cho sạch, vắt ráo nước, trương ra phơi trên giường cây hay giường dây. Lại nên trải chỗ ngồi cho Hòa thượng; mang guốc dép, đá rửa chân, khăn lau chân, đồ đựng nước cho Hòa thượng. Đập đôi guốc rồi nên để bên tả, chỗ đất không ẩm thấp. Nếu chỗ đất bị ẩm thấp thì nên dời chỗ khác. Hòa thượng rửa chân rồi nên đổ nước, đem hòn đá rửa chân, khăn lau chân để lại chỗ cũ, rồi rửa tay mình cho sạch, trao nước sạch cho Hòa thượng rửa tay.

«Mình có thức ăn gì nên đem dâng lên Hòa thượng và thưa: ‹Đây là phần ăn của con, mời Hòa thượng dùng.› Nếu Hòa thượng dùng thì phải đứng hầu, cung cấp các thứ cần dùng. Sau bữa ăn, có sữa, nước nấu cao, nước muối chua, nước đại mạch, rau hay củ, nên dâng cho thầy. Nếu nóng thì quậy cho nguội, cần nước thì dâng nước. Nếu gần quá nửa ngày thì nên cùng thầy đồng ăn. Hòa thượng dùng rồi nên rước bình bát nơi tay đem rửa. Mình ăn rồi, còn thức ăn dư, nên cho người hoặc phi nhơn, hay đổ nơi chỗ đất sạch không có cỏ, hoặc chỗ nước sạch không có quăng. Lấy đồ đựng thức ăn rửa sạch để lại chỗ cũ. Lấy tọa cụ, đồ rửa chân, bình tịnh thủy, bình súc miệng để trở lại chỗ cũ; đem dẹp sạch sẽ chỗ ăn.»

Có người dùng bình bát đựng thức ăn dư đem đổ. Các tỳ-kheo thấy đều nhờm gớm.

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau không được dùng bình bát đựng thức ăn dư đem đổ; mà nên dùng đồ để đựng thức ăn dư riêng, như đồ bể hay đồ cũ, sọt bằng tre, hoặc dùng chổi quét cho sạch. Bình bát dùng để ăn phải là thứ tốt và tinh-khiết mới thọ trì.

«Khi vào phòng Hòa thượng, nên để ý xem có bụi đất hay không; nếu có phải lau quét. Giường dây, giường cây, tọa cụ, nệm lớn mền nhỏ, gối, chăn, mền, chân giường[164], đồ trải dưới đất, nên ghi nhớ chỗ để của nó, rồi đem ra ngoài hong phơi. Khi lau quét, dọn dẹp trong phòng nên để ý, nếu có ống đựng kim chỉ, dao, hoặc vải y rách cũ, cho đến một vài viên thuốc cũng phải để chỗ dễ thấy, để người chủ thấy lấy.

«Nên lau quét trên các cây móc y, trên cọc, hoặc trên móc long nha[165] ,v.v… Nếu trong phòng bị hư mục, hay bị chuột làm ổ, thì phải tu bổ sửa sang lại; cần trét thì trét, cần nện thì nện, cần làm cho bằng thì làm cho bằng, cần dùng nước bùn rưới lên trên cho sạch sẽ thì nên dùng nước bùn rưới lên cho sạch, nên dùng đất trải lên trên cho khô ráo thì làm cho khô ráo. Trong phòng, thảm ngồi nếu không được trải ngay thẳng thì sửa lại cho ngay thẳng. Nếu đã ngay thẳng rồi thì phải để như cũ. Trước hết lau chân giường, xếp giường dây, chân giường dây đem để trong phòng. Trên giường, lấy mệm lớn mệm nhỏ, gối, chăn, y để trong phòng. Trải nệm lớn trước, trải nệm nhỏ sau, chăn gối để ngay bên trên.»

Có người lấy y thường mặc và y không thường mặc để chung một chỗ, bấy giờ bị lẫn lộn. Phật dạy:

«Từ nay về sau không nên đem y thường mặc để chung một chỗ với y không thường mặc. Mỗi thứ nên để riêng một chỗ.»

Có người lấy đãy đựng bình bát, đãy đựng giày guốc, ống đựng kim, đồ đựng dầu để chung một chỗ. Các tỳ-kheo thấy nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy. Từ nay về sau, đãy dựng bình bát, ống đựng kim để một chỗ; đãy đựng guốc dép, đồ đựng dầu để một chỗ.»

«Nên ở trong phòng mà đặt cây gài cửa cẩn thận, đừng cao quá, thấp quá. Ra ngoài phòng, cần xem lại ngưỡng cửa. Trước sân có đất bụi không sạch, phải quét cho sạch. Nên lấy bình nước sạch rửa cho sạch, rồi lấy đầy bình nước để lại chỗ cũ.

«Lại nên trao cho Hòa thượng bình đầy nước, bình tắm rửa, đồ đựng cơm nước.

«Đến giờ tắm, nên đến thưa với Hòa thượng xem ngài có muốn tắm không. Nếu ngài cần tắm nên vào trong nhà tắm trước, xem dưới đất có bẩn thì phải quét dọn cho sạch. Cần rưới nước thì rưới nước. Cần quét thì quét. Có nước không sạch, cần đổ thì đổ. Cần đem nước vào thì đem. Cần đem củi vào thì đem. Cần bửa củi thì bửa. Cần đem bếp vào thì đem vào. Nên vì Hòa thượng trao đầy đủ phương tiện nơi nhà tắm[166] , như bình và ghế nhỏ ngồi, dụng cụ cạo đất, đồ đựng nước, đồ đựng bùn đất, tháo đậu, các dụng cụ tắm rửa. Vị ấy nên thưa với Hoà thượng trước khi nhen lửa. Nhen lửa rồi phải thưa thầy biết để thầy vào tắm. Nếu Hòa thượng bệnh yếu hay quá già, mình nên dìu Hòa thượng vào, hay mời Hòa thượng ngồi trên giường cây, giường dây, hay dùng y khiêng Hòa thượng vào. Khi vào trong nhà tắm, nên rước y nơi tay Hòa thượng. Trong nhà tắm có móc áo, hoặc móc long nha, hay giá y thì đem y máng nơi đó. Nếu có dầu thì đem dầu thoa mình Hòa thượng. Đồ đựng dầu nên để dưới đất, lấy sợi dây cột lên cây trụ hay móc long nha. Nếu Hòa thượng già yếu bệnh hoạn, nên dìu Hoà thượng vào nhà tắm. Khi đến, nên lấy ghế ngồi tắm, bình tắm, dao cạo mồ hôi, đồ đựng nước, đồ đựng bùn, tháo đậu, các dụng cụ để tắm. Nếu có khói xông vào mặt Hòa thượng, phải lấy khăn ngăn khói. Nếu đầu và lưng Hòa thượng bị nóng thì lấy khăn che lại.

«Vị ấy nên bạch với Hòa thượng, sau mới vào nhà tắm. Nếu Hòa thượng đã vào trước, sợ trong nhà tắm ồn không dám vào nên khởi ý nghĩ: ‹Nay ta không vì mình, mà vào vì Hòa thượng tắm rửa.› Có thể nghĩ như thế rồi vào. Vào rồi, nên xoa chà thân thể cho Hòa thượng. Nên đứng sau Hòa thượng. Nếu muốn xoa chà thân thể người khác hay nhờ người khác xoa chà thân thể thì nên bạch với Hòa thượng, sau đó mới xoa chà hay nhờ xoa chà. Vị ấy nên rửa cho Hòa thượng rồi mới rửa cho mình. Nếu Hòa thượng quá già bệnh hoạn, ốm yếu thì nên dìu Hòa thượng ra khỏi phòng tắm, lấy ghế mời Hòa thượng ngồi, lấy khăn lau thân thể, lấy khăn lau mặt, lấy khăn lau mắt trao cho Hòa thượng rồi nên để cục đá rửa chân, lấy nước rửa chân, lấy [803a1] khăn lau chân, trao xong nên lấy nước rửa chân, đập giũ hay lau guốc dép trao cho Hòa thượng. Kế đến lấy y trương ra xem, đập giũ trao cho Hòa thượng. Nếu có thuốc nhỏ con mắt hoặc bột thơm, trao cho Hòa thượng. Hoặc có nước cam, nước mật, rửa tay rồi trao cho Hòa thượng. Nếu Hòa thượng già yếu bị bệnh gầy ốm, thì nên lấy giường dây, giường cây mời Hòa thượng ngồi lên trên, hoặc dùng y khiêng Hòa thượng trở vào trong phòng. Khi vào trong phòng rồi, lấy tay sửa soạn chỗ nằm, xem xét trải ngọa cụ, mời Hòa thượng nằm. Trước hết trao áo lót cho Hòa thượng, sau đó lấy y hay chăn phủ lên mình Hòa thượng. Khi ra khỏi phòng, nhớ đóng cửa phòng, rồi đến nhà tắm xem xét lại bình nước, bình tẩy dục, dao cạo mồ hôi, ghế ngồi tắm, bình đựng nước, đồ đựng bùn đất, thuốc bột, tháo đậu, các vật dùng để tắm, phải để lại vị trí cũ của nó. Nếu trong nhà tắm có chứa nước không sạch, phải đổ đi. Nên tắt lửa thì tắt, nên vùi lửa thì vùi, nên đóng cửa thì đóng, nên đem khóa cửa đi thì đem đi.

«Đệ tử mỗi ngày ba lần nên đến thăm hỏi Hòa thượng. Đệ tử nên vì Hòa thượng làm hai việc nhọc nhằn không được từ khước: một là sửa soạn phòng xá, hai là may vá và giặt y phục. Hòa thượng như pháp dạy vẽ điều gì, đệ tử phải phụng hành. Nếu Hòa thượng sai đi đâu, làm việc gì thì không được từ nan, viện cớ không đi. Nếu từ nan thì sẽ như pháp trị. Từ nay về sau quy định người đệ tử tu theo pháp của đệ tử đối với Hòa thượng. Nếu đệ tử không phụng hành pháp của đệ tử sẽ như pháp trị.»[167]

---o0o---

v. A-xà-lê

Bấy giờ các tỳ-kheo mới thọ giới, Hòa thượng mạng chung, không biết ai giáo thọ. Do không được giáo thọ nên không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp không khác. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau cho phép có pháp của A-xà-lê[168] và pháp của đệ tử[169]. A-xà-lê đối với đệ tử như con, đệ tử đối với A-xà-lê tưởng như cha, trên dưới dạy bảo nhau, trên dưới phụng sự nhau. Có như vậy ở trong Phật pháp mới thêm sự lợi ích, mới lưu truyền rộng rãi.»

Pháp thức thỉnh A-xà-lê như sau: người thỉnh để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức một lòng thương tưởng, con tên là..., nay cầu Đại đức làm vị y chỉ, nguyện Đại đức vì con làm y chỉ, con y chỉ nơi Đại đức mà an trú.»

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Vị Đại đức nên nói:

«Được, tôi cho ông y chỉ. Ông chớ buông lung.»

Các tỳ-kheo nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép tác pháp y chỉ. Tỳ-kheo mới thọ giới cho người y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa ăn chính ăn phụ lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh ưa học giới, biết hổ thẹn quở trách tỳ-kheo kia: «Đức Thế Tôn chế giới cho phép nhận người y chỉ, mà các thầy là tỳ-kheo mới thọ giới tại sao nhận người y chỉ để không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh, trong bữa đại thực, tiểu thực, lớn tiếng kêu la, như bà-la-môn nhóm họp.»

Các tỳ-kheo quở trách rồi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều chẳng nên làm. Này tỳ-kheo, tại sao đức Thế Tôn chế giới cho phép nhận người y chỉ mà các ông là tỳ-kheo mới thọ giới, lại nhận người khác y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của bà-la-môn nhóm họp.»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, cho phép tỳ-kheo mười tuổi cho người y chỉ.»

Khi các tỳ-kheo kia nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi cho người y chỉ, thì có tỳ-kheo mười tuổi kia ngu si, không trí tuệ, cho người y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của bà-la-môn nhóm họp.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo kia: «Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi được cho người y chỉ. Mà các thầy tuy mười tuổi, nhưng ngu si, lại cho người y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của bà-la-môn nhóm họp.»

Tỳ-kheo quở trách rồi, đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia:

«Các ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc chẳng nên làm. Ta chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi được cho người y chỉ. Các ông tuy mười tuổi mà ngu si lại cho người y chỉ, để rồi không biết giáo thọ. Vì

không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh... cho đến như pháp của bà-la-môn nhóm họp.»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ.»

Khi các tỳ-kheo nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ. Có tỳ-kheo kia tự xưng rằng, tôi mười tuổi có trí tuệ, bèn cho người y chỉ. Song vị kia cho người y chỉ rồi không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của bà-la-môn nhóm họp.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học [804a1] giới, biết hổ thẹn, quở trách tỳ-kheo kia: «Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ. Mà thầy tự nói, tôi có trí tuệ, bèn cho người y chỉ. Cho rồi mà không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, lớn tiếng kêu la như bà-la-môn nhóm họp.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia:

«Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Ta chế giới cho phép tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ. Mà ông tự nói có trí tuệ, để cho người y chỉ, cho y chỉ rồi, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của bà-la-môn nhóm họp?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

Từ nay về sau nên chế pháp A-xà-lê, khiến cho hành pháp A-xà-lê. A-xà-lê đối với đệ tử nên tác pháp như vầy, nên phụng hành pháp như vầy: (A-Xà-lê đối với đệ tử phải làm như thế nào, tất cả đều giống như pháp của Hòa thượng đối với đệ tử. Đệ tử đối với A-xà-lê phải làm như thế nào, tất cả đều giống như pháp của đệ tử đối với Hòa thượng. Văn đồng nên không chép ra).[170]

---o0o---

vi. Y chỉ và dứt y chỉ

Bấy giờ các đệ tử không thừa sự cung kính Hòa thượng, cũng không thuận pháp của đệ tử. Các tỳ-kheo đến bạch với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau nên cho tác pháp khiển trách[171] .» Các tỳ-kheo không biết khiển trách như thế nào.

Đức Phật dạy:

Cho phép khiển trách bằng năm cách. Hòa thượng nói như sau:

«Nay ta quở trách ngươi: ‹Ngươi đi đi!›, ‹Ngươi đừng vào phòng ta.›, ‹Ngươi đừng làm việc gì cho ta.›,‹Ngươi cũng đừng đến chỗ ta.›, ‹Ta không nói chuyện với ngươi.›» Đó gọi là năm việc Hòa thượng quở trách đệ tử.

A-xà-lê quở trách đệ tử cũng có năm cách, nói:

«Nay ta quở trách ngươi: ‹Ngươi đi đi!›, ‹Ngươi đừng vào phòng ta.›, ‹Ngươi đừng làm việc gì cho ta.›,‹Ngươi cũng đừng đến chỗ ta.›, ‹Ta không nói chuyện với ngươi.›» Đó gọi là năm việc A-xà-lê quở trách đệ tử.

Đức Thế Tôn cho phép khiển trách. Các tỳ-kheo không biết nên khiển trách vì chuyện gì. Các tỳ-kheo đến bạch với đức Phật. Đức Phật dạy:

«Đệ tử có năm việc, Hòa thượng, A-xà-lê nên khiển trách đệ tử: không biết xấu, không biết hổ, không nghe lời dạy, làm điều phi oai nghi, không cung kính. Đệ tử có năm việc như vậy Hòa thượng, A-xà-lê cần phải quở trách.

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến nhà dâm nữ.

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, cùng người ác làm bạn, ưa đến nhà phụ nữ[172].

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến nhà đồng nữ lớn[173].

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến nhà huỳnh môn.

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến tinh xá của tỳ-kheo-ni.

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, cùng người ác làm bạn, ưa đến tinh xá của thức-xoa-ma-na, sa-di-ni.

«Lại có năm việc: không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa xem bắt ba ba, rùa.

«Đệ tử có năm việc như vậy thì Hòa thượng, A-xà-lê nên tác pháp quở trách.»

Đức Thế Tôn cho phép khiển trách đệ tử. Các tỳ-kheo lại khiển trách suốt đời.

Đức Phật dạy: «Không được khiển trách suốt đời.»

Vị ấy khiển trách suốt mùa an cư.

Đức Phật dạy: «Không được như vậy.»

Vị kia khiển trách người bệnh. Trong khi Hòa thượng, A-xà-lê không trông nôm người bệnh, tỳ-kheo khác cũng không trông nôm khiến cho người bệnh khốn đốn.

Đức Phật dạy: «Không được khiển trách người bệnh.»

Vị kia khiển trách người vắng mặt. Các tỳ-kheo nói: «Ngươi bị khiển trách.» Đương sự nói: «Con không bị khiển trách.»

Đức Phật dạy: «Không nên quở trách người vắng mặt.»

Vị kia không nói rõ tội lỗi mà quở trách, các đệ tử nói: «Con phạm tội gì mà bị quở trách?»

Đức Phật dạy: «Không nên không nói rõ tội trạng mà khiển trách. Nên nói rõ tội trạng như vầy: ‹Ngươi phạm tội như vậy, như vậy.›»

Người bị khiển trách rồi lại cung cấp vật dụng và chịu sai khiến.

Đức Phật dạy: «Không nên như vậy.»

Vị kia đã tác pháp quở trách rồi vẫn nhận sự cung cấp và sai khiến người ấy.

Đức Phật dạy: «Không nên như vậy.»

Người khiển trách rồi mà vẫn ở đó y chỉ.

Đức Phật dạy: «Không được như vậy.»

Vị kia đã tác pháp khiển trách rồi mà vẫn cho người ấy y chỉ.

Đức Phật dạy: «Không được như vậy.»

Người bị quở trách rồi không sám hối Hòa thượng, A-xà-lê, bèn đi.

Đức Phật dạy: «Không nên như vậy.»

Người bị quở trách rồi bèn ở bên các tỳ-kheo khác, không chấp sự cho Hòa thượng, A-xà-lê, mà cũng không chấp sự các tỳ-kheo khác.

Đức Phật dạy: «Không nên như vậy.»

Người bị quở trách rồi không có người hướng dẫn việc tùy thuận nên bỏ đi xa hoặc thôi tu, hoặc không tin ưa Phật pháp.

Đức Phật dạy: «Những vị khác nên với ý nghĩ vì Hòa thượng, A-xà-lê của vị ấy khuyên họ sám hối để thầy trò hòa hợp.»

Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo dụ dẫn đệ tử người khác đi. Các tỳ-kheo đến bạch đức Phật.

Đức Phật dạy: «Không được dụ dẫn đệ tử người khác đi. Nếu dụ dẫn đi thì nên như pháp trị.»

Vị Hòa thượng, A-xà-lê kia hoặc phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng diệt tẫn, đối với pháp sa-môn không lợi ích. Các tỳ-kheo đến bạch Phật.

Phật dạy: «Cho phép dụ dẫn đi, với ý nghĩ khuyên bảo để cho vị ấy được thêm lớn sự lợi ích đối với pháp sa-môn.»

Người bị quở trách rồi, không chịu đến Hòa thượng, A-xà-lê để sám hối. Đức Phật dạy: «Bị quở trách rồi, nên đến Hòa thượng, A-xà-lê sám hối.» Pháp thức sám hối: người sám trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Bạch đại đức. Nay con xin sám hối. Con không dám tái phạm.»

Nếu thầy cho phép sám hối thì tốt, bằng không cho phép thì mỗi ngày ba lần, sáng, trưa, chiều xin được sám hối. Nếu thầy cho phép sám hối thì tốt, bằng không thì phải hạ ý tùy thuận[174] , cầu phương tiện để giải bày tội phạm kia. Người ấy hạ ý tùy thuận không trái nghịch, cầu giải bày tội lỗi thì vị thầy nên nhận sự sám hối. Nếu không nhận sự sám hối sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, có tỳ-kheo mới thọ giới, ưa nhàn tịnh, nhưng còn cần y chỉ. Quan sát phòng xá, thấy chỗ a-lan-nhã có một cái hang, liền có ý nghĩ: «Nếu được sự y chỉ sẽ ở nơi đây.» Vị ấy đem việc này nói với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, tỳ-kheo mới thọ giới, ưa nhàn tịnh, nhưng còn cần phải y chỉ cho phép y chỉ chỗ khác, nếu nội trong ngày trở về lại được. Nếu không được, thì tỳ-kheo mới thọ giới mà ưa ở chỗ nhàn tịnh, được cho phép sống không y chỉ.»

Bấy giờ tỳ-kheo cựu trú[175] mới thọ giới cần y chỉ, nghĩ rằng: «Đức Thế Tôn chế giới không được sống không y chỉ.» [805a1] Vị kia bèn bỏ trú xứ đi[176], trú xứ bị hư hoại[177]. Các tỳ-kheo đem vấn đề này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, trường hợp tỳ-kheo cựu trú mà mới thọ giới cần y chỉ, cho phép sống không y chỉ. Vì thủ hộ trú xứ.»

Có tỳ-kheo nghĩ quyết định ra ngoài giới rồi đi luôn. Nhưng khi ra ngoài giới, trong ngày ấy lại trở về. Các tỳ-kheo bạch Phật, trường hợp như vậy có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

«Trường hợp đó mất y chỉ.»

Hòa thượng, A-xà-lê có ý nghĩ quyết định ra ngoài giới và đi luôn, không trở lại. Nhưng trong ngày lại trở lại. Các tỳ-kheo bạch Phật trường hợp này có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

«Mất y chỉ.»

Có tỳ-kheo bạch với Hòa thượng, A-xà-lê, tạm thời ra ngoài giới. Sau khi ra ngoài giới, trong ngày trở về lại. Các tỳ-kheo bạch Phật có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

«Không mất y chỉ.»

Có Hòa thượng, A-xà-lê, nghĩ rằng tạm thời ta ra ngoài giới, trong ngày, vị ấy trở về. Các tỳ-kheo bạch Phật có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

«Không mất y chỉ. »

Có các tỳ-kheo dẫn người thọ giới ra ngoài giới, mời nhóm sáu tỳ-kheo đến trao giới cho họ. Nhóm sáu tỳ-kheo không đến nên không được thọ giới. Các tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, nếu người tác pháp ba-lợi-bà-sa, bổn nhật trị, ma-na-đỏa, a-phù-ha-na, tác yết-ma, hoặc lập chế, hoặc thọ giới, hoặc người được chúng sai, hoặc có việc cần giải bày, những việc như vậy, kêu đến mà không đến thì phải như pháp trị.»

Các tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới ra ngoài giới, thưa với Thượng tọa, tác yết-ma. Thượng tọa nói: «Tôi không tụng.» Tỳ-kheo lại thưa với trung tọa, hạ tọa tác bạch, các vị cũng lại nói: «Tôi không tụng.» Vì vậy bị trở ngại, không được thọ giới. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, tỳ-kheo năm tuổi phải tụng bạch yết-ma. Nếu không sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới, ra ngoài giới, thưa với Thượng tọa, tác bạch. Thượng tọa nói: ‹Tôi từng tụng; nhưng nay không thuộc.› Tỳ-kheo lại thưa với trung tọa, hạ tọa tác bạch, quý vị cũng nói: ‹Tôi từng tụng; nhưng nay không thuộc.› Nên không được thọ giới. Các tỳ-kheo đem việc này bạch lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau, cho phép tỳ-kheo năm tuổi phải bạch yết-ma cho thuộc lòng. Nếu không thuộc sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới, ra ngoài giới, nghe có giặc đến; tất cả đều sợ sệt, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, không được thọ giới. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau, có tám việc nạn và các duyên khác cho phép một lần tác pháp yết-ma cho hai, ba người; chứ không được quá.»

Nạn xứ là: một, nạn Vua; hai, nạn giặc cướp; ba, nạn nước; bốn, nạn lửa; năm, bệnh; sáu, nhơn sự; bảy, phi nhơn; tám, sâu thất-lê-sa trùng[178] . Các nhơn duyên khác là: chúng họp nhiều, tọa cụ ít, hoặc nhiều người bệnh; cho phép một lần tác pháp yết-ma cho hai, ba người. Hoặc chúng tập đông mà phòng xá ít; hoặc trời mưa dột, thì cho phép một lần tác pháp yết-ma cho hai, ba vị.

Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật:

«Nếu có các việc quan trọng, có được phép một lần có thể tác pháp yết-ma cho hơn hai, ba vị hay không?»

Đức Phật dạy:

«Không được quá.»

Có vị nhờ người nhận y chỉ. Phật dạy:

«Không được làm như vậy. »

Có vị nhờ người trao y chỉ, Phật dạy:

«Không được làm như vậy. »

Hòa thượng, A-xà-lê đi ra ngoài giới, đệ tử nghĩ rằng: «Hòa thượng, A-xà-lê đi không lâu sẽ trở về, ta vẫn sống theo y chỉ cũ.» Do đó, hiện sống mà không có y chỉ. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép, khi Hòa thượng, A-xà-lê đi ra ngoài giới, ngay trong ngày đó phải xin y chỉ khác, nếu không nhận sẽ như pháp trị.»

Các đệ tử đi xa ra ngoài giới, nghĩ rằng chúng ta đi không lâu sẽ trở về, nên vẫn sống với y chỉ nơi Hòa thượng, A-xà-lê như cũ; cho nên, trong thời gian đó, sống không có y chỉ. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo khách mới thọ giới phải xin y chỉ. Nhưng không được rửa chân trước, không được uống nước trước, trước khi cầu y chỉ.»

Tỳ-kheo khách mới thọ giới phải y chỉ, các vị ấy nghĩ: «Đức Thế Tôn chế giới, tỳ-kheo khách mới thọ giới phải y chỉ; không được rửa chân trước, không được uống nước trước, trước hết phải thọ y chỉ đã.» Vì mệt mỏi nên ngay khi thọ y chỉ, bị té xỉu, bị bất tỉnh, khiến ngả bệnh. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đức Thế Tôn. Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau, cho phép tỳ-kheo khách mới thọ giới phải xin y chỉ, được phép rửa chân trước, uống nước trước, nghỉ khỏe một chút rồi mới cầu thọ y chỉ.»

Có vị không lựa chọn người để nhận y chỉ, trúng ông thầy phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị tác pháp quở trách, đã tác pháp y chỉ, bị tác pháp tẫn, bị tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, hoặc bị cử tội, không có điều lợi ích đối với hạnh của sa-môn. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, không được không lựa chọn vị thầy để nhận y chỉ.»

Có thầy không lựa chọn người mà cho y chỉ, trúng người đệ tử phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị tác pháp quở trách, hoặc bị tẫn, đã tác y chỉ, bị tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, bị tác pháp cử tội. Đức Phật dạy:

«Không được không lựa chọn người mà cho y chỉ.»

Bấy giờ có tỳ-kheo mới thọ giới, cần phải y chỉ, nhưng bị bệnh nên có ý nghĩ, «Thế Tôn chế giới, không được sống với sự không có y chỉ.» Vì vậy, vị ấy liền bỏ trú xứ đi, nên bệnh tình trầm trọng. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, tỳ-kheo mới thọ giới cần phải y chỉ. Nếu bị bệnh, được phép sống không y chỉ.»

Có tỳ-kheo mới thọ giới cần y chỉ. Nhưng vì nuôi bệnh, nên có ý nghĩ, «Thế Tôn chế giới, không được sống với sự không có y chỉ.» Vị kia liền bỏ người bệnh đi. Người bệnh phải mạng chung. Các tỳ-kheo đến bạch Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép tỳ-kheo mới thọ giới nếu nuôi bệnh được sống không y chỉ.»

Hòa thượng, A-xà-lê của các tỳ-kheo bị chúng Tăng trao pháp tác yết-ma, trao pháp quở trách, trao pháp tẫn, tác y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội. Các tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

«Không mất y chỉ.»

Các đệ tử kia bị chúng Tăng trao cho tác pháp yết-ma, tác pháp quở trách, cho đến tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử yết-ma. Các tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất pháp y chỉ không? Đức Phật dạy:

«Không mất y chỉ.»

Hòa thượng, A-xà-lê bị chúng Tăng tác yết-ma diệt tẫn. Các tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất pháp y chỉ không? Đức Phật dạy:

«Mất y chỉ.»

Các đệ tử kia bị chúng Tăng tác pháp yết-ma diệt tẫn. Các tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất pháp y chỉ không? Đức Phật dạy:

«Mất y chỉ.»

Thế Tôn du hóa đến thành La-duyệt. Bấy giờ, Uất-bề-la Ca-diếp dẫn các đồ chúng bỏ nhà học đạo. Đệ tử của San-nhã dẫn hai trăm năm mươi đệ tử bỏ nhà học đạo. Con của đại phú hào quý trong thành La-duyệt, cũng xuất gia học đạo. Đại chúng đông như vậy đang trụ tại thành La-duyệt. Các đại thần nói với nhau rằng: «Nay các ngoại đạo xuất gia học đạo, xuân-thu-đông-hạ thường du hành trong nhân gian. [806a1] Sa-môn Thích tử này tập trung ở nơi đây, không du hành nơi khác. Có lẽ vì nơi đây là tối thắng vậy.» Các tỳ-kheo nghe, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn bảo ông A-Nan:

«Ông đến từng phòng, rao nói với các tỳ-kheo rằng: ‹Nay đức Thế Tôn muốn đến phương nam du hóa trong nhơn gian. Vị nào muốn tùy tùng thì tùy ý.›»

Tôn giả A-nan vâng lời dạy đức Phật, đến từng phòng nói với các tỳ-kheo: ‹Nay đức Thế Tôn muốn du hóa phương nam. Các tỳ-kheo nào muốn tháp tùng thì tùy ý.›

Bấy giờ các vị tân tỳ-kheo với lòng tin sâu đậm, thưa Tôn giả A-nan rằng:

«Nếu Hòa thượng, A-xà-lê của chúng con đi thì chúng con sẽ đi. Nếu quý ngài không đi thì chúng con cũng không đi. Tại sao vậy? Chúng con là tỳ-kheo mới thọ giới, đi thì cần phải cầu y chỉ khác, khi trở về phải thọ lại. Người ta sẽ bảo là chúng con bộp chộp không có quyết chí.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn dẫn một số ít tỳ-kheo du hành phương nam. Sau khi trở về thành Vương-xá, đức Thế Tôn quan sát số tỳ-kheo du hành ít, biết mà Ngài vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

«Vì lý do gì các tỳ-kheo đi ít như vậy?»

Tôn giả A-nan trình bày đầy sự việc lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo và bảo rằng:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo năm tuổi có trí tuệ đối với tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ; tỳ-kheo năm tuổi nên thọ y chỉ với tỳ-kheo mười tuổi. Nếu ngu si không có trí tuệ thì phải y chỉ trọn đời.»

«Có năm pháp bị mất y chỉ[179]: 1. Thầy khiển trách. 2. Bỏ đi. 3. Thôi tu. 4. Không cùng ở với vị y chỉ. 5. Vào trong giới trường.

«Lại có năm pháp: 1. Chết. 2. Bỏ đi. 3. Thôi tu. 4. Không cùng ở với vị y chỉ. 5. Năm tuổi hay quá năm tuổi.

«Lại có năm pháp: hoặc chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ , hoặc gặp Hòa thượng cũ.

«Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, gặp Hòa thượng, A-xà-lê thôi tu.

«Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc đệ tử thôi tu.

«Lại có năm pháp: hoặc chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc Hòa thượng, A-xà-lê mạng chung.

«Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc đệ tử mạng chung.

«Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, trở lại ở ngay chỗ Hòa thượng. Đó gọi là năm pháp mất y chỉ.»

---o0o---

viii. Phẩm chất Hoà thượng

«Có năm pháp không thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: giới không thành tựu, định không thành tựu, trí tuệ không thành tựu, giải thoát không thành tựu, giải thoát tri kiến không thành tựu. Năm pháp này không thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

«Nếu thành tựu năm pháp này thì được trao giới cụ túc cho người (ngược lại với nghĩa trên).

«Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: Tự thân giới không thành tựu, không thể dạy người kiên trụ nơi giới. Tự thân định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không thành tựu, không thể dạy người kiên trụ đối với định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nếu năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc. «Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

«Lại nữa, nếu năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: không tín, không tàm, không quí, biếng nhác, quên nhiều. Năm pháp trên thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người. «Ngược lại, với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

«Lại nữa, có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: phá tăng thượng giới, phá tăng thượng kiến, phá tăng thượng oai nghi, ít học, không trí tuệ. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

«Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

«Lại có năm pháp này nếu thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: không chăm sóc bệnh cho đệ tử, không thể nhờ người chăm sóc cho đến khi lành hay qua đời; đệ tử không thích sống trú xứ này mà không thể phương tiện gởi đi chỗ khác; đệ tử có điều nghi không thể giải quyết được như pháp, như luật, như lời Phật dạy; không thể giáo thọ để bỏ ác kiến, trụ nơi thiện kiến; hoặc dưới mười tuổi. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

«Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

«Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: không biết điều gì phạm, không biết điều gì không phạm, không biết điều gì khinh, không biết điều gì trọng, dưới mười tuổi. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

«Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

«Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: không biết giáo thọ đệ tử tăng thượng oai nghi[180], tăng thượng tịnh hạnh[181], tăng thượng Ba-la-đề-mộc-xoa, bạch và yết-ma[182]. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

«Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

«Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: không biết tăng giới, tăng tâm, tăng trí tuệ, không biết bạch, không biết yết-ma. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

«Năm pháp sau đây nếu thành tựu thì được trao giới cụ túc cho người: biết tăng giới, tăng tâm, tăng trí tuệ, biết bạch, biết yết-ma. Năm pháp này nếu thành tựu thì được phép trao giới cụ túc cho người.

«Cũng như vậy không được cho y chỉ và được cho y chỉ, không được nuôi sa-di và được nuôi sa-di, đều như trên.»

---o0o---

ix. Ngoại đạo xuất gia

Khi đức Phật ở tại thành La-duyệt, thì bấy giờ trong thành có lõa thể ngoại đạo tên là Bố-tát[183], có khả năng luận nghị, thường tự tuyên bố: «Tại đây có sa-môn Thích tử nào có thể cùng ta biện luận thì mời đến.» Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

«Tôi có thể cùng ông biện luận.»

Các tỳ-kheo đem việc này bạch đến đức Phật. Phật dạy:

«Luận có bốn loại: Nghĩa rốt ráo, văn không rốt ráo. Văn rốt ráo, nghĩa không rốt ráo. Văn, nghĩa đều rốt ráo. Văn, nghĩa đều không rốt ráo.

Biện có bốn:[184] pháp biện, nghĩa biện, liễu liễu biện và từ biện. Nếu luận sư có bốn biện tài này mà nói văn nghĩa đều bị cụt, điều này không xảy ra. Nay, Xá-lợi-phất thành tựu bốn món biện tài này, mà nói văn nghĩa đều bị cụt; điều này không thể có.

Lõa hình kia liền vấn nghĩa Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất trả lời lại. Lõa hình liền dùng năm trăm bức nạn để nạn vấn Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất liền tương ứng với năm trăm bức nạn để trả lời, rồi dùng nghĩa sâu sắc để nạn vấn lại. Lõa hình bị nạn vấn không thể giải thích được, Lõa hình kia liền khởi ý nghĩ: «Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Sa-môn Thích tử trí tuệ thông minh. Nay ta hãy theo xuất gia học đạo.»

Ông đến trong Tăng-già-lam. Từ xa trông thấy Bạt-nan-đà Thích tử, liền nghĩ: «Sa-môn Thích tử, ít người biết đến mà còn có trí tuệ như vậy, huống là người được biết đến nhiều, đâu có thể không giỏi hơn.» Lõa hình đến chỗ Bạt-nan-đà thưa: «Tôi muốn xuất gia học đạo.» Bạt-nan-đà liền độ cho làm đệ tử, trao giới cụ túc. Sau đó, lõa hình hỏi Bạt-nan-đà về nghĩa lý, Bạt-nan-đà không thể trả lời được. Lõa hình lại sanh [807a1] ý nghĩ này: «Sa môn Thích tử ngu ám. Không hiểu biết gì. Ta hãy thôi tu.» Lõa hình liền khoác áo ca-sa mà qua chúng ngoại đạo. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép ngoại đạo có bốn tháng cộng trú[185] ở trong Tăng, bằng pháp bạch nhị yết-ma.»

Nên tác pháp cho như vầy: Trước hết cho họ cạo tóc, mặc áo ca-sa, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, dạy tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con vốn là ngoại đạo, tên ... , quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con cầu xuất gia hành đạo trong giáo pháp đức Thế Tôn. Như Lai, Chí nhơn, Đẳng chánh giác là Thế Tôn là của con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

«Con vốn là ngoại đạo, tên ... , đã quy y Phật, Pháp, Tăng rồi. Con xin theo đức Như Lai xuất gia học đạo. Như Lai, Chí nhơn, Đẳng chánh giác là Thế Tôn là của con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Nên dạy thọ giới: trọn đời không sát sanh là giới của sa-di, cho đến trọn đời không chứa vàng bạc vật báu là giới của sa-di. Mười giới sa-di này trọn đời không được phạm. Ngoại đạo kia trước hết nên đến trong chúng Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, dạy ngoại đạo ấy thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Con vốn là ngoại đạo, tên ..., theo chúng Tăng xin bốn tháng cọng trú. Nguyện chúng Tăng dũ lòng thương cho con bốn tháng cộng trú »

Lần thứ hai, lần thứ ba thưa như vậy.

Rồi bảo ngoại đạo kia đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Người vốn là ngoại đạo tên là... kia, nay đến xin chúng Tăng bốn tháng cọng trú. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho ngoại đạo tên... kia bốn tháng cọng trú. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người vốn là ngoại đạo tên là... kia theo chúng Tăng xin bốn tháng cọng trú. Nay Tăng cho ngoại đạo kia bốn tháng cọng trú. Trưởng lão nào chấp nhận cho người ấy bốn tháng cọng trú thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Chúng Tăng đã chấp thuận cho ngoại đạo kia bốn tháng cộng trú rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Ngoại đạo kia hành pháp cọng trú rồi, khiến tâm các tỳ-kheo vui vẻ, sau đó mới đến trong Tăng thọ giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Thế nào gọi là ngoại đạo không thể khiến cho tâm các tỳ-kheo hoan hỷ? Ngoại đạo kia tâm cố chấp trì theo pháp của ngoại đạo bạch y, không gần gũi tỳ-kheo mà gần gũi ngoại đạo, không tùy thuận tỳ-kheo mà tập tụng dị luận, hoặc khi nghe người nói việc không tốt của ngoại đạo, bèn giận dữ, hoặc nghe người chê bai thầy dạy, ngoại đạo cũng sanh lòng giận dữ; nghe nói việc phi pháp của Phật, Pháp, Tăng thì vui mừmg hớn hở. Hoặc có ngoại đạo khác đến khen ngợi việc tốt của ngoại đạo thì vui mừng hớn hở; hoặc có thầy của ngoại đạo đến nghe khen ngợi việc của ngoại đạo cũng vui mừng hớn hở; hay nghe nói việc phi pháp của Phật, Pháp,Tăng cũng vui mừng hớn hở. Đó gọi là ngoại đạo không thể khiến cho các tỳ-kheo hoan hỷ.

Thế nào gọi là ngoại đạo khiến cho các tỳ-kheo hoan hỷ? Nghĩa là ngược lại với các điều trên. Đó gọi là ngoại đạo cộng trú tâm ý điều hòa khiến các tỳ-kheo hoan hỷ.

Bấy giờ có một ngoại đạo, chúng Tăng cho bốn tháng cọng trú. Khi cọng trú thì có tâm chánh quyết định. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu đã có tâm chánh quyết định chánh thì nên bạch tứ yết-ma cho thọ giới cụ túc.»[186]

---o0o---

x. Các già nạn (1)

1. Bấy giờ, Lõa hình Bố-tát nghe những lời này liền nghĩ, «Sa-môn Thích tử trí tuệ thông minh. Nay ta nên trở lại xuất gia học đạo.» Bố-tát liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo: «Tôi muốn xuất gia học đạo.» Các tỳ-kheo đem việc này bạch lên đức Phật, Phật dạy:

«Đây là kẻ phá hoại nội ngoại đạo, ở trong pháp của Ta không thể trưởng ích. Nếu chưa thọ giới cụ túc thì không nên cho thọ giới cụ túc. Đã thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»

2. Thế Tôn du hóa tại thành La-duyệt. Bấy giờ Vua Bình-sa nước Ma-kiệt bảo người trong nước rằng: «Ai muốn xuất gia học đạo trong sa-môn Thích tử thì được phép ở trong pháp của Như Lai để tu phạm hạnh, để diệt tận gốc khổ.»

Bấy giờ có một người đầy tớ đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo: «Con muốn xuất gia làm tỳ-kheo.» Các tỳ-kheo liền cho xuất gia làm đạo. Sau đó lần lượt đi khất thực trong nhân gian, bị người chủ cũ bắt. Vị này kêu la:

«Đừng bắt tôi! Đừng bắt tôi! »

Các cư sĩ ở gần hỏi:

«Tại sao ngươi kêu la lớn tiếng như vậy?»

Đáp:

«Người này bắt tôi.»

Các cư sĩ hỏi người kia:

«Tại sao bắt người ta?»

Người kia nói:

«Người ấy là gia nô của tôi.»

Cư sĩ nói:

«Ông nên thả ra, chứ không được bắt. Người không thể nào bắt được đâu, có thể sẽ bị nhà quan phạt. Tại sao vậy? Người nên biết, Vua Bình-sa nước Ma-kiệt trước đây có ra lệnh bất cứ ai có khả năng ở trong hàng sa-môn Thích tử xuất gia học đạo, được phép ở trong giáo pháp của đức Như Lai khéo tu phạm hạnh, để diệt tận gốc khổ. Vì vậy người đừng nên gây trở ngại.»

Người chủ kia liền thả tỳ-kheo ấy ra. Nhưng giận dữ, la lớn:

«Thật là tai họa! Đầy tớ của tôi mà tôi không được tự do bắt. Xem thế thì sa-môn Thích tử đều là bọn đầy tớ tụ họp.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem việc này đến bạch lên đức Phật. Phật bảo:

«Từ nay về sau không được độ đầy tớ. Nếu độ sẽ như pháp trị.»

3. Bấy giờ có một tên giặc cướp ở tù vượt ngục, chạy đến trong vườn Tăng, thưa với các tỳ-kheo rằng: «Con muốn xuất gia học đạo.» Các tỳ-kheo liền độ cho xuất gia thọ giới cụ túc. Quan giám ngục kiểm tra danh bộ tù nhơn, hỏi người coi tù:

«Kẻ trộm ở tù tên này nay ở đâu?»

Người coi tù trả lời:

«Kẻ trộm ở tù, tên này vượt ngục; theo sa-môn Thích tử xin xuất gia rồi.»

Quan giám ngục cơ hiềm:

«Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy, có gì là chánh pháp? Xem thế thì sa-môn Thích tử đều là bọn giặc tập trung.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau không được độ kẻ giặc. Nếu độ sẽ như pháp trị.»

4. Bấy giờ có người mắc nợ, trốn tránh chủ nợ, đến trong vườn thưa với các tỳ-kheo:

«Xin quý thầy độ con xuất gia làm đạo.»

Các tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Vị ấy khất thực trong nhân gian, bị người chủ nợ bắt, liền lớn tiếng kêu:

«Đừng bắt tôi! Đừng bắt tôi!»

Các cư sĩ ở gần nghe liền hỏi:

«Tại sao thầy kêu la lớn tiếng vậy?»

Vị này nói:

«Người này bắt tôi.»

Các cư sĩ hỏi người kia:

«Tại sao ông bắt người này?»

Người kia trả lời:

«Người này mắc nợ tôi.»

Các cư sĩ nói với người kia rằng:

«Ông nên thả chứ không được bắt. Có thể ông bắt thì không đòi được nợ mà lại bị quan phạt. Tại sao vậy? Vì Vua Bình-sa nước Ma-kiệt trước đây có ra lệnh ‹Nếu ai có khả năng có thể xuất gia học đạo thì được phép theo ý muốn

tu phạm hạnh, để dứt sạch nguồn gốc khổ.› Vì vậy ông đừng nên gây trở ngại.»

Người chủ nợ nghe xong liền thả vị tỳ kheo và giận dữ nói:

«Mắc nợ tôi mà tôi không được quyền đòi! Cứ theo việc này suy ra thì sa-môn Thích tử đều là bọn trốn nợ.»

Các tỳ-kheo đem việc này bạch lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau không được độ người mắc nợ. Nếu độ sẽ như pháp trị.»

5. Một thời đức Phật du hóa tại Ca-lan-đà Trúc viên thành La-duyệt. Bấy giờ có mười bảy cậu bé là bạn quen thân với nhau[187]. [808a1] Lớn nhất là mười bảy tuổi, nhỏ nhất là mười hai tuổi. Giàu nhất là tám trăm ngàn, nghèo nhất là tám mươi ngàn. Trong đó có một cậu tên là Ưu-ba-ly[188],[189] Sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác.» Hai ông bà lại nghĩ: «Nếu cho nó học viết chữ thì cũng vất vả thân xác[190]. Vậy nên cho học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn?» Nghĩ như vậy xong, hai ông bà nói: «Nên cho nó học toán số, sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác.» Rồi lại nghĩ: «Học toán cũng vất vả thân xác. Vậy nên cho học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn? Ta nên cho nó học nghề họa tượng, sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác.» Rồi lại nghĩ: «Nghề họa tượng sợ mệt nhọc con mắt của con ta. Vậy nên cho học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn, không mệt nhọc con mắt?» Rồi lại nghĩ: «Sa-môn Thích tử khéo tự nuôi thân, an lạc, không hề có các khổ não. Ta nên cho con ta xuất gia hành đạo trong pháp của sa-môn Thích tử, sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác.» Một thời gian sau, nhóm đồng tử mười bảy người nói với cậu Ưu-ba-ly rằng: cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất thương yêu, chưa bao giờ xa cách, dù chỉ trong khoảnh khắc. Cha mẹ nghĩ rằng: «Ta nên cho con ta học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn?» Hai ông bà tự nghĩ và nói: «Ta nên cho nó học viết chữ.

«Bạn có thể cùng chúng tôi xuất gia làm đạo?»

Ưu-ba-ly nói:

«Tôi đâu xuất gia làm gì? Các bạn tự mình xuất gia đi.»

Nhóm các cậu mười bảy người, lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy với Ưu-ba-ly rằng:

«Bạn có thể cùng chúng tôi xuất gia làm đạo. Tại sao vậy? Nay chúng ta cùng nhau vui đùa, khi đến đó chúng ta cũng đùa giỡn vui chơi với nhau.»

Ưu-ba-ly nói với các cậu bé rằng:

«Các bạn chờ tôi một chút. Tôi phải xin phép cha mẹ tôi đã.»

Ưu-ba-ly liền đến chỗ cha mẹ thưa:

«Thưa ba má, nay con muốn xuất gia làm đạo. Ba má cho phép con.» Cha mẹ Ưu-ba-ly nói:

«Ba má chỉ có một mình con là con, lòng ba má luôn rất thương yêu, cho đến dù khi chết cũng không muốn xa nhau, huống là còn sống mà phải cách biệt!»

Ưu-ba-ly thưa như vậy ba lần để xin cha mẹ được xuất gia. Hai ông bà cũng trả lời:

«Ba má chỉ có một mình con là con, lòng ba má luôn rất thương yêu, cho đến dù khi chết cũng không muốn xa nhau, huống là còn sống mà phải cách biệt!»

Lúc bấy giờ hai ông bà được Ưu-ba-ly ba lần ân cần thưa xin, bèn nhớ lại, «Trước đây chúng ta có ý này: Chúng ta nên cho con mình học nghề gì để sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Sau đó chúng ta định cho con mình học kinh thơ, cho đến họa tượng, để sau khi chúng ta qua đời, con của chúng ta có nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Nhưng rồi chúng ta vẫn lo sợ nhãn lực của con chúng ta bị lao nhọc. Cuối cùng chúng ta suy nghĩ: Duy chỉ có sa-môn Thích tử là khéo tự nuôi thân, không có các khổ não. Nếu như con của chúng ta xuất gia trong đó chắc chắn có thể sống thoải mái, không có các khổ não.»

Bấy giờ hai ông bà nói với Ưu-ba-ly:

«Nay thật đúng lúc ba má cho con xuất gia.»

Bấy giờ Ưu-ba-ly đến chỗ nhóm các cậu mười bảy người nói:

«Ba má tôi đã cho tôi xuất gia. Các bạn muốn xuất gia thì nay là đúng lúc.»

Các cậu liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo:

«Bạch Đại đức, chúng con muốn xuất gia học đạo. Xin các Đại đức cho phép chúng con xuất gia làm đạo.»

Các tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Các cậu còn nhỏ, mới đây đã quen sống vui đùa, ăn một bữa không chịu nổi, nên đến giữa đêm bị đói, lớn tiếng đòi ăn, kêu la:

«Cho tôi ăn! Cho tôi ăn!»

Các tỳ-kheo nói:

«Các ngươi chờ một chút. Đợi sáng, chúng Tăng có thức ăn gì sẽ cho các ngươi ăn. Nếu không có sẽ cùng các ngươi khất thực. Tại sao vậy? Vì trong đây không có chỗ để nấu ăn.»

Bấy giờ đức Thế Tôn trong đêm tư duy nơi yên tịnh nghe tiếng trẻ khóc la, biết mà vẫn cố hỏi Tôn giả A-nan:

«Tại sao trong đêm có tiếng khóc la của trẻ nhỏ?»

Tôn giả A-nan đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật, đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Không được trao giới cụ túc cho người chưa đủ tuổi hai mươi. Tại sao vậy? Tuổi chưa đủ hai mươi không thể nhẫn chịu được các thứ lạnh nóng, đói khát, gió mưa, muỗi mòng, độc trùng; không nhẫn nhịn được tiếng ác; hoặc trong thân có các khổ thống không thể chịu đựng được; lại không thể giữ được giới một ngày ăn một bữa. Nếu ai độ cho xuất gia thọ giới cụ túc, thì sẽ như pháp trị.»

Phật bảo:

«A-nan nên biết, người đủ hai mươi tuổi mới kham nhẫn được các việc như trên.»

6. Lúc bấy giờ, trong cương giới nước Ma-kiệt xuất hiện năm loại bệnh: một là bệnh hủi, hai là bệnh ung thư, ba là bệnh hủi trắng, bốn là bệnh càn tiêu[191], năm là bệnh điên cuồng[192]. Người trong nước kia bị các chứng bệnh này, bèn đến nơi Kỳ-bà Đồng tử[193] nói:

«Yêu cầu ông chữa bệnh cho chúng tôi, tôi sẽ tặng ông tài vật như vậy... như vậy...»

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Tôi không thể trị bệnh cho các người được.»

Các người bệnh lại nói:

«Xin ông cứu giúp cho. Chúng tôi sẽ đem tất cả gia tài sự nghiệp và vợ con để cung cấp cho ông sai khiến.»

Kỳ-bà Đồng tử trả lời:

«Tôi không thể chữa bệnh cho các người được.»

Các bệnh nhân nói với nhau rằng: «Chủ ý của người này không chịu chữa bệnh cho chúng ta. Chúng ta nên đến chỗ chữa bệnh kia.»

Bấy giờ các người bệnh đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo:

«Chúng con muốn xuất gia học đạo.»

Các tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Kỳ-bà Đồng tử chữa bệnh cho Phật và Tăng tỳ-kheo, cung cấp thuốc tiêu xổ, hoặc cần canh thì cấp canh, thứ nào cần kiêng cử thì kiêng cử. Hoặc cung cấp loại canh bằng thịt chim đồng, tùy theo bệnh mà cung cấp thực đơn để cho căn bệnh được lành. Lành rồi họ không tu nữa. Kỳ-bà Đồng tử trên đường đi gặp họ, hỏi:

«Hình như ông trước đây có xuất gia phải không?»

Họ trả lời:

«Tôi đã từng xuất gia.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi:

«Tại sao ông thôi tu?»

Họ trả lời:

«Trước đây tôi mắc bệnh đến nhờ ông chữa, tôi nói: ‹Ông chữa, tôi sẽ đem tài vật như vậy, như vậy để trả ơn cho ông.› Ông nói: ‹Tôi không thể chữa.› Tôi yêu cầu lần thứ hai, tôi nói: ‹Tôi sẽ đem hết gia tài sự nghiệp và bản thân tôi như vợ con tôi cung cấp cho ông sai sử,› ông cũng vẫn không chịu chữa. Chúng tôi tự nói với nhau rằng: ‹Chủ ý của người này không chịu chữa bệnh cho chúng ta. Chúng ta nên đến nơi phòng chữa bệnh kia để chữa. Nơi đó người này sẽ vì ta mà chữa.› Chúng tôi vì chữa bệnh nên đến trong Tăng-già-lam quyền biến thưa xin xuất gia để chữa bệnh chứ bản thân chúng tôi không có lòng tin đối với Phật pháp và chúng Tăng mà xuất gia.»

Kỳ-bà Đồng tử nghe như vậy rồi, không vui, liền đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch với đức Thế Tôn:

«Trước kia con vì chữa bệnh cho chúng Tăng nên bỏ việc nhà Vua, mà các tỳ-kheo độ những người có năm chứng bệnh như hủi, ung thư, hủi trắng, càn tiêu và điên cuồng. Cúi xin [809a1] đức Thế Tôn dũ lòng thương ra lệnh các tỳ-kheo từ nay về sau đừng độ những người có năm chứng bệnh này xuất gia làm đạo nữa.»

Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Kỳ-bà Đồng tử biết đức Thế Tôn nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, đi quanh ba vòng rồi cáo lui. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo:

«Các ông nên biết, Kỳ-bà Đồng tử trước kia vì chữa bệnh cho chúng Tăng nên bỏ công việc của nhà Vua, mà các tỳ-kheo lại độ những người có năm chứng bệnh như vậy. Từ nay về sau không được độ những người có năm chứng bệnh như vậy mà trao giới cụ túc. Nếu ai độ, sẽ như pháp trị.»

---o0o---

xi. Dữ học giới

Một thời, đức Phật ở tại thành La-duyệt. Trong thành này có một tỳ-kheo tự là Nan-đề[194], thường ưa tọa thiền, được định của thế tục, tâm giải thoát.

Một lúc nọ, từ Tứ thiền xuất định, thì có ma nữ đến đứng trước mặt. Tỳ-kheo kia nắm lấy, muốn phạm giới. Ma nữ liền ra ngoài. Tỳ-kheo cũng theo ra ngoài. Ma nữ ra ngoài lan can nhà. Tỳ-kheo cũng theo ra ngoài lan can nhà. Ma nữ kia ra giữa sân. Tỳ-kheo cũng đến giữa sân. Ma lại ra ngoài chùa. Tỳ-kheo cũng ra ngoài chùa. Bên ngoài chùa có một con ngựa mới chết. Bấy giờ ma đến nơi con ngựa chết liền biết mất, thân trời không thấy nữa. Bấy giờ tỳ-kheo Nan-đề hành bất tịnh hạnh với con ngựa chết. Hành bất tịnh hạnh rồi, Nan-đề hoàn toàn không có tâm che dấu, liền nghĩ: «Đức Thế Tôn vì tỳ-kheo chế giới: Nếu tỳ-kheo làm bất tịnh hạnh, phạm ba-la-di, không được sống chung. Nay ta phạm bất tịnh hạnh, không có tâm che dấu, sẽ không phạm ba-la-di chăng? Nay ta nên thế nào đây?» Nan-đề liền nói với tỳ-kheo quen thân rằng:

«Đức Thế Tôn vì tỳ-kheo chế giới, người nào làm bất tịnh hạnh, phạm ba-la-di, không được sống chung. Nay ta phạm dâm, bất tịnh hạnh, hoàn toàn không có tâm che dấu. Tôi sẽ không phạm ba-la-di chăng? Lành thay, trưởng lão vì tôi đến bạch với đức Thế Tôn. Ngài dạy như thế nào tôi sẽ phụng hành như thế ấy.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo và bảo rằng:

«Nay Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di bằng pháp bạch tứ yết-ma như vầy: bảo tỳ-kheo Nan-đề đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là tỳ-kheo Nan-đề phạm bất tịnh hạnh, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến xin Tăng cho giới ba-la-di. Cúi xin Tăng cho tôi giới ba-la-di. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai,lần thứ ba cũng nói như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm bất tịnh hạnh, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến giữa Tăng xin giới ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm bất tịnh hạnh, không có tâm che dấu. Nay đến giữa Tăng xin giới ba-la-di. Nay Tăng cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di. Đại đức nào chấp thuận Tăng cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Cho giới ba-la-di rồi, mỗi việc, mỗi việc phải tùy thuận phụng hành. Pháp tùy thuận phụng hành là: không được trao giới cụ túc cho người; không được cho người y chỉ; không được nuôi sa-di; nếu sai giáo thọ tỳ-kheo-ni thì không được nhận, dù đã sai cũng không được đến giáo thọ; không được thuyết giới cho Tăng; không được hỏi đáp Tỳ-ni trong Tăng; không được nhận làm người tri sự cho Tăng; không được nhận làm người xử đoán cho Tăng; không được nhận làm người sứ mạng cho Tăng; không được sáng sớm vào tụ lạc xẩm tối mới về. Phải gần gũi tỳ-kheo, không được gần gũi ngoại đạo bạch y; phải thuận tùng pháp của tỳ-kheo; không được nói việc của thế tục; không được tụng luật trong chúng, nếu không có người tụng thì được phép; không được tái phạm tội này hay các tội khác, hoặc tội tương tợ hay tùng sanh, hoặc nặng hơn; không được phi Tăng yết-ma và tác yết-ma; không được nhận sự trải chỗ ngồi, nước rửa chân, lau guốc dép, xoa chà nơi thân và lễ bái, nghinh đón, thăm hỏi của tỳ-kheo thanh tịnh; không được nhận sự cầm nắm y bát của tỳ-kheo thanh tịnh; không được cử tội tỳ-kheo thanh tịnh, tác ức niệm, tác tự ngôn trị; không được làm chứng cho người chơn chánh; không được ngăn tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới, tự tứ; không được cùng tỳ-kheo thanh tịnh tranh luận. Tỳ-kheo được trao giới ba-la-di rồi, khi Tăng thuyết giới yết-ma, đến hay không đến, Tăng không phạm.

Các tỳ-kheo nói như sau: Nếu tỳ-kheo được cho giới ba-la-di rồi, vị ấy lại phạm dâm bất tịnh hạnh thì có cho lại giới ba-la-di lần thứ hai không? Đức Phật dạy:

«Không cho, mà phải diệt tẫn.»

---o0o---

xi. Sa-di xuất gia

1. Bấy giờ đức Phật ở tại vườn Ni-câu-luật, Ca-duy-la-vệ, giữa những người họ Thích[195]. Đến giờ, Ngài khoác y bưng bát vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực. Khất thực xong, ra khỏi thành. Vào lúc đó mẹ của La-hầu-la[196] cùng La-hầu-la ở trên lầu cao, thấy đức Phật đi đến, nói với La-hầu-la rằng:

«Người đang đi đến là cha của con.»

La-hầu-la liền vội vàng xuống lầu, đến chỗ đức Như Lai, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn đưa tay sờ lên đầu La-hầu-la. La-hầu-la tự nghĩ rằng: «Từ nhỏ đến nay mình chưa từng có được cảm giác sung sướng nào cực kỳ dịu dàng như thế này.»

Đức Phật hỏi:

«Con có thể xuất gia học đạo hay chăng?»

La-hầu-la thưa:

«Con có thể xuất gia.»[197]

Đức Phật đưa một ngón tay cho La-hầu-la và dẫn về trong Tăng-già-lam, bảo Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

«Ông độ cậu bé La-hầu-la này như pháp sau đây: cho cạo tóc, dạy mặc ca-sa, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Con là La-hầu-la, quy y Phật, quy y Pháp, quy Tăng tỳ-kheo. Con ở trong pháp của Như Lai xuất gia học đạo. Đức Như Lai là bậc Chí chơn Đẳng chánh giác của con!»[198]

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Con là La-hầu-la, đã quy y Phật, Pháp, Tăng. Con xuất gia học đạo trong giáo pháp của đức Như Lai. Đức Như Lai là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác của con !» Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Nên dạy thọ giới, nói: Trọn đời không được giết hại là giới của sa-di, cho đến không cầm vàng bạc, vật báu, là giới của sa-di. Mười giới này của sa-di trọn đời không được phạm.

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời dạy của đức Như Lai, độ đồng tử La-hầu-la, rồi dẫn đến chỗ đức Thế Tôn; đảnh lễ sát chân xong, đứng qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch đức Thế Tôn:

«Con đã độ La-hầu-la xong. Việc phân phòng xá, ngọa cụ cho sa-di như thế nào?»

Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, từ đại tỳ-kheo trở xuống, theo thứ tự phân chia.

Bấy giờ các sa-di nhỏ đại tiểu tiện, khạc nhổ, làm bẩn giường dây dệt[199] ,tọa cụ, ngọa cụ. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau không được cho sa-di ngồi, nằm trên giường dây dệt. Nếu có thể giữ gìn sạch sẽ, không làm bẩn, thì mới cho nằm ngồi.»

[810a1] Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

«Nếu khi chúng Tăng được phẩm vật cúng dường, thì phân cho sa-di như thế nào?»

Phật bảo Tôn giả:

«Nếu chúng Tăng hòa hợp thì nên chia đều. Nếu không hòa hợp thì nên cho phân nửa. Nếu không hòa hợp nữa thì cho một phần ba. Nếu không như vậy thì chúng Tăng không được chia. Nếu chia, sẽ như pháp trị.»

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

«Bữa đại thực, tiểu thực, chia cho sa-di như thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Tùy đại Tăng, chia theo thứ tự.»

Bấy giờ Vua Thâu-đầu-đàn-na[200] nghe đức Phật độ La-hầu-la xuất gia, buồn khóc, đến trong Tăng-già-lam, chỗ đức Phật Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Thế Tôn xuất gia, tôi còn một chút hy vọng nơi Đồng tử Nan-đà, sẽ kế thừa gia nghiệp. Nhưng rồi Thế Tôn lại độ cho xuất gia. Nan-đà xuất gia rồi, tôi vẫn còn một chút hy vọng nơi La-hầu-la, sẽ kế thừa sự nghiệp, không bị tuyệt tự. Nay Thế Tôn lại độ La-hầu-la xuất gia. Cha mẹ mang lại cho con nhiều điều lợi ích, nuôi nấng bú mớm, chăm sóc, trông ngày trưởng thành. Quan niệm của người đời là thế. Nhưng cha mẹ không cho, mà các tỳ-kheo vẫn độ xuất gia. Cúi xin đức Thế Tôn từ nay về sau bảo các tỳ-kheo không được độ xuất gia những người con mà cha mẹ không đồng ý.»

Đức Thế Tôn im lặng chấp thuận thỉnh cầu Vua. Vua biết đức Thế Tôn nhận lời yêu cầu của mình bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu ba vòng, cáo lui.

Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo và bảo các tỳ-kheo:

«Cha mẹ mang lại cho con nhiều điều lợi ích, nuôi nấng bú mớm, chăm sóc, trông ngày trưởng thành. Quan niệm của người đời là thế. Nhưng cha mẹ không đồng ý, mà các tỳ-kheo vẫn độ xuất gia. Từ nay về sau, cha mẹ họ không cho phép thì không được độ xuất gia. Nếu ai độ, sẽ như pháp trị.»

2. Phật du hóa tại vườn Cù-sư-la, Câu-thiểm-tỳ. Bấy giờ có con của người thợ công xảo[201] đến trong Tăng-già-lam yêu cầu các tỳ-kheo cho xuất gia hành đạo. Các tỳ-kheo liền cho xuất gia hành đạo. Cha mẹ của nó đến trong Tăng-già-lam khóc than và hỏi các tỳ-kheo: «Có thấy đứa nhỏ hình dáng như vậy, như vậy đến đây không?» Tỳ-kheo không thấy nên trả lời không thấy. Cha mẹ nó liền đến các phòng tìm, thấy được con họ, nên cơ hiềm nói:

«Sa môn Thích tử không biết thẹn, nói láo. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Có chánh pháp nào như vậy? Độ con nít của tôi xuất gia mà nói không có?»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Các ông khéo nghe, từ nay về sau, nếu muốn cạo tóc để độ người tại trong Tăng-già-lam thì phải bạch tất cả Tăng. Nếu tập hợp không được thì đến từng phòng để thưa cho biết, rồi sau mới cạo tóc. Nếu Tăng tập hợp được thì phải tác bạch rồi sau mới cho cạo tóc.»

Văn tác bạch như vầy:

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Người có tên là... nầy muốn cầu tỳ-kheo hiệu... cạo tóc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người có tên... nầy cạo tóc. Đây là lời tác bạch.»

Nếu muốn độ cho xuất gia trong Tăng-già-lam nên bạch tất cả Tăng. Bạch rồi mới được phép xuất gia. Và tác bạch như vầy:

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Người có tên là..., nầy muốn cầu tỳ-kheo hiệu..., cho xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người có tên... xuất gia. Đây là lời tác bạch.»

Bạch như vậy rồi sau mới cho xuất gia. Hướng dẫn người xuất gia mặc áo ca-sa, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, bảo họ chắp tay thưa:

«Con tên là... quy y Phật, Pháp, Tăng, theo đức Như Lai xuất gia, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

«Con tên là...đã quy y Phật, Pháp, Tăng, theo đức Như Lai xuất gia, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Trao giới cho họ như vầy:

1- Trọn đời không sát sanh là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

2- Trọn đời không ăn trộm là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

3- Trọn đời không dâm dục là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

4- Trọn đời không nói dối là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

5- Trọn đời không uống rượu là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

6- Trọn đời không được đeo tràng hoa, thoa đồ thơm vào mình là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

7- Trọn đời không ca múa, xướng hát và cố ý xem nghe là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

8- Trọn đời không nằm ngồi trên giường cao rộng lớn là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

9- Trọn đời không ăn phi thời là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

10- Trọn đời không cầm nắm sanh tượng vàng bạc, vật báu, là giới của sa-di, ngươi giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

Đây là mười giới của sa-di, trọn đời không được phạm. Nếu giữ được thì trả lời: Được.

3. Bấy giờ, có một sa-di nhỏ. Chúng Tăng không cho phép vào ở trong chùa gần xóm[202] , và chỗ a-lan-nhã, nên sa-di nọ bị con beo làm hại. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Không được ngăn cả hai đường biên[203] đối với sa-di nhỏ.»

Trường hợp chùa ở trên biên của thôn mà không phải a-lan-nhã, lại ngăn ông sa-di. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Trường hợp chỗ a-lan-nhã mà không có chùa ở biên thôn, vị kia lại ngăn ông sa-di. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Vị kia lại ngăn ông sa-di không cho phép đến chỗ nhiều người, nơi nhà tắm, nhà ăn, nhà kinh hành, ông sa-di không có chỗ để nghỉ đêm. Đức Phật dạy:

«Không được ngăn vào chỗ nhiều người, cho đến chỗ nhà kinh hành.»

Nếu trên tầng gác chỗ nhiều người ngủ, dưới tầng gác chỗ nhiều người đi, dưới tầng gác chỗ nhiều người ngủ, trên tầng gác chỗ nhiều người đi thì cho phép nói: «Đừng vào chỗ tôi ngủ.»

Bấy giờ có sa-di không hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê, cũng không hầu hạ các vị khác, nên ngăn không cho sa-di nhận vật lợi dưỡng trong Tăng. Đức Phật dạy:

«Không được ngăn; vì đây là vật của thí chủ.»

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau nên nói với ông sa-di rằng: Ngươi nên như pháp hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê và chúng Tăng. Nếu Tăng phân công theo thứ tự thì nên làm.»

4. Bấy giờ có tỳ-kheo trưởng lão dẫn một đứa trẻ nít xuất gia, vào thôn khất thực, đến chỗ chợ quán, nó thấy bánh và cơm, chìa tay ra và nói: «Cho tôi bánh. Cho tôi cơm.»

Các trưởng giả thấy, đều cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, vi phạm phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy thì có gì là Chánh pháp? Xuất gia mà còn có con, dẫn đi theo!›

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau không được độ trẻ nít dưới mười hai tuổi.»[204]

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan gặp phải trường hợp có một đứa trẻ nhỏ con của nhà đàn-việt, mà gia đình đều chết hết. Tôn giả dẫn nó đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đức Phật biết mà cố vẫn hỏi:

«Đứa nhỏ này là con ai?»

Tôn giả A-nan đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn hỏi:

«Tại sao không độ cho nó xuất gia?»

Tôn giả thưa:

«Trước đây đức Thế Tôn có chế giới không được độ người dưới mười hai tuổi, cho con nên không độ.»

Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:

«Đứa trẻ này có thể đuổi quạ, có thể trì giới, có thể ăn một bữa được [811a1] không? Nếu có thể thì cho phép độ nó xuất gia.»

5. Bấy giờ Bạt-nan-đà có nuôi hai sa-di, một tên là Kế-na, thứ hai tên là Ma-khư[205], không biết hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh với nhau. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Từ nay về sau không được nuôi hai sa-di.»

Bấy giờ, có một đứa nhỏ đến trong Tăng-già-lam chơi. Một tỳ-kheo nói pháp cho nó như vầy:

«Con nên biết, địa ngục là khổ, súc sanh là khổ, ngạ quỷ là khổ. Phật ra đời là điều khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát lâu năm mới nở một lần. Tại sao con không xuất gia làm đạo?»

Thiếu nhi thưa:

«Nếu Đại đức làm Hòa thượng thì con sẽ xuất gia.»

Tỳ-kheo kia vì đã có nuôi một sa-di rồi nên nghĩ: «Thế Tôn chế giới không được nuôi hai sa-di.» Vị ấy nghi, nên không dám nuôi hai sa-di. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

«Nếu có khả năng dạy cho nó trì giới, tăng tâm, tăng huệ, học vấn, phúng tụng thì cho phép nuôi.»

Bấy giờ có vị tuổi chưa đủ hai mươi mà thọ giới cụ túc, sau đó sanh nghi. Các tỳ-kheo đến thưa hỏi đức Phật, đức Phật Nói:

«Từ nay về sau, nếu thọ giới cụ túc rồi, có sự nghi ngờ như vậy, cho phép tính thêm tháng ở trong thai, hoặc tính tháng nhuần, hoặc tính mỗi lần thuyết giới mười bốn ngày cho đủ. Nếu đạt được A-la-hán tức là đã xuất gia thọ giới cụ túc vậy.»

---o0o---

3. Nhân và sự như pháp

i. Kết và giải tiểu giới

Bấy giờ có người muốn thọ giới, nên ra ngoài cương giới. Nhóm sáu tỳ-kheo đến ngăn việc thọ giới. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Phật, Phật dạy:

«Các ông khéo nghe đây! Từ nay về sau, nếu người không đồng ý chưa ra ngoài cương giới; thì ở ngoài cương giới nên nhanh chóng tập hợp lại một chỗ, kết tiểu giới bằng bạch nhị yết-ma rồi trao giới.»

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng tập hợp một chỗ kết tiểu giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận kết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng tập hợp lại một chỗ kết tiểu giới. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng tập hợp lại một chỗ để kết tiểu giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận kết tiểu giới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Nếu người nào không đồng ý, ở ngoài cương giới mà ngăn; không thành ngăn.

Các vị kia không giải giới mà đi. Các tỳ-kheo nghe, bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, nên giải giới rồi mới đi.»

Nên giải giới bằng bạch nhị yết-ma rồi đi. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng tập hợp để giải giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận giải giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng tập hợp để giải giới. Các trưởng lão chấp nào thuận chúng Tăng giải giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng chấp thuận giải giới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

ii. Hoà thượng như pháp

Trường hợp không có Hòa thượng mà thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy: «Không được.»

Khi thọ giới, có hai Hòa thượng, được hay không? Đức Phật dạy: «Không được.»

Với ba Hòa thượng, được thọ giới hay không? Đức Phật dạy: «Không được.»

Thọ giới cụ túc với số đông Hòa thượng, được thọ giới hay không? Đức Phật dạy:

«Không được thọ giới cụ túc.»

Thọ giới với Hòa thượng chín tuổi, được gọi là thọ giới cụ túc; nhưng Chúng Tăng có tội.

---o0o---

iii. Truyền tứ y

1. Phật du hóa tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, trong nước mất mùa, cơm gạo khan hiếm, khất thực khó được, nhân dân bị đói. Vào lúc đó, đức Phật và chúng Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường. Có một thiếu niên ngoại đạo thấy Phật và chúng Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, bèn tự cạo tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia thọ giới. Sau đó, phẩm vật cúng dường cho chúng Tăng không được nhận nữa. Các tỳ-kheo nói với thiếu niên:

«Ông vào trong thôn khất thực.»

Thiếu niên hỏi:

«Chúng Tăng không có thức ăn sao?»

Các tỳ-kheo nói:

«Không.»

Thiếu niên nói:

«Tôi sẽ phải làm sao đây!»

Các tỳ-kheo nói:

«Ông phải đi khất thực.»

Thiếu niên nói:

«Nếu phải khất thực thì ở đây khất thực, bên kia cũng khất thực, tôi sẽ trở về lại bên kia để khất thực. Thiếu niên kia liền thôi tu.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép trao tứ y[206] trước.»

2. Bấy giờ lại có một thiếu niên ngoại đạo đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo, «Con muốn xuất gia.» Các tỳ-kheo liền cho xuất gia và trước hết trao pháp tứ y. Ngoại đạo kia nói:

«Thưa Đại đức, tôi có thể thọ hai y là y khất thực và y thọ hạ tọa. Tôi có khả năng thọ trì hai y này. Còn nạp y và hủ lạn dược, tôi không thể thọ trì hai y này. Tại sao vậy? Ai mà có thể đụng chạm đến hai thứ này.» Do vậy, thiếu niên liền thôi tu không xuất gia. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Phật. Phật dạy:

«Ngoại đạo này không xuất gia, có điều mất mát. Nếu xuất gia, sẽ chứng được đạo.»

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, trước hết thọ giới rồi sau mới thọ tứ y.»

---o0o---

iv. Các già nạn (2)[207]

7. Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một đại tướng dũng kiện đến trong Tăng-già-lam, nói với các tỳ-kheo:

«Tôi muốn xuất gia làm đạo.»

Các tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Sau đó, trong nước của Vua Ba-tư-nặc, nhân dân nổi loạn[208], cần phải dùng binh lực để chinh phạt. Xuất

quân lần đầu bị quân của bọn phản loạn đánh bại. Lần thứ hai cũng bị đánh bại. Nhà Vua liền hỏi:

«Kiện tướng của ta hiện nay ở đâu?»

Các quan tả hữu tâu:

«Ông ấy xuất gia làm đạo trong sa-môn Thích tử rồi!»

Nhà Vua liền cơ hiềm:

«Sa môn Thích tử không biết hổ thẹn[209], nhiều ham muốn, không nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp, mà độ vị đại tướng dũng kiện của Ta xuất gia làm đạo. Như vậy có gì là chánh pháp? Cứ theo trường hợp này mà suy sét thì Sa-môn Thích tử đều là các nhà quan.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đầy đủ lên đức Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau không được độ các quan, nếu độ sẽ như pháp trị.»

8. Tỳ-kheo cho người không có y bát xuất gia thọ giới cụ túc. Các tỳ-kheo nói với vị ấy rằng:

«Thầy vào thành khất thực.»

Vị ấy trả lời:

«Tôi không có y bát.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau, kẻ không có y bát không được thọ giới cụ túc.»

Có nhiều người mượn y bát của người khác thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi, người chủ đòi lại. Vị ấy bị loã hình, ngồi xổm, hổ thẹn. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau không được mượn y bát để thọ giới cụ túc. Người cho mượn y nên bảo họ xin rồi cho. Nếu không cho, thì phải trả đúng giá.

9. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la, trên đường đi đến bên sông Hắc ám, trong số đó có một tỳ-kheo nói:

«Trong số này, đã từng có bạch y cùng với người mặc áo ca-sa hành dâm.»

Mọi người hỏi:

«Tại sao thầy biết?»

Vị ấy nói:

«Tôi là một người trong số đó.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch đức Phật. Phật dạy:

«Nếu người phạm đến tỳ-kheo-ni thì ở trong pháp luật của ta không có trưởng ích, không được cho xuất gia thọ đại giới. Nếu đã xuất gia thọ đại giới rồi thì nên diệt tẫn.»

10. Phật ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ trong nước lúa gạo khan hiếm, khất thực khó được, mọi người đều bị đói. Vào lúc đó, đức Phật và Tăng tỳ-kheo lại nhận được nhiều món cúng dường. Bấy giờ có một thiếu niên ngoại đạo thấy Phật và Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, [812a1] bèn nghĩ: «Nên làm cách nào để được thức ăn này mà khỏi phải xuất gia?» Thiếu niên kia liền tự cạo tóc mặc áo ca-sa, tay bưng bình bát, vào trong chúng ăn.

Các tỳ-kheo hỏi rằng: «Thầy bao nhiêu tuổi?»

Vị kia không biết.

Lại hỏi: «Thầy thọ giới lúc nào?»

Vị kia trả lời không biết.

Các tỳ-kheo hỏi tiếp: «Hòa thượng của thầy là ai?» «A-xà-lê thầy là ai?»

Vị kia cũng nói: «Không biết.»

Các tỳ-kheo lại hỏi: «Thầy là ai?»

Vị kia nói: «Tôi là ngoại đạo tên như vậy. Vì thấy Phật và Tăng nhận được nhiều vật cúng dường bèn nghĩ: ‹Bằng cách nào để được thức ăn này mà khỏi phải xuất gia.› Tôi bèn tự cạo râu tóc, mặc áo ca-sa vào trong chúng để tìm cầu thức ăn.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, người vào đạo với tặc tâm thì ở trong giáo pháp của ta không có lợi ích nào. Không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, hoặc đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, chỗ chúng Tăng[210], cùng yết-ma thuyết giới; hoặc đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, chỗ chúng Tăng, cùng yết-ma mà không thuyết giới; hoặc đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma nhưng thuyết giới. Hoặc đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, mà không đến chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma nhưng thuyết giới[211] ; hoặc đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo mà không đến chỗ ba tỳ-kheo, hay chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới; hoặc đến chỗ một tỳ-kheo mà không đến chỗ hai tỳ-kheo, hay ba tỳ-kheo, chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới.[212]

Trong đây[213], người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một tỳ-kheo, mà không đến chỗ hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, hay chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới. Người như vậy, nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì được phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.[214]

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, mà không đến chỗ ba tỳ-kheo hay chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới. Nếu người ấy chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì được phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, không đến chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới, nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì cho phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo hoặc Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới; nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã xuất gia thọ giới cụ túc thì cho phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, chúng Tăng, yết-ma mà không cùng thuyết giới; nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.[215]

Trong số người vào đạo với tâm giặc, đến chỗ một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, chúng Tăng cùng yết-ma thuyết giới; nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»[216]

11. Bấy giờ, có kẻ huỳnh môn[217] đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo, «Tôi muốn xuất gia thọ giới cụ túc.» Các tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc.

Thọ giới cụ túc rồi, vị ấy nói với các tỳ-kheo: «Hãy cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.»

Các tỳ-kheo nói: «Ngươi đi đi! Ngươi diệt đi! Ai cần ngươi?»

Vị kia lại đến nơi người giữ vườn và sa-di nói: «Hãy cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.»

Người giữ vườn và sa-di nói: «Ngươi đi đi! Ngươi diệt đi! Ai cần ngươi?»

Kẻ huỳnh môn kia ra ngoài chùa cùng người chăn bò chăn dê làm việc dâm dục. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử đều là huỳnh môn, trong đó có đàn ông làm việc dâm dục với nhau.»

Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật dạy:

«Huỳnh môn ở trong pháp của ta không có điều trưởng ích, không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã xuất gia thọ giới cụ túc thì phải diệt tẫn.»

Trong đây, huỳnh môn có huỳnh môn do bẩm sinh (sanh), huỳnh môn do thiến (kiền), huỳnh môn do ghen (đố), huỳnh môn do đổi (biến), và huỳnh môn nửa tháng (bán nguyệt).[218]

Sanh: Khi sanh liền thành huỳnh môn.

Kiện: Sau khi sanh, cắt bỏ hết để làm huỳnh môn.

Đố: Thấy người khác hành dâm, mình khởi tâm dâm.

Biến: Khi cùng với người khác hành dâm, năm căn mất, biến làm huỳnh môn.

Nửa tháng: nửa tháng có khả năng của người nam, nửa tháng không có khả năng của người nam.

12. Phật du hóa nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thiện Hiện Long vương[219] thọ mạng rất lâu, sanh tâm nhàm tởm thân rồng (rắn), bèn nghĩ: «Đời nay sanh trong loài rồng trường thọ này, không biết khi nào thoát khỏi được thân này?» Long vương lại nghĩ: «Sa môn Thích tử này tu hạnh thanh tịnh. Nay ta hãy đến đó cầu xuất gia làm đạo, có thể lìa khỏi thân hình rồng nầy.» Long vương nghĩ xong, liền biến làm một thân hình thiếu niên ngoại đạo, đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo: «Tôi muốn xuất gia thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo không quán sát bổn nguyên, vội cho xuất gia thọ giới cụ túc và cho ở cùng phòng với một tỳ-kheo. Khi tỳ-kheo kia có việc ra ngoài, Thiện Hiện Long vương buông mình xuống ngủ. Theo thường pháp của loài rồng, có hai trường hợp không lìa được nguyên hình; một là khi ngủ, hai là khi hành dâm.

Bấy giờ, thân của Long vương trương ra đầy cả phòng, lòi ra cả ngoài cửa sổ nơi lỗ trống. Tỳ-kheo kia khi trở lại, lấy tay đẩy cánh cửa, chạm phải thân con rồng, hốt hoảng, biết bên trong phòng có gì khác, bèn lớn tiếng kêu:

«Rắn! rắn!»

Tỳ-kheo ở phòng gần nghe tiếng kêu lớn, liền hỏi:

«Chuyện gì la lớn vậy?»

Vị kia trình bày đầy đủ sự việc. Long vương cũng nghe tiếng tỳ-kheo kêu nên thức dậy, ngồi kết già, thẳng mình chánh ý, buộc ý niệm trước mặt. Tỳ-kheo liền vào hỏi:

«Ngươi là ai?»

Người ngồi kết già trả lời:

«Tôi là Thiện Hiện Long vương. Tôi sanh trưởng trong loài rồng, vì chán thân này, nên nghĩ: ‹không biết bao giờ ta mới thoát khỏi thân rồng này?› Tôi lại nghĩ: ‹Sa môn Thích tử tu hạnh thanh tịnh, nay ta có thể đến đó xin xuất gia làm đạo, ngõ hầu thoát khỏi thân hình rồng nầy.›»

Các tỳ-kheo [813a1] đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Phật. Phật dạy:

«Loài súc sanh ở trong pháp của ta không có trưởng ích gì. Nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»

13.1. Bấy giờ, có một thiếu niên ngoại đạo cố ý giết mẹ. Giết xong thường ôm lòng sầu ưu, luôn nghĩ: «Ai có thể trừ nỗi ưu sầu cho ta?» Thiếu niên lại nghĩ: «Sa-môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội nầy.» Nghĩ xong, thiếu niên liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo:

«Tôi muốn xuất gia học đạo.»

Các tỳ-kheo thấy vậy, tưởng là Thiện Hiện Long vương, nên hỏi:

«Người là giới nào?»

Thiếu niên trả lời:

«Tôi là ngoại đạo tên như vậy. Tôi cố tâm giết mẹ tôi. Giết xong, thường ôm lòng ưu sầu, nghĩ: ‹Ai có thể trừ nỗi ưu sầu cho ta?› Tôi lại nghĩ: ‹Sa môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội nầy.› Cho nên tôi đến đây cầu xin xuất gia.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Phật. Phật dạy:

«Kẻ giết mẹ ở trong pháp của Ta không có trưởng ích gì. Nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»

13.2. Bấy giờ, có một ngoại đạo cố ý giết cha. Giết xong thường ôm lòng sầu ưu, luôn nghĩ: «Ai có thể trừ nỗi ưu sầu cho ta?» Thiếu niên lại nghĩ: «Sa-môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội nầy.» Nghĩ xong, thiếu niên liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo:

«Tôi muốn xuất gia học đạo.»

Các tỳ-kheo tưởng là Thiện Hiện Long vương, nên hỏi:

«Tôi là ngoại đạo tên như vậy. Tôi cố tâm giết cha tôi. Giết xong, thường ôm lòng ưu sầu, nghĩ: ‹Ai có thể trừ nỗi ưu sầu cho ta?› Tôi lại nghĩ: ‹Sa-môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội nầy.› Cho nên tôi đến đây cầu xin xuất gia.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Phật. Phật dạy:

«Kẻ giết cha ở trong pháp của Ta không có trưởng ích gì. Nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»

13.3. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la, trên đường đi, gặp chỗ có a-lan-nhã, cùng nhau bàn nói: «A-lan-nhã này tên như vậy. Nơi đây có A-la-hán bị giết.» Trong số đó có người nói:

«Vị ấy thật là A-la-hán.»

Có người hỏi:

«Tại sao biết?»

Đáp rằng:

«Vì trong lúc bị giết, tâm không thay đổi.»

Có người hỏi:

«Tại sao thầy biết?»

Vị ấy nói:

«Tôi là một trong số người giết ấy.»

Các tỳ-kheo đem việc này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Người giết A-la-hán ở trong pháp của ta không có lợi ích gì, nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn.»

13.4. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, nếu có người phá hoại Tăng, thì nên thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Hạng người như Đề-bà-đạt. Nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc, thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phải diệt tẫn.»

13.5. Ưu-ba-ly lại hỏi:

«Kẻ ác tâm làm thân Phật chảy máu thì nên thế nào? »

Đức Phật dạy:

«Hạng người như Đề-bà-đạt, nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc, thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phải diệt tẫn.»

---o0o---

v. Các liên hệ già nạn

1. Bấy giờ có một tỳ-kheo biến đổi giống thành người nữ. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Không được diệt tẫn. Cho phép đem luôn cả năm và tuổi thọ giới cụ túc trước đây của Hòa thượng, A-xà-lê chuyển sang cho ở bên chúng của tỳ-kheo-ni.»

2. Có một tỳ-kheo-ni biến thành hình nam tử. Các tỳ-kheo-ni nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Không được diệt tẫn. Cho phép đem luôn cả năm và tuổi thọ giới cụ túc trước đây của Hòa thượng, A-xà-lê chuyển sang cho ở bên chúng của Tỳ-kheo.»

3. Có một tỳ-kheo biến thành nam nữ hai hình. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Nên diệt tẫn. »

Có một tỳ-kheo-ni biến làm nam nữ hai hình. Các tỳ-kheo-ni nghĩ: «Nên tẫn xuất chăng?» Đức Phật dạy:

«Nên tẫn xuất.»

4. Có tỳ-kheo bị giặc chặt đứt nam căn và luôn cả hai trứng. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Không nên diệt tẫn.»

Có tỳ-kheo vì oan gia cắt nam căn và luôn cả hai cái trứng. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Không được diệt tẫn.»

Có tỳ-kheo bị thú dữ cắn đứt nam căn và trứng. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Không được diệt tẫn.»

Có tỳ-kheo vì nghiệp báo nhơn duyên nam căn tự rụng. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Không được diệt tẫn.»

Có tỳ-kheo tự cắt nam căn. Các tỳ-kheo nghĩ: «Nên diệt tẫn chăng?» Đức Phật dạy:

«Nên diệt tẫn.»

5. Có vị muốn thọ giới cụ túc, được dẫn ra ngoài giới. Các tỳ-kheo hỏi: «Ngươi là ai?» Người ấy không chịu xưng danh. Lại hỏi: «Hòa thượng của ngươi là ai?» Lại cũng không nói tên của Hòa thượng. Được hướng dẫn bảo cầu xin giới, cũng không chịu xin. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có ba hạng người không được thọ giới cụ túc: không tự xưng tên mình, không chịu xưng tên Hòa thượng, dạy xin giới không chịu xin. Ba hạng người như vậy không được thọ giới cụ túc.»

6. Có người khoác y phục của bạch y thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi liền mặc vào thôn khất thực. Các cư sĩ thấy hỏi:

«Ông là ai?»

Vị ấy trả lời:

«Tôi là sa-môn Thích tử.»

Cư sĩ nói:

«Sa môn Thích tử không phải như vậy.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác y phục của bạch y thọ giới cụ túc.»

Lại có người khoác y của ngoại đạo thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi liền mặc vào thôn khất thực. Các cư sĩ thấy hỏi:

«Ông là hạng người nào?»

Vị ấy trả lời:

«Tôi là sa-môn Thích tử.»

Cư sĩ nói:

«Sa-môn Thích tử không phải như vậy.»

Đức Phật dạy:

«Người khoác y phục ngoại đạo không được trao giới cụ túc.»

Có người mang các đồ trang sức thân mình mà thọ giới cụ túc. Thọ giới cụ túc rồi vào thôn khất thực. Các cư sĩ thấy hỏi:

«Ông là hạng người nào?»

Vị ấy trả lời:

«Tôi là sa-môn Thích tử.»

Cư sĩ nói:

«Sa-môn Thích tử không phải như vậy.»

Đức Phật dạy:

«Người mang các đồ trang sức thân mình không được cho thọ giới cụ túc.»

Có ba hạng người không được gọi là thọ giới cụ túc: mặc đồ thế tục, mặc đồ ngoại đạo, mang đồ trang sức thân mình. Ba hạng người này thọ giới cụ túc không thành.

7. Có vị trao giới cụ túc cho người ngủ. Khi thức dậy, người ấy trở về nhà. Các tỳ-kheo nói:

«Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.»

Vị kia trả lời:

«Tôi không thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

«Không được trao giới cụ túc cho người đang ngủ.»

8. Có vị trao giới cụ túc cho người say rượu. Khi thức dậy, người ấy trở về nhà. Các tỳ-kheo nói:

«Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.»

Vị kia trả lời:

«Tôi [814a1] không thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

«Không được trao giới cụ túc cho người đang say rượu.»

9. Có vị trao giới cụ túc cho người cuồng. Khi hết cuồng, người ấy trở về nhà. Các tỳ-kheo nói:

«Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.»

Vị kia trả lời:

«Tôi không thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

«Không được trao giới cụ túc cho người cuồng.»

Ba hạng người không được thọ giới cụ túc: người ngủ, người say, người cuồng. Đó gọi là ba hạng người không được thọ (truyền) giới cụ túc.

10. Có vị trao giới cụ túc cho người lõa hình. Khi được y phục rồi, người ấy trở về nhà. Các tỳ-kheo nói:

«Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.»

Vị kia trả lời:

«Tôi không thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

«Không được trao giới cụ túc cho người lõa hình.»

Có vị trao giới cụ túc cho người đang sân nhuế. Khi hết sân nhuế, người ấy trở về nhà. Các tỳ-kheo nói:

«Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.»

Vị kia trả lời:

«Tôi không thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

«Không được trao giới cụ túc cho người đang sân nhuế.»

Có vị trao giới cụ túc cho người bị ép thọ. Sau đó, người ấy bèn trốn chạy về nhà. Các tỳ-kheo nói:

«Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.»

Vị kia trả lời:

«Tôi không thọ giới cụ túc.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

«Không được trao giới cụ túc cho người bị cưỡng ép.»

Ba hạng người không được thọ giới cụ túc: người lõa hình, người đang sân nhuế, người bị cưỡng ép. Đó gọi là ba hạng người không được thọ giới cụ túc.

Cũng như vậy, bị chặt tay, bị chặt chân, bị chặt cả tay chân; bị xẻo tai, bị xẻo mũi, bị xẻo tai mũi; bị cắt nam căn, bị thiến trứng, bị cắt nam căn và thiến trứng; bị chặt tay, bị chặt khủy tay, bị chặt ngón tay, thường bị ghẻ nhọt, hiện tướng chết, thân bị bướu, thân như thân người nữ, có danh tịch trốn thuế nhà quan, ung thư, thân cá giao, đầu nhọn, cánh tay bên tả hư hoại, cánh tay bên hữu hư hoại, răng cưa, thân trùng, đầu trùng, tóc trên đầu bị bệnh tê, ngón tay bị cong, sáu ngón, ngón tay không có đốt, chỉ có một trứng, không có trứng, bệnh đồi, bên trong cong bên ngoài cong, cả trong lẫn ngoài cong, bệnh thượng khí, bệnh bướu nhỏ, bệnh ói nước bọt, v.v... hoặc bị các khổ não, hoặc bệnh nam căn, hoặc mắt xanh, mắt vàng, mắt đỏ, mắt thối, hoặc có hồng nhãn, mắt có màng đỏ, mắt có màng xanh, mắt có màng vàng, mắt có màng trắng, mắt có thủy tinh, mắt quá sâu, hoặc mắt ba góc, mắt khỉ cái, mắt to bự, mắt lồi, hoặc một mắt, mắt liếc, mắt mờ, mắt nhọn, mắt tà, mắt sân nộ, mắt dòm ngó, hoặc mắt có ghẻ nhọt, hoặc bị lang lỗ, hoặc thân bị ghẻ tanh hôi, thân bị nhọt xâm dâm, hoặc câm, điếc hay điếc câm, hoặc ngón chân cuống lại, hoặc chân kiểng, chân cong, hoặc một tay, một chân, một tai, hoặc không tay, không chân, không tai, hoặc không tóc, không lông, không răng, hoặc tóc xanh, tóc vàng, tóc trắng, cao quá, thấp quá, gót chân phụ nữ, con trời, con a-tu-la, con kiền-thát-bà, hoặc đầu voi, đầu ngựa, đầu lạc đà, hoặc đầu bò, đầu lừa, đầu chó, đầu dê đen, đầu dê trắng, đầu nai, đầu rắn, đầu cá, đầu chim, hoặc hai đầu, ba đầu, nhiều đầu, tất cả xanh, tất cả vàng, tất cả đen, tất cả đỏ, tất cả trắng, tất cả giống như sắc con khỉ cái, hoặc bệnh phong, bệnh nhiệt, bệnh đàm ẩm, bệnh do cục trong bụng, hoặc yết hầu cong, hoặc thiếu mặt trăng, hoặc không có lưỡi, hoặc cắt lưỡi, hoặc không biết tốt xấu, hoặc trước thân lồi ra, hoặc phía sau lồi ra, hoặc cả trước lẫn sau đều lồi, hoặc bệnh trong, bệnh bên ngoài, hay trong ngoài đều bệnh, hoặc có bệnh nghiên, bệnh thường nằm không chuyển động, hoặc quá già, hoặc có bệnh càn tiêu, hoặc mất oai nghi đi đứng.

Tất cả những trường hợp như trên, đưa đến sự xấu cho chúng Tăng. Những người như vậy không được độ thọ giới cụ túc.

11. Lúc bấy giờ, có người có thần túc, ở trên hư không thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Như vậy không gọi là thọ giới cụ túc.»

Hòa thượng ở trên hư không cho người ở dưới thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Như vậy không gọi là thọ giới cụ túc.»

Dùng thần túc ở trên hư không, đủ túc số, thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Có người ẩn hình không xuất hiện mà thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Hòa thượng ẩn hình truyền[220] giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Túc số, tỳ-kheo ẩn hình truyền thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Có người lìa chỗ thấy nghe thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Hòa thượng lìa chỗ thấy nghe truyền thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Đủ số người, mà lìa chỗ thấy nghe thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc. »

Có người ở ngoài giới thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Hòa thượng ở ngoài giới truyền thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Đủ số người mà ở ngoài giới thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

Có vị không được trao giới sa-di mà trao giới cụ túc. Đức Phật dạy:

«Vị ấy đắc cụ túc giới, mà chúng Tăng mắc tội.»

Đức Thế Tôn cũng dạy như vầy:

«Tất cả những người làm xấu chúng Tăng, không được thọ giới cụ túc.»

---o0o---

4. Pháp thức truyền thọ cụ túc

i. Giáo thọ giới tử

Bấy giờ, có người muốn thọ giới. Vị kia dẫn đến chỗ ngoài giới, cởi y phục để khám. Người thọ giới hổ thẹn. Việc thọ giới bị đình lại. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch lên đức Phật, Phật dạy:

«Không được lộ hình như vậy để khám rồi truyền thọ giới. Từ nay về sau, cho phép hỏi mười ba nạn sự, sau đó mới trao giới cụ túc, bằng bạch tứ yết-ma. Nên hỏi như vầy:

«Ngươi không phạm biên tội chăng? Ngươi không xúc phạm tỳ-kheo-ni chăng? Ngươi không phải là người vào đạo với tâm giặc chăng? Ngươi chẳng phải là người phá hoại nội và ngoại đạo chăng? Ngươi chẳng phải là huỳnh môn chăng? Ngươi chẳng phải là người giết cha, giết mẹ chăng? Ngươi chẳng phải là người giết A-la-hán chăng? Ngươi chẳng phải là người phá Tăng chăng? Ngươi chẳng phải là người với ác tâm làm cho thân Phật chảy máu chăng? Ngươi chẳng phải là phi nhơn chăng? Ngươi chẳng phải là súc sanh chăng? Ngươi chẳng phải là người có hai hình chăng?»

Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, cho phép trước hỏi mười ba nạn sự, sau đó mới cho thọ giới cụ túc. Nên tác pháp yết-ma như sau để thọ giới cụ túc.

Bấy giờ bảo người muốn thọ giới đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Giới sư tác bạch yết-ma như sau:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Vị kia tên là..., theo tỳ-kheo hiệu..., cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai tỳ-kheo hiệu... làm giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch.»

Bấy giờ, thầy giáo thọ đến chỗ người kia, nói:

«Đây là an-đà-hội, đây là uất-đà-la-tăng, đây là tăng-già-lê, đây là bát. Y bát này là của ngươi phải không?»

Vị kia trả lời:

«Vâng, là của con. »

Thầy giáo thọ nói:

«Thiện nam tử, lắng nghe! Nay chính là lúc cần sự chí thành. Tôi sẽ hỏi ông. Theo lời hỏi của tôi, ông cứ trả lời đúng như sự thật. Điều nào thật ông cứ nói thật. Điều nào không thật ông cứ nói không thật. Tên ông là gì? Hòa thượng ông là ai? Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát của ông đầy đủ không? Cha mẹ ông có cho phép không? Ông không phải là người mắc nợ chăng? Ông không phải là đầy tớ chăng? Ông không phải là quan chức chăng? Ông có phải là đàn ông không? Đàn ông, có những chứng bệnh như hủi, ung thư,[815a1] hủi trắng, càn tiêu, điên cuồng. Hiện tại ông có các chứng bệnh đó không?»

Nếu người thọ giới nói không, thì thầy giáo thọ nói:

«Như tôi vừa hỏi ông, lát nữa giữa Tăng cũng sẽ được hỏi như vậy. Vừa rồi ông trả lời với tôi như thế nào thì giữa Tăng ông cũng trả lời như vậy.»

Vị giáo thọ nói như vậy rồi, trở vào trong chúng, với oai nghi như thường lệ, đứng chỗ vừa tầm tay đối với chúng[221] tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi đã hỏi xong, cho phép người ấy vào. Đây là lời tác bạch.»

---o0o---

ii. Giới tử bạch Tăng

Người thọ giới vào rồi, thầy giáo thọ cầm hộ y bát, bảo người ấy kính lễ dưới chân Tăng, rồi dạy, trước giới sư, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, hướng dẫn họ tác bạch để xin giới như sau:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Con tên là... theo tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Con tên là... nay đến trong chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Xin chúng Tăng dũ lòng thương cứu vớt con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Bấy giờ vị giới sư nên tác pháp yết-ma như sau:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Nay người này tên là... theo chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.»

«Thiện nam tử, lắng nghe! Nay chính là lúc cần sự chí thành, lúc nói thật. Nay tôi sẽ hỏi ông. Ông nên theo sự thật mà trả lời. Ông tên là gì? Hòa thượng ông là ai? Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Ba pháp y và bát có đủ không? Cha mẹ ông có cho phép ông không? Ông có mắc nợ ai không? Ông có phải là đầy tớ không? Ông có phải là người của nhà quan không? Ông có phải là đàn ông không? Đàn ông có những chứng bệnh hủi, ung thư, hủi trắng, càn khô, điên cuồng. Hiện tại ông có những chứng bệnh như vậy không?

Nếu người ấy nói không, thì bạch tứ yết-ma như sau:

---o0o---

iii. Bạch tứ yết-ma

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Người này tên là..., nay đến giữa Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Người này tên là..., tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho người tên là... giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là..., theo tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Nay người này tên là... đến xin Tăng thọ giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Người này tên là..., tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đầy đủ. Nay Tăng trao cho người tên là... nầy giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho người tên... giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma thứ nhất.»

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận cho người tên là... thọ giới cụ túc, tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

v. Truyền pháp tứ khí và tứ y

Bấy giờ, có tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi, Chúng Tăng đều về lại trú xứ. Vợ cũ của vị ấy ở cách chỗ thọ giới không xa, đến hỏi:

«Vừa rồi ông làm gì?»

Vị ấy trả lời:

«Tôi thọ giới cụ túc.»

Vợ cũ nói:

«Bây giờ ông có thể làm chuyện như vậy, như vậy, gọi là lần cuối cùng không?»

Người thọ giới cụ túc ấy liền làm việc bất tịnh như vậy như vậy rồi, sau đó mới về lại trú xứ. Các tỳ-kheo hỏi:

«Thầy làm gì mà về sau?»

Vị kia liền đem nhơn duyên trên trình bày đầy đủ lại với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo nói:

«Ngươi hãy diệt nhanh đi! Ngươi hãy biến mất nhanh đi! Ngươi đã làm việc như vậy, không được ở lại đây nữa.»

Người kia nói:

«Việc tôi làm đó là việc không nên làm sao?»

Các tỳ-kheo nói:

«Dĩ nhiên là điều không được làm.»

Vị ấy nói:

«Tại sao không nói trước với tôi, để tôi tránh không làm điều đó?»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

a. Tứ khí

Từ nay về sau, tác pháp yết-ma rồi nên nói trước bốn pháp ba-la-di.

«Thiện nam tử lắng nghe! Đức Như Lai, bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác nói bốn pháp ba-la-di. Nếu tỳ-kheo nào phạm mỗi một trong bốn thì chẳng phải là sa-môn, chẳng phải là Thích tử.

(1) «Tuyệt đối, ông không được phạm dâm, làm bất tịnh hạnh. Nếu tỳ-kheo phạm bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục, cho đến cùng loài súc sanh, thì chẳng phải sa-môn, chẳng phải Thích tử. Đức Thế Tôn nói thí dụ: Như người bị chặt đầu không thể sống trở lại. Tỳ-kheo cũng như vậy, phạm pháp ba-la-di rồi, không thể trở lại thành tỳ-kheo hạnh. Đây là điều mà trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

(2) «Tuyệt đối, ông không được trộm cắp, cho đến một lá cây, cọng cỏ. Nếu tỳ-kheo ăn trộm của người năm tiền trở lên, tự mình lấy, dạy người lấy, tự mình phá, dạy người phá, tự mình chặt, dạy người chặt, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc. Vị ấy chẳng phải là sa-môn, chẳng phải là Thích tử. Thí như cây đa-la bị moi ruột, không thể sanh trưởng. Tỳ-kheo phạm ba-la-

di cũng vậy, không thể trở lại thành tỳ-kheo hạnh. Trong điều này, trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

(3) «Tuyệt đối, ông không được đoạn mạng sống của chúng sanh, cho đến loài kiến. Nếu tỳ-kheo cố ý tự tay mình đoạn mạng người, tìm dao trao cho người, dạy bảo cách chết, khen sự chết, khuyên cho chết, trao cho người phi dược, hoặc làm đọa thai, nguyền rủa cho chết, tự mình tạo phương tiện, dạy người tạo phương tiện, thì chẳng phải sa-môn, chẳng phải Thích tử. Thí như cây kim bị sứt đít không thể dùng được nữa. Tỳ-kheo cũng vậy, nếu tỳ-kheo phạm ba-la-di, không thể trở lại thành tỳ-kheo hạnh nữa. Trong điều này, trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

(4) «Tuyệt đối, ông không được nói dối, cho đến nói giỡn chơi. Nếu tỳ-kheo chẳng phải chơn thật, chẳng phải mình tự có mà tự nói: ‹Tôi được pháp thượng nhơn, được thiền, được giải thoát, được định, được bốn không định, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến,› thì chẳng phải sa-môn, chẳng phải Thích tử. Thí như hòn đá lớn bị vỡ làm hai không thể hiệp lại được. Tỳ-kheo cũng vậy, phạm pháp ba-la-di, không thể trở thành tỳ-kheo hạnh. Trong điều này, trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

b. Tứ y

«Thiện nam tử lắng nghe! Đức Như Lai là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, nói pháp tứ y. Tỳ-kheo y nơi đây được xuất gia, thọ giới cụ túc, thành pháp của tỳ-kheo.

(1) «Tỳ-kheo y nơi y phấn tảo, nương nơi đây đặng xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp của tỳ-kheo. Trong đây, trọn đời ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

«Nếu được của lợi do đàn-việt thí y, y cắt rọc hư hoại, thì được nhận.

(2) «Tỳ-kheo y nơi khất thực. Tỳ-kheo nương vào đây được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp tỳ-kheo. Trong đây, trọn đời ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

«Nếu được của lợi, hoặc Tăng sai đi thọ thực hay đàn-việt dâng thức ăn vào những ngày mồng tám, rằm, mồng một, hoặc thường thực của Tăng, đàn-việt mời, thì được nhận.

(3) «Tỳ-kheo nương dưới bóng cây được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp của tỳ-kheo. Trong đây, trọn đời ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

«Nếu được của lợi hoặc phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng một cửa, thì được nhận.

(4) [816a1]«Tỳ-kheo nương nơi thuốc hủ lạn này được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp tỳ-kheo. Đây là điều trọn đời không được phạm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

«Nếu được của lợi như sữa, dầu, sanh tô, mật, thạch mật thì được thọ.»

---o0o---

vi. Giáo giới và đắc giới

«Ông nay đã thọ giới rồi. Bạch tứ yết-ma như pháp, thành tựu đúng quy cách. Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, chúng Tăng đúng số đầy đủ. Ông nên khéo thọ nhận giáo pháp, nên siêng năng giáo hóa, làm việc phước đức, tu bổ tháp, cúng dường Phật, Pháp, Chúng Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê. Những gì các Ngài dạy như pháp, không được chống trái. Nên hỏi về tụng kinh, siêng năng cần cầu phương tiện, để ở trong Phật pháp mà đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-đàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có như vậy mới khỏi uổng công ban đầu phát tâm xuất gia, quả báo của nó sẽ không cùng tận. Ngoài ra những gì chưa biết, nên thưa hỏi Hòa thượng, A-xà-lê.»

Từ nay về sau, nên bảo người thọ cụ túc nên đi trước rồi giải tán.

1. Bấy giờ có tỳ-kheo bị chúng cử tội liền thôi tu. Sau đó đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo:

«Tôi muốn xuất gia trở lại.»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

«Nên hỏi người kia: ‹Ông có tự thấy tội hay không?› Nếu người ấy trả lời: ‹Tôi không thấy tội›, thì không được cho xuất gia. Nếu nói, ‹Tôi thấy tội›, thì cho xuất gia.

Sau đó lại hỏi: ‹Ông có thấy tội hay không?› Nếu trả lời ‹Không thấy tội›, thì không được cho thọ giới cụ túc. Nếu nói ‹Thấy tội› thì nên cho thọ giới cụ túc.

Cho thọ giới cụ túc rồi nên nói: ‹Ông có thuận sám hối không?› Nếu nói ‹Không thuận sám hối›, thì không được giải yết-ma. Nếu nói ‹Có thể thuận sám hối›, thì nên giải yết-ma.

Giải yết-ma rồi bảo: ‹Ông hãy sám hối.› Nếu người ấy phải sám hối, thì tốt. Nếu không vậy, chúng Tăng hòa hợp thì lại trao cho pháp cử tội. Nếu chúng Tăng không hòa hợp thì cùng chung sống, không phạm.

2. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy. Trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

«Bạch đức Thế Tôn! Người chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ giới cụ túc, được gọi là người thọ giới cụ túc hay không?» Đức Phật dạy:

«Được gọi là người thọ giới cụ túc.»

Lại hỏi:

«Người trao giới cụ túc như vậy có phải là người trao đúng hay không?

Đức Phật dạy:

«Là người trao đúng.»

«Người yết-ma như vậy là người làm yết-ma đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là người làm yết-ma đúng.»

Từ khi đã chế giới rồi, nếu thọ giới cụ túc như vậy, không gọi là thọ giới cụ túc đúng.

3. Lại hỏi:

«Tam ngữ thọ giới cụ túc, có phải là thọ giới cụ túc hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là thọ giới cụ túc.»

«Người trao giới cụ túc là người trao đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là người trao đúng.»

«Người làm yết-ma là người làm yết-ma đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là người làm yết-ma đúng.»

Từ khi đã chế giới rồi, nếu thọ giới cụ túc như vậy, không gọi là thọ giới cụ túc.

4. «Không hỏi mười ba nạn sự mà thọ giới cụ túc như vậy có gọi là thọ giới cụ túc chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là thọ giới cụ túc.»

«Người được thọ giới cụ túc như vậy là thọ giới cụ túc đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là thọ giới cụ túc đúng.»

Hỏi:

«Người làm yết-ma như vậy được gọi là tác yết-ma đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là làm yết-ma đúng.»

Từ khi đã chế giới rồi, nếu thọ giới cụ túc như vậy không gọi là thọ giới cụ túc.

5. Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

«Nếu Hòa thượng có một trong mười ba nạn sự, mà trao giới cụ túc cho đệ tử, như vậy có gọi là thọ cụ túc đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là thọ giới cụ túc đúng.»

Lại hỏi:

«Người được thọ giới cụ túc có gọi là thọ giới cụ túc đúng hay chăng?»

Phật dạy:

«Là thọ đúng.»

«Người làm yết-ma như vậy là làm yết-ma đúng hay chăng?»

Đức Phật dạy:

«Là làm yết-ma đúng.»

Từ khi đã chế giới rồi, nếu trao giới cụ túc cho người như vậy, chúng Tăng có tội.

6. Bấy giờ, có người theo Hòa thượng không trì giới cầu thọ giới cụ túc, sau đó có sự nghi ngờ. Đức Phật hỏi:

«Ông có biết vị Hòa thượng ấy không trì giới hay không?»

Vị ấy thưa: «Không biết.»

Đức Phật dạy: «Như vậy được gọi là thọ giới cụ túc.»

Lại có người theo Hòa thượng không trì giới thọ giới cụ túc, sau đó lại có sự nghi ngờ. Đức Phật hỏi:

«Ông có biết Hòa thượng ấy không trì giới hay không?»

Vị ấy trả lời: «biết.»

Đức Phật bảo:

«Ông có biết là không được theo người như vậy thọ giới cụ túc hay không?»

Vị ấy trả lời: «không biết.»

Đức Phật dạy:

«Trường hợp này được gọi là thọ giới cụ túc.»

Lại có vị theo Hòa thượng không trì giới thọ giới cụ túc, sau đó có sự nghi. Đức Phật hỏi:

«Ông có biết Hòa thượng không giữ giới chăng?»

Vị ấy trả lời: «biết.»

Đức Phật bảo: «Ông có biết người như vậy thì không được theo thọ giới cụ túc hay không?»

Vị ấy trả lời: «biết.»

Đức Phật bảo: «Ông có biết, người như vậy theo thọ giới cụ túc thì không đắc giới cụ túc hay không?»

Đáp rằng: «Không biết.»

Đức Phật dạy:

«Trường hợp này được gọi là thọ giới cụ túc.»

Bấy giờ, lại có vị theo Hòa thượng không trì giới thọ giới cụ túc, sau đó có sự nghi.

Phật hỏi:

«Ông có biết Hòa thượng không giữ giới chăng?»

Vị ấy trả lời: «biết.»

Đức Phật dạy:

«Ông có biết người như vậy thì không được theo thọ giới cụ túc hay không?»

Vị ấy trả lời: «biết.»

Phật hỏi:

«Ông có biết, theo người như vậy thọ giới cụ túc thì không thành thọ giới cụ túc hay không?»

Vị ấy trả lời: «biết.»

Đức Phật dạy:

«Không gọi là thọ giới cụ túc.»

---o0o---

CHƯƠNG II - THUYẾT GIỚI[222]

I. PHÁP THỨC THUYẾT GIỚI

1. Bố-tát

[816c6] Phật ở tại thành La-duyệt. Bấy giờ trong thành, các Phạm chí ngoại đạo mỗi [nửa] tháng ba lần tập hội vào các ngày mồng 8, 14, 15.[223] Mọi người tụ tập đông đảo, lui tới giao hữu với nhau, cung cấp thức ăn thức uống, cúng dường suốt ngày, rất là thân thiết.

Bấy giờ Vua Bình-sa ở trên lầu cao, từ xa nhìn thấy quần chúng đến tụ hội chỗ Phạm chí, bèn hỏi các quan tả hữu:

«Hôm nay những người này họ muốn đi đâu mà đông thế?»

Các quan tâu với Vua:

«Đại Vương nên biết, trong thành này, các Phạm chí mỗi [nữa] tháng ba lần tập hội vào các ngày mồng 8, 14, 15. Mọi người tụ tập đông đảo, lui tới giao hữu với nhau, cung cấp thức ăn thức uống, cúng dường suốt ngày, rất là thân thiết. Vì vậy, mọi người đang đi đến chỗ các Phạm chí đang tập hội.»

Vua Bình-sa nghe xong, liền xuống lầu, đi đến chỗ đức Thế Tôn; đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

«Hiện nay trong thành La-duyệt, các Phạm chí mỗi [nữa] tháng ba lần tập hội vào các ngày mồng 8, 14, 15. Mọi người tụ tập đông đảo, lui tới giao hữu với nhau, cung cấp thức ăn thức uống, cúng dường suốt ngày, rất là thân thiết. Lành thay! đức Thế Tôn dạy cho các tỳ-kheo mỗi [nữa] tháng ba lần tập hội vào các ngày 8, 14 và 15, để mọi người các nơi tới lui, cùng giao hữu, cung cấp đồ ăn thức uống. Tôi và quần thần cũng sẽ đến tập hội.»

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Vua Bình-sa biết đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu ba vòng cáo lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo và bảo:

«Hiện nay trong thành La-duyệt, các Phạm chí mỗi tháng [nữa] tập hợp ba ngày mồng 8, 14 và 15, mọi người ở khắp nơi tới lui đông đảo, giao hữu với nhau, cung cấp đồ ăn thức uống. Các ông cũng nên mỗi tháng [nữa] tập hội ba ngày mồng 8, 14 và 15, để mọi người ở các nơi tới lui cùng nhau

giao hữu, cung cấp đồ ăn thức uống. Vua Bình-sa và quần thần cũng sẽ đến tập hội.»

Các tỳ-kheo thưa:

«Chúng con sẽ phụng hành như vậy.»

Các tỳ-kheo phụng hành lời dạy của đức Thế Tôn rồi, mỗi [nữa] tháng tập hội ba lần, vào các ngày mồng 8, 14 [817a1] và 15. Mọi người các nơi tới lui, cùng nhau giao hữu, cung cấp đồ ăn thức uống. Vua Bình-sa cũng dẫn các quần thần đến tập hội. Các tỳ-kheo đến tập hội đều ngồi im lặng. Các trưởng giả thưa với các tỳ-kheo:

«Chúng con muốn nghe nói pháp.»

Các tỳ-kheo không dám nói. Đem nhơn duyên này bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép các ông nói pháp.»

Đã được phép nói pháp rồi, các tỳ-kheo lại không biết nói pháp gì. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép nói khế kinh.»

Các tỳ-kheo muốn phân biệt thuyết nghĩa[224].Trong khi thuyết nghĩa, không nói đủ văn cú. Các vị đều sanh nghi. Đức Phật dạy:

«Cho phép thuyết nghĩa, khỏi phải nói đủ văn cú[225].»

---o0o---

2. Thuyết pháp

Có hai tỳ-kheo cùng một tòa cao[226] nói pháp.

Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Có hai tỳ-kheo có chung một tòa cao để thuyết pháp, nên tranh cãi nhau.

Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Các vị ấy cùng trải toà cao gần nhau để thuyết nghĩa, moi móc sở trường, sở đoản của nhau. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Các vị kia nhơn việc thuyết nghĩa mà bức bách nhau. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Bấy giờ, hai tỳ-kheo đồng thanh ngâm nga[227].Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo muốn thuyết pháp với giọng ca vịnh. Đức Phật nói:

«Cho phép.»

Có một tỳ-kheo, ở cách đức Thế Tôn không xa, nói pháp bằng âm thanh ca vịnh quá du dương[228]. Đức Phật nghe, liền bảo tỳ-kheo này rằng:

«Ngươi không được nói pháp với âm thanh như vậy. Ngươi nên nói pháp giống Như Lai, đừng như người phàm thế. Muốn nói pháp nên bình đẳng như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà nói pháp, đừng nói như người phàm tục.

«Này các tỳ-kheo! Nếu nói pháp với giọng ca vịnh quá du dương, có năm điều lỗi: Nếu tỳ-kheo nói pháp với giọng ca vịnh thái quá thì tự mình sẽ sanh tham đắm yêu thích âm

thanh. Nếu tỳ-kheo nói pháp với giọng ca vịnh thái quá thì người nghe sẽ sanh tham đắm yêu thích âm thanh kia. Nếu tỳ-kheo nói pháp với giọng ca vịnh thái quá sẽ khiến cho người nghe ham muốn học tập theo. Nếu tỳ-kheo nói pháp với giọng ca vịnh thái quá, thì các trưởng giả nghe sẽ cơ hiềm rằng: ‹Chúng ta học tập ca vịnh, tỳ-kheo nói pháp cũng như vậy.› Họ bèn sanh tâm khinh thường, không cung kính. Nếu tỳ-kheo thuyết pháp với giọng ca vịnh thái quá, thì các vị tư duy nơi tịch tịnh sẽ duyên nơi âm thanh, loạn thiền định. Đó gọi là năm điều lỗi lầm do nói pháp với giọng ca vịnh thái quá.»

Bấy giờ có các tỳ-kheo muốn tập hội lại một chỗ vào ban đêm để nói pháp. Phật nói: «Cho phép.»

Các tỳ-kheo không biết tập hội vào ngày nào. Đức Phật nói:

«Cho phép ngày rằm, mười bốn, mười ba, mồng mười, mồng chín, mồng tám, mồng năm, mồng ba và mồng hai; hoặc mỗi mỗi ngày nói cũng được. Nếu người thuyết pháp ít, thì theo thứ tự thỉnh để nói.»

Có vị không chịu nói. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Dù chỉ nói một bài kệ, cũng phải nói.»

Một bài kệ là:

Các điều ác chớ làm,

Điều thiện phải phụng hành.

Giữ tâm ý thanh tịnh,

Là lời Chư Phật dạy.

Nếu không chịu nói sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo ban đêm tập hợp muốn nói pháp, chỗ ngồi thấp[229], sanh nghi. Đức Phật dạy:

«Nếu ban đêm tập hợp nói pháp, chỗ ngồi cao hay thấp không ngại gì.»

Các tỳ-kheo ban đêm tập hợp, muốn ngồi thiền, Phật dạy: «Được phép ngồi.»

Các tỳ-kheo ngủ gật. Phật dạy:

«Tỳ-kheo ngồi gần phải đánh thức họ. Hoặc bằng tay; nếu tay với không đến thì cầm cây gài cửa, hay cán cây phất trần để đánh thức. Nếu như họ đồng ý thì có thể lấy guốc dép quăng đến họ. Nếu họ vẫn cứ ngủ, nên cầm cây thiền trượng để cảnh giác.»

Có vị bị cảnh giác bằng thiền trượng; khi tỉnh, bèn phản đối. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Nếu không thuận, mà còn phản đối, thì như pháp trị.»

Có vị vẫn cứ ngủ, đức Phật nói:

«Cho phép dùng nước rảy.»

Ai bị rảy nước, mà phản đối không chịu, thì cũng nên như pháp trị. Nếu vẫn cố ngủ trở lại. Đức Phật bảo:

«Nên dụi con mắt, hoặc dùng nước rửa mặt.»

Có vị vẫn cứ ngủ. Đức Phật nói:

«Nên tự véo tai hay mũi; hoặc chà sát nơi trán.»

Nếu lại cứ ngủ thì nên vén kéo uất-đa-la tăng rồi lấy tay xoa chà mình; hoặc nên đứng dậy đi ra ngoài cửa xem ngắm bốn phương, ngửa mặt nhìn tinh tú; hoặc đến chỗ kinh hành, thủ nhiếp các căn, khiến tâm không tán loạn.

---o0o---

3. Ba-la-đề-mộc-xoa

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ nhàn tịnh, tư duy rằng: «Ta vì các tỳ-kheo kết giới, thuyết ba-la-đề-mộc-xoa. Trong đó có tỳ-kheo có tín tâm, mới thọ giới, chưa được nghe, không biết làm sao để học giới. Nay Ta nên cho phép các tỳ-kheo tập trung lại một chỗ để thuyết giới ba-la-đề-mộc-xoa.» Đức Thế Tôn từ chỗ tịch tịnh ra, dùng nhơn duyên tập hợp các tỳ-kheo và bảo rằng:

«Vừa rồi Như Lai từ chỗ yên tịnh tư duy, suy nghĩ rằng: ‹Ta vì các tỳ-kheo kết giới, thuyết ba-la-đề-mộc-xoa. Trong đó có tỳ-kheo có tín tâm, mới thọ giới, chưa được nghe, không biết làm sao để học giới.› Ta lại suy nghĩ tiếp: ‹Nay Ta nên cho phép các tỳ-kheo tập trung lại một chỗ để thuyết giới ba-la-đề-mộc-xoa.› Vì vậy, các tỳ-kheo nên cùng nhau tập hợp lại một chỗ, thuyết giới ba-la-đề-mộc-xoa.

Thuyết giới như vầy:

«Các đại đức! Nay tôi muốn thuyết giới ba-la-đề-mộc-xoa. Các thầy lắng nghe, khéo tâm niệm kỹ. Nếu tự mình biết có phạm, nên tự mình sám hối[230]. Không phạm thì im lặng. Do sự im lặng, tôi biết các Đại đức thanh tịnh. Cũng như được người khác hỏi, như sự thực mà trả lời. Cũng vậy, tỳ-kheo nào ở trong chúng cho đến ba lần hỏi, nhớ nghĩ có tội mà không sám hối, mắc tội cố ý vọng ngữ. Đức Phật dạy, cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo. Nếu tỳ-kheo kia nhớ nghĩ có tội, muốn cầu thanh tịnh, nên sám hối. Sám hối sẽ được an lạc.»

Ba-la-đề-mộc-xoa: là giới vậy. Đó là sự tự mình nhiếp trì oai nghi, trú xứ, hành vi; là gốc rễ, là mặt, là đầu, tập hợp các pháp lành, thành tựu tam-muội[231].

Tôi sẽ nói: nghĩa là, sẽ kết, sẽ phát khởi, diễn giải, tỏ bày, phân biệt lập đi lập lại.

Thưa các đại đức, nay tôi sẽ thuyết giới, cùng tập hợp lại một chỗ[232]: nghĩa là, đồng yết-ma tập hợp lại một chỗ. Cần dữ dục, thì người nhận đem dục đến. Người hiện diện đáng quở trách thì không quở trách[233]. Cho nên nói nên tập hợp lại một chỗ.

Lắng nghe, khéo tâm niệm kỹ: gom ý chuyên tâm nghe pháp, cho nên gọi là lắng nghe khéo tâm niệm.

Có phạm: có trái phạm mà chưa sám hối.

Không phạm: không trái phạm, hay phạm mà đã sám hối.

Cũng như được người khác hỏi, như sự thực mà trả lời: nghĩa là, giống như từng tỳ-kheo cùng hỏi và trả lời nhau.

Đức Phật nói, cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo[234]: tức là chướng ngại sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không, vô tướng, vô nguyện; chướng ngại quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán.

Sám hối thì an lạc: được những gì là an lạc? Là đạt được sơ thiền, cho đến tứ thiền, không, vô tướng, vô nguyện; là đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Cho nên sám hối thì được an lạc.

Bấy giờ, các tỳ-kheo muốn thuyết giới với giọng ca vịnh. Đức Phật bảo:

«Cho phép thuyết giới bằng giọng ca vịnh.»

Các tỳ-kheo ngày nào cũng thuyết giới, nên mỏi mệt. Phật dạy:

«Không được thuyết giới hằng ngày. Từ nay về sau, cho phép thuyết giới vào ngày Bố-tát.»

---o0o---

4. Lịch pháp

Có trưởng giả hỏi Tỳ-kheo:

«Hôm nay là ngày mấy?»

Tỳ-kheo không biết nên hổ thẹn. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật dạy:

[818a1]«Từ nay về sau nên đếm số ngày.»

Đếm ngày mà phần nhiều quên. Phật dạy:

«Nên ghi số đếm.»[235]

Các tỳ-kheo dùng vật báu để ghi số đếm. Phật dạy:

«Không được như vậy. Cho phép dùng xương, ngà, sừng, hoặc đồng, thiết, chì, kẽm, bạch lạp, đá, bùn viên lại để ghi.»

Các tỳ-kheo lo ngại số đếm được ghi bị lạc mất. Phật dạy:

«Cho phép làm cái lỗ, dùng dây xâu lại, treo chỗ đại thực, tiểu thực của Tăng, hoặc chỗ ban đêm tập hợp để thuyết giới; hoặc móc trên cây trụ, trên móc long nha.»

Một hôm có các trưởng giả đến hỏi Tỳ-kheo:

«Nay là hắc nguyệt hay là bạch nguyệt?»[236]

Các tỳ-kheo không biết, nên ôm lòng hổ thẹn, đem việc này đến bạch đức Phật. Phật dạy:

«Cho phép làm ba mươi con số đếm. Mười lăm con số thuộc hắc nguyệt, mười lăm con số thuộc bạch nguyệt.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo dùng số đếm lẫn lộn. Con số ghi hắc nguyệt rơi qua bên số ghi bạch nguyệt. Con số ghi bạch nguyệt rơi qua số ghi hắc nguyệt. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, con số ghi hắc nguyệt nhuộm màu đen. Con số ghi bạch nguyệt nhuộm màu trắng.»

Nếu lo ngại con số chạm nhau bị vỡ, Đức Phật dạy:

«Cho phép khoảng chính giữa dùng vật cách ly.»

Các tỳ-kheo muốn thuyết giới vào ngày thứ mười bốn hoặc ngày thứ mười lăm[237]. Đức Phật dạy:

«Nếu Vua đổi ngày, thì theo ngày mà Vua định[238].»

Các tỳ-kheo không biết hôm nay thuyết giới hay sáng mai thuyết giới. Đến bạch Phật. Phật dạy:

«Ngày bố-tát, vị Thượng tọa nên xướng rằng: ‹Hôm nay chúng tăng thuyết giới.›»

Các tỳ-kheo không biết nói vào lúc nào. Đức Phật dạy:

Cho phép đo bóng để định giờ. Rồi báo hiệu bằng gõ thẻ tre, hay đập xuống đất, hoặc đốt khói, hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc đánh kiền chùy, hay rao bảo nhau: «Thưa các Đại đức, giờ bố-tát thuyết giới đã đến.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Thế Tôn cho phép thuyết giới, bèn ở trong vườn hay phòng riêng, cùng Hòa thượng A-xà-lê, đồng Hòa thượng đồng A-xà-lê, tri thức thân hậu tương thuận, thuyết giới riêng bộ[239].

Các tỳ-kheo nghe biết. Trong số có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quí, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Nghe đức Thế Tôn cho phép thuyết giới, sao lại tự tiện ở trong vườn hoặc phòng riêng, cùng Hòa thượng A-xà-lê, đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê, tri thức thân hậu thuyết giới riêng bộ?»

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-tân-nậu[240] ở tại trú xứ Tiên nhơn, bên núi Hắc thạch[241], chỗ yên tịnh tư duy với ý niệm: «Nay

ta có đến hay không đến dự thuyết giới, Ta vẫn thường thanh tịnh bậc nhất.»

Đức Thế Tôn, biết trong tâm trưởng lão Đại Ca-tân-nậu nghĩ như thế. Trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, thoạt nhiên biến mất khỏi núi Kỳ-xà-quật, Thế Tôn hiện đến trú xứ Tiên nhơn, bên núi Hắc thạch, trước mặt Đại Ca-tân-nậu, trải tòa ngồi. Đại Ca-tân-nậu kính lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết vẫn cố hỏi:

«Vừa rồi nơi chỗ nhàn tịnh, ông tư duy với ý nghĩ: ‹Nay ta có đến hay không đến dự thuyết giới, Ta vẫn thường thanh tịnh bậc nhất.› Có phải như vậy không?»

Trưởng lão thưa: Vâng!

Đức Phật dạy:

«Như vậy, đúng như vậy Ca-tân-nậu! Như lời ông nói, Ông có đến hay không đến dự thuyết giới, ông vẫn thường thanh tịnh bậc nhất. Song, này Ca-tân-nậu! Pháp thuyết giới cần phải được cung kính, tôn trọng, thừa sự. Nếu ông không cung kính bố-tát, không tôn trọng thừa sự, thì ai cung kính, tôn trọng, thừa sự? Cho nên ông phải đến dự thuyết giới, không được không đi. Nhưng nên đi bộ, không nên dùng thần túc mà đi. Ta cũng sẽ đến.»

Ca-tân-nậu mặc nhiên vâng lời Phật dạy.

Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này dạy bảo Ca-tân-nậu rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay ra, liền biến khỏi trú xứ Tiên nhơn, bên núi Hắc thạch, trở lại núi Kỳ-xà-quật, an tọa nơi chỗ ngồi.

---o0o---

II. KẾT GIỚI

1. Giới trường

Bấy giờ, có các tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật thuật lại đầy đủ sự việc trên và bảo các tỳ-kheo:

«Ta cho phép các tỳ-kheo tại một trú xứ hòa hợp thuyết giới. ‹Tại sao các ông cùng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê, tri thức thân hậu thuyết giới riêng bộ? Nếu cùng một trú xứ mà không hòa hợp thuyết giới, mắc tội đột-kết-la.› Từ nay về sau cho phép tập hợp lại một chỗ để thuyết giới.»

Các tỳ-kheo biết đức Thế Tôn cho phép thuyết giới một chỗ, nên cùng đợi nhau. Hoặc cùng đợi nhau tại núi Hắc thạch, Tiên nhân trú xứ. Hoặc đợi nhau tại hang Thất diệp trong núi Tỳ-ha-lặc. Hoặc cùng đợi nơi gò mả. Hoặc cùng đợi nhau bên suối nước; đợi nhau tại khu Ca-lan-đà trong Trúc viên; đợi nhau tại núi Kỳ-xà-quật; hoặc cùng đợi nơi có nhà lớn, nhà ăn, nhà kinh hành, dưới bóng cây, nơi bãi cỏ. Khiến mỏi mệt. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, tùy theo người ở nhiều hay ít tại một trú xứ, cùng tập trung lại một chỗ để thuyết giới.»

Các tỳ-kheo không biết nên thuyết giới chỗ nào. Đức Phật dạy:

Cho phép làm thuyết giới đường, bằng pháp bạch nhị yết-ma để làm. Tác bạch như vầy: nên xưng tên của địa điểm, như đại đường, trên nhà gác, nhà kinh hành, bên mé sông, dưới bóng cây, bên hòn đá, hoặc chỗ bãi cỏ.v.v... Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, làm thuyết giới đường tại địa điểm... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay Tăng dùng địa điểm tại... làm thuyết giới đường. Trưởng lão nào chấp thuận, Tăng dùng địa điểm tại... làm thuyết giới đường thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận dùng địa điểm... làm thuyết giới đường rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, trước đó đã lập thuyết giới đường trong núi Kỳ-xà-quật. Sau đó lại muốn lập thuyết giới đường tại Ca-lan-đà Trúc viên. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, cho phép giải thuyết giới đường trước, bằng bạch nhị yết-ma để giải. Sau đó kết lại thuyết giới đường. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận giải thuyết giới đường tại địa điểm... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay giải thuyết giới đường tại địa điểm... Trưởng lão nào chấp thuận Tăng giải thuyết giới đường tại địa điểm... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận giải thuyết giới đường tại địa điểm... rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, có trú xứ làm hai thuyết giới đường. Hai vị doanh sự cùng cạnh tranh nhau. Hai người đều nói chúng Tăng nên đến nơi thuyết giới đường của tôi trước. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép hai vị thay nhau, bắt đầu từ vị Thượng tọa.»[242]

Có trú xứ, đến ngày bố-tát, chúng tập hợp để thuyết giới đông mà nhà thuyết lại nhỏ, không đủ để chứa. Các tỳ-kheo nghĩ rằng: «Đức Thế Tôn đã chế giới, nếu không kết thuyết giới đường, không được thuyết giới. Nay nên làm thế nào?» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch lên đức Phật. Phật dạy:

«Tăng được tự tại. Kết hay không kết, đều được thuyết giới.»[243]

Có vị tỳ-kheo thượng tọa đến nơi thuyết giới đường trước; lau quét, trải tọa cụ, múc bình tịnh thủy, bình rửa chân, đốt đèn, sắp thẻ xá-la, nên quá mỏi mệt.

Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau tỳ-kheo nhỏ tuổi nên làm các việc ấy.»

Đến ngày bố-tát [819a1] tỳ-kheo nhỏ tuổi nên đến thuyết giới đường lau quét, trải tọa cụ, múc bình tịnh thủy, bình rửa chân, đốt đèn, sắp thẻ xá-la. Nếu tỳ-kheo nhỏ tuổi không biết thì thượng tọa nên dạy. Nếu thượng tọa không dạy thì phạm đột-kết-la. Nếu tỳ-kheo nhỏ tuổi không nghe theo lời thượng tọa dạy cũng phạm đột-kết-la.

Có khi thượng tọa thuyết giới rồi, phải ở lại sau, tự mình dọn dẹp sàng tòa, bình tịnh thủy, bình rửa chân, tắt đèn lửa, xá-la, v.v... để mọi thứ lại chỗ cũ, nên quá mệt mỏi. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, thuyết giới rồi, tỳ-kheo nhỏ tuổi phải dọn dẹp bình tịnh thủy, bình rửa chân, đèn lửa, xá-la, để lại chỗ cũ. Nếu tỳ-kheo nhỏ tuổi không biết thì thượng tọa nên dạy. Thượng tọa không dạy phạm đột-kết-la.»

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, nhóm sáu tỳ-kheo làm các việc như chào hỏi và nói chuyện với bạch y, tác yết-ma thuyết giới, thuyết pháp[244]. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn dạy:

«Đây là việc làm của vị thượng tọa.»

Có một trú xứ, Si Hòa-tiên là hàng Thượng tọa, nhưng không có khả năng làm các việc trong ngày thuyết giới như chào hỏi và nói chuyện với bạch y, tác yết-ma thuyết giới, thuyết pháp. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch đức Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép thỉnh vị có khả năng để tác pháp thay thượng tọa. Nếu thượng tọa không thỉnh người có khả năng, thì phạm đột-kết-la. Nếu vị có khả năng mà không nhận lời thỉnh của thượng tọa cũng phạm đột-kết-la.

Bấy giờ, các bạch y hỏi tỳ-kheo, khi thuyết giới có bao nhiêu vị. Các tỳ-kheo không biết số lượng nên hổ thẹn. Đến bạch đức Phật. Phật dạy:

«Cho phép đếm số tỳ-kheo.»

Tuy đếm rồi vẫn quên. Đức Phật dạy:

«Nên đếm xá-la.»[245]

Có vị dùng vật báu làm xá-la. Phật dạy:

Không được dùng vật báu làm xá-la mà nên dùng xương, ngà, sừng, đồng, thiết, bạch lạp, chì, kẽm, tre, trúc, cây để làm. Sợ lạc mất. Phật dạy:

«Nên dùng dây buộc lại.»

Tuy buộc, vẫn còn thất lạc. Phật dạy:

«Nên làm cái hộp để đựng.»

Vị ấy lại dùng vật báu để làm. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Nên dùng xương, ngà, sừng, đồng, thiết, bạch lạp, chì, kẽm, tre, trúc, cây để làm.»

Nếu đựng trong hộp bị đổ ra, Phật dạy:

«Nên làm cái nắp để đậy lại.»

Vị ấy lại dùng vật báu để làm cái nắp. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Nên dùng xương, ngà, sừng, đồng, thiết, bạch lạp, chì, kẽm, tre, trúc, cây để làm.»

Các vị không biết để cái hộp ấy vào chỗ nào. Phật dạy:

«Nên để dưới giường dây hoặc giường cây, trên cây trụ, hoặc trên cây long nha, trên móc áo.»

---o0o---

2. Đại giới cọng trú

Các tỳ-kheo nghe đức Phật cho phép các tỳ-kheo đến thành La-duyệt thuyết giới. Các nơi xa nghe, nhưng phải đến tập hợp để thuyết giới nên mỏi mệt. Bấy giờ, các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

Từ nay về sau, thuyết giới tùy theo từng trú xứ, trong phạm vi hoặc thôn hoặc ấp. Cho phép kết giới bằng pháp bạch nhị yết-ma, như sau:

Xướng tiêu tướng cương giới của mỗi phương: hoặc khoảng không, hoặc cây, hoặc núi, hoặc hang đá, hoặc hang núi cao, hoặc đất trống, hoặc đụn cỏ, hoặc gần bên vườn, hoặc gò mả, hoặc mé nước, hoặc đống đá, hoặc nơi chòm cây, bên đống gai, nơi vực sâu, bên ngòi kênh, hoặc nơi đống phân, hoặc thôn, cương giới của thôn... làm tiêu tướng. Một vị xướng tướng bốn phương rồi, trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Như tiêu tướng cương giới đã công bố, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp

thuận nơi đây kết giới cho đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Như tiêu tướng cương giới đã công bố, nay Tăng kết giới nơi đây cho đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng kết giới nơi đây cho đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Chúng Tăng đã chấp thuận kết giới nơi đây cho đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Đức Phật dạy tiếp:

Từ nay về sau cho phép kết giới theo pháp thức như vầy:

Nên trải tòa, đánh kiền chùy, tất cả đều tập trung lại một chỗ, không cho phép nhận dục. Trong chúng vị nào là tỳ-kheo cựu trú nên xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới: phương đông có núi thì lấy núi làm tiêu tướng; hoặc thôn, hoặc thành, hoặc bờ, hoặc ruộng, hoặc vườn, hoặc rừng, hoặc ao, hoặc cây, hoặc đá, hoặc tường, hoặc miễu thần, hoặc nhà... Như tiêu tướng của phương đông, các phương kia cũng vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo trong trú xứ này đã xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng dựa vào nội tướng bốn phương này kết làm đại giới đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nơi trú xứ này đã xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới. Nay Tăng dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương kết làm đại giới đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận, nay Tăng dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương

này kết làm đại giới đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Chúng Tăng đã chấp thuận bên trong tiêu tướng bốn phương này kết làm đại giới cho đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ có trường hợp các tỳ-kheo chỉ cần chúng bốn người để tác yết-ma; hoặc chúng tỳ-kheo năm người, chúng tỳ-kheo mười người, chúng tỳ-kheo hai mươi người, để tác yết-ma. Trong khi đó, tập hợp cả đại chúng rất mỏi mệt. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép kết giới trường, bằng pháp bạch nhị yết-ma như vầy:

Xướng giới tướng bốn phương: hoặc đóng nọc để làm tiêu tướng, hoặc đá, hoặc bờ ruộng... qui định ngang với mức nào đó. Rồi trong chúng sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo trong trú xứ này xướng tướng bốn phương của tiểu giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương của tiểu giới kết làm giới trường. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nơi trú xứ này xướng tướng bốn phương của tiểu giới. Nay Tăng dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương của tiểu giới kết làm giới trường. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương này kết làm giới trường thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Chúng tăng đã chấp thuận bên trong tiêu tướng bốn phương này kết làm giới trường rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ. Các tỳ-kheo có ý muốn mở rộng giới, hoặc thu hẹp giới lại. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, nếu muốn thay đổi tiêu tướng của giới thì trước hết phải giải cương giới của giới cũ, sau đó mới nới rộng ra hay thu hẹp lại tùy ý. Giải cũng bằng pháp bạch nhị yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạnh như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay đây là trú xứ đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới của tỳ-kheo. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận giải giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là trú xứ đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới của tỳ-kheo. Nay giải giới. Các trưởng lão nào chấp thuận, đây là trú xứ đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới của tỳ-kheo, nay Tăng giải giới, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Chúng tăng đã chấp thuận, đây là trú xứ đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới của tỳ-kheo, nay Tăng giải giới. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

3. Thất y giới

Bấy giờ, có một tỳ-kheo yểm ly, thấy nơi a-lan-nhã có một cái hang lý tưởng, tự nghĩ rằng: «Nếu ta được lìa y để ngủ đêm[246], thì ta sẽ ở hang này.»

Các tỳ-kheo đem vấn đề này đến bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, nên kết giới không mất y, bằng pháp bạch nhị yết-ma. Trong chúng nên sai một vị có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là trú xứ đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận kết [820a1] giới không mất y. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là trú xứ đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới, nay Tăng kết giới không mất y. Các trưởng lão nào chấp thuận, nơi đây đồng nhất trú xứ, đồng nhất thuyết giới, Tăng kết giới không mất y, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận, nơi đây đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, kết giới không mất y rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo thay y để nhà cư sĩ. Trong khi thay y, loã hình. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo kết giới không mất y trừ thôn và ranh giới ngoài của thôn, bằng pháp bạch nhị yết-ma. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là trú xứ đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận kết giới không mất y, trừ thôn và cương giới ngoài của thôn ra. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là trú xứ đồng một trú xứ đồng một thuyết giới. Nay Tăng kết giới không mất y, trừ thôn và cương giới ngoài của thôn ra. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng ở trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới này, kết giới không mất y, trừ thôn và cương giới ngoài thôn ra, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận nơi đây đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, kết giới không mất y, trừ thôn và cương giới

ngoài thôn ra rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo kết hai giới tiếp nhau. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Cần phải có tiêu tướng.»

Hai cương giới chồng lên nhau. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Cần phải có khoảng trống giữa hai giới.»

Có các tỳ-kheo nọ giải đại giới trước rồi giải giới không mất y. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Trước phải giải giới không mất y, rồi mới giải đại giới.»

Trường hợp kết giới không mất y cách dòng nước chảy mạnh, khi tỳ-kheo đến lấy y, bị nước cuốn trôi. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, không được kết giới không mất y cách bởi dòng nước chảy mạnh, trừ có cầu đi qua lại.»

---o0o---

4. Đại giới liên kết

Trường hợp hai trú xứ lợi dưỡng riêng, thuyết giới riêng. Các tỳ-kheo muốn kết chung lại thành đồng nhất thuyết giới, đồng nhất lợi dưỡng. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, cho phép giải giới; rồi sau đó mới kết, bằng pháp bạch nhị yết-ma.

Hai trú xứ đều tự giải giới, rồi tập trung hết lại một chỗ; không được nhận dục. Nên xướng tướng của cương giới bốn phương hoặc chỗ a-lan-nhã, nơi gốc cây, chỗ đất trống, hoặc

núi, hoặc hang, hoặc hang núi, cỏ, vườn, rừng, gò, mả, bên sông, hoặc đá, gốc cây chặt trụi, hoặc chòm gai, hoặc hào, kênh, ao, đống phân, hoặc thôn, cương giới của thôn... xướng cương giới ngang bằng chỗ nào rồi, trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên nên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Như giới tướng đã công bố, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nơi trú xứ này và trú xứ kia kết đồng nhất lợi dưỡng, đồng nhất thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Như giới tướng đã công bố, nay Tăng đối với trú xứ này và trú xứ kia kết đồng nhất thuyết giới, đồng nhất lợi dưỡng. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đối với trú xứ này và trú xứ kia kết đồng nhất thuyết giới, đồng nhất lợi dưỡng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận nơi trú xứ này và trú xứ kia kết đồng nhất lợi dưỡng, đồng nhất thuyết giới rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Trường hợp có hai trú xứ thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng. Ý các tỳ-kheo muốn kết thành đồng một thuyết giới nhưng lợi dưỡng riêng. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, cho phép giải giới, sau đó kết lại bằng bạch nhị yết-ma. Hai bên đều tự giải rồi, tập trung lại một chỗ, không được nhận dục. Nên xướng tướng ở cương giới hoặc a-lan-nhã, hoặc chỗ trống không... cho đến cương giới của thôn như trước. Xưng tên của hai trú xứ. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Như cương giới bốn phương đã công bố. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nơi đây kết đồng một thuyết giới, nhưng riêng lợi dưỡng. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Như cương giới bốn phương đã công bố. Nay Tăng nơi trú xứ này kết đồng một thuyết giới, nhưng lợi dưỡng riêng. Các trưởng lão nào đồng ý, trong phạm vi cương giới bốn phương, Tăng kết đồng một thuyết giới, nhưng riêng lợi dưỡng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý trong cương giới bốn phương nầy kết đồng một thuyết giới nhưng riêng lợi dưỡng rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Trường hợp có hai trú xứ thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng. Các tỳ-kheo muốn thuyết giới riêng nhưng đồng một lợi dưỡng, lý do là để giữ gìn trú xứ. Đức Phật dạy:

Cho phép tập Tăng giải giới, rồi bạch nhị yết-ma kết. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nơi hai trú xứ này kết thuyết giới riêng, nhưng đồng một lợi dưỡng vì để giữ gìn trú xứ vậy. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay Tăng nơi hai trú xứ này kết thuyết giới riêng, nhưng đồng một lợi dưỡng vì muốn giữ gìn trú xứ. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đối với hai trú xứ này kết thuyết giới riêng, nhưng đồng một lợi dưỡng, vì để giữ gìn trú xứ, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý đối với hai trú xứ này kết thuyết giới riêng, nhưng đồng một lợi dưỡng, vì để giữ gìn trú xứ rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Trường hợp có hai trú xứ đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng. Các tỳ-kheo muốn được thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau cho phép tập trung một chỗ để giải giới, rồi tùy theo trú xứ kia, mỗi bên đều tự kết giới.

Bấy giờ có hai trú xứ cách xa nhau, đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng. Trú xứ kia nhận được một ít đồ ăn thức uống cúng dường đều đem đến trú xứ này, đến nơi thì giờ ăn đã qua. Trú xứ này nhận được một ít đồ ăn thức uống cúng dường đều mang đến trú xứ kia, đến nơi thì giờ ăn đã qua. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Không được hai trú xứ cách xa nhau mà đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng. Từ nay về sau cho phép nói lời như vầy: nếu trú xứ này đặng một ít đồ ăn thức uống cúng dường thì chỉ cần phân chia nơi trú xứ này. Trú xứ kia được một ít đồ cúng dường thì chỉ cần phân chia nơi trú xứ kia mà thôi.

---o0o---

5. Tiểu giới

Bấy giờ gặp ngày bố-tát, có số đông tỳ-kheo, trên đường kinh qua khoảng trống, không thôn xóm, tâm tự nghĩ rằng: «Đức Thế Tôn chế giới, phải tập hợp lại một chỗ hòa hợp để thuyết giới. Chúng ta nên làm sao đây?» Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch lên đức Phật. Phật dạy:

«Các tỳ-kheo lắng nghe! Nếu ngày bố-tát mà đang đi nơi khoảng trống, không có thôn xóm, chúng Tăng nên hòa hợp, tập trung lại một chỗ để cùng nhau thuyết giới. Nếu Tăng hòa hợp không được thì tùy theo đồng Hòa thượng, đồng yết-ma, thiện hữu tri thức, cùng nhau dừng bên đường, tập hợp lại một chỗ, kết tiểu giới để thuyết giới, bằng pháp bạch nhị yết-ma, như vầy:

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay chừng này tỳ-kheo gồm... vị tập hợp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận kết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay có chừng này tỳ-kheo tập hợp kết tiểu giới. Các trưởng lão nào chấp thuận nay chừng này tỳ-kheo tập hợp kết tiểu giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận, chừng này tỳ-kheo[821a1] tập hợp kết tiểu giới rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo kết giới rồi, nhưng không giải giới mà bỏ đi, mọi người cơ hiềm; đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Không được không giải giới mà bỏ đi. Nên bạch nhị yết-ma để giải như vầy:

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay số chừng này tỳ-kheo tập hợp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận giải tiểu giới nơi đây. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay số chừng này tỳ-kheo tập hợp để giải tiểu giới này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng giải tiểu giới nơi đây thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý giải tiểu giới này rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, trời mưa nước sông lớn. Các tỳ-kheo lại kết giới cách một con sông mà đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Ngày mười lăm, muốn qua bên kia sông thuyết giới mà không thể lội qua được, nên không thành tựu được việc thuyết giới. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật dạy:

Không được cách hai bên dòng sông mà kết đồng một thuyết giới, trừ có thuyền, cầu qua lại.

Trường hợp có hai trú xứ cách xa nhau, kết đồng một thuyết giới. Đến ngày mười lăm, các tỳ-kheo muốn đến tụ hợp để thuyết giới mà nội trong ngày không đến kịp nên không thành tựu việc kết giới. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Không được hai trú xứ cách xa nhau mà kết chung một thuyết giới. Nếu trú xứ cách dòng sông quá xa mà đồng một trú xứ đồng một thuyết giới thì các tỳ-kheo ngày mười lăm thuyết giới, ngày mười bốn phải đến trước; ngày mười bốn thuyết giới, ngày mười ba phải đến trước. Không được nhận dục.

---o0o---

III. TẬP TĂNG

1. Bạch Tăng

1. Trường hợp có trú xứ nọ, đến ngày thuyết giới, có một tỳ-kheo vào phòng đóng cửa ngủ. Các tỳ-kheo thuyết giới rồi, vừa đứng dậy để giải tán, vị tỳ-kheo ngủ kia nghe tiếng khua động thức dậy hỏi các tỳ-kheo:

«Các Đại đức! muốn đi đâu, không thuyết giới sao?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Chúng tôi đã thuyết giới rồi. Vậy nãy giờ thầy đi đâu?»

Vị kia nói:

«Sáng giờ tôi ở nhà đóng cửa phòng ngủ chứ đi đâu.»

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Ngày thuyết giới, không được đóng cửa phòng mà ngủ. Từ nay về sau, cho phép vị ngồi gần kiểm tra để biết người nào

đến, người nào không đến. Từ nay cho phép bạch trước, sau đó mới thuyết giới. Văn bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nay là ngày mười lăm, chúng Tăng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hợp thuyết giới. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi sau đó mới thuyết giới[247].

2. Lúc bấy giờ, đến ngày thuyết giới, có tỳ-kheo ở một mình tại một trú xứ, tự nghĩ rằng: «Đức Phật chế pháp, nên hòa hợp tập trung lại một chỗ để thuyết giới. Nay ta nên thế nào đây?» Vị ấy liền nói với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Các ông nên lắng nghe kỹ: Nếu đến ngày thuyết giới, tỳ-kheo ở một mình, tỳ-kheo ấy nên đến nơi thuyết giới đường, lau quét sạch sẽ, trải tọa cụ, múc bình nước súc miệng và rửa chân, thắp đèn, sắp xá-la. Nếu có khách tỳ-kheo đến, bốn vị hay hơn bốn vị thì tác bạch rồi mới thuyết giới.

Nếu có ba vị thì mỗi vị hướng vào nhau nói: ‹Hôm nay là ngày mười lăm, Tăng thuyết giới, tôi tỳ-kheo... thanh tịnh.›[248] Nói như vậy ba lần. Nếu có hai vị cũng hướng vào nhau nói: ‹Hôm nay là ngày mười lăm, Tăng thuyết giới, tôi tên là... thanh tịnh.› Nói như vậy ba lần. Nếu có một vị thì nên tâm nghĩ miệng nói: ‹Hôm nay là ngày mười lăm chúng Tăng thuyết giới, tôi tỳ-kheo tên là... thanh tịnh.› Nói như vậy ba lần.

Nếu ba người thì không được nhận dục thanh tịnh của người thứ tư, và bạch thuyết giới. Hai người thì không được nhận dục thanh tịnh của người thứ ba, mà mỗi người nên nói ba lời. Một người thì không được nhận dục thanh tịnh của người thứ hai, nên tâm niệm nói ba lần.

3. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo phi pháp biệt chúng yết-ma thuyết giới, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng yết-

ma thuyết giới. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Ngài dạy:

Không được phi pháp biệt chúng yết-ma thuyết giới, phi pháp hòa hợp chúng. Không được dùng pháp biệt chúng yết-ma thuyết giới.

Thuyết giới có bốn cách:

Bấy giờ, các tỳ-kheo phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng yết-ma thuyết giới. Nếu tỳ-kheo kia phi pháp biệt chúng yết-ma thuyết giới thì vị kia không thành thuyết giới. Nếu phi pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng yết-ma thuyết giới, thì không thành thuyết giới. Chỉ có như pháp hòa hợp chúng yết-ma thuyết giới, gọi là thuyết giới. Nên thuyết giới như vậy, đó là pháp của Ta.

---o0o---

2. Dữ dục

1. Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, Tăng tập hợp vì có Tăng sự. Đức Thế Tôn bảo:

«Nay có việc của Tăng, các tỳ-kheo tĩnh lặng[249].»

Có tỳ-kheo đến bạch Phật:

«Bạch Đại đức! Có tỳ-kheo bệnh không đến được.»

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép dữ dục[250]. Người nhận dục nên đem dục đến.» Vị kia nên gởi dục như vầy: Nên nói, ‹Tôi gởi dục nơi Đại đức›, hay nói, ‹Tôi thuyết dục›, hay nói, ‹Nhớ thuyết dục dùm tôi›, hoặc ra dấu để dữ dục; tất cả đều thành dữ dục. Hoặc nói đầy đủ để dữ dục thì thành dữ dục.

Nếu không hiện thân tướng, miệng không thuyết dục thì không thành dữ dục, cần phải dữ dục trở lại.

Nếu tỳ-kheo nhận dục đến chỗ tỳ-kheo bệnh để nhận dục; nhận dục rồi qua đời, hoặc đi chỗ khác, hoặc thôi tu, hoặc vào trong ngoại đạo, hoặc vào nơi bộ chúng khác, hoặc đến trên giới trường, hoặc minh tướng xuất hiện, hoặc tự nói phạm biên tội, hoặc phạm tỳ-kheo-ni, hoặc tặc tâm làm sa-môn, hoặc phá nội ngoại đạo, hoặc huỳnh môn, hoặc sát phụ mẫu, sát A-la-hán, hoặc đấu loạn chúng Tăng, hoặc với ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc phi nhơn, hoặc súc sanh, hoặc hai hình, hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng diệt tẫn, hoặc nương thần túc ở trên không, hoặc lìa chỗ thấy nghe; tất cả không thành dữ dục, phải gởi dục cho người khác. Trường hợp đến giữa đường hay đến trong Tăng cũng như vậy. Nếu người nhận dục ngủ, hoặc nhập định hay quên; không cố ý làm như vậy thì thành dữ dục. Nếu cố ý không nói thì phạm đột-kết-la. Nếu bệnh nhân có thể làm được như vậy thì tốt, bằng không thì dìu tỳ-kheo bệnh đến, hay để trên giường cây, giường dây khiêng đến trong Tăng. Nếu sợ khua động tỳ-kheo bệnh ảnh hưởng đến căn bệnh có thể bị chết, thì tất cả chúng Tăng nên đến xung quanh chỗ tỳ-kheo bệnh để tác yết-ma. Nếu số tỳ-kheo bệnh đông mà tập trung được lại một chỗ thì tốt, bằng không thì các tỳ-kheo phải ra ngoài giới tác yết-ma. Không có cách nào được phép biệt chúng tác yết-ma.

2. Bấy giờ, [822a1] đến ngày thuyết giới, chúng Tăng tập hợp lại một chỗ để thuyết giới, đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

«Đã đến giờ thuyết giới các ông nên tĩnh lặng.»

Bấy giờ có tỳ-kheo nọ bạch đức Thế Tôn rằng:

«Hiện có tỳ-kheo bệnh không đến được.»

Đức Phật dạy:

Từ nay về sau cho phép gởi sự thanh tịnh[251], cho phép tỳ-kheo đến nhận sự thanh tịnh. Tỳ-kheo kia nên gởi như sau: Nói «Tôi thanh tịnh» tức thành gởi sự thanh tịnh, cho đến, nói đầy đủ để gởi sự thanh tịnh như pháp dữ dục trên, thì thành gởi sự thanh tịnh. Nếu thân không hiện tướng, miệng không nói lên sự thanh tịnh thì không thành gởi sự thanh tịnh. Cũng như pháp gởi dục trên kia, pháp gởi sự thanh tịnh cũng vậy. Nếu người nhận thanh tịnh đến chỗ tỳ-kheo bệnh nhận sự thanh tịnh; khi nhận sự thanh tịnh rồi thì mạng chung hay đi nơi khác, hoặc thôi tu, hoặc gia nhập chúng của ngoại đạo, hoặc vào bộ chúng khác, hoặc đến trên giới trường, hoặc tướng bình minh xuất hiện, hoặc tự nói phạm biên tội, hoặc phạm tỳ-kheo-ni, hoặc tặc tâm làm sa-môn, hoặc phá nội ngoại đạo, hoặc huỳnh môn, hoặc sát cha mẹ, sát A-la-hán, hoặc đấu loạn chúng Tăng, hoặc với ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc phi nhơn, hoặc súc sanh, hoặc hai hình, hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng diệt tẫn, hoặc nương thần túc ở trên không, hoặc lìa chỗ thấy nghe; thảy đều không thành gởi sự thanh tịnh, cần gởi cho người khác.

Trường hợp đến giữa đường hoặc đến trong chúng cũng như vậy. Người nhận sự thanh tịnh hoặc ngủ, hoặc nhập định hoặc quên, mà không cố ý làm như vậy thì thành gởi sự thanh tịnh. Nếu vị ấy cố ý không nói thì phạm đột-kết-la. Nếu tỳ-kheo bệnh có thể làm như vậy được càng hay, bằng không thể làm được thì nên dìu người bệnh đến hay để trên giường dây, giường cây khiêng đến trong Tăng.

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghĩ rằng: Nếu khiêng tỳ-kheo bệnh đến sợ bệnh tình tăng thêm, hoặc đưa đến mạng chung, chúng Tăng nên đến đó tác yết-ma thuyết giới. Nếu có số đông tỳ-kheo bệnh thì tập hợp lại một chỗ được thì càng hay, nếu không thì các tỳ-kheo nên ra ngoài giới để tác yết-ma thuyết giới. Nếu không ra ngoài giới thì không được biệt chúng tác yết-ma thuyết giới, không có cách nào cho phép biệt chúng yết-ma thuyết giới.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo gởi dục mà không gởi thanh tịnh, trong Tăng có sự việc khởi lên, không thuyết giới được. Bấy giờ, tỳ-kheo mang dục đến nói:

«Tôi đem dục đến chứ không đem được sự thanh tịnh.» Việc yết-ma thuyết giới được đình lại, khiến các tỳ-kheo mỏi mệt, nên đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, khi gởi dục nên gởi thanh tịnh. Nên nói như sau: «Tôi gởi dục và thanh tịnh cho thầy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dựa theo sự việc, nói:

«Tôi gởi dục và thanh tịnh cho thầy theo sự việc này.»

Trong tăng có nhiều việc khác khởi lên, bấy giờ tỳ-kheo đem dục đến nói:

«Tôi đem dục và thanh tịnh cho sự việc này chứ không đem dục và thanh tịnh cho việc khác.» Do vậy, công việc bị đình lại. Các tỳ-kheo đều bị mỏi mệt, đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được theo từng sự việc mà gởi dục và thanh tịnh. Cho phép gởi dục và thanh tịnh cho Tăng sự như pháp.»

Trường hợp tỳ-kheo nhận dục thanh tịnh hoặc qua đời, hoặc thôi tu, hoặc vào trong chúng của ngoại đạo, hoặc vào bộ chúng khác, hoặc đến trên giới trường, hoặc dấu hiệu bình minh xuất hiện. Các tỳ-kheo nghĩ, «Gởi dục và thanh tịnh như vậy bị mất hay không?»

Đức Phật dạy:

«Bị mất.»

Trường hợp tỳ-kheo nhận dục và thanh tịnh trên đường đi bị cách trở[252], hay nạn giặc, nạn thú dữ, hoặc nước lụt, không thể đến nơi được, bèn từ ngoài cương giới[253] mà đến trong

Tăng-già-lam gởi dục thanh tịnh. Các tỳ-kheo nghĩ, có bị mất dục và thanh tịnh chăng ?

Đức Phật dạy:

«Không mất.»

Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo gởi dục và thanh tịnh gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc trong giới mà không đến được trong Tăng, cho phép từ ngoài cương giới mà đến trong Tăng gởi dục và thanh tịnh, như vậy không bị mất dục. Gởi dục thanh tịnh như vậy là đúng lời Ta dạy.

Bấy giờ, các tỳ-kheo nhận dữ dục thanh tịnh một người rồi, nghi không dám nhận dục thanh tịnh người thứ hai. Đức Phật dạy: «Cho phép nhận.»

Vị kia nhận dục thanh tịnh hai người rồi, lại nghi không dám nhận dục thanh tịnh người thứ ba. Đức Phật dạy: «Cho phép nhận.»

Vị kia nhận dục thanh tịnh ba người rồi, lại nghi không dám nhận dục thanh tịnh người thứ tư. Đức Phật dạy: «Cho phép nhận.»

Đức Phật dạy tiếp: «Nếu có thể nhớ tên bao nhiêu thì tùy theo đó nhận nhiều hay ít. Nếu không thể nhớ tên thì nói họ, không thể nhớ họ thì nói tướng mạo. Không nhớ tướng mạo thì nói số đông tỳ-kheo như pháp Tăng sự dữ dục thanh tịnh.»

---o0o---

3. Thuyết giới

4. Bấy giờ, có một nơi, đến ngày thuyết giới, đại chúng tập hợp thuyết giới, nhưng âm thanh nhỏ, đại chúng không nghe được. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép đứng giữa chúng để thuyết giới. Nếu đứng nói mà vẫn không nghe thì nên lập tòa rất cao giữa chúng để ngồi nói. Nếu vẫn không nghe thì nên làm toà cao chuyển luân[254] đứng ngang tầm tay với, từ nơi đó thuyết giới.

«Khi tụng bị quên hay lộn thì tỳ-kheo ngồi gần nên nhắc. Nếu vẫn quên thì vị tỳ-kheo thứ hai nên thay thế để nói. Nên nói tiếp theo chứ không được nói trở lại.»

5. Trường hợp có việc xảy ra cho tỳ-kheo đem dục thanh tịnh, như việc Tăng, việc Phật, việc Pháp, việc tỳ-kheo bệnh. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, cho phép chuyển trao dục thanh tịnh cho các tỳ-kheo khác. Nên nói như sau: ‹Tôi nhận dục thanh tịnh cho số đông tỳ-kheo. Vị kia và bản thân tôi, Tăng sự như pháp, gởi dục thanh tịnh.›

6. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nói đến tên Hòa thượng, A-xà-lê. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được gọi tên Hòa thượng, A-xà-lê.»

Các tỳ-kheo hỏi với nhau, Hòa thượng, A-xà-lê của thầy tên là gì? Vị kia không dám trả lời.

Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có người hỏi thì cho phép xưng tên của Hòa thượng, A-xà-lê.»

Trường hợp tỳ-kheo hành ba-lợi-bà-sa, bổn nhật trị, ma-na-đỏa, a-phù-ha-na, hoặc khi yết-ma lập chế, hoặc khi thọ giới, hoặc khi sai người, hoặc khi giải (yết-ma) thì nên xưng tên Hòa thượng, A-xà-lê.

Khi tỳ-kheo có nhơn duyên nên xưng tên Hòa thượng, A-xà-lê mà không dám xưng. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức

Phật dạy: «Nếu có nhân duyên thì cho phép xưng danh tự Hòa thượng, A-xà-lê.»

Nếu tỳ-kheo bận việc nên dữ dục thanh tịnh, dữ dục rồi, công việc xong, sanh nghi không dám đến chỗ thuyết giới. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu công việc xong nên đến, không đến nên như pháp trị.»

Nhóm sáu tỳ-kheo có ý nghĩ không đến chỗ thuyết giới do sợ tỳ-kheo khác vì mình tác yết-ma ngăn không cho thuyết giới. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Vị kia lại nghĩ không đến chỗ thuyết giới sợ vì thân hữu tri thức của ta tác yết-ma hoặc ngăn việc thuyết giới. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Vị kia lại nghĩ, ta đến chỗ thuyết giới không ngồi, sợ các tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma, hoặc ngăn thuyết giới. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Nếu vì thân hậu tri thức mà đến chỗ thuyết giới không ngồi, cũng như vậy.

8. Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày thuyết giới, chúng Tăng tập hợp đông. Khi sắp thuyết giới, nghe có giặc đến, thảy đều sợ hãi nên rời chỗ ngồi bỏ đi, [823a1] không thành thuyết giới. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, khi tám nạn sự khởi, hoặc có các duyên, cho phép thuyết giới lược. Tám nạn sự là: Vua, giặc cướp, lửa, nước, bệnh, nhơn, phi nhơn, ác trùng. Các duyên khác là: đại chúng tập hợp đông mà chỗ ngồi ít, hoặc phần đông trong chúng bị bệnh, thì cho phép thuyết giới lược.»

«Trường hợp đại chúng tập hợp đông mà trên chỗ ngồi che không hết, hoặc trời mưa thì cho thuyết giới lược. Hoặc bố-tát nhiều[255], đêm đã khuya, hoặc có tranh cãi, hoặc luận biện A-tỳ-đàm, Tỳ-ny, hoặc nói pháp quá khuya. Từ nay về sau, cho phép tất cả chúng chưa đứng dậy, khi dấu hiệu bình minh chưa xuất hiện nên tác yết-ma thuyết giới, chứ không có cách nào có thể được phép thọ dục và thanh tịnh cách đêm[256] yết-ma thuyết giới.»

Tỳ-kheo nọ có ý nghĩ, vì nạn duyên cho phép thuyết giới lược, nạn duyên chưa đến gấp, chúng ta có thể thuyết giới đầy đủ. Tỳ-kheo kia nên thuyết giới đầy đủ; không thuyết giới đầy đủ, sẽ như pháp trị.

Tỳ-kheo nọ có ý nghĩ, nạn duyên này đã đến gần, chúng ta không thể thuyết giới đầy đủ, chỉ có thể nói đến chín mươi việc. Vị tỳ-kheo nọ nên nói chín mươi việc; không nói sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo có ý nghĩ, nạn sự đã đến gần, chúng ta không thể thuyết giới đầy đủ đến chín mươi việc, mà chỉ có thể nói đến ba mươi việc thì nên nói đầy đủ ba mươi việc; không nói sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo nghĩ, nạn sự này gần, chúng ta nói đầy đủ ba mươi việc không được, chỉ có thể nói đến hai pháp bất định. Tỳ-kheo nên nói đến hai pháp bất định; không nói sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, các tỳ-kheo khởi nghĩ, nạn sự gần quá, chúng ta không thể nói đầy đủ đến hai pháp bất định, có thể nói đến mười ba việc. Vị kia phải nói đến mười ba việc, không nói sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo kia nghĩ, nạn sự này gần, không thể nói đến mười ba việc, có thể nói đến bốn việc. Tỳ-kheo kia nên nói bốn việc; không nói sẽ như pháp trị.

Tỳ-kheo kia nghĩ, nạn sự này, chúng ta nói bốn việc không được, chỉ có thể nói bài tựa của giới. Vị kia phải nói đến bài tựa của giới; không nói sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghĩ, nạn sự này đến rồi, chúng ta nói bài tựa của giới không được. Do nhân duyên của nạn sự này, các tỳ-kheo phải từ chỗ ngồi đứng dậy đi liền.

Năm cách nói pháp: Nói bài tựa rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa và bốn việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc và mười ba việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc, mười ba việc, và hai việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói đầy đủ là thứ năm. Như vậy gọi là năm cách thuyết giới.

Lại có năm cách nói: Nói bài tựa và bốn việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc và mười ba việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc, mười ba việc và hai việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, mười ba việc, hai việc và ba mươi việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói đầy đủ là thứ năm.

Lại có năm cách nói: Nói bài tựa, bốn việc, và mười ba việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc, mười ba việc, hai việc, và hai việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc, mười ba việc, hai việc, và ba mươi việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói bài tựa, bốn việc, mười ba việc, hai việc, ba mươi việc, chín mươi việc rồi, còn lại nên nói ‹Như Tăng thường nghe.› Nói đầy đủ là cách thứ năm. Như vậy gọi là năm cách thuyết giới.

9. Thế Tôn ở tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ có một tỳ-kheo tên là Na-na-do[257] tâm loạn cuồng si, có khi nhớ ngày thuyết giới, có khi không nhớ, có khi đến có khi

không đến. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, trao cho tỳ-kheo Na-na-do pháp bạch nhị yết-ma tâm loạn cuồng si, theo phương thức như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo Na-na-do nầy tâm loạn cuồng si, có khi nhớ ngày thuyết giới, có khi không nhớ; có khi đến, có khi không đến. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao cho tỳ-kheo này yết-ma tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến đối với việc Tăng tác yết-ma thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo Na-na-do nầy tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ ngày thuyết giới, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo Na-na-do yết-ma tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến đối với việc yết-ma thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng trao cho Na-na-do này pháp cuồng si tâm loạn, nhớ không nhớ, đến không đến đối với việc yết-ma thuyết giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận, trao cho tỳ-kheo Na-na-do yết-ma cuồng si tâm loạn, nhớ không nhớ, đến không đến rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Có ba loại cuồng si: Một là khi thuyết giới, nhớ không nhớ, đến không đến. Hai là loại cuồng si nhớ thuyết giới mà không đến. Ba là loại cuồng si không nhớ thuyết giới, không đến. Trong ba loại cuồng si này, loại có nhớ thuyết giới, không nhớ thuyết giới, có đến không đến, tỳ-kheo như vậy chúng Tăng nên trao cho yết-ma cuồng si. Vị kia nhớ thuyết giới mà không đến, chúng Tăng không nên trao yết-ma

cuồng si. Vị cuồng si không nhớ thuyết giới cũng không đến, không được trao yết-ma cuồng si.

Tỳ-kheo kia, Tăng trao yết-ma rồi, sau đó bệnh cuồng si chấm dứt, khởi nghĩ, «Nay ta nên làm thế nào?» Vị ấy liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

Nếu người cuồng si được trao yết-ma rồi, sau đó bệnh cuồng si hết, nên bạch nhị yết-ma để giải, theo pháp thức như sau: Tỳ-kheo Na-na-do nên đến giữa chúng Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi là tỳ-kheo Na-na-do, trước đây mắc bệnh cuồng si. Khi thuyết giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến, Tăng đã cho tôi yết-ma bệnh cuồng si. Nay tôi trở lại được chánh niệm, cầu giải yết-ma cuồng si.»

Cầu xin như vậy ba lần. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo Na-na-do nầy, trước đây mắc bệnh cuồng si. Khi thuyết giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến, chúng Tăng đã trao cho yết-ma cuồng si, sau đó bệnh cuồng si hết, nay tỳ-kheo này cần cầu giải yết-ma bệnh cuồng si. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép giải yết-ma bệnh cuồng si. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo Na-na-do nầy, trước kia mắc bệnh cuồng si. Khi thuyết giới hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến, Tăng đã trao cho pháp yết-ma bệnh cuồng si, sau khi trao yết-ma rồi, bệnh cuồng si chấp dứt, nay tỳ-kheo này cần cầu chúng Tăng giải yết-ma cuồng si. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng giải yết-ma cuồng si cho tỳ-kheo Na-na-do[824a1] thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận giải yết-ma bệnh cuồng si cho tỳ-kheo Na-na-do rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đều nghĩ, người được trao cho pháp yết-ma cuồng si rồi, sau đó bệnh lành, được giải yết-ma bệnh cuồng si; thời gian sau, bệnh cuồng si lại trở lại, có được trao pháp yết-ma lại hay không?

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, tùy theo bệnh cuồng si phát khởi thì trao pháp yết-ma, khi bệnh cuồng si hết thì giải.»

10. Khi đức Thế Tôn ở nước Chiêm-bà, bên bờ sông Già-già, vào ngày thứ mười lăm thuyết giới, thì bấy giờ, Ngài ngồi nơi đất trống, chúng Tăng ngồi vây xung quanh. Phần đầu của đêm đã qua, bước sang phần giữa của đêm, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa với đức Phật rằng:

«Đầu đêm đã qua, cúi xin đức Thế Tôn thuyết giới.»

Đức Thế Tôn im lặng. Tôn giả A-nan thấy đức Phật im lặng, liền trở về chỗ ngồi. Đầu đêm, giữa đêm đã qua, Tôn giả A-nan lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật:

«Đầu đêm, giữa đêm đã qua, cúi xin đức Thế Tôn thuyết giới.»

Đức Thế Tôn vẫn im lặng. Tôn giả thấy đức Thế Tôn im lặng, liền trở về chỗ ngồi. Đầu đêm giữa đêm cuối đêm đều đã qua, dấu hiệu bình minh đã xuất hiện, các loài chim bắt đầu kêu. Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật:

«Đầu đêm giữa đêm và cuối đêm đều đã qua, dấu hiệu bình minh đã xuất hiện, các loài chim đã bắt đầu kêu, chúng Tăng ngồi đã lâu, cúi xin đức Thế Tôn thuyết giới. Đức Phật bảo A-nan:

«Trong chúng có người bất tịnh. Nếu trong chúng có người bất tịnh mà muốn cho Như Lai thuyết giới với một chúng như vậy, không có lý đó.»

Bấy giờ, Tôn giả A-nan im lặng về lại chỗ ngồi. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ, trong chúng này có ai bất tịnh nên đức Như Lai mới nói, ‹Nếu trong chúng có người bất tịnh mà muốn cho Như Lai thuyết giới với một chúng như vậy, không có lý đó.› Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền quán sát nhơn tâm của chúng, liền thấy có một vị bất tịnh, ngồi cách đức Như Lai không xa, chẳng phải sa-môn mà xưng là sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà nói là phạm hạnh, phạm giới, phạm ác pháp, bất tịnh ô uế, tà kiến, che dấu ác nghiệp, bên trong ôm ấp sự hủ mục, giống như bộng cây không khác. Thấy như vậy rồi, Tôn giả liền nghĩ chính do người này mà đức Phật nói với Tôn giả A-nan, ‹Nếu trong chúng có người bất tịnh mà muốn cho Như Lai thuyết giới với một chúng như vậy, không có lý đó.› Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ người kia nói:

«Ngươi đứng dậy! Đức Như Lai đã thấy ngươi rồi, đã biết ngươi rồi. Ngươi phải mau mau đứng dậy, ra khỏi chỗ này, không được ở nơi đây.»

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên nắm tay vị ấy kéo ra ngoài cửa, rồi trở vào, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và bạch Phật:

«Trong chúng đã thanh tịnh, cúi xin đức Thế Tôn thuyết giới.»

Đức Phật nói với Tôn giả Mục-liên:

«Hiện tại, ông không được làm như vậy, và sau này cũng không được làm như vậy. Này Mục-liên! Từ nay về sau cho phép tác tự ngôn trị. Nếu không tự ngôn thì không được trị. Từ nay về sau, các ông tự tác yết-ma thuyết giới.»

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

«Đây là lần thuyết giới cuối cùng của Như Lai. Tại sao vậy? Người có phạm không được dự thuyết giới. Người có phạm không được nghe giới. Không được hướng đến người phạm giải tội. Người có tội không được giải tội cho người khác.»

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

«Nước biển có tám điều hy hữu, cho nên A-tu-la thích sống nơi đó. Tám điều ấy là:

«Tất cả các dòng sông đều chảy dồn về nơi đó. Đó là một kỳ đặc, A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, nầy Mục-liên, nước biển thường còn, không mất quy luật sóng biển của nó. Đó là kỳ đặc thứ hai của nước biển mà A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, Mục-liên, năm dòng sông lớn như sông Hằng, sông Diêm-ma, Na-tát-la, A-di-la-bà-đề-ma, khi đã chảy nhập vào biển thì cái tên cũ của nó đều mất. Đó là đặc kỳ thứ ba của biển mà A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, nầy Mục-liên, nước năm dòng sông lớn nầy và nước mưa đều chảy về biển mà nước biển không tăng giảm. Đây là kỳ đặc thứ tư mà A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, toàn bộ nước biển đều cùng một vị là mặn. Đó là kỳ đặc thứ năm của biển mà A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, nầy Mục-liên, nước biển không chấp nhận thây chết. Dầu có thây chết thì gió biển cũng đưa nó vào bờ. Đây là kỳ đặc thứ sáu của biển mà A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, này Mục-liên, nước biển sản xuất nhiều trân bảo đặc biệt mà nơi lục địa không có. Các loại trân bảo ấy như vàng bạc, chơn châu, lưu ly, san hô, xa cừ, mã não. Đó là kỳ đặc thứ bảy của biển mà A-tu-la thích vui sống.

«Lại nữa, nầy Mục-liên, nơi đại hải, loài sinh vật có thân hình lớn cư trú nơi đó. Loài sinh vật có thân hình lớn bề dài đến cả một trăm do tuần, hai trăm do tuần, ba trăm do tuần cho đến bảy trăm do tuần. Đây là kỳ đặc thứ tám của biển mà A-tu-la thích vui sống.

«Do tám đặc tánh này của biển cả mà A-tu-la thích vui sống nơi đó. Cũng như vậy, nầy Mục-liên, trong giáo pháp của Ta cũng có tám đặc tánh, khiến cho các đệ tử sau khi thấy rồi đều tự mình thích vui sống trong đó. Tám đặc tánh ấy là:

«Như nước biển lớn đều do tất cả mọi dòng sông chảy về, cũng vậy, Mục-liên, các đệ tử của Ta lần lượt học giới cũng đều trở về giáo pháp của Ta, ở trong đó học các pháp lành. Như vậy, này Mục-liên, đây là một kỳ đặc khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Này Mục-liên, cũng nước biển thường còn, không mất quy luật sóng biển của nó; các đệ tử của Ta trụ ở trong giới cho đến trọn đời không phạm. Đó là kỳ đặc thứ hai khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Này Mục-liên, như nước năm dòng sông lớn khi chảy về biển cả thì tên cũ của nó đều mất, chỉ còn gọi là biển; cũng như vậy, Mục-liên, trong giáo pháp của Ta bốn chủng tánh Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, với đức tin kiên cố từ bỏ gia đình xuất gia học đạo thì cái tên cũ không còn được gọi mà chỉ xưng là Sa-môn Thích tử. Đó là đặc tánh thứ ba của giáo pháp Ta, khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Này Mục-liên, cũng như nước năm dòng sông lớn và nước mưa đều chảy về biển mà nước biển không tăng giảm; cũng như vậy, Mục- liên, trong giáo pháp của Ta các tộc tánh, với

lòng tin kiên cố từ bỏ gia đình xuất gia học đạo vào cảnh giới vô dư Niết-bàn mà cảnh giới vô dư Niết-bàn không tăng không giảm. Đó là đặc tính thứ tư trong giáo pháp của Ta, khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Mục-liên, cũng như nước trong biển cả đồng một vị mặn; giáo pháp của Ta đồng một vị giải thoát. Này Mục-liên, Đây là đặc tánh thứ năm trong giáo pháp của Ta, khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Mục-liên, cũng như biển cả không chấp nhận thây chết. Dầu có thây chết thì gió biển cũng đưa vào bờ. Trong giáo pháp của ta cũng như vậy, không chấp nhận thây chết. Thây chết là chẳng phải sa-môn mà tự xưng là sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, phạm giới, ác pháp, bất tịnh ô uế, tà kiến, che dấu nghiệp bất thiện, bên trong ôm ấp sự hư mục giống như cây bị thúi trong ruột, tuy ngồi ở trong chúng mà thường xa lìa chúng Tăng, chúng Tăng cũng không gần họ. Mục-liên, đây là đặc tánh thứ sáu trong giáo pháp của Ta, khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Mục-liên, cũng như [825a1] nước biển cả sản xuất nhiều trân bảo khác lạ, nơi lục địa không thể có như vàng, bạc, chơn châu, lưu ly, san hô, xa cừ, mã não. Trong giáo pháp của Ta cũng sản xuất nhiều trân bảo, như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, tứ thiền, ngũ căn, ngũ lực, thất giác ý, bát hiền Thánh đạo. Như vậy, này Mục-liên, đó là kỳ đặc thứ bảy trong giáo pháp của Ta, khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.

«Này, Mục-liên, cũng như nước trong biển cả là nơi cư trú của nhiều loài vật có thân hình lớn hằng trăm do tuần, cho đến bảy trăm do tuần. Cũng như vậy, này Mục-liên, trong giáo pháp của Ta cũng dung chứa các đại hình, như trong chúng Tăng những vị hướng đến Tu-đà-hoàn, đặng quả Tư-đà-hàm, cho đến những vị hướng đến A-la-hán, đặng quả A-la-hán. Này, Mục-liên, đây là kỳ đặc thứ tám ở trong giáo

pháp của Ta, khiến các đệ tử thấy rồi tự mình thích vui sống.»

11. Trường hợp một trú xứ đến ngày thuyết giới, có số đông tỳ-kheo ngu si tập trung lại một chỗ, mời vị Thượng tọa thuyết giới. Vị Thượng tọa nói:

«Trước đây tôi không tụng giới.»

Kế đó, mời Trung tọa, Hạ tọa thuyết giới. Các vị cũng đều trả lời:

«Không tụng.»

Do vậy không thành thuyết giới. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Số đông tỳ-kheo ngu si không nên tập trung ở một chỗ, để rồi không biết giới, lại không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát. Từ nay về sau chế định, tỳ-kheo năm tuổi phải yết-ma tụng giới. Nếu không yết-ma tụng giới thì sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo ngu si, tập trung ở một chỗ, mời các Thượng tọa thuyết giới. Các Thượng tọa nói:

«Trước đây chúng tôi có tụng, nhưng nay quên rồi.»

Kế đó, mời Trung tọa, Hạ tọa thuyết giới. Các vị cũng đều trả lời:

«Trước đây có tụng, nhưng nay quên hết rồi.»

Do đó không thành thuyết giới. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Số đông tỳ-kheo ngu si không được tập trung ở một chỗ, để rồi không biết giới, lại không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát. Từ nay về sau chế định, tỳ-kheo năm tuổi phải tụng giới, tụng yết-ma cho thông

suốt. Nếu không thuộc sẽ như pháp trị. Từ nay về sau cho phép nương nơi tỳ-kheo có khả năng tụng giới để hạ an cư.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo nương nơi vị tụng giới hạ an cư. Trong thời gian an cư vị tụng giới mạng chung. Các tỳ-kheo nghĩ, chúng ta làm thế nào đây? Các tỳ-kheo liền đến bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu có tỳ-kheo nương theo tỳ-kheo tụng giới hạ an cư; trong khi an cư, vị tụng giới mạng chung, hoặc đi xa hoặc thôi tu, hoặc gia nhập chúng ngoại đạo, hoặc đến trong bộ chúng khác, hoặc phạm biên tội, hoặc phạm tỳ-kheo-ni, hoặc làm sa-môn với tâm giặc, hoặc phá nội ngoại đạo, hoặc huỳnh môn, hoặc sát phụ mẫu, sát A-la-hán, hoặc đấu loạn chúng Tăng, hoặc với ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc phi nhơn, hoặc súc sanh, hoặc hai hình. Nếu chưa đến thời kỳ hậu an cư thì nên đến nơi trú xứ gần đó kết hậu an cư. Nếu không được thì nên mời vị ở gần, có khả năng tụng luật đến để an cư. Nếu đã hậu an cư rồi, các tỳ-kheo nên đến nơi trú xứ gần học tụng. Có vị học được bài tựa, hay tụng bốn việc, hoặc tụng mười ba việc, hoặc hai bất định, hoặc ba mươi việc, chín mươi việc, hoặc tụng pháp dư tàn. Vị kia tụng được bao nhiêu thì trở về lại trú xứ dạy lại cho một người tụng. Nếu một người không thể tụng hết thì tùy theo người trước người sau nối tiếp nhau tụng, chứ không được tụng trở lại. Nếu được như vậy thì tốt, bằng không thì chỉ nên thuyết pháp, tụng kinh rồi giải tán.»

Bấy giờ, Nan-đà có người đệ tử thông minh, có khả năng liệu việc. Bạt-nan-đà nói với người ấy rằng:

«Ông cùng tôi du hành trong nhân gian.»

Người kia nói:

«Chờ tôi một chút để tôi về xin phép Hòa thượng tôi đã.»

Người kia đến chỗ Nan-đà thưa:

«Xin Hòa thượng cho phép con cùng Bạt-nan-đà du hành trong nhân gian.»

Nan-đà trả lời: «Tùy ý ông.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Nan-đà:

«Tại sao thầy lại cho đệ tử của mình theo Bạt-nan-đà du hành trong nhân gian? Trong khi Bạt-nan-đà là người si, không biết giới, không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem sự việc này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà Ngài vẫn cố hỏi Nan-đà rằng:

«Ông có thuận cho đệ tử cùng với Bạt-nan-đà du hành trong nhân gian hay không? Trong khi Bạt-nan-đà là người si, không biết giới, không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát.»

Nan-đà thưa:

«Bạch Đức Thế Tôn, đúng như vậy.»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Nan-đà:

«Ông làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nan-đà, sao ông lại khiến đệ tử cùng Bạt-nan-đà du hành trong nhân gian; trong khi ông ấy là người si, không biết giới, không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Nan-đà rồi bảo các tỳ-kheo:

«Các ông lắng nghe! Nếu có đệ tử xin phép Hòa thượng để đi xa thì Hòa thượng nên hỏi đệ tử, ông đi vì mục đích gì? Ai là bạn đồng đi với ông? Ông đến chỗ nào? Nếu việc kinh dinh[258] là sai quấy, hoặc bạn đồng hành sai quấy, nhân vật ở chỗ sẽ đến là sai quấy thì nên ngăn đừng cho đi. Nếu việc kinh dinh là sai quấy, nhân vật ở chỗ sẽ đến cũng sai quấy, mà bạn đồng hành tuy có tốt thì cũng nên ngăn đừng cho đi. Nếu việc kinh dinh là sai quấy, chỗ sẽ đến là tốt, bạn đồng hành bất thiện, thì cũng nên ngăn đừng cho đi. Nếu việc kinh dinh là sai quấy, chỗ sẽ đến thì tốt, bạn đồng hành là kẻ thiện, cũng nên ngăn đừng cho đi. Nếu việc kinh dinh là tốt, chỗ sẽ đến không tốt, bạn đồng hành cũng không tốt, nên ngăn khiến đừng đi. Việc kinh dinh là tốt, chỗ sẽ đến tốt, bạn đồng hành không tốt, cũng nên ngăn đừng cho đi. Việc kinh dinh là tốt, chỗ sẽ đến tốt, bạn đồng hành cũng tốt, thì nên cho phép đi.»

12. Có trú xứ nọ, nhiều tỳ-kheo ngu si tập trung ở với nhau. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly là tỳ-kheo khách đến trú xứ này. Các tỳ-kheo ngu si ở trong chúng nầy đều không nghinh tiếp, đón rước, thừa sự. Do không có sự nghinh tiếp thừa sự đúng lễ nên trong ngày ấy Ưu-ba-ly lìa khỏi trú xứ này. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Trú xứ nào có nhiều tỳ-kheo ngu si tập trung ở một chỗ, mà có khách tỳ-kheo có khả năng nói pháp, trì luật, trì ma-di[259], có thể nói nghĩa khế kinh đến; các tỳ-kheo ở đó khi nghe, phải ra ngoài trú xứ nửa do tuần đón rước, thừa sự nghinh tiếp, cung cấp nước tắm rửa, các thứ cần dùng, thức ăn thức uống. Nếu không vậy sẽ như pháp trị.»

---o0o---

4. Sám hối

13. Trường hợp trú xứ chỉ có một tỳ-kheo ở, ngay ngày thuyết giới phạm tội, tự tâm suy nghĩ, «Đức Thế Tôn chế

giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng tới người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận người khác sám hối, nay ta nên làm thế nào?» Vị ấy liền nói với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu ngày thuyết giới có tỳ-kheo phạm tội, suy nghĩ rằng, đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, [826a1] không được hướng tới người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Tỳ-kheo kia nên đến chỗ tỳ-kheo thanh tịnh, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay. Vị tỳ-kheo thanh tịnh kia là bậc Thượng tọa thì nên kính lễ sát chân, tự xưng tên tội đã phạm, tác bạch:

«Đại đức nhớ cho, tôi tỳ-kheo tên là... phạm tội... nay đến trước Đại đức sám hối, không dám che dấu. Sám hối thì an vui, không sám hối không an vui. Tôi nhớ nghĩ có phạm tội, phát lồ, biết mà không che dấu. Nguyện trưởng lão nhớ cho, tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ thanh tịnh bố-tát.»

Thưa như vậy ba lần**.** Vị kia nên nói:

«Ngươi nên sanh tâm yểm ly.»

Tỳ-kheo trả lời:

«Vâng.»

Tác pháp như vậy rồi mới được phép nghe thuyết giới.»

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới có một tỳ-kheo đối với vấn đề phạm tội có sự nghi ngờ, tự nghĩ rằng, «Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Nay ta nên làm thế nào?» Vị ấy liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Ngày thuyết giới, có tỳ-kheo đối với tội phạm sanh nghi, tự nghĩ, đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm sám hối, người phạm không được nhận sự sám hối của người khác. Tỳ-kheo kia nên đến trước tỳ-kheo thanh tịnh, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay. Nếu vị ấy là bậc Thượng tọa thì nên kính lễ sát chân, tự xưng tên tội đã phạm, tác bạch như sau:

«Tôi tên là... đối với việc phạm tội sanh nghi, nay hướng đến Đại đức tự nói lên điều đó. Sau này, khi không còn sự nghi ngờ nữa, tôi sẽ sám hối như pháp.»

Thưa như vậy rồi mới được phép nghe giới.»

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, chúng Tăng tập hợp lại một chỗ, muốn thuyết giới. Ngay khi sắp thuyết giới, có tỳ-kheo phạm tội tự nghĩ, «Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Nay ta nên làm thế nào?» Vị ấy nói với vị thuyết giới rằng: «Ngưng một chút! khoan thuyết giới! Tôi phạm tội. Tôi muốn đến trưởng lão để sám hối.»

Trong khi vị ấy nói như vậy, cả chúng ồn ào. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông nên lắng nghe ! Nếu có trú xứ nào, chúng Tăng tập hợp lại một chỗ, muốn thuyết giới. Ngay khi thuyết giới, có tỳ-kheo phạm tội. Tỳ-kheo ấy bị người cử tội hay không, hoặc tác ức niệm, hoặc không tác ức niệm, tự nhớ tội mà phát lồ, tự biết có tội như vậy, nên nói với người một bên rằng: ‹*Tôi phạm tội... nay hướng đến trưởng lão sám hối*.› Vị ấy nghĩ, dầu chỉ nói với người bên cạnh cũng sợ ồn ào, chúng Tăng không thành thuyết giới, Tỳ-kheo kia nên tâm

niệm đợi khi giải tán rồi sẽ như pháp sám hối. Với tâm niệm như vậy rồi, mới được phép nghe thuyết giới.»

Bấy giờ, chúng Tăng tập hợp lại một chỗ muốn thuyết giới. Ngay khi sắp thuyết giới, có tỳ-kheo đối với tội sanh nghi, bèn nghĩ, ‹Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Nay ta nên làm thế nào?» Vị ấy liền nói với người thuyết giới rằng: «Thầy ngưng một chút. Tôi nghi có phạm tội.... muốn đến trưởng lão nói lên điều đó.»

Trong khi vị ấy nói như vậy, cả chúng ồn ào. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông nên lắng nghe! Nếu chúng Tăng tập hợp tại một chỗ muốn thuyết giới, ngay khi thuyết giới có tỳ-kheo đối với tội sanh nghi. Tỳ-kheo kia có bị cử tội hay không, có tác ức niệm hay không, vị kia nhớ lấy điều tội lỗi, nên nói với vị ngồi gần rằng: ‹*Tôi đối với tội có sanh nghi, nay hướng đến trưởng lão nói lên điều đó, đợi giải tán rồi, lúc không còn nghi nữa, sẽ như pháp sám hối.*›

«Vị ấy lại nghĩ, ta hướng đến vị ngồi gần nói như vậy, sợ ồn ào trở ngại việc thuyết giới chúng Tăng, thì vị kia nên tâm niệm: đợi giải tán rồi, khi không còn nghi nữa, sẽ như pháp sám hối. Với tâm niệm như vậy rồi, được phép nghe thuyết giới.»

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, có trú xứ nọ tất cả Tăng đều phạm tội nên nghĩ, «Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Chúng ta nên làm thế nào?» Những tỳ-kheo này liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu có trú xứ nào, tất cả Tăng đều phạm tội, nên nghĩ rằng, đức Thế Tôn chế giới, người phạm

tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Trường hợp như vậy, nếu có khách tỳ-kheo thanh tịnh không phạm tội đến thì nên tới chỗ vị ấy, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay, nếu là bậc thượng tọa thì nên kính lễ sát chân rồi tự xưng tội phạm của mình, bằng văn bạch như sau:

«Tôi tên là... phạm tội.... nay hướng đến Đại đức để nói lên điều đó.»

Vị nhận sám nên nói:

«Ngươi nên sanh tâm nhàm chán.»

Tỳ-kheo thưa:

«Xin vâng.»

Nếu không có khách tỳ-kheo đến thì nên sai hai, ba vị đến nơi chúng tỳ-kheo thanh tịnh ở gần, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay, tự xưng tội phạm của mình, bằng lời tác bạch như sau:

«Tôi phạm tội... nay hướng đến các Đại đức để nói lên điều đó.»

Vị nhận sám nên nói:

«Ngươi nên sanh tâm nhàm chán.»

Phạm nhơn thưa:

«Xin vâng.»

Tỳ-kheo này nên trở về lại trú xứ. Tỳ-kheo nơi trú xứ đó nên hướng đến vị tỳ-kheo này để nói lên tội phạm của mình rồi sẽ thuyết giới.»

Bấy giờ, có trú xứ nọ, tất cả Tăng đều nghi mình có tội và đều nghĩ, «Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Chúng ta nên làm thế nào?» Các vị liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông hãy lắng nghe! Nếu trú xứ nào đó, tất cả đối với tội sanh nghi, do đó nghĩ, đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Trường hợp này, nếu có khách tỳ-kheo thanh tịnh không phạm đến, thì nên tới chỗ vị ấy, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, nếu là bậc Thượng tọa thì nên kính lễ sát chân rồi, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay tự xưng tội phạm của mình, bằng văn bạch như sau:

«Tôi đối với tội sanh nghi, nay hướng đến Đại đức để nói lên điều đó, đợi sau này, khi không còn nghi nữa, sẽ như pháp sám hối.»

Nếu không có khách tỳ-kheo đến thì nên sai hai, ba vị tỳ-kheo đến nơi chúng tỳ-kheo thanh tịnh ở gần, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay. Nếu là bậc Thượng tọa thì nên kính lễ sát chân rồi, tự xưng tội phạm của mình, bằng lời tác bạch:

«Tôi đối với tội sanh nghi, nay hướng đến Đại đức để nói lên điều đó, đợi sau này không còn nghi, sẽ như pháp sám hối.»

Tỳ-kheo kia trở về trú xứ cũ. Các tỳ-kheo nên hướng đến tỳ-kheo này nói lên tội phạm của mình rồi, sau đó mới thuyết giới.

Bấy giờ, chúng Tăng tập hợp lại một chỗ muốn thuyết giới. Ngay khi thuyết giới, tất cả chúng Tăng đều phạm tội, nên nghĩ, «Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không [827a1] được hướng đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông nên lắng nghe! Chúng Tăng tập hợp lại một chỗ muốn thuyết giới. Ngay khi thuyết giới, tất cả chúng Tăng đều phạm tội, nên mọi người tự nghĩ, ‹Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm tội sám hối, người phạm giới không được nhận sự sám hối của người khác.› Các tỳ-kheo kia tác bạch rồi mới sám hối, bằng lời văn như sau:

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Tất cả Chúng Tăng nầy đều phạm tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tất cả Tăng xin sám hối. Đây là lời tác bạch.»

Bạch như vậy rồi sau đó mới thuyết giới.»

Bấy giờ, chúng Tăng tập hợp lại một chỗ muốn thuyết giới. Ngay khi thuyết giới, tất cả chúng Tăng đối với tội có điều nghi, nên mọi người tự nghĩ, «Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận sự sám hối của người khác. Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu chúng Tăng tập hợp lại một chỗ muốn thuyết giới. Ngay khi thuyết giới tất cả Tăng đối với tội sanh nghi, nên nghĩ, ‹Đức Thế Tôn chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được hướng đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không

được nhận sự sám hối của người khác.› Tất cả Tăng đó nên tác bạch rồi, mới nói tội phạm, bằng lời văn như sau:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tất cả Tăng ở đây đối với tội có điều nghi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, chúng Tăng ở đây tự nói lên tội của mình. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới thuyết giới.»

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, tất cả Tăng đều phạm tội, song không biết tên tội đã phạm, không biết tướng của tội. Các tỳ-kheo tự nghĩ, «Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Ngày thuyết giới, tất cả Tăng đều phạm tội mà không biết tên tội, không biết tội tướng. Trường hợp này, nếu có khách tỳ-kheo trì Pháp, trì Luật, trì Ma-di đến, nên tới chỗ vị đó, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Bạch đại đức! Có tỳ-kheo làm như vậy, như vậy, thì thuộc về tội phạm gì?» Vị trì Luật kia trả lời, làm như vậy thuộc về tội v.v… Khách tỳ-kheo biết tỳ-kheo kia dễ dàng nhận sự dạy bảo thì dẫn đến chỗ vắng. Khiến các tỳ-kheo đứng chỗ mắt thấy tai không nghe, sai vị ấy sám hối như pháp. Sám hối rồi, vị ấy trở về chỗ các tỳ-kheo kia. Các tỳ-kheo nói như vầy:

«Tỳ-kheo này phạm tội, nay đã sám hối.»

Các tỳ-kheo khác còn lại tin tỳ-kheo ấy đã sám hối như vậy là tốt, bằng không tin sự sám hối của vị ấy thì các tỳ-kheo còn lại ấy không được cưỡng bức khiến sám hối.»

---o0o---

5. Hạn kỳ

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, có khách tỳ-kheo tới. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười bốn, cựu trú tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm. Các tỳ-kheo không biết nên như thế nào, liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu có trú xứ, vào ngày thuyết giới có khách tỳ-kheo tới với số ít. Khách thuyết giới ngày mười bốn, cựu tỳ-kheo ngày mười lăm. Khách tỳ-kheo ít, nên theo cựu Tỳ-kheo. Nếu không như vậy sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, có trú xứ, ngày thuyết giới đến, có khách tỳ-kheo tới, số lượng bằng với cựu Tỳ-kheo. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười bốn, cựu tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm. Khách tỳ-kheo bằng với cựu tỳ-kheo thì nên theo cựu Tỳ-kheo. Nếu không theo sẽ như pháp trị.

Nếu ngày thuyết giới đến, có khách tỳ-kheo tới với số đông. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười bốn, cựu tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm. Cựu tỳ-kheo ít nên theo khách tỳ-kheo để cần sự hòa hợp. Nếu hòa hợp được thì tốt. Bằng không, cựu tỳ-kheo nên ra ngoài giới để thuyết giới.

Ngày thuyết giới đến, có trú xứ nọ, khách tỳ-kheo tới với số ít. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm, cựu tỳ-kheo thuyết giới ngày mười bốn. Khách tỳ-kheo ít nên theo cựu tỳ-kheo để cầu sự hòa hợp. Nếu cùng hòa hợp được thì tốt. Bằng không, khách tỳ-kheo nên ra ngoài giới thuyết giới.

Ngày thuyết giới đến, có khách tỳ-kheo trú xứ khác tới bằng với số lượng cựu Tỳ-kheo. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm, cựu tỳ-kheo thuyết giới ngày mười bốn. Khách tỳ-kheo bằng, nên theo cựu tỳ-kheo để cầu sự hòa hợp. Nếu hòa hợp được thì tốt. Bằng không, khách tỳ-kheo nên ra ngoài giới để thuyết giới.

Ngày thuyết giới đến, có khách tỳ-kheo trú xứ khác tới với số đông. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm, cựu tỳ-kheo thuyết giới ngày mười bốn. Cựu tỳ-kheo ít, nên theo khách tỳ-kheo để cầu sự hòa hợp. Nếu theo được thì tốt. Bằng không, sẽ như pháp trị.

Ngay ngày thuyết giới khách tỳ-kheo đến với số lượng ít. Khách tỳ-kheo thuyết giới ngày mười sáu[260], cựu tỳ-kheo thuyết giới ngày mười lăm cũng như vậy.

Ngày thuyết giới có trú xứ, cựu tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới. Khi đang thuyết giới, khách tỳ-kheo đến với số ít. Các vị ấy nghĩ, «Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền thưa các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ngày thuyết giới, có trú xứ mà cựu tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới; khi đang thuyết giới, khách tỳ-kheo đến với số lượng ít. Cựu tỳ-kheo nếu đã thuyết tựa giới xong thì khách tỳ-kheo nên bạch thanh tịnh, rồi tiếp tục nghe. Nếu thuyết giới xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo ít, nên báo thanh tịnh. Không báo thanh tịnh, sẽ như pháp trị.»

Ngày thuyết giới cựu tỳ-kheo sắp sửa thuyết giới. Khách tỳ-kheo đến với số lượng bằng. Cựu tỳ-kheo nên cùng thuyết giới. Không thuyết, sẽ như pháp trị. Nếu thuyết giới đã xong rồi, nhưng cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy; hoặc đều đã đứng dậy; khách tỳ-kheo đến với số lượng bằng, cựu tỳ-kheo nên cùng thuyết giới trở lại. Không vậy, sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, có trú xứ, cựu tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới. Lúc ấy, có khách tỳ-kheo đến với số lượng đông, cựu tỳ-kheo nên cùng thuyết giới, không vậy sẽ như pháp trị. Nếu thuyết giới rồi cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo đến với số đông, cựu tỳ-kheo nên cùng thuyết giới trở lại[261]. Không vậy sẽ trị như pháp.

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đã ngồi, sắp sửa thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ít. Nếu khách tỳ-kheo đã nói xong bài tựa của giới thì cựu tỳ-kheo nên cáo bạch thanh tịnh, rồi tiếp tục nghe. Nếu thuyết giới rồi cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy; hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ít thì nên cáo bạch thanh tịnh, bằng không sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đã ngồi, muốn thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến với số lượng bằng. Khách tỳ-kheo nên cùng thuyết giới, không vậy, sẽ như pháp trị. Nếu thuyết giới đã xong rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy; hoặc đều đã đứng dậy. Cựu tỳ-kheo đến với số lượng bằng, khách tỳ-kheo nên cùng thuyết giới trở lại. Không vậy, sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, có trú xứ đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đã ngồi muốn thuyết giới. Cựu tỳ-kheo đến với số đông, khách tỳ-kheo nên cùng thuyết giới, không vậy sẽ như pháp trị. Nếu thuyết giới rồi cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số đông, khách tỳ-kheo nên cùng thuyết giới trở lại. Không vậy sẽ như pháp trị.

Cựu tỳ-kheo thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến cũng như vậy. Khách tỳ-kheo thuyết giới, khách tỳ-kheo đến [828a1] cũng như vậy.

Bấy giờ, có trú xứ nọ, đến ngày thuyết giới, có khách tỳ-kheo đến, biết cựu tỳ-kheo chưa đến, bèn nói: «Nếu chúng ta có bốn người, hoặc hơn bốn người, có thể tác yết-ma thuyết giới.» Họ bèn tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến, khách tỳ-kheo nghĩ, «Chúng ta nên giải quyết thế nào?»

Họ liền báo cáo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu ngày thuyết giới, trú xứ kia có khách tỳ-kheo đến, biết cựu tỳ-kheo chưa đến, nên nói, ‹Chúng ta có bốn người, hoặc hơn bốn người, có thể tác yết-ma thuyết giới.› Họ liền tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ít hơn. Nếu đã nói xong bài tựa của giới thì nên báo thanh tịnh, rồi tiếp tục nghe. Nếu thuyết giới xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ít hơn thì nên báo thanh tịnh. Không vậy, sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày thuyết giới, có khách tỳ-kheo đến, biết cựu tỳ-kheo chưa đến, họ nói chúng ta có bốn người, hoặc hơn bốn người, có thể tác yết-ma thuyết giới. Họ liền tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng, khách tỳ-kheo nên thuyết giới lại, nếu không sẽ như pháp trị. Nếu thuyết giới rồi, cả chúng chưa đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng, khách tỳ-kheo nên thuyết giới lại, không vậy sẽ như pháp trị.

Có trú xứ đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo tới biết cựu tỳ-kheo chưa đến, họ nói chúng ta có bốn người, hoặc hơn bốn người, có thể tác yết-ma thuyết giới. Họ liền tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến với số lượng đông hơn, khách tỳ-kheo nên thuyết giới lại. Không vậy, sẽ như pháp trị. Nếu thuyết giới rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng đông, khách tỳ-kheo nên thuyết giới lại, không vậy sẽ như pháp trị.

---o0o---

6. Phá yết-ma

Có trú xứ, đến ngày thuyết giới cựu tỳ-kheo đến, biết khách tỳ-kheo chưa đến, hoặc ít, hoặc bằng hay nhiều hơn cũng vậy.

Khách tỳ-kheo thuyết giới, khách tỳ-kheo đến cũng như vậy. Cựu tỳ-kheo thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến cũng như vậy.

1. Hoặc nói, nên thuyết giới. Hoặc nói, không nên thuyết giới. Hoặc người không đến[262],bèn nói «Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!» Muốn làm mọi cách để phá hoại người khác, bèn tác yết-ma thuyết giới. Kia tác yết-ma thuyết giới không thành, mắc tội thâu-lan-giá.[263]

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, có khách tỳ-kheo tới, thấy phòng xá trú xứ cựu tỳ-kheo có dấu hiệu trải giường dây, giường cây, tọa cụ, chăn, mền, gối, đá rửa chân, tịnh thủy, bình tịnh thủy; thấy dấu hiệu như vậy mà không tìm kiếm, bèn tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới thì cựu tỳ-kheo đến. Khách tỳ-kheo liền nghĩ, «Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền báo cáo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông nên lắng nghe! Nếu trú xứ nào, ngày thuyết giới, có khách tỳ-kheo đến thấy cựu trú tỳ-kheo có dấu hiệu trải giường dây, giường cây, tọa cụ, chăn, mền, gối, hòn đá rửa chân, tịnh thủy, bình tịnh thủy; thấy dấu hiệu như vậy mà không tìm kiếm, bèn tác yết-ma thuyết giới, thì không thành yết-ma thuyết giới mà lại có tội[264]. Thấy dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm kiếm mà không được, liền kêu. Nếu không kêu, liền tác yết-ma thuyết giới, thì không thành yết-ma thuyết giới mà lại mắc tội.»

Thấy dấu hiệu rồi liền tìm kiếm, tìm kiếm mà không được, nói «Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!» Làm mọi phương tiện muốn cho người kia bị phá hoại, liền tác yết-ma thuyết giới. Các tỳ-kheo kia yết-ma không thành, lại phạm tội thâu-lan-giá.[265]

Thấy dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm kiếm mà không được, bèn gọi. Gọi rồi tác yết-ma thuyết giới. Các tỳ-kheo kia yết-ma không thành nhưng không phạm.

Thấy dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm kiếm được, hoà hợp tác yết-ma thuyết giới, thành yết-ma thuyết giới, không phạm.

Thấy và nghi cũng như vậy.

2. Bấy giờ, có trú xứ, cựu tỳ-kheo đến thấy dấu hiệu của khách Tỳ-kheo, như y bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn, chỗ rửa chân. Thấy rồi không tìm kiếm, liền tác yết-ma thuyết giới. Tỳ-kheo kia tác yết-ma thuyết giới không thành, lại có tội.

Nếu thấy dấu hiệu liền tìm kiếm. Tìm kiếm không được, nên gọi. Nếu không gọi mà tác yết-ma thuyết giới, thì không thành yết-ma thuyết giới lại có tội.

Thấy dấu hiệu liền tìm kiếm. Tìm kiếm không được, liền nói, «Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!» Dùng nhiều phương tiện muốn người kia bị phá hoại, bèn tác yết-ma thuyết giới. Tỳ-kheo kia yết-ma thuyết giới không thành, lại phạm thâu-lan-giá.

Thấy dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm kiếm không được, bèn gọi. Gọi rồi, tác yết-ma thuyết giới. Tỳ-kheo kia yết-ma thuyết giới tuy không thành nhưng không phạm.

Thấy dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm được, hòa hợp tác yết-ma thuyết giới. Tỳ-kheo kia yết-ma thuyết giới thành tựu và không phạm

Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

3. Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, một trú xứ nọ, khách tỳ-kheo đến nghe tiếng cựu tỳ-kheo kinh hành, tiếng tằng hắng, tiếng tụng kinh, tiếng nói pháp; nghe rồi không tìm kiếm, liền tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới thì cựu tỳ-kheo đến. Họ không biết làm thế nào, liền báo cáo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu ngày thuyết giới, trú xứ có khách tỳ-kheo đến nghe tiếng cựu tỳ-kheo kinh hành, tiếng tằng

hắng, tiếng tụng kinh, tiếng nói pháp, nghe rồi không tìm kiếm, liền tác yết-ma thuyết giới, thì tỳ-kheo kia yết-ma thuyết giới không thành tựu mà lại mắc tội.»

Nếu nghe rồi tìm kiếm. Tìm không được, không gọi. Tác yết-ma thuyết giới. Các tỳ-kheo kia yết-ma thuyết giới không thành tựu lại mắc tội.

Nếu nghe rồi tìm kiếm. Tìm không được mà lại không gọi, bèn nói «Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!» Làm mọi phương tiện muốn cho người kia phá hoại, liền tác yết-ma thuyết giới. Tỳ-kheo kia yết-ma không thành, lại phạm tội thâu-lan-giá.

Nếu nghe rồi tìm kiếm. Kiếm không được, bèn gọi, rồi tác yết-ma thuyết giới. Tuy yết-ma của tỳ-kheo kia không thành, nhưng không tội.

Nghe rồi tìm kiếm. Tìm được, hòa hợp cùng tác yết-ma thuyết giới, thì yết-ma thuyết giới tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội.

Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

5. Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến, nghe tiếng của khách tỳ-kheo đi kinh hành, tiếng tằng hắng, tụng kinh, nói pháp, đập, dũ y. Nghe rồi không tìm kiếm lại tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia không thành, lại có tội.

Nghe rồi, tìm kiếm. Tìm không được, mà không gọi, bèn tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia không thành, lại có tội.

Nghe rồi, tìm kiếm. Tìm không được, mà không gọi, lại nói «Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!» Làm mọi phương tiện muốn cho người kia bị phá hoại, liền tác yết-ma thuyết giới. Tỳ-kheo kia yết-ma không thành, lại phạm tội thâu-lan-giá.

Nghe rồi tìm. Tìm không được, bèn gọi. Gọi rồi tác yết-ma thuyết giới. Tuy sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia không thành, nhưng không tội.

Nghe rồi tìm. Tìm được, hòa hợp cùng tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành, và không tội.

Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

6. Bấy giờ, có trú xứ nọ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đến thấy [829a1] cựu tỳ-kheo ở trên giới trường[266]. Thấy mà không tìm, bèn tác yết-ma thuyết giới. Các tỳ-kheo nghĩ, «Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền báo cáo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Có trú xứ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đến thấy cựu tỳ-kheo ở trên giới trường, thấy mà không tìm, liền tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, nhưng có tội.»

Nếu thấy rồi liền tìm. Tìm mà không được, nhưng không gọi, tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, nhưng có tội.

Thấy rồi tìm, tìm rồi gọi. Gọi rồi tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, không tội.

Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

7. Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến thấy khách tỳ-kheo ở trên giới trường. Thấy mà không tìm, liền tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, nhưng có tội.

Nếu thấy rồi liền tìm, tìm không được mà không gọi, bèn tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, nhưng có tội.

Thấy rồi tìm, tìm rồi gọi. Gọi rồi tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội. Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

8. Bấy giờ, có trú xứ nọ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đến nghe cựu tỳ-kheo ở trên giới trường. Nghe rồi không tìm, liền tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, nhưng có tội. Nghe rồi tìm. Tìm rồi không kêu, mà tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, nhưng có tội.

Nghe rồi tìm, tìm rồi gọi. Gọi rồi tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội.

Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

Cựu tỳ-kheo đến, nghe khách tỳ-kheo ở trên giới trường cũng như vậy. Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

9. Bấy giờ, có trú xứ nọ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đến, thấy cựu tỳ-kheo ở trong giới. Thấy mà không tìm, liền tác yết-ma thuyết giới. Khi tác yết-ma thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến, họ nghĩ, «Chúng ta nên làm thế nào?» Họ liền báo cáo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các ông lắng nghe! Nếu có trú xứ, đến ngày thuyết giới, khách tỳ-kheo đến, thấy cựu tỳ-kheo ở trong giới; thấy mà không tìm, liền tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia không thành tựu, mà có tội.

«Thấy mà tìm. Tìm nhưng không gọi, bèn tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới không thành tựu, lại có tội.

Thấy dấu hiệu liền tìm, tìm rồi gọi, gọi rồi hòa hợp tác yết-ma thuyết giới, thì sự yết-ma thuyết giới của tỳ-kheo kia thành tựu, không tội. Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

10. Có trú xứ, đến ngày thuyết giới, cựu tỳ-kheo đến, thấy khách tỳ-kheo ở trong giới cũng như vậy. Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

Khách tỳ-kheo nghe cựu tỳ-kheo ở trong giới cũng như vậy. Nghe-nghi cũng như vậy. Cựu tỳ-kheo nghe khách tỳ-kheo ở trong giới cũng vậy. Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

---o0o---

7. Chuyển trú xứ

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghĩ rằng, «Chúng ta hãy đi từ nơi có trú xứ, có tỳ-kheo, đến chỗ có trú xứ mà không tỳ-kheo[267], để tránh các tỳ-kheo khác tác yết-ma chống lại chúng ta, hoặc ngăn thuyết giới.» Các tỳ-kheo đến bạch Phật.

Đức Phật dạy:

«Không nên có ý nghĩ, đi từ nơi có trú xứ, có tỳ-kheo, đến chỗ có trú xứ, không tỳ-kheo. Vì sợ các tỳ-kheo khác vì mình tác yết-ma, hoặc ngăn thuyết giới.»

Tỳ-kheo kia nghĩ, đi từ nơi có trú xứ, có tỳ-kheo đến chỗ không trú xứ, không Tỳ-kheo. Vì sợ các tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới.

Đức Phật dạy:

«Không nên có ý nghĩ, đi từ nơi có trú xứ, có tỳ-kheo đến chỗ không trú xứ, không tỳ-kheo, vì sợ các tỳ-kheo khác vì mình tác yết-ma, hoặc ngăn thuyết giới.»

Tỳ-kheo kia nghĩ, ta hãy đi từ nơi có trú xứ có tỳ-kheo đến chỗ không tỳ-kheo, có trú xứ, không trú xứ, hoặc đến tỳ-kheo trên giới trường. Vì sợ các tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới.

Đức Phật dạy:

«Không nên có ý nghĩ, đi từ nơi có tỳ-kheo có trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo, có trú xứ, không trú xứ, hoặc đến tỳ-kheo trên giới trường, vì sợ các tỳ-kheo khác vì mình tác yết-ma, hoặc ngăn thuyết giới.

«Nếu không có Tăng cùng đi, hoặc không có nạn sự mà đi[268], phạm đột-kết-la.»

Từ nơi có tỳ-kheo không trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo có trú xứ cũng như vậy. Từ chỗ có tỳ-kheo không trú xứ đến nơi không tỳ-kheo không trú xứ cũng vậy. Từ chỗ có tỳ-kheo không trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ cũng như vậy. Từ chỗ có tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo có trú xứ cũng như vậy. Từ chỗ có tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo không trú xứ cũng như vậy. Với ý niệm từ chỗ có tỳ-kheo có trú xứ không trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ cũng như vậy. Hoặc vì thân hậu tri thức cũng như vậy.

---o0o---

8. Hòa hiệp thuyết giới

1. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni có ý nghĩ nên đến trong chùa (Tăng) ngăn các tỳ-kheo khác rằng, «Chớ tác yết-ma ngăn thuyết giới đối với nhóm sáu tỳ-kheo.» Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch đức Thế Tôn. đức Thế Tôn dạy:

«Tỳ-kheo-ni không được có ý nghĩ đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo rằng, ‹Chớ tác yết-ma ngăn thuyết giới đối với nhóm sáu tỳ-kheo.› Cũng không được trước tỳ-kheo-ni mà tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới.»[269]

Bấy giờ. Các tỳ-kheo-ni sai thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni đến trong chùa, ngăn các tỳ-kheo khác «Chớ tác yết-ma

ngăn thuyết giới đối với nhóm sáu tỳ-kheo.» Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không được có ý nghĩ sai thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo khác ‹Chớ tác yết-ma ngăn thuyết giới đối với nhóm sáu tỳ-kheo.› Cũng không được trước thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni, mà tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới.»

Các tỳ-kheo-ni kia, lại có ý nghĩ sai bạch y tri thức đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo khác đừng tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không được có ý nghĩ sai bạch y tri thức đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo đừng tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Không được đối trước bạch y tác yết-ma hoặc ngăn thuyết giới.»

2. Bấy giờ, Vua Bình-sa nước Ma-kiệt vì đức Phật và chúng Tăng nên sai các vị tướng đến bảo vệ Tăng-già-lam. Các tỳ-kheo nói với các vị tướng rằng:

«Quý vị nên ra ngoài, chúng tôi muốn tác yết-ma thuyết giới.»

Các vị tướng trả lời:

«Vua Bình-sa sai chúng tôi đến đây để bảo vệ đức Phật và chúng Tăng. Ý của nhà Vua, chúng tôi không dám sai phạm. Chúng tôi không thể ra ngoài.»

Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch với Phật. Đức Phật dạy:

«Nên hòa nhã khéo léo nói để cho họ ra ngoài được càng tốt. Bằng không, các ông nên tự bảo nhau ra ngoài, đến chỗ không thấy không nghe, tác yết-ma cùng thuyết giới. Không được ở trước người chưa thọ đại giới tác yết-ma thuyết giới.»

3. Bấy giờ, có thiên long quỷ thần đến nghe thuyết giới. Tỳ-kheo có thiên nhãn thấy, với tâm sợ hãi, nghĩ rằng, «Đức Thế Tôn chế [830a1] giới không cho chúng ta đối diện với người chưa thọ đại giới tác yết-ma thuyết giới.»

Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch đức Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép trừ ở trước (loài) người chưa thọ đại giới, ngoài ra được phép tác yết-ma thuyết giới.»

4. Bấy giờ, chúng Tăng ở Câu-thiểm-di bị phá làm hai bộ. Các tỳ-kheo muốn đến Xá-vệ để hòa hợp. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép bạch rồi, sau đó mới hòa hợp.»

Văn bạch như sau:

«Đại đức tăng, xin lắng nghe! Vì sự tranh cãi đã khiến Tăng đấu tranh, hai bên không hòa hợp. Người phạm tội kia đã được cử tội, trở lại giải tội, trần cấu của Tăng đã chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hòa hợp. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy, rồi tác pháp hòa hợp.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế Tôn! Nhơn việc chúng Tăng đấu tranh, không hòa hợp, chúng Tăng bị phá vỡ, khiến Tăng bị trần cấu, Tăng chia rẽ phân làm hai bộ. Nhưng sự việc này chưa quyết đoán trừ diệt, chúng Tăng có thành hòa hợp như pháp hay không?»

Đức Phật bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

«Nếu vì lý do nào chúng Tăng đấu tranh, không hòa hợp, chúng Tăng bị phá vỡ, Tăng bị trần cấu, khiến Tăng chia rẽ, phân làm hai bộ. Nếu trong đó có thể cải hối không nêu tội

lẫn nhau, thì đây được gọi là chúng Tăng y theo pháp hòa hợp.»

Từ nay về sau, cho phép bạch trước như vậy, rồi sau đó thuyết giới:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Chúng Tăng vì tranh cãi, nên Tăng đấu tranh, không hòa hợp, chúng Tăng bị phá vỡ, khiến Tăng bị cáu bẩn, Tăng chia rẽ phân làm hai bộ. Người kia tự biết phạm tội, nay đã cải hối trừ diệt trần cấu của Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hòa hợp thuyết giới. Đây là lời tác bạch»

Bạch như vậy rồi, sau đó hòa hợp thuyết giới[270]

---o0o---

CHƯƠNG III - AN CƯ

1. Kết giới an cư

[830b7]1. Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giơ, nhóm sáu tỳ-kheo trong ba mùa xuân, hạ và đông đều du hành trong nhân gian. Gặp tháng mùa hạ, trời mưa, nước lớn trôi mất y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đạp chết cỏ non. Các cư sĩ cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, đạp chết cỏ non. Bên ngoài tự nói tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì gọi là chánh pháp? Trong ba mùa xuân, hạ và đông du hành trong nhân gian. Mùa hạ trời mưa nước lớn, trôi mất y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đạp chết cỏ non, đoạn mạng sống của các loài khác. Pháp của các ngoại đạo còn an cư ba tháng, mà các Thích tử này trong ba mùa xuân, hạ và đông đều du hành trong nhân gian, trời mưa nước lớn trôi mất y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đạp chết cỏ non, đoạn mạng sống của các loài khác. Cho đến như các loài chim, côn trùng, còn có hang tổ là trú xứ nghỉ ngơi của chúng! Sa-môn Thích tử ba mùa xuân, hạ và đông, du hành trong nhân gian, trời mưa nước lớn trôi mất y bát, tọa cụ,

ống đựng kim, đạp chết cỏ non, đoạn mạng sống của các loài khác!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, biết hổ thẹn, sống khổ hạnh, ưa học giới, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy du hành trong nhân gian suốt cả ba mùa xuân, hạ, đông? Mùa hạ, trời mưa, nước lớn trôi mất y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đạp chết cỏ non. Các cư sĩ tin tưởng cây cỏ có mạng sống[271] đều cơ hiềm, 'Các Thầy có mắc tội hay chăng?'»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Các ông làm đều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông du hành trong nhân gian suốt cả ba mùa xuân, hạ, đông? Mùa hạ, trời mưa, nước lớn trôi mất y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đạp chết cỏ non. Các cư sĩ tin tưởng cây cỏ có mạng sống đều cơ hiềm, ‹Các Thầy có mắc tội hay chăng?› »

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Các ông không được du hành nhân gian suốt cả ba mùa xuân, hạ, đông. Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo an cư ba tháng mùa hạ, bạch với người chỗ mình đang sống rằng: ‹Tôi hạ an cư nơi trú xứ này.› Hoặc thưa: ‹Trưởng lão một lòng nghĩ đến cho. Tôi tỳ-kheo tên là... nương tựa nơi tụ lạc... hay Tăng-già-lam... hoặc nơi phòng... an cư ba tháng trước của mùa hạ. Phòng xá bị hư hỏng cần phải sửa chữa.› Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Pháp an cư ba tháng sau của mùa hạ cũng như vậy.»

2. Các tỳ-kheo ở trong một trú xứ không có người để nương tựa, không biết bạch với ai. Các tỳ-kheo nghi không biết thành an cư hay không, liền bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Phát khởi ý vì an cư liền thành an cư. Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo, nếu không có người để nương tựa thì tâm niệm an cư.»

Tỳ-kheo ở trong trú xứ muốn an cư mà không có người để nương tựa, không bạch chỗ an cư, quên không tâm niệm an cư, nghi không biết thành an cư hay không đến bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu vì an cư mà đến, liền thành an cư.»

3. Các tỳ-kheo đến chỗ an cư, muốn an cư, vào trong cương giới, tướng bình minh xuất hiện[272], nghi không biết có thành an cư hay không, liền đến bạch đức Thế Tôn. Phật dạy:

«Nếu vì an cư mà đến liền thành an cư.»

Tỳ-kheo ở chỗ an cư, muốn an cư, vào trong vườn của Tăng, tướng bình minh xuất hiện, nghi không biết thành an cư hay không, liền đến bạch đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Nếu vì an cư mà đến tức thành an cư.»

Tỳ-kheo đến chỗ an cư, muốn an cư, một chân vào trong cương giới, một chân ngoài cương giới, tướng bình minh xuất hiện, nghi không biết thành an cư hay không, bèn bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Nếu vì an cư mà đến liền thành an cư.»

Tỳ-kheo đến chỗ an cư, muốn an cư, một chân vào trong vườn của Tăng, một chân ngoài vườn của Tăng, tướng bình minh xuất hiện, nghi không biết thành an cư hay không, liền bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Nếu vì an cư mà đến liền thành an cư.»

[831a1] Nếu an cư xong rồi, khách tỳ-kheo đến dời chỗ của cựu tỳ-kheo. Đức Phật dạy:

«Không được dời. Cũng không được đi.»

---o0o---

2. Phân phòng xá

1. Tại một trú xứ, các tỳ-kheo không xem kỹ phòng xá ngọa cụ, liền nhận phải phòng không tốt, ngọa cụ xấu, nên nổi sân, nói với cựu tỳ-kheo:

«Tâm thầy không bình đẳng. Người nào thầy ưa thì thầy trao cho phòng tốt, ngọa cụ tốt; người nào thầy không ưa, thầy trao cho phòng xấu, ngoạ cụ xấu. Thầy không ưa tôi, nên thầy trao cho tôi phòng xấu, ngọc cụ xấu!»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

«Nếu tỳ-kheo muốn an cư nơi trú xứ nào thì tự mình nên đến trước xem coi phòng xá, ngọa cụ, sau đó mới nhận phòng. Từ nay về sau cho phép phân phòng xá, phân ngọa cụ. Nên sai người phân phòng xá, phân ngọa cụ bằng bạch nhị yết-ma. »

Người có năm pháp sau đây không nên sai phân chia phòng xá, ngọa cụ: thiên vị, hay giận, nhát sợ, ngu si, không biết nên chia hay không nên chia.

Người có năm pháp sau đây nên sai phân chia phòng xá, ngọa cụ: không thiên vị, không hay giận, không sợ, không si, biết nên chia hay không nên chia.

Tăng nên sai một vị có khả năng yết-ma, hoặc là bậc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng (thuộc) luật được hay không tụng (thuộc) luật được, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai tỳ-kheo tên... chia ngọa cụ, phòng xá. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, ngọa cụ. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, ngọa cụ thì im lặng. Vị nào không đồng thì xin nói.

«Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, ngọa cụ rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

2. Sai người phân chia phòng xá, ngọa cụ rồi, nên đếm số tỳ-kheo, đếm số phòng xá, số ngọa cụ. Vị kia nên hỏi bao nhiêu phòng có người ở, bao nhiêu phòng trống, bao nhiêu phòng có ngọa cụ, bao nhiêu phòng không có ngọa cụ, bao nhiêu phòng có chăn, bao nhiêu phòng không có chăn, bao nhiêu phòng có lợi dưỡng, bao nhiêu phòng không có lợi dưỡng, bao nhiêu phòng có đồ vật, bao nhiêu phòng không có vật dụng, bao nhiêu phòng có đàn-việt thí y, bao nhiêu phòng không có đàn-việt thí y, bao nhiêu phòng có phước nhiêu[273], bao nhiêu phòng không có phước nhiêu, ai là người kinh dinh phòng chủ[274], nếu có người kinh dinh thì nên hỏi, ‹Trưởng lão muốn trụ nơi phòng nào? Không trụ nơi phòng nào?›[275] Vị kia biết rõ số lượng phòng xá, ngọa cụ rồi, đến trước Thượng tọa thưa:

«Đại đức Thượng tọa! Phòng xá như vậy, ngọa cụ như vậy, tùy ý Thượng tọa nhận lấy phòng xá nào? »

Trao phòng cho Thượng tọa rồi, kế đến vị Thượng tọa thứ hai, thứ ba, thứ tự cho đến vị hạ tọa cuối cùng. Nếu có dư phòng hay ngọa cụ thì nên từ Thượng tọa phân lại. Có dư nữa thì cũng từ Thượng tọa phân lại. Nếu có dư nhiều thì nên để dành phần cho khách tỳ-kheo đến. Có khách tỳ-kheo đến thì nên phân. Ác tỳ-kheo đến thì không nên phân. Thiện tỳ-kheo đến thì nên phân. Nếu có dư thì để dành. Trường

hợp để dành phòng thì không được ngăn. Ai ngăn sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, có tỳ-kheo nhận phải phòng hư mục, có ý nghĩ: «Phòng này phải tu sửa, ta không nên nhận.» Các tỳ-kheo liền bạch đức Thế Tôn, đức Thế Tôn dạy:

«Nên nhận, rồi theo khả năng tu sửa lại.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo phân chia nhà hội của Tăng[276],hoặc nhà tắm nóng[277], hoặc hạ đường[278], hoặc nhà kinh hành, khách tỳ-kheo đến không có phòng ở. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên phân chia nhà hội của Tăng, hay nhà tắm nóng, hoặc hạ đường, hoặc nhà kinh hành. Hoặc gác dưới là chỗ Tăng tập hợp thì gác trên nên chia cho Tăng ở. Nếu gác trên là chỗ Tăng tập hợp thì nhà gác dưới nên chia cho Tăng ở.»

3. Các tỳ-kheo đi xem khắp phòng xá, thấy một cái hang nơi a-lan-nhã, bèn nghĩ: «Ta sẽ an cư nơi hang này.» Sau đó lại có các tỳ-kheo khác thấy cái hang a-lan-nhã này, cũng lại nghĩ: «Ta nên an cư nơi đây.» Trong vòng mười sáu ngày đầu đã có số đông tỳ-kheo cùng tập hợp ở nơi hang này, vì chật hẹp nên sanh nhiều tật bệnh. Các tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn. Ngài dạy:

«Nếu tỳ-kheo muốn an cư một chỗ như vậy, vị nào đến đó trước, phải làm dấu, hoặc làm dấu bằng tay, hoặc vẽ vòng tròn, hoặc tượng Ma-hê-đà-la[279],hoặc hình lượn sóng, hoặc hình dây nho, hoặc làm cái hoa, hoặc vẽ năm sắc, hoặc viết tên mình... là muốn an cư nơi đây.»

Đức Phật cho phép ai làm dấu báo hiệu như vậy trước thì người đó ở. Tỳ-kheo trụ nơi đây, khi đi không xóa tên, hay dấu hiệu; các tỳ-kheo khác thấy, đã có người chiếm trước rồi nên không dám ở. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên không xoá tên hay dấu hiệu mà bỏ đi.»

---o0o---

3. Phân ngọa cụ

1. Bấy giờ nhân dân vùng biên quốc làm phản, Vua Ba-tư-nặc đích thân cầm quân đến chinh phạt. Các tỳ-kheo đến vùng biên quốc, nơi đó phòng xá chật hẹp, không đủ dung chứa. Các tỳ-kheo nói như vầy: «Phải chi đức Phật dạy chúng ta nên phân chia ngọa cụ.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép phân chia bằng giường nằm. Nếu không đủ thì chia đều giường dây. Nếu vẫn không đủ thì chia đều chỗ ngồi.»

Tỳ-kheo kia di chuyển giường cố định, chăn mền, ngọa cụ nơi phòng này đến các phòng khác. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được di chuyển.»

Có phòng nhiều ngọa cụ, có phòng ít ngọa cụ. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép các tỳ-kheo nói với vị cựu trú, hoặc vị chủ phật-đồ[280] , hoặc nhờ người tri sự. Trường hợp ba tháng an cư nhận được phòng như vậy thì nên nói với các vị trên rồi, sau đó mới di chuyển.»

Các tỳ-kheo không hoàn ngọa cụ lại nơi phòng cũ, bỏ đi. Tỳ-kheo đến sau, tưởng là ngọa cụ của phòng này bèn xử dụng. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên không hoàn ngọa cụ lại nơi phòng cũ mà bỏ đi. Phải hoàn lại ngọa cụ cho phòng cũ trước khi đi. Không vậy, sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ có phòng xá bị hư hoại. Các tỳ-kheo e sợ, vì đức Phật không cho phép di chuyển ngọa cụ từ phòng này đến phòng khác. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đức Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu phòng xá bị hư hoại thì cho phép dời ngọa cụ phòng này qua các phòng khác.»

Ngọa cụ được dời mà không dùng nên bị trùng phá hư nát. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên xử dụng ngọa cụ ấy.»

Khi đức Phật cho phép xử dụng, có vị lại không dùng rửa chân, không dùng lau chân, mà dùng làm áo lót thân. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên dùng rửa chân, lau chân và không nên làm áo lót.»

Các tỳ-kheo e ngại vì đức Phật dạy không được làm áo lót nên không dám xúc phạm bằng tay chân. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ đầu gối trở lên, từ nách trở xuống không được lót thân, chứ tay chân xúc chạm không sao.»

Bấy giờ các đàn-việt bố thí áo lót cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo cẩn thận không dám nhận, vì đức Phật không cho phép dùng áo lót thân. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Đàn-việt dâng cúng, cho phép tùy ý nhận.»

Có vị sửa chữa phòng xá rồi, không đem ngọa cụ của phòng này trả lại chỗ cũ. Các tỳ-kheo đem việc này [831a1] bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Sửa chữa phòng xá rồi nên trả ngọa cụ trước đó di chuyển đến phòng khác trở về lại chỗ cũ. Không vậy, sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo di chuyển ngọa cụ nơi chùa này đem đến các chùa khác. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được di chuyển ngọa cụ chùa này đem đến các chùa khác.» Trường hợp vì sự khủng bố hoặc oan gia, hoặc nhân dân phản loạn, hoặc quốc ấp bị phá hoại, nhân dân bị phá tán, trú xứ cũng hư hoại; các tỳ-kheo e ngại vì đức Phật không cho phép dời ngọa cụ cố định nơi chùa này đến chùa khác. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có sự khủng bố, oan gia, hoặc quốc ấp phản loạn, nhân dân phá tán, trú xứ cũng hư hoại, thì cho phép di chuyển ngoạ cụ đến nới khác.»

Khi dời ngọa cụ, các tỳ-kheo e ngại vì đức Phật dạy không cho phép dùng ngọa cụ của Tăng lót thân nên không cất giữ tốt. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tùy nghi cất dấu và di chuyển. Nếu có các tỳ-kheo nào khác đến hỏi mượn thì không nên trao cho, trừ trường hợp có thể tin, sau này họ có thể trả lại thì nên đưa.»

Trường hợp sau khi quốc ấp trở lại yên bình, nhân dân trở về lại, nhà chùa phục hồi mà ngọa cụ không được trả lại. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu quốc ấp trở lại yên bình, nhân dân trở về lại, nhà chùa phục hồi, thì nên trả lại ngọa cụ cho chùa. Không trả, sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ có trú xứ chúng Tăng bốn phương[281] nhận được nhiều loại ngọa cụ bất định, giường dây, giường cây, loại tốt, loại xấu, chăn mền, gối các loại dệt bằng lông, các thứ trải trên đất, bình tắm, gậy, quạt. Các tỳ-kheo không biết nên phân chia như thế nào, đem thưa hỏi đức Phật. Phật dạy:

«Cho phép trao cho các phòng không có ngọa cụ. Nếu còn dư thì từ Thượng tọa chia xuống.»

---o0o---

4. Tiền hậu an cư

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất với Mục-liên muốn cùng đức Thế Tôn an cư. Ngày mười lăm, từ trú xứ đi, ngày mười bảy mới đến nơi. Không biết nên thế nào[282], liền bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép hậu an cư.»

Có hai cách an cư: tiền an cư và hậu an cư.[283]

Nếu tiền an cư thì ở vào ba tháng trước, hậu an cư thì ở vào ba tháng sau.

Các vị tiền an cư tự tứ. Các vị hậu an cư không biết có được phép tự tứ hay không. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép thọ tự tứ nhưng phải ở cho đủ ngày.»

Người tiền an cư tự tứ rồi tính tuổi. Các vị hậu an cư không biết có được tính tuổi hay không. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên chưa đủ ba tháng mà tính tuổi.»

Các vị tiền an cư tự tứ xong đuổi các vị hậu an cư. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được xua đuổi. Cũng không nên đi.»

Các vị tiền an cư tự tứ rồi phân chia các phẩm vật nhận được trong mùa hạ. Các vị hậu an cư e ngại không dám nhận vì Phật không cho phép họ chưa đủ ba tháng mà khất cầu và

nhận phẩm vật. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép tỳ-kheo thọ. Nhưng số ngày còn thiếu, nên ở lại cho đủ.»

Các vị tiền an cư tự tứ rồi phân chia ngọa cụ. Các vị hậu an cư e ngại không dám thọ vì ba tháng chưa đủ. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép thọ, xét theo chuẩn vị lai.»

---o0o---

5. Trú xứ an cư

Bấy giờ các tỳ-kheo an cư nơi chỗ đất trống, bị nắng gió suốt ngày, hình thể đen đúa, da bị tróc, nứt nẻ, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi:

«Tại sao hình thể các ông bị đen đúa, da bị tróc, nứt nẻ, như vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Vì an cư nơi đất trống cho nên như vậy.»

Đức Phật dạy:

«Không nên an cư nơi đất trống. Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo an cư chỗ có che bên trên.»

Các tỳ-kheo an cư trên cây. Từ trên cây đại tiểu tiện xuống. Vị thọ thần nổi giận, chê trách và chờ tỳ-kheo sơ hở sẽ đoạn mạng căn. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, không cho phép tỳ-kheo an cư trên cây; cũng không cho leo lên cây quá đầu người. Không được đại tiểu tiện xung quanh làm cho bẩn nhúa.»[284]

Bấy giờ các tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, trên đường đi gặp phải thú dữ. Các tỳ-kheo leo lên cây quá đầu người, e ngại lại leo xuống, vì nghĩ rằng: ‹Phật không cho phép chúng ta leo lên cây cao quá đầu người,› nên bị ác thú làm hại. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, trường hợp vì mạng nạn, tịnh hạnh nạn, được phép leo lên cây cao quá đầu người.»

Các tỳ-kheo muốn lấy củi khô trên cây. Đức Phật cho phép làm cái móc móc lấy, hay làm cái thang để lấy, hoặc dùng dây cột kéo xuống để lấy. Sau đó các tỳ-kheo e ngại không dám leo lên cây khô. Đức Phật dạy:

«Nếu cả thân cây đều khô hết thì cho phép leo.»

Các tỳ-kheo muốn an cư dưới bóng cây, bạch Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép an cư dưới bóng cây, nếu cây ấy cao quá đầu người và nhánh lá che đủ mát một chỗ ngồi.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng sáp ong[285] trét lên trên cái bức màn rồi ngồi trong đó an cư, nghĩ rằng: «Ban đêm chúng ta ngủ trong đó. Sáng ngày đem dấu hết. Nếu có người thấy, họ sẽ gọi chúng ta là người được thần thông.» Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau không cho phép dùng sáp ong trét lên trên màn rồi an cư trong đó. Cũng không được vì ngụy trang thân thể mà thay đổi oai nghi thường.»

Bấy giơ, tỳ-kheo muốn an cư trong một cái nhà nhỏ, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo an cư trong cái nhà nhỏ, miễn là đứng dậy không đụng đầu và đủ một chỗ ngồi, đủ để che mưa.»

Các tỳ-kheo muốn an cư trong hang núi, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép an cư trong hang núi, miễn nơi đó đứng dậy không đụng đầu, đủ dung một chỗ ngồi, đủ để che mưa.»

Các tỳ-kheo muốn an cư trong hang núi tự nhiên, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo an cư trong hang núi tự nhiên, miễn là đứng dậy không đụng đầu, đủ một chỗ ngồi, đủ để mưa.»

Các tỳ-kheo muốn an cư trong hốc cây, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo an cư trong hốc cây, miễn là đứng dậy không đụng đầu, đủ một chỗ ngồi, đủ để che mưa.»

Tỳ-kheo muốn y nơi người chăn bò để an cư[286], đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép y nơi người chăn bò để an cư. Trong khi an cư tùy theo sự di chuyển của người chăn bò mà di chuyển theo.»

Các tỳ-kheo muốn nương nơi người ép dầu[287] để an cư, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép nương nơi người ép dầu để an cư. Trong khi an cư, tùy theo sự di chuyển của người ép dầu mà di chuyển.»

Các tỳ-kheo muốn an cư trên thuyền, đến bạch đức Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo an cư trên thuyền. Trong khi an cư, tùy theo sự di chuyển của thuyền mà di chuyển.»

Tỳ-kheo muốn nương nơi người thợ đốn gỗ để an cư, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo nương nơi người thợ đốn gỗ để an cư. Trong khi an cư, tùy theo sự di chuyển của họ mà di chuyển.»

Các tỳ-kheo muốn nương nơi xóm làng để an cư, đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo nương nơi xóm làng để an cư. Trong khi đang an cư, nếu xóm làng [833a1] chia làm hai phần, tùy theo sự cung cấp những vật cần dùng, nơi nào đầy đủ thì di chuyển theo nơi đó để an cư.»

---o0o---

6. Xuất giới

Bấy giờ có đàn-việt thưa thỉnh tỳ-kheo: «Con muốn cúng dường vật thực và phòng xá.» Tỳ-kheo kia tự nghĩ: «Chỗ đó xa, không thể trong ngày trở về kịp. Đức Phật chưa cho phép nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép thọ pháp bảy ngày để ra đi. Nhưng không nên chỉ vì vấn đề ăn uống mà thọ pháp bảy ngày để ra đi, trừ khi có nhơn duyên khác. Nếu đi vì y bát, tọa cụ, ống đựng kim cho đến thuốc men, mãn ngày thứ bảy nên trở về.»

Bấy giờ các tỳ-kheo thưa thỉnh các trưởng lão tỳ-kheo khác: «Chúng tôi mắc tội tăng tàn, vì chúng tôi trị pháp phú tàng, bổn nhật trị, ma-na-đỏa, xuất tội.» Các vị tự nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Khi có sự việc như vậy, cho phép thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày trở lại.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni thưa thỉnh các trưởng lão tỳ-kheo: «Chúng con mắc tội tăng tàn, xin vì chúng con tác pháp ma-na-đỏa, xuất tội.» Các vị tự nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày trở lại.»

Có thức-xoa-ma-na thỉnh tỳ-kheo trưởng lão, thưa: «Chúng con phạm giới. Cho chúng con sám hối, hoặc thọ giới lại. Hay thọ đại giới.» Các vị tự nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày trở lại.»

Các sa-di mời trưởng lão tỳ-kheo đến để thọ giới. Các vị tự nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày trở lại.»

Có sa-di-ni mời các Đại đức tỳ-kheo đến để thọ sáu pháp. Các vị tự nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày trở lại.»

Bấy giờ có vị đại thần không có tín tâm, mời Đại đức tỳ-kheo đến, «Tôi muốn gặp.» Tỳ-kheo nghĩ, «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Nếu hữu ích, chứ không phải vô ích. Đủ bảy ngày trở lại.»

Có vị đại thần có tín tâm, mời Đại đức tỳ-kheo, «Tôi muốn gặp.» Tỳ-kheo nghĩ, «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Vì người ưu-bà-tắc có tín tâm này hoặc bệnh hay có các việc lo buồn, hoặc vì lợi dưỡng. Đủ bảy ngày nên trở về lại.»

Bấy giờ, có cha mẹ không có tín tâm mời Đại đức Tỳ-kheo, «Tôi muốn gặp.» Tỳ-kheo nghĩ, «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Vì để giáo hoá khiến cho người không có tín tâm kia sanh tín tâm; có ác giới khiến cho trì giới; có xan

tham khiến cho họ bố thí; vô trí khiến cho có trí. Đủ bảy ngày trở về lại.»

Có trường hợp cha mẹ có tín tâm sai người đến thỉnh Đại đức tỳ-kheo, «Tôi muốn gặp.» Tỳ-kheo nghĩ, «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Nếu Vì cha mẹ có tín tâm bị bệnh hoặc có các việc lo buồn, hoặc có việc lợi ích. Đủ bảy ngày trở lại.»

Trường hợp có bà mẹ thỉnh Đại đức tỳ-kheo, «Tôi muốn gặp.» Tỳ-kheo nghĩ, «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày nên trở lại.»

Trường hợp có người cha thỉnh tỳ-kheo cũng như vậy; anh em, chị em các thân lý tri thức cũng như vậy.[288]

Trường hợp có tỳ-kheo tụng sáu mươi thứ kinh[289], như kinh «Phạm động,»[290] vì tìm cầu người đồng tụng nên muốn du hành trong nhân gian. Tỳ-kheo nghĩ, «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày nên trở lại.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo tri sự có công việc cần đến trong rừng cây[291] một thời gian, tự nghĩ rằng: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như

vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày nên trở lại.»

Bấy giờ nhân dân vùng biển quốc nổi loạn, Vua Ba-tư-nặc tự cầm quân đến để chinh phạt. Nhà Vua cúng dường Phật và chúng Tăng y, chăn mền, thức ăn và vật dụng cần dùng. Vị đại thần không có tín tâm bèn đoạt, không trao cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo muốn đến báo cho nhà Vua biết nhưng lại nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày nên trở lại.»

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc tự cầm quân chinh phạt số nhân dân nổi loạn nơi biên giới, vị đại thần không có tín tâm, với ác tâm đố kị, muốn đào một con kênh thông qua Kỳ-hoàn[292]. Tỳ-kheo muốn đến báo cáo với nhà Vua nhưng lại nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, thọ pháp bảy ngày để ra đi. Đủ bảy ngày nên trở lại.»

Lúc bấy giờ có đàn-việt sai người đến thỉnh Đại đức tỳ-kheo đến để cúng dường thức ăn và phòng xá, tỳ-kheo tự nghĩ: «Nơi đó xa không thể về kịp trong ngày. Đức Phật chưa cho phép có nhơn duyên như vậy được đi.» Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, có việc như vậy, cho phép thọ pháp quá bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, hay một tháng, bằng pháp bạch nhị yết-ma để đi.»

Chúng Tăng sai một vị có khả năng tác yết-ma, hoặc Thượng tọa, thứ tọa, tụng luật được hay không tụng luật được mà có thể tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho tỳ-kheo tên là... thọ pháp quá bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, hay một tháng, để ra ngoài giới vì công việc như vậy, như vậy... Xong việc sẽ trở về trong giới để an cư. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... thọ pháp quá bảy ngày, hay mười lăm ngày, hoặc một tháng, ra ngoài giới vì công việc như vậy... Xong việc sẽ trở về trong giới để an cư. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng cho phép tỳ-kheo tên là... thọ pháp quá bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, hay một tháng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý cho tỳ-kheo tên là... thọ pháp quá bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, hay một tháng, để ra ngoài giới làm công việc như vậy. Xong việc sẽ trở về đây an cư [834a1] rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo khiến người tin cậy thỉnh tỳ-kheo, thọ yết-ma quá bảy ngày cũng như vậy. Tỳ-kheo-ni thỉnh tỳ-kheo, thọ yết-ma cũng như vậy. Sa-di thỉnh tỳ-kheo, thọ giới cũng như vậy. Sa-di-ni thỉnh tỳ-kheo, thọ yết-ma quá bảy ngày cũng như vậy. Đại thần bất tín thỉnh tỳ-kheo, thọ pháp yết-ma quá bảy ngày cũng như vậy. Đại thần có lòng tin, yết-ma cũng như vậy. Cha mẹ không tin, cha mẹ tin, anh em, chị em, các thân lý tri thức, tỳ-kheo tụng sáu mươi loại kinh, tỳ-kheo kinh dinh, đại thần không tín tâm đoạt vật cúng dường, đào kênh xuyên qua[293], cũng như vậy. Tất cả pháp thọ yết-ma quá bảy ngày đều đồng như trên.

---o0o---

7. Phá hạ

Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-di. Có đại thần dũng kiện, đánh giặc giỏi, đến chỗ đức Phật với lòng tin xuất gia làm đạo. Bấy giờ, Vua Ưu-điền bảo rằng:

«Tại sao ông không bỏ đạo, để cùng vợ ông tạo ra nhà cửa, ruộng vườn, của cải, vật báu?»

Tỳ-kheo tự nghĩ:

«An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tịnh hạnh của ta.»

Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo đang an cư tại một trú xứ nọ, có đàn bà chưa chồng đến cám dỗ tỳ-kheo, nói rằng: «Sao thầy không thôi tu? Tôi sẽ làm vợ thầy.» Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tịnh hạnh của ta.»

Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Tỳ-kheo an cư tại một trú xứ nọ, có dâm nữ đến cám dỗ tỳ-kheo, nói rằng: «Sao thầy không thôi tu? Tôi sẽ làm vợ thầy. Hoặc tôi gả con gái cho thầy.»

Tỳ-kheo tự nghĩ:

«An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tịnh hạnh của ta.»

Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo đang an cư tại trú xứ, có huỳnh môn vì tham ái tỳ-kheo nên đến kêu gọi tỳ-kheo cùng làm chuyên

bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tịnh hạnh của ta.» Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Có tỳ-kheo đang an cư tại trú xứ, quỷ thần nói với tỳ-kheo: «Nơi đây có kho tàng chôn dấu.» Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tính mạng của ta.» Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo đang an cư nơi trú xứ, quỷ thần muốn đoạn mạng sống tỳ-kheo nên rình chờ sơ hở. Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tính mạng của ta.» Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Có tỳ-kheo đang an cư nơi trú xứ, có bọn giặc muốn đoạn mạng sống tỳ-kheo nên rình, chờ cơ hội thuận tiện. Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tính mạng của ta.» Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Có tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, rắn độc hung dữ, rình cơ hội thuận tiện sẽ đoạn mạng sống. Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tính mạng của ta.» Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi. »

Có tỳ-kheo an cư nơi trú, các thú dữ hung dữ, rình cơ hội thuận tiện để đoạn mạng căn. Tỳ-kheo tự nghĩ: «An cư tại đây có thể nguy hiểm cho tính mạng của ta.» Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy thì nên bỏ đi. »

Có tỳ-kheo an cư nơi trú xứ không được như ý đối với vấn đề ăn uống, thuốc men không đủ, người giúp việc không như ý. Vị kia tự nghĩ: «Ta nên làm thế nào đây?» Tỳ-kheo liền bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo an cư chỗ mà ăn uống không được như ý, thuốc men không có dùng, người giúp việc không theo ý muốn, thì nên bỏ đi.»

Tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, chỗ đi kinh hành có nhiều loại trùng độc. Tỳ-kheo kia có tập quán kinh hành; vì kinh hành thì cơ thể khỏe mạnh, không kinh hành thì không bình an. Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‹Sống ở đây sẽ tai hại cho mạng căn.› Nghĩ xong đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có việc nạn sự như vậy thì nên bỏ đi.»

Bấy giờ có tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, *thấy* có tỳ-kheo đang tạo phương tiện phá Tăng vị kia nghĩ: «Phá Tăng là việc làm rất xấu ác. Ta không nên dự vào việc này. Ta nên làm thế nào đây ?» Vị ấy liền bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, *thấy* có tỳ-kheo đang vận động phương tiện phá Tăng; vị kia nghĩ: ‹Tăng vỡ là việc rất nghiêm trọng, rất xấu ác. Ta không nên dự vào việc phá tăng.› Tỳ-kheo kia nên vì việc này mà bỏ đi.»

Có tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, *thấy* có tỳ-kheo-ni đang tạo phương tiện phá Tăng, vị kia nghĩ: ‹Phá Tăng là việc làm rất xấu ác. Ta không nên dự vào việc này.› Vị kia liền vì việc này mà bỏ đi.

Có tỳ-kheo đã an cư nơi trú xứ rồi, *nghe* có tỳ-kheo đang vận động phương tiện phá Tăng. Vị kia nghĩ: ‹Tăng vỡ là việc rất nghiêm trọng, rất xấu ác. Ta chớ nên dự vào việc này.› Vị kia liền vì việc này mà bỏ đi.

Có tỳ-kheo đã an cư nơi trú xứ rồi, *nghe* có tỳ-kheo-ni đang vận động phương tiện phá Tăng. Vị kia nghĩ: ‹Tăng vỡ là việc rất nghiêm trọng, rất xấu ác. Ta không nên dự vào việc này.› Vị kia liền vì việc này bỏ đi.

Bấy giờ, có tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, *nghe* tỳ-kheo kia muốn phương tiện phá Tăng. Vị kia nghĩ: ‹Nếu ta đến can gián, la rầy, chắc họ sẽ nghe lời ta mà đình chỉ việc phá Tăng.› Vị kia lại nghĩ: ‹Nếu ta tự đến, có thể họ không nghe lời ta chấm dứt việc phá Tăng. Ta có thân hữu có thể chấm dứt việc phá Tăng kia. Nếu ta nói, chắc họ sẽ vì lời nói của ta mà chấm dứt việc phá Tăng kia. Vậy ta nên như thế nào đây?› Vị ấy liền nói với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, *nghe* có tỳ-kheo muốn phương tiện phá Tăng, tỳ-kheo nghĩ: ‹Nếu ta đến can gián, la rầy, chắc họ sẽ nghe lời ta mà đình chỉ việc phá Tăng.› Vị kia lại nghĩ: ‹Nếu ta tự đến, có thể họ không nghe lời ta chấm dứt việc phá Tăng. Ta có thân hữu có thể chấm dứt việc phá Tăng kia. Nếu ta nói, chắc họ sẽ vì lời nói của ta mà chấm dứt việc phá Tăng kia.› Ngay lúc đó, vị kia vì việc này ra đi.

Có tỳ-kheo an cư nơi trú xứ, *nghe* kia có tỳ-kheo-ni đang vận động phương tiện phá Tăng, tỳ-kheo nghĩ: ‹Nếu ta đến can gián, la rầy, chắc họ sẽ nghe lời ta mà đình chỉ việc phá Tăng.› Vị kia lại nghĩ: ‹Nếu ta tự đến, có thể họ không nghe lời ta chấm dứt việc phá Tăng. Ta có thân hữu có thể chấm dứt việc phá Tăng kia. Nếu ta nói, chắc họ sẽ vì lời nói của ta mà chấm dứt việc phá Tăng kia.› Vị kia liền vì việc này ra đi.

«Có tỳ-kheo trong khi an cư *nghe* Tăng kia bị vỡ liền nghĩ: ‹Nếu ta đến can gián, la rầy, chắc họ sẽ nghe lời ta mà đình chỉ việc phá Tăng.› Vị kia lại nghĩ: ‹Nếu ta tự đến, có thể họ không nghe lời ta chấm dứt việc phá Tăng. Ta có thân hữu có thể chấm dứt việc phá Tăng kia. [835a1] Nếu ta nói, chắc

họ sẽ vì lời nói của ta mà chấm dứt việc phá Tăng kia.› Vị kia liền vì việc này ra đi.

Có tỳ-kheo trong khi an cư *nghe* tỳ-kheo-ni Tăng kia bị vỡ, nghĩ: ‹Nếu ta đến can gián, la rầy, chắc họ sẽ nghe lời ta mà đình chỉ việc phá Tăng.› Vị kia lại nghĩ: ‹Nếu ta tự đến, có thể họ không nghe lời ta chấm dứt việc phá Tăng. Ta có thân hữu có thể chấm dứt việc phá Tăng kia. Nếu ta nói, chắc họ sẽ vì lời nói của ta mà chấm dứt việc phá Tăng kia.› Vị kia liền vì việc này ra đi.»

Bấy giờ có tỳ-kheo thọ pháp bảy ngày ra ngoài cương giới mẹ giữ lại, mặc dù với ý muốn về mà vẫn không kịp. Vị ấy nghĩ: «Như vầy ta có bị mất hạ hay không?» Vị ấy liền bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không mất tuổi hạ.»

Đối với cha mẹ[294], anh em, chị em, vợ cũ, hoặc người trước kia tư thông, hoặc nạn dạ xoa quỷ thần cũng như vậy.

Có tỳ-kheo thọ pháp bảy ngày ra ngoài cương giới bị đường bộ, đường nước không thông, hoặc bị nạn giặc cướp, hổ lang, sư tử, bèn nghĩ: «Ta có bị mất tuổi hạ hay không?» Vị ấy liền bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không mất tuổi hạ.»

---o0o---

8. Ước định an cư

Phật ở vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-thiểm-di. Bấy giờ Vua Ưu-đà-diên là bạn thân quen của Bạt-nan-đà Thích tử, mời Bạt-nan-đà hạ an cư. Bạt-nan-đà đã kết an cư nơi nước Câu-thiểm-di. Nghe trú xứ khác nhận được nhiều lợi dưỡng,

nhiều y vật, liền đến nơi trú xứ đó một thời gian ngắn rồi trở lại Câu-thiểm-di. Vua Ưu-đà-diên nghe rồi cơ hiềm nói:

«Bạt-nan-đà Thích tử đã nhận lời mời an cư của tôi nơi đây. Sao nghe trú xứ khác nhận được nhiều lợi dưỡng, nhiều y vật, liền đến nơi trú xứ kia ở; rồi lại trở về nơi đây?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh biết hổ thẹn, ưa học giới, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử: «Sao thầy hạ an cư nơi kia, nghe trú xứ khác nhận được nhiều lợi dưỡng, y vật, lại đến đó ở một thời gian ngắn; rồi trở về nơi đây?» Vị ấy đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

«Ông là người không biết gì, chẳng phải oai nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này Bạt-nan-đà, sao ông hạ an cư nơi Câu-thiểm-di; nghe trú xứ khác nhận được nhiều lợi dưỡng, nhiều y vật, đến đó ở; rồi lại trở về Câu-thiểm-di?»

Quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Nếu tỳ-kheo nào thọ tiền an cư nơi trú xứ này, nghe nơi trú xứ khác nhận được nhiều lợi dưỡng, liền đến nơi kia; tỳ-kheo đó không được nhận tuổi hạ của tiền an cư. Vì trái với điều bạch trước kia, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời của người tiền an cư nơi đây, mà đến ngoài giới bố-tát xong rồi đi đến chỗ khác[295] , tỳ-kheo này phá tiền an cư, trái với điều tác bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận người thỉnh tiền an cư, mà ở ngoài giới bố-tát rồi mới đến chỗ thỉnh; trong ngày liền bỏ đi, tỳ-kheo đó phá tiền an cư, trái với điều tác bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà bố-tát ngoài giới rồi mới đến chỗ thỉnh, nhận phòng xá, ngọa cụ; không có duyên sự gì lại bỏ đi[296], vị đó phá tiền an cư, trái với điều tác bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời tiền an cư của người, mà bố-tát ngoài giới rồi mới đến trú xứ, thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới với ý muốn trở lại; quá bảy ngày, tỳ-kheo đó phá tiền an cư, trái với điều tác bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà bố-tát ở ngoài giới, bố-tát rồi mới đến trú xứ, thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, đủ bảy ngày trở về, tỳ-kheo đó thành tiền an cư, không trái với lời bạch trước, không tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà bố-tát ở ngoài giới, bố-tát rồi lại đến trú xứ, hạn sau cùng[297], thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, tỳ-kheo kia trở lại hay không trở lại trú xứ cũng thành tiền an cư, không trái với lời bạch trước, không tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà đến trong giới bố-tát[298] rồi mới đến trú xứ[299], trong ngày lại bỏ đi, tỳ-kheo kia phá tiền an cư, trái với lời bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà đến trong giới bố-tát, bố-tát rồi đến trú xứ nhận phòng xá, ngọa cụ, không lí do gì mà bỏ đi, tỳ-kheo kia phá tiền an cư, trái với lời bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà đến trong giới bố-tát, bố-tát rồi đến trú xứ (khác), nhận pháp bảy ngày ra ngoài giới[300], với ý muốn trở lại nhưng không kịp bảy ngày, tỳ-kheo này phá tiền an cư, trái với lời bạch trước, mắc tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, lại đến bố-tát trong giới rồi đến trú xứ (khác), thọ pháp bảy ngày ra

ngoài giới, bảy ngày trở về kịp, tỳ-kheo kia không phá tiền an cư, không trái với lời bạch trước, không tội.

«Tỳ-kheo nào nhận lời mời tiền an cư của người, mà bố-tát trong giới rồi mới đến trú xứ (khác), hạn cuối cùng, thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, trở lại hay không trở lại trú xứ vẫn không phá an cư, không trái với lời bạch trước, không tội. Hậu an cư cũng vậy.»

Bấy giờ có tỳ-kheo nhận lời mời tiền an cư của người, sau đó thấy có mạng nạn hoặc tịnh hạnh nạn, vị kia ý nghĩ, «Ta nên làm thế nào đây?» Vị ấy liền báo cáo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo ở nơi trú xứ hoặc thọ tiền an cư, hậu an cư mà thấy có mạng nạn, tịnh hạnh nạn, tỳ-kheo kia tự đến hoặc sai người tin cậy đến tin cho đàn-việt biết, yêu cầu dời chỗ. Nếu họ đồng ý thì tốt. Bằng không, vẫn cứ phải bỏ đi.»

---o0o---

CHƯƠNG IV - TỰ TỨ

1. Á pháp

[835c13] Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, hạ an cư nơi trú xứ nọ, suy nghĩ rằng, «Làm cách nào chúng ta sống an lạc, không vất vả vì sự ăn uống?» Rồi họ bảo nhau, «Chúng ta nên lập quy chế. An cư, không nói chuyện với nhau. Không lễ bái, hỏi chào nhau. Ai vào tụ lạc khất thực trước và về trước, thì dọn dẹp chỗ ngồi ăn, trải tọa cụ, sửa soạn đồ đựng nước, đồ rửa chân, đồ đựng thức ăn. Mỗi người tự đem thức ăn đến để chỗ ngồi ăn. Nếu ai nhận được thức ăn nhiều, trước hết nên sớt bớt để lại, nhận đủ thì ăn. Ăn xong, im lặng trở về phòng. Người kế tiếp vào tụ lạc khất thực; nhận được thức ăn rồi trở về, đem thức ăn đến chỗ ngồi ăn. Nhận được thức ăn nhiều thì trước hết nên sớt

bớt để lại, nhận đủ thì ăn. Nếu nhận được không đủ thì lấy thức ăn người trước để lại đó mà ăn. Ăn xong, im lặng trở về phòng. Người sau cùng vào xóm khất thực, được thức ăn mang về, đem đến chỗ ngồi ăn. Nếu nhận được thức ăn nhiều thì trước hết nên sớt bớt để lại. Nếu nhận đủ thì ăn. Nhận không đủ để ăn thì lấy thức ăn của người trước để lại đó mà ăn. Thức ăn dư thì cho người hành khất hoặc phi nhơn. Trường hợp không có người để cho thì đem bỏ chỗ đất sạch, không có cỏ, hoặc để nơi vũng nước không có trùng. Vị ấy dọn dẹp đồ đựng thức ăn để lại chỗ cũ, và ngọa cụ, đồ đựng nước, đồ rửa chân tọa cụ; tất cả đều để lại chỗ cũ. Dọn quét chỗ ngồi ăn. Nếu thấy [836a1] đồ đựng nước, đồ rửa chân trống không, thì đi xách. Nếu tự mình có thể khiêng trở về thì tốt. Bằng không, dùng tay ngoắt bạn để cùng khiêng về chỗ cũ. Rồi im lặng trở về phòng. Chứ không vì lí do nào mà nói bằng lời. Chúng ta lập quy chế như vậy, có thể sống an lạc, không vì sự ăn uống mà khổ sở.»

Các tỳ-kheo áp dụng quy chế trên trong thời gian an cư. Tự tứ xong, đến chỗ đức Phật trong Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn ủy lạo các tỳ-kheo:

«Các ông có an lạc chăng? Thức ăn uống có đủ chăng? Trụ chỉ có được hòa hợp chăng? Không vì thức ăn mà vất vả chăng?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Chúng con trụ chỉ được an lạc. Đồ ăn thức uống không thiếu thốn. Chúng con đều hòa hợp. Không vì đồ ăn thức uống mà phải khổ.»

Đức Phật hỏi các tỳ-kheo:

«Nhờ phương tiện nào mà các ông trụ chỉ được an lạc, giữa các ông hòa hợp, không vì đồ ăn thức uống mà phải khổ?»

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên trên bạch lên đức Phật một cách đầy đủ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các ông là những người si, tự cho đó là vui mà thật sự là khổ. Các ông là những người ngu si, tự cho đó là điều không tai hoạn, mà thật sự là đại hoạn. Các ông là những người ngu si, cùng ở với nhau như oan gia, như những con cừu. Tại sao vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện dạy bảo các tỳ-kheo, cùng dạy bảo nhau, cùng nhau trao đổi, giác ngộ cho nhau. Các ông là những người ngu si, đồng như ngoại đạo thọ pháp câm. Các ông không được làm theo pháp câm như vậy. Nếu làm theo pháp câm, phạm đột-kết-la.»[301]

---o0o---

2. Cầu thính

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nói như vầy: «Đức Phật dạy, 'Các tỳ-kheo phải cùng dạy bảo nhau, cùng nhau trao đổi, giác ngộ cho nhau.'» Họ liền cử tội tỳ-kheo thanh tịnh. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được vô cớ cử tội người vô tội. Nếu muốn cử tội tỳ-kheo hữu sự thì trước hết phải nói cho biết, để vị ấy cầu thính[302], sau đó mới cử.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nghe Phật dạy: «Trước hết phải nói cho biết, để vị ấy cầu thính, sau đó mới cử.» Tỳ-kheo thanh tịnh trước kia đến nhóm sáu tỳ-kheo cầu thính, nhóm sáu tỳ-kheo do hờn giận nên úp. Nay đến nhắc tỳ-kheo thanh tịnh cầu thính trở lại. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo thanh tịnh trước đó, không được đến nhóm sáu tỳ-kheo cầu thính. Nhóm sáu tỳ-kheo không được vì hờn mà lại đến bảo tỳ-kheo thanh tịnh cầu thính. Từ nay về sau cho phép người đủ năm pháp sau mới được cầu thính: Biết thời chứ không phi thời; như thật chứ không hư dối; có lợi chứ

không vô ích; dịu dàng chứ không thô lỗ; từ tâm chứ không sân hận.»

Nhóm sáu tỳ-kheo bản thân không có năm pháp. Các tỳ-kheo thanh tịnh thì đầy đủ năm pháp. Các vị ấy đến nhóm sáu tỳ-kheo bảo cầu thính, họ không chịu cầu thính. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép, khi tỳ-kheo đầy đủ năm pháp bảo cầu thính thì phải cầu thính.»

Nhóm sáu tỳ-kheo đến người cầu thính rồi bỏ đi; hoặc cho người khác cầu thính rồi lại lìa trú xứ. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được cầu thính nơi người được thính rồi lại bỏ đi, cũng không được cho người cầu thính rồi lại bỏ đi. Từ nay về sau, cho phép, đã hứa hẹn thì không được bỏ đi.»

Nhóm sáu tỳ-kheo hứa với người rồi tự ý bỏ đi, hoặc nhận lời hứa của người rồi cũng lại bỏ đi. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được hứa với người rồi tự ý bỏ đi. Không được nhận lời hứa của người rồi lại tự ý bỏ đi. Từ nay về sau cho phép an cư rồi tự tứ[303]. Cho phép tự tứ khỏi phải cầu thính. Tại sao vậy? Tự tứ tức là thính.»

---o0o---

3. Pháp thức tự tứ

1. Các tỳ-kheo nghĩ: ‹Phật cho phép các tỳ-kheo tự tứ.› Các tỳ-kheo đồng loạt tự tứ gây nên sự ồn ào. Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên đồng loạt tự tứ. Từ nay về sau cho phép tự tứ từng người một.»

Các tỳ-kheo không theo thứ tự mà tùy ý tự tứ khiến Thượng tọa mệt nhọc. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tùy ý tự tứ, mà phải tự tứ từ nơi Thượng tọa. Cho phép sai người thọ tự tứ bằng bạch nhị yết-ma. Người có năm pháp sau đây không được sai làm người thọ tự tứ: có ái, có nhuế, có bố, có si, không biết tự tứ rồi hay chưa. Người có năm pháp sau đây nên sai làm người thọ tự tứ: không ái, không nhuế, không bố, không si, biết người tự tứ rồi hay chưa. Pháp thức sai như sau: người đủ điều kiện là thượng tọa hoặc thứ tọa, tụng luật được hay không tụng luật được mà có khả năng bạch nhị yết-ma; dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ. Đây là lời tác bạch!

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng sai tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng sai tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận sai tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

2. Có các tỳ-kheo ngồi tại chỗ tự tứ. Các tỳ-kheo đem việc này bạch với Phật. Đức Phật dạy:

«Không được ngồi tại chỗ mà tự tứ. Phải rời chỗ ngồi, và quỳ để tự tứ.

Bấy giờ, Thượng tọa rời chỗ ngồi để tự tứ. Tất cả Tăng lại ngồi tại chỗ mà tự tứ. Đức Phật dạy:

«Nếu Thượng tọa rời chỗ ngồi và quỳ thì tất cả Tăng cũng phải rời chỗ ngồi và quỳ.»

Thượng tọa tự tứ rồi vẫn quỳ, chờ tất cả Tăng tự tứ xong. Thượng tọa bị mỏi mệt. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tự tứ xong, cho phép tùy ý ngồi.»

3. Nhóm sáu tỳ-kheo nghĩ: «Chúng ta lén nói tự tứ. Nếu không, tỳ-kheo kia hoặc có thể vì tác yết-ma ngăn ta tự tứ.» Các tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được có ý nghĩ lén nói tự tứ, sợ tỳ-kheo khác vì mình tác yết-ma hoặc ngăn mình tự tứ. Phải nói tự tứ một cách rõ ràng, đầy đủ, khiến cho người khác nghe được.»

Nhóm sáu tỳ-kheo có ý nghĩ: ‹Ta nên tự tứ nhanh. Nếu không, tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma ngăn tự tứ.› Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được có ý nghĩ, ta nên tự tứ nhanh; nếu không, tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn ta tự tứ. Từ nay về sau cho phép an cư rồi thong thả tự tứ.»

Nhóm sáu tỳ-kheo có ý nghĩ: ‹Ta nên nói tự tứ một lần. Nếu không, tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.› Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được có ý nghĩ: Ta nên nói tự tứ một lần. Nếu không, tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.»

Nhóm sáu tỳ-kheo tự nghĩ: ‹Ta phải nói lại tự tứ, sợ tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.› Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được có ý nghĩ: ta phải nói lại tự tứ, sợ tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ. Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo nói tự tứ ba lần.»

Nhóm sáu tỳ-kheo lật ngược y tự tứ, quấn y nơi cổ tự tứ, trùm trên đầu tự tứ, phủ cả hai vai tự tứ, mang giày dép tự

tứ, hoặc ngồi nơi đất tự tứ, hoặc [837a1] ngồi trên giường tự tứ. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được lật ngược y, quấn y nơi cổ, trùm trên đầu, phủ cả hai vai, mang giày dép, ngồi nơi đất, ngồi trên giường để tự tứ. Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, cùng quỳ chắp tay, tác bạch như sau:

«Hôm nay Đại đức chúng Tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... cũng tự tứ. Nếu thấy, nghe, nghi tôi có tội, xin Đại đức Trưởng lão thương xót chỉ bảo tôi. Nếu tôi thấy có tội sẽ như pháp sám hối.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, chấp tay trong thời gian lâu nên căn bệnh tăng thêm. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo bệnh với bất cứ hình thức nào mà thân được an, thì thọ tự tứ.»

4. Bấy giờ có trú xứ nọ, tỳ-kheo tự tứ, có tỳ-kheo ở ngoài thuyết giới đường. Các tỳ-kheo tự tứ rồi đi ra ngoài, tỳ-kheo ấy hỏi:

«Các trưởng lão đi đâu? Không tự tứ hay chăng?»

Các tỳ-kheo kia trả lời:

«Tôi tự tứ rồi. Thầy từ đâu đến?

Vị kia nói:

«Tôi ở ngoài thuyết giới đường.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, khi tự tứ không được ở ngoài thuyết giới đường. Tỳ-kheo ngồi gần nên biết vị ấy có đến hay không. Tác bạch trước rồi sau mới tự tứ.»

Văn tác bạch:

«Đại đức tăng, xin lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng tự tứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hợp tự tứ. Đây là lời tác bạch.»

Bạch như vậy rồi tự tứ.

Nhóm sáu tỳ-kheo tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp chúng, tự tứ pháp biệt chúng. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp chúng, tự tứ pháp biệt chúng.

«Có bốn loại tự tứ: tỳ-kheo tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp, tự tứ như pháp biệt chúng, tự tứ như pháp hòa hợp. Nếu tỳ-kheo tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp, tự tứ như pháp biệt chúng, như vậy là không thành tự tứ. Tự tứ như pháp hòa hợp là đúng pháp tự tứ. Đó là pháp tự tứ mà ta dạy.»

5. Bấy giờ, khi tự tứ, nơi trú xứ nọ, người tiền an cư, hậu an cư ở chung, không biết nên tự tứ theo tiền an cư hay hậu an cư. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tùy theo Thượng tọa ở nơi đó mà tự tứ. Thượng tọa có tiền an cư, có hậu an cư thì nên theo vị cựu trú mà tự tứ. Vị cựu trú cũng có tiền an cư, có hậu an cư thì nên theo số đông mà tự tứ.»

Các tỳ-kheo muốn tự tứ vào ngày mười bốn hay rằm. Đức Phật dạy:

«Cho phép tự tứ như vậy. Nếu nhà Vua có thay đổi ngày thì nên tùy theo đó.»

Các tỳ-kheo không biết nên tự tứ ngày hôm nay hay để ngày mai. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép vào bữa đại thực hay tiểu thực, Thượng tọa xướng: Hôm nay chúng Tăng tự tứ.»

Các tỳ-kheo không biết nên vào lúc nào. Đức Phật dạy:

«Cho phép báo hiệu bằng cách đánh kiền chùy hay thổi ốc, đánh trống, hay un khói, hoặc dựa theo bóng, xướng rằng: Giờ tự tứ đến!»

Nhóm sáu tỳ-kheo nghe Phật cho phép tự tứ liền ở trong phòng riêng cùng những vị đồng Hòa thượng, A-xà-lê quen biết, đồng học và ăn ý với nhau, riêng rẽ tác pháp tự tứ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được ở trong phòng riêng cùng những vị đồng Hòa thượng, A-xà-lê quen biết, đồng học và ăn ý với nhau riêng rẻ tác pháp biệt bộ tự tứ. Từ nay về sau hòa hợp lại một chỗ để tự tứ.»

Các tỳ-kheo lại không biết tự tứ ở chỗ nào, bạch Phật, Phật dạy:

«Cho phép tự tứ nơi thuyết giới đường.»

6. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo, ngày tự tứ, nơi chẳng phải thôn, a-lan-nhã, chỗ chưa kết giới, ngay trên đường đi, suy niệm: ‹Đức Phật dạy chúng ta hòa hợp tự tứ. Bây giờ chúng ta nên làm thế nào?› Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có số đông tỳ-kheo, đến ngày tự tứ, nơi chẳng phải phải thôn, a-lan-nhã, chỗ chưa kết giới, ngay trên lộ trình, nếu các tỳ-kheo hòa hợp được tự tứ là tốt, bằng không thể hòa hợp được, tùy theo đồng Hòa thượng, A-xà-lê, quen biết

đồng ý với nhau dời đến chỗ khác, kết tiểu giới để tác pháp tự tứ, bằng pháp bạch nhị yết-ma.» Pháp kết tiểu giới như sau:

Sai một vị có khả năng yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, hoặc tụng luật được hay không tụng luật được, miễn có khả năng yết-ma tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chỗ ngồi các tỳ-kheo vừa đủ kín. Trong vòng chỗ các tỳ-kheo ngồi đó, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng kết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chỗ ngồi các tỳ-kheo vừa đủ kín. Trong vòng chỗ các tỳ-kheo ngồi, Tăng kết tiểu giới nơi đây, các trưởng lão nào đồng ý trong giới hạn chỗ các tỳ-kheo ngồi, Tăng kết tiểu giới nơi đây, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý trong giới hạn chỗ tỳ-kheo ngồi, kết tiểu giới rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo bỏ đi mà không xả giới. Các tỳ-kheo không vui, liền đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được bỏ đi mà không xả giới, nên xả giới rồi sau đó mới đi.»

Pháp thức xả bằng bạch Nhị yết-ma như sau: sai một vị có khả năng hoặc thượng tọa hay thứ tọa, hoặc tụng luật được hay không, miễn có thể tác yết-ma, tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Trong vòng chỗ các tỳ-kheo ngồi, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng giải tiểu giới này, đây là lời tác bạch.

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Trong vòng chỗ các tỳ-kheo ngồi, Tăng giải tiểu giới nơi đây. Các trưởng lão nào đồng ý

trong giới hạn chỗ các tỳ-kheo ngồi, Tăng giải tiểu giới, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý trong giới hạn chỗ các tỳ-kheo ngồi, giải tiểu giới rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.» [304]

Bấy giờ, đến ngày tự tứ, trú xứ chỉ có một tỳ-kheo ở. Vị ấy nghĩ: ‹Đức Thế Tôn dạy hòa hợp một chỗ cùng nhau tự tứ. Nay ta nên làm thế nào?› Vị ấy liền bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Ngày tự tứ, trú xứ chỉ có một tỳ-kheo ở, vị kia nên đến chỗ thuyết giới lau quét, trải tọa cụ, chuẩn bị đồ đựng nước, đồ rửa chân, đốt đèn, sắp xá-la, chờ khách tỳ-kheo đến. Nếu khách tỳ-kheo đến năm người[305] hay hơn năm người thì nên tác bạch yết-ma, sai người thọ tự tứ.»

Nếu chỉ bốn người, thì cùng tự tứ lẫn nhau, nói: ‹Hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi tỳ-kheo tên là... cũng thanh tịnh tự tứ.› Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Nếu có ba người, hai người cũng tự tứ như vậy. Nếu có một người thì tâm niệm, miệng nói: [838a1] ‹Hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi tỳ-kheo tên là... cũng thanh tịnh tự tứ.› Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Nếu có năm người, một người thọ dục, thì không được bạch yết-ma sai người thọ tự tứ. Nếu có bốn người, không được nhận dục của người thứ năm[306], lại cùng tương hỗ tự tứ[307]. Nếu có ba người, không được nhận dục của người thứ tư[308], lại cùng tương hỗ tự tứ. Nếu có hai người không được nhận dục của người thứ ba, ngoài ra hai người lại cùng tương hỗ tự tứ. Nếu có một người không được nhận dục của người thứ hai để tâm niệm tự tứ.

---o0o---

4. Chúc thọ tự tứ

Bấy giờ, đến ngày tự tứ, chúng Tăng tập hợp để tự tứ, đức Phật bảo, «Các tỳ-kheo hãy tĩnh lặng, hôm nay chúng Tăng tự tứ.» Các tỳ-kheo khác bạch Phật: «Có tỳ-kheo bệnh không đến được.» Đức Phật dạy:

«Cho phép gởi tự tứ, cho phép chúc thọ tự tứ.»

Người bệnh gởi dục như sau: ‹Tôi gởi tự tứ cho thầy.› Hoặc nói: ‹Tôi xin nói với thầy tự tứ.› Hoặc nói: ‹Xin thầy nói tự tứ giùm tôi.› Hoặc dùng thân cử động để ra dấu hiệu tự tứ, hoặc nói đầy đủ việc tự tứ. Như vậy gọi là gởi tự tứ. Nếu không cử động thân hoặc không nói bằng lời thì không thành gởi tự tứ, nên gởi tự tứ lại.

Tỳ-kheo chúc thọ đến chỗ người bệnh rồi mạng chung, hoặc ra khỏi giới, hoặc thôi tu, đến nơi trú xứ ngoại đạo, hoặc hùa vào với đồng bọn phá Tăng, hay đến trên giới trường, hay khi dấu hiệu bình minh xuất hiện, hoặc tự nói phạm biên tội, hoặc phạm tỳ-kheo-ni, hoặc vào đạo với tặc tâm, hoặc từ ngoại đạo trở lại, hoặc huỳnh môn, hoặc giết cha mẹ, hoặc giết A-la-hán, hoặc phá Tăng, hoặc với ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc là phi nhơn, hoặc là súc sanh, hoặc hai căn, hoặc bị người cử, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng diệt tẫn. Nếu gởi cho những hạng người như vậy thì không thành chúc thọ tự tứ, nên gởi lại người khác.

Hoặc trên đường đi, hoặc đến trong Tăng có sự việc như vầy phát sinh: bị Tăng tác yết-ma bất kiến tội, hoặc tác yết-ma không sám hối tội, hoặc tác yết-ma không xả ác kiến; thì không thành chúc thọ tự tứ. Nên gởi lại cho người khác.

Nếu (người nhận chúc thọ) vì ngủ mà quên nói; hoặc nhập định; hoặc nhầm lẫn quên; hoặc không cố ý làm; đến chỗ tự tứ thì vẫn gọi là vì chúc thọ tự tứ mà đến.

Nếu (người nhận chúc thọ) cố ý không nói, phạm đột-kết-la.

(Đối với người bệnh) nếu có thể làm (những việc như trên) như vậy thì tốt, bằng không thể làm được thì vị kia nên dìu người bệnh đi, hay dùng giường dây, giường cây, hoặc xếp y lại khiêng đến chỗ tự tứ. Nếu tỳ-kheo kia nghĩ rằng, chúng ta dìu đến sợ bệnh càng tăng, hoặc có thể đưa đến sự chết, thì chúng Tăng nên đến hết nơi chỗ người bệnh để tác yết-ma tự tứ. Nếu có nhiều tỳ-kheo bệnh tập trung lại một chỗ thì tốt, bằng không thì các tỳ-kheo nên ra ngoài giới để tác yết-ma tự tứ, chứ không được biệt chúng tự tứ.

Có tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ rồi mạng chung, hoặc thôi tu, hoặc đến trên giới trường, hoặc khi dấu hiệu bình minh xuất hiện. Các tỳ-kheo nghĩ: «Như vậy có mất chúc thọ tự tứ hay không?» Đức Phật dạy: «Mất.»

Có tỳ-kheo chúc thọ tự tứ rồi, trên đường đi bị trở ngại, bị nạn giặc, hổ lang, sư tử, nước lụt, trong cương giới đường bị đứt không thể đến, mang chúc thọ tự tứ đến ngoài giới. Các tỳ-kheo nghĩ: «Có mất chúc thọ tự tứ hay không ?» Đức Phật dạy:

«Không mất.»[309]

«Từ nay về sau, tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ, gặp phải mạng nạn, phạm hạnh nạn, trong cương giới không có đường đi, cho phép từ ngoài giới mang chúc thọ tự tứ đến, trường hợp đó Ta nói không mất chúc thọ.»

Các tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ của một người, e ngại không dám nhận chúc thọ tự tứ người thứ hai, bèn đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Tỳ-kheo nhận hai người chúc thọ tự tứ, e ngại không dám nhận chúc thọ tự tứ người thứ ba, bèn đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Tỳ-kheo nhận ba người chúc thọ tự tứ, e ngại không dám nhận bốn người chúc thọ tự tứ, liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận nhiều hay ít theo khả năng có thể nhớ được tên. Nếu nhớ hết được tên thì nói tên, bằng không nhớ hết tên thì nói họ, hoặc nói tướng mạo, hoặc nói ‹Tôi nhận một số đông tỳ-kheo chúc thọ tự tứ, các vị ấy, Tăng sự như pháp xin gởi dục nói tự tứ.»

Tỳ-kheo tuổi nhỏ không biết tự tứ, báo cáo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy vẻ. Nếu dạy mà họ ưa quên không nhớ, nên khiến người thọ tự tứ dạy. Nếu họ vẫn quên, nên đọc từng câu một.»

Tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ rồi, có công việc xảy đến. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép chuyển dục cho các người khác như sau: ‹Tôi đã nhận chúc thọ tự tứ cho số đông Tỳ-kheo. Nay tôi bận việc, tôi gởi dục cho các vị kia và tôi gởi luôn dục của tôi. Tăng sự như pháp gởi dục nói tự tứ.›»

Tỳ-kheo kia gởi dục rồi, công việc xong, trở về. E ngại rằng, tôi đã chuyển chúc thọ tự tứ rồi, không biết nên như thế nào. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Việc xong nên đến. Không đến, như pháp trị.»

---o0o---

5. Phá tự tứ

Nhóm sáu tỳ-kheo có ý nghĩ: ‹Ta không nên đến chỗ tự tứ. Vì ta sợ bị tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.›[310] Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được nói có ý nghĩ: ‹Ta không nên đến chỗ tự tứ, sợ các tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.›»

Nếu vì tri thức thân hậu không đến chỗ tự tứ cũng như vậy.

Nhóm sáu tỳ-kheo có ý nghĩ: ‹Ta đến chỗ tự tứ nhưng không ngồi, sợ các tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.› Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được nói có ý nghĩ: đến chỗ tự tứ nhưng không ngồi, sợ các tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.»

Nếu vì tri thức quen biết cũng như vậy.

Có vị tự nghĩ: ‹Nếu ta đến đó nhưng không nói tự tứ, sợ các tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.› Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được nói có ý nghĩ: ta đến đó nhưng không nói tự tứ, sợ các tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.»

Nếu vì tri thức thân hậu cũng như vậy.

Bấy giờ, ngày tự tứ đến, có trú xứ nọ chúng Tăng hòa hợp, chuẩn bị tự tứ, nghe có giặc đến; sợ hãi nên rời chỗ ngồi bỏ đi, không tự tứ. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có tám nạn và sự xảy đến thì cho phép nói lược tự tứ. Trong đó, Tám nạn là: nạn Vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn bệnh, nạn người, nạn phi nhơn, nạn độc trùng.

Trong đó, sự là, chúng Tăng đông mà chỗ ngồi chật hẹp, hoặc nhiều vị bị bệnh thì nên nói lược tự tứ. Nếu chúng Tăng đông mà phòng xá nhỏ, hoặc trời mưa thì nên nói lược tự tứ. Hoặc bố-tát mà đêm đi qua đã lâu, hoặc có sự đấu tranh, hoặc luận bàn A-tỳ-đàm, hay đoán sự Tỳ-ni, thuyết pháp,

hoặc đã lâu chúng Tăng chưa đứng dậy, tướng bình minh chưa xuất hiện thì nên yết-ma tự tứ.

Nhận sự chúc thọ của người khác, không được để đến tướng bình minh xuất hiện. Nếu đến khi tướng bình minh xuất hiện thì không được yết-ma tự tứ.

Các tỳ-kheo có ý nghĩ và nói như vầy: ‹Vì nạn sự nên nói lược tự tứ.› Nếu nạn sự còn xa, chúng ta có đủ thì giờ để nói tự tứ đầy đủ, thì các tỳ-kheo nên nói tự tứ đầy đủ. Nếu không nói tự tứ đầy đủ thì sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo lại nói như vầy: ‹Vì nạn sự nên lược nói tự tứ.› Nay nạn sự không còn xa. Ta không nói đủ tam ngữ tự tứ được nên chỉ nói hai lần tự tứ, thì tỳ-kheo nên nói hai lần tự tứ. Nếu không tái thuyết tự tứ thì sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo lại nói: ‹Vì nạn sự nên lược nói tự tứ.› Nay nạn sự đã gần kề, không đủ thì giờ để nói hai lần tự tứ được. Có thể chỉ nói một lần tự tứ, thì tỳ-kheo nên nói một lần tự tứ. Nếu không nói sẽ như pháp trị.

Các tỳ-kheo lại nói: ‹Vì nạn sự nên lược nói tự tứ.› Nạn sự quá gần, không đủ thì giờ nói một lần tự tứ. Chúng ta có thể đủ thì giờ tất cả đồng loạt nói tam ngữ tự tứ. Trường hợp này văn tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đồng loạt nói tam ngữ tự tứ. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi đồng loạt nói tam ngữ tự tứ.

Nói lại; nói một lần, cũng vậy.

Các tỳ-kheo lại nói: ‹Vì nạn sự nên đồng loạt nói tam ngữ tự tứ.› Nạn sự gần, không thể nói đồng loạt tam ngữ tự tứ, cũng không thể tác bạch. Tỳ-kheo vì nạn sự này nên ra đi.

---o0o---

6. Già tự tứ

Bấy giờ có trú xứ, tỳ-kheo phạm tăng tàn, vị kia không biết nên làm thế nào, nên báo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo nơi trú xứ nào đó có phạm tăng tàn, tỳ-kheo đó cần được cho phú tàng thì phải trao phú tàng. Trao yết-ma phú tàng rồi mới tự tứ. Cần trao cho bổn nhật trị thì phải trao bổn nhật trị. Trao yết-ma bổn nhật trị rồi mới tự tứ. Cần trao ma-na-đỏa thì phải trao ma-na-đỏa. Trao yết-ma ma-na-đỏa rồi mới tự tứ. Cần trao pháp xuất tội thì phải trao pháp xuất tội. Trao yết-ma xuất tội rồi mới tự tứ.

Bấy giờ, đến ngày tự tứ, một trú xứ nọ có tỳ-kheo phạm ba-dật-đề. Có vị nói phạm ba-dật-đề; có vị nói phạm ba-la-đề-đề-xá-ni. Các tỳ-kheo ở đó nói, ‹Chúng ta nên như thế nào?› Liền báo cáo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ngày tự tứ, trú xứ nào đó có tỳ-kheo phạm ba-dật-đề. Tỳ-kheo nơi đó hoặc nói phạm ba-dật-đề, hoặc nói phạm ba-la-đề-đề-xá-ni. Nếu biết vị ấy phạm ba-dật-đề thì nên đưa người này đến một nơi, khiến người nói phạm ba-la-đề-đề-xá-ni ở chỗ mắt thấy tai không nghe, hướng dẫn tỳ-kheo phạm sám hối. Rồi đến chỗ tỳ-kheo nói phạm ba-la-đề-đề-xá-ni nói: ‹Tỳ-kheo phạm tội, tôi đã bảo sám hối rồi.› Nên phương tiện tác pháp như vậy rồi tự tứ.

Bấy giờ, ngày tự tứ, trú xứ nọ có tỳ-kheo phạm thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo, vị thì nói phạm thâu-lan-giá, vị thì nói phạm ba-la-di. Những vị nói phạm thâu-lan-giá đều là hàng đa văn, thông suốt A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, thuộc hạng tỳ-kheo được nhiều người biết đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc Vua, hoặc đại thần, hoặc các hàng ngoại đạo sa-môn phạm chí. Tỳ-kheo nói phạm ba-la-di cũng là hàng đa văn, thông A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, lại

cũng thuộc hạng nhiều tri thức đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni...*cho đến* sa-môn phạm chí. Các tỳ-kheo nói, ‹Nếu tự tứ hôm nay, có thể chúng Tăng có sự tranh cãi. Có thể Tăng bị vỡ. Hoặc sanh ra trần cấu ô nhiễm cho Tăng, khiến chúng Tăng chia rẽ. Vậy chúng ta nên làm thế nào?› Họ liền báo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ngày tự tứ, trú xứ nào đó có tỳ-kheo phạm thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo, người thì nói phạm thâu-lan-giá, kẻ thì nói phạm ba-la-di. Tỳ-kheo nói phạm thâu-lan-giá là hạng đa văn, thông A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, được nhiều người biết đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc Vua, hoặc đại thần, hoặc các hàng ngoại đạo sa-môn, phạm chí. Tỳ-kheo nói phạm ba-la-di cũng thuộc về hàng đa văn, thông A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, nhiều tri thức với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni... *cho đến* sa-môn phạm chí. Các tỳ-kheo nói, ‹Nếu tự tứ hôm nay, có thể chúng Tăng có sự tranh cãi. Có thể Tăng bị vỡ. Hoặc sanh ra trần cấu ô nhiễm cho Tăng, khiến chúng Tăng chia rẽ.› Nếu sợ Tăng bị vỡ thì không nên tự tứ liền ngày hôm đó mà nên đình lại thời gian rồi sẽ tự tứ.»

Khi tự tứ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Phật cho phép ngăn tự tứ, liền ngăn tỳ-kheo thanh tịnh không cho tự tứ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được ngăn tỳ-kheo thanh tịnh tự tứ. Nếu ngăn thì giống như không ngăn. Nếu ngăn mà không có căn cứ, không tác nhân[311], đó gọi là không ngăn tự tứ. Nếu ngăn có căn cứ, có tác nhân, đó mới gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn không căn cứ, không tác nhân hữu dư[312], đó không gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn có căn cứ, có tác nhân hữu dư[313], đó gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn không căn cứ, không tác nhân vô dư, đó không gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn có căn cứ, có tác nhân vô dư, đó gọi là ngăn tự tứ.

Nếu ngăn khi chưa nói tam ngữ tự tứ, gọi là không ngăn tự tứ. Nói tam ngữ tự tứ rồi mà ngăn tự tứ, cũng không gọi là

ngăn tự tứ. Ngay khi nói tam ngữ tự tứ nếu ngăn tự tứ mới gọi là ngăn tự tứ. Nói một lần, nói hai lần, cũng như vậy.

Người ngăn tự tứ, nếu thân nghiệp mà không thanh tịnh, khẩu không thanh tịnh, ý nghiệp không thanh tịnh, không có trí, không phân minh, không biết hỏi, không biết trả lời. Các tỳ-kheo nên nói với tỳ-kheo này: ‹Thôi đi, trưởng lão khỏi phải khởi lên việc tranh cãi.› Rồi không nghe theo tỳ-kheo đó, mà nên tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ mà thân nghiệp thanh tịnh, nhưng khẩu, ý nghiệp không thanh tịnh, không có trí, không phân minh, không biết hỏi, không biết trả lời. Các tỳ-kheo nên nói với tỳ-kheo này rằng: ‹Thôi đi, trưởng lão khỏi phải khởi lên việc tranh cãi.› Rồi không nghe theo tỳ-kheo đó, mà nên tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ mà thân, khuẩu nghiệp thanh tịnh, nhưng ý nghiệp không thanh tịnh, không có trí, không phân minh, không biết hỏi, không biết trả lời, thì các tỳ-kheo nên nói với tỳ-kheo này rằng: ‹Thôi đi, trưởng lão khỏi phải khởi lên việc tranh cãi.› Rồi không nghe theo tỳ-kheo đó, mà nên tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ mà thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, có trí, phân minh, có khả năng hỏi và trả lời, thì các tỳ-kheo nên hỏi tỳ-kheo này rằng: ‹Vì sao mà thầy ngăn tỳ-kheo này tự tứ? Vì phạm giới nên thầy ngăn? Hay vì phá kiến mà ngăn? Hay vì thầy này phá oai nghi mà thầy ngăn?› Nếu vị kia trả lời: ‹Vì phá giới cho nên ngăn› thì nên hỏi phạm những giới nào? Nếu nói phạm ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá, đó gọi là phạm giới. Nếu nói không vì phá giới mà ngăn mà vì phá kiến nên ngăn thì nên hỏi: ‹Phá kiến nào?› Nếu nói sáu mươi hai kiến, các tà kiến, đó gọi là phá kiến.

Nếu nói không vì phá kiến mà ngăn, mà vì phá oai nghi nên ngăn thì hỏi: ‹Phá oai nghi nào?› Nếu nói phạm ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kết-la, ác thuyết, đó gọi là phá oai

nghi. Nên hỏi thêm: ‹Do sự[314] gì mà ngăn người khác tự tứ ? Vì thấy, nghe hay nghi mà ngăn?›

Nếu trả lời vì thấy thì nên hỏi: ‹Thấy việc gì? Thấy như thế nào? Bởi nguyên nhân nào mà thấy? Tỳ-kheo kia lại vì nguyên nhân gì khiến cho thầy thấy? Thầy [840a1] ở tại chỗ nào? Thầy kia ở tại chỗ nào? Thấy việc gì mà nói là phạm ba-la-di, tăng tàn, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kết-la, ác thuyết?›

Nếu nói không thấy, nhưng do nghe thì nên hỏi: ‹Nghe việc gì? Nghe như thế nào? Nghe từ ai? Nghe từ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di? Nghe phạm việc gì: ba-la-di, tăng tàn, cho đến ác thuyết chăng?›

Nếu nói không nghe mà do nghi, thì hỏi: ‹Nghi việc gì? Nghi như thế nào? Nghe từ ai mà sanh nghi: từ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di chăng? Nghi việc gì: ba-la-di, tăng tàn... cho đến ác thuyết chăng?›

Nếu người ngăn tự tứ không thể trả lời. Nếu người ấy có trí mà dùng ba-la-di để ngăn thì phải trao cho người ấy tội tăng tàn[315], rồi Tăng mới tự tứ. Nếu vị dùng tội tăng tàn để ngăn, thì phải trao cho tội ba-dật-đề[316], rồi Tăng mới tự tứ. Nếu người ấy dùng tội ba-dật-đề để ngăn thì phải trao cho các tội khác[317], rồi Tăng mới tự tứ. Nếu người ấy dùng các tội khác để ngăn thì nên như pháp trị, rồi Tăng mới tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ có trí, có thể trả lời. Nếu ngăn vì phạm ba-la-di thì nên diệt tẫn[318],rồi Tăng tự tứ. Nếu ngăn vì phạm tăng tàn, thì nên trao cho ba-lợi-bà-sa hay bổn nhật trị, hoặc ma-na-đỏa, hay xuất tội, rồi tự tứ. Nếu ngăn vì phạm ba-dật-đề, thì cho sám hối, rồi tự tứ. Nếu dùng các việc khác để ngăn thì nên như pháp trị rồi tự tứ[319].

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày tự tứ, tỳ-kheo bệnh ngăn tỳ-kheo bệnh tự tứ. Vị kia không biết làm thế nào, liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có trú xứ nào, ngày tự tứ, tỳ-kheo bệnh ngăn tỳ-kheo bệnh tự tứ, thì tỳ-kheo kia nói với tỳ-kheo này rằng, đức Phật dạy như vầy: ‹Hiện đang bệnh, không được ngăn. Phải đợi bệnh lành đã. Trưởng lão nên nói như pháp. Vị kia cũng sẽ nói như pháp.› Tác pháp như vậy rồi sau đó tự tứ.»

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày tự tứ, tỳ-kheo bệnh ngăn tỳ-kheo không bệnh tự tứ. Tỳ-kheo kia nên nói với tỳ-kheo này rằng: ‹Này trưởng lão, đức Phật có nói như vầy: ‘Phải đợi bệnh lành đã. Ngài nên nói như pháp. Vị kia cũng nói như pháp.’› Tác pháp như vậy rồi, sau đó tự tứ.

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày tự tứ, tỳ-kheo không bệnh ngăn tỳ-kheo bệnh tự tứ. Tỳ-kheo kia nên nói với tỳ-kheo này rằng,: ‹Đức Phật dạy như vầy: ‘Phải đợi bệnh lành đã. Trưởng lão nên nói như pháp. Vị kia cũng nói như pháp.’› Tác pháp như vậy rồi, sau đó tự tứ.

---o0o---

7. Hạn kỳ tự tứ

1. Bấy giờ, có trú xứ, có số đông tỳ-kheo an cư tinh tấn tu hành chứng đặng tăng thượng quả, quý vị khởi ý nghĩ: «Hôm nay chúng ta tự tứ. Nếu di chuyển đến các trú xứ khác, sợ không được pháp lạc như vầy. Chúng ta nên làm thế nào?» Các vị liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu trú xứ có số đông tỳ-kheo an cư tinh tấn tu hành chứng đặng tăng thượng quả. Các tỳ-kheo có ý nghĩ: ‹Hôm nay chúng ta tự tứ. Nếu di chuyển đến các trú xứ khác, sợ không được pháp lạc như vầy.› Các tỳ-kheo nên tác bạch tăng ích tự tứ.»

Văn tác bạch như sau:

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hôm nay không tự tứ. Đủ bốn tháng sẽ tự tứ. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy rồi sau đó đủ bốn tháng mới tự tứ.

2. Bấy giờ có trú xứ, có số đông tỳ-kheo cùng sống với nhau. Ngày tự tứ, các tỳ-kheo nghe các tỳ-kheo nơi trú xứ kia đấu tranh không hòa hợp, muốn đến nơi đây tự tứ[320]. Các vị không biết làm thế nào, liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu trú xứ nào có số đông tỳ-kheo cùng sống với nhau, ngày tự tứ, nghe các tỳ-kheo trú xứ khác đấu tranh không hòa hợp, muốn đến đây tự tứ, thì tỳ-kheo kia nên tự tứ trước hai, ba ngày. Nếu tự tứ vào ngày mười lăm thì nên tự tứ ngày mười bốn. Nếu ngày mười bốn tự tứ thì nên tự tứ ngày mười ba. Nếu nghe họ đến vào ngày hôm nay thì nên tập Tăng tự tứ gấp. Nếu nghe họ đã đến trong giới thì nên ra ngoài giới tự tứ. Nếu nghe họ đã đến trong chùa thì nên sửa soạn nước rửa, nước tắm, ghế ngồi tắm, bình tắm, dụng cụ cào đất, đồ đựng bùn, tháo đậu, dược thảo, rồi bạch Thượng tọa nhen lửa, thỉnh Tăng vào nhà để tắm. Các cựu Tăng tỳ-kheo nên kín đáo từ nhà tắm mọi người ra ngoài giới tự tứ. Nếu khách tỳ-kheo kêu bảo tự tứ thì nên trả lời: ‹Chúng tôi tự tứ rồi.› Nếu cựu tỳ-kheo tự tứ rồi, khách tỳ-kheo ngăn tự tứ thì không được ngăn[321]. Khi khách tỳ-kheo đang tự tứ, cựu tỳ-kheo ngăn thì được ngăn. Nếu có thể tạo phương tiện như vậy để tác pháp thì tốt, bằng không tỳ-kheo kia nên tác bạch tăng thượng tự tứ[322]. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hôm nay Tăng không tự tứ, đến ngày thứ mười lăm không trăng sẽ tự tứ. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch tăng thượng tự tứ như vậy. Nếu khách tỳ-kheo ở cho đến ngày thứ mười lăm không trăng, cựu tỳ-kheo nên tác bạch tăng thượng tự tứ lần thứ hai. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hôm nay Tăng không tự tứ, đến ngày thứ mười lăm có trăng sau sẽ tự tứ. Đây là lời tác bạch.»

Nếu tác bạch tăng thượng tự tứ lần thứ hai như vậy mà khách tỳ-kheo không đi, cựu tỳ-kheo nên như pháp, như luật cưỡng hòa hợp tự tứ.

3. Bấy giờ có trú xứ, đến ngày tự tứ, khi tự tứ không biết tội, không biết người. Tự tứ rồi biết tội biết người. Các tỳ-kheo kia tự nghĩ, chúng ta nên làm thế nào? Các vị liền báo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trú xứ nào, khi tự tứ không biết tội, không biết người, tự tứ rồi biết tội biết người; nếu tự tứ rồi, không được đem những việc đã qua của người cử tội lại.»

Trú xứ nào, khi tự tứ không biết tội, biết người. Tự tứ rồi biết tội, biết người. Nếu tự tứ rồi, thì không được đem những việc trước của người mà cử tội lại.

«Trú xứ nào, khi tự tứ có biết tội, không biết người. Tự tứ rồi biết tội, biết người. Nếu tự tứ rồi thì không được đem những việc trước của người cử tội lại.

4. Có trú xứ, ngày tự tứ của khách tỳ-kheo đến là ngày mười bốn, còn cựu tỳ-kheo ngày mười lăm. Các tỳ-kheo không biết nên thế nào, nên báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Nếu có trú xứ nào, ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến với số lượng ít. Khách tỳ-kheo ngày mười bốn (tự tứ), cựu tỳ-kheo ngày mười lăm. Khách tỳ-kheo nên tùy theo. Không theo, nên như pháp trị.

Có trú xứ khi tự tứ, khách tỳ-kheo đến với số lượng bằng nhau cựu Tỳ-kheo. Khách tỳ-kheo ngày mười bốn tự tứ, cựu tỳ-kheo ngày mười lăm. Khách tỳ-kheo bằng nhau đó nên theo cựu Tỳ-kheo. Không theo, sẽ như pháp trị.

Khi tự tứ, có trú xứ, khách tỳ-kheo đến đông. Khách tỳ-kheo thì ngày mười bốn tự tứ, còn cựu tỳ-kheo ngày mười lăm. Cựu tỳ-kheo ít, nên cùng khách tỳ-kheo cầu hòa hợp. Nếu cùng hòa hợp thì tốt. Bằng không hòa hợp, cựu tỳ-kheo nên ra ngoài giới tự tứ.

Ngày tự tứ, [841a1] có trú xứ, khách tỳ-kheo đến ít. Khách tỳ-kheo ngày mười lăm, cựu tỳ-kheo ngày mười bốn. Khách tỳ-kheo đến ít nên theo cựu tỳ-kheo cầu hòa hợp, nếu cùng hòa hợp thì tốt, bằng không, khách tỳ-kheo nên ra ngoài giới tự tứ.

Ngày tự tứ, có trú xứ, khách tỳ-kheo đến số lượng bằng cựu tỳ-kheo. Khách tỳ-kheo ngày mười lăm, cựu tỳ-kheo ngày mười bốn. Khách tỳ-kheo bằng nên theo cựu tỳ-kheo cầu hòa hợp, cùng hòa hợp thì tốt, bằng không, khách tỳ-kheo nên ra ngoài giới tự tứ.

Ngày tự tứ, có trú xứ, khách tỳ-kheo đến nhiều. Khách tỳ-kheo ngày mười lăm, cựu tỳ-kheo ngày mười bốn. Cựu tỳ-kheo ít nên theo khách tỳ-kheo cầu hòa hợp, theo được thì tốt, bằng không, như pháp trị. Khách tỳ-kheo ngày mười sáu, cựu tỳ-kheo ngày mười lăm cũng như vậy.

5. Ngày tự tứ, có trú xứ cựu tỳ-kheo tập hợp muốn tự tứ. Khi tự tứ, khách tỳ-kheo đến. Tỳ-kheo kia nghĩ: chúng ta nên làm thế nào? Họ liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Nếu ngày tự tứ, trú xứ nào cựu tỳ-kheo tập hợp muốn tự tứ. Khi tự tứ, khách tỳ-kheo đến ít. Khách tỳ-kheo nếu là cấp thượng tọa thì tùy theo cấp thượng tọa mà thứ tự tự tứ. Nếu cấp hạ tọa thì theo cấp hạ tọa mà thứ tự tự tứ. Nếu đã nói tự tứ xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo đến với số ít, nên công bố sự thanh tịnh. Nếu không công bố thì sẽ như pháp trị.

«Ngày tự tứ, cựu tỳ-kheo muốn tự tứ. Có khách tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng, cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không tự tứ, sẽ như pháp trị. Tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay hầu hết chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng, cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị[323].

«Ngày tự tứ, trú xứ cựu tỳ-kheo sắp sửa tự tứ, khách tỳ-kheo đến với số nhiều. Cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại, nếu không tự tứ sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo đến với số lượng nhiều, cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.

Trú xứ nào ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đang ngồi sắp sửa tự tứ, cựu tỳ-kheo đến với số ít. Nếu cựu tỳ-kheo là hàng Thượng tọa thì theo chỗ hàng Thượng tọa tự tứ. Nếu là hạ tọa theo chỗ của hạ tọa tự tứ. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số ít, nên nói thanh tịnh tự tứ. Nếu không nói, sẽ như pháp trị.

Trú xứ nào ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đang ngồi sắp sửa tự tứ, cựu tỳ-kheo đến với số lượng bằng nhau. Khách tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng bằng, khách tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.

Trú xứ nào ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đang ngồi sắp tự tứ, cựu tỳ-kheo đến với số nhiều. Khách tỳ-kheo nên tự tứ lại. Không tự tứ, sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số nhiều. Khách tỳ-kheo nên tự tứ lại. Không vậy, sẽ như pháp trị.

Cựu tỳ-kheo tự tứ, cựu tỳ-kheo đến cũng như vậy. Khách tỳ-kheo tự tứ, khách tỳ-kheo đến cũng như vậy.

---o0o---

8. Khách tự tự

1. Có một trú xứ, ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến. Khách tỳ-kheo biết cựu tỳ-kheo chưa đến, nói: «Chúng ta có năm người, hoặc hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.» Bèn tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cựu tỳ-kheo đến. Khách tỳ-kheo nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Họ liền báo với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ngày tự tứ trú xứ nào có khách tỳ-kheo đến. Khách tỳ-kheo biết có cựu tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: ‹Chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.› Vị ấy liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cựu tỳ-kheo đến với số ít. Cựu tỳ-kheo là hàng thượng tọa thì tỳ-kheo theo thứ tự của thượng tọa tự tứ. Hạ tọa theo thứ tự của hạ tọa tự tứ. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay hầu hết chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ít. Cựu tỳ-kheo nên nói thanh tịnh tự tứ. Nếu không, sẽ như pháp trị.

«Trú xứ nào ngày tự tứ khách tỳ-kheo đến, khách tỳ-kheo biết cựu tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: ‹Chúng ta có năm người hay hơn năm người có thể tác yết-ma tự tứ.› Họ liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cựu tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng. Khách tỳ-kheo nên tự tứ lại, nếu không sẽ như pháp trị. Tự tứ rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hay phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số lượng bằng, khách tỳ-kheo nên tự tứ lại, nếu không sẽ như pháp trị.

«Trú xứ nào, ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến. Khách tỳ-kheo biết cựu tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: ‹Nếu chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể cùng tác yết-ma tự tứ.› Các vị ấy liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ,

cựu tỳ-kheo đến với số lượng nhiều. Khách tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc hầu hết chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo đến với số đông, khách tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị.

«Trú xứ nào, ngày tự tứ, cựu tỳ-kheo đến. Cựu tỳ-kheo biết khách tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: ‹Nếu chúng ta có năm người hay hơn năm người có thể tác yết-ma tự tứ.› Khi tác yết-ma tự tứ, khách tỳ-kheo đến với số lượng ít. Khách tỳ-kheo cấp Thượng tọa thì theo cấp Thượng tọa mà tự tứ, hạ tọa thì theo thứ tự hạ tọa tự tứ. Nếu tự tứ rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo đến với số ít, nên nói thanh tịnh tự tứ, nếu không nói sẽ như pháp trị.

«Trú xứ nào ngày tự tứ, cựu tỳ-kheo đến. Cựu tỳ-kheo biết khách tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: ‹Nếu chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.› Khi tác yết-ma tự tứ, khách tỳ-kheo đến với số lượng bằng. Cựu tỳ-kheo nên tác pháp tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị. Tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay hầu hết chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị.

«Trú xứ nào ngày tự tứ, cựu tỳ-kheo đến. Cựu tỳ-kheo biết khách tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: ‹Nếu chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.› Khi tác yết-ma tự tứ, khách tỳ-kheo đến với số lượng đông hơn, cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hay số đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách tỳ-kheo đến với số lượng nhiều hơn, cựu tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.

«Khách tỳ-kheo tự tứ, khách tỳ-kheo đến cũng như vậy. Cựu tỳ-kheo tự tứ, cựu tỳ-kheo đến cũng như vậy.»

2. Hoặc nói nên tự tứ[324], hoặc nói không nên tự tứ. Nếu có người không đến, bèn nói rằng, ‹Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!› Muốn làm mọi phương tiện, để phá hoại người khác, bèn tác yết-ma tự tứ. Nếu kia tác yết-ma, tỳ-kheo kia không thành tựu pháp tác yết-ma, mắc tội thâu-lan-giá.

Bấy giờ là ngày tự tứ, nếu khách tỳ-kheo đến [842a1] thấy dấu hiệu của cựu tỳ-kheo như treo giường dây, trải giường cây, phu cụ, nệm lông, gối, chỗ rửa chân. Thấy dấu hiệu rồi, không tìm kiếm, bèn tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cựu tỳ-kheo đến. Khách tỳ-kheo tự nghĩ: ‹Ta nên làm thế nào?› Các vị ấy liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ngày tự tứ, có khách tỳ-kheo đến, thấy có dấu hiệu của cựu trú tỳ-kheo như treo giường dây, trải giường cây, phu cụ, nệm lông, gối, chỗ rửa chân. Thấy có dấu hiệu mà không tìm kiếm liền tác yết-ma tự tứ. Nếu tác yết-ma tự tứ như vậy, thì không thành yết-ma tự tứ, lại có tội.

«Thấy dấu hiệu rồi tìm kiếm. Tìm mà không được, nên kêu. Nếu không kêu mà tác yết-ma tự tứ, không thành yết-ma tự tứ, lại có tội.

«Thấy có dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm không được, bèn nói: ‹Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!› Dùng nhiều phương tiện muốn phá hoại người khác, bèn tác yết-ma tự tứ. Sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia không thành tựu, mắc thâu-lan-giá.

«Thấy dấu hiệu liền tìm. Tìm không được, bèn kêu. Kêu rồi tác yết-ma tự tứ. Sự yết-ma của tỳ-kheo kia tuy không phạm tội nhưng không thành tựu.

«Thấy rồi liền tìm. Tìm được, hòa hợp yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia thành tựu, và không mắc tội.

«Thấy nhưng nghi cũng như vậy.»

«Có trú xứ, ngày tự tứ, cựu tỳ-kheo đến thấy dấu hiệu khách tỳ-kheo như y bát, tọa cụ, ống đựng kim, chỗ rửa chân, mà không tìm kiếm, bèn tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia không thành tựu, mắc tội.

«Thấy dấu hiệu liền tìm. Tìm không được nên kêu. Nếu không kêu mà tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ không thành tựu, lại có tội.

«Thấy có dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm không được, bèn nói: ‹Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!› Dùng nhiều phương tiện muốn phá hoại người khác, bèn tác yết-ma tự tứ. Sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia không thành tựu, mắc thâu-lan-giá.

«Thấy dấu hiệu rồi liền tìm. Tìm không được, bèn kêu. Kêu rồi, tác yết-ma tự tứ. Yết-ma của tỳ-kheo kia tuy không thành tựu, nhưng không phạm tội.

«Thấy dấu hiệu rồi tìm kiếm. Tìm được, hòa hợp yết-ma tự tứ. Yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia thành tựu, và không mắc tội.

«Thấy nhưng nghi cũng như vậy.»

Ngày tự tứ, có trú xứ khách tỳ-kheo đến nghe tiếng cựu tỳ-kheo kinh hành, tiếng tằng hắng, tiếng tụng kinh, tiếng bàn luận. Nghe mà không tìm kiếm, liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cựu tỳ-kheo đến vị kia không biết nên như thế nào, liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ngày tự tứ, có trú xứ nào, khách tỳ-kheo đến nghe tiếng cựu tỳ-kheo đi kinh hành, tiếng tằng hắng, tiếng tụng kinh, tiếng bàn luận. Nghe tiếng mà không tìm cầu liền tác yết-ma tự tứ, thì không thành tựu mà mắc tội.

«*Từ* ‹nghe rồi tìm› *cho đến* ‹hòa hợp tự tứ› *cũng như vậy*.

«Nghe nhưng nghi cũng như vậy.»

«Có trú xứ nào, ngày tự tứ, cựu tỳ-kheo lại, nghe tiếng khách tỳ-kheo đến, tiếng tụng kinh, tiếng tằng hắng, tiếng kinh hành, tiếng bàn luận, tiếng đập dũ y. Nghe rồi mà không tìm liền tác yết-ma tự tứ, yết-ma của tỳ-kheo kia không thành tựu, lại có tội.

«*Từ* ‹nghe rồi tìm› *cho đến* ‹hòa hợp tự tứ› *cũng như v*ậy.

«Nghe, nghi cũng như vậy.»

Có trú xứ, ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến, thấy cựu tỳ-kheo trên giới trường mà không tìm. Các tỳ-kheo liền tác pháp yết-ma tự tứ. Các tỳ-kheo không biết thế nào liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trú xứ nào, ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến, thấy cựu tỳ-kheo ở trên giới trường mà không tìm, liền tác yết-ma tự tứ, yết-ma của tỳ-kheo kia tuy thành tựu nhưng có tội.

«Nếu thấy mà tìm. Tìm mà không kêu bèn tác yết-ma tự tứ. Yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia tuy thành tựu nhưng có tội.

«Nếu thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi kêu, tác yết-ma tự tứ, tỳ-kheo kia không phá yết-ma, không tội.

«Thấy nhưng nghi cũng như vậy.»

«Trú xứ nào, ngày tự tứ cựu tỳ-kheo đến, thấy khách tỳ-kheo ở trên giới trường, thấy mà không tìm cầu. Các tỳ-kheo liền tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia tuy thành tựu, nhưng có tội.

«Nếu thấy liền tìm cầu, tìm cầu không được mà không kêu bèn tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia tuy thành, nhưng có tội.

«Nếu thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi kêu, tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma của tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội.

«Thấy nhưng nghi cũng như vậy.»

«Khách tỳ-kheo nghe cựu tỳ-kheo cũng như vậy.»

«Nghe nhưng nghi cũng như vậy.»

«Cựu tỳ-kheo nghe khách tỳ-kheo cũng như vậy.»

«Nghe nhưng nghi cũng như vậy.»

Có trú xứ ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến, thấy cựu tỳ-kheo ở trong cương giới. Thấy mà không tìm cầu, liền tác yết-ma tự tứ. Khi tự tứ, thấy cựu tỳ-kheo đến, không biết làm thế nào, liền báo các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có trú xứ nào ngày tự tứ, khách tỳ-kheo đến, thấy cựu tỳ-kheo ở trong cương giới, thấy mà không tìm cầu liền tác yết-ma tự tứ, yết-ma của tỳ-kheo kia không thành tựu, có tội.

«Thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi không kêu bèn tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma của tỳ-kheo kia không thành tựu, và có tội.

«Thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi kêu hòa hợp tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội.

«Thấy nhưng nghi cũng như vậy.»

«Khách tỳ-kheo nghe cựu tỳ-kheo cũng như vậy.»

«Nghe nhưng nghi cũng như vậy.»

«Cựu tỳ-kheo nghe khách tỳ-kheo cũng như vậy.»

«Nghe nhưng nghi cũng như vậy.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo có ý nghĩ: «Chúng ta hãy từ nơi có trú xứ có tỳ-kheo đến nơi có trú xứ không tỳ-kheo. Vì sợ

các tỳ-kheo khác vì chúng ta tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ.»[325] Các tỳ-kheo liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên có ý nghĩ như vậy.»

Từ nơi có trú xứ có tỳ-kheo đến nơi có trú xứ không tỳ-kheo, vì sợ các tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ. Vị kia nghĩ: ‹Ta hãy từ nơi có trú xứ có tỳ-kheo đến nơi không trú xứ không Tỳ-kheo. Vì sợ các tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ.› Đức Phật dạy:

«Không nên có ý nghĩ như vậy.»

Từ nơi có trú xứ có tỳ-kheo đến nơi không trú xứ không tỳ-kheo, vì sợ các tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ. Vị kia có ý nghĩ: ‹Ta hãy từ nơi có tỳ-kheo có trú xứ đến chỗ không tỳ-kheo có trú xứ, hay không trú xứ, hoặc ở trên giới trường. Vì sợ các tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ.› Đức Phật dạy:

«Không nên có ý nghĩ như vậy.

«Từ nơi có tỳ-kheo có trú xứ đến nơi không tỳ-kheo có trú xứ hay không trú xứ, hoặc [843a1] ở trên giới trường với tỳ-kheo, sợ các tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ. Nếu không có Tăng cùng đi, không nạn sự mà đi thì mắc đột-kết-la.

«Từ nơi có tỳ-kheo không trú xứ đến nơi không tỳ-kheo có trú xứ cũng như vậy.

«Từ nơi có tỳ-kheo không trú xứ đến nơi không tỳ-kheo không trú xứ cũng như vậy.

«Từ nơi có tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ đến nơi không tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ cũng như vậy.

«Vì thân hữu tri thức cũng như vậy.»

Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo-ni có ý như vầy: «Chúng ta hãy đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu tỳ-kheo.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

3. «Tỳ-kheo-ni không được có ý nghĩ như vầy: ‹Đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu tỳ-kheo.› Không được trước tỳ-kheo-ni tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.»

Các tỳ-kheo-ni, sai thức-xoa-ma-na, sa-di ni đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo khác, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không được sai thức-xoa-ma-na, sa-di-ni đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo khác, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Không được trước thức-xoa-ma-na, sa-di ni tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.»

Các tỳ-kheo-ni lại có ý niệm sai bạch y thân hữu đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên có ý nghĩ sai bạch y thân hữu đến trong chùa ngăn các tỳ-kheo khác, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Không được trước bạch y tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.»

Bấy giờ Vua Ba-tư-nặc sai quân đến hộ vệ cho chúng Tăng. Các tỳ-kheo nói với các binh lính rằng:

«Quý vị đi ra ngoài một chút, chúng tôi muốn tác yết-ma tự tứ.»

Quân lính nói:

«Vua sai chúng tôi đến đây để hộ vệ chúng Tăng. Chúng tôi không dám đi chỗ khác.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên nói một lần nữa, yêu cầu họ tránh đi chỗ khác. Nếu họ đi thì tốt, bằng không đi tự mình nên đi đến chỗ không thấy không nghe tác yết-ma tự tứ, chứ không được ở trước người chưa thọ đại giới tác yết-ma tự tứ.»

Khi các loại trời rồng, dạ xoa đến nghe tự tứ. Tỳ-kheo có thiên nhãn thấy, sanh tâm e ngại, vì đức Phật không cho phép tỳ-kheo trước người chưa thọ đại giới tự tứ, nên liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trừ loài người chưa thọ đại giới, ngoài ra cho phép yết-ma tự tứ.»

Có vị tự tứ rồi lại thuyết giới nên ngồi lâu mỏi mệt. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tự tứ rồi lại thuyết giới. Tự tứ tức là thuyết giới.»

Đức Phật dạy như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG V - DA THUỘC

I. NHÂN DUYÊN THỦ-LUNG-NA

1. Hai bàn chân

[843b12] Một thời, đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ tại thành Chiêm-ba[326] có con ông đại trưởng giả, tự là Thủ-lung-na[327].Cha mẹ của Thủ-lung-na chỉ sanh được một con nên rất thương yêu. Từ nhỏ đến lớn quen sống vui sướng, chân chưa từng dẫm lên đất để đi, dưới bàn chân

mọc lông. Vua nước Ma-kiệt[328] nghe trong thành Chiêm-ba có con ông đại trưởng giả, tự là Thủ-lung-na. Cha mẹ của Thủ-lung-na chỉ sanh được một con nên rất thương yêu. Từ nhỏ đến lớn quen sống vui sướng, chân chưa từng dẫm lên đất để đi, dưới bàn chân mọc lông. Vua muốn được thấy, liền ra lệnh cho ông chủ thành Chiêm-ba[329] bảo các trưởng giả đều đem con của mình đến chỗ nhà Vua. Ông chủ thành Chiêm-ba ra lịnh các ông trưởng giả đem con của họ đến chỗ Vua Ma-kiệt. Khi đến nơi, họ đảnh lễ sát chân nhà Vua, rồi đứng qua một bên, tâu với Vua:

«Đại vương muốn thấy con của các đại trưởng giả trong thành Chiêm-ba. Đây là một đứa từ nhỏ đến lớn quen theo sống sung sướng, cha mẹ rất thương yêu, chân chưa từng dẫm lên đất để đi, dưới bàn chân mọc lông. Xin Vua cho phép dùng vải trải trên đất.»

Vua cho phép lấy vải trải trên đất. Con ông trưởng giả có tên Thủ-lung-na liền dùng vải trải trên đất, bước đến chỗ nhà Vua, đầu mặt kính lễ. Nhà Vua thấy dưới bàn chân mọc lông. Lòng Vua rất hoan hỷ, liền ban cho[330] những lợi ích trong đời hiện tại và nói:

«Ta đã cho các ngươi những lợi ích trong đời hiện tại. Đức Thế Tôn hiện ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá. Các ngươi có thể đến đó để chiêm ngưỡng và lễ bái hỏi chào Ngài. Ngài sẽ cho ngươi những điều có lợi ích cho đời sau.»

Bấy giờ, chủ thành Chiêm-ba và các trưởng giả nghe Vua nói, rồi cùng nhau đến trong núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy Trưởng lão Ta-kiệt-đà[331] là thị giả của Phật, đang ngồi trên tảng đá lớn ở một chỗ nọ. Ông chủ thành Chiêm-ba đến chỗ trưởng lão Ta-kiệt-đà, hỏi:

«Hiện nay đức Thế Tôn ở đâu? Chúng tôi muốn diện kiến đức Như Lai.»

Ta-kiệt-đà bảo:

«Chờ một chút! Trưởng giả hãy để tôi bạch Phật.»

Trưởng lão Ta-kiệt-đà liền biến mất khỏi tảng đá, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, đến trước đức Phật, bạch:

«Trưởng giả Chiêm-ba muốn diện kiến đức Thế Tôn.»

Phật bảo:

«Ông đến nơi nhà mát trải chỗ ngồi. Ta sẽ đến đó.»

Ta-kiệt-đà vâng lời dạy, trải chỗ ngồi xong, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên bạch:

«Con đã trải chỗ ngồi xong. Bây giờ là phải thời.»

Đức Thế Tôn từ trong nhà bước ra, đến ngồi vào chỗ ngồi đã trải sẵn, bảo Ta-kiệt-đà:

«Mời trưởng giả Chiêm-ba đến!»

Trưởng lão Ta-kiệt-đà liền biến mất trước đức Phật, trong khoảnh khắc như kẻ lực sĩ co duỗi cánh tay, đã có mặt nơi tảng đá.

Ông trưởng giả thấy liền khen:

«Thật chưa từng có! Đệ tử đức Thế Tôn thần túc còn như thế, huống là đức Như Lai.»

Ta-kiệt-đà nói:

«Thưa Trưởng giả. Bây giờ là phải thời.»

Ông chủ thành Chiêm-ba đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ rồi lui ra ngồi một bên. Đức Thế Tôn liền vì ông chủ thành Chiêm-ba và các con trưởng giả phương tiện nói pháp. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sanh thiên. Họ liền ngay trên chỗ ngồi mà được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy

pháp đắc pháp, đạt được quả chứng, không còn thối lui; bạch Phật rằng:

«Đại đức, chúng con từ nay về sau, xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đức Thế Tôn nhận chúng con làm người ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh, *cho đến* không uống rượu.»

Con ông trưởng giả có tên Thủ-lung-na ngồi trong đám đông, nghĩ rằng: «Ta nghe lời Phật dạy, ở tại gia cùng vợ con khó tu hạnh thanh tịnh. Nay ta nên theo Phật, xin cạo bỏ râu tóc, xuất gia làm đạo.» Rồi có ý chờ mọi người giải tán.

Bấy giờ chủ thành Chiêm-ba nghe đức Phật phương tiện nói các pháp, sanh tâm đại hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ, nhiễu quanh đức Phật và cáo lui. Con ông trưởng giả tên là Thủ-lung-na trở lại, đến chỗ đức Phật, đầu mặt làm lễ, rồi lui ra đứng một bên, bạch đức Thế Tôn:

«Con vừa nghe Phật nói, nếu ở tại gia cùng vợ con khó có thể tu hạnh thanh tịnh. Nay con muốn theo đức Thế Tôn, xin cạo bỏ râu tóc, cho con xuất gia làm đạo.»

Đức Phật hỏi Thủ-lung-na.

«Cha mẹ ông đã cho phép chưa?»

Thủ-lung-na thưa:

«Thế Tôn, cha mẹ con chưa cho phép.»

Đức Phât [844a1] dạy:

«Nếu cha mẹ con không cho phép, Như Lai không nhận con xuất gia.»

Thủ-lung-na thưa:

«Con sẽ tìm cách để cha mẹ con cho phép.»

Đức Phật dạy:

«Nay phải thời.»

Bấy giờ Thủ-lung-na trở lại thành Chiêm-ba, đến chỗ cha mẹ thưa:

«Con vừa nghe Phật nói, sống tại gia cùng vợ con không thể tu hạnh thanh tịnh được. Nay con muốn theo Phật cạo bỏ râu tóc để xuất gia hành đạo. Xin cha mẹ cho phép.»

Cha mẹ Thủ-lung-na nói:

«Phép xuất gia quá khó. Làm sa-môn cũng không phải dễ. Chi bằng con sống tại gia, vui với ái dục, tuỳ ý làm việc phước. Khỏi phải xuất gia.»

Thủ-lung-na nghe cha mẹ nói như vậy, vẫn cố xin lần thứ hai, lần thứ ba như vậy, chứ không chịu thôi. Thủ-lung-na ba lần thưa xin cha mẹ như vậy, cha mẹ vẫn không cho. Bấy giờ, Thủ-lung-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi ngồi xuống đất và nói:

«Từ nay trở đi, con không tắm rửa, không thoa hương thơm, không uống nước, không ăn. Hoặc chết, hoặc xuất gia.»

Một ngày không ăn, cho đến năm ngày không ăn. Bà con, bạn bè của Thủ-lung-na nghe Thủ-lung-na muốn theo Phật cạo bỏ râu tóc, xuất gia làm đạo mà cha mẹ không cho, đã không ăn cho đến năm ngày. Các bà con thân quen của Thủ-lung-na bèn đến chỗ Thủ-lung-na, nói:

«Đứng dậy đi, Thủ-lung-na. Hãy đi tắm, thoa hương thơm, ăn uống, làm việc phước đức theo ý muốn. Chứ xuất gia không phải dễ. Làm sa-môn cũng rất khó. Thôi đi, đừng xuất gia nữa.»

Thủ-lung-na nghe các bà con thân quen nói như vậy, vẫn giữ nguyên ý nguyện. Bấy giờ các bạn của Thủ-lung-na đến chỗ cha mẹ của Thủ-lung-na nói:

«Hãy cho Thủ-lung-na xuất gia làm đạo. Nếu vui sống xuất gia thì còn thường gặp. Nếu không vui xuất gia nữa, sẽ trở về lại. Chứ nếu để Thủ-lung-na chết thì làm sao?»

Cha mẹ Thủ-lung-na nghe xong liền nói:

«Thôi thì tùy ý xuất gia.»

Thủ-lung-na nghe cha mẹ cho phép rồi, trong lòng tự nghĩ: «Nay ta gầy yếu thế này không kham ngày ăn một bữa. Cần phải bồi dưỡng một chút.» Khi Thủ-lung-na có ít nhiều sức khỏe, liền đến chỗ cha mẹ thưa:

«Nay con xin đi xuất gia.»

Cha mẹ nói:

«Nay hợp thời.»

Thủ-lung-na liền đến chỗ đức Thế Tôn trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, đầu mặt kính lễ rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

«Cha mẹ con đã cho con xuất gia làm đạo. Cúi xin Phật độ cho con, được thọ đại giới.»

Đức Phật liền cho xuất gia thọ đại giới.

Bấy giờ cha mẹ Thủ-lung-na, trong khoảng cách giữa hai thành, thiết lập bảy trạm ngựa để mang thức ăn còn nóng đến Thủ-lung-na cho kịp thời. Đến giờ, Thủ-lung-na đem thức ăn này cúng dường các Thượng tọa, rồi tự mình vào thành khất thực. Cha mẹ Thủ-lung-na nghe con mình đem thức ăn này dâng cúng cho các tỳ-kheo, rồi tự mình khất thực, nên từ đó về sau không đưa thức ăn nữa.

---o0o---

2. Giây đàn căng

Bấy giờ, Thủ-lung-na đến ở bên sông Ôn thủy, trong rừng Thi-đà[332] , siêng năng tinh tấn kinh hành, đến độ bàn chân rỉ máu, khiến chỗ kinh hành đất dính đầy máu như chỗ lò sát sanh. Thủ-lung-na ở chỗ vắng tư duy như vầy: «Nay ta siêng năng tinh tấn, trong hàng đệ tử của đức Phật không có ai hơn. Tại sao không được vô lậu giải thoát? Gia đình ta có của cải, có thể vui sống, tuỳ ý làm việc phước đức. Hay là ta xả giới về nhà, không tiếp tục làm đạo nữa.»

Bấy giờ đức Thế Tôn biết tâm niệm đó của Thủ-lung-na nên trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi tay, từ Kỳ-xà-quật đến rừng Thi-đà, thấy chỗ kinh hành đất dính máu như lò sát sanh. Ngài biết mà vẫn hỏi các tỳ-kheo:

«Ai kinh hành nơi đây mà đất dính máu, như chỗ lò sát sanh thế này?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Tỳ-kheo Thủ-lung-na siêng năng tinh tấn kinh hành, bàn chân rỉ máu, nên đất dính máu như vậy.»

Đức Phật bảo kêu Thủ-lung-na đến. Tỳ-kheo vâng lời dạy của đức Phật đến chỗ Thủ-lung-na nói:

«Đức Thế Tôn bảo kêu Thầy đến.»

Thủ-lung-na nghe đức Phật kêu liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi lui ra ngồi một bên. Đức Phật biết mà vẫn cố hỏi:

«Vừa rồi ở nơi chỗ vắng ông nghĩ như vầy: ‹Nay ta siêng năng tinh tấn, trong hàng đệ tử của đức Phật không có ai hơn. Tại sao không được vô lậu giải thoát? Gia đình ta có của cải, có thể vui sống, tuỳ ý làm việc phước đức. Hay là ta

xả giới về nhà, không tiếp tục làm đạo nữa.› Có thật vậy chăng?»

«Kính bạch đức Thế Tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế Tôn nói:

«Nay Ta hỏi ông. Cứ tuỳ ý mà trả lời. Khi ông còn ở nhà, có hay chơi đàn không?»

«Bạch đức Thế Tôn, đúng như vậy, lúc còn ở nhà con hay chơi đàn.»

«Này Thủ-lung-na, khi dây đàn căng quá thì âm thanh có tốt hay không?»

«Bạch Đức Thế Tôn, không.»

«Này Thủ-lung-na, khi dây đàn chùng, âm thanh có tốt hay không?»

«Bạch Đức Thế Tôn, không.»

«Này Thủ-lung-na, khi dây đàn không chùng không căng quá, thì âm thanh có tốt hay không?»

«Kính bạch Đức Thế Tôn, âm thanh tốt.»

Đức Thế Tôn nói:

«Cũng vậy, này Thủ-lung-na, nếu tinh tấn quá thì bị chao động. Ít tinh tấn thì sanh biếng nhác. Nên tinh tấn vừa phải đối với các căn.»[333]

Thủ-lung-na nghe đức Phật lược nói giáo giới rồi, một mình ở nơi chỗ vắng siêng năng tinh tấn, tâm không phóng dật, đầu đêm, sau đêm kỉnh giác lòng mình, tu hành pháp trợ đạo, để đạt mục đích của người xuất gia, không bao lâu đắc quả, ngay trong đời này mà chứng đắc vô thượng tịnh hạnh, biết rằng, ‹Sự sanh đã dứt; phạm hạnh đã vững; điều cần làm

đã làm xong; không còn tái sinh đời sau nữa.› Thủ-lung-na đắc đạo A-la-hán.

---o0o---

3. Sáu tín giải

Khi Thủ-lung-na đắc đạo A-la-hán rồi, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên bạch Phật:[334]

«Nếu có tỳ-kheo đạt được A-la-hán rồi, dứt sạch các hữu lậu, vị ấy an lạc trong sáu trường hợp:[335] an lạc với xuất ly, an lạc nơi sự không sân hận, an lạc nơi đời sống tịch tĩnh, an lạc nơi sự diệt tận ái dục, an lạc nơi sự diệt tận thủ uẩn, an lạc nơi sự không si. Nếu có tỳ-kheo đạt được A-la-hán, sạch các hữu lậu, vị ấy an lạc nơi sáu xứ này. Bạch đức Thế Tôn, có trường hợp nào không y nơi tín mà được xuất ly hay chăng?»

«Không nên có ý nghĩ là không y trên tín mà có an lạc nơi sự xuất ly để đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.»[336]

«Bạch Đức Thế Tôn, có trường hợp nào, không y vào trì giới mà được an lạc nơi sự không sân nhuế hay chăng?»[337]

«Không nên có ý nghĩ là không y vào trì giới mà có an lạc nơi sự không sân nhuế để đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.»

«Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào, không đoạn các lợi dưỡng mà có an lạc nơi sự tịch tĩnh[338] hay chăng?»[339]

«Không nên có ý nghĩ là không đoạn lợi dưỡng mà có an lạc sự tịch tĩnh để đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.

«Vị kia do có sự an lạc nơi ái tận, an lạc nơi sự diệt tận thủ uẩn, an lạc nơi vô si mà đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.

«Tỳ kheo như vậy tâm giải thoát hữu lậu, đối với sắc được nhận thức nhiều bởi con mắt, huệ giải thoát, tâm giải thoát, cả hai đều không nhiễm ô. Thức không cùng với tạp sắc, trú thiền thứ tư. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

«Bạch Thế Tôn, cũng như núi đá lớn nguyên vẹn, không bị sứt, không không bị thủng, không kẻ nứt. Nếu từ phương đông có trận mưa to gió lớn đưa đến thì núi này không bị di chuyển, không bị lay động. Từ phương nam, tây, bắc cũng như vậy. Cũng vậy, bạch đức Thế Tôn, nếu tỳ-kheo được đạo A-la-hán, tâm được giải thoát, dứt sạch các hữu lậu, đối với sắc được nhận thức nhiều bởi con mắt, huệ giải thoát, tâm [845a1] giải thoát, cả hai đều không nhiễm ô, thức không cùng với tạp sắc, trú thiền thứ tư. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.»

Nói như vậy rồi nói kệ:

Người tin tưởng xuất ly,

Tỳ-kheo ưa vắng lặng,

Ưa thích không sân nhuế,

Và an lạc nơi ái tận,

An lạc không thủ uẩn,

Tâm không còn ngu si,

Xét biết không khởi nữa;

Từ đây được giải thoát.

Chính nhờ giải thoát này

Liền được tâm tĩnh lặng.

Đã đạt được vô quán,

Không còn gì phải làm.

Thí như hòn núi lớn

Gió không thể hoại được.

Sắc, thanh cũng như vậy,

Cùng hương, vị, xúc, pháp;

Đối với pháp thiện ác,

Kẻ trí không dao động

Tâm an trụ giải thoát,

Mà quán sự diệt tận.[340]

Thủ-lung-na sau khi nói bài kệ như vậy, được đức Phật ấn chứng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật kính lễ sát chân rồi cáo lui.

Thủ-lung-na ra đi không lâu, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Nên tự ghi nhận như vầy về sự đắc đạo. Chỉ nói về nghĩa, chứ không nói thẳng là đã đắc. Đừng nên như những tỳ-kheo ngu si kia hoan hỷ tự ghi nhận, rồi sau không có sở đắc, luống tự khổ nhọc.»

Một hôm, Thủ-lung-na đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi lui ngồi qua một bên, đức Phật bảo Thủ-lung-na:

«Bình sanh của ông quen sung sướng, không quen đi bộ. Cho phép ông ở trong chùa mang dép một lớp.»

Thủ-lung-na liền bạch Phật:

«Con đã xả bỏ năm cỗ voi chúa, xuất gia làm đạo. Nay nếu con mang giày một lớp không khỏi có người cười rằng, Thủ-lung-na bỏ năm cỗ voi chúa, xuất gia làm đạo, lại tham dép một lớp. Nếu đức Thế Tôn cho phép các tỳ-kheo dùng thì con mới dùng.»

Đức Phật im lặng chấp nhận và do nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, vì các tỳ-kheo tùy thuận nói pháp, dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc, ưa xuất ly, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ, cho phép khi ở trong chùa được mang dép một lớp.»

Bấy giờ các tỳ-kheo mang dép một lớp, không bao lâu bị lủng hư. Đức Phật cho dùng vỏ cây hoặc da vá lại, dùng chỉ để may. Nếu bị đứt thì nên dùng gân hay lông may lại. Bấy giờ cần dùi để dùi, tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật cho phép sử dụng dùi để dùi.[341]

---o0o---

II. NHÂN DUYÊN ỨC NHĨ

1. Tăng già biên địa

Bấy giờ Đại Ca-chiên-diên ở trong sườn núi Câu-lưu Hoan hỷ[342] tại nước A-bàn-đề[343], cùng với Ức Nhĩ ưu-bà-tắc[344], có cả người sai khiến.[345]

Bấy giờ, Ức Nhĩ lòng tự nghĩ rằng:

«Như lời Phật dạy, nếu ta sống tại gia cùng với vợ con, không thể tu hạnh thanh tịnh được. Ta hãy cạo bỏ râu tóc xuất gia làm đạo.»

Ức Nhĩ liền đến chỗ Đại Ca-chiên-diên thưa:

«Con nghe lời Phật dạy, nếu sống tại gia cùng với vợ con, không thể tu hạnh thanh tịnh được. Cúi xin Đại đức cho con xuất gia thọ đại giới.»

Ca-chiên-diên nói:

«Xuất gia là việc rất khó. Làm sa-môn cũng không phải là dễ. Ông nên sống tại gia, hộ trì Phật giới, tùy theo thời tu hành theo lời Phật dạy.»

Ức Nhĩ thưa xin ba lần. Đại Ca-chiên-diên thấy Ức Nhĩ ân cần ba phen, bèn cho xuất gia, nhưng đến ba năm mới được thọ đại giới. Tại sao vậy? Bởi vì không đủ Tăng gồm mười vị. Ức Nhĩ thọ giới chưa bao lâu liền đắc đạo A-la-hán. Tự ghi nhận sự đắc đạo như trước đã nói.

Bấy giờ Ức Nhĩ nghe đức Phật có công đức tướng hảo trang nghiêm, các căn tịch tịnh, vô thượng điều phục, như tượng vương, như vực suối trong vắt, người nghe đều hoan hỷ. Ức Nhĩ muốn đến yết kiến đức Phật nên đến chỗ Ca-chiên-diên thưa:

«Con nghe công đức của Phật như vậy, muốn đến yết kiến Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác.»

Ca-chiên-diên nói:

«Công đức của Phật như lời ông nói.»

Ca-chiên-diên nói tiếp:

«Ông nhơn danh tôi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, thăm hỏi Thế Tôn: ‹Thế Tôn đi đứng khỏe mạnh không? Ít bịnh, an lạc không?› Rồi ông đem năm việc sau đây đến bạch đức Thế Tôn:

«1. Tại nước A-thấp-bà A-bàn-đề ít Tỳ-kheo, nên thọ đại giới khó khăn, ba năm mới tổ chức được[346]. Tại sao như vậy? Vì không đủ Tăng mười vị. Từ nay về sau, cúi xin đức Thế Tôn

phương tiện khai cho thế nào để nước A-thấp-bà A-bàn-đề được thọ đại giới dễ dàng.

«2. A-thấp-bà A-bàn-đề nhiều chông gai, sỏi đá; giày dép một lớp dễ bị hư rách. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép mang giày dép hai lớp.

«3. A-thấp-bà A-bàn-đề người đời ưa tắm. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép tỳ-kheo thường thường tắm rửa.

«4. Như các phương khác có những loại ngọa cụ tốt như y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, cù lâu[347] như vậy. Nước A-thấp-bà A-bàn-đề cũng dùng da làm ngọa cụ như da sơn dương, da cừu, da hươu[348]. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép được dùng ngọa cụ bằng da.

«5. Có tỳ-kheo đến địa phương khác. Sau đó, trú xứ cũ được y[349], không dám nhận; vì sợ phạm ni-tát-kỳ. Cúi xin đức Thế Tôn phương tiện khai cho được nhận.»

Tỳ-kheo Ức Nhĩ nghe Đại Ca-chiên-diên nói, im lặng thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt kính lễ, nhiễu quanh rồi cáo lui. Ức Nhĩ nghe đức Thế Tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá. Ức Nhĩ mang đầy đủ ba y và bát đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đức Phật liền ủy lạo bằng cách hỏi:

«Trụ chỉ có được an lạc hay không? Có vất vả vì sự ăn uống không ?»

Ức Nhĩ bạch Phật, trụ chỉ được an lạc, không bị vất vả bởi thức ăn. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Sửa soạn chỗ cho các tỳ-kheo nghỉ.»

Tôn giả A-nan tự biết, theo thường pháp của đức Thế Tôn, là muốn cho khách tỳ-kheo cùng nghỉ với Ngài, nên mới bảo A-nan sửa soạn. Tôn giả vâng lời Phật dạy, vào trong phòng nơi đức Phật nghỉ, sửa soạn một chỗ ngồi đối diện với chỗ

ngồi của Ngài. Rồi trở lại chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, bạch đức Thế Tôn:

«Con đã sửa soạn chỗ cho khách tỳ-kheo nghỉ xong. Con xin phép được mời khách vào.»

Đức Thế Tôn liền đứng dậy vào phòng, đến chỗ ngồi. Ức Nhĩ cùng vào phòng với đức Phật, ngồi vào chỗ ngồi đối diện. Đức Thế Tôn ngồi tĩnh lặng trong giây lát, rồi bảo Ức Nhĩ:

«Ông có thể nói pháp không?»

Ức Nhĩ nghe lời Phật dạy, bèn ở trước đức Phật, nói «Mười sáu cú nghĩa»,[350] không thêm, không bớt, không hoại, âm thanh trong trẻo, chương cú thứ tự rõ ràng có thể hiểu được. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ: ‹Hay thay, tỳ-kheo này nói kinh pháp mười sáu cú nghĩa, không tăng, không giảm, không hư hoại, âm thinh trong trẻo, thứ tự chương cú rõ ràng, có thể hiểu được.› Đức Phật hỏi Ức Nhĩ:

«Trước đây ông làm gì?»

Ức Nhĩ thưa:

«Từ lâu, con thấy dục là tai hại. Nhưng thọ giới được thì rất khó. Phải đợi đến ba năm. Vì sao vậy? Vì không đủ chúng mười vị.»

Ức Nhĩ nghĩ rằng nay đã đúng lúc bạch lên đức Thế Tôn năm việc mà Hòa thượng Ca-chiên-diên dặn. Ức Nhĩ bạch Phật:

«Hòa thượng Ca-chiên-diên của con dặn con nhơn danh người đê đầu đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn và xin được vấn an sức khỏe Thế Tôn: ‹Thế Tôn đi đứng khỏe mạnh không? Ít [846a1] bịnh, an lạc không?› »

Rôi Ức Nhĩ trình bày năm việc như trên lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chấp thuận bằng sự im lặng.

Sáng sớm hôm sau, đức Phật dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, vì các tỳ-kheo tùy thuận nói pháp, dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà, oai nghi tề chỉnh, thiểu dục tri túc, ưa nơi không nhàn, và bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép nước A-thấp-bà A-bàn-đề có người thứ năm là người trì luật[351] thì được thọ đại giới. Các nơi khác gặp trường hợp như vậy cũng cho phép. Nơi khác là: phương Đông có nước tên là Bạch mộc điều[352]; ngoài nước ấy thì được phép. Phương Nam có tháp tên là Tĩnh thiện[353], ngoài tháp ra thì được phép. Phương Tây có Quốc sơn tên là Nhất-sư-lê Tiên nhơn chủng[354], ngoài núi ra thì được phép. Phương Bắc có nước tên là Trụ[355], ngoài ra thì được phép. Ngoài các nơi như trên nếu có người thứ năm là người trì luật thì được phép thọ giới.

«Cho phép nước A-thấp-bà A-bàn-đề mang giày dép hai lớp.

«Cho phép nước A-thấp-bà A-bàn-đề thường xuyên được tắm rửa.

«Cho phép nước đó trải da của loài sơn dương, cừu, da hươu làm ngọa cụ.

«Cho phép các tỳ-kheo nhận được y đủ mười ngày. Quá hạn nên xả. Xả rồi sám hối.»

---o0o---

2. Những quy định về da thuộc

i. Quy định chung về giày dép

Bấy giờ, có tỳ-kheo nhận được đôi dép vá bằng da; khi ở cách Phật không xa, bèn xé lột ra cho hư hoại, vì sợ phạm mang dép hai lớp. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi tỳ-kheo ấy:

«Sao ông xé đôi dép cho hư hoại?»

Vị tỳ-kheo thưa:

«Vì con sợ phạm giới mang dép hai lớp.»

Đức Phật dạy:

«Giày dép bị lủng hư, được phép vá hai lớp.»

Các tỳ-kheo nhận được loại da chưa thuộc. Đức Phật dạy:

«Cho phép thuộc da cho mềm. Hoặc tự mình làm cho nó mềm, hoặc nhờ người làm cho mềm rồi mới cắt làm giày dép một lớp.»

Cần dao, Phật cho phép chứa dao. Cần ván, Phật cho phép chứa ván. Cần gân, cần lông, cần chỉ da... đức Phật đều cho phép chứa. Cần kéo, đức Phật cho phép chứa kéo. Dao lụt, cho phép mài, cho phép chứa đá mài.

Bấy giờ, các tỳ-kheo để rải rác dao, dùi, gân, lông, chỉ da, kéo, không có chỗ cất. Đức Phật dạy:

«Cho phép làm cái túi để đựng. Hoặc lấy tre đan thành lồng; hoặc lấy vỏ cây làm thành cái lồng. Cho phép dùng đãy bằng lông bọc bên ngoài. Có thể dùng một trong mười loại vải để làm cái đãy.

Các tỳ-kheo dùng da để làm. Đức Phật dạy:

«Không được dùng da làm.»

Các tỳ-kheo để y mới trên giày dép rồi ngồi, làm bẩn y. Đức Phật dạy:

«Không được để y mới lên trên giày dép rồi ngồi lên trên. Các tỳ-kheo cũng không được ngồi trên da. Trừ nước A-thấp-bà A-bàn-đề.»

Các tỳ-kheo đem giày dép để ở trước rồi ngủ, chó ngậm đem đi. Đức Phật dạy:

«Không được để giày dép ở trước rồi ngủ. Nên lấy cỏ phủ lại. Hoặc úp hai đế lại với nhau rồi để dưới ni-sư-đàn.»

Tỳ-kheo đem giày dép để một bên rồi ngủ. Khi lăn qua, nằm trên giày dép, với tâm cẩn thận nghĩ, sợ phạm tội nằm ngủ trên da. Đức Phật dạy:

«Không phạm.»

Có tỳ-kheo đem giày dép để trong bình bát mang đi. Tỳ-kheo khác thấy, nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên để giày dép trong bình bát. Nên giữ bát cho sạch sẽ.»

Có tỳ-kheo một tay cầm cả giày dép và bình bát. Tỳ-kheo khác thấy, nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Không được một tay cầm cả giày dép và bình bát. Nên một tay cầm bình bát, một tay xách giày dép.»

Các tỳ-kheo lội qua nước bùn, vén y không được. Y rớt trong nước bùn. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng ngón tay móc giày dép. Bình bát để trong bàn tay. Một tay vén y.»

---o0o---

ii. Các loại da

Các tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian. Đến nơi thôn không có trú xứ tỳ-kheo. Nghỉ đêm tại nhà ông thợ làm đồ gốm, gần bên chỗ nhồi bùn có da thú. Tỳ-kheo ngủ bên trên, sáng ngày mới thấy, sợ phạm ngủ trên da. Đức Phật dạy:

«Không phạm.»

Nhóm sáu tỳ-kheo tích trữ loại da lớn[356] như sư tử, cọp, beo, rái cá, mèo rừng, ca-la[357], cáo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được chứa tất cả da lớn.»

Nhóm sáu tỳ-kheo ngồi trên giường cao lớn, hoặc ngồi một mình trên giường dây, giường cây, giường ngà voi, trải bằng da ngựa, da voi; đệm bông, ngọa cụ tạp sắc, cù lâu[358], dùng các loại lông con rái cá độn làm nệm. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được ngồi trên giường cao lớn, cho đến dùng lông con rái cá độn làm nệm.»

Các tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ trải giường cao rộng tốt đẹp cho tỳ-kheo, mời tỳ-kheo ngồi. Các tỳ-kheo nói:

«Đức Phật không cho phép chúng tôi ngồi trên giường cao lớn.»

Các bạch y thưa:

«Chúng con đâu có cái giường nào khác.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép ngồi. Trừ loại giường bằng vật báu, ngoài ra, nơi nhà bạch y, được phép được ngồi.»

Các tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ vì tỳ-kheo trải giường bằng da, giường đơn[359]. Các tỳ-kheo e ngại không dám ngồi, nghĩ rằng: ‹Đức Phật không cho chúng ta ngồi trên da thú, trừ tại nước A-thấp-bà A-bàn-đề.› Các bạch y thưa:

«Chúng con không có cái giường nào khác.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nơi nhà bạch y được ngồi.»

Các tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ trải giường dây, giường cây dài. Các tỳ-kheo e ngại không dám ngồi vì Phật không cho phép họ và thượng tọa cùng ngồi trên một giường. Các bạch y thưa:

«Chúng con không đủ chỗ cho mỗi vị ngồi riêng một giường.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nơi nhà bạch y được ngồi chung.»

Các tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ trải đãy bằng da. Tỳ-kheo có tâm e ngại, nghĩ rằng: ‹Đức Phật không cho phép ngồi trên da.›

Các cư sĩ thưa:

«Chúng con không có chỗ ngồi nào khác.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nơi nhà bạch y được ngồi.»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử có đàn-việt là một người chăn bò. Sáng sớm, Bạt-nan-đà khoác y đến nhà đàn-việt, trải chỗ ngồi. Lúc đó, người chăn bò đến ngồi nghe pháp. Bạt-nan-đà Thích tử khéo léo vì ông nói pháp, dùng mọi phương tiện khuyến hóa người đàn-việt khiến rất hoan hỷ, nên hỏi:

«Đạt đức cần gì?»

Bạt-nan-đà nói:

«Thôi. Tôi không cần gì. Như thế là cúng dường rồi.»

Người đàn-việt lại thưa:

«Xin Thầy cần gì cứ nói.»

Bạt-nan-đà nói:

«Thôi, tôi không cần gì. Tôi có nói ra cũng không đáp ứng được đâu!»

Người đàn-việt nói:

«Đại đức cứ nói, con sẽ dâng cúng.»

Cách đó không xa có một con bê khoang, Bạt-nan-đà nói:

«Tôi cần loại da đó.»

Người đàn-việt thưa:

«Xin ngài đợi một chút, để con giết nó đã.»

Người ấy liền giết con bê, lột da cúng cho Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà nhận được da rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mang đi. Con bò mẹ rống la thống thiết, đi theo Bạt-nan-đà đến cửa Kỳ-hoàn. Các tỳ-kheo thấy hỏi:

«Con bò này tại sao rống la và đi theo thầy?»

Bạt-nan-đà nói:

«Đây là da của con nó. Tôi mang về nên nó đi theo.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được xin da sống. Nếu xin, sẽ như pháp trị.»

---o0o---

iii. Các vật dụng bằng da

1. Các tỳ-kheo e ngại không dám đeo phao nổi qua sông. Đức Phật dạy:

«Được phép.»

Các tỳ-kheo nắm đuôi trâu lội qua sông. Khi qua khỏi sông mới biết là trâu cái nên e ngại. Đức Phật dạy:

«Không phạm. Tuy nhiên, từ nay về sau, không nên nắm đuôi trâu cái qua sông.»

Các tỳ-kheo không dám ngồi trên thảm bằng da để qua sông. Đức Phật dạy:

«Được phép ngồi.»

Các tỳ-kheo e ngại không dám ngồi trên thuyền bằng da để qua sông. Đức Phật dạy:

«Cho phép được ngồi trên thuyền bằng da để qua sông. Hoặc ngồi hay nằm tùy ý.»

2. Các tỳ-kheo dùng da làm đãy đựng dao, không dùng vật gì bao phủ dao lại nên bị hư. Đức Phật dạy:

«Nên dùng lông mịn hoặc kiếp-bối hay da lớn bao phủ dao lại.»

Các tỳ-kheo chứa giày dép da hai lớp. Đức Phật dạy:

«Không được chứa giày dép da hai lớp.»

Các tỳ-kheo chứa giày dép da ca-na-phú-la[360]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa giày dép da ca-na-phú-la.»

Tỳ-kheo cùng với bạch [847a1] y nước Câu-tát-la cùng đi trên đường, bị vật nhọn đâm chảy máu dưới chân rất trầm trọng, không thể đi được. Bạch y thấy vậy liền đưa giày dép mình mang cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo e ngại phạm xử dụng giày dép da ca-na-phú-la nên không dám nhận. Đức Phật dạy:

«Có nhân duyên như vậy thì cho phép thọ dụng.»

Nhóm sáu tỳ-kheo chứa giày dép bằng sừng xoay[361]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa giày dép bằng sừng xoay.»

Các tỳ-kheo chứa giày dép bằng sừng nai. Đức Phật dạy:

«Không được chứa giày dép bằng sừng nai.»

Các tỳ-kheo chứa giày dép a-la-lê[362]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa như vậy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng da nhiều màu làm dây cột giày dép. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng bố bằng lụa làm dây cột giày dép. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo chứa giày dép phú-la-bạt-đà-la[363]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép chơn-thệ-lê.[364] Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép bện hai bên[365]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép có nhiều dây. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép hình cuốn[366]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép bằng da lớn, da sư tử, da cọp, da beo, da rái cá, da mèo rừng, da nhiều màu, da cáo. Đức Phật dạy:

«Tất cả loài da đó không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng da lớn viền giày dép hoặc dùng làm dây, hoặc dùng để vá. Đức Phật dạy:

«Không được dùng để viền hay làm dây hoặc vá.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép màu xanh. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng màu xanh viền giày dép, hoặc dùng làm dây hay vá. Đức Phật dạy:

«Không được dùng màu xanh viền giày dép, hoặc làm dây hay vá.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép màu vàng. Đức Phật dạy:

«Không được mang.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép viền màu vàng, hoặc làm dây cột hay vá. Đức Phật dạy:

«Không được dùng giày dép, hoặc dây cột vá có viền màu vàng.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép màu đỏ. Đức Phật dạy:

«Không được mang giày dép màu đỏ, dây cột và vá cũng như vậy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép màu trắng. Đức Phật dạy:

«Không được mang giày dép màu trắng, dây cột viền, đường vá viền cũng như vậy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép giống như lông công. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép màu gấm[367]. Đức Phật dạy:

«Không được dùng như vậy.»

Tỳ-kheo kia nhận được giày dép màu gấm đã làm thành. Đức Phật dạy:

«Không được chứa; nếu làm mất màu thì được phép chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép độn bằng loại lông mịn. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép độn bằng kiếp-bối[368]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng tơ lụa độn giày dép. Đức Phật dạy:

«Không được chứa dùng.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng cỏ bẹ, cỏ bà-sa, cỏ xá-la, cỏ hán-đà-la[369] độn giày dép. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

«Này nhóm sáu tỳ-kheo, các ông là những người si. Điều nào Ta ngăn cấm, lại làm các điều khác. Từ nay về sau, tất cả loại giày dép có độn đều không được chứa để dùng.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo gặp trời mưa bùn bẩn chân, bẩn tọa cụ, bẩn thân ngọa cụ. Đức Phật cho phép vì hộ thân, hộ tọa cụ, trong Tăng-già-lam được mang giày dép bằng cỏ bồ để rửa chân. Khi mang giày dép bằng cỏ bồ để rửa chân rồi, nước vào trong giày dép bẩn chân, bẩn tọa cụ, bẩn thân, bẩn ngọa cụ. Đức Phật cho phép dùng vỏ cây, hoặc da đóng dưới gót.

3. Bấy giờ, trong nước Xá-vệ, nhóm sáu tỳ-kheo mang guốc bằng khâm-bà-la[370]. Đức Phật dạy:

«Không được dùng guốc bằng bốn loại cỏ như vậy và không được mang.»

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, thì bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo lột vỏ cây đa-la[371] để làm guốc, nên cây bị khô héo. Các cư sĩ thấy cùng nhau cơ hiềm: ‹Sa môn thích tử không biết hổ thẹn, đoạn mạng sống mà tự nói tôi biết chánh pháp. Lột vỏ cây đa-la để làm guốc khiến cho cây bị khô chết. Như vậy có gì là chánh pháp?› Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Khi đức Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-di, thì bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo mang guốc bằng gỗ đi như ngựa, âm thanh rối loạn các vị tọa thiền. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được mang guốc gỗ.»

Các tỳ-kheo e ngại không dám mang guốc vào nhà đại tiểu tiện, không dám mang guốc để rửa chân. Đức Phật dạy:

«Trừ mang đi đường. Các trường hợp trên được mang.»

Thế Tôn ở tại nước Ta-kiệt-đề. Bấy giờ, tỳ-kheo Tỳ-xá-ly Bạt-xà Tử[372] mang guốc bằng vàng, guốc bằng bạc. Đức Phật dạy:

«Không được mang.»

Ông ta lại mang guốc bằng lưu ly. Đức Phật dạy:

«Không được dùng.»

Ông ta tự làm và mang guốc bằng vật báu. Đức Phật dạy:

«Không được mang.»

Sau đó ông lại mang guốc gỗ quí. Đức Phật dạy:

«Không được mang.»

Đức Phật dạy tiếp:

«Ông là người si. Ta cấm thứ này, ông lại vội sắm các thứ khác để mang. Từ nay về sau, không được mang tất cả loại guốc.»

4. Thế Tôn ở tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo cùng đức Phật đi kinh hành mà mang giày dép. Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đệ tử thọ học với các công xảo sư ở bên ngoài còn có sự cung kính đối với Thầy. Còn nhóm sáu tỳ-kheo này là những người ngu si, mới mang giày dép cùng Phật đi kinh hành.»

Đức Phật dạy tiếp:

«Từ nay về sau, không được mang tất cả mọi thứ giày dép như vậy.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đối với Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê, mà kinh hành nơi chỗ tốt, còn đồng hàng Hòa thượng kinh hành nơi chỗ xấu. Mình kinh hành nơi chỗ cao, còn đồng hàng Hòa thượng kinh hành nơi chỗ thấp. Mình đi trước, còn đồng hàng Hòa thượng đi sau. Cùng nói với đồng hàng Hòa thượng, cùng kinh hành, lật ngược y, y quấn cổ, y trùm đầu, trùm hai vai, mang giày dép. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được để Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, hoặc A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê kinh hành nơi chỗ xấu mà mình kinh hành nơi chỗ tốt, cho đến mang giày dép, tất cả đều không được.»

Nhóm sáu tỳ-kheo đối với Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê phủ y lên hai vai, mang giày dép, hoặc có việc trao hay nhận, không trống vai bên hữu, không cởi bỏ giày dép. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, khi đối trước Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê phải trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, khi có việc trao hay nhận.»

Các tỳ-kheo ở tại nhà bạch y đối với Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê, có việc trao hay nhận, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, nên bị lộ hình. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tại nhà bạch y, đối trước Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê khỏi phải trống vai bên hữu, khỏi phải cởi bỏ giày dép, khi có việc trao hay nhận.»

Bấy giờ có tỳ-kheo cùng tỳ-kheo khác cùng đi trên đường. Một tỳ-kheo đến tỳ-kheo khác xin nước. Các tỳ-kheo nghĩ: ‹Đức Phật không cho phép mang giày dép khi có việc trao hay nhận.› Tỳ-kheo kia liền cởi bỏ giày dép để lấy nước, nên bị mất giày dép. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép trên đường đi, tùy ý mang giày dép khi có việc trao hay nhận.»

Có tỳ-kheo, lúc xẩm tối, đến tỳ-kheo khác xin nước. Vị kia nghĩ: ‹Đức Phật không cho phép mang giày dép khi có việc trao hay nhận.› Bấy giờ, trú xứ nọ lại cách xa chỗ lấy nước, tuy sợ độc trùng, nhưng tỳ-kheo kia vẫn cởi bỏ giày dép, đến đó để lấy nước, nên bị độc trùng cắn chân đau nhức, không vui. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Sau khi mặt trời lặn, phải đi xa lấy nước, vì sợ độc trùng nên được phép mang giày dép, khi có việc trao hay nhận.»

Nhóm sáu tỳ-kheo thấy Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê không đứng dậy đón rước. Các [848a1] tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên đứng dậy chào tiếp. Trừ khi ăn hoặc khi làm pháp dư thực, hay khi bệnh thì nói: ‹Đại đức biết cho, tôi vì nhân duyên như vậy nên không đứng dậy chào đón được.› »

Hòa thượng là người trao giới cho mình. Đồng hàng Hòa thượng là những vị đã đủ mười hạ.

A-xà-lê có năm hạng: xuất gia A-xà-lê, thọ giới A-xà-lê, giáo thọ A-xà-lê, dạy kinh A-xà-lê, y chỉ A-xà-lê.

Xuất gia A-xà-lê là người hướng dẫn mình xuất gia.

Thọ giới A-xà-lê là vị làm yết-ma khi mình thọ giới.

Giáo thọ A-xà-lê là vị dạy mình oai nghi.

Dạy kinh A-xà-lê là từ nơi vị đó mình được học kinh, đọc kinh, noi theo đường tu hành, hoặc thuyết nghĩa cho đến một câu trong bốn câu của bài kệ.

Y chỉ A-xà-lê là vị ấy mình nương vào để sống, dù chỉ trong một đêm.

Đồng hàng A-xà-lê là những vị đã đủ năm tuổi. Trừ y chỉ A-xà-lê[373].

5. Phòng ở của tỳ-kheo này nên lau quét. Lau quét rồi mà còn bụi thì dùng nước bùn trét lên trên. Trét bùn rồi mà còn bẩn thì lấy đồ trải lên. Đồ trải đó hoặc là y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, cù-lâu, hoặc một trong mười loại y.

Các tỳ-kheo không rửa chân mà đi trên đồ trải. Đức Phật dạy:

«Bên cửa nên để đồ chùi chân. Nếu vẫn không sạch, thì ngoài cửa nên để nước rửa chân.»

Tỳ-kheo rửa chân rồi, khi chân chưa khô, bước lên trên đồ trải, nên đồ trải bị hư mục. Đức Phật dạy:

«Chân chưa khô, không được bước lên trên đồ trải. Nếu có việc gấp thì lấy chân chùi trên đầu gối, hoặc chùi nơi lòng bàn chân, hoặc lấy tay chùi, hoặc dùng vật xấu chùi.»

Các tỳ-kheo vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê trao hay nhận điều gì, phải rửa chân mãi cực nhọc, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, nếu vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê cần trao hay nhận điều gì cho phép dùng cái mâm đồng, cái khay, cái kỷ. Tất cả vật cần dùng hay thức ăn đều để hết lên trên đó, rồi trao một lần.»

Có tỳ-kheo dưới chân bị thủng, gặp lúc trời mưa. Các tỳ-kheo dìu đến nơi nhà vệ sinh bị ngã, nằm trên bùn rất khổ sở. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ, trong Tăng-già-lam được mang giày dép một lớp.»

Các tỳ-kheo trên đường đi vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê có việc trao hay nhận, phải trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép mệt nhọc. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu trên đường đi vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê có việc trao hay nhận, nên đưa lên trên đầu hoặc trên vai để trao hay nhận.»

6. Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo mang giày dép vào tụ lạc. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm nói: ‹Sa-môn Thích tử tự nói mình biết chánh pháp. Nhưng vào tụ lạc mà mang giày dép, giống như Vua hay đại thần của Vua. Như vậy có gì là chánh pháp?› Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được mang giày dép vào tụ lạc.»

Các tỳ-kheo bệnh, với tâm e ngại không dám mang giày dép vào tụ lạc. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép các tỳ-kheo bệnh mang giày dép vào tụ lạc.»

Nhóm sáu tỳ-kheo mượn cớ bệnh mang giày dép vào tụ lạc. Các tỳ-kheo thấy nói: ‹Đức Phật đâu cho phép mang giày dép vào tụ lạc?›

Vị kia nói:

«Tôi bị bệnh.»

Các tỳ-kheo hỏi:

«Bệnh gì?»

Vị kia nói:

«Thưa trưởng lão, đức Phật há không nói, nếu có người nào đó chỉ trong chốt lát mà không vui, thì gọi là bệnh hay sao? Vì vậy cho nên chúng tôi mượn cớ bị bệnh.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được mượn cớ bệnh để mang giày dép vào tụ lạc.»

Bấy giờ, trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta gót chân bị đau, cần mang giày dép trùm ngoài gót chân. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật cho phép mang giày dép trùm ngoài gót chân. Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta trên đường đi, mắt bị mờ, ngón chân bị thương tích bởi đá sỏi. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép mang giày dép trùm ngoài ngón chân.»

Tất-lăng-già-bà-ta có nhiều thân hữu, trên đường cùng đi, nhận được nhiều đại mạch, tiểu mạch, đậu ban, gạo lúa tám. Các tỳ-kheo nghi không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Các tỳ-kheo nhận rồi không biết để đâu, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép đựng trong cái đãy hay cái khăn.»

Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta, trên đường đi, nhận được sữa, dầu, mật, đường cát. Các tỳ-kheo không dám lấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận lấy.»

Nhận lấy rồi không biết để đâu bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Dùng cái bát cạn cho vào trong cái bát nhỏ hay cái bát vừa để nhận. Cái bát cạn để vào trong cái bát nhỏ, cái bát nhỏ để vào cái bát vừa, cái bát vừa để vào trong cái bát lớn.»

Các tỳ-kheo không biết cái bát cạn để trong cái bát nhỏ, cái bát nhỏ để vào trong cái bát vừa, thì cái bát vừa phải tịnh thí hay không[374], bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Khỏi phải tịnh thí.»

7. Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta già yếu không thể đi bộ được, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng cái xe kéo bộ hay cái kiệu, hoặc xe ngựa. Nhưng không được kéo bởi người nữ, trâu bò cái, ngựa cái, không được xử dụng.»

Tất-lăng-già-bà-ta, trên đường đi có người cúng loại xe kéo[375], không dám nhận, bạch Phật. Phật cho phép nhận.

Lại có người cúng loại xe kéo bằng da, không dám nhận, bạch Phật. Phật cho phép nhận, rồi dùng một trong mười loại y phủ lên trên chỗ da.

Lại có người cúng loại xe kéo được bện bằng da, không dám nhận, bạch Phật. Phật cho phép nhận, với điều là bỏ loại dây bằng da, bằng tóc, còn các loại dây khác thì không sao.

Các tỳ-kheo cần cái càng xe, bạch Phật, đức Phật cho phép làm.

Các tỳ-kheo cần dây cột xe, bạch Phật. Đức Phật cho phép làm. Nếu dây thừng bị đứt thì cho phép làm bằng da.

Nếu khiêng xe, vai bị đau; cho phép làm gối để lót. Nếu phía sau đau, cũng cho phép làm cái gối để lót. Bấy giờ không biết nên để ai khiêng, bạch Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép tỳ-kheo, hoặc người giúp việc trong Tăng-già-lam, hoặc ưu-bà-tắc hay sa-di. Nếu nhận được xe thì cũng như

vậy. Nếu xe bằng da thì nên dùng một trong mười loại y phủ chỗ da lại rồi dùng. Nếu được xe bện bằng da thì trừ loại dây bằng da, bằng tóc, ngoài ra được dùng. Các vị không biết nên để ai kéo, bạch Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép tỳ-kheo, hoặc người giúp việc trong Tăng-già-lam, hoặc ưu-bà-tắc hay sa-di kéo.

Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta nhận được người coi Tăng-già-lam. Đức Phật dạy:

«Được phép nuôi.»

8. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo làm giường bằng da, giường đơn bằng da. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Họ lại làm nệm da, gối da, ngọa cụ da, đồ trải dưới đất bằng da. Khi trải dưới đất bị sanh trùng, đem vào phòng, hôi thối. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Bấy giờ, có bà-la-môn xuất gia làm đạo, đem da y-sư[376] làm vật chùi chân, để trong cửa. Đức Phật dạy:

«Cho phép chứa.»

Các tỳ-kheo xách nước, dây xách nước thường bị đứt. Đức Phật dạy:

Cho phép dùng da làm dây để xách. Nếu gàu bị hư, Phật cho phép dùng da để làm. Dây bị đứt, Phật cho phép làm bằng da.

Dây cửa ngõ thường bị đứt, Phật cho phép làm bằng da. Khi mở cửa, đóng cửa đau tay, Phật cho phép dùng miếng da lớn trùm lên.

Chốt cửa không xoay được, đức Phật cho phép để miếng da. Trên cái chốt bị hư Phật cho phép dùng da xâu lại. Nếu bị kêu cũng vậy.

Chân giường dây, giường cây bị hư, Phật cho phép dùng da xâu lại.

Có các tỳ-kheo bị đau chân, Phật cho phép dùng miếng da lớn phủ lên trên cho [849a1] chỗ đau lành. Sau đó, bỏ đi.

Tỳ-kheo dùng dây lợp lại nhà bị đứt, Phật cho phép dùng da làm.

Dây cửa sổ thường bị đứt, Phật cho phép dùng cước hay lông để làm.

9. Nhóm sáu tỳ-kheo chứa đãy đựng bình bát, đãy đựng giày dép, đãy đựng kim chỉ bằng da. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được chứa như vậy.»

Bấy giờ có người thợ mộc xuất gia làm Tỳ-kheo, chứa đãy da để đựng đồ nghề. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Thợ mộc xuất gia làm Tỳ-kheo, tất cả đồ nghề không được cất chứa. Chúng tăng được gỗ làm đồ dùng, bạch Phật. đức Phật cho phép chứa. Không biết dùng đựng vật gì. Đức Phật dạy:

«Mười loại y, tùy ý chứa đựng.»

Bình đựng dầu, sữa của tỳ-kheo để không kín đáo. Đức Phật dạy:

Cho phép dùng da ướt phủ lên. Nếu bị trùng cắn lủng thì dùng bùn trét lên.

Tỳ-kheo nhận được đồ đựng dầu bằng da có hình hoa, e ngại không dám chứa. Đức Phật cho phép chứa.

Tỳ-kheo nhận được đồ đựng dầu bằng sừng, e ngại không dám chứa. Đức Phật cho phép chứa. Nếu phía trên, phía dưới hay bên hông bị lủng thì dùng da ràng lại.

10. Khi đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bấy giờ có tỳ-kheo bị cây nhọn đâm vào chân bị thương, cần giày dép mềm. Đức Phật cho phép xử dụng.

Bấy giờ, đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi đến rừng Thi-đà, cách chỗ gò mả không xa, thấy có đôi giày hai lớp quý giá. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

«Tại sao ông không lấy đôi giày ấy?»

Tôn giả A-nan thưa:

«Sợ phạm phải điều dùng giày hai lớp.»

Đức Phật dạy:

«Xem đó như vật phấn tảo thì được lấy.»

Có tỳ-kheo trên đường đi, cách chỗ gò mả không xa, thấy da người chết dày, được xâu nơi cây gỗ, bèn lột lấy đem về phòng cắt làm đôi giày một lớp. Trong phòng có mùi thối. Các tỳ-kheo khác hỏi:

«Tại sao trong phòng có mùi hôi thối?»

Tỳ-kheo kia trình bày sự việc với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được chứa da người. Nếu chứa, phạm thâu-lan-giá. Ngoài ra, các thứ da bất tịnh khả ố khác cũng không được chứa, nếu chứa phạm đột-kết-la.»

11. Bấy giờ, có tỳ-kheo từ nước giá lạnh[377] đến, chân bị nứt, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật biết mà vẫn hỏi:

«Tại sao chân ông bị nứt?»

Vị ấy bạch Phật:

«Con từ xứ lạnh đến nên bị nứt.»

Đức Phật hỏi tỳ-kheo ấy:

Nước đó họ mang bằng thứ gì?

Vị tỳ-kheo ấy thưa:

«Mang dép da phú-la-am.»[378]

Đức Phật dạy:

«Cho phép mang như vậy. Nếu cần dùng tất thì cho phép dùng tất. Cho phép đến nơi cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con để xin. Không được chứa dư. Nếu chứa dư, sẽ như pháp trị.»

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng da làm dây lưng. Đức Phật dạy:

«Không được dùng da làm dây lưng, dây ngồi thiền.»

Tỳ-kheo chứa đồ bằng da. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Tỳ-kheo dùng da làm mão. Đức Phật dạy:

«Không được dùng như vậy.»

Tỳ-kheo làm khẩn-thù-thán[379] bằng da. Phật dạy:

«Không được.»

Tỳ-kheo không lau chùi giày dép nên bẩn chân, bẩn ngọa cụ. Đức Phật dạy:

«Phải lau chùi giày dép.»

Tỳ-kheo rửa chân chưa khô mang giày dép nên giày dép bị hư mục. Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Tỳ-kheo không thường giặt vật lau chân. Các tỳ-kheo thấy bẩn gớm. Đức Phật dạy:

«Nên giặt.»

Vị ấy giặt rồi không vắt không phơi, bị sanh trùng. Phật dạy:

«Nên giặt rồi vắt, hong cho khô.»

---o0o---

CHƯƠNG VI - Y

I. Y PHẤN TẢO

Một thời Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại. Bấy giờ có năm tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Chúng con nên thọ trì loại y nào?»

Đức Phật dạy:

«Nên thọ trì y phấn tảo[380] và mười loại y[381] như: câu-xá, kiếp-bối, khâm-bạt-la, sô-ma, xoa-ma, xá-nâu, ma, sí-di-la, câu-nhiếp-la, thẩn-la-bát. Mười loại y như trên nhuộm thành màu sắc ca-sa[382] để thọ trì.

Tỳ-kheo được y nơi gò mả, đức Phật cho phép dùng. Tỳ-kheo nhận được y nguyện[383], đức Phật cho phép dùng.

Tỳ-kheo trên đường đi cách gò mả không xa, thấy y phấn tảo quý giá[384], e ngại không dám lấy, đức Phật cho phép lấy.

Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Có một người con của một giòng họ lớn xuất gia. Từ những nơi chợ búa, nơi đường hẻm đi đến nghĩa địa, chỗ bỏ đồ rác rưới, ông lượm được y xấu cũ đem về làm y tăng-già-lê để thọ trì. Phu nhơn Vua Ba-Tư-Nặc trông thấy, tâm từ niệm phát sanh, liền lấy y rất quý giá xé ra, dùng đồ bất tịnh bôi rồi đem bỏ nơi đó để tỳ-kheo lượm. Tỳ-kheo e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu họ vì tỳ-kheo thì nên lấy.»

Có tỳ-kheo thuộc giòng họ lớn xuất gia. Ông lượm những y cũ xấu nơi đống rác, nơi cầu tiêu, nơi đường hẻm, nơi chợ búa đem về làm tăng-già-lê. Vị trưởng giả thành Xá-vệ thấy, sanh tâm từ mẫn, đem nhiều y tốt bỏ nơi đường hẻm, nơi cầu tiêu, và sai người coi chừng đừng cho ai lấy, để cho tỳ-kheo lấy. Bấy giờ có các tỳ-kheo đi vào thôn xóm, nhìn thẳng xuống trước bước chân mà đi nên không thấy. Người được sai coi chừng kia, thưa:

«Sao đại đức không nhìn qua nhìn lại?»

Khi ấy tỳ-kheo thấy, nhưng e ngại không dám lấy. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu họ vì tỳ-kheo thì cho phép nhận.»

Có tỳ-kheo lấy áo của người chết ở nơi hố chôn, e ngại, bạch Phật, đức Phật hỏi:

«Với tâm niệm nào khi ông lấy chiếc áo ấy?»

Vị ấy thưa:

«Với tâm niệm là đồ phấn tảo, chứ không với tâm trộm.»

Đức Phật dạy:

«Như vậy thì không phạm. Tuy nhiên, từ nay về sau không được lấy áo người chết nơi hố chôn người.»

Có cư sĩ giặt y rồi phơi nơi tường rào. Các tỳ-kheo mặc nạp y, thấy tưởng là y phấn tảo nên lấy. Cư sĩ thấy, kêu nói:

«Y của tôi đó, đừng lấy!»

Tỳ-kheo nói.

«Tôi tưởng là y phấn tảo nên lấy.»

Nói xong, bỏ y lại đi. Tỳ-kheo kia e ngại, bạch Phật. Đức Phật hỏi:

«Với tâm niệm gì khi ông lấy y đó?»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Với ý nghĩ là y phấn tảo cho nên lấy, chứ không lấy có tâm của kẻ trộm.»

Đức Phật dạy:

«Không phạm. Từ nay về sau không được lấy y phấn tảo nơi tường, nơi rào.»

Bấy giờ, có y một người chết ở trước đại quan đoán sự. Tỳ-kheo lấy y của người ấy. Sau đó quan đoán sự sai Chiên-đà-la đem xác chết bỏ. Chiên-đà-la nói:

«Tại sao không bảo người lấy y đem xác chết bỏ?»

Quan đoán sự hỏi:

«Người nào lấy y?»

Chiên-đà nói:

«Sa-môn Thích tử lấy.»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên lấy y người chết, chỗ quan đoán sự.»

Bấy giờ tỳ-kheo trên đường đi, cách gò mả không xa, thấy y của người chết chưa rã, liền lấy đi. Người chết liền đứng dậy nói:

«Đại đức chớ lấy y của tôi đi!»

Tỳ-kheo nói:

«Ngươi là người chết, làm gì có y!»

Nói rồi vẫn lấy y đi, không bỏ lại. Người chết theo tỳ-kheo đến ngoài cửa ngõ Kỳ-hoàn, ngã xuống đất. Các tỳ-kheo khác thấy hỏi tỳ-kheo này:

«Người ấy nói gì vậy?»

Tỳ-kheo này trả lời:

«Tôi tưởng người ấy đã chết nên lấy y đem về đây.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên lấy y của người chết chưa rã.»

Có người chăn bò để áo trên đầu ngủ. Tỳ-kheo thọ trì y phấn tảo thấy tưởng là ngươi chết, nhưng nghĩ: «Đức Thế Tôn không cho phép tỳ-kheo lấy áo của người chết chưa rã.» Nghĩ như vậy xong, liền lấy xương tay của người chết đánh trên đầu của người chăn bò; khiến cho vỡ đầu. Người chăn bò liền đứng dậy hỏi:

«Tại sao Đại đức đánh tôi?»

Tỳ-kheo nói:

«Tôi tưởng ông chết.»

Người chăn bò nói:

«Thầy không phân biệt được tôi sống hay chết sao?»

Nói xong liền đánh tỳ-kheo gần chết. Các tỳ-kheo [850a1] bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Người chết chưa rã, không được đánh.»

Nhóm sáu tỳ-kheo sử dụng phi y làm đãy đựng bát, đãy đựng giày dép, ống đựng kim, và chứa ngọa cụ bằng gấm bông, đệm bằng dạ, nệm gối, da rái cá. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được dùng phi y làm đãy đựng bát, cho đến đựng kim, không được chứa ngọa cụ bằng gấm bông, đệm bằng dạ, nệm gối, da rái cá.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bắt gặp ngọa cụ bằng gấm bông, đệm bằng dạ, gối, nơi gò mả, e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy dùng.»

Có tỳ-kheo bắt gặp y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, cù-lâu[385], nơi gò mả, e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy, nhưng lột bỏ da và cỏ; ngoài ra, được phép chứa làm đồ trải đất.»

Có tỳ-kheo bắt gặp giường dây bằng da, giường cây, giường đơn nơi gò mả, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy, nhưng lột bỏ da, rồi chọn một trong mười loại y bao lại.»

Có tỳ-kheo bắt gặp giường dây, giường cây, giường đơn nơi gò mả, e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy, trừ hai loại giường làm bằng dây da và tóc.»

Có tỳ-kheo thấy được xe kéo, dù, xe kéo bộ tại gò mả, e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy.»

Có tỳ-kheo thấy được bình đựng nước rửa, gậy, quạt tại gò mả, e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy.»

Có tỳ-kheo thấy được liềm, lưỡi dao, móc tại gò mả, e ngại không dám lấy; bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy.»

Có tỳ-kheo thấy được tiền nơi gò mả, tự mình mang đi. Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được lấy.»

Có tỳ-kheo cầm lấy đồng, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Phải đập cho mất hình tướng rồi mới được mang đi.»

Có tỳ-kheo thấy được y bị trâu nhơi, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy dùng.»

Có tỳ-kheo thấy được y chuột gặm, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy dùng.»

Có tỳ-kheo thấy được y bị cháy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy dùng.»

Y phấn tảo có mười loại:[386] y bị trâu bò nhơi, y bị chuột gặm, y bị lửa cháy, y kinh nguyệt, y sản phụ, y trong miếu thần hoặc y bị chim tha đi hay gió bay rơi các nơi thì được lấy, y gò mả, y nguyện[387], y thọ vương chức, y vãng hoàn. Mười loại y trên gọi là y phấn tảo.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cùng với Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà đánh nhau, nên có nhiều người chết. Các tỳ-kheo muốn đến đó để lấy y người chết, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép đến đó. Nếu có người thì nên nói rồi mới lấy. Không có người thì mới tự ý lấy.»

Bấy giờ Vua A-xà-thế cùng Tỳ-lê-xa đánh nhau, có nhiều người chết. Tỳ-kheo muốn đến lấy y của người chết, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên đến nói rồi mới lấy. Nếu không có người thì tùy ý lấy.»

Trường hợp có số đông cư sĩ tụ họp nơi gò mả, cởi y bỏ một đống, để chôn người chết. Tỳ-kheo trì phấn tảo thấy, tưởng là y phấn tảo, nên lấy đi. Các cư sĩ thấy nói:

«Y của chúng tôi. Chớ lấy!»

Các tỳ-kheo nói:

«Chúng tôi tưởng là y phấn tảo.»

Nói xong liền bỏ xuống đất rồi đi. Tỳ-kheo e ngại, bạch Phật. Đức Phật hỏi:

«Các ông lấy với tâm niệm thế nào?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Chúng con nghĩ là y phấn tảo chứ không lấy với tâm trộm cắp.»

Đức Phật dạy:

«Như vậy thì không phạm. Nhưng không được lấy y đang để thành đống.»

Có các cư sĩ, đốt người chết nơi gò mả. Các tỳ-kheo trì phấn tảo thấy khói, kêu các tỳ-kheo khác đến để lấy y phấn tảo. Các vị ấy nói:

«Vâng.»

Các tỳ-kheo liền đến, im lặng đứng một chỗ. Bấy giờ có cư sĩ trao cho tỳ-kheo một chiếc y quý giá. Vị tỳ-kheo thứ hai nói:

«Hãy mang lại đây. Tôi chia với thầy.»

Vị tỳ-kheo kia nói:

«Chia cho ai? Người cư sĩ nói cho tôi kia mà!»

Hai tỳ-kheo tranh nhau. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên đến hỏi người cư sĩ y này cho ai, tùy theo người cư sĩ trả lời mà quyết định. Nếu người cư sĩ nói, ‹Không biết›, hoặc nói, ‹Cho cả hai› thì mới phân làm hai phần.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo đến nơi gò mả lấy y phấn tảo. Từ xa trông thấy y phấn tảo, một tỳ-kheo liền chỉ và nói:

«Y đó của tôi.»

Tỳ-kheo thứ hai liền chạy đến lấy. Hai vị tranh nhau, đều nói là của mình. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Y phấn tảo không có chủ, ai lấy trước thì được.»

Có hai tỳ-kheo cùng đến nơi gò mả để lấy y phấn tảo. Hai vị từ xa thấy y, đều chỉ tay, và nói y ấy của tôi. Vừa nói hai người đều chạy đến để lấy. Hai người cùng tranh nhau, đều nói của mình. Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Y phấn tảo không có chủ. Hai người đồng thời lấy thì chia làm hai phần.»

Bấy giờ có số đông cư sĩ chở người chết đến gò mả. Tỳ-kheo trì y phấn tảo thấy, liền nói với các tỳ-kheo khác:

«Chúng ta nên đến để lấy y phấn tảo. Hôm nay chắc lấy được nhiều.»

Tỳ-kheo kia nói:

«Các thầy đi đi. Tôi không đi được.»

Các tỳ-kheo liền đi, lấy được nhiều y phấn tảo, đem về trong Tăng-già-lam, giặt sạch, sửa sang lại. Tỳ-kheo kia thấy, nói tỳ-kheo này rằng:

«Thầy làm gì mà không cùng tôi đi lấy y? Tôi đi lấy được khá nhiều đem về đây.»

Tỳ-kheo này nói:

«Đem đến đây chia cho tôi với.»

Tỳ-kheo kia nói:

«Thầy không cùng tôi đi lấy, sao đòi chia?»

Hai vị tranh cãi nhau. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Thuộc về vị đi lấy kia.»

Có số đông tỳ-kheo trì y phấn tảo, hẹn nhau đến gò mả lấy y phấn tảo. Có hai tỳ-kheo được y quý giá. Các tỳ-kheo kia nói:

«Chia cho chúng tôi với.»

Tỳ-kheo kia trả lời:

«Tôi được y này, tại sao bảo chia cho thầy?»

Nhiều vị cùng tranh, tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tùy theo sự cam kết trước. Được nhiều ít nên cùng chia cho nhau.»

Phật ở tại nước Xá-vệ. Có các cư sĩ, khi ông bà hay cha mẹ chết, dùng tràng phan bảo cái, y vật trang trí nơi mộ của ông bà hay cha mẹ. Tỳ-kheo trì y phấn tảo thấy, bèn lột lấy đi. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: «Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, trộm lấy vật của người mà tự nói tôi biết chánh pháp. Xem thế thì có gì là chánh pháp? Chúng ta vì tổ phụ mẫu hay phụ mẫu xây mộ phần, dùng tràng phan bảo cái để cúng dường, sao họ tự tiện lột lấy đi. Làm như chúng ta vì sa-môn Thích tử xây mộ phần cúng dường. Sự thật chúng ta vì ông bà, cha mẹ của chúng ta mà dùng tràng phan bảo cái trang trí nơi mộ phần để cúng dường kia mà!»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được lấy vật như vậy.»

Trường hợp các vật ấy gió thổi bay đến chỗ khác, hoặc chim ngậm bay đi rớt chỗ khác. Tỳ-kheo thấy, e ngại không dám lấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trường hợp như vậy thì cho phép lấy.»

Các tỳ-kheo thấy y vật trang nghiêm cúng dường nơi tháp, liền lấy. Lấy rồi e ngại, bạch Phật. Phật hỏi:

«Với tâm niệm nào khi ông lấy?»

Tỳ-kheo thưa:

«Với ý nghĩ là y phấn tảo nên lấy, chứ không với tâm niệm trộm cắp.»

Đức Phật dạy:

«Như vậy thì không phạm. Nhưng không được lấy y vật trang nghiêm cúng dường nơi tháp.»

---o0o---

II. KỲ-BÀ ĐỒNG TỬ

1. Kỹ nữ thành Vương-xá

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ ở Tỳ-xá-ly có một dâm nữ tên là Am-bà-la-bà-lợi[388], nhan sắc vô cùng xinh đẹp. Ai muốn cùng ngủ một đêm thì phải trả năm mươi lượng vàng. Ban ngày cũng phải trả năm mươi lạng vàng như vậy. Bấy giờ, Tỳ-xá-ly do có dâm nữ này nên người trong bốn phương tụ tập về đó. Quốc pháp nhờ vậy mà cực kỳ sáng chói.

Các đại thần thành Vương-xá nghe đồn: «Tỳ-xá-ly có một dâm nữ [851a1] tên là Am-bà-la-bà-lợi, nhan sắc vô cùng xinh đẹp. Ai muốn cùng ngủ một đêm thì phải trả năm mươi lượng vàng. Ban ngày cũng phải trả năm mươi lạng vàng như vậy. Bấy giờ, Tỳ-xá-ly do có dâm nữ này nên người trong bốn phương tụ tập về đó. Tỳ-da-ly nhờ vậy mà cực kỳ sáng chói.»

Các đại thần đến chỗ Vua Bình-sa tâu:

«Đại vương biết chăng, tại nước Tỳ-xá-ly có một dâm nữ tên là Am-bà-la-bà-lợi, nhan sắc vô cùng xinh đẹp. Ai muốn cùng ngủ một đêm thì phải trả năm mươi lượng vàng. Ban ngày cũng phải trả năm mươi lạng vàng như vậy. Bấy giờ, Tỳ-xá-ly do có dâm nữ này nên người trong bốn phương tụ tập về đó. Tỳ-xá-ly nhờ vậy mà cực kỳ sáng chói.»

Nhà Vua nghe xong liền ra lệnh cho các đại thần:

«Các khanh sao không đưa dâm nữ ấy về đây?»

Bấy giờ trong thành Vương-xá, có một đồng nữ tên là Sa-la-bạt-đề[389], xinh đẹp không ai sánh kịp, hơn cả Am-bà-la-bà-lợi. Các đại thần liền an trí dâm nữ này. Ai muốn ngủ với dâm nữ này một đêm phải trả với giá một trăm lượng vàng, và một ngày cũng như vậy. Bấy giờ thành Vương-xá nhờ có dâm nữ này nên người bốn phương tụ tập về, nhờ vậy mà cực kỳ sáng chói. Bấy giờ con Vua Bình-sa tên là Vô Úy[390] cùng dâm nữ này chung ngủ trong đêm. Dâm nữ có thai. Từ đó dâm nữ ra lệnh cho người giữ cửa rằng: «Nếu có khách cần gặp thì nói tôi bị bệnh.» Sau đó, đủ ngày tháng, dâm nữ hạ sanh một bé trai, tướng mạo xinh đẹp. Dâm nữ liền dùng vải trắng bọc hài nhi này, bảo tớ gái đem bỏ ra ngoài đường. Người tớ gái làm theo lời sai bảo, bồng hài nhi đem bỏ.

Cũng vào buổi sáng tinh sương lúc ấy, Vương tử Vô Úy muốn đi xe đến yết kiến Phụ vương nên sai người dọn dẹp dọc đường. Bất ngờ, từ xa Vương tử trông thấy một vật trắng dọc đường, liền dừng xe, hỏi người bên đường rằng:

«Cái gói trắng đó là gì?»

Người bên đường trả lời:

«Một đứa bé.»

Vương tử hỏi:

«Còn sống hay chết?

Người bên đường nói:

«Nó sống.»

Vương tử liền ra lệnh bồng về. Vương tử Vô Úy không có con nên đem về nhà giao cho nhũ mẫu nuôi dưỡng. Vì «Nó sống» cho đặt tên là Kỳ-bà[391]. Đồng tử được Vương tử lượm

nên gọi là Đồng tử[392]. Theo thời gian lớn khôn, Vương tử rất yêu mến.

Một hôm Vương tử kêu Kỳ-bà Đồng tử đến và nói:

«Con muốn ở lâu nơi Vương gia mà không có tài nghề gì thì không được thọ hưởng bổng lộc của Vua. Con cần học kỹ thuật.»

Kỳ-bà Đồng tử trả lời:

«Con sẽ học.»

---o0o---

2. Học thuốc

Kỳ-bà Đồng tử tự nghĩ: «Tay ta nên học nghề gì để có được nhiều của cải mà ít bận rộn?» Nghĩ xong, Kỳ-bà Đồng tử quyết định học nghề thầy thuốc. Nghề này đại tài phú mà ít bận rộn. Kỳ-bà Đồng tử nghĩ tiếp: «Ai dạy nghề thầy thuốc cho ta đây.» Thời gian ấy, Kỳ-bà Đồng tử nghe tại nước Đắc-xoa-thi-la[393] có vị thầy thuốc họ A-đề-lê, tên là Tân-ca-la, tay nghề rất cao. Vị này có thể dạy ta được.» Kỳ-bà Đồng tử liền đến nước kia, chỗ Tân-ca-la ở, thưa:

«Con muốn theo thầy học nghề làm thuốc, xin thầy dạy cho con.»

Tân-ca-la trả Lời: «Được!»

Thời gian bảy năm, Kỳ-bà Đồng tử theo học nghề thầy thuốc. Một hôm tự nghĩ: «Nghề thầy thuốc này ta phải học tập bao lâu mới xong?» Nghĩ rồi, Kỳ-bà Đồng tử liền đến chỗ vị thầy thưa:

«Con học nghề làm thuốc này bao lâu mới xong?»

Vị thầy liền trao cho một cái giỏ và dụng cụ đào rễ cây, nói với Kỳ-bà Đồng tử:

«Con đến nơi nước Đắc-xoa-thi-la, trong phạm vi một do tuần, tìm xem các loại cây, có loại cây nào không phải là thuốc đem về đây.»

Kỳ-bà Đồng tử liền vâng lời thầy dạy, đến nước Đắc-xoa-thi-la, trong phạm vi một do tuần tìm kiếm mà không thấy loại cây nào không phải là thuốc. Những loại cây mà Kỳ-bà Đồng tử thấy đều là vật có thể phân tích để dùng vào thuốc được cả. Kỳ-bà Đồng tử mang giỏ không trở về, đến chỗ vị thầy thưa:

«Thưa thầy con đã đến nước Đắc-xoa-thi-la tìm loại cây nào không phải là thuốc, trong phạm vi một do tuần. Con tìm khắp nơi, không thấy có loại cây nào là chẳng phải thuốc. Tất cả đều có thể phân chất dùng vào thuốc được hết.»

Ông thầy dạy thuốc trả lời Kỳ-bà Đồng tử rằng:

«Nay con có thể về. Y đạo như vậy đã thành. Trong cõi Diêm-phù-đề này, ta là hạng nhất. Sau khi thầy qua đời, con là người kế thế.»

---o0o---

3. Chữa bịnh

1. Bấy giờ Kỳ-bà Đồng tử tự nghĩ: «Nay ta, trước hết nên trị bệnh cho ai? Nước này vừa nhỏ, lại ở vùng biên phương. Ta nên về lại bổn quốc để bắt đầu mở y đạo tại đó.» Nghĩ xong, Kỳ-bà Đồng tử liền trở về lại thành Bà-già-đà.

Trong thành Bà-già-đà, bấy giờ có người vợ của đại trưởng giả mang phải trọng bệnh đau đầu mười hai năm, các thầy thuốc đều không thể chữa trị được. Kỳ-bà Đồng tử nghe liền đến nơi nhà đó nói với người giữ cửa rằng:

«Nhà ngươi vào thưa với trưởng giả là có người thầy thuốc ở ngoài cửa.»

Người giữ cửa liền vào thưa. Vợ ông trưởng giả hỏi:

«Tướng mạo của ông thầy thuốc thế nào?»

Người giữ cửa thưa:

«Ông thầy thuốc tuổi còn nhỏ.»

Bệnh nhân liền nghĩ: «Các vị thầy thuốc lớn tuổi có kinh nghiệm kia còn chưa chữa trị được, huống là tuổi nhỏ.» Bà ta liền bảo người giữ cửa ra nói với ông thầy thuốc là nay ta không cần thầy thuốc nữa. Người giữ cửa liền ra nói:

«Tôi đã vì ông vào thưa với vợ ông trưởng giả. Mà vợ ông trưởng giả nói nay không cần thầy thuốc nữa.»

Kỳ-bà Đồng tử lại nói:

«Người có thể vì tôi vào thưa với vợ ông trưởng giả cho phép tôi chữa trị. Nếu lành thì tùy ý cho tôi thứ gì cũng được.»

Bấy giờ người giữ cửa lại vào thưa với bà chủ:

«Ông thầy thuốc nói cho phép ông ấy được chữa. Nếu lành thì tùy ý cho ông ấy thứ chi cũng được.»

Vợ ông trưởng giả nghe xong liền nghĩ: «Nếu như vậy thì không tốn gì.» Bà ra lệnh cho người giữ cửa gọi vào. Được gọi, Kỳ-bà Đồng tử vào, đến chỗ vợ ông trưởng giả hỏi:

«Bệnh khổ của bà thế nào?»

Vợ ông trưởng giả trả lời:

«Bệnh như vậy, như vậy.»

Kỳ-bà Đồng tử lại hỏi:

«Bắt đầu từ chỗ nào?»

Bà ta nói:

«Bệnh bắt đầu như vậy, như vậy.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi tiếp:

«Bệnh bao lâu rồi?»

Bà trả lời:

«Bệnh chừng ấy thời gian.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi xong nói:

«Bệnh này tôi có thể chữa trị được.»

Kỳ-bà Đồng tử liền dùng thuốc tốt như váng sữa đem chưng rồi nhểu vào lỗ mũi bệnh nhân. Váng sữa được nhểu vào đó đều chảy ra nơi miệng của bệnh nhân. Bà vợ ông trưởng giả liền lấy đồ hứng lấy tinh sữa ấy để riêng một chỗ. Kỳ-bà Đồng tử thấy vậy, lòng ôm sầu não, vì nghĩ: «Với một ít váng sữa bất tịnh như vậy mà bà ta còn tiếc như thế, huống chi khi lành bệnh bà này trả ơn ta được là bao!» Bà vợ ông trưởng giả thấy Kỳ-bà Đồng tử có vẻ buồn hỏi:

«Tại sao thầy có vẻ sầu não?»

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Thật vậy, tôi có áo não.»

Bà ta hỏi:

«Tại sao thầy sầu não?»

Kỳ-bà Đồng tử đáp:

«Vì tôi tự nghĩ với một ít váng sữa bất tịnh như thế mà bà còn tiếc, thì khi bà lành bệnh trả ơn cho tôi thế nào? Nên áo não.»

Bà vợ trưởng giả nói:

«Vì việc nhà nên không dễ vất bỏ. Nó có thể dùng thắp đèn được nên tôi hứng lấy. Thầy cứ chữa bệnh chuyện gì phải sầu ưu.»

Kỳ-bà Đồng tử nghe nói như vậy liền tiếp tục chữa trị. Sau khi bệnh lành, vợ ông trưởng giả tạ ơn Kỳ-bà Đồng tử bốn trăm ngàn lượng vàng và tôi tớ, xe cộ. Kỳ-bà Đồng tử nhận được những phẩm vật này rồi, về lại thành Vương-xá. Đến cửa nhà của Vô Úy Vương tử, nói với người giữ cửa:

«Người vào tâu với Vương tử rằng Kỳ-bà Đồng tử ở ngoài cửa.»

Người giữ cửa liền vào tâu. Vương tử ra lệnh người giữ cửa gọi vào. Kỳ-bà Đồng tử vào rồi, đầu mặt kính lễ xong, đứng qua một bên, tường trình đầy đủ tất cả sự việc đã qua với Vô Úy Vương tử và nói:

«Tất cả tặng vật nhận được xin dâng lên Vương tử.»

Vương tử nói:

«Thôi đi! Khỏi phải làm điều đó. Con cứ tự tiện xử dụng.»

Đây là con bệnh đầu tiên mà Kỳ-bà Đồng tử cậu chữa trị.[394]

2. Lúc bấy giờ, Vua Bình-sa mắc phải chứng bệnh xuất huyết nơi đường đại tiểu tiện. Các thị nữ thấy đều cười bảo rằng:

«Hiện Đại vương cũng mắc phải bệnh như bọn phụ nữ chúng ta.»

Vua Bình-sa, nghe qua hổ thẹn, liền kêu Vô Úy Vương tử bảo rằng:

«Hiện cha mắc chứng bệnh như vậy, con có thể vì cha tìm thầy thuốc chữa gấp được không?»

Vô Úy thưa:

«Có Kỳ-bà Đồng tử rành về nghề thuốc, có thể chữa trị bệnh cho phụ vương được.»

Nhà Vua bảo kêu đến. Vô Úy vương tử kêu Kỳ-bà Đồng tử đến hỏi rằng:

«Con có thể chữa bịnh cho phụ vương của ta được không?»

Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Có thể chữa được.»

Vô Úy bảo:

«Nếu được, thì ngươi đến chữa gấp.»

Kỳ-bà Đồng tử đến chỗ Vua Bình-sa, kính lễ sát chân Vua xong, đứng lui qua một bên, rồi hỏi Vua rằng:

«Đại vương bị bệnh khổ thế nào?»

Nhà Vua trả lời:

«Bị bệnh như vậy, như vậy.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi:

«Bệnh phát khởi từ đâu?»

Vua trả lời:

«Bệnh bắt đầu như vậy, như vậy.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi tiếp:

«Bệnh phát bao lâu rồi?»

Nhà Vua nói:

«Bệnh phát từ lúc đó.»

Hỏi xong, Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Có thể chữa trị được.»

Kỳ-bà Đồng tử liền lấy cái máng bằng sắt, đựng đầy nước ấm, bảo Vua Bình-sa vào trong máng nước. Vua liền vào. Bảo Vua ngồi trong nước; Vua liền ngồi. Bảo Vua nằm trong nước, Vua liền nằm. Khi ấy, Kỳ-bà Đồng tử dùng nước rưới lên Vua mà chú thuật; Vua liền ngủ. Kỳ-bà Đồng tử nhanh nhẹn bước vào trong nước, dùng dao bén mổ ngay chỗ ung nhọt của Vua; rửa sạch, dùng thuốc thoa. Thoa xong, bệnh lành. Nơi mụt nhọt mọc lông lại, giống như chỗ không bệnh. Đâu đó xong, Kỳ-bà Đồng tử liền thay máng nước đầy, dùng nước rưới Vua, chú thuật. Vua tỉnh dậy hỏi:

«Chữa cho ta đi!»

Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Tôi đã trị xong.»

Nhà Vua nói:

«Chữa khỏi không?»

Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Đã khỏi rồi.»

Nhà Vua liền dùng tay sờ, mà không biết mụt nhọt ở chỗ nào.»

Vua hỏi:

«Nhà ngươi chữa trị bằng cách nào, đến nỗi không còn dấu mụt nhọt nữa?»

Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Tôi chữa bệnh há có thể còn lại dấu mụt nhọt ư?»

Bấy giờ Vua tập hợp các thị nữ mà nói rằng:

«Kỳ-bà Đồng tử, người thầy thuốc này đại lợi ích. Ta nghĩ rằng, ta phải ban thưởng của cải rất nhiều mới được.»

Các thị nữ liền lấy các loại anh lạc, vòng xuyến đeo nơi tay chân, kể cả các vật quý báu dùng để che kín thân người nữ và tiền vàng, ma ni, chơn châu, lưu ly, bối ngọc, pha lê, gom thành một đống lớn.

Bấy giờ, nhà Vua kêu Kỳ-bà Đồng tử đến nói rằng:

«Nhà ngươi chữa bệnh cho ta lành, ta dùng những vật này để trả ơn ngươi.»

Kỳ-bà Đồng tử thưa với đại vương:

«Thôi, tâu Đại vương, như vậy đã là ban cho tôi rồi. Tôi vì Vương tử Vô Úy mà chữa bệnh cho Đại vương.»

Khi ấy, Vua ra lệnh rằng:

«Nhà ngươi không được chữa bệnh người khác[395]. Chỉ chữa bệnh cho ta, cho Phật, cho Tăng tỳ-kheo và người trong cung mà thôi.»

Đây là con bệnh thứ hai mà Kỳ-bà Đồng tử đã chữa trị.

3. Lúc bấy giờ, tại thành Vương-xá có ông trưởng giả thường bị đau đầu, không có thầy thuốc nào chữa trị được. Bấy giờ, có vị thầy thuốc nói với ông trưởng giả là sau bảy năm ông trưởng giả sẽ chết. Có ông lại nói, sau sáu năm, sau năm năm, cho đến sau một năm sẽ chết. Có ông lại nói sau bảy tháng sẽ chết, hoặc sáu tháng, cho đến một tháng sẽ chết. Có ông lại nói sau bảy ngày sẽ chết.

Bấy giờ, ông trưởng giả tự mình đến nhà Kỳ-bà Đồng tử nói rằng:

«Ông chữa bệnh cho tôi. Tôi sẽ đền ơn ông một trăm ngàn lượng vàng. »

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Không thể được.»

Ông trưởng giả lại nói:

«Tôi sẽ trả ơn ông hai trăm ngàn. Ba trăm ngàn. Bốn trăm ngàn lượng vàng.»

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Không thể được.»

Bệnh nhân nói:

«Tôi sẽ làm tôi tớ và tất cả gia nghiệp của tôi sẽ thuộc về ông.»

Kỳ-bà Đồng tử nói rằng:

«Không phải tôi vì tiền bạc ít mà nói là không thể chữa được bịnh cho ông. Nhưng vì trước đây Vua Bình-sa có ra lệnh cho tôi rằng: ‹Khanh chỉ chữa bệnh cho ta, cho Phật, cho Tăng tỳ-kheo và người trong cung mà thôi, chứ không được chữa cho người khác.› Cho nên tôi nói không thể được. Nay nếu ông đến xin phép Vua thì tôi mới dám chữa.»

Ông trưởng giả liền đến tâu với Vua:

«Nay tôi có bệnh ngoặt nghèo. Xin Vua cho phép Kỳ-bà Đồng tử trị bệnh cho tôi.»

Vua liền kêu Kỳ-bà Đồng tử đến nói rằng:

«Trong thành Vương-xá có ông trưởng giả bị bệnh, ông có thể trị được không?»

Kỳ-bà Đồng tử trả lời: «Được.»

Nhà Vua nói:

«Nếu trị được thì đến trị.»

Lúc ấy, Kỳ-bà Đồng tử liền đến nhà ông trưởng giả, và hỏi rằng:

«Chứng bệnh của ông thế nào?»

Trưởng giả trả lời:

«Chứng bệnh tôi như vậy, như vậy.»

Kỳ-bà Đồng tử lại hỏi:

«Bệnh phát khởi từ đâu?»

Bệnh nhân nói:

«Bệnh từ như vậy, như vậy khởi phát.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi tiếp:

«Thời gian bệnh lâu mau rồi?»

Trưởng giả nói:

«Thời gia bệnh là, chừng ấy.»

Hỏi xong, Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Bệnh này tôi chữa được.»

Khi ấy, Kỳ-bà Đồng tử liền cho uống nước muối, khiến bệnh nhân bị khát; rồi cho uống rượu đến say. Kế đó, buộc bệnh nhân vào giường, tập hợp thân nhân đến xung quanh. Kỳ-bà Đồng tử dùng dao bén mổ đầu, banh xương sọ ra, chỉ cho thân quyến thấy trùng đầy trong đầu của bệnh nhân. Đây là

căn nguyên của chứng bệnh. Kỳ-bà Đồng tử nói với mọi người:

«Như lời thầy thuốc trước đây đã nói, sau bảy năm bệnh nhân sẽ chết. Ý là sau bảy năm cái não hết nên phải chết. Nói như vậy là vì không khéo thấy. Hoặc có những vị nói sau sáu, năm, bốn, ba, hai và một năm sẽ chết, vì nghĩ rằng, sau khi hết não sẽ chết. Tất cả cũng không thấy rõ. Hoặc nói sau bảy tháng cho đến một tháng sẽ chết, cũng không thấy rõ. Còn vị thầy thuốc nói bảy ngày sẽ chết. Nói như vậy là vì nghĩ, trong vòng bảy hôm, não của bệnh nhân sẽ hết nên phải chết. Chính vị thầy thuốc này mới là người khéo thấy. Nếu nay không chữa trị, qua bảy ngày, não hết, sẽ phải chết.»

Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử trừ sạch bịnh trong đầu xong, đổ váng sữa, mật vào đầy trong đầu, sau ghép xương sọ rồi may lại, dùng thuốc tốt bôi. Tức thì, bệnh khỏi, thịt đầy lại như cũ, tóc mọc lại, như chỗ không bị mổ không khác.

Kỳ-bà Đồng tử hỏi ông trưởng giả:

«Ông nhớ lời hứa trước đây không?»

Ông trưởng giả trả lời:

«Tôi nhớ trước đây có nói, ‹Nếu thầy chữa bệnh tôi lành, tôi sẽ làm tôi tớ và tất cả gia nghiệp của tôi sẽ giao cho thầy›».

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Thôi, Trưởng giả, như thế là đã cho tôi rồi. Chỉ nên dùng lời nói trước.»

Khi ấy, ông trưởng giả liền đem bốn mươi vạn lượng vàng, để tạ ơn. Kỳ-bà Đồng tử dùng một trăm ngàn lượng dâng lên Vua, một trăm ngàn lượng cung phụng thân phụ, hai trăm ngàn lượng tự mình sử dụng. Đây là bệnh nhân thứ ba, mà Kỳ-bà Đồng tử chữa trị.

4. Lúc bấy giờ, tại nước Câu-thiểm-di có con ông trưởng giả vì ham đùa trên cái bánh xe[396], nên ruột bên trong bị thắt lại, ăn uống không tiêu, không bài tiết được, nhưng tại nước đó không ai chữa trị được. Ông nghe nước Ma-kiệt có vị thầy thuốc rất giỏi, có thể chữa được bệnh này, liền sai sứ đến tâu với Vua:

«Con ông trưởng giả nước Câu-thiểm-di bệnh. Kỳ-bà Đồng tử có thể chữa được. Cúi xin Vua cho phép đến.»

Vua Bình-sa cho gọi Kỳ-bà Đồng tử đến hỏi rằng:

«Có con ông trưởng giả nước Câu-thiểm-di bị bệnh, ngươi có thể chữa được không?»

Kỳ-bà Đồng tử trả lời là được.

Nhà Vua nói:

«Nếu chữa được, thì đi chữa cho họ.»

Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử đi xe đến nước Câu-thiểm-di. Kỳ-bà Đồng tử vừa mới đến nơi thì con ông trưởng giả đã chết, nghe tiếng kỹ nhạc đưa ma. Kỳ-bà Đồng tử liền hỏi rằng:

«Ở đây có việc gì mà có tiếng kỹ nhạc, tiếng trống kèn vậy?»

Người bên cạnh trả lời:

«Con ông trưởng giả bị bệnh mà ông đến chữa đó, đã chết rồi. Đó là tiếng kèn trống đưa đi chôn.»

Cậu Kỳ-bà Đồng tử có tài giỏi phân biệt tất cả các loại âm thanh, nên bảo khiêng trở lại, và nói:

«Người này chưa chết.»

Kỳ-bà Đồng tử nói như vậy, họ liền khiêng trở lại.

Kỳ-bà Đồng tử xuống xe, lấy dao bén mổ ngay bụng, vạch chỗ ruột bị thắt, chỉ cho cha mẹ và thân nhân của bệnh nhân xem và nói rằng:

«Đây là vì đùa trên bánh xe nên khiến cho ruột bị thắt lại như vầy. Do đó ăn uống không [853a1] tiêu, chứ không phải là chết.»

Kỳ-bà Đồng tử liền giải thông ruột ra, sắp lại như cũ, rồi may ngoài da, dùng thuốc tốt thoa nó. Sau đó vết mổ lành, lông mọc trở lại giống như chỗ không mổ.»

Con ông trưởng giả trả ơn cho Kỳ-bà Đồng tử bốn mươi vạn lượng vàng. Vợ của con ông cũng đem bốn mươi vạn lượng vàng để đền ơn người đã cứu chồng mình sống lại. Cha mẹ của bệnh nhân mỗi người cũng đem bốn mươi vạn lượng vàng để hậu tạ cho Kỳ-bà Đồng tử. Đây là bệnh thứ tư mà Kỳ-bà Đồng tử đã cứu chữa.

5. Lúc bấy giờ, quốc vương Úy-thiền[397] là Vua Ba-la-thù-đề[398], ròng rã mười hai năm bị bệnh đau đầu, không có thầy thuốc nào chữa được. Vua nghe Vua Bình-sa có vị thầy thuốc đại tài, có thể chữa trị chứng bệnh của mình được, liền sai sứ đến tâu với Vua Bình-sa rằng:

«Ba-la-thù-đề mắc bệnh, Kỳ-bà Đồng tử có thể chữa trị được. Xin Vua cho phép Kỳ-bà Đồng tử được đến chữa.»

Vua liền gọi Kỳ-bà Đồng tử đến hỏi:

«Ngươi có thể chữa bệnh cho Ba-la-thù-đề không?»

Kỳ-bà Đồng tử trải lời:

«Có thể được.»

Nhà Vua nói:

«Nếu chữa được thì đi chữa.»

Vua nói tiếp:

«Vua ấy từ bọ cạp mà ra. Khanh khéo giữ mình, chớ để mất mạng.»

Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Xin vâng.»

Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử đến nước Úy-thiền, chỗ của Ba-la-thù-đề, kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, hỏi Vua rằng:

«Bệnh trạng thế nào?»

Nhà Vua trả lời:

«Bệnh trạng như vậy, như vậy. »

Kỳ-bà Đồng tử hỏi:

«Bệnh bắt đầu từ đâu?»

Nhà Vua nói:

«Bệnh bắt đầu như vậy, như vậy.»

Kỳ-bà Đồng tử hỏi tiếp:

«Từ khi phát bệnh đến nay, bao lâu rồi?»

Bệnh nhân nói:

«Thời gian bệnh là chừng ấy.»

Theo thứ tự hỏi xong, Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Bệnh này tôi có thể chữa được.»

Nhà Vua nói:

«Nếu dùng váng sữa hay thuốc trộn váng sữa, ta không uống được. Nếu cho ta uống thuốc trộn váng sữa, ta sẽ giết ngươi.»

Chứng bệnh này các thứ thuốc khác không trị được. Chỉ có váng sữa trị được mà thôi.

Kỳ-bà Đồng bèn bày chước, tâu với Vua:

«Y pháp trị bệnh của tôi, mai, trưa, chiều, tối xin được phép tự do ra vào.»

Nhà Vua nói với Kỳ-bà Đồng tử:

«Tùy ý ngươi cứ ra vào.»

Kỳ-bà Đồng tử lại tâu tiếp.

«Nếu cần vị thuốc quý giá, phải cởi ngựa để đi cho nhanh, xin Vua cho phép.»

Vua liền cấp cho con lạc đà đi năm mươi do tuần ngày. Kỳ-bà Đồng tử liền dùng thức ăn rất mặn cho Vua ăn. Rồi ở chỗ kín đáo, nấu váng sữa làm thuốc. Làm cho nó thành màu nước, vị nước. Kỳ-bà Đồng tử đưa thuốc cho mẹ của Vua và dặn:

«Khi nào Vua thức dậy, khát nước, đòi uống nước, thì đưa thứ thuốc này cho Vua dùng.»

Kỳ-bà Đồng tử đưa thuốc cho mẹ của Vua rồi, liền cỡi con lạc đà có sức chạy năm mươi do tuần ngày mà đi.

Vua thức dậy khát nước, đòi uống. Bà mẹ đưa thứ thuốc nước đó cho Vua uống. Khi thuốc tiêu hóa, cảm thấy có mùi váng sữa, Vua nói:

«Kỳ-bà cho ta uống váng sữa, là oan gia của ta, làm sao chữa bệnh ta được. Hãy cấp tốc kiếm, đưa đến đây.»

Sứ giả liền đến chỗ Kỳ-bà Đồng tử ở, tìm không có. Hỏi người giữ cửa rằng:

«Kỳ-bà Đồng tử ở đâu?»

Người giữ cửa nói:

«Kỳ-bà Đồng tử, cởi con lạc đà đi năm mươi do tuần ngày, đã đi rồi.»

Vua càng thêm lo sợ, nói:

«Cho ta uống váng sữa là oan gia của ta, làm sao chữa trị cho ta được!»

Lúc ấy, nhà Vua có một người đi bộ giỏi, tên là Ô, một ngày có thể đi sáu mươi do tuần. Nhà Vua liền kêu đến bảo:

«Ngươi có thể truy đuổi Kỳ-bà Đồng tử được chăng?»

Người ấy thưa:

«Có thể.»

Nhà Vua nói:

«Ngươi đến gọi về đây!»

Nhà Vua dặn:

«Kỳ-bà Đồng tử có kỹ thuật cao, ngươi chớ nên ăn những thức ăn gì do Kỳ-bà Đồng tử đưa. Có thể ngươi bị thuốc độc đó.»

Ô thưa:

«Vâng.»

Và theo lời dạy của Vua.

Kỳ-bà Đồng tử đi đến nửa đường, khỏi phải lo sợ nữa, ngừng lại làm thức ăn, nên Ô, người chạy nhanh đuổi theo kịp. Nói với Kỳ-bà Đồng tử:

«Vua Ba-la-thù-đề sai gọi ông.»

Đáp, sẽ đi liền.

Kỳ-bà Đồng tử mời Ô ăn. Ô không chịu ăn. Kỳ-bà Đồng tử tự mình ăn nửa trái a-ma-lặc[399], để lại nửa trái, uống nước cũng để lại nửa ly. Dưới móng tay Kỳ-bà Đồng tử đã phục sẵn thuốc độc, thuốc ấy ngấm vào nửa trái và nửa ly nước còn lại. Kỳ-bà Đồng tử nói với ông Ô rằng:

«Tôi đã ăn nửa trái và uống nửa ly nước rồi, còn lại mỗi thứ phân nửa đây, ông có thể dùng đi.»

Ô liền nghĩ: «Kỳ-bà Đồng tử đã tự mình ăn nửa trái và uống nửa ly nước rồi, số còn lại bảo ta ăn, chắc không có độc.» Nghĩ như vậy rồi, Ô liền ăn nửa trái A-ma-lặc và uống nửa ly nước còn lại. Liền bị ói[400], không thể đi được nữa. Kỳ-bà Đồng tử đem thuốc để trước Ô và nói rằng:

«Giờ đó, giờ đó, ông uống thuốc này sẽ khỏi bệnh.»

Kỳ-bà Đồng tử liền cởi con lạc đà đi năm mươi do tuần ngày đó tiếp tục đi.

Sau đó, Vua cùng Ô đều lành bệnh. Vua Ba-la-thù-đề sai sứ gọi Kỳ-bà Đồng tử, nói rằng:

«Nhà ngươi đã trị lành bệnh cho ta. Ta xin tạ ơn nhà ngươi gấp bội lần so với phẩm vật mà nhà ngươi đã thu được nhiều hay ít nơi nước kia.»

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Thôi, tâu Đại vương, như thế là đã ban cho tôi rồi. Tôi vì Vua Bình-sa nên trị bệnh cho Vua mà thôi.»

Bấy giờ, Vua Ba-la-thù-đề cho đưa đến một chiếc y quý giá, trị giá bằng phân nửa nước để tạ ơn.

Nhà Vua nói với Kỳ-bà Đồng tử:

«Nhà ngươi không thuận ý, nay ta xin biếu chiếc y này để gọi là báo ân.» Đây là con bệnh thứ năm mà Kỳ-bà Đồng tử đã chữa trị.

7. Bấy giờ, đức Thế Tôn bị bệnh dư nước[401], nói với Tôn giả A-nan:

«Ta bị bệnh dư nước. Cần được chữa trị.»[402]

Tôn giả A-nan nghe đức Thế Tôn dạy như vậy, đến chỗ Kỳ-bà Đồng tử nơi thành Vương-xá, nói rằng:

«Đức Như Lai bị chứng dư nước, cần được chữa trị»

Kỳ-bà Đồng tử cùng A-nan đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Đức Như Lai bị chứng dư nước phải không?»

Đức Phật dạy:

«Đúng như vậy, Kỳ-bà Đồng tử. Như lai muốn chữa trị.»

Kỳ-bà Đồng tử bạch Phật:

«Như Lai muốn xổ bao nhiêu lần?»

Phật dạy:

«Cần ba mươi lần.»

Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử cùng A-nan đến thành Vương-xá lấy ba bó hoa ưu-bát[403] đem về nhà. Kỳ-bà Đồng tử lấy một bó xông thuốc và chú thuật dặn đưa đức Như Lai ngửi, sẽ xổ được mười lần. Lấy bó thứ hai, xông với thuốc và chú thuật, dặn đưa đức Như Lai ngửi, sẽ xổ được mười lần nữa. Sau lấy bó thứ ba xông với thuốc và chú thuật, dặn đưa đức Như Lai ngửi, thì sẽ xổ được chín lần. Kế đó uống một bụm nước nóng[404], sẽ xổ được một lần nữa. Theo đó Kỳ-bà Đồng tử lấy ba bó hoa đặt trên tay Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan đem hoa ra khỏi thành Vương-xá, đến chỗ đức Thế Tôn, lấy một bó hoa dâng lên đức Thế Tôn. Ngài ngửi, liền xổ được mười lần. A-nan dâng bó hoa thứ hai, lại xổ được mười lần tiếp. Bó thứ ba, xổ được chín lần. Kỳ-bà Đồng tử quên dặn Tôn giả A-nan dâng nước nóng lên đức Phật. Nhưng đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm Kỳ-bà Đồng tử, liền kêu A-nan bảo lấy nước nóng đem đến. A-nan nghe Phật dạy liền lấy nước nóng đem đến dâng lên đức Phật. Đức Phật liền uống một bụm nước nóng. Chứng dư nước liền khỏi. Phong khí cũng theo đó mà điều hoà.

8. Bấy giờ, Vua Bình-sa nghe Đức Phật bị bệnh, cùng tám vạn bốn ngàn người hộ giá đi đến chỗ đức Thế Tôn; kính lễ hỏi thăm Ngài, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc ấy, Vua Ưu-điền nghe Đức Thế Tôn bệnh, cũng dẫn bảy vạn người đến thăm. Vua Ba-la-thù-đề cùng với sáu vạn người đến thăm. Vua Phạm Thí cùng với năm vạn người. Mạt-lợi Phu nhân, Lê-sư-đạt-đa, Phú-la-na.

Bốn Đại thiên vương và các thuộc hạ tuỳ tùng. Thích Đề-hoàn Nhơn cùng Đao lợi chư thiên. Diệm thiên tử cùng với Diệm thiên. Đâu-suất thiên vương cùng Đâu-suất chư thiên. Hóa lạc thiên vương cùng Hóa lạc chư thiên. Tha hóa tự tại thiên vương cùng Tha hóa tự tại thiên. Phạm thiên vương cùng với chúng Phạm thiên. Ma-hê-thủ-la thiên vương cùng với Ma-hê-thủ-la chư thiên. Tất cả đều đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng cùng với năm trăm tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn đảnh lễ sát chân, lui đứng qua một bên.

Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe đức Thế Tôn bệnh, cũng cùng năm trăm tỳ-kheo-ni; A-nan Tân-đề cùng năm trăm ưu-bà-tắc; Tỳ-xá-khư Mẫu cùng năm trăm ưu-bà-di, đến chỗ đức Thế Tôn, [855a1] đầu mặt kính lễ thăm hỏi Ngài.

Bấy giờ, Đề-bạt-đạt-đa nghe đức Thế Tôn bị bệnh cũng đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Đề-bạt-đạt-đa thấy trước đức Thế Tôn bốn bộ chúng nhóm hợp, liền khởi ý nghĩ như vầy: «Nay ta có thể uống thuốc như Phật, khiến bốn bộ chúng đến thăm hỏi ta.» Nghĩ xong, liền đến chỗ Kỳ-bà Đồng tử nói rằng:

«Tôi muốn uống thứ thuốc như Phật uống. Ông có thể cho tôi uống được không?»

Kỳ-bà Đồng tử nói:

«Thứ thuốc đức Thế Tôn dùng tên là Na-la-diên[405], thứ thuốc này chẳng phải ai cũng dùng được. Chỉ có Chuyển luân vương, bậc đã thành tựu Bồ-tát, đức Như Lai mới có thể dùng được.»

Đề Bà nói:

«Nếu không cho tôi dùng tôi sẽ hại ông.»

Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử sợ bị hại mạng nên liền đưa thuốc cho Đề-bà-đạt-đa. Do uống thuốc này mà Đề-bà-đạt-đa bị bệnh nặng, thân tâm đều đau khổ, cô đơn một mình, không ai tới lui thăm viếng, cũng không có bà con chăm sóc. Đề-bà-đạt-đa tự nghĩ: «Như ta hiện nay, không ai cứu giúp. Chỉ có đức Như Lai.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm nghĩ Đề-bà-đạt-đa như vậy, liền từ núi Kỳ-xà-quật, thân phóng ra ánh sáng «thi dược»[406] chiếu đến Đề-bà-đạt-đa, khiến tất cả bệnh khổ liền được chấm dứt. Sau khi Đề-bà-đạt-đa được lành bệnh không lâu, đến các ngã đường trong thành Vương-xá xướng lên rằng:

«Thái tử Tất-đạt-đa xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương xuất gia làm đạo. Nay làm nghề thầy thuốc để nuôi sống. Tại sao biết như vậy? Chính tôi vừa được chữa lành đây, nên tôi biết.»

Các tỳ-kheo nghe biết; trong đó có vị thiểu dục tri túc sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Đề-bà-đạt-đa: «Đức Như Lai dũ lòng thương đối với ông, sao ông không biết đền đáp?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, bạch Phật:

«Thật chưa từng có! Thế Tôn đã dũ lòng thương đối với Đề-bà-đạt-đa. Nhưng Đề-bà-đạt-đa lại không trả ơn.»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Không phải chỉ đến hôm nay ta dũ lòng thương đối với Đề-bà-đạt-đa mà không được trả ơn đâu. Vào đời quá khứ, có nhà Vua tên là Nhất Thiết Thí,[28] làm Vua cõi Diêm-phù-đề. Khi ấy cõi đất Diêm-phù-đề rộng và bằng phẳng, nhân dân đông đúc, no đủ vui sướng vô cùng. Hồi ấy Diêm-phù-đề có tám vạn bốn ngàn thành, năm ngàn ức tụ lạc, sáu vạn biên thành. Bấy giờ, có bệnh nhân đến chỗ Vua Nhất Thiết Thí, thưa với Vua rằng:

«Tôi nay không ai cứu giúp. Chỉ có Vua thôi.»

Bấy giờ, nhà Vua tập hợp các danh y trong cõi Diêm-phù-đề, chỉ cho thấy bệnh nhân này và hỏi các lương y rằng:

«Bệnh nhân này cần dùng thứ thuốc gì?»

Các lương y khám bệnh rồi thưa:

«Theo bệnh của người này, người thường không thể cho thuốc được. Chỉ có các bậc thành tựu Bồ-tát mới có thể cho phương thuốc được.»

Nhà Vua hỏi:

«Cần thứ thuốc gì?»

Lương y nói:

«Bệnh nhân này nếu có được thịt máu sống do Bồ-tát từ tâm để ăn trong hai mươi chín ngày thì mới lành được.»

Vua Nhất Thế Thí khởi tâm nghĩ rằng: «Sanh tử miên viễn, luân chuyển không bờ, chịu các khổ não; hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh bị chặt chân tay, xẻo tai, xẻ mũi, móc mắt, bổ đầu, cuối cùng đâu có ích gì» Vua liền giao việc nước cho quần thần, vào trong chỗ vắng, tư duy bốn hạnh vô lượng. Bấy giờ, Vua Nhất Thế Thí dùng dao bén cắt thịt nơi đùi vế, sai người đem đến cho bệnh nhân ăn, trải qua hai mươi chín ngày như vậy, sau đó Vua hỏi sứ giả rằng:

«Bệnh nhân thế nào?»

Sứ giả tâu với nhà Vua:

«Bệnh nhân đã lành.»

Nhà Vua bảo, dẫn đến ta xem.

Sứ giả liền tắm rửa người bệnh, mặc áo mới dẫn đến chỗ Vua. Vua hỏi?

«Bệnh của ngươi thế nào?»

Người bệnh nói:

«Đã lành.»

Nhà Vua nói:

«Thôi, nhà ngươi tuỳ ý mà lui.»

Khi người kia ra khỏi cửa, chân bên hữu vấp phải đá chảy máu. Người khác thấy vậy hỏi:

«Nầy nam tử! Tại sao chân của ngươi bị chảy máu?»

Người kia liền nói:

«Ông Vua phi pháp này! Vua tệ ác này! Vua dâm dục phi pháp này! Vua ham mê tà kiến nầy! Tôi vấp phải then cửa trong nhà của ông ấy, nên chân bị thương chảy máu như vậy.»

Mọi người nói:

«Chưa từng có hạng người nào vô ân như thế này. Vua Nhất Thế Thí trong vòng hai mươi chín ngày tự lấy thịt và máu thân mình, để chữa trị bệnh cho được lành, mà đối với Vua không có sự trả ơn, lại còn thêm tiếng oán!»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Vua Nhất Thiết Thí lúc bấy giờ chính là bản thân ta vậy. Bệnh nhân lúc ấy chính là Đề-bà-đạt-đa hiện nay. Đời trước ta tỏ lòng từ mẫn đối với Đề-bà-đạt-đa, nhưng đã không được trả ơn. Hiện nay cũng như vậy, không hề trả ơn.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì Đề-bà-đạt-đa nói kệ này rằng:

Tất cả núi và biển,

Ta không cho là nặng.

Người không trả ơn kia,

Ta cho đó là nặng.

Người không đền đáp ơn,

Như bệnh hủi xấu ác;

Hoặc là bệnh hủi trắng,

Không trả ơn cũng vậy.

«Vậy các tỳ-kheo luôn luôn cần nghĩ đến việc trả ơn. Hãy học như vây.»

Lúc bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử chăm sóc bệnh đức Thế Tôn và dùng thang tiêu xổ, cùng thịt loài chim đồng nội, chữa lành căn bệnh. Đây là bệnh nhân thứ sáu được Kỳ-bà Đồng tử chữa lành.

---o0o---

III. ĐÀN VIỆT THÍ Y

1. Kỳ-bà thỉnh nguyện

Một hôm, Kỳ-bà Đồng tử mang chiếc y quý giá[407] đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch đức Thế Tôn:

«Con trị bệnh cho Quốc vương, trị bệnh cho Đại thần, hoặc được một quốc độ, hoặc được một tụ lạc. Cúi xin đức Thế Tôn cho một ước nguyện.»

Đức Phật dạy:

«Ta không hề cho ai ước nguyện mà vượt quá điều nguyện.»[408]

Kỳ-bà Đồng tử lại thưa:

«Con xin một ước nguyện thanh tịnh.»[409]

Đức Phật dạy:

«Nguyện thanh tịnh ấy là gì?»

Kỳ-bà Đồng tử thưa:

«Chiếc y quý giá này, con nhận được từ Vua Ba-la-thù-đề, giá trị bằng phân nửa nước. Cúi xin đức Thế Tôn ai mẫn, vì con nạp thọ. Từ nay về sau, nguyện đức Thế Tôn cho phép các tỳ-kheo nào muốn khoác y của đàn-việt cúng, hay y phấn tảo, thì tùy ý được mặc.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn chấp thuận bằng cách im lặng. Kỳ-bà Đồng tử được đức Thế Tôn chấp thuận, liền đem bình nước rửa bằng vàng rửa tay đức Phật, rồi đem chiếc y rất quý giá dâng lên Ngài. Đức Phật vì lòng từ mẫn nên vì ông mà nhận. Kỳ-bà Đồng tử đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Kỳ-bà Đồng tử nói các bài pháp, khiến sanh hoan hỷ, rồi Kỳ-bà Đồng tử lễ Phật cáo lui.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, vì các tỳ-kheo, mà tùy thuận nói pháp, ngài dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà, nhiếp trì oai nghi, thiểu dục tri túc, có trí tuệ, ưa nếp sống xuất ly. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Tất cả các loại y quý giá, y nầy là bậc nhất. Như bò cho ra sữa, trong sữa cho ra lạc, trong lạc cho ra tô, trong tô cho ra thục tô, trong thục tô cho ra đề hồ là tinh chất đệ nhất. Y nầy cũng như vậy, trong tất cả các loại y nó là đệ nhất. Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo tùy ý khoác y của đàn-việt dâng cúng, hay y phấn tảo.»

---o0o---

2. Các loại y quý

Bấy giờ, Vua Bình-sa nghe đức Phật cho phép các tỳ-kheo chứa y đàn-việt cúng, liền đem y khâm-bà-la quý giá đang mặc dâng cúng cho tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không nhận nói:

«Đức Phật chưa cho phép chúng tôi chứa loại y quý giá. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép chứa y quý giá khâm-bà-la.»

Sau đó, Vua lại sai người đem y quý giá cù-lâu[410] đến. Các tỳ-kheo không dám nhận, vì đức Phật chưa cho phép chứa y quý giá cù-lâu. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo chứa cù-lâu bằng lông vừa rộng vừa dài. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

[855a1]«Không được chứa.»

Đức Phật dạy tiếp:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo chứa cù-lâu rộng ba khủy tay, dài năm khủy tay, lông dài ba ngón tay, tịnh thí rồi mới chứa.»

Bấy giờ Kỳ-bà Đồng tử nghe đức Phật cho phép các tỳ-kheo chứa y của đàn-việt cúng, liền sai người đem cù-lâu bằng lông ngắn, nhà Vua mặc, đến cúng các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không dám nhận, và nói vì đức Phật chưa cho phép chúng tôi chứa loại cù-lâu bằng lông ngắn này. Các tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép chứa.»

---o0o---

3. Nhận và chia

Bấy giờ, nơi thành Vương-xá có các ưu-bà-tắc nghe đức Phật cho phép các tỳ-kheo chứa y đàn-việt cúng, liền sai người đem rất nhiều loại y tốt cúng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không biết nên làm như thế nào, liền đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận và chia.»

Các tỳ-kheo không biết nên chia như thế nào. Đức Phật dạy:

«Nên đếm số người nhiều hay ít. Như mười người thì chia làm mười phần. Cho đến trăm người thì chia làm trăm phần. Khi chia y, số y vừa có thứ tốt, vừa có thứ xấu, người chia y vội lấy phần mình. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy, mà nên sai người khác chia, khiến người khác lấy phần.»

Người kia tự lấy phần của mình. Đức Phật dạy:

«Không được tự lấy phần, mà nên rút thăm để chia.»

Vị tỳ-kheo kia tự rút thăm. Đức Phật dạy:

«Không được tự mình rút thăm khi chia. Khi rút thăm, không được để cho thấy.»

Bấy giờ, có vải y quý giá thứ Vua mặc, không thể chia được. Đức Phật cho phép cắt ra để chia. Từ nay về sau, cho phép dùng dao để cắt rọc vải.

Bấy giờ, có tỳ-kheo nhận được vải chưa giặt. Đức Phật cho phép tự mình giặt, hoặc sai người giặt. Lúc ấy, cần chậu để giặt. Đức Phật cho phép dùng chậu để giặt. Hoặc không có ván để giặt, đức Phật cho phép sắm ván để giặt. Hay cần kéo để cắt, đức Phật cho phép sắm kéo để dùng.

---o0o---

4. Y cát triệt

Khi đức Thế Tôn từ thành Vương-xá du hành trong nhân gian đến phương nam. Trên đường đi, thấy cánh đồng ruộng, người ta đắp bờ xung quanh những thửa ruộng rất khéo. Thấy vậy, đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Ông có thấy những thửa ruộng này không?»

Tôn giả thưa:

«Có thấy, bạch đức Thế Tôn.»

Đức Phật hỏi ông A-nan:

«Ông có thể vì các tỳ-kheo mà chế pháp y như vậy được không?»

Tôn giả thưa:

«Bạch đức Thế Tôn, con có thể chế được.»

Đức Phật bảo Tôn giả:

«Ông nên trở về dạy các tỳ-kheo.»

Bấy giờ, Tôn giả A-nan trở về lại thành Vương-xá dạy các tỳ-kheo may y cắt rọc như vầy: Đây là điều dài, đây là điều[411] ngắn, đây là lá[412], đây là đường may thứ nhất, đây là đường may thứ hai, đây là đường may giữa, đây là lá điều hướng hai bên.[413]

Bấy giờ, tại thành Vương-xá có số đông tỳ-kheo đã khoác y cắt rọc[414]. Sau khi đức Thế Tôn du hành trong nhân gian từ phương nam trở về thành Vương-xá, thấy các tỳ-kheo số đông đã khoác y cắt rọc nên nói rằng:

«A-nan là người thông minh, đại trí tuệ. Ta chỉ nói sơ qua mà có thể giải nghĩa rộng rãi. Đệ tử các đức Như Lai, Vô sở

trước, đời quá khứ, đã mặc pháp y như vậy; như Ta hiện nay. Đệ tử của các đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đời vị lai, cũng sẽ mặc pháp y như vậy; như ta hiện nay. Vì y của sa-môn, dùng dao cắt rọc may thành, nên không bị oán tặc cướp đoạt. Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo cắt rọc may thành y an-đà-hội, y uất-đà-la-tăng, y tăng-già-lê.

Bấy giờ, các tỳ-kheo cắt rọc may thành y an-đà-hội, mặc sát thân, lá y ngoài đường biên mau hư, bụi đất vào trong lá, từ đó về sau cho phép may y an-đà-hội không cắt rọc. Các tỳ-kheo khoác y uất-đà-la-tăng, tăng-già-lê cắt rọc, lá y ngoài đường biên cũng mau bị hư, bụi đất vào bên trong ẩm ướt. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép khoác y uất-đa-la-tăng, tăng-già-lê cắt rọc, nhưng lá y ngoài đường biên may thành chân chim, hoặc lá y ngoài đường biên may thành cái lề, hoặc may thành răng con ngựa.»

Các tỳ-kheo không biết may bao nhiêu điều. Đức Phật dạy:

«Nên may năm điều, không được may sáu điều. Nên may bảy điều, không được may tám điều. Nên may chín điều, không được may mười điều. Cho đến mười chín điều, không được may hai mươi điều. Nếu quá số điều này, không được chứa.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo vận xếp ngược niết-bàn-tăng[415] vào nhà bạch y, bị bung nên lộ hình. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Cho phép làm cái dây để cột.»

Bầy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chứa và xử dụng cái dây cột có màu sắc đẹp. Đức Phật dạy:

«Không được tích chứa và xử dụng cái dây có màu sắc đẹp như vậy.»

Các tỳ-kheo dùng gấm để làm. Đức Phật dạy:

«Không được làm bằng gấm.»

Các tỳ-kheo chứa và xử dụng cái dây màu trắng. Đức Phật dạy:

«Không được dùng màu trắng để làm. Cho phép nhuộm màu ca-sa để chứa dùng.»

Nhóm sáu tỳ-kheo may dây thắt lưng vừa rộng, vừa dài. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được may như vậy. Cho phép may bề rộng bảy ngón tay, vòng quanh lưng ba bận. Nếu nhận được cái đã may rồi, nên làm hai lớp, ba lớp, bốn lớp. Nếu ba, bốn lớp bị rối loạn thì cho phép may dính lại. Nếu ngắn thì cho phép làm dây nối thêm. Nếu mỏng manh, mà thường cột sợ mau đứt thì nên làm cái khâu hay cái móc.»

Các tỳ-kheo dùng vật báu làm (khâu và móc). Đức Phật dạy:

«Không được dùng những vật quý báu để làm. Nên dùng xương, ngà, sừng, thiết, đồng, bạch lạp, chì, kẽm, chỉ, cây, hồ giao để làm.»

Các tỳ-kheo không biết đặt cái móc thế nào. Đức Phật dạy:

«Dùng chỉ khâu hoặc xâu lỗ rồi buộc vào.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo buộc nhưng bị hư đứt hoài. Đức Phật cho sửa chữa. Nhưng lại không biết sửa thế nào? Phật bảo hoặc xếp lại rồi dùng chỉ khâu, hoặc trên đầu dây sờn hư thì lấy chỉ khâu nối lại, hoặc vá lại.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo vào tụ lạc không chịu cột tăng-kỳ-chi[416]. Khi đi y bị rơi, lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không được không buộc y mà vào tụ lạc. Cho phép buộc dây hay khâu lại.»

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vào nhà bạch y, bị gió thổi, y cắt rọc bị tuột khỏi vai. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy

«Cho phép trên đầu vai đặt cái khâu hay cái móc.»

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành trong nhân gian. Bấy giờ, phần đông tỳ-kheo cầm y, hoặc đội y trên đầu, hoặc choàng nơi vai, hoặc quấn nơi thắt lưng. Bấy giờ, có tỳ-kheo tự là Già-phạm-bà-đề[417], đến bên sông Hằng, chỗ đức Phật muốn lội qua, dùng thần lực vẹt nước để Phật lội qua. Khi Phật lội qua sông rồi, thấy các tỳ-kheo phần nhiều cầm y, hoặc đội y trên đầu, hoặc choàng nơi vai, hay quấn nơi thắt lưng. Thấy vậy, Ngài nghĩ: «Các tỳ-kheo này cầm nhiều y như vầy. Ta nên vì các tỳ-kheo quy định số lượng y hoặc nhiều hoặc ít như thế nào cho có giới hạn. Nếu quá thì không được chứa.»

---o0o---

5. Kỹ nữ thành Tỳ-da-li

Thế Tôn từ nước Bà-xà, du hành nhân gian đến Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Am-bà-la-bà-đề nghe đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành nhân gian đến Tỳ-xá-ly, liền đi xe đến chỗ đức Thế Tôn. Từ xa nhìn thấy đức Thế Tôn, tướng hảo đoan nghiêm, sanh tâm cung kính hoan hỷ, liền xuống xe đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi lui qua đứng một bên. Bấy giờ, đức Phật nói pháp khuyến hóa khiến sanh hoan hỷ. Nghe đức Phật nói pháp rồi, Am-bà-la-bà-đề vui mừng hớn hở bạch Phật:

«Cúi xin đức Thế Tôn và các Tăng tỳ-kheo, sáng mai con thỉnh thọ thực và nghỉ lại tại vườn con một đêm.»[418]

Đức Thế Tôn hứa khả bằng cách im lặng. Am-bà-la-bà-đề biết đức Phật hứa khả rồi, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh đức Phật rồi cáo lui.

Thế Tôn đang ở trong vườn của Am-bà-la tại Tỳ-xá-ly.

Các Lê-xa[419] nghe đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử du hành nhân gian, đang đến nơi Tỳ-xá-ly, liền mặc đủ loại y phục, trang sức bằng anh lạc, đi các loại xe đến nghinh đón đức Thế Tôn. Các Lê-xa hoặc có người khoác y phục anh lạc màu thiên thanh, thắng xe màu thiên thanh, ngựa màu thiên thanh, thị tùng cũng mặc màu thiên thanh, đao, mâu, phan, cái cũng màu thiên thanh. Hạt châu, lông, phất trần màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, ngựa xe thị tùng trang sức cũng như vậy. Có năm trăm Lê-xa như vậy đến chỗ đức Phật. Khi Am-bà-la-bà-đề nghinh đón đức Phật trở về, giữa đường gặp các Lê-xa, không bên nào chịu tránh nhường đường, nên nóc xe [856a1] đụng nhau. Trong số Lê-xa có một vị kỳ lão hỏi Am-bà-la-bà-đề rằng:

«Vì lý do gì nhà ngươi không tránh đường, ép sát nhau khiến nóc xe đụng nhau?»

Bà-đề trả lời:

«Sở dĩ như vầy là vì tôi thỉnh đức Phật và chư Tăng về nghỉ nơi vườn tôi. Tất cả tâm tôi đều hướng về đức Phật, nên không để ý các việc khác.»

Lê-xa nói:

«Tôi trao cho nhà ngươi một trăm ngàn lượng vàng, nhà ngươi nhường cho tôi được thỉnh Phật cúng dường có được không?»[420]

Bà-đề nói:

«Tôi đã thỉnh Phật và Tăng nghỉ đêm nơi vườn tôi, làm sao thay đổi được.»

Lê-xa nói:

«Tôi sẽ trao cho nhà ngươi hai trăm ngàn lượng vàng. Cho đến, mười sáu trăm ngàn, để được thỉnh đức Thế Tôn về cúng dường một ngọ trai.»

Am-bà-la-bà-đề đều trả lời:

«Không thể được.»

Lê-xa lại nói:

«Đem tài sản phân nửa nước đưa cho nhà ngươi. Nhà ngươi để tôi được thỉnh Phật thọ thực, có được không?»

Am-bà-la-bà-đề nói:

«Dầu ông cho tôi toàn bộ nước Tỳ-xá-ly, tôi cũng không thể thay đổi được.»

«Tại sao vậy?»

«Vì tôi đã nguyện được thỉnh Phật và Tăng đến nơi vườn để cúng dường.»

Bấy giờ, năm trăm Lê-xa nổi sân hận đưa tay lên, nói

«Am-bà-la-bà-đề đã bỏ qua chúng ta rồi.»

Nói xong, họ liền cho xe đến vườn Am-bà-la.

Thế Tôn ở tại vườn kia, đang nói pháp cho vô số chúng vây quanh. Từ xa thấy năm trăm Lê-xa đến, Ngài bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo nào chưa thấy chư thiên Đao-lợi xuất du, thì nên xem các Lê-xa này. Khi chư thiên Đạo-lợi muốn xuất du thì cũng giống như các Lê-xa này không khác.»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các ngươi hãy cẩn thận tâm niệm, nhiếp trì oai nghi. Đây là lời dạy của ta.

Tỳ-kheo, thế nào là các ngươi hãy cẩn thận tâm niệm?

«Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, an trụ chánh niệm[421]; tinh cần, nhiếp trì niệm không tán loạn, điều phục xan tham, tật đố, ưu não thế gian. Quán thân trên ngoại thân, an trụ chánh niệm; tinh cần, nhiếp trì niệm, không tán loạn, điều phục xan tham, tật đố, ưu não thế gian. Quán thân trên nội ngoại thân, quán thọ, ý và pháp cũng như vậy. Tỳ-kheo như vậy được chánh tâm.

«Tỳ-kheo, thế nào gọi là nhiếp trì oai nghi?

«Tỳ-kheo hoặc ra hoặc vào, co duỗi, cúi ngước, chấp trì y bát, hoặc ăn, hoặc uống, hoặc uống thuốc, đại tiểu tiện lợi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc đi, hoặc lại, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nói năng hay im lặng, tâm thường chuyên nhất. Đó gọi là tỳ-kheo nhiếp trì oai nghi.»

Bấy giờ, năm trăm Lê-xa ở Tỳ-xá-li đến chỗ đậu xe, xuống xe, đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi năm trăm Lê-xa ở bên đức Phật thì oai thần của họ không còn nữa. Chỉ có ánh sáng oai đức tối thắng của đức Phật Thế Tôn ở giữa đại chúng không có gì sánh kịp. Như mặt trời đi trong bầu trời mùa thu không chút mây che, oai thần rực rỡ không gì sánh bằng. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ở giữa năm trăm Lê-xa với thần đức danh xưng, tướng mạo đoan chánh không gì sánh kịp. Lúc ấy, trong chúng có bà-la-môn tự là Tân-kỳ-dương-nâu[422]. Bà-la-môn này từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, bạch Phật:

«Con có điều muốn nói.»

Đức Phật dạy: «Ông cứ nói.»

Bà-la-môn này liền đối trước Phật nói kệ khen ngợi đức Như Lai:

Vua Ma-kiệt được thiện lợi,

Vua Ương già cầm giáp ngọc;

Phật xuất hiện nơi nước này,

Tiếng chấn động như núi Tuyết.

Như hương sen tinh khiết,

Khi nở thơm ngào ngạt.

Nay xem ánh sáng Phật,

Như mặt trời mới mọc;

Như mặt trăng trên không,

Không có mây che khuất.

Thế Tôn cũng như vậy,

Sáng chói trong thế gian.

Xem trí tuệ của Phật,

Như đuốc sáng ban đêm;

Cho đời con mắt sáng,

Giải quyết các nghi hoặc.

Các Lê-xa nói với bà-la-môn:

«Yêu cầu ông nói lại bài kệ này.»

Người bà-la-môn nói lại bài kệ này ba lần. Các Lê-xa cho đây là bài kệ rất hay, tặng thưởng năm trăm chiếc y. Người bà-la-môn nhận được số y này rồi, liền đem dâng lên đức Phật, nguyện cầu đức Phật dũ lòng thương vì họ mà nhận cho.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Lê-xa:

«Thế gian có năm thứ quý báu khó được. 1. Phật Thế Tôn ra đời trong thế gian là điều quý báu khó có được. 2. Đức Phật

ra đời trong thế gian, nghe được lời thuyết giảng của Ngài là điều quý báu khó có được. 3. Đức Phật ra đời trong thế gian, nghe Ngài thuyết pháp mà tin và hiểu là điều quý báu khó có được. 4. Đức Phật ra đời trong thế gian, nghe Ngài thuyết pháp mà thật hành như pháp là điều quý báu khó có được. 5. Đạt được chánh tín và ưa thích là điều quý báu khó có được.»

Bấy giờ, năm trăm Lê-xa nghe Phật dùng mọi phương tiện nói pháp khai hóa rất vui mừng, bạch Phật:

«Chúng con xin phép được mời Ngài và các Tăng tỳ-kheo ngày mai thọ thực.»

Đức Phật Nói:

«Ta đã nhận lời mời của Am-bà-la-bà-đề rồi.»

Bấy giờ năm trăm Lê-xa đưa tay lên nói:

«Am-bà-la-bà-đề đã hơn chúng con!»

Nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước đức Phật kính lễ sát chân, nhiễu quanh rồi cáo lui.

Bấy giờ, Am-bà-la-bà-đề về nhà, sắm sửa đầy đủ các loại đồ ăn thức uống ngon bổ, sáng hôm sau đúng giờ đến thỉnh đức Thế Tôn phú trai. Đức Thế Tôn khoác y bưng bát cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tăng tỳ-kheo đến nhà Am-bà-la-bà-đề, an toạ nơi chỗ ngồi.

Bấy giờ, Am-bà-la-bà-đề dâng cơm lên đức Phật và Tăng tỳ-kheo với tất cả các loại đồ ăn thức uống ngon bổ. Khi đức Phật thọ thực xong, thì Am-bà-la-bà-đề rước bình bát của Ngài để xuống đất và đem bình nước rửa bằng vàng đến rửa tay Ngài, rồi đến trước đức Phật bạch:

«Nước Tỳ-xá-ly này thì có nhiều khu vườn, nhưng quang cảnh vườn ở đây là đẹp nhất. Nay con xin dâng cúng đức Thế Tôn làm chỗ nghỉ ngơi. Cúi xin Thế Tôn nhận cho.»

Đức Phật dạy:

«Nhà ngươi nên dâng cúng Phật và tứ phương Tăng. Tại sao vậy? Vì nếu vườn của Phật, và vật trong vườn hoặc phòng xá, và vật trong phòng xá hay bình bát, y, tọa cụ, ống đựng kim, cũng như tháp miếu của Phật thì tất cả thế gian chư thiên, long thần, phạm thiên, sa-môn, bà-la-môn, chư thiên và người không thể xử dụng được.»

Am-bà-la-bà-đề thưa:

«Như vậy con xin dâng cúng Phật và tứ phương Tăng. Cúi xin Ngài nhận cho.»

Đức Phật dũ lòng thương nhận và chú nguyện cho:

Nếu xây cất chùa miễu,

Trồng vườn cây ăn trái,

Làm cầu đò người qua,

Đồng hoang cho nước trái,

Cho luôn nơi trú ngụ;

Những hạng người như vậy,

Ngày đêm phước thêm lớn.

Thường như pháp trì giới,

Người ấy hướng đường lành.

Bấy giờ, Am-bà-la-bà-đề lấy chiếc ghế nhỏ ngồi qua một bên, đức Thế Tôn nói các bài pháp, khiến Am-bà-la-bà-đề

rất hoan hỷ, từ chỗ ngồi, liền được tiêu trừ các trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc pháp, đã thành tựu chứng quả, bạch Phật:

«Từ nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, làm người ưu-bà-tư, trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Am-bà-la-bà-đề được nghe đức Phật dùng mọi phương tiện nói pháp, lòng rất vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ sát chân Ngài, rồi cáo lui.

---o0o---

6. Ba y

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở nơi tịnh xứ tư duy, tâm tự nghĩ: «Các tỳ-kheo trên đường đi quảy theo nhiều y. Có vị đội y trên đầu. Có vị vắt nơi vai. Hoặc có vị quấn nơi thắt lưng.» Sau khi thấy, suy nghĩ như vầy: «Ta hãy chế định cho các tỳ-kheo số lượng y nhiều ít thế nào, chứ không được chứa nhiều quá.»

Hôm đó, đức Thế Tôn ngồi nơi đất trống. Đầu đêm khoác một chiếc y, đến nửa đêm cảm thấy lạnh. Khoác chiếc [857a1] y thứ hai, đến cuối đêm vẫn cảm thấy lạnh, mặc chiếc y thứ ba. Bấy giờ, đức Thế Tôn mới nghĩ như vầy: «Đời sau, người thiện nam không chịu đựng được sức lạnh, thì nên cho phép chứa đầy đủ ba y. Ta nên cho phép các tỳ-kheo chứa ba y, không được quá.»

Sáng hôm sau, nhân việc này đức Thế Tôn tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo:

«Ở nơi chỗ yên tĩnh, Ta suy nghĩ: Tỳ-kheo trên đường đi quảy theo nhiều y. Có vị đội y trên đầu. Có vị vắt nơi vai. Hoặc có vị quấn nơi thắt lưng. Sau khi thấy, suy nghĩ như vầy: Ta hãy chế định cho các tỳ-kheo số lượng y nhiều ít thế nào, chứ không được chứa nhiều quá. Chính ta ngồi nơi đất trống, đầu đêm khoác một chiếc y, đến nửa đêm cảm thấy

lạnh. Khoác chiếc y thứ hai, đến cuối đêm vẫn cảm thấy lạnh, mặc chiếc y thứ ba. Nên Ta khởi ý nghĩ: Đời sau, người thiện nam sẽ không thể chịu đựng được sức lạnh, nên cho phép chứa đầy đủ ba y. Ta qui định cho các tỳ-kheo chứa ba y, không được quá. Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo chứa ba y, nếu quá, không được chứa.»

Bấy giờ, có một trú xứ nọ, Tăng bốn phương nhận được tăng-già-lê quý giá, đem may ngọa cụ. Các tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên đem đổi vật khác rồi tùy chỗ dùng.»

Các tỳ-kheo không biết sai ai đi đổi, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép tỳ-kheo đem đổi. Hoặc sai người giúp việc Tăng-già-lam. Hoặc sa-di, ưu-bà-tắc đem đổi. Hoặc thí chủ tự đổi. Rồi tùy chỗ sử dụng.»

Thế Tôn ở tại nước Bạt-đề. Có tỳ-kheo nhận được y sô-ma, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng.»

Có tỳ-kheo nhận được y la-hầu-đa[423], bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng.»

Có tỳ-kheo nhận được y a-đa-hầu-đa[424], bạch Phật, Phật cho phép chứa dùng.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chứa y có màu sắc rực rỡ, Phật dạy:

«Không được chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo lại chứa y bằng gấm có màu sắc rực rỡ. Đức Phật dạy:

«Không được chứa y bằng gấm. Y trắng nên nhuộm màu ca-sa rồi chứa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo lại khoác y có tua không cắt rọc[425]. Đức Phật dạy:

«Không được chứa.»

Có nhóm sáu tỳ-kheo lại dùng gấm làm tua y, Phật không ‹cho phép chứa dùng.›

Nhóm sáu tỳ-kheo lại chứa y phả-na-đà-thi[426], Phật dạy:

«Không được chứa. Những người ngu si này! Ta chế cái này; các ngươi lại làm cái khác!»

Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại. Có đàn-việt mời cơm. Theo thường pháp của các đức Phật, nếu không đến phú trai thì ở nhà đi xem xét các phòng ốc. Khi xem xét các phòng ốc, Ngài thấy có tỳ-kheo trải tăng-già-lê dưới đất, muốn ráp tấm vải mạng vào. Thấy vậy, đức Phật đến chỗ tỳ-kheo hỏi:

«Sao ngươi trải y dưới đất?»

Tỳ-kheo thưa:

«Con muốn khi mặc, mặt trong lộn ra ngoài thì tấm mạng này hiện ra.»

Đức Phật dạy:

«Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, việc thầy làm là phải.»

Khi các tỳ-kheo thọ thực xong trở về, đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo nói:

«Sau khi các tỳ-kheo đi thọ thực, Ta đi xem xét các phòng ốc, thấy có tỳ-kheo bung y dưới đất, muốn ráp tấm vải mạng vào. Thấy vậy ta đến chỗ tỳ-kheo hỏi tại sao thầy bung y dưới đất? Tỳ-kheo thưa, ‹Con muốn khi mặc, mặt

trong lộn ra ngoài thì tấm mạng này hiện ra.› Ta liền kheo ngợi: ‹Lành thay! Lành thay! Việc thầy làm là phải.›

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo may y mới, an-đà-hội một lớp, uất-đa-la-tăng một lớp, tăng-già-lê hai lớp. Nếu y cũ thì cho phép an-đà-hội hai lớp, uất-đa-la-tăng hai lớp, tăng-già-lê bốn lớp. Nếu y phấn tảo thì lớp nhiều ít tùy ý.»

Thế Tôn ở nước Khoáng dã. Chúng Tăng nhận được y khéo được thể hiện[427], đức Phật cho phép chứa dùng. Nhận được y gấm, Phật không cho phép dùng. Các tỳ-kheo nhận được cái mùng (màn), đức Phật cho phép dùng.

Một thời đức Thế Tôn ở tại nước Bạt-kỳ, du hành trong nhân gian, đến núi Thất-thủ-ma-la, rừng Khủng úy, trụ trong vườn Nai. Khi ấy, có Bồ-đề Vương tử làm ngôi điện đường mới, nhưng chưa có sa-môn, bà-la-môn nào đến cả. Mọi người đang chờ đợi. Một hôm, Vương tử nghe đức Phật từ nước Bạt-kỳ du hành trong nhân gian, đến núi Thất-thủ-ma-la, rừng Khủng úy, trụ trong vườn Nai, liền sai người kêu Tát-xà, con trai của người bà-la-môn, nói rằng:

«Ngươi nhơn danh ta đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, thăm hỏi đức Thế Tôn đi đứng có được nhẹ nhàng không? Ít bệnh ít não không? Trụ chỉ có an lạc không? Rồi bạch như vầy: Thỉnh Phật và tăng nhận lời mời thọ thực của ta, và bạch Phật rằng: Ta vừa xây ngôi điện đường mới, chưa có sa-môn, bà-la-môn nào đến cả. Tất cả nhân dân đều đang mong chờ, cúi xin thỉnh đức Phật đến an toạ trước, sau đó, Bồ-đề vương tử ngồi mới được phước vô lượng.» Khi ấy, Tát-xà, con trai của người bà-la-môn, kính lễ sát chân Vương tử, rồi đến chỗ đức Thế Tôn, thành kính thăm hỏi, rồi lui ngồi qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Bồ-đề vương tử cúi đầu dưới chân đức Thế Tôn, vấn an Thế Tôn, đi đứng có được nhẹ nhàng không? Ít bệnh ít não không? Trụ chỉ có an lạc không? Bồ-đề vương tử xin được phép thỉnh Phật và Tăng nhận lời mời thọ thực. Bồ-đề vương

tử vừa mới xây xong ngôi điện đường, nhưng chưa có sa-môn, bà-la-môn nào đến cả. Tất cả nhân dân đang mong chờ, xin thỉnh Phật đến an toạ trước, sau đó Vương tử sẽ ngồi mới được phước vô lượng.»

Đức Thế Tôn hứa khả bằng cách im lặng. Tát-xà, con trai của người bà-la-môn, biết đức Phật hứa khả rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật cáo lui, về lại chỗ Vương tử thưa như vầy:

«Sa môn Cù-đàm đã nhận lời thỉnh thọ thực bằng cách im lặng rồi. Bây giờ là lúc thích hợp»

Vương tử chuẩn bị cho sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ. Đêm vừa qua, sáng đến cho lau quét điện đường, dùng vải mới tốt trải từ tam cấp vào đến điện.

Đến giờ, sai người thỉnh Phật thọ thực. Đức Thế Tôn khoác y bưng bát cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tăng tỳ-kheo đến nhà Bồ-đề Vương tử. Bấy giờ, Vương tử ra ngoài cửa cung nghinh Ngài. Từ xa thấy đức Phật đến, liền đến trước Ngài đảnh lễ sát chân, rồi theo hầu Ngài đi vào, như người đệ tử biết vâng lời. Đức Thế Tôn vào trước nhà Vương tử, đứng im lặng.

Vương tử thưa:

«Cung kính thỉnh Thê tôn bước lên vải để đi lên điện, khiến cho con được phước an lạc.»

Lần thứ hai, lần thứ ba Vương tử cũng thưa đức Thế Tôn như vậy.

Đức Thế Tôn vẫn im lặng, quay lại nhìn Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan biết đức Phật không muốn bước lên trên vải mới để đi, là vì lợi ích sau này cho chúng sanh.

Tôn giả A-nan nói với Vương tử rằng:

«Xếp vải này lại. Như Lai không muốn bước lên trên để đi, là vì lợi ích sau này cho chúng sanh vậy.»

Vương tử vội vàng cho xếp vải lại và thỉnh Phật lên điện để cho con được phước. Lúc ấy, đức Phật mới lên điện, ngồi an nơi chỗ ngồi. Bấy giờ, Vương tử bắt đầu dâng cơm lên Phật và Tăng với tất cả đồ ăn thức uống ngon bổ. Đức Phật thọ thực và rửa bát xong, Vương tử lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi một bên. Đức Thế Tôn dùng mọi phương tiện vì Vương tử nói pháp rồi, từ chỗ ngồi trở về trú xứ, dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo nói:

«Vải quý trải dưới đất, không được đi lên trên, nếu đi thì sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, phòng xá của tỳ-kheo nhiều bụi đất, Phật cho phép rưới nước quét, rưới nước quét rồi lại có bụi, Phật cho phép dùng nước trộn bùn để trét. Nếu vẫn có bụi, đức Phật cho phép dùng các loại thảm y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, cù lâu, và một trong mười loại vải, trải trên đất.

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giơ bà mẹ ghẻ của Vua Ba-tư-nặc có tín tâm nơi Phật pháp, đem vải gấm quý giá thứ Vua mặc dâng cúng cho tứ phương Tăng sau đó mạng chung. Bấy giờ các tỳ-kheo đem trải trên đất. Có những đại thần không tin ưa Phật pháp, có việc đến Tăng-già-lam, thấy các tỳ-kheo đem vải gấm đại quý giá thứ Vua mặc [858a1] làm đồ trải đất, họ cơ hiềm nói:

«Sa môn thích tử không biết nhàm chán, không biết đủ, có nhiều tham cầu, chứa dư thừa, tự nói là biết chánh pháp, mà đem vải gấm đại quý giá thứ Vua mặc trải dưới đất. Như vậy có gì là chánh pháp? Đàn-việt tuy dâng cúng, nhưng người thọ nhận phải biết đủ chứ?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được dùng vải quý giá thứ Vua mặc trải dưới đất. Từ nay về sau cho phép làm nệm ngồi, nệm nằm, gối, màn che ở trên.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo quấn đầu, đến chỗ đức Phật thưa:

«Bạch Đại đức! Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, cúi xin đức Phật chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo không được quấn đầu như pháp của bạch y. Nếu quấn đầu thì sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đầu bị lạnh, bạch Phật. Phật cho phép dùng lông mịn kết lại để quấn hay làm mão để đội.

Tỳ-kheo Đãn-đà-lư-đa-lê[428] khoác y đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp trang nghiêm của hạnh đầu đà, cúi xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác y như vậy, trừ trong Tăng-già-lam. Đây là pháp của bạch y. Nếu mặc như vậy sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác một y đến chỗ Phật, bạch:

«Đây là pháp trang nghiêm của hạnh đầu đà, cúi xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được mặc một y, trừ nơi đại tiểu tiện. Đây là pháp của bạch y. Nếu khoác sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác y chui đầu[429], đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, cúi xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác. Đây là pháp của bạch y. Nếu khoác sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác y ngắn đến chỗ đức Thế Tôn thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, cúi xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác. Đây là pháp của bạch y. Nếu khoác sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác y bằng da, đến chỗ Phật bạch:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, cúi xin Ngài chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác. Đây là pháp của bạch y. Nếu khoác sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo mặc áo kép đến chỗ đức Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác. Đây là pháp của bạch y. Nếu khoác sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo mặc khố đến chỗ Phật, bạch:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được khoác. Đây là pháp của bạch y. Nếu khoác sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo quấn chân đi đến chỗ Phật, thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Không được quấn như vậy. Đây là pháp của bạch y. Nếu quấn sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo quấn chân bằng cỏ bồ đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin Thế Tôn cho phép.»

Đức Phật dạy:

«Không được quấn như vậy. Đây là pháp của bạch y, nếu quấn sẽ như pháp trị.»

Đức Phật nói các tỳ-kheo tiếp:

«Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta cấm chế, lại tạo ra những việc khác. Tất cả các pháp của bạch y như vậy, không được mặc.»

Bấy giờ. Các tỳ-kheo giả bện tóc thành búi tó, đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin Thế Tôn cho phép.»

Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy. Đây là pháp của ngoại đạo, nếu làm như vậy sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo thọ trì bát bằng cây, đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin hứa khả.»

Đức Phật dạy:

«Không được thọ trì bát như vậy. Đây là pháp của ngoại đạo không được chứa, nếu chứa sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo thọ trì lầu đựng bát[430] đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin hứa khả.»

Đức Phật dạy:

«Đây là pháp của ngoại đạo. Không được thọ trì. Nếu chứa sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác mang khăn tay thêu[431] đến chỗ đức Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin cho phép.»

Đức Phật dạy:

«Đây là pháp của ngoại đạo, không được mang. Nếu mang sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo mặc áo cỏ đến chỗ đức Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin cho phép.»

Đức Phật dạy:

«Không được mặc, đây là pháp của ngoại đạo, nếu mặc sẽ như pháp trị.» Các loại y như vầy: «hoặc bằng cỏ, bằng cỏ

bà-sa, bằng vỏ cây, bằng lá cây, bằng châu anh lạc, tất cả những loại y như vậy, đều không được chứa dùng, nếu chứa dùng sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác y bằng da của ngoại đạo, đến chỗ Phật, thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin thuận cho.»

Đức Phật dạy:

«Không được chứa, nếu chứa sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo mặc lông chim kên kên đến chỗ đức Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Đây là pháp của ngoại đạo, không được dùng. Nếu dùng sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo khoác y khâm-bà-la bằng tóc người đến chỗ Đức Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin chấp thuận.»

Đức Phật dạy:

«Đây là pháp của ngoại đạo, không được mặc, nếu mặc mắc thâu-lan-giá.»

Có tỳ-kheo khoác y khâm-bà-la bằng đuôi ngựa, đuôi trâu nước, đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin cho phép dùng.»

Đức Phật dạy:

«Đây là pháp của ngoại đạo, không được mặc, nếu mặc sẽ như pháp trị.»

Có tỳ-kheo loã thể đến chỗ Phật thưa:

«Đây là pháp đoan nghiêm của hạnh đầu đà, xin hứa khả.»

Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy, đây là pháp của ngoại đạo. Nếu lộ thân thì phạm thâu-lan-giá.»

Đức Phật dạy tiếp:

«Các ngươi là những người ngu si. Tránh những điều ta đã ngăn cấm, lại tạo ra bao nhiêu cái khác. Tất cả các pháp của ngoại đạo như vậy không được làm.»

---o0o---

7. Pháp thức phân vật

Bấy giờ, có tỳ-kheo nơi trú xứ nọ, hiện tiền Tăng nhận được nhiều y vật có thể chia. Các tỳ-kheo không biết nên làm như thế nào, đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép phân chia.»

Các tỳ-kheo không biết cách chia.

Đức Phật dạy:

«Nên đếm số người nhiều hay ít, hoặc mười vị, hoặc hai mươi vị, cho đến trăm vị, thì chia trăm phần. Nếu có hai thứ tốt xấu, cho phép trộn lộn với nhau để chia.»

Vị chia tự lấy phần mình trước. Phật dạy:

«Không được tự lấy phần mình trước, mà nên bốc thăm để chia.»

Vị chia tự bốc xăm. Đức Phật dạy:

«Không được tự mình bốc thăm. Khi bốc thăm, không nên để cho thấy.»

Khi bốc thăm chia vật có khách tỳ-kheo đến. Đức Phật dạy:

«Nên chia phần cho họ.»

Hoặc khi vừa chia phần xong, hoặc lúc chưa bốc xăm, hay lúc đang bốc xăm mà có khách tỳ-kheo đến, thì tất cả đều chia phần cho họ. Chỉ trừ khi bốc xăm rồi, có khách tỳ-kheo đến thì không được chia phần, hay khi đã vui vẻ nhận phần rồi, dù có khách tỳ-kheo đến cũng không được chia phần, hay chia còn dư đem chia trở lại, đã xong mà có khách tỳ-kheo đến cũng không được chia phần, hoặc đã cho sa-di, hay sai người chia rồi, dù có khách tỳ-kheo đến cũng không được chia phần.

Trường hợp, khi tỳ-kheo đang chia y, mà khách tỳ-kheo đến quá nhiều, nên việc chia y bị vất vả phiền phức, có thể sai một người đứng ra chia, bằng pháp bạch yết-ma. Trong chúng nên sai một người có khả năng yết-ma hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật được hay không tụng luật được, miễn có thể tác pháp yết-ma, tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Y hoặc phi y của trú xứ này nhận được, nên chia cho hiện tiền Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Tỳ-kheo... làm người chia y. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Trú xứ này nhận được y hoặc phi y, nên chia cho hiện tiền Tăng. Nay Tăng sai Tỳ-kheo... làm người chia. Các trưởng lão nào chấp thuận trú xứ này, y hoặc phi y nhận được, nên chia cho hiện tiền Tăng, Tăng sai

Tỳ-kheo... làm người chia, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo... làm người phân chia rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, tỳ-kheo nhận được y bà-thâu-già[432], bạch Phật, đức Phật cho phép chứa dùng.

Các tỳ-kheo bị lạnh, bạch Phật. Phật [859a1] cho phép khoác y có độn bông.

Có trú xứ nọ, chỉ có một Tỳ-kheo, hiện tiền Tăng nhận được nhiều y, Tăng có thể chia. Các tỳ-kheo không biết làm sao, bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu tại một trú xứ nào, chỉ có một tỳ-kheo ở, mà hiện tiền Tăng nhận được nhiều y. Tăng có thể chia.»

Nhưng các tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật, Phật dạy:

«Nếu trú xứ nọ, có một tỳ-kheo ở, mà nhận được y, hiện tiền Tăng có thể chia. Nếu có khách tỳ-kheo đến từ bốn người hoặc hơn bốn người thì nên đem y trao cho một Tỳ-kheo, khiến bạch nhị yết-ma rồi chia. Nếu có ba người nên cùng nhau nói ba lời để thọ. Nếu có hai người cũng cùng nhau nói ba lời để thọ. Nếu chỉ có một người thì tâm niệm miệng nói: «Đây là phần của tôi.»

Có trú xứ nọ, có Tỳ-kheo, tưởng có Tỳ-kheo, muốn chia y theo biệt bộ[433]. Các tỳ-kheo không biết thành chia hay không thành chia. Bạch Phật, Phật dạy:

«Không thành chia, mắc đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, nghi có Tỳ-kheo, chia y theo biệt bộ. Các tỳ-kheo không biết thành chia hay không thành chia. Bạch Phật, Phật dạy:

«Không thành chia, mắc đột-kiết-la. »

Có trú xứ nọ, có tỳ-kheo, khởi tưởng không tỳ-kheo, chia y biệt bộ. Tỳ-kheo không biết thành chia hay không thành chia. Bạch Phật, Phật dạy:

«Không thành chia, không phạm.»

Có trú xứ nọ, không tỳ-kheo, tưởng có tỳ-kheo nên chia y. Các tỳ-kheo không biết thành chia hay không thành chia. Bạch Phật, Phật dạy:

«Thành chia, mắc đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, nghi là không tỳ-kheo, chia y. Không biết thành chia hay không thành chia. Bạch Phật, Phật dạy:

«Thành chia, mắc đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, không tỳ-kheo tưởng là không tỳ-kheo, chia y. Các tỳ-kheo không biết thành chia hay không thành chia. Bạch Phật, Phật dạy:

«Thành chia, không phạm.»

Bấy giờ, có trú xứ nọ có tỳ-kheo, tưởng có tỳ-kheo, thọ y biệt bộ. Các tỳ-kheo không biết thành thọ y hay không. Bạch Phật, Phật dạy:

«Không thành thọ y, mắc đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, nghi có tỳ-kheo, thọ y biệt bộ. Các tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Không thành thọ, mắc tội đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, có tỳ-kheo, tưởng không tỳ-kheo, thọ y biệt bộ. Các tỳ-kheo không biết thành thọ hay không, bạch Phật. Phật dạy:

«Không thành thọ, không phạm.»

Có trú xứ nọ, không tỳ-kheo, tưởng có tỳ-kheo thọ y. Các tỳ-kheo không biết thành thọ hay không. Bạch Phật, Phật dạy:

«Thành thọ, mắc đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, nghi là không tỳ-kheo thọ y. Các tỳ-kheo không biết thành thọ hay không. Bạch Phật, Phật dạy:

«Thành thọ, mắc đột-kiết-la.»

Có trú xứ nọ, không tỳ-kheo, tưởng không tỳ-kheo thọ y. Các tỳ-kheo không biết thành thọ hay không, bạch Phật. Phật dạy: «Thành thọ, không phạm.»[434]

---o0o---

8. Tăng vật

Lúc bấy giờ, tại nước Xá-vệ có nhiều vị tỳ-kheo nổi tiếng qua đời, nên để lại nhiều Tăng-già-lam và nhiều cây ăn trái, ruộng vườn thuộc Tăng-già-lam; có nhiều phòng riêng và các vật dụng thuộc phòng riêng; có nhiều bình đồng, chậu đồng, búa, đục, giá đèn; có nhiều vật nặng; có nhiều giường dây, giường cây, nệm nằm, nệm ngồi, gối, chứa nhiều y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, cù lâu; có nhiều người giữ Tăng-già-lam, nhiều xe cộ, nhiều bình nước rửa, tích trượng, quạt; nhiều đồ nghề thợ sắt, đồ nghề thợ mộc, đồ nghề thợ gốm, đồ nghề thợ da, đồ nghề đan, dao cạo tóc; nhiều y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim. Các tỳ-kheo không biết làm như thế nào, bèn bạch Phật. Phật dạy:

«Người nổi tiếng nhiều hay không nổi tiếng, tất cả đều thuộc về Tăng.»

Các tỳ-kheo đem cây ăn trái ruộng vườn của Tăng ra chia. Đức Phật dạy:

«Không được chia. Những thứ ấy thuộc về tứ phương Tăng.»

Các tỳ-kheo đem phòng riêng, và các vật thuộc phòng riêng ra chia. Phật dạy:

«Đó là vật của tứ phương Tăng, không được chia.»

Các tỳ-kheo đem bình đồng, chậu đồng, búa, đục và các thứ trọng vật khác ra chia. Phật dạy:

«Đó là vật của tứ phương Tăng, không được chia.»

Các tỳ-kheo đem giường dây, giường cây, nệm ngồi, nệm nằm, gối ra chia. Phật dạy:

«Đó là vật của tứ phương Tăng, không được chia.»

Các tỳ-kheo đem y-lê-diên-đà, mạo-la mạo-mạo- la, cù-lâu ra chia. Phật dạy:

«Không được chia, vì vật của tứ phương Tăng. Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo chỉ có cù-lâu rộng ba khủy tay, dài năm khủy tay, lông dài ba ngón tay thì được chia cho hiện tiền Tăng.»

Các tỳ-kheo đem xe cộ, người giữ Tăng-già-lam ra chia. Phật dạy:

«Không được chia, vì thuộc tứ phương Tăng.»

Các tỳ-kheo đem bình nước, bình nhỏ chứa nước rửa, tích trượng, quạt ra chia. Phật dạy:

«Không được chia, vì vật của tứ phương Tăng.»

Các tỳ-kheo đem đồ nghề sắt, đồ nghề mộc, đồ nghề gốm, đồ nghề da, đồ nghề tre ra chia. Phật dạy:

«Không được chia, vì vật của tứ phương Tăng. Từ nay về sau chỉ cho phép chia dao cạo tóc, y bát, tọa cụ, ống đựng kim.»

Các tỳ-kheo đem đồ câu-dạ-la[435] ra chia. Phật dạy:

«Hiện tiền Tăng nên chia.»

Bấy giờ, có trú xứ nọ, hai bộ Tăng nhận được nhiều y vật có thể chia, mà số lượng Tăng tỳ-kheo thì nhiều, tỳ-kheo-ni ít. Các tỳ-kheo không biết làm như thế nào. Bạch Phật. Phật dạy:

«Nên chia làm hai phần.»

Bấy giờ không có tỳ-kheo-ni, chỉ có thức-xoa-ma; cũng chia làm hai phần. Khi ấy, không có tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na cũng không có, chỉ có sa-di-ni. Đức Phật dạy:

«Cũng chia làm hai phần. Nếu không có sa-di-ni thì chia hết cho Tăng (tỳ-kheo).»

Có trú xứ nọ, hai bộ Tăng nhận được nhiều vật. Tỳ-kheo ít, tỳ-kheo-ni nhiều. Bạch Phật. Phật dạy:

«Nên chia làm hai phần. Không có tỳ-kheo chỉ có sa-di, cũng chia làm hai phần. Không có sa-di thì chia hết cho tỳ-kheo-ni.»

Có tỳ-kheo-ni ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến nơi thôn không có trú xứ tỳ-kheo. Sau khi đến thì mạng chung. Các tỳ-kheo không biết y bát của vị ấy nên chia cho ai, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nơi đó, nếu có ưu-bà-tắc tin Phật, hoặc người giữ vườn, nên lấy cất, sau đó trong năm chúng xuất gia, người nào đến trước thì trao cho họ. Nếu không có ai đến, thì đem đến trú xứ Tăng-già-lam nào gần đó để giao.»

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Có trú xứ có nhiều tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà di, Quốc vương Đại thần, và nhiều ngoại đạo, sa-môn, bà-la-môn. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

«Ta muốn tịnh tọa tư duy ba tháng, đừng cho phép người ngoài vào. Chỉ trừ người mang thức ăn.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo tự lập quy chế rằng:

«Đức Thế Tôn dạy như vậy, ‹Ta muốn tịnh tọa tư duy ba tháng, đừng cho phép người ngoài vào. Chỉ trừ người mang thức ăn.› Người nào vào, phải sám ba-dật-đề.

Bấy giờ, có trưởng lão Hòa-tiên Bạt-đàn-đa Tử[436] cùng cả thảy sáu mươi vị tỳ-kheo, tất cả đều sống ở a-lan-nhã, khất thực, trì y phấn tảo, làm pháp dư thực không ăn, nhất tọa thực, nhất đoàn thực, ngồi nơi gò mả, ngồi nơi đất trống, ngồi dưới bóng cây, thường xuyên ngồi, tùy lúc ngồi, thọ trì ba y. Họ từ nước Ba-la đến tịnh xá Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ, hỏi các tỳ-kheo:

«Phòng của đức Như Lai ở chỗ nào? Chúng tôi muốn đến thăm.»

Các tỳ-kheo [860a1] nói:

«Như Lai dạy như vầy: ‹Ta muốn tịnh tọa tư duy ba tháng, đừng cho phép người ngoài vào. Chỉ trừ người mang thức ăn.› Nếu người nào vào phải sám ba-dật-đề.»

Hòa Tiên hỏi:

«Thế Tôn có nói như vậy sao?»

Các tỳ-kheo đáp lời:

«Các tỳ-kheo tự lập quy chế rằng: ‹Nếu vị nào vào sẽ phải sám ba-dật-đề.›»

Hòa Tiên nói:

«Tôi không chấp thuận quy chế của các trưởng lão. Tại sao vậy? Vì đức Phật có dạy như vầy: ‹Phật không chế thì không được tự chế. Phật đã chế thì không được trái phạm.› Phải

tùy thuộc vào những pháp đã chế mà học tập. Chúng tôi đều là những tỳ-kheo A-lan-nhã, *cho đến* thọ trì ba y, được tùy ý thăm hỏi đức Thế Tôn.»

Bấy giờ, trưởng lão Hòa Tiên cùng sáu mươi tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn an ủi và hỏi rằng:

«Nầy Hòa-tiên! Ông có được an lạc không? Ăn uống có bị thiếu thốn không? Trụ chỉ an tịnh không? Ông từ đâu đến đây? Ông không nghe tỳ-kheo nói những gì hay chăng?»

Hòa Tiên thưa:

«Con trụ chỉ được an lạc, không bị chuyện ăn uống làm khổ nhọc. Con cũng có nghe các tỳ-kheo khác nói. Bạch Đại đức! Con cùng cả thảy sáu mươi tỳ-kheo nước Ba-La, đều sống a-lan-nhã, *cho đến* thọ trì ba y. Chúng con từ nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến nước Xá-vệ, hỏi các tỳ-kheo ở tại Kỳ-hoàn, ‹Phòng đức Thế Tôn ở chỗ nào? Chúng tôi muốn đến thăm.› Các tỳ-kheo nói như vầy, ‹Đức Thế Tôn cần tịnh tọa tư duy ba tháng, không cho người ngoài vào, chỉ trừ người mang thức ăn. Nếu vị nào vào thì phải sám ba-dật-đề.› Con liền hỏi, ‹Đức Thế Tôn có bảo sám ba-dật-đề như vậy không?› Các tỳ-kheo nói, ‹Chúng tôi tự lập ra quy chế như vậy.› Con liền nói, ‹Tôi không chấp thuận quy chế ấy. Tại sao vậy? Vì đức Phật có dạy như vầy: Phật không chế không được tự chế. Nếu đã chế không được trái phạm. Phải tùy thuộc vào những pháp đã chế mà học tập. Chúng tôi đều là những người sống a-lan-nhã, *cho đến* thọ trì ba y, được tùy ý thăm hỏi đức Thế Tôn.›»

Đức Phật dạy:

«Lành thay, lành thay Hòa-tiên! Các ông đều là những người a-lan-nhã thọ trì ba y, được tùy ý thăm hỏi. Nếu có ai như vậy, thì cũng được thăm hỏi đức Thế Tôn, theo ý muốn.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo nghe đức Thế Tôn cho phép các vị a-lan-nhã được tùy ý thăm hỏi đức Thế Tôn. Có vị hoặc trở thành tỳ-kheo a-lan-nhã, hoặc có vị không thọ thỉnh mà thường đi khất thực; hoặc có vị xả bỏ y của đàn-việt dâng cúng mà trì y phấn tảo, hoặc có vị xả bỏ y dư mà chỉ trì ba y.

Bấy giờ, các tỳ-kheo xả bỏ y, dồn lại thành một đống lớn. Các tỳ-kheo không biết làm như thế nào, bèn bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên bố thí cho chúng Tăng, hoặc cúng cho Phật, hoặc cúng cho tháp, hoặc cúng cho một người.»

Các tỳ-kheo nghe nói cho một người, bèn mang cho bạch y. Có tỳ-kheo thấy vậy bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được cho bạch y hay ngoại đạo.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo e ngại không dám cho tỳ-kheo-ni những thứ như phi y, đãy đựng bát, đựng giày dép, ống đựng kim, dây ngồi thiền, dây lưng, mão, khăn chùi chân, khăn trùm đầu, khăn gói giày guốc. Đức Phật dạy:

«Nên cho tỳ-kheo-ni phi y.»

Các tỳ-kheo nghĩ như vầy: «Có nên chia phần cho những vị đang hành ba-lợi-bà-sa, ma-na-đỏa hay không?». Họ bạch Phật. Phật dạy :

«Nên chia.»

Các tỳ-kheo nghĩ như vầy: «Những vị bị tác yết-ma ha trách, hoặc bị yết-ma tẫn xuất, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma tác cử, những người bị các yết-ma như vậy, có nên chia phần hay không?» Họ bạch Phật. Phật dạy:

«Nên để dưới đất hay sai người đưa.»

Bấy giờ, có các tỳ-kheo nhận được y ngoại đạo, không nhuộm, liền mặc. Bạch Phật. Phật dạy:

«Không được mặc y như vậy. Nên nhuộm rồi sẽ mặc.»

Có các tỳ-kheo sai bạch y làm việc. Bạch y đòi phần y. Họ bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép tính công của họ nhiều hay ít, trả bằng thức ăn hay bằng vật ngang giá.»

Các tỳ-kheo tự nghĩ: «Nên chia đồng phần vải cho người giữ Tăng-già-lam, sa-di, hay không?» Họ bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu Tăng hòa hợp thì cho phép chia cho sa-di đồng một phần vải. Nếu không hòa hợp thì nên chia cho phân nửa, hay một phần ba. Nếu Tăng không cho thì không được chia. Người giữ Tăng-già-lam thì chia cho một phần tư. Nếu Tăng không cho thì không được chia. Nếu chia thì sẽ như pháp trị.»

Các tỳ-kheo e ngại không dám đem vải biếu cho cha mẹ, bạch Phật. Đức Phật dạy: «Nên biếu.»

---o0o---

9. Tỳ-lưu-ly

Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ những người họ Thích ở Ca-duy-la xây xong một ngôi nhà mới, chưa có sa-môn hay bà-la-môn nào đến ngồi. Thái tử Tỳ-lưu-ly[437] lại đến ngồi trước, các Thích tử đều giận dữ, mắng:

«Ta mới xây xong ngôi nhà mới. Đức Phật chưa ngồi. Mà con của một nữ tỳ hạ tiện đã ngồi trước rồi.»

Bấy giờ, có kẻ thị tùng bà-la-môn không tin ưa Phật, nói rằng:

«Các Thích tử Xá-di mắng ông là con của một nữ tỳ hạ tiện, mà ông có thể nhịn được chăng?»

Thái tử nói:

«Hiện tại ta không có thế lực nên chưa được tự do. Nếu cha ta qua đời, khi ta lên làm vua, lúc ấy ngươi sẽ nhắc lại ta.»

Sau đó, vua Ba-tư-nặc bị mất ngôi, thái tử Lưu-ly tự lên làm vua. Vị đại thần không tin Phật kia tâu:

«Trước đây các Thích tử đã mắng Vua. Vua có thể nhịn được sao? Nay cần phải chinh phạt họ.»

Vua liền tập hợp bốn binh chủng ra khỏi thành Xá-vệ; kéo đến nước Xá-di. Bấy giờ đức Thế Tôn vì lòng từ mẫn nên đã hiện trước trên đường đi của vua Lưu-ly. Ngài ngồi dưới một bóng cây cằn cỗi bên đường. Khi vua Lưu-ly đến, thấy đức Phật đang ngồi dưới bóng cây cằn cỗi, liền xuống xe đảnh lễ sát chân Ngài, rồi đứng lui qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Có nhiều cây đại thọ tốt tươi nhiều bóng mát, tại sao Ngài không ngồi, lại ngồi dưới bóng cây cằn cỗi thế này?»

Đức Phật Nói:

«Đại vương! Dưới bóng mát của thân quyến, thật là an lạc.»

Nhà vua nghe câu nói ấy liền nghĩ:

«Đức Thế Tôn vì từ mẫn nước Xá-di nên nói như vậy.» Nhà vua liền kéo quân trở về nước Xá-vệ.

Vị đại thần bà-la-môn không tin Phật, lần thứ hai, lần thứ ba cũng tâu rằng:

«Trước đây các Thích tử mắng nhà vua là con của nữ tỳ hạ tiện. Nay cần phải chinh phạt họ.»

Nhà vua liền tập hợp bốn binh chủng, ra khỏi Xá-vệ, cách nước Ca-duy-la-vệ[438] không xa, nhà vua cho dựng một doanh trại nhỏ để phòng vệ. Bấy giờ các Thích chủng ở Ca-duy-la-vệ đều có khả năng bắn xa không trật. Có người bắn xa một do tuần vẫn trúng đích. Có người bắn xa bảy mươi dặm vẫn trúng đích. Có người bắn sáu mươi dặm, năm mươi dặm, bốn mươi dặm, ba mươi dặm vẫn trúng đích. Bấy giờ có người bắn trúng doanh trại của nhà vua, có người bắn trúng nóc trại, hoặc trúng càng xe hoặc trúng yên ngựa, dàm ngựa, cương ngựa, hoặc trúng ngón tay, hoặc trúng ngọc trai nơi tai, ngọc trai nơi tóc, hạt ngọc trai bị hư nhưng không gây thương tích. Lúc ấy, vua Lưu-ly rất hoảng sợ hỏi:

«Các Thích tử cách đây xa gần?»

Quan hầu cận thưa:

«Cách đây bảy mươi dặm.»

Nhà vua nghe xong càng thêm hoảng sợ bội phần, nói:

«Không lẽ binh chúng của ta sẽ bị hại bởi các Thích tử sao?»

Bấy giờ, đại thần không tin Phật tâu với nhà vua rằng:

«Các Thích tử kia đều thọ trì năm giới, làm người ưu-bà-tắc; chịu chết chứ họ không bao giờ đoạn mạng chúng sanh đâu. Vua cứ tiến quân chớ nên sợ sệt.»

Do vậy, nhà vua tiến quân đến bao vây thành Ca-duy-la-vệ. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu ở đó không mở cửa thành thì không thể được. Hiện nay người trong thành tự họ đã không nhất trí. Người thì nói nên giao thành. Người nói không nên giao. Tình thế buộc phải bốc thăm.»

Bấy giờ Thiên ma Ba-tuần đứng về phía người giao thành. Qua bảy lần bốc thăm, số thăm đồng ý giao thành cho vua

Lưu-ly nhiều hơn, nên cửa thành được mở để giao. Quân nhân ồ ạt kéo vào thành, và đóng cửa thành lại. Hang cùng ngỏ hẻm đều được đào hầm, bề sâu đến ngang lưng người; chôn [861a1] trai gai lớn nhỏ trong giòng Thích chủng, đặt sát nhau không có khoảng hở; rồi cho voi lớn đạp lên.

Lúc ấy, Thích tử Ma-ha-nam là ông ngoại của Lưu-ly nói với các người họ Thích rằng:

«Các người đừng nghĩ là vua Lưu-ly thả voi đạp chết người, mà nên quan sát nghiệp báo nhơn duyên của các Thích chủng ngày xưa đã tạo. Quả báo của định nghiệp mà nay phải nhận lấy.»

Vua Lưu-ly nghe, bèn hỏi Thích Ma-ha-nam:

«Ông muốn được nguyện gì?»

Ma-ha-nam nói:

«Các người họ Thích đã chết, là điều khổ não hiện nay của ta. Nguyện để làm gì? Nếu muốn ta nguyện, thì để cho ta vào trong hồ nước. Trong khi ta đang lặn dưới nước, thì các người họ Thích được tự do ra khỏi thành, mà không giết họ.»

Vua Lưu-ly nghĩ rằng: «Lặn dưới nước thì không lâu được. Có thể cho Ông như nguyện.»

Ma-ha-nam liền lặn xuống hồ nước, lấy tóc mình cột vào trong gốc cây để chết luôn dưới nước.

Vua Lưu-ly hỏi các đại thần:

«Thích Ma-ha-nam lặn xuống nước sao lâu thế?»

Quan hầu cận đến xem rồi tâu:

«Ma-ha-nam đã chết rồi.»

Nhà vua bảo đem thi hài đến nhà vua xem. Các quan tả, hữu liền đem thi hài đến để vua xem. Vua Lưu-y thấy liền sanh từ tâm, nói:

«Ma-ha-nam vì thân quyến nên không tiếc thân mạng.»

Liền ra lệnh cho người thả các người họ Thích. Các quan liền y lời, phóng thích các Thích chủng.

Các Thích chủng đều đã bị lột hết, nên trần truồng, chạy đến trong Tăng-già-lam. Các tỳ-kheo e ngại nên không dám cho y để họ mặc, vì đức Phật không cho phép cho y đến người bạch y. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho họ mượn y để khỏi trần truồng khi họ đến gặp ta.»

Các tỳ-kheo liền cho họ mượn y.

---o0o---

10. Thân hậu

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng đức Phật du hành đến nước Câu-tát-la, tạm thời ngồi nghĩ một nơi, khi đi quên chiếc y tăng-già-lê. Sau đó đức Phật nhớ lại, bảo A-nan rằng:

«Hãy lấy chiếc y này. Khởi lên ý tưởng thân hữu mà lấy.» Tôn giả A-nan thưa:

«Thế nào là tác ý thân hữu để lấy?»

Đức Phật dạy:

«Tùy thuộc vào thái độ lấy của mình mà khiến cho họ hoan hỷ.»

«Thế nào là tùy thuộc vào thái độ lấy của mình mà khiến cho họ hoan hỷ?»

Đức Phật dạy:

«Có bảy pháp gọi là do thương yêu mà làm lợi ích cho thân hữu: Cho thứ khó cho, làm việc khó làm, nhẫn điều khó nhẫn, việc mật nói cho nhau, không phanh phui việc của nhau, gặp khổ không bỏ nhau, nghèo hèn không khinh. Như vậy, A-nan, bảy pháp này gọi là do thương yêu mà làm lợi ích cho thân hữu, khiến kia hoan hỷ.»

Đức Phật liền nói kệ:

Cho thứ khó cho,

Làm việc khó làm;

Nhẫn điều khó nhẫn,

Là bạn thân tốt.

Việc mật nói nhau,

Bao che cho nhau;

Gặp khổ không bỏ,

Nghèo hèn không khinh.

Bảy pháp như vậy,

Người nào làm được;

Gọi là bạn thân,

Nên gần gũi họ.

Đức Phật dạy: «Nên lấy, với ý thân hữu như vậy.»

Có tỳ-kheo nọ chẳng phải thân hữu mà tác ý thân hữu để lấy. Đức Phật dạy:

«Chẳng phải thân hữu, không được tác ý thân hữu để lấy.»

Có tỳ-kheo nọ, tác ý thân hữu để lấy y ba-lợi-ca-la[439]. Đức Phật dạy:

«Không được tác ý thân hữu để lấy y này. Nếu không đủ thì không được lấy.

Phật ở tại thành Ba-bà[440]. Có một người Ma-la[441] tự là Lâu-diên[442], là bạn của Tôn giả A-nan khi còn bạch y. Bấy giờ, A-nan khoác y, bưng bát, đến nhà ông ấy, an tọa chỗ ngồi. Lâu-diên đi vắng không có ở nhà, Tôn giả A-nan hỏi người vợ của ông:

«Lâu-diên đâu?»

Vợ Lâu-diên trả lời:

«Đi khỏi.»

A-nan bảo:

«Đưa cho tôi cái sọt y.»[443]

Vợ Lâu-diên liền lấy đem đặt trước A-nan. Tôn giả A-nan lựa lấy vải đại giá[444] đem về trong Tăng-già-lam, làm khăn lau mặt, khăn lau thân cho các Thượng tọa. Khi Lâu-diên Ma-la về, người vợ thuật lại sự việc. Ông liền đến trong Tăng-già-lam, đến chỗ A-nan, hỏi:

«Thầy có đến nhà tôi?»

«Vâng, có.»

«Thầy có lấy thứ gì không?»

«Có lấy.»

«Sao thầy không lấy thứ tốt mà lại lấy thứ xấu?»

«Chính tôi cần vải như vậy.»

Bấy giờ các tỳ-kheo có ý nghĩ: Với thân hữu bạch y, có nên lấy vải như vậy không. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên lấy.»

«Thân như thế nào để đáng lấy?»

«Như A-nan với Lâu-diên Ma-la thì nên lấy.»

Các tỳ-kheo thưa:

«Nếu chủ không có ở nhà, có nên lấy hay không?»

Đức Phật dạy:

«Cho phép, nếu là thân hậu, dù ở nhà hay đi vắng, đều được phép lấy.»

---o0o---

11. Di vật của Tỳ-kheo

Bấy giờ, đức Phật ở tại nước Xá-vệ, không đi phó trai. Theo thường pháp của chư Phật, nếu không đi phó trai thì sau đó đi xem xét các phòng. Khi xem xét các phòng, thấy có tỳ-kheo bệnh nằm một mình không ai chăm sóc, cúng dường. Vị ấy nằm chung với vật đại tiểu tiện. Thấy vậy, đức Phật đến chỗ tỳ-kheo bệnh, biết mà vẫn hỏi:

«Sao ông nằm chung với vật đại tiểu tiện? Có ai chăm sóc cơm cháo không?»

Vị tỳ-kheo bệnh thưa:

«Không.»

Đức Phật lại hỏi:

«Sao không có ai chăm sóc?»

Vị tỳ-kheo bệnh thưa:

«Vì khi con mạnh, con không thăm viếng bệnh người khác. Nên nay con bệnh, không có vị nào nuôi nấng cơm cháo.»

Đức Phật dạy:

«Ông không chăm sóc, cúng dường người bệnh, nên thất lợi, không được gì. Các ông là tỳ-kheo, không cùng chăm sóc cho nhau thì ai sẽ chăm sóc bệnh các ông?»

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền đỡ tỳ-kheo bệnh dậy, lau đồ bất tịnh nơi thân. Lau xong, rửa sạch. Rửa rồi, giặt y phơi khô. Đức Phật dọn dẹp những cỏ lá hư cũ mục mà vị tỳ-kheo bệnh đã nằm. Lấy nước bùn trét lên trên, rưới nước khiến cho sạch sẽ. Lại trải cỏ mới lên, bên trên trải một chiếc y, để tỳ-kheo bệnh nằm trở lại, lấy một chiếc y đắp lên trên, rồi Như Lai mới ra đi.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thọ thực xong dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng ỳ-kheo, đem sự việc vừa xảy ra, không thỉnh mà nói:

«Sau khi Ta không đi thọ thực, đến xem xét các phòng, thấy có tỳ-kheo bệnh. Ta tự lo liệu mọi việc.»

Ngài kể rõ mọi việc cho các tỳ-kheo nghe, rồi bảo:

«Này các tỳ-kheo, từ nay về sau, nên chăm sóc tỳ-kheo bệnh, không được không chăm sóc. Nên cử người chăm sóc bệnh, không được không cử người chăm sóc bệnh. Nếu muốn cúng dường Ta thì nên cúng dường cho người bệnh. Cho phép các tỳ-kheo cùng Hòa thượng, hoặc đồng Hòa thượng, cùng A-xà-lê, hoặc đồng A-xà-lê, hoặc đệ tử nên chăm sóc lẫn nhau. Nếu vị nào không có người chăm sóc thì chúng Tăng nên cử người chăm sóc. Nếu không ai chịu chăm sóc thì sai theo thứ tự. Nếu theo thứ tự sai mà không chịu thì sẽ như pháp trị.»

Nếu không có tỳ-kheo thì tỳ-kheo-ni tùy theo công việc mà giúp đỡ, nhưng không được đụng chạm đến tỳ-kheo. Nếu không có tỳ-kheo-ni thì thức-xoa-ma-na cũng tùy theo công việc mà chăm sóc, nhưng cũng không được đụng chạm đến tỳ-kheo. Nếu không có thức-xoa-ma-na thì sa-di nên làm. Nếu không có sa-di thì sa-di-ni, cũng tùy theo công việc mà làm, nhưng cũng không được đụng chạm đến tỳ-kheo. Nếu không có sa-di-ni thì ưu-bà-tắc nên làm, nếu không có ưu-bà-tắc thì ưu-bà-di, cũng tùy theo công việc mà làm, nhưng cũng không được xúc chạm đến tỳ-kheo.

Người bệnh có năm việc khó chăm sóc: 1. Thèm ăn những thứ không được ăn, và không chịu uống thuốc. 2. Người nuôi bệnh có chí tâm mà người bệnh không nói như thật. 3. Cần đi lại không đi, cần đứng không chịu đứng. 4. Thân thể có đau nhức thì không thể chịu đựng nổi. 5. Dù việc nhẹ có thể làm được, nhưng không làm, phải cậy nhờ người làm. Người bệnh có năm việc như vậy thì rất khó chăm sóc.

Người bệnh có năm việc dễ chăm sóc: 1. Không ăn những thứ không được ăn; chịu uống thuốc. 2. Nói như thật cho người nuôi bệnh. 3. Cần đi thì đi, không cần đi thì không đi, cần đứng thì đứng. 4. Thân thể có đau nhức thì có khả năng chịu đựng. 5. Việc nhẹ có thể làm được thì làm. Người bệnh có năm việc như vậy thì dễ chăm sóc.

Người bệnh lại có năm việc khó chăm sóc, ngoài bốn việc như trên, việc thứ năm là không thể trụ tâm tĩnh tọa được. Người bệnh có năm việc này rất khó nuôi.

Người bệnh lại có năm việc dễ chăm sóc, ngoài bốn việc như trên, việc thứ năm là có thể [862a1] trụ tâm tĩnh tọa được. Người bệnh có năm việc như vậy thì dễ chăm sóc.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo ở tại nước Câu-tát-la, trên đường đi đến một trú xứ nhỏ, thấy có tỳ-kheo bệnh không ai chăm sóc, nằm chung với vật đại tiểu tiện. Vị ấy liền nghĩ như vầy: «Đức Thế Tôn đã dạy, ‹Phải chăm sóc người bệnh, không

được không chăm sóc. Phải cử người coi sóc bệnh, không được không cử người coi sóc người bệnh. Nên cúng dường người bệnh, không được không cúng dường người bệnh. Người nào cúng dường người bệnh tức là cúng dường Ta.› Vị kia liền chăm sóc tỳ-kheo bệnh, sau đó người bệnh qua đời. Lúc bấy giờ, tỳ-kheo mang y, bát của người qua đời đến Kỳ-hoàn tinh xá, nước Xá-vệ, qua đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Phật dạy:

«Lành thay, lành thay, tỳ-kheo! Ông là người có thể chăm sóc tỳ-kheo bệnh. Nên cúng dường người bệnh. Nên cử người chăm sóc tỳ-kheo bệnh. Cúng dường tỳ-kheo bệnh là cúng dường Ta.»

Vị kia đem y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo qua đời đến, hiện tiền Tăng trú xứ này nên chia.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo đem y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo qua đời cho người nuôi bệnh, nên bạch nhị yết-ma cho. Người nuôi bệnh đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... tại trú xứ kia đã qua đời. Y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y; hiện tiền Tăng nơi trú xứ này nên chia.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Tăng nên sai một vị có khả năng làm yết-ma, hoặc thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật hay không tụng luật được, miễn là có thể làm yết-ma, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... đã qua đời. Y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y của vị ấy để lại, hiện tiền Tăng nơi trú xứ này nên chia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận đem cho tỳ-kheo nuôi bệnh tên là... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... đã qua đời. Y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y của vị ấy để lại, hiện tiền Tăng nơi trú xứ này nên chia. Nay Tăng cho tỳ-kheo nuôi bệnh tên là... Trưởng lão nào đồng ý đem y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y của vị này để lại cho tỳ-kheo nuôi bệnh tên... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận đem y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y của vị ấy để lại, cho tỳ-kheo nuôi bệnh tên... rồi, nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

(Nếu Tăng yết-ma sai một vị chia y vật của vị qua đời, pháp yết-ma đó cùng pháp yết-ma này không khác, chỉ thêm một câu: «Nay Tăng trao y cho tỳ-kheo tên.... Tỳ-kheo tên... sẽ hoàn lại cho Tăng. Đây là lời tác bạch.»).[445]

Lúc bấy giờ, tại nước Xá-vệ có nhiều tỳ-kheo nổi tiếng qua đời, để lại ba y rất nhiều. Các tỳ-kheo không biết nên dùng y nào để cho người nuôi bệnh. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy y mà vị qua đời thường dùng để cho. Đức Phật cho phép cho y người nuôi bệnh rồi. Lúc ấy có tỳ-kheo chỉ nuôi sơ sơ; hoặc có vị chỉ đỡ bệnh nhân ngồi dậy, hay nằm xuống; hoặc đưa cây; tăm xỉa răng, hay tách nước, cũng lấy y bát của người qua đời. Đức Phật dạy:

«Không được chỉ nuôi sơ sơ như vậy mà lấy y bát của người bệnh qua đời.»

Có năm việc mà người nuôi không được lấy y vật của người bệnh: 1. Không biết người bệnh nên ăn thứ gì và không được ăn thứ gì; thứ nên ăn thì không cho ăn, thứ không đáng ăn lại cho ăn. 2. Nhờm gớm đại tiểu tiện đàm dải của người bệnh. 3. Không có tâm từ mẫn, chỉ vì y thực. 4. Trong thời gian nuôi bệnh, không thể vì bệnh nhân lo liệu thuốc thang cho đến khi bệnh lành hay qua đời. 5. Không thể nói pháp cho bịnh nhân khiến cho hoan hỷ. Đối với bản thân, có sự tổn giảm thiện pháp.

Người nuôi bệnh có năm việc như vậy không được nhận lấy y vật của bệnh nhân.

Lại cũng có năm pháp, người chăm sóc bệnh nhân đáng được chia: 1. Biết người bệnh ăn thứ gì được, thứ gì không được. Thứ nên ăn thì cho ăn. 2. Không nhờm gớm đại tiểu tiện, đàm dải của bệnh nhân. 3. Có tâm thương yêu, không vì y thực. 4. Trong thời gian nuôi bệnh có lo liệu thuốc thang cho bệnh nhân đến khi lành bệnh hoặc qua đời. 5. Có thể vì bệnh nhân nói pháp khiến cho hoan hỷ. Đối với bản thân, pháp lành được tăng ích. Người có năm việc như vậy thì nên lấy y vật của bệnh nhân.

Nếu bệnh nhân gần trút hơi thở cuối cùng nói: «Các thứ này của tôi. Sau khi tôi chết, dâng cúng cho Phật, Pháp, Tăng, tháp hoặc cho người. Nếu tôi không chết thì trả lại cho tôi.»

Đức Phật dạy:

«Không được di chúc như vậy, mà nên chia hiện tiền Tăng.»

Tỳ-kheo bệnh kia khởi ý nghĩ: «Tôi sẽ thọ trì ba y xấu.» Vì sợ người nuôi bệnh lấy đi.»

Đức Phật dạy:

«Nên thọ trì thứ tốt.»

Bấy giờ, bệnh nhân đem y bát gởi chỗ khác, sợ người nuôi bệnh lấy. Sau bệnh lành, không có để dùng. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được có ý đem y bát gởi chỗ khác, sợ người nuôi bệnh lấy như vậy.»

Lúc bấy giờ, tại nước Xá-vệ có nhiều tỳ-kheo nổi tiếng qua đời, để lại ba y rất nhiều. Các tỳ-kheo không biết đem loại y nào để cho tỳ-kheo nuôi bệnh. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên nhận xét người nuôi bệnh như thế nào? Nếu tỳ-kheo nuôi bệnh tốt nhất thì cho ba y tốt. Nếu nuôi bệnh bực trung thì cho ba y vừa. Nếu nuôi bệnh tồi thì cho ba y xấu.»

Lúc bấy giờ, tại nước Xá-vệ có tỳ-kheo mắc nợ người khác, qua đời. Các tỳ-kheo không biết ai sẽ trả nợ đó, bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép đem trưởng y[446] để trả. Nếu không có thứ gì, thì bán ba y để trả; còn dư thì cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh nên hỏi tỳ-kheo bệnh, ‹Y nào là ba y? y nào là trưởng y? thầy có mắc nợ ai? có ai nợ thầy không? Thầy có hứa cho ai thứ gì không?› Nếu người nuôi bệnh không hỏi như vậy thì sẽ như pháp trị. »

---o0o---

12. Tạp sự

Bấy giờ, có tỳ-kheo thân hình bị bệnh ghẻ nhọt làm nhớp y và ngọa cụ. Phật dạy:

«Cho phép chứa y che thân.»[447]

Hoặc có y mà lông dính vào mụt ghẻ làm cho đau nhức, Phật cho phép dùng y mịn tốt để phủ bên trong, ngoài mặc niết-bàn-tăng. Nếu đến nhà bạch y thì nên nói rằng: «Tôi bị bệnh ghẻ.» Nếu bạch y nói: «Không sao, cứ ngồi,» thì nên vén niết-bàn-tăng rồi ngồi.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh lòi trĩ, dùng cây khô để gạt nên bị đau. Phật cho phép dùng lông mịn hoặc kiếp-bối, lông chim, y cũ để chùi. Dùng rồi, treo lên mà không giặt. Các tỳ-kheo thấy nhờm gớm, bạch Phật. Phật dạy:

«Không được dùng rồi treo lên mà không giặt. Phải giặt sạch.»

Có vị giặt rồi, nhưng không vắt nước cho khô, bị hư mục sanh trùng. Phật dạy:

«Nên vắt khô nước rồi phơi cho khô.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị ghẻ; bẩn y, ngọa cụ. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép sắm y che ghẻ[448]. Nếu tự mình không có thì cho phép lấy y ở trong Tăng để dùng.»

Khi lấy dùng, tỳ-kheo kia khi di chuyển không dám mang y che ghẻ từ trú xứ nầy đến trú xứ khác để dùng. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép di chuyển.»

Nhưng tỳ-kheo kia sau khi ghẻ lành, không đem về trả lại chỗ cũ. Phật dạy:

«Nếu ghẻ lành rồi, thì phải giặt, nhuộm, xếp ngay thẳng, trả lại chỗ cũ. Nếu không trả lại trú xứ cũ, sẽ như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo làm màn che. Các bạch y thấy đều cơ hiềm rằng: «Sa-môn thích tử không biết đủ để dừng lại, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Giống như quốc vương đại thần không khác!» Các tỳ-kheo [863a1] bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được may màn che.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo đại tiểu tiện, lộ hình nơi chỗ trống. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng cỏ hoặc lá cây, nhánh cây, hay y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, hoặc cù-lâu để ngăn che.»

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo làm mái che[449], các bạch y thấy điều cơ hiềm nói: «Sa-môn thích tử không biết đủ để

dừng lại, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Giống như quốc vương đại thần không khác!» Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Không được làm mái che.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đi đường bị nóng. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép dùng cỏ hay lá, hoặc một trong mười thứ y để làm đồ che.»

Bấy giờ chúng Tăng nhận được y kép[450]. Phật dạy:

«Cho phép chứa dùng.»

Bấy giờ có tỳ-kheo không biết thọ trì[451] ba y. Phật dạy:

«Nên thọ trì. Nếu nghi nên xả. Xả rồi thọ lại. Nếu có ba y mà không thọ trì, phạm đột-kiết-la.»

Đức Phật dạy nên thọ trì ba y. Có vị thọ trì các loại tiểu y thay cho ba y, như khăn lau thân, khăn lau mặt, tấm giạ lót nằm. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được thọ trì các loại tiểu y như vậy để thay thế ba y.»

Phật dạy cho phép dùng y, bề dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay làm an-đà-hội; rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay làm uất-đa-la-tăng; tăng-già-lê cũng vậy.

Bấy giờ, các tỳ-kheo y bị rách. Phật dạy:

«Cho phép vá đắp lại.»

Họ không biết vá đắp như thế nào. Phật dạy:

«Đặt một lớp vải lên trên rồi may lại, tùy theo miếng rách lớn hay nhỏ, vuông hay tròn mà vá.

Bấy giờ, các tỳ-kheo không mặc y cắt rọc vào tụ lạc. Bạch y thấy, đều cơ hiềm, nói:

«Sa-môn thích tử không biết đủ để dừng lại, không biết hổ thẹn, giống như ngoại đạo»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên không mặc y cắt rọc mà vào tụ lạc. Có năm nhơn duyên được lưu y tăng-già-lê lại: Hoặc nghi có sự khủng bố, hoặc có mưa, hoặc nghi có mưa, hoặc tăng-già-lê may chưa xong, hay giặt nhuộm hư rách dày nặng. Năm nhơn duyên như vậy được lưu y tăng-già-lê lại.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo lật ngược tăng-già-lê mặc vào tụ lạc. Tỳ-kheo khác thấy, không vui, bèn bạch Phật. Phật dạy:

«Không được lật ngược y mặc vào tụ lạc.»

Có tỳ-kheo e ngại, nên ngay ngoài tụ lạc cũng không dám lật ngược y để mặc, nên bị nắng gió bụi trùng chim làm bẩn. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Ngoài tụ lạc, cho phép lật ngược y để mặc.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo nhận được man y[452], bề rộng bề dài vừa đủ, liền cắt rọc may y, vì thiểu dục muốn may thiếp diệp y bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép may. Tỳ-kheo nhận được man y, bề rộng bề dài đủ, muốn may y năm mảnh[453].Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép may.»

Bấy giờ các tỳ-kheo vì y phạm nên xả[454], bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép xả giữa Tăng, hoặc trước đông người, hoặc trước một người, sau đó tịnh thí. Không được không xả. Khi xả rồi sau mới chỉ định[455]. Không được không xả mà chỉ định. Có

tỳ-kheo nọ y không xả mà thọ dụng làm ba y, làm y ba-lợi-ca-la,[456] cố ý để hư hoại, cố ý đem thiêu đốt để dùng làm phi y hay mặc thường xuyên[457]. Phật dạy:

«Nếu không xả không được đem làm ba y thọ dụng, hay làm y ba-lợi-ca-la, cố ý để hư hoại, cố ý đem thiêu đốt, dùng làm phi y, hay mặc luôn luôn.» Các tỳ-kheo nghĩ như vầy: «Ba-lợi-ca-la không hiện hữu trước mặt, có phạm ni-tát-kỳ hay không?» Đức Phật dạy:

«Không phạm ni-tát-kỳ.»

Vị kia y không xả bèn mặc. Bạch Phật. Phật dạy:

«Không được không xả mà mặc.»

Vị kia nghĩ không dám dùng y xả đọa;[458] đem cho người hay làm đồ đắp[459]. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép cho người khác làm đồ đắp.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo e ngại không dám mặc y bị cháy, y bị cướp, y bị trôi, bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép mặc.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo y không xả, bèn cùng người trao đổi. Bạch Phật. Phật dạy:

«Không được không xả y. Nên xả rồi sau mới trao đổi.»

Các tỳ-kheo nghĩ như vầy: ‹Y của chúng Tăng quá mười ngày, phạm xả đọa hay không?› Bạch Phật. Phật dạy:

«Không phạm.»

Tỳ-kheo nào y tịnh thí không trả lại chủ, phạm đột-kiết-la. Vị nào ngăn không cho trả, cũng phạm đột-kiết-la.

Bấy giờ, có các tỳ-kheo y không nhuộm cho hoại sắc mà đem gởi nhà bạch y. Bạch y lấy mặc. Phật dạy:

«Không được không nhuộm cho hoại sắc mà đem gởi nhà bạch y. Nên nhuộm cho hoại sắc làm y sa-môn. Sau đó mới đem gởi nhà bạch y.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo được y trên hẹp dưới rộng đem làm tăng-kỳ-chi, bạch Phật. Đức Phật cho phép làm.

Bấy giờ, có trú xứ nọ, hiện tiền Tăng nhận được y vật có thể chia. Nhóm sáu tỳ-kheo đem ra ngoài ranh giới chia nhau. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Không được ra ngoài giới chia.»

Bấy giờ có Trưởng lão tỳ-kheo, được nhiều người biết tiếng, du hành trong nhân gian, nhận được nhiều y vật mà hiện tiền Tăng nên chia, nhưng khó chia vì e ngại đức Phật không cho phép ra ngoài giới chia y vật. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật. Phật dạy:

«Nên sai người xướng như vầy: ‹Đến tại địa điểm đó để phân chia y vật. Y vật nào đáng chia thì sẽ được chia.›»

Vị kia không biết chia khi nào. Phật dạy:

«Phải làm dấu hiệu. Hoặc dựa theo con bóng qui định thời gian; hoặc un khói; hay thổi ốc; hoặc đánh trống, đánh kiền chùy, công bố đến giờ. Người tự đến hay nhờ người đến cũng nên chia phần.»

Có các tỳ-kheo nọ di chuyển ngọa cụ. Đức Phật dạy:

«Không được di chuyển.»

Trường hợp có phòng nhiều ngọa cụ, có phòng ít ngọa cụ. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép vị cựu trú, hoặc ma-ma-đế, hay người tri sự làm việc di chuyển ấy. Người nhận phòng nên hỏi trước, sau đó mới di chuyển.»

Có tỳ-kheo nọ đã di chuyển ngọa cụ, khi đi không trả lại chỗ cũ. Tỳ-kheo khác lại dùng. Phật dạy:

«Phải trả ngọa cụ lại chỗ cũ rồi mới đi, nếu không trả lại sẽ như pháp trị.»

Phòng xá bị hư sập. Các tỳ-kheo e ngại không dám di chuyển ngọa cụ, vì Phật có dạy: «Không nên di chuyển ngọa cụ.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu phòng xá bị hư sập thì nên di chuyển ngọa cụ.»

Có vị di chuyển ngọa cụ đến các phòng khác. Các phòng khác không dám nằm nên bị hư hoại. Phật dạy:

«Nên sử dụng.»

Khi đức Phật đã cho phép dùng rồi, các tỳ-kheo không rửa chân, không lau chân (mà sử dụng); hoặc dùng làm y lót thân. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Không được không rửa chân, không lau chân (mà sử dụng); hoặc dùng làm áo lót.»

Khi đức Phật đã không cho phép làm áo lót, các tỳ-kheo e ngại không dám đụng đến tay chân. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Không được dùng làm y lót thân, chỉ giới hạn từ nách đến đầu gối mà thôi.»

Bấy giờ, các bạch y cúng y lót thân cho tỳ-kheo, tỳ-kheo e ngại không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Y do đàn-việt dâng cúng nên tùy thuận mà nhận.»

Khi phòng xá bị hư hoại kia đã được sửa sang rồi, nhưng ngọa cụ không được trả lại. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu phòng xá đã sửa sang rồi thì nên trả ngọa cụ lại. Nếu không trả, sẽ như pháp trị.»

Có các tỳ-kheo nọ di chuyển ngọa cụ của trú xứ này đến trú xứ kia. Phật dạy:

«Không được di chuyển ngọa cụ của trú xứ này đến trú xứ kia.»

Trường hợp nhân dân trong nước phản loạn khủng bố, nên trú xứ đó cũng bị hoại, các vị e ngại không dám di chuyển ngọa cụ, vì đức Phật không cho phép di chuyển ngọa cụ cố định của trú xứ này đến trú xứ kia. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có trường hợp như vậy thì cho phép di chuyển.»

Vị kia, khi di chuyển ngọa cụ, không dám che dấu, sợ chạm phải trong thân[460], vì đức Thế Tôn không cho phép làm y lót thân. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Tùy theo đó mà phương [864a1] tiện che dấu khi di chuyển. Nếu người khác đuổi, bảo đứng dậy cũng không được đứng dậy. Cũng không được đuổi người khác đứng dậy. Nếu có tỳ-kheo khác có thể thương yêu che chở thì nên giao cho.»

Khi trong nước ổn định lại, nhân dân an khương, phòng xá sửa rồi, mà ngọa cụ chưa mang trở lại. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu không trả ngọa cụ trở lại, sẽ như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nhận được vải từng đoạn vụn, màu sắc bậc nhất, muốn cắt may y năm mảnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép may.»

Bấy giờ, có trú xứ hiện tiền Tăng nhận được nhiều y vật có thể chia. Nhóm sáu tỳ-kheo đều nạnh nhau, không chịu đem cất nên bị mất. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Người nào thấy, phải đem cất.»

Lúc ấy khách tỳ-kheo đến, di chuyển y vật để qua phòng khác; không đảm bảo. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép lấy một phòng riêng kết làm kho chứa, bằng pháp bạch nhị yết-ma.»

Xướng tên phòng: Hoặc nhà tắm, nhà tầng, hay nhà kinh hành[461]. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật hay không tụng luật được, miễn có thể tác pháp yết-ma, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận lấy phòng... kết làm kho chứa. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng lấy phòng... kết làm kho chứa. Trưởng lão nào chấp thuận Tăng lấy phòng... kết làm kho chứa thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã chấp thuận Tăng lấy phòng... làm kho chứa rồi.

«Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc ấy được ghi nhận như vậy.»

Lúc ấy, kho chứa không có người coi giữ nên không an toàn chắc chắn. Đức Phật cho phép sai người coi giữ vật, bằng pháp bạch nhị yết-ma. Trong chúng sai một vị có khả năng yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật được hay

không, miễn là có khả năng tác pháp yết-ma, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Tỳ-kheo... làm người coi giữ kho, đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo... làm người coi giữ. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo... làm người bảo quản thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã chấp thuận sai tỳ-kheo... làm người bảo quản rồi.

«Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc ấy được ghi nhận như vậy.»

«Nếu tỳ-kheo đó không chịu làm người coi giữ thì nên đặc ân cấp cháo. Nếu vẫn không chịu, thì tất cả y thực đã nhận được, nên chia cho hai phần. Nếu vẫn cố không chịu, thì nên như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu[462] sắm nhiều áo tắm mưa, sai người đem đến tinh xá dâng cúng. Các tỳ-kheo không biết sẽ làm như thế nào. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên chia theo thứ tự từ Thượng tọa. Nếu không đủ thì ghi nhận. Rồi sau đó nhận được, tiếp tục chia.»

Bấy giờ nhận được y đại quý giá nên vẫn tiếp tục chia. Phật dạy:

«Không được đem y đại quý giá tiếp tục chia mà phải đổi cho Thượng tọa. Nếu nhận được y vật không bằng nhau thì nên lấy y vật có thể phân chia trong Tăng cho đủ số bằng nhau để phân chia.»

Lúc bấy giờ, Tăng nhận được y ương-già-na-la[463], bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép tích trử.»

Bấy giờ có tỳ-kheo mặc y phú thân của Tăng[464] đến trong nhà tắm, trong nhà ăn, làm cho cơm canh nhớp, bùn nhơ, khói hun, bụi bám. Phật dạy:

«Không được mặc y phú thân của Tăng vào phòng tắm, nhà ăn.»

Bấy giờ, tháng mùa đông, các tỳ-kheo bị lạnh. Bạch Phật. Phật cho phép mặc (đồ ấm), nhưng phải yêu quý gìn giữ đừng để nhơ nhớp. Lúc ấy có tỳ-kheo mặc vào nhà vệ sinh, nhơ nhớp hôi thúi. Phật dạy:

«Không được mặc vào nhà vệ sinh.»

Bấy giờ có tỳ-kheo phải đem y về phòng, rồi mới đến nhà vệ sinh nên bị cấp bách. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Nên có cái giá y bên ngoài nhà vệ sinh, hoặc móc long nha hay cái trụ, hoặc nhà, hoặc cây, hoặc cỏ, hay đá; cho phép đem y móc hay để trên đó. Nếu trời mưa, nên để chỗ không mưa. Nếu mưa văng ướt vào chỗ để, tốt nhất đừng cho đụng đến cửa nhà vệ sinh. Khi lên nhà vệ sinh, ngồi xổm cho gọn đừng để nhớp y.

Có tỳ-kheo nọ mặc y đến chỗ đi kinh hành bị vướng cỏ, dính côn trùng, đất bụi bám, mưa thấm ướt, hư hoại Tăng y. Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Không được mặc Tăng y đến chỗ kinh hành.»

Lúc bấy giờ, có vị Thượng tọa tỳ-kheo bịnh già yếu, từ đường xa nhọc mệt đến. Phật cho phép phủ miếng giạ trên khăn trải nằm. Nên yêu quý giữ gìn mà nằm.

Bấy giờ, tại trú xứ nọ có tỳ-kheo kiết hạ an cư rồi, lại đến trú xứ khác ở, không biết nên nhận vật an cư nơi trú xứ nào. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Nơi nào ở nhiều ngày nhất thì nhận vật an cư chỗ đó. Nếu hai nơi bằng nhau thì nhận mỗi nơi phân nữa. Có tỳ-kheo nọ đem chia thức ăn của hạ an cư. Đức Phật dạy:

«Không được chia. Tùy theo sự dâng cúng mà thọ thực.»

Khi đức Thế Tôn đã nhận lời thỉnh của bà-la-môn Tỳ-lan-nhã[465] đã qua rồi, bảo Tôn giả A-nan rằng:

«Ông đến nói với bà-la-môn Tỳ-lan-nhã, đức Phật đã nhận lời thỉnh của ông ba tháng hạ an cư xong, nay muốn du hành trong nhân gian.»

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vâng lời đức Thế Tôn dạy liền đến chỗ Tỳ-lan-nhã bảo rằng:

«Đức Thế Tôn nói như vầy: Ngài đã nhận lời mời của ông ba tháng hạ an cư xong rồi, nay muốn du hành trong nhân gian.»

Tỳ-lan-nhã nghe Tôn giả nói rồi, mới tự nghĩ rằng: «Mình thỉnh sa-môn Cù-đàm và Tăng tỳ-kheo trong chín mươi ngày rồi mà không cúng dường.» Tỳ-lan-nhã liền đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính thăm hỏi rồi lui ngồi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì ông mà nói pháp, khiến cho ông được hoan hỷ. Tỳ-lan-nhã nghe đức Phật nói pháp rồi, rất hoan hỷ, liền bạch Phật rằng:

«Cúi xin đức Thế Tôn và các Tăng tỳ-kheo nhận lời thỉnh chín mươi ngày nữa của con.»

Đức Phật trả lời:

«Đã nhận lời thỉnh chín mươi ngày của ông rồi. Nay ta muốn du hành trong nhân gian.»

Tỳ-lan-nhã bạch Phật:

«Cúi xin Ngài và chư Tăng nhận cho con cúng dường một bữa ngọ vào ngày mai.»

Đức Thế Tôn nhận lời bằng sự im lặng. Tỳ-lan-nhã biết được đức Phật nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy vui vẻ, nhiễu quanh Phật rồi lui về. Trong đêm đó sắm sửa, đầy đủ các đồ ăn thức uống, sáng ngày đến thỉnh Phật và chư Tăng phó trai.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn cùng năm trăm Tăng tỳ-kheo khoác y, bưng bát, đến nhà Tỳ-lan-nhã, an tọa nơi chỗ ngồi. Tỳ-lan-nhã dâng các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ cúng dường Phật và chư Tăng. Các Ngài ăn xong để bát xuống, Tỳ-lan-nhã dùng ba y dâng cúng lên đức Thế Tôn và Tăng tỳ-kheo mỗi vị hai tấm điệp làm y mùa Hạ. Tỳ-kheo không nhận, nói rằng:

Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận y mùa hạ. Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: «Cho phép nhận.»

Lúc bấy giờ, Bạt-nan-đà trong nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Phật cho phép nhận y mùa hạ, nên lúc nào trong ba mùa xuân, hạ và đông, cũng đều tìm cầu y mùa hạ. Hạ an cư chưa xong cũng tìm cầu y, cũng thọ y. Có lúc Bạt-nan-đà Thích tử đang an cư tại một trú xứ này mà nghe trú xứ khác nhận được nhiều y an cư mùa hạ, liền đến trú xứ đó hỏi rằng:

«Các thầy đã chia y mùa hạ chưa?»

Các vị trả lời:

«Chưa chia.»

Bạt-nan-đà bảo:

«Mang ra đây. Tôi cùng các thầy chia.»

Bạt-nan-đà lại đến các trú xứ khác cũng hỏi rằng:

«Các thầy đã chia y mùa hạ chưa?»

Các vị trả lời:

«Chưa chia.»

Bạt-nan-đà bảo:

«Mang ra đây. Tôi cùng các thầy chia.»

Bấy giờ Bạt-nan-đà ở nhiều chỗ chia y nên nhận được nhiều y mang về Kỳ-hoàn. Các tỳ-kheo khác thấy hỏi rằng:

«Đức Thế Tôn cho phép tích trử ba y. Vậy số lượng y nầy là y của ai?»

Bạt-nan-đà nói:

«Nhiều trú xứ chia nên tôi nhận được số lượng y nhiều như vậy.»

Trong các tỳ-kheo, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Bạt-nan-đà trong nhóm sáu tỳ-kheo rằng: «Đức Thế Tôn cho phép tỳ-kheo nhận y mùa hạ. Sao thầy tìm cầu y mùa hạ vào tất cả thời xuân, hạ, và đông? An cư chưa xong cũng tìm y, cũng [865a1] thọ y? An cư nơi này đã nhận phần y rồi, lại đến nơi khác cũng nhận phần y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn tập hợp Tăng tỳ-kheo dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải hạnh thanh tịnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nầy Bạt-nan-đà, Ta cho phép tỳ-kheo tích trử y mùa hạ, tại sao ông lại tìm cầu y mùa hạ trong tất cả các thời xuân hạ và đông? An cư chưa xong cũng tìm cầu y, cũng thọ y? An cư chỗ này đã nhận y rồi, lại đến chỗ khác nhận phần y nữa?»

Dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà trong nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, không được tìm cầu y mùa hạ trong tất cả các thời xuân, hạ và đông. An cư chưa xong cũng không được tìm cầu y, thọ y. Cũng không được an cư nơi này đã nhận y rồi, lại đến nơi khác nhận y nữa. Nếu nhận như vậy sẽ như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo khi đi, y mùa hạ chưa chia. Sau đó các tỳ-kheo chia y mùa hạ. Tỳ-kheo kia trở về hỏi rằng:

«Y mùa hạ chia chưa?»

Tỳ-kheo trả lời:

«Chia rồi.»

Tỳ-kheo kia hỏi:

«Có lấy phần y của tôi không?»

Tỳ-kheo nói:

«Không lấy.»

Khi đó tỳ-kheo kia giận, trách các tỳ-kheo rằng:

«Chưa chia y, tôi đi vắng. Sau đó mới chia y mùa hạ. Tôi an cư tại đây mà sao không lấy phần y của tôi?»

Các tỳ-kheo nghĩ: «Như vậy có thành pháp chia y không?» Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Đã thành chia y rồi, nhưng phải đợi nhau. Hay dặn dò lại người chưa đi nhận dùm phần y mùa Hạ.»

Lúc ấy có tỳ-kheo chưa chia y đã đi. Khi ra đi dặn chung chung lại người chưa đi, là nhận phần y cho tôi với. Sau đó các tỳ-kheo chia y hỏi:

«Vị nào nhận phần y cho tỳ-kheo kia?»

Khi đó không ai nhận cả. Tỳ-kheo kia trở về hỏi:

«Chia y chưa?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Chia rồi.»

Vị kia hỏi tiếp:

«Có ai nhận phần y của tôi không?»

Các tỳ-kheo nói:

«Không ai nhận cả.»

Tỳ-kheo kia giận, trách các tỳ-kheo: «Khi chưa chia y, tôi đi vắng. Tôi dặn quí vị chia y vì tôi mà nhận dùm y. Tôi an cư tại đây. Tại sao khi chia y không vì tôi nhận phần?»

Các tỳ-kheo nghĩ: «Đã thành chia y chưa?» Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Đã thành chia y rồi. Nhưng nên đợi người kia trở về. Hay người kia phải nhờ một vị nào nhận cho rõ ràng, chứ không được dặn chung chung.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo khi chưa chia y đã ra đi, có dặn một tỳ-kheo nhận dùm phần y mùa hạ của mình. Khi các tỳ-kheo chia y hỏi:

«Vị nào nhận phần y của tỳ-kheo kia?»

Người được dặn quên không nhận. Các tỳ-kheo chia y xong, tỳ-kheo kia trở về hỏi:

«Y mùa hạ chia chưa?»

Các tỳ-kheo nói:

«Chia rồi.»

Tỳ-kheo kia hỏi:

«Có nhận dùm phần y của tôi không?»

Các tỳ-kheo nói:

«Không nhận.»

Tỳ-kheo kia giận, trách các tỳ-kheo rằng:

«Khi chưa chia y, tôi đi vắng. Sau đó tôi có nhờ một tỳ-kheo nhận phần y của tôi. Tôi an cư tại đây, tại sao không vì tôi mà nhận phần dùm?»

Các tỳ-kheo không biết có thành chia y hay không? Đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Thành chia. Người quên có tội.»

Lúc ấy, có tỳ-kheo lưu lại thức ăn của mùa hạ an cư. Đức Phật dạy:

«Không được lưu lại. Tùy theo sự dâng cúng mà thọ dụng.»

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên vào Niết-bàn, có nhiều y vật có thể chia cho hiện tiền Tăng. Tỳ-kheo nọ để quá mùa an cư. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được lưu lại. Nên chia y này cho hiện tiền Tăng.»

Vào lúc đó, có một đàn-việt muốn dâng cúng cho tháp, dâng cúng cho Tăng, cho phòng xá Tăng-già-lam, dâng cúng áo tắm, lý do là mới sanh con, hoặc mới cạo tóc, hay vì để tóc dài, hoặc về nhà mới, hay vì thân quyến qua đời làm lễ, nên hiện tiền Tăng nhận được nhiều y vật. Các tỳ-kheo lưu lại đến mùa hạ an cư. Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được lưu lại. Đây là y phi thời, hiện tiền Tăng nên chia.»

Lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo ở tại trú xứ mình, nhận được nhiều y vật của mùa hạ an cư, vị ấy với ý nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào đây?» Vị ấy bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có một tỳ-kheo an cư mà nhận được nhiều y vật hạ an cư của Tăng, vị tỳ-kheo kia nên tâm niệm rằng: ‹Đây là vật của tôi.›»

Hoặc thọ hay không thọ. Các tỳ-kheo khác đến không được nhận phần.

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhận được số nhiều y vật có thể chia, nhưng Tăng bị phá làm hai bộ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên chia làm hai phần.»

Chưa nhận được y vật có thể chia, mà Tăng bị phá làm hai bộ. Đức Phật dạy:

«Nên hỏi đàn-việt cúng cho ai. Nếu họ nói cúng cho Thượng tọa có tên như vậy, như vậy... thì nên theo lời của họ mà giao cho Thượng tọa đó. Nếu họ nói không biết, hoặc nói cúng cho tất cả thì nên chia làm hai phần.

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo, có một số y đã nhận được, có một số y chưa nhận được, mà Tăng bị phá làm hai bộ. Số y đã nhận được thì chia làm hai phần. Số y chưa nhận được nên hỏi thí chủ để biết họ cúng cho ai. Nếu họ nói: ‹Cúng cho Thượng tọa có tên như vậy, như vậy›, thì nên theo lời nói của họ mà giao cho Thượng tọa đó. Nếu thí chủ nói: ‹Không biết›, hoặc nói: ‹Cúng cho tất cả› thì nên chia làm hai phần.

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhận được y vật có thể chia. Có tỳ-kheo từ bộ này đến bộ kia. (Phật dạy) bộ kia không được trao phần y cho họ.

Hoặc trường hợp chưa nhận được y vật, có tỳ-kheo từ bộ này đến bộ kia. (Phật dạy) không được trao phần y cho họ.

Hay trường hợp được y vật hay chưa được y vật, có tỳ-kheo từ bộ này đến bộ kia. (Phật dạy) không được trao phần y cho họ.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo từ bộ này đến bộ kia mà đi chưa đến, thì bị chết. Các tỳ-kheo không biết y bát của vị ấy nên trao cho ai, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Giao cho trú xứ vị kia muốn đến.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo từ bộ này đến bộ kia, vừa đến nơi thì bị chết. Các tỳ-kheo không biết y bát của vị kia nên trao cho ai, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên giao cho bộ Tăng mà vị ấy đến.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị cử tội rồi mạng chung. Các tỳ-kheo không biết y bát của vị kia nên giao cho ai, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên giao cho cộng đồng yết-ma Tăng cử.»

Bấy giờ, Tăng nơi trú xứ nọ bị phá làm hai bộ. Có đàn-việt thỉnh hai bộ Tăng nầy thọ thực chung một chỗ, có dâng y và chỉ tơ. Các tỳ-kheo không biết nên chia y cho ai, chia chỉ tơ cho ai, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên hỏi đàn-việt để biết họ cúng tơ cho ai cúng chỉ cho ai. Nếu họ nói cúng cho Thượng tọa có tên như vậy, thì nên theo lời của họ mà giao cho Thượng tọa đó. Nếu họ nói không biết, hay nói cúng cho tất cả, thì nên chia làm hai phần.»

Bấy giờ, chúng Tăng nhận được y an cư mùa hạ, nhưng Tăng bị phá làm hai bộ, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên đếm số người nhiều hay ít để chia.»

Hoặc chưa nhận được y an cư, mà Tăng bị chia làm hai bộ, bạch Phật. Phật dạy:

«Nên đếm số người để chia.»

Hay trường hợp nhận được y mùa hạ, hay chưa nhận được y mùa hạ, Tăng bị phá làm hai bộ (bạch Phật. Phật dạy): Nên đếm số người để chia.

Bấy giờ, có tỳ-kheo nhận được y mùa hạ, rồi đến bộ khác. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên trao cho.»

Hoặc chưa nhận được y mùa hạ mà đến bộ khác. Phật dạy:

«Nên trao cho họ.»

Hay chưa nhận được y mùa mùa hạ, hoặc đã nhận được y mùa hạ mà đến bộ khác. Đức Phật dạy:

«Nên trao cho họ.»

Bấy giờ, có một cư sĩ thỉnh chư Tăng các trú xứ về một địa điểm cúng dường và dâng y. Các tỳ-kheo không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy:

Có tám loại dâng y: Dâng cho Tăng tỳ-kheo, dâng cho Tăng tỳ-kheo-ni, dâng cho hai bộ Tăng, dâng cho tứ phương Tăng, dâng cho Tăng trong một cương giới, dâng cho Tăng đồng một yết-ma, dâng cho người có nói rõ tên, [866a1] hay dâng cho một người. Đức Phật dạy tiếp:

Nếu dâng cho Tăng tỳ-kheo thì Tăng tỳ-kheo nên chia... *cho đến* dâng cho một người thì thuộc về một người.

Lúc bấy giờ, tháng mùa đông các tỳ-kheo bị lạnh. Họ bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép đội mão.»

Hoặc ngồi giữa đất trống bị nhức mỏi. Đức Phật cho phép sắm dây đai thiền[466]. Tỳ-kheo mình bị ghẻ và mồ hôi nhớp, Phật cho phép sắm khăn lau thân. Nơi mặt có mồ hôi, Phật cho phép sắm khăn lau mặt. Mắt bị chảy nước, cho phép sắm khăn lau mắt.

Lúc bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta nhận được y mỏng đại quý giá, muốn chứa làm y mùa hạ. Phật dạy:

«Cho phép tịnh thí rồi thọ trì.»

Tịnh thí[467] có hai cách: Chơn thật tịnh thí, triển chuyển tịnh thí.

Chơn thật tịnh thí là nói:

«Đại đức nhất tâm niệm! Tôi có y dư (trưởng y) nầy, chưa tác tịnh. Nay vì muốn tịnh nên xả cho Đại đức, để làm chơn thật tịnh thí.»

Triển chuyển tịnh thí là nói:

«Đại đức nhất tâm niệm! Đây là y dư của tôi, chưa tác tịnh. Vì muốn cho tịnh nên xả cho Đại đức, để làm phép triển chuyển tịnh thí.»

Vị nhận làm pháp tịnh thí nên nói như vầy:

«Đại đức nhất tâm niệm! Thầy có dư y chưa tác tịnh, vì muốn tác tịnh nên cho tôi. Nay tôi xin nhận.»

Nhận rồi nên nói:

«Y này thầy muốn chuyển cho ai?»

Vị kia nên nói:

«Tôi chuyển cho tỳ-kheo tên như vậy.»

Vị thọ tịnh nên nói:

«Đại đức nhất tâm niệm! Thầy này có dư y chưa tác tịnh, vì muốn tịnh nên cho tôi, nay tôi nhận. Nhận rồi tôi sẽ cho Tỳ-kheo... Y này thuộc về tỳ-kheo ấy rồi. Thầy đã vì Tỳ-kheo... nên khéo giữ gìn mà mặc, tùy nhơn duyên sử dụng.»

Chơn thật tịnh thí phải nói với chủ rồi sau đó mới lấy dùng. Còn triển chuyển tịnh thí thì nói hay không, tùy ý mặc.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo nhờ người đem y cho tỳ-kheo kia mượn. Người được nhờ nghĩ là mình thân hậu với tỳ-kheo kia, bèn lấy dùng. Lấy như vậy có được hay không? Đức Phật dạy: «Không được khởi ý thân hậu để lấy.»

Hoặc đến đạo lộ[468], có nên khởi ý thân hậu để lấy hay không? Đức Phật dạy: «Không được lấy.»

Hoặc đến nơi kia[469], có nên khởi ý nghĩ thân hậu để lấy hay không? Đức Phật dạy: «Không được lấy.»

Hoặc tác ý thân hậu với người chủ sai mang y rồi lấy dùng[470]; thì có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Nên lấy.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Nên lấy.»

Hoặc đến nơi kia có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Nên lấy.»

Tỳ-kheo được cho mượn y qua đời. Người được nhờ mang y cho mượn bèn nhận với ý nghĩ là của tỳ-kheo kia đã qua đời. Nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Không nên nhận.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Không nên nhận.»

Hoặc đến nơi kia, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Không nên nhận.»

Hoặc người chủ nhờ mang y đi cho mượn ấy qua đời. Người được nhờ mang khởi ý nghĩ là nhận y của tỳ-kheo qua đời; có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Nên nhận.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Nên nhận.»

Hoặc đến nơi kia, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Nên nhận.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo nhờ mang y cho tỳ-kheo kia. Người được nhờ khởi ý nghĩ là mình thân tình với người nhờ[471], nên lấy để dùng; có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Không nên lấy.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Không nên lấy.»

Hoặc đến nơi kia, có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Không nên lấy.»

Tỳ-kheo được nhờ kia, khởi ý thân hậu với người được cho[472] y để lấy dùng; có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Nên lấy.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Nên lấy.»

Hoặc đến nơi kia, có nên lấy hay không? Đức Phật dạy: «Nên lấy.»

Người chủ nhờ mang y đi cho chết. Tỳ-kheo kia khởi ý là nhận y của người qua đời. Có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Không nên nhận.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Không nên nhận.»

Hoặc đến nơi kia, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Không nên nhận.»

Tỳ-kheo được gởi cho y qua đời. Tỳ-kheo được nhờ kia liền nghĩ nhận y của vị qua đời. Có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Nên nhận.»

Hoặc đến nơi đạo lộ, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Nên nhận.»

Hoặc đến nơi kia, có nên nhận hay không? Đức Phật dạy: «Nên nhận.»

Bấy giờ, có cư sĩ đem y đến trong Tăng-già-lam thưa:

«Y này cúng cho Đại đức tỳ-kheo có tên là...»

Tỳ-kheo kia nói:

«Tôi không cần y.»

Cư sĩ liền đem y đến để trước tỳ-kheo rồi đi. Tỳ-kheo kia e ngại, nên không biết làm thế nào? Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép, vì thí chủ nên lấy cất. Khi cần, cho phép thọ trì.[473]

---o0o---

CHƯƠNG VII - THUỐC

1. Các loại thuốc

[866c8] 1. Lúc bấy giờ, tại nước Ba-la-nại, có năm tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật rằng:

«Bạch Đại đức, nên ăn thức ăn nào?»

Đức Phật dạy:

«Cho phép ăn thức ăn do khất thực được, gồm có năm loại thức ăn.»[474]

Bấy giờ, có tỳ-kheo khất thực nhận được cơm. Phật dạy:

«Cho phép ăn.»

Nhận được các thức ăn bằng cơm, như cơm gạo lúa tám, cơm đại mạch, cơm gạo mì[475], cơm lúa tẻ, cơm câu-bạt-đạt-la[476]. Phật dạy:

«Cho phép ăn cơm như vậy.»

Nhận được lương khô[477], đức Phật cho phép ăn các loại thuộc lương khô. Nhận được cơm khô, đức Phật cho phép ăn các loại cơm khô. Nhận được cá, đức Phật cho phép ăn các loại cá. Nhận được thịt, đức Phật cho phép ăn các loại thịt. Nhận được canh, đức Phật cho phép ăn các loại canh. Nhận được tu-bộ[478], đức Phật cho phép ăn. Nhận được sữa, đức Phật cho phép dùng các loại sữa. Nhận được lạc, đức Phật cho phép ăn các loại lạc. Nhận được sữa đông[479], đức Phật cho uống các loại nước sữa đông[480]. Nhận được kiết-la[481], đức Phật cho phép dùng. Nhận được man-nâu[482], đức Phật cho phép dùng các loại man-nâu. Nhận được rau, đức Phật cho ăn các loại rau. Nhận được thức ăn khư-xà-ni[483], đức Phật cho phép ăn các thức ăn khư-xà-ni. Khư-xà-ni gồm có rễ, cọng, lá, bông và trái, cũng như dầu mè, đường mía[484], các thức ăn bằng chưng nấu.

Khi đức Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại, bấy giờ có năm tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Nên uống thứ thuốc nào?»

Đức Phật dạy:

«Cho uống thứ thuốc hủ lạn[485]. Tỳ-kheo bệnh nào có nhơn duyên thì được phép dùng loại thuốc suốt đời.»

1. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang nằm trên võng, có tỳ-kheo bệnh, theo lời dạy của thầy thuốc, dùng trái ha-lê-lặc[486]. Đức Phật dạy:

«Cho phép tỳ-kheo bệnh, có nhân duyên suốt đời được dùng trái ha-lê-lặc.»

2. Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo bị chứng thống phong[487], thầy thuốc bảo dùng nước trấp lúa mạch chua. Phật cho phép dùng.[867a1] Tỳ-kheo không biết làm cách nào. Đức Phật dạy:

Bảo tịnh nhơn rửa sạch đồ đựng, đem lúa mạch ngâm cho nát, rồi lọc lấy nước trấp mà uống. Nếu nước lúa mạch bị hôi thì đậy lại. Có cặn thì cho phép dùng đồ lọc. Tỳ-kheo không biết làm cái lọc thế nào. Đức Phật dạy: Cho phép dùng các loại như đồng, gỗ, hay tre làm đồ để lọc, như đãy lọc nước, có ba góc, hoặc lớn hoặc nhỏ. Nếu trong lúa mạch bị khô thì bảo tịnh nhơn cho thêm nước vào. Bấy giờ, tỳ-kheo bệnh uống nước lúa mạch ngâm trước mặt mọi người, khiến các tỳ-kheo thấy vậy đều nhờm gớm. Phật dạy:

«Trước nhiều người không được uống như vậy. Nên uống chỗ vắng.»

Bấy giờ tất cả Tăng đều cần nó. Đức Phật dạy:

«Tất cả Tăng có thể uống chung.»

Khi các tỳ-kheo mỗi người dùng đồ đựng riêng để uống, nên những đồ đựng đó có mùi hôi xông khắp nơi. Đức Phật dạy:

«Không được chứa riêng mà nên dùng một cái rồi chuyền nhau uống chung.»

Có tỳ-kheo uống rồi không rửa chén, đưa cho tỳ-kheo khác. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Nên rửa rồi mới đưa cho người khác.»

3. Phật ở tại nước Xá-vệ. Có tỳ-kheo bị thổ tả. Tỳ-kheo nấu cháo, phút chốc đã quá ngọ. Đức Phật dạy:

«Cho phép, nếu là lúa mạch nguyên hạt; hay bằng lúa tẻ nguyên hạt. Nấu cho chín, không để cho vỡ hạt; rồi lọc lấy nước uống.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng bệ-hê-lặc[488], đức Phật cho phép dùng.

Thầy thuốc bảo dùng a-ma-lặc[489], đức Phật cho phép dùng. Nếu có tỳ-kheo vì nhân duyên bệnh thì có thể dùng suốt đời.

4. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng tô-la[490], đức Phật cho phép dùng. Tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh thì được phép dùng trọn đời.

Bấy giờ, tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng thuốc trái cây[491], đức Phật cho phép dùng. Nếu không phải là thức ăn thường thì tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được phép dùng trọn đời.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, cần năm loại thuốc rễ lớn. Đức Phật dạy: cho phép dùng. Cần năm loại thuốc rễ nhỏ[492], đức Phật cho phép dùng. Tỳ-kheo vì nhơn duyên có bệnh được uống trọn đời.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo uống thuốc chất-đa-la[493]. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh trọn đời được dùng.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo uống thuốc kế-sa[494]. Đức Phật dạy: «Tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh được

dùng trọn đời. Kế-sa gồm cả rễ, cọng, lá, hoa và trái của kế-sa.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng sa-lê-sa-bà[495]. Đức Phật dạy: «Tỳ-kheo bệnh cho phép dùng sa-lê-sa-bà, gồm cả rễ, cọng, lá, hoa, quả. Nếu cứng thì nghiền cho nhỏ. Thức-cừ[496] cũng như vậy, đế-thố[497] cũng như vậy.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo uống cây lá lốt[498] và hột tiêu, Phật dạy:

«Tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh cho phép dùng trọn đời.»

5. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, cần các thứ thuốc bột mịn[499] để tắm rửa, đức Phật cho phép dùng các thứ thuốc bột mịn như bột cây hồ đồng, bột cây tai ngựa[500], bột cây xá-ma-la[501], hoặc tự mình chà xát hay thay nhau chà xát. Khi cần chày và cối, đức Phật cho phép chứa dùng. Cần nia, sàng, chổi để quét đức Phật cho phép chứa dùng.

Bấy giờ. Các tỳ-kheo e ngại không dám lấy hương bột bỏ vào thuốc bột để xoa, đức Phật cho phép chứa dùng. Khi thuốc bột không có đồ đựng, đức Phật cho phép dùng bình để đựng. Nếu bụi đất vào, Phật cho phép dùng nắp đậy lại. Muốn cần bảo đảm, Phật cho phép buộc dưới giường, hoặc treo trên vách hay trên cọc ngà voi[502].

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh dùng thuốc bột thô xoa vào người để tắm rửa, bị đau. Đức Phật cho phép bột mịn, hoặc bùn mịn, hay lá hay hoa hay trái làm thành bột mịn, khiến cho bệnh nhân được khoan khoái. Nếu thân thể bị ghẻ lở, hoặc hắc lào, hay nhọt, ghẻ ngứa, cho đến thân thể bị hôi thúi.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh cần muối để làm thuốc, đức Phật cho phép dùng. Muối[503] ở dây gồm muối sáng, muối đen, muối viên, muối lâu-ma, muối chi-đầu-bệ, muối mỏ, muối than, muối tân-đà-bà, muối thi-lô-bệ, muối biển[504]. Nếu tỳ-kheo nào có nhân duyên bệnh được dùng trọn đời.

6. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh cần tro[505] để làm thuốc, Phật cho phép dùng tro để làm thuốc. Trong các loại tro này gồm có tro tát-xà, tro tân-na, tro ba-la-ma. Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được dùng suốt đời.

7. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh cần thuốc xà-bà[506] đức Phật cho phép dùng. Trong thuốc xà-bà gồm có hinh-ngưu, hinh-nga-bà-đề, thi-bà-lê-đà, bộ-thê-dạ-bà-đề, tát-xà-la-sà[507], nếu tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh được dùng trọn đời.

8. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh cần thuốc trị con mắt[508], đức Phật cho phép dùng. Loại thuốc nhỏ mắt gồm có: đà-bà-xà-na, kỳ-la-xà-na. Nếu tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh được dùng trọn đời.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị bạch ế[509] sanh nơi mắt, cần huyết của người; bạch Phật. Phật cho phép dùng.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị bạch ế làm cho con mắt bị bệnh, cần xương người. Đức Phật cho phép dùng.

Bấy giờ, có tỳ-kheo mắt bị bệnh bạch ế, cần tóc mịn nhuyễn. Đức Phật cho phép đốt tóc lấy bột thoa mắt.

Bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta bị bệnh đau mắt, cần cái lược bằng lưu ly để chữa. Đức Phật dạy:

«Vì chữa trị bệnh mắt nên được phép tích trử để dùng.»

9. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị chứng thống phong, thầy thuốc bảo ăn ngó sen. Khi ấy, Tôn giả Mục-liên đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, chào hỏi xong, ngồi một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

«Bệnh có bớt không?»

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

«Chưa bớt.»

Tôn giả Mục-liên lại hỏi:

«Cần thứ gì?»

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

«Cần ngó sen.»

Tôn giả Mục-liên nói:

«Nơi phương đông có ao lớn A-nậu[510] nước trong veo, không bụi bặm, uống nước đó không sanh bệnh hoạn gì cả. Cách đây không xa lại có cái ao rộng năm mươi do tuần, nước trong sạch, không có bợn nhơ, có ngó sen như cái trục bánh xe. Khi bẻ, nó tiết ra nước trấp như sữa. Ăn vào, ngọt như mật. Và cách ao này không xa, có núi vàng. Sườn núi cao năm mươi do tuần, trong đó có bảy đại long tượng vương, anh em cùng ở với nhau. Con nhỏ nhất cung cấp cho một vua Diêm-phù-đề. Con lớn kế đó cung cấp cho vua hai thiên hạ. Con lớn hơn nữa cung cấp cho Chuyển luân Thánh vương của bốn thiên hạ. Y-la-bà-ni[511] long tượng vương thì cung cấp cho Thiên đế Thích. Các long tượng vương kia xuống ao tắm rửa và uống nước trong sạch đó, rồi dùng vòi nhổ ngó sen, rửa sạch bùn để ăn, nên sắc da rất tốt, khí lực dồi dào. Ngó sen nơi ao đó có thể ăn được.»

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng chấp thuận. Khi Tôn giả Mục-liên thấy Tôn giả Xá-lợi-phất chấp thuận bằng cách im lặng, liền biến khỏi nước Xá-vệ, trong chớp nhoáng như co tay vào duổi tay ra, hiện đến bên bờ ao kia, hoá làm đại long tượng vương, có hình sắc to đẹp hơn bảy tượng vương kia. Bảy tượng vương kia khi thấy, đều kinh hoàng, lông trong mình dựng ngược lên, vì sợ rằng nó sẽ đoạt ao của mình. Bấy giờ, Đại Mục-liên thấy bảy long tượng vương kia ôm lòng sợ sệt liền hiện nguyên hình. Bảy long tượng vương hỏi Mục-liên rằng:

«Tỳ-kheo cần gì?»

Tôn giả Mục-liên nói:

«Tôi cần ngó sen.»

«Tỳ-kheo cần ngó sen sao không nói sớm. Khiến chúng tôi sợ hoảng hồn, lông trong người dựng ngược lên cả.»

Bảy long tượng vương liền vào trong ao tắm rửa và uống nước, rồi lấy vòi nhổ ngó sen, rửa sạch bùn, trao cho Mục-liên.

Bấy giờ, Mục-liên nhận được ngó sen rồi, liền biến khỏi ao này, hiện lại nước Xá-vệ, đến trong Kỳ-hoàn, trao ngó sen cho Xá-lợi-phất và nói:

«Ngó sen đây.»

10. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất ăn xong, bệnh lành liền. Số ngó sen còn dư trao cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh trước đó đã nhận lời thỉnh nên không dám ăn. Các tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Cho phép người nuôi bệnh, đã nhận lời thỉnh hay không nhận lời thỉnh, được ăn thức ăn của người bệnh còn lại.»

Có các tỳ-kheo trước đó đã nhận thức ăn, rồi đến tụ lạc kia có [868a1] đàn-việt mời ăn, ăn xong trở về đến trong Tăng-già-lam, đem thức ăn đã nhận cho các tỳ-kheo khác. Các tỳ-kheo này trước đó đã nhận lời thỉnh nên không dám nhận, vì không ai nhận nên vị ấy đem thức ăn bỏ. Các loài chim quạ đến dành ăn, kêu la inh ỏi.

Bấy giờ đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

«Vì sao chim quạ kêu la inh ỏi như thế?»

Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ sự việc lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép làm pháp dư thực[512] để ăn.»

Vị kia đem thức ăn đến trước một tỳ-kheo thưa:

«Thưa Đại đức, tôi đã nhận lời thỉnh (hoặc nói tôi đã ăn). Xin Đại đức chứng biết cho.»

Vị tỳ-kheo tác dư thực pháp nên lấy một ít thức ăn mà ăn; rồi nói: «Tôi đã ăn rồi, thầy có thể dùng đi.» Nên làm pháp dư thực như vậy rồi ăn.

Bấy giờ, có vị trưởng lão Thượng tọa, được rất nhiều người biết, vào thôn khất thực. Rồi đem đến một nơi, ngồi ăn. Ăn xong, đem thức ăn dư đến trong Tăng-già-lam cho các tỳ-kheo khác. Các tỳ-kheo trước đó đã nhận lời thỉnh nên không dám ăn. Không ai ăn nên đem bỏ. Chim quạ tranh nhau ăn, kêu la inh ỏi. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi A-nan:

«Vì sao chim quạ kêu la như thế?»

Tôn giả A-nan đem sự việc bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Ngài dạy:

«Từ nay về sau, cho phép, tự mình đem thức ăn về, làm pháp dư thực, thì được ăn.»

Làm pháp dư thực bằng cách đem thức ăn đến trước tỳ-kheo kia nói:

«Thưa Đại đức, tôi đã nhận lời thỉnh (hoặc nói tôi đã ăn). Xin thầy chứng biết cho.»

Vị tác pháp dư thực kia nên lấy một ít thức ăn, ăn rồi nói: «*Tôi ăn rồi đó. Thầy cứ dùng đi.*» Nên làm pháp dư thực như vậy rồi ăn.

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu[513] nhận được nhiều trái cây tươi. Bà liền nghĩ như vầy: «Nay ta nên làm thức ăn thỉnh

Phật và Tăng thọ thực rồi dùng trái cây này dâng cúng.» Nghĩ xong, liền sai người đến trong Tăng-già-lam thưa:

«Cúi xin chư Đại đức nhận bữa ngọ trai của chủ con vào ngày mai.»

Trong đêm đó, lo sửa soạn các thức ăn ngon. Sáng ngày sai người đến báo giờ.

Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo đến nhà Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu, an tọa nơi chỗ ngồi. Tỳ-xá-khư Mẫu dùng các thức ăn ngon bổ dâng cúng Phật và Tăng. Ăn xong, dẹp cất bát rồi, bà lấy một chiếc ghế thấp ngồi một bên. Đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, khai hóa, khiến bà hoan hỷ. Đức Thế Tôn nói pháp rồi rời chỗ ngồi ra về.

Khi Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu dâng thức ăn, quên đem quả để dâng, bèn nghĩ: «Ta vì trái tươi này nên thỉnh Phật và Tăng dùng cơm. Nay lại quên đem quả để dâng.» Nghĩ như vậy rồi, bà liền sai người đem trái tươi đến trong Tăng-già-lam cúng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo ăn rồi, nên không dám nhận. Đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu từ thí chủ kia đem đến thì nên làm pháp dư thực để ăn.»

Pháp dư thực như trước đã nói.

---o0o---

2. Các loại thịt

1. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, có tỳ-kheo bị bệnh điên cuồng, đến nơi lò giết bò trâu, ăn thịt sống và uống máu. Bệnh lành, bản tâm hồi phục, lo sợ phạm giới. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không phạm. Nếu các tỳ-kheo khác bị bệnh như vậy, ăn thịt sống và uống máu mà bệnh được lành thì cũng được phép dùng.»

2. Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ gặp lúc mất mùa, lúa gạo khan hiếm, khất thực khó được. Các tỳ-kheo khất thực không được nên đến chỗ nuôi voi để xin. Bấy giờ các quỷ thần vì tín kính sa-môn nên khiến voi chết. Các tỳ-kheo nhờ đó nhận được thịt voi để ăn. Đức Thế Tôn khởi từ niệm, bảo các tỳ-kheo:

«Voi là một binh chúng của Vua. Nếu nhà Vua nghe được việc này tất không hoan hỷ. Từ nay về sau không được ăn thịt voi.»

3. Bấy giờ, các tỳ-kheo ở nước Ba-la-nại khất thực không được nên đến nơi chuồng ngựa để xin. Lúc ấy có quỷ thần vì tín kính sa-môn, liền khiến ngựa chết. Các tỳ-kheo nhờ đó mà nhận được thịt ngựa để ăn. Đức Thế Tôn từ mẫn, bảo các tỳ-kheo:

«Ngựa là một binh chúng của Vua. Nếu vua nghe được chắc không hoan hỷ. Từ nay về sau không được ăn thịt ngựa.»

4. Bấy giờ, có tỳ-kheo đến nước Ba-la-nại khất thực không được, bèn đến nơi người đánh cá[514] để xin. Bấy giờ có quỷ thần vì tin kính sa-môn nên khiến các loài rồng chết. Tỳ-kheo nhờ đó nhận được thịt rồng[515] để ăn.

Bấy giờ, Thiện Hiện Long vương[516] từ nơi ao của mình ra, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, có loài rồng có thể làm khô ráo một quốc độ hay ít hơn một quốc độ, mà nay các tỳ-kheo lại ăn thịt loài rồng này. Lành thay! Đức Thế Tôn, đừng cho tỳ-kheo ăn thịt loài rồng.»[517]

Đức Thế Tôn nghe Thiện Hiện Long vương nói, im lặng nhận lời. Khi Thiện Hiện Long vương biết đức Phật hứa khả rồi, đầu mặt kính lễ Phật, rồi về lại bản xứ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, bảo: «Hiện có loài rồng có đại thần lực, có oai đức, có thể làm khô ráo một quốc độ, hay ít hơn một quốc độ, mà các tỳ-kheo ăn thịt loài rồng này. Từ nay về sau không được ăn thịt loài rồng.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo ở nước Ba-la-nại khất thực không được, bèn đến nhà Chiên-đà-la, nơi đó nhận được thịt chó và ăn. Các tỳ-kheo đi khất thực, chó ghét chạy theo sủa. Các tỳ-kheo nghĩ: «Trong số chúng ta, chắc có người ăn thịt chó nên khiến chúng nó ghét, chạy theo chúng ta sủa.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau không được ăn thịt chó, nếu ăn phạm đột-kiết-la.»

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo uống thuốc tiêu xổ. Có vị ưu-bà-di tên là Tô-tỳ[518], đến Tăng-già-lam, thăm viếng các phòng. Đến chỗ tỳ-kheo, hỏi rằng:

«Thầy bệnh thế nào?»

Tỳ-kheo nói:

«Tôi uống thuốc tiêu xổ.»

Tô-tỳ lại hỏi:

«Thầy cần gì?»

Tỳ-kheo bệnh nói:

«Cần thịt.»

Tô-tỳ thưa:

«Con sẽ đem thịt đến.»

Tô-tỳ liền trở về Ba-la-nại, sai người cầm tiền đi mua thịt. Tô-tỳ nói với người chạy việc rằng:

«Anh cầm tiền này đi mua thịt đem về đây.»

Hôm đó tại Ba-la-nại người ta không mổ thịt. Người đàn ông đi khắp nơi tìm mua mà không có, trở về đến chỗ ưu-bà-di thưa:

«Thưa đại gia, đại gia biết cho, hôm nay người ta không mổ thịt, con tìm mua khắp nơi mà không có thịt.»

Ưu-bà-di nghĩ như vầy: «Ta hứa cúng thịt cho tỳ-kheo bị tiêu xổ. Sợ rằng tỳ-kheo này không nhận được thịt, hoặc có thể qua đời. Nếu vì sanh tử này mà tỳ-kheo phải qua đời thì đối với pháp người xuất gia bị thối chuyển. Nếu là bậc hữu học thì không được thăng tiến. Nếu là A-la-hán thì khiến cho thế gian bị mất phước điền.» Nghĩ như vậy xong, ưu-bà-di liền vào phòng sau, lấy dao bén tự cắt thịt trong người, gói lại. Bảo đứa ở nấu, rồi đem đến Tăng-già-lam cho tỳ-kheo bị bệnh tiêu xổ. Đứa ở làm theo lời dạy, đem đến dâng cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo ăn xong bệnh liền lành. Vị ưu-bà-di kia sau khi tự cắt thịt mình rồi, cả người bị đau nhức vô cùng, hết sức khổ não. Trước đó phu chủ của ưu-bà-di đi khỏi, khi về không thấy Tô-tỳ nên hỏi:

«Tô-tỳ ưu-bà-di ở đâu?»

Gia nhân thưa:

« Bà bệnh nằm trong nhà.»

Phu chủ hỏi:

«Bệnh gì?»

Tô-tỳ trình bày rõ nhân duyên. Phu chủ nói:

«Chưa từng có người nào có lòng tin kính sa-môn như Tô-tỳ, đến mức không thương tiếc kể cả thân mạng như vậy.»

Tô-tỳ ưu-bà-di nghĩ: «Nay ta đang bị đau nhức vô cùng, có thể do đây mạng sống sẽ chấm dứt. Nay ta nên sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống để thỉnh Phật và Tăng đến thọ thực, ngõ hầu có cơ hội ta được chiêm ngưỡng lần cuối.» Tô-tỳ liền sai người đến Tăng-già-lam, thưa:

«Kính thỉnh Đại đức Tăng sáng mai đến thọ thực.»

Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng.

Liền trong [869a1] đêm hôm đó, các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ được chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm sứ giả đến thưa đã đến giờ. Bấy giờ, đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng các Tăng tỳ-kheo đến nhà của Tô-tỳ ưu-bà-di, an tọa nơi chỗ ngồi. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

«Ưu-bà-di Tô-tỳ đâu không thấy?»

Gia chủ thưa:

«Vì bệnh nên ở trong nhà.»

Đức Phật bảo:

«Gọi ưu-bà-di Tô-tỳ ra đây.»

Gia chủ liền vào trong nhà nói:

«Đức Phật bảo gọi cô ra.»

Tô-tỳ ưu-bà-di nghĩ như vầy: «Ta đã được đức Thế Tôn gọi.» Bà liền đứng dậy bước ra, đột nhiên sự đau nhức bổng chấm dứt, vết thương lành lại như cũ, không hề có tỳ vết chi cả. Khi ưu-bà-di Tô-tỳ đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy! Không được làm như vậy! Tô-tỳ ưu-bà-di nên cho như vầy, nên học như vầy. Không được tự gây khổ cho mình. Cũng không được gây lo rầu cho người.»

Bấy giờ, Tô-tỳ ưu-bà-di tự tay châm sớt các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ. Đức Phật và Tăng ăn xong, cất bát. Tô-tỳ lấy chiếc ghế nhỏ ngồi một bên. Bấy giờ đức Phật vì ưu-bà-di phương tiện nói các thứ pháp, khiến bà được hoan hỷ. Đức Thế Tôn vì bà nói các pháp xong liền từ chỗ ngồi ra về. Đến trong Tăng-già-lam, qua chỗ tỳ-kheo bị tiêu xổ, hỏi rằng:

«Ông được Tô-tỳ ưu-bà-di đem thịt đến cho ông ăn phải không?»

Vị ấy thưa:

«Bạch Thế Tôn, có.»

Đức Phật hỏi:

«Ông có ăn không?»

Vị ấy thưa:

«Có ăn.»

Đức Phật lại hỏi:

«Ngon không?»

Vị kia thưa:

«Ngon, thịt thơm ngon như vậy khó mà có được.»

Đức Phật dạy:

«Ông là người ngu si, ăn thịt người. Từ nay về sau không được ăn thịt người. Nếu ăn, phạm tội thâu-lan-giá. Các thứ thịt đáng tởm khác cũng không được ăn. Nếu ăn thì phạm đột-kiết-la.»

Thế Tôn ở nước Ba-la-nại. Có cư sĩ, cha của Da-thâu-già[519] đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì ông mà nói pháp khai hóa khiến ông được hoan hỷ. Cha của Da-thâu-già nghe Phật nói pháp khai hóa tâm sanh đại hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

«Cúi xin Ngài nhận lời thỉnh mời của con.»

Bấy giờ Da-thâu-già đang đứng hầu sau đức Phật, đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời thỉnh, còn Da-thâu-già không nhận lời mời, vì đức Phật chưa cho phép ông nhận biệt thỉnh. Đức Phật dạy:

«Có hai cách thỉnh cho phép được nhận. Hoặc là thỉnh Tăng, hoặc là thỉnh riêng.»

Bấy giờ, có một cư sĩ khác có ý nghĩ: «Làm phước đức gì để Tăng thường được cúng dường, và sự bố thí của ta không dứt tuyệt?»

Cư sĩ liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép thường làm thức ăn cho Tăng.»

Ông thưa như vầy:

«Con không thể thường làm thức ăn cho chúng Tăng được.»

«Làm phước đức gì để Tăng thường được cúng dường, và sự bố thí của ta không dứt tuyệt?»

Cư sĩ liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép tỳ-kheo thường đến nhà ông thọ thức ăn.»

Vị kia liền thưa:

«Con không thể thường làm thức ăn cho đạo nhơn ăn được.»

«Làm phước đức gì để Tăng thường được cúng dường, và sự bố thí của ta không dứt tuyệt?»

Cư sĩ liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng sai đến thọ thực, hoặc đưa thức ăn[520] đến trong Tăng; hoặc thức ăn ngày mồng tám, ngày bố-tát, thức ăn ngày mồng một[521] trong tháng.

Bấy giờ, có cư sĩ nghĩ: «Cần làm phước gì để cúng dường thuốc chữa bệnh cho chúng Tăng?» Vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép cúng tiền thuốc cho chúng Tăng.»

Bấy giờ, có cư sĩ vừa làm xong phòng xá mới mà không có đạo nhơn ở, nghĩ rằng: «Cúng dường chúng Tăng thứ gì để các tỳ-kheo đến ở nơi phòng này?» Vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nấu cháo để trong phòng.»

Nếu các vị không ở thì lại cho phép làm các thứ bánh và trái trong phòng. Nếu các vị không ở thì nên làm thức ăn cho. Nếu không ở thì cho phép cho tiền phòng[522]. Nếu các vị vẫn cố không chịu ở thì cho phép cho giường dây, giường cây, nệm ngồi, gối, đồ trải dưới đất. Nếu vẫn cố không ở thì nên cho áo lót, giạ, mền. Nếu vẫn cố không ở thì cho bình bát cùng ba y. Nếu vẫn cố không ở, thì nên làm cánh cửa, móc cửa, cho cây gậy, cho giày dép, cúng dù, cho quạt, cho bình nước, cho bình nước rửa, cho đồ đựng nước, cho các thứ dùng trong nhà tắm như bình đựng nước tắm, giường, cho vật cạo ghét, cho hương xông, cho hương hoàn, cho y phòng. Nếu vẫn cố không chịu ở, thì nên cúng tất cả vật cần dùng của sa-môn.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang nằm trên võng. Các tỳ-kheo đi khất thực, thấy một người nặn sữa bò cho bò bê uống. Rồi lại nặn. Từ miệng con bò nghé, tiết ra một thứ nước bọt

giống như sữa. Sau đó các vị nghi không dám uống sữa, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép uống sữa.» Ngài nói, phương pháp nặn sữa là như vậy.

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào mùa thu, các tỳ-kheo mắc bệnh nên nhan sắc tiều tụy, hình dung khô gầy, sanh ghẻ lở[523]. Khi ấy, đức Thế Tôn ở nơi tịnh thất khởi ý nghĩ như vầy: «Tháng mùa thu, các tỳ-kheo mắc bệnh, nhan sắc tiều tụy, thân hình khô gầy sanh ghẻ. Nay ta nên cho phép các tỳ-kheo ăn thứ gì để trị các chứng bệnh ấy?» Ngài liền nghĩ: «Có năm thứ thuốc người đời thường dùng[524] là váng sữa, dầu, mật, bơ lỏng, đường mía[525]. Ta nên cho các tỳ-kheo dùng để làm thuốc chữa bệnh gầy ốm, như phương pháp dùng lương khô[526] vậy.» Nghĩ như vậy rồi, xế hôm ấy, từ nơi chỗ vắng đứng dậy, đem việc này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, Ngài dạy:

«Vừa rồi ở chỗ vắng Như Lai tư duy sự việc như vậy, như vậy. Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh được dùng năm thứ thuốc: váng sữa, dầu, mật, bơ lỏng, đường mía.»

Các tỳ-kheo nhận được các thứ thuốc ăn béo bổ; trong thời gian giữa ngày, không thể ăn kịp, huống chi nay lại thêm năm thứ thuốc này cũng trong thời gian giữa ngày. Lúc ấy, thuốc tuy nhiều mà người bệnh không kịp giờ để uống, nên các tỳ-kheo bệnh hoạn càng tăng, hình thể vẫn khô gầy, nhan sắc vẫn tiều tụy. Bấy giờ, đức Thế Tôn biết mà vẫn cứ hỏi Tôn giả A-nan:

«Sao các tỳ-kheo hình thể nhan sắc vẫn như vậy?»

Tôn giả A-nan đem nhơn duyên trên bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, nếu tỳ-kheo nào có bệnh, thời hay phi thời, đều được phép dùng năm thứ thuốc ấy.»

Bấy giờ các tỳ-kheo bệnh nhận được thức ăn béo bổ, không thể ăn hết, cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh nhận lời thỉnh rồi, nên không ăn mà đem bỏ. Các chim quạ tranh nhau ăn kêu la inh ỏi. Đức Phật biết mà vẫn cố ý hỏi A-nan:

«Tại sao các loài chim quạ kêu la như thế?»

Tôn giả A-nan đem nhơn duyên trên bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép người nuôi tỳ-kheo bệnh, dù nhận lời thỉnh hay không nhận lời thỉnh, được phép ăn thức ăn của người bệnh ăn chưa hết; không phạm.»

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh thống phong, thầy thuốc bảo ăn năm thứ mỡ: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá sấu[527]. Tôn giả bạch Phật, Phật cho phép dùng. Nhận đúng thời, lọc đúng thời, nấu đúng thời như phương pháp dùng dầu. Nhận phi thời, lọc phi thời, nấu phi thời; không được dùng. Nếu dùng thì như pháp trị.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành trong nhân gian tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó được. Có năm trăm người ăn xin thường đi theo sau đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn đi chưa xa lắm, đến dưới một bóng cây bên đường, trải ni-sư-đàn ngồi. Lúc ấy có một cư sĩ tên là Tư-ha-tỳ-la[528], là người huấn luyện voi, chở đường cát đen[529] trên năm trăm cỗ xe, đi ngang qua đường. Trên đường đi, thấy tướng bánh xe nghìn căm[530] nơi dấu chân đức Phật có ánh sáng rõ ràng, liền theo dấu chân tìm đến. Từ xa thấy đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, tướng mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, điều phục tối thượng, cũng như long tượng vương, tối thắng không ai sánh kịp, thí như đáy nước lóng trong không có bợn nhơ. Thấy đức Thế Tôn như vậy, người huấn luyện voi sanh lòng kính tín, đến trước Ngài, đảnh lễ sát chân, rồi lui ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn vì cư sĩ Tư-ha mà phương tiện nói các pháp, khai hóa,

[870a1] khiến được hoan hỷ. Bấy giờ, Tư-ha cư sĩ nghe đức Phật nói pháp sanh đại hoan hỷ, liền cúng dường các tỳ-kheo mỗi vị một tô đường cát đen. Các tỳ-kheo không nhận vì đức Phật chưa cho phép nhận đường cát đen. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật cho phép nhận đường cát đen. Đức Phật bảo Tư-ha cúng cho mỗi tỳ-kheo một tô đường cát đen. Tư-ha vâng lời Phật dạy. Cúng cho mỗi vị một tô đường cát đen. Cúng xong, còn dư đường cát đen. Phật bảo tuỳ ý cúng lại lần thứ hai, lần thứ ba. Cúng ba lần xong vẫn còn dư. Phật bảo cho người ăn xin. Cho rồi vẫn còn dư, Phật bảo cho lại lần thứ hai, lần thứ ba, để người ăn xin được no đủ. Cho người hành khất đầy đủ rồi vẫn dư. Đức Phật bảo Tư-ha, nên đem đường cát đen còn dư để chỗ tịnh địa, hoặc trong nước không trùng. Tại sao vậy? Vì chưa từng thấy chư thiên hay loài người, các ma, phạm vương, hay sa-môn, bà-la-môn nào ăn loại đường cát đen nầy mà có thể tiêu hóa được, ngoại trừ Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác.

Bấy giờ, Tư-ha vâng lời đem đường cát đen còn dư đổ chỗ nước không trùng. Nước liền tuôn khói và phát lên âm thanh, như cây sắt nóng đỏ bỏ vào trong nước, âm thanh chấn động. Đường cát đen dư nầy bỏ vào trong nước, nước sôi, cũng phát ra âm thanh như vậy. Tư-ha thấy vậy hoảng sợ, lông trong người dựng ngược, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi lui qua ngồi một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật. Đức Thế Tôn biết Tư-ha ôm lòng hoảng sợ, lông trong người dựng ngược, nên phương tiện nói các pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Liền từ chỗ ngồi, Tư-ha lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc pháp, đặng tăng thượng quả, liền bạch đức Thế Tôn:

«Kính bạch Đại đức, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng làm người ưu-bà-tắc. Từ nay về sau con không sát sanh cho đến không uống rượu.» Tư-ha nghe đức Phật nói pháp sanh đại hoan hỷ, đảnh lễ đức Phật rồi cáo lui.

Bấy giờ, tỳ-kheo khất thực thấy bạch y khi làm đường cát đen, có bỏ kế-ny[531].Các tỳ-kheo sanh nghi không dám ăn quá ngọ, nên bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Phương pháp làm như vậy. Cho phép ăn.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo khất thực nhận được đường cát dẻo[532], nên bạch Phật. Đức Phật cho phép ăn. Nhận được nước đường[533], Phật cho phép uống. Nhận được thứ mật đường đặc[534], Phật cho phép ăn. Nhận được đường cát trắng[535], Phật cho phép dùng; nhận được ô-bà-đà-phả-ni[536], đức Phật cho phép dùng. Nhận được nước hòa với nước mía, đức Phật cho phép uống. Nhận được nước mía, đức Phật cho phép uống. Nếu là các loại nước uống không làm người say, cho phép uống vào lúc phi thời. Nếu là loại nước uống làm người say, không được uống. Nếu uống thì sẽ như pháp trị. Nhận được mía, đức Phật cho phép ăn.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn du hành trong nhân gian từ nước Ma-kiệt-đề đến thành Vương-xá. Tất-lăng-già-bà-ta[537] được nhiều người biết, có nhiều đồ chúng, nhận được nhiều tô, du, mật, sanh tô, thạch mật đem cho đồ chúng. Đồ chúng tập trung tích trử, các đồ chứa đựng đều đầy hết. Bồn lớn, bồn nhỏ, chõ lớn, đãy đựng lạc, đãy lọc, treo trên vách, trên móc long nha, trên trụ, hoặc dưới gian nhà, chảy xuống ướt, làm cho phòng nhà hôi thúi.

Bấy giờ, nhiều cư sĩ đến thăm Tăng-già-lam, thấy các phòng xá của đồ chúng Tất-lăng-già-bà-ta dồn chứa nhiều đồ ăn thức uống, các loại thuốc, cùng ngủ chung với chúng ở trong phòng, hôi thúi bất tịnh, tất cả đều cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử mà còn nhiều ham muốn, không biết nhàm chán, tự xưng là mình biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh Pháp? Cứ xem họ dồn chứa các thứ đồ ăn thức uống, các loại thuốc nhiều như vậy đâu khác gì kho chứa của vua Bình-sa?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, biết hổ thẹn, ưa học giới, hiềm trách Tất-lăng-già-bà-

ta rằng, «Sao dồn chứa nhiều đồ ăn thức uống, nhiều thứ thuốc ở trong phòng và cùng ngủ chung với chúng, hôi thúi bất tịnh như vậy?» Bấy giờ, các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách đồ chúng của Tất-lăng-già-bà-ta rằng:

«Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao dồn chứa nhiều đồ ăn thức uống, nhiều loại thuốc ở trong phòng và cùng ngủ với chúng, hôi thúi bất tịnh như vậy?»

Dùng vô số phương tiện ha trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, nếu có tỳ-kheo bệnh nào cần tô, du, mật, sanh tô, hắc thạch mật, được phép dùng đến bảy ngày. Nếu quá hạn còn dùng thì sẽ như pháp trị.»[538]

Bấy giờ, đức Thế Tôn từ thành Vương-xá du hành trong nhân gian (*điều này như trên, không khác với giới lần lượt ăn, nên không chép ra*).

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh hoạn phong, cần thuốc. Thầy thuốc bảo ngâm nước lúa mạch[539], đức Phật cho phép uống. Trường hợp cần dầu ngâm với nước lúa mạch; cần phả-ny[540] ngâm với nước lúa mạch, đức Phật cho phép dùng. Có trường hợp thuốc đúng thời hòa[541] với thuốc đúng thời; thuốc phi thời[542] hòa với thuốc đúng thời; thuốc bảy ngày[543] hòa với thuốc đúng thời; thuốc trọn đời[544] hòa với thời dược thì nên thọ như thuốc đúng thời. Hoặc thuốc phi thời hòa với thuốc phi thời; thuốc bảy ngày hòa với thuốc phi thời; thuốc trọn đời hòa với thuốc phi thời, thì nên thọ như thuốc phi thời.

Hoặc thuốc bảy ngày hòa với thuốc bảy ngày; thuốc trọn đời hòa với thuốc bảy ngày, thì nên thọ như thuốc bảy ngày.

Hay thuốc trọn đời hòa với thuốc trọn đời, thì thọ như thuốc trọn đời.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị mụt nhọt, cần thuốc để thoa; dùng cái soong để sao thuốc. Bạch Phật. Phật cho phép dùng. Bấy giờ, có tỳ-kheo bị giộp[545], thầy thuốc bảo dùng mỡ người để trị. Đức Phật cho phép dùng. Lúc ấy có tỳ-kheo bị ói mửa, cần tóc mềm mịn. Đức Phật dạy cho phép đốt lấy tro hòa với nước, lọc rồi uống.

Bấy giờ có tỳ-kheo tự mình đến bãi tha ma, lấy tóc người, lấy mỡ người đem về, các cư sĩ thấy đều ghét tởm, cho là xấu, là bần tiện. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép lấy lúc vắng người.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo thân bị bệnh nhiệt, thầy thuốc bảo dùng chiên-đàn sẽ lành bệnh. Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật cho phép dùng. Nếu là trầm thủy hay chiên-đàn tất-lăng-kỳ-già-la-nậu-bà-la[546], Phật cho phép dùng để thoa thân.

Bấy giờ, các phòng tỳ-kheo bị rắn vào. Tỳ-kheo chưa ly dục sợ hãi. Phật cho phép đuổi nó, hoặc dùng ống đồng đựng nó, hoặc lấy dây cột nó rồi mang đi vất. Vị kia không mở dây khi đặt xuống đất để thả, nên rắn bị chết. Đức Phật dạy:

«Không nên không mở dây khi thả.»

Bấy giờ, phòng các tỳ-kheo bị chuột vào. Tỳ-kheo chưa ly dục đều sợ hãi. Đức Phật dạy:

«Nên đuổi nó chạy ra ngoài. Hoặc dùng bẩy để bắt rồi đem thả đi.»

Vị kia để trong bẩy đem bỏ luôn cả bẩy. Chuột ở trong bẩy chết. Đức Phật dạy:

«Khi thả, không được không mở bẩy ra.»

Lúc bấy giờ, phòng các tỳ-kheo bị bò cạp, rít, sâu vào. Các tỳ-kheo chưa ly dục sợ hãi. Đức Phật dạy: Dùng vật gì xấu hay cục bùn, hay lấy đồ quét, túm nó đem bỏ đi. Khi bỏ, không mở ra nên bị chết, Phật dạy:

«Khi bỏ, không được không mở ra.»

Lúc bấy giờ, đức Phật ở tại thành Vương-xá. Các tỳ-kheo phá nhà tắm. Có con rắn trong bọng cây chạy ra, cắn thầy tỳ-kheo chết. Bấy giờ, đức Thế Tôn từ niệm bảo các tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo kia không sanh từ tâm đối với vua của rắn là tám vị Long vương nên bị rắn cắn chết. Tám Long vương[547] là Tỳ-lâu-lặc-xoa Long vương, Già-ninh, Cù-đàm-minh, Thí-bà-di-đa-la, Đa-xà-y-la-bà-ny, Già-tỳ-la-thấp-ba-la, Đề-đầu-loại-thác Long vương. Nếu tỳ-kheo từ tâm đối với tám rắn Long vương thì không bị rắn cắn chết. Nếu Tỳ-kheo này [871a1], có từ tâm đối với tất cả chúng sanh thì cũng không bị rắn kia cắn chết.

Đức Phật cho phép làm bài chú tự bảo hộ niệm từ:

«Tỳ-lâu-lặc-xoa-từ, Già-ninh từ, Cù-đàm-minh từ, Thí-bà-di-đa-la từ, Đa-xà-y-la-bà-ny từ, Già-tỳ-la-thập-ba-la từ, Đề-đầu-lại-thác từ. Từ niệm chư Long vương, kiền-thát-bà, la-sát-sa. Nay tôi tác từ tâm trừ diệt các độc ác, từ đây được bình phục, đoạn độc, diệt độc, trừ độc. Nam mô Bà-già-bà.»[548]

Đức Phật cho phép dùng dao mổ ra máu rồi dùng thuốc thoa, cũng cho phép chứa con dao nhọn.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh độc[549], thầy thuốc bảo uống hủ lạn dược[550]. Nếu hủ lạn dược nầy đã rơi xuống đất[551] thì nên lấy đồ đựng đầy nước hòa với thuốc, lọc rồi thọ, sau đó mới uống. Nếu thuốc chưa rơi xuống đất, thì lấy đồ đựng đầy nước hòa với thuốc, lọc rồi uống chứ khỏi phải thọ.

Bấy giờ, cũng có Tỳ-kheo bị bệnh độc, thầy thuốc bảo uống bùn ở trong ruộng. Đức Phật cho phép dùng đồ đựng đầy nước hòa với bùn và lọc, sau đó thọ rồi mới uống.

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Kỳ-bà Đồng tử dùng dao chữa chỗ đại tiểu tiện, và dưới hai nách của tỳ-kheo bệnh. Lúc ấy đức Thế Tôn vì từ niệm, bảo các tỳ-kheo:

«Kỳ-bà Đồng tử này dùng dao chữa chỗ đại tiểu tiện, và dưới hai nách cho tỳ-kheo bệnh. Người bịnh không được dùng dao chữa như vậy. Tại sao? Vì dao bén, nên nơi bị mổ ăn sâu vào trong thịt. Từ nay về sau, cho phép dùng dây gân hay dây bằng lông cột thắt lại hoặc lấy móng tay ngắt cho đứt da, sau đó mới sức thuốc. Đức Phật dạy tiếp:

«Cho phép làm thuốc bằng tro. Nếu tay cầm không bảo đảm, Phật cho phép làm đồ đựng thuốc tro. Nếu đồ đựng dễ vỡ, cho phép làm bằng xương.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bị chứng thống phong, thầy thuốc bảo hòa ba loại thuốc để uống, nên kêu A-nan lấy ba thứ thuốc để hòa, mang ra. Bấy giờ, A-nan vâng lời Phật, tự hòa ba thứ thuốc lại nấu với nhau, rồi đem dâng cho Phật. Lúc ấy đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi A-nan:

«Ai nấu thuốc này?»

A-nan thưa:

«Con tự nấu.»

Đức Phật bảo A-nan:

«Không được tự nấu. Nếu tự nấu, sẽ như pháp trị.»

---o0o---

3. Tịnh trù

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tăng tỳ-kheo du hành trong nhân gian. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó được. Có sáu trăm chiếc xe chở đầy đồ ăn thức uống đi theo đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn khi ấy, từ nước Bà-xà du hành trong nhân gian đến Tỳ-xá-ly. Lúc ấy các tịnh nhơn sửa soạn đầy đủ các thức ăn thanh tịnh. Họ lớn tiếng cao giọng, hoặc kêu người bảo dùng nắp đậy đồ chứa vật này, đồ chứa vật kia. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố ý hỏi tôn giả A-nan:

«Tại sao các tỳ-kheo kêu la lớn tiếng như bọn người chài cá vậy?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tịnh nhơn sửa soạn các thức ăn thanh tịnh nên lớn tiếng cao giọng, hoặc bảo đậy nắp đồ chứa vật này, đồ chứa vật kia, cho nên lớn tiếng như vậy.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Không được trong cương giới, cùng ngủ với thức ăn, cùng nấu đồ ăn để ăn. Nếu ăn thì sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem đồ ăn thức uống để nơi đất trống, tích trử không bảo đảm, khiến trẻ chăn bò chăn dê, hoặc kẻ trộm cướp lấy đi. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên kết nhà tịnh trù nơi chỗ đất vắng, hay ở bên phòng.»

---o0o---

4. Tịnh nhục

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có tướng quân Tư-ha[552] là đệ tử của Ni-kiền. Tại công đường[553], có năm trăm Lê-xa ngồi

ăn, họ dùng vô số phương tiện khen ngợi Phật, Pháp, Tăng. Bấy giờ, tướng quân Tư-ha tại chỗ ngồi nghe vô số phương tiện khen ngợi Phật, Pháp, Tăng nên sanh lòng tin ưa, muốn đến yết kiến đức Phật. Ông ta nghĩ như vầy: «Nay ta hãy đến thưa với thầy Ni-kiền để đến chỗ Cù Đàm.» Bấy giờ, Tư-ha liền đến thưa với Ni-kiền rằng:

«Tôi muốn đến chỗ sa-môn Cù-đàm.»

Ni-kiền nói rằng:

«Ông chủ trương nên làm[554]. Cù-đàm giáo hóa đệ tử bằng thuyết không nên làm. Thôi, đừng nên đến đó.»

Bấy giờ, tướng quân Tư-ha rút lại ý định đi gặp Phật trước đó. Các Lê-xa lần thứ nhì, lần thứ ba cũng khen ngợi Phật, Pháp, Tăng như vậy. Tướng quân Tư-ha khi nghe lần thứ hai, lần thứ ba sự khen ngợi như vậy, khởi ý nghĩ như vầy: «Nay ta hãy đi gặp Cù-đàm, khỏi phải từ giã thầy Ni-kiền. Xem Thầy sẽ làm gì được ta?» Bấy giờ, Tư-ha liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Tư-ha nghe Phật phương tiện nói pháp tâm sanh đại hoan hỷ bạch Phật rằng:

«Tôi nghe nói Cù-đàm giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm. Các sa-môn đồn như vậy, có đúng sự thật, có đúng như pháp chăng?»

Đức Phật nói với Tư-ha rằng:

«Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết hãy nên làm; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng pháp đoạn diệt[555]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng pháp uế ác[556]; lời

nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng pháp điều phục[557]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử, đó là thuật ngữ bằng pháp diệt ám[558]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử rằng ‹Sự sanh của ta đã dứt; không còn tái sinh nữa›[559]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử rằng, Ta đã đến chỗ vô uý, thuyết vô uý pháp;[560] lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp.»

Đức Phật nói với Tư-ha:

«Vì sao Ta nói ‹Không nên làm› cho đến ‹chỗ vô úy› để giáo hóa đệ tử, rằng lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp?»

«Ta nói ‹không nên làm›, là không nên làm ba pháp ác bất thiện: thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác.

«Ta nói ‹nên làm›, là nên làm ba pháp thiện.

«Ta nói ‹pháp đoạn diệt›, là đoạn diệt tham dục, sân nhuế, ngu si.

«Ta nói ‹pháp uế ác› là kinh tởm pháp bất thiện do bởi nghiệp thân, khẩu, ý.

«Ta nói ‹pháp điều phục› là điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si.

«Ta nói ‹diệt ám› là diệt các pháp tối tăm ác, bất thiện.

«Ta nói ‹sự sanh của ta đã dứt› là nói sự thọ sanh của Ta đã dứt tuyệt, không còn bào thai, và lại giáo hóa cho con người cắt đứt sanh tử.

«Ta nói ‹đến chỗ vô úy› là tự mình không có sự sợ sệt, lại an ủi chúng sanh.

«Nầy Tư-ha! Đó là, có nhân duyên để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết ‹không nên làm›; ‹đến chỗ vô úy›, lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp.»

Tư-ha bạch Phật:

«Con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau, con không sát sanh *cho đến* không uống rượu.»

Đức Phật bảo Tư-ha:

«Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn.»

Tư-ha thưa:

«Khi mà con đến làm đệ tử của ngoại đạo sa-môn, bà-la-môn, họ liền cầm phan, xướng lệnh khiến cho người trong nước biết: ‹Tư-ha là đệ tử của Ni-kiền.› Nay con nghe đức Thế Tôn ân cần dạy bảo rằng: ‹Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm, việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn.› Điều này làm cho con càng tin tưởng sâu xa hơn.»

Tư-ha lại bạch Phật:

«Bạch Đại đức! Lần thứ hai, con xin trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sanh, *cho đến* không uống rượu. Từ nay về sau, cửa ngõ nhà con Ni-kiền ngoại đạo không được [872a1] vào. Phật và các đệ tử tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ra vào cửa ngỏ nhà con không có sự trở ngại.»

Đức Phật nói với Tư-ha rằng:

«Trước đây, ông như là nguồn suối ngày đêm cung cấp cho ngoại đạo Ni-kiền, nay làm sao đoạn tuyệt được?»

Tư-ha lại hỏi đức Phật:

«Con được nghe người ngoài nói rằng: Sa-môn Cù-đàm tự nói, ‹Bố thí, nên bố thí cho Ta, không nên bố thí cho người khác. Bố thí cho ta sẽ được quả báo lớn. Bố thí cho người khác sẽ không được quả báo. Nên bố thí cho đệ tử của Ta. Không nên bố thí cho đệ tử người khác. Bố thí cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn. Bố thí cho đệ tử người khác sẽ không được quả báo.› »

Đức Phật trả lời cho Tư-ha rằng:

«Ta không nói như vậy, mà ta nói: Nếu người có từ tâm, chỉ đem nước vo gạo cho đến như nước cơm, đem đổ chỗ nước bất tịnh có trùng, khiến cho loài trùng kia được thọ hưởng chất này; Ta nói người kia còn có phước. Huống chi là cho con người. Ta nói, bố thí cho người trì giới được quả báo lớn hơn so với cho người phá giới.»

Tư-ha bạch Phật rằng:

«Như lời đức Thế Tôn đã nói, như lời đức Thế Tôn đã nói. Chúng con xin tự biết.»

Rồi đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho Tư-ha được hoan hỷ. Từ chỗ ngồi xa lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; liền bạch Phật rằng:

«Nay, lần thứ ba, con nguyện trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sanh *cho đến* không uống rượu. Cúi xin đức Thế Tôn nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai.»

Đức Thế Tôn nhận lời bằng sự im lặng. Tư-ha biết đức Thế Tôn hứa khả, liền đứng dậy kính lễ sát chân Phật cáo lui.

Trong đêm ấy, Tư-ha sắm sửa đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ, sáng ngày đúng giờ, đến thỉnh Phật phó trai. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng một ngàn hai trăm

năm mươi tỳ-kheo, đến nhà Tư-ha, trải ni-sư-đàn an tọa. Ngay lúc ấy, các Ni-kiền Tử đến chỗ ở của Lê-xa hoa tay cao lên, kêu la lớn tiếng với giọng oán giận rằng:

«Tướng quân Tư-ha này, đã tự giết con bò lớn để thiết đãi bữa cơm cho Sa-môn Cù-đàm và các đệ tử. Biết thí chủ vì mình giết mà vẫn cố ăn!»

Lúc ấy, có người đến chỗ Tư-ha nói cho biết rằng:

«Hiện có các Ni-kiền Tử đến trú xứ của Lê-xa, đưa tay cao lên, lớn tiếng kêu gào, oán hận, nói: ‹Tướng quân Tư-ha, tự giết bò thiết đãi bữa ăn cho Sa-môn Cù-đàm và các Tăng tỳ-kheo.›»

Tư-ha nghe rồi nói:

«Những người đó là ngày đêm thường xuyên coi Phật và Tăng tỳ-kheo là oan gia. Ta không bao giờ vì mạng của ta mà cố ý đoạn mạng chúng sanh.» Bấy giờ, tướng quân Tư-ha dùng các đồ ăn thức uống ngon bổ dâng lên. Bữa ăn của đức Phật và Tăng tỳ-kheo đã xong, bình bát được thu dọn, ông lấy chiếc ghế nhỏ ngồi qua một bên, đức Phật vì ông mà phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho Tư-ha được hoan hỷ. Vì ông nói pháp xong, rời chỗ ngồi ra về.

Khi về đến Tăng-già-lam, vì nhơn duyên này, đức Phật tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

«Từ nay về sau, nếu có thí chủ vì mình cố ý giết thì không được ăn. Vì mình cố ý giết ở đây là cố ý thấy, cố ý nghe, cố ý nghi. Có ba nhơn duyên như vậy là thịt bất tịnh, Ta nói không được ăn. Nếu thấy vì ta mà cố ý giết, hoặc nghe từ người đáng tin nói, vì ta mà cố ý giết, hoặc thấy trong nhà có đầu, có da, có lông, có máu, có chân, và người này có khả năng làm mười điều ác, thường là người sát hại, có thể vì ta mà cố ý giết. Ba nhơn duyên như vậy gọi là thịt không thanh tịnh, không được ăn. Có ba loại thịt tịnh nên ăn: Không cố ý thấy, không cố ý nghe, không cố ý nghi. Nếu

không thấy vì ta mà giết, không nghe vì ta mà giết, hoặc không thấy trong nhà có đầu, chân, da, lông máu, và người kia không phải là người giết hại, cho đến thọ trì mười điều thiện, người kia không bao giờ vì ta mà đoạn mạng chúng sanh. Ba thứ thịt như vậy gọi là tịnh, được ăn. Nếu là thịt làm ở nơi thờ tự thì không được ăn. Tại sao vậy? Người kia với dụng ý làm để đem đến cúng tế. Cho nên không được ăn, nếu ăn sẽ như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành trong nhân gian. Từ Tỳ-xá-ly, đến Tô-di; từ Tô-di đến ở thành Bạt-đề[561]. Bấy giờ, ở thành Bạt-đề có đại cư sĩ tự Mân-trà[562], là đệ tử của Bất-lan Ca-diếp[563], giàu có rất nhiều của báu, nhiều voi ngựa xe cộ, nô tỳ, người ăn kẻ ở, kho lẫm nhẫy đầy, có đại oai lực, tùy theo ý muốn, chu cấp người vật. Khi người cư sĩ này vào kho, thì như lỗ trục của bánh xe, lúa thóc tự nhiên tuôn ra mãi, cho đến khi nào cư sĩ ra khỏi kho. Người vợ của cư sĩ cũng có phước lực như vậy. Dùng tám đấu gạo nấu cơm cung cấp cho cả bốn binh chủng; và người bốn phương đến xin đều cho họ ăn đầy đủ, không khi nào hết, cho đến khi nào đứng dậy đi. Người con cũng có phước lực như vậy. Dùng cái đãy đựng đầy một ngàn lượng vàng, cho cả bốn binh chủng và người bốn phương đến xin theo ý muốn của họ đều được đầy đủ, không bao giờ hết, cho đến khi nào đứng dậy đi. Vợ con của cư sĩ cũng đều có phước lực như vậy. Họ dùng một gói hương thoa cho bốn binh chúng và người bốn phương đến xin, một cách đầy đủ theo ý muốn, không bao giờ hết, cho đến khi nào đứng dậy đi. Tôi tớ trai của cư sĩ cũng có phước lực như vậy. Dùng một cái cày, cày bảy khu đất gò. Đứa tớ gái cũng có phước lực như vậy. Dùng tám đấu thóc mà cho binh bốn bộ ăn không hết. Trong gia đình ấy, người nào cũng tranh nói đó là phước lực của mình.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Mân-trà nghe đức Phật từ Tô-di du hành trong nhân gian đến thành Bạt-đề. Cư sĩ nghĩ như vầy: «Nay ta đến xin phép thầy Bất-lan Ca-diếp để đến chỗ Sa-môn Cù-đàm.» Nghĩ như vậy rồi, đến chỗ vị thầy thưa:

«Bạch Đại sư, con nghe Phật từ Tô-di, du hành trong nhân gian đến thành Bạt-đề. Nay con muốn đến đó để gặp Sa-môn Cù-đàm.»

Bất-lan Ca-diếp nói với cư sĩ rằng:

«Cư sĩ, Ông có đại thần lực, tự tại theo ý, không nên đến gặp Sa-môn Cù-đàm, mà Sa-môn Cù-đàm phải đến yết kiến ông. Theo pháp là như vậy. Người xuất gia nên đến thăm hỏi người bạch y.»

Vị cư sĩ nghĩ như vầy: «Chưa từng có Sa-môn nào là cái gai đối với Sa-môn khác. Ta cần gì phải xin phép Bất-lan Ca-diếp? Không từ biệt mà đi, Bất-lan Ca-diệp có thể làm gì ta được? Ta cứ đến gặp Cù-đàm.»

Cư sĩ Mân-trà đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn vì ông dùng nhiều phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho cư sĩ được hoan hỷ. Bấy giờ, Mân-trà nghe Phật nói pháp, sanh tâm vui mừng lớn, liền bạch Phật rằng:

«Con là cư sĩ ở thành Bạt-đề, đệ tử của Bất-lan Ca-diếp.»

Ông đem đầy đủ tất cả việc phước lực gia nghiệp của mình bạch lên đức Thế Tôn và hỏi rằng:

«Trong nhà của con, mọi người đều tranh nhau bảo đó là phước lực của mình. Vậy xin đức Thế Tôn vì con mà cho biết đó là phước lực của ai?»

Đức Phật bảo cư sĩ Mân-trà rằng:

«Thuở quá khứ, tại nước Ba-la-nại, ông là một cư sĩ giàu có, nhiều của cải, kho chứa đầy nhẫy. Vợ con, tớ trai, tớ gái của ông lúc bấy giờ, cũng là vợ con, tớ trai, tớ gái của ông hiện nay. Cư sĩ, bấy giờ là lúc lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khất cầu khó được. Một hôm nọ, trong nhà cư sĩ đang ngồi ăn thì có một vị Phật-bích-chi tên là Đa-ha-lâu-chi[564]

vào khất thực. Cư sĩ nói: ‹Các người cứ ăn đi, để tôi đem phần ăn của tôi cúng dường vị Tiên nhơn này.› Vợ của ông lại nói như vầy: ‹Anh cứ ăn đi, để em đem phần ăn của em cúng cho vị tiên nhơn này.› Tớ trai, tớ gái của ông cũng đều nói như vầy: ‹Xin các đại gia [873a1] cứ ăn đi để tụi con đem phần ăn của tụi con hiến cúng cho vị Tiên nhơn này.› Tất cả mọi người đều muốn đem phần ăn của mình cúng cho vị Phật-bích-chi thôi. Cư sĩ biết không? Vì nhân duyên quả báo như vậy nên ngày nay mọi người đều chung có phước lực như vậy.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì ông mà nói pháp, khai hóa, khiến sanh hoan hỷ, từ nơi chỗ ngồi xa lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc pháp, thành tựu quả chứng, và bạch Phật rằng:

«Từ nay về sau, trọn đời con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, làm người ưu-bà-tắc. Không sát sanh *cho đến* không uống rượu. Cúi xin đức Thế Tôn nhận lời thỉnh mời của con, bảy ngày ở lại thành Bạt-đề.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi cư sĩ Mân-trà biết đức Thế Tôn và Tăng tỳ-kheo đã chấp nhận lời mời bằng cách im lặng rồi, liền chuẩn bị đầy đủ các thức ăn đủ mùi vị để cúng dường bảy ngày cho Phật và Tăng tỳ-kheo trong thành Bạt-đề.

Sau khi qua bảy ngày thọ thỉnh, Thế Tôn đi qua vùng hoang mạc. Bấy giờ, Mân-trà cư sĩ sai người dùng một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái, và dùng voi chở đầy các thức ăn để cúng dường Phật và Tăng tỳ-kheo theo lộ trình trên.

Đức Thế Tôn sau khi nhận sự cúng dường bảy ngày xong, liền đến vùng hoang mạc. Trên đường đi, các tỳ-kheo thấy có người vắt sữa bò cho con bò nghé uống. Rồi lại vắt. Từ miệng con bò nghé chảy ra một thứ nước bọt giống như sữa[565]. Do đây mà các tỳ-kheo sau đó không dám uống sữa, nên bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Phương pháp vắt sữa là như vậy. Cho phép uống.»

Sữa bò cho ra năm loại: sữa tươi, sữa đông, sữa bơ, bơ, bơ trong[566].

Qua khỏi hoang mạc rồi thức ăn vẫn còn dư. Sứ giả kia khởi ý nghĩ như vầy: ‹Cư sĩ Mân-trà giàu có, nhiều tài bảo, nên làm các thức ăn này để các tỳ-kheo dùng dọc đường. Nay ta nên đem hết đồ ăn thức uống này cúng cho các tỳ-kheo.› Nghĩ xong, sứ giả liền đem đồ ăn thức uống cúng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không nhận vì bảo đức Phật chưa cho phép nhận lương thực dọc đường. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép nghĩ là thức ăn của đàn-việt để nhận, rồi khiến tịnh nhơn cất giữ, chứ không được tự thọ nhận. Khi nào cần thì tùy ý xử dụng.»

---o0o---

5. Tám thứ nước

Bấy giờ, đức Thế Tôn từ nước A-mâu-đa-la[567], du hành nhân gian đến thành A-ma-na[568] trú trong vườn của bà-la-môn bện tóc Sí-nâu[569]. Lúc ấy, bà-la-môn bện tóc Sí-nậu nghe Sa-môn Cù-đàm xuất gia từ dòng họ Thích, từ nước A-mâu-đa-la đến thành A-ma-na, trú trong vườn của ta. Vị kia khởi ý nghĩ như vầy: «Sa-môn Cù-đàm có đại danh xưng, gọi là Như lai, Vô sở trước, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điền ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Lành thay, nay ta nên đến yết kiến con người Vô trước như vậy.» Bấy giờ, bà-la-môn bện tóc đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính hỏi chào rồi, lui qua một bên mà ngồi. Đức Phật vì ông dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến sanh hoan hỷ. Khi bà-la-môn nghe Phật nói pháp rất hoan hỷ rồi, bạch Phật:

«Cúi xin Phật và Tăng tỳ-kheo nhận lời thỉnh mời thọ thực của con vào sáng mai.»

Đức Phật nói:

«Hiện tại Tăng tỳ-kheo đông, mà ông là người tin ngoại đạo.»

Bà-la-môn thưa:

«Dù chúng Tăng hiện nay đông, con tuy là người tin theo ngoại đạo, nhưng cũng xin Ngài và chúng Tăng nhận lời thỉnh mời thọ thực của con vào sáng mai.»

Tuy đức Thế Tôn nói đi nói lại ba lần, nhưng bà-la-môn cũng lại ba lần thưa đức Thế Tôn như vậy. Đức Thế Tôn bấy giờ im lặng nhận lời thỉnh. Bà-la-môn biết đức Phật đã nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi về nhà, và nói với thân quyến rằng:

«Sáng mai tôi thỉnh Phật và Tăng tỳ-kheo thọ thực, các người nên tiếp tay với tôi trong việc cúng dường này.»

Những người trong thân quyến nghe nói đều hoan hỷ. Kẻ thì bửa củi, người thì nấu cơm, người khác xách nước. Bà-la-môn thì tự trang hoàng nhà cửa, trải tòa ngồi, để Phật và Tăng tỳ-kheo sẽ ngồi.

Lúc ấy trong thành A-ma-na có bà-la-môn Thí-lô cùng ở với năm trăm bà-la-môn khác, mà Sí-nậu bà-la-môn thường cung kính tôn ngưỡng họ. Bấy giờ bà-la-môn Thí-lô cùng năm trăm bà-la-môn đều đến nhà của bà-la-môn Sí-nậu. Theo phép thường ngày của bà-la-môn Sí-nậu là mỗi khi thấy quý vị ấy đến nhà liền ra nghinh đón, mời vào nhà an tọa, nhưng nay thấy, không ra nghinh đón, cũng không mời ngồi, mà cứ lo trang hoàng nhà cửa, trải tòa ngồi tốt đẹp. Thí-lô hỏi rằng:

«Sắp sửa cưới vợ? hay gã con gái lấy chồng? hay muốn rước Vua? hay sắp cử đại tế tự?»

Người nhà trả lời:

«Nhà chúng tôi không phải sắp cưới vợ, *cho đến,* cũng không rước vua, mà chúng tôi muốn làm đại lễ thỉnh Phật và Tăng tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Sa-môn Cù-đàm có đại danh xưng là Như lai, Vô sở trước, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn.»

Thí-lô hỏi Sí-nậu rằng:

«Thật là Phật hay chăng?»

Sí-nậu trả lời:

«Thật là Phật.»

Thí-lô ba phen hỏi:

«Thật là Phật hay chăng?»

Sí-nậu cũng trả lời:

«Thật vậy.»

Thí-lô hỏi:

«Phật ở đâu? Tôi muốn yết kiến.»

Bấy giờ Sí-nậu đưa tay bên phải chỉ và nói:

«Ngài đang ở trong rừng tịnh kia.»

Thí-lô nghĩ như vầy: «Ta không được đến bằng hai tay không, mà nên có một phẩm vật gì đem đến để yết kiến Sa-môn Cù-đàm.» Nghĩ xong Thí-lô liền nói: «Nay có tám thứ

nước mà xưa kia Tiên nhơn vô dục thường uống. Đó là: nước lê, nước diêm-phù, nước táo chua, nước mía, nước quả thị, nước xá-lâu-già, nước bà-lâu-sư và nước nho.»[570] Bấy giờ, bà-la-môn Thí-lô đem tám thứ nước này đến chỗ đức Phật, cung kính hỏi chào, rồi lui ngồi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì ông mà phương tiện nói pháp khai hóa, khiến sanh hoan hỷ. Thí-lô nghe pháp rất hoan hỷ, liền đem tám thứ nước cúng cho Tăng tỳ-kheo. Tỳ-kheo không dám nhận và nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận tám thứ nước này, tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng tám thứ nước này, nếu nó không say. Có thể uống vào lúc phi thời. Nếu say thì không được uống, uống sẽ như pháp trị. Cũng không được nhận ngày nay để ngày mai uống. Nếu để như vậy sẽ như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn du hành trong nhân gian. Từ trú xứ này đến Ma-la[571], hướng đến thành Ba-bà. Bấy giờ các Ma-la nơi thành Ba-bà[572], nghe đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành trong nhân gian từ Ma-la hướng đến thành Ba-bà. Họ cùng nhau đặt ra quy chế: Khi đức Thế Tôn đến mọi người đều phải nghinh đón, nếu ai không nghinh đón sẽ bị phạt một trăm lượng vàng.

Bấy giờ, có Ma-la Tử tên là Lô-di[573] không tin ưa đối với Phật, Pháp, Tăng. Lô-di là thân hữu của A-nan khi còn bạch y. A-nan từ xa thấy Lô-di liền nói rằng:

«Rất hay, Lô-di! Bạn có thể tự đến nghinh đón đức Phật.»

Lô-di trả lời:

«Nầy Đại đức! Tôi không phải đến đây nghinh đón, mà vì trong thành Ma-la lập ra quy chế, ai không nghinh đón Phật sẽ bị phạt một trăm lượng vàng. Vì lí do ấy nên tôi mới có mặt ở đây, chứ chẳng phải tin ưa mà đến.»

Khi Tôn giả A-nan nghe như vậy không vui, liền đến chỗ đức Thế Tôn thưa rằng:

«Trong thành Ma-la này, có Ma-la Tử tên Lô-di, là bạn của con khi còn bạch y. Lành thay! Đức Thế Tôn nguyện xin Ngài vì con mà giúp đỡ để bạn của con được tin ưa Phật.»

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

«Việc này có gì là khó! Nếu có khó cũng chẳng phải là thật khó.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền dùng từ tâm cảm hóa Lô-di Ma-la, khiến Lô-di tự động đến chỗ đức Thế Tôn, như có người hướng dẫn. Như vậy là Lô-di đã đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi lui qua đứng ra một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp khai hóa, khiến được hoan hỷ. Ngay lúc đó [874a1] liền được viễn ly trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng, bèn bạch Phật:

«Đại đức, từ nay về sau, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, làm người ưu-bà-tắc, không sát sanh *cho đến* không uống rượu. Cúi xin đức Thế Tôn thường thọ nhận y phục ẩm thực y dược ngọa cụ của con.»

Đức Phật bảo Lô-di:

«Nay ông đã là học nhơn, có trí sáng suốt, đã viễn ly trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thỉnh cầu Như Lai thường thọ nhận y phục ẩm thực y dược ngọa cụ của ông. Nhưng nếu có các học nhơn khác có trí thông minh viễn ly trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, cũng lại thỉnh cầu Như Lai thường thọ nhận y phục ẩm thực y dược ngọa cụ của họ thì sao?»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại thành Ba-bà không thể nhận sự thỉnh mời riêng từng người. Bấy giờ trong thành tất cả mọi gia đình đều tập trung thức ăn tại một địa điểm để cúng Phật và Tăng. Lúc ấy Lô-di đến chỗ làm thức ăn xem xét thì thấy không có bánh, ông liền về nhà, trong đêm đó sắm sửa đầy đủ các thứ bánh, sáng ngày đem đến cúng dường cho

các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không nhận lời, và nói đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận bánh trước khi thọ thực. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Thế Tôn từ thành Ba-bà đến A-đầu[574]. Bấy giờ tại trú xứ A-đầu, có hai tỳ-kheo là hai cha con xuất gia[575], trước kia thường làm nghề hớt tóc. Bấy giờ, hai tỳ-kheo nghe đức Phật từ Ba-bà đến A-đầu, bèn nghĩ: «Chúng ta nên sắm sửa thứ gì để cúng dường đức Thế Tôn.» Người cha nói với người con rằng:

«Nay cha sẽ đi tìm chỗ hớt tóc. Con lấy tiền ấy sắm sửa cháo để cúng dường đức Thế Tôn. Nói xong người cha đi hớt tóc người con lấy tiền đã được đó đi sắm sửa cháo, đem đến cúng dường đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

«Cháo này ở đâu?»

Tôn giả bạch đầy đủ vấn đề lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

«Người xuất gia không được hớt tóc cho bạch y, trừ khi họ muốn xuất gia. Nếu người thợ hớt tóc đã xuất gia thì không được tích trử dao cạo. Nếu chứa sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, chúng Tăng nhận được dao cạo tóc, bạch Phật. Đức Phật cho phép tích trử.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ A-đầu đến Ca-ma-la. Các tỳ-kheo được cúng thuốc rễ như a-lậu-di, na-lậu-tỳ, na-lậu-đề, bà-đàn, lư-càn-lậu, tư-la-nậu[576]. Các tỳ-kheo không nhận và nói: Đức Phật chưa cho chúng tôi thọ dụng những căn dược như vậy. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Trong khi ấy tại nước Ca-ma-la, các tỳ-kheo được người cho các thứ thuốc trọn đời[577] như sa-mạn-na, ma-ha sa-mạn-na, hạnh tử, nhơn-đâu-đâu-lậu, sát địch lê. Các tỳ-kheo không nhận, và nói: ‹Đức Phật chưa cho chúng tôi nhận các thứ thuốc tận hình thọ như vậy.› Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ Ca-ma-la đến nước Ca-duy-la-vệ. Tất-lăng-già-bà-ta hiện trú tại nước đó, chân bị đau, thầy thuốc bảo xoa cái chân, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép xoa.»

Nhưng không biết dùng thuốc gì để xoa, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng dầu bơ hoặc mỡ để xoa. Khi tay cầm dầu bơ bị hôi, đức Phật bảo lấy que xức thuốc. Khi tay xoa chân, tay bị nhớt, đức Phật bảo lấy chân xoa chân. Thuốc xoa chân đựng trong cái tô không bảo đảm, đức Phật cho phép đựng trong cái bình. Nếu sợ bụi bặm, Phật cho phép đậy lại bằng cái nắp. Bình đựng dầu, để chỗ không bảo đảm, đức Phật cho phép treo dưới giường hoặc treo trên vách, trên long nha, trên cây trụ.

Bấy giờ, các tỳ-kheo bị đau đầu, thầy thuốc bảo thoa dầu trên đầu, bạch Phật. Đức Phật cho phép thoa. Vị kia vì e ngại không dám dùng dầu thơm thoa. Phật dạy cho phép thoa. Phương pháp dùng dầu phải như vậy.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh phong, thầy thuốc bảo làm thuốc trừ phong. Trong phương thuốc trừ phong gồm có nấu gạo thóc, chưng bả rượu; hoặc đại mạch, hoặc các loại cỏ trừ phong, hoặc trấu, hoặc nấu nước tiểu, bạch Phật. Đức Phật cho phép.

Bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta cần cái soong để nấu, đức Phật cho phép chứa dùng. Chúng Tăng nhận được cái soong lớn, đức Phật cho phép tích trử. Tất-lăng-già-bà-ta nhận được ba loại chỏ: chỏ đồng, chỏ thiết, chỏ đất, đức Phật dạy cho phép tích trử. Chúng Tăng cũng được cho phép tích trử như vậy. Sau đó Tất-lăng-già-bà-ta nhận được cái bình bằng đồng, bình bằng thiết, bình bằng đất, đức Phật dạy cho phép chứa. Chúng Tăng cũng được phép chứa như vậy. Tất-lăng-già-bà-ta nhận được bánh nướng, đức Phật dạy cho phép cất. Chúng Tăng cũng được phép cất như vậy. Tất-lăng-già-bà-ta nhận được cái âu bằng đồng, nhận được cái tô, đức Phật dạy cho phép chứa. Chúng Tăng cũng được phép chứa như vậy[578].

---o0o---

6. Tịnh địa

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh ói mửa, nhờ người trong thành Xá-vệ nấu cháo. Hôm đó, vì có nhơn duyên nên cửa thành mở trễ, chưa nhận kịp cháo, bệnh nhơn qua đời. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng-già-lam nên kiết tịnh địa[579], bằng pháp bạch nhị yết-ma.» Nên kiết như vầy: Công bố địa điểm, hoặc phòng nào, hay nhà ôn đường hay chỗ kinh hành. Trong chúng nên sai người có khả năng tác pháp yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật được hay không tụng luật được, miễn là có thể tác pháp yết-ma, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa. Trưởng lão nào đồng ý, Tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận, tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Có bốn thứ tịnh địa:[580]

1. Đàn-việt hoặc người tri sự, khi xây cất Tăng-già-lam, đã phân định, nói như vầy: «Chỗ đó sẽ dùng làm tịnh địa cho Tăng.»

2. Hoặc là xây cất Tăng-già-lam cho Tăng, mà chưa dâng cúng cho Tăng.

3. Hoặc phân nửa có rào ngăn, hoặc phần nhiều không rào ngăn, hoặc tất cả không rào ngăn; hoặc tường hoặc hào cũng như vậy.

4. Tăng bạch nhị yết-ma để kết.

Các tỳ-kheo nghĩ: «Có thể lấy phòng của tỳ-kheo kiết làm tịnh địa không?» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có thể lấy làm. Trừ tỳ-kheo đi vắng.»

Phòng của tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni cũng như vậy. Hay miễu, nhà của quỉ thần, cũng được phép kiết làm tịnh địa như vậy.

Bấy giờ, có các tỳ-kheo không biết nơi nào là tịnh địa. Bạch Phật. Phật dạy: «Chỗ được quy định. Nếu nghi trước đó có tịnh địa rồi thì nên giải, sau đó mới kết lại.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo đang sửa lại Tăng-già-lam cũ, không biết được phép kết tịnh địa không? Đức Phật dạy:

«Được phép kết.»

Bấy giờ, có cây mọc trên đất không tác tịnh, [875a1] cành lá che phủ đất đã tác tịnh. Lúc ấy các tỳ-kheo muốn an trí vật

được tác tịnh lên trên, không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

«Gốc thuộc đất không được tác tịnh, thì cả cây cũng không được tịnh.»

Trường hợp có gốc cây thuộc đất tịnh, cành lá che phủ đất không tịnh. Các tỳ-kheo muốn an trí tịnh vật lên trên, không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

«Gốc thuộc đất tịnh, thì cả cây được tịnh.»

Trường hợp có gốc thuộc nơi đất không tác tịnh, cành lá che phủ đất tịnh, và trái rơi xuống đất tịnh. Các tỳ-kheo không biết là tịnh hay không? Đức Phật dạy:

«Không có người xúc chạm, tự rơi xuống là tịnh.»

Trường hợp gió thổi mưa sa làm cho rơi xuống; hoặc có loài khỉ vượn hay chim chóc xúc phạm đến làm cho rơi xuống, không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

«Nếu không có ý muốn khiến cho rớt xuống, tức là tịnh.»

Gốc cây thuộc nơi đất tịnh, trái rơi xuống nơi đất không tịnh. Tỳ-kheo không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

«Là tịnh.»

Bấy giờ, có các tỳ-kheo trồng đậu, trồng dưa, mía, rau nơi đất không tịnh, cành lá che phủ nơi đất tịnh, không biết tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

«Không tịnh.»

Trường hợp đậu, dưa, mía, rau trồng nơi đất tịnh, cành lá che phủ nơi đất không tịnh. Các tỳ-kheo không biết tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

«Tịnh.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo ăn quả không tịnh[581], các cư sĩ thấy cơ hiềm rằng: «Sa-môn Thích tử không biết thổ thẹn, không biết nhàm chán và biết đủ mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Trái không tác tịnh mà ăn, như vậy có gì là chánh pháp?» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được ăn trái không tịnh. Nên tác tịnh rồi mới ăn. Nên làm theo năm pháp tịnh mới ăn[582]: Tác tịnh bởi lửa, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi mụt nhọt[583], tác tịnh bởi chim cắn, tác tịnh bởi loại hột trỉa không mọc. Trái được làm theo năm pháp tịnh này thì được ăn. Ở đây, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi mụt nhọt, tác tịnh bởi chim ăn thì nên bỏ hột rồi ăn. Tác tịnh bằng lửa và tác tịnh bằng hột trỉa không mọc thì ăn hết. Lại còn có năm pháp tịnh nữa như: gọt vỏ, lột vỏ, bị hư mục, bị nứt ra, bị khô héo.

Lúc bấy giờ, chúng Tăng nhận được vườn trái cây. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Nhưng không biết giao cho ai liệu lý. Đức Phật dạy:

«Giao cho nhưng người giữ Tăng-già-lam, hoặc sa-di, hay ưu-bà-tắc.»

Người liệu lý muốn được chia phần. Đức Phật dạy:

«Nên quy giá trị thành thức ăn để trả cho họ.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo ăn trái nhai không nát nên đại tiện hột mọc thành cây. Các tỳ-kheo e ngại nói: «Mình đã phạm tội ăn hạt trỉa mọc.» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không phạm, vì đó là tịnh.»

Bấy giờ các tỳ-kheo trồng rau, tự mình rải hạt giống. Sau đó sanh nghi nói, «Mình tự trồng» nên không dám ăn. Bạch Phật. Phật dạy:

«Hạt giống đã biến đổi, cho phép ăn.»

Tỳ-kheo dời rau trồng chỗ khác, nghi nói, «Mình tự trồng» nên không dám ăn. Bạch Phật. Phật dạy:

«Vì sanh trở lại, cho phép được ăn.»

Hoặc tự mình trồng đậu, dưa, mía, nho, lê, ha-lê-lặc, bệ-lê-lặc, a-ma-lặc, tiêu, gừng, lá lốt, hay di chuyển trồng chỗ khác vẫn được ăn.

Có một sa-di nhỏ cầm đồ tịnh thực qua sông, tự mình không dở nổi. Phật cho phép tỳ-kheo lớn đỡ cho sa-di qua.

Bấy giờ, có một sa-di nhỏ mang đồ tịnh thực không thể leo lên bờ sông được. Phật cho phép tỳ-kheo lớn dìu lên. Có một sa-di nhỏ không thể đưa đồ tịnh thực lên treo trên vách tường hay treo lên trên cây long nha, cây trụ, và cũng không lấy xuống được. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép để trên giường. Hoặc dùng ghế hay bục đứng để treo lên hay lấy xuống.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo có bình đựng sữa đông, bình đựng dầu mà không đậy. Bạch Phật. Đức Phật bảo, khiến tịnh nhơn đậy lại. Nếu không có tịnh nhơn, thì tự tay lấy cái nắp đặt lên trên, chứ không được dùng tay mình chạm vào.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo ăn rau không tịnh[584], các cư sĩ thấy vậy cùng nhau cơ hiềm rằng: «Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, không nhàm chán và biết đủ. Đoạn mạng chúng sanh, mà tự nói mình biết chánh pháp.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được ăn rau không tịnh. Phải tác tịnh.»

Lúc ấy tỳ-kheo kia tự tác tịnh. Đức Phật dạy:

«Không được tự tác tịnh. Phải khiến tịnh nhơn tác tịnh.»

Có tỳ-kheo tự tay cầm thức ăn, rồi khiến người ta tác tịnh[585]. Đức Phật dạy:

«Không được tự tay cầm thức ăn, rồi khiến người khác tác tịnh. Phải để xuống đất, rồi khiến người tác tịnh.»

Vị kia tác tịnh rồi, không thọ mà ăn[586]. Đức Phật dạy:

«Không được tác tịnh rồi, không thọ mà ăn. Nên tác tịnh rồi, rửa tay thọ, rồi mới ăn.»

Vị kia rửa rau liên căn rồi tác tịnh. Đức Phật dạy:

«Không được rửa rồi lại tác tịnh. Ở đây rửa tức là tịnh.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo trước đó hiềm nhau, nên sờ vào tịnh thực của vị khác với ý nghĩ: «Khiến tỳ-kheo kia đặng thức ăn không tịnh.» Tỳ-kheo kia không biết là tịnh hay không tịnh. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Đã bị chạm, là bất tịnh. Không bị chạm, là tịnh. Người sờ vào phạm đột-kiết-la.»

Bấy giờ, tỳ-kheo nọ hiềm tỳ-kheo khác, đến chỗ sa-di nhỏ của vị kia sờ vào thức ăn tịnh, với ý nghĩ: «Khiến cho Hòa thượng, A-xà-lê của sa-di nhỏ kia nhận được thức ăn không tịnh.» Tỳ-kheo kia không biết tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Đã bị chạm, là bất tịnh. Không bị chạm, là tịnh. Người sờ vào phạm đột-kiết-la.»

Bấy giờ, có tịnh nhơn nghĩ: «Sớt thức ăn nhiều cho tỳ-kheo, để tỳ-kheo ăn không hết, rồi mình ăn.» Tỳ-kheo kia phải lên tiếng ngăn, «Đừng sớt nữa.» Nếu ngươi kia không ngưng, tỳ-kheo hãy tạm rời một lát. Tỳ-kheo kia không biết tịnh hay bất tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tịnh.»

Bấy giờ, có các cư sĩ mang dụng cụ ẩm thực đến Tăng-già-lam nhờ cất. Sau đó các cư sĩ đến hoặc tự ăn, hoặc đem về, hoặc cho tỳ-kheo ăn. Tỳ-kheo e ngại không dám ăn, vì nghĩ: «Trước đây, tự tay chúng ta mang đi cất.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Đây là những vật sở hữu của đàn-việt. Cho phép, vì đàn-việt, rửa tay thọ rồi ăn.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh cần cháo. Đức Phật cho phép nấu. Nếu không có người thì tự tay nấu, hay thay nhau nấu. Họ không biết nấu cách nào. Đức Phật bảo:

«Sai tịnh nhơn rửa cái nồi cho sạch, đổ nước vô, bỏ gạo vào rồi nấu cho sôi. Tỳ-kheo rửa tay để thọ. Sau đó, tự mình nấu cho chín. Người nấu không biết đến mức độ nào gọi là chín? Đức Phật dạy:

«Nên lấy cái thìa múc để xem. Nếu chảy xuống dọc theo thìa, là chín.» Cháo chín rồi, nên múc đổ vào đồ đựng khác. Vị kia vừa rót cháo, vừa giữ đồ đựng, nên vất vả. Phật dạy:

«Không nên vừa rót cháo vừa giữa đồ đựng. Nên để người khác cầm đồ đựng.»

Nếu bị nóng tay thì phải dùng cái khăn để kẹp cho khỏi nóng. Cỏ hoặc trùng rơi vào cháo, vị kia dùng tay lấy ra bị nóng. Đức Phật dạy:

«Nên dùng cái thìa để múc. »

Vị kia muốn chia cháo. Đức Phật cho phép chia. Vị kia không biết lấy vật gì để chia. Phật dạy:

«Dùng cái bát cạn hoặc cái bát nhỏ, hay cái chén, hoặc dùng cái thìa để làm bát lường. Nếu bát để không ngay, nên làm cái chân bát. Nếu bị bụi bẩn dính thì nên làm cái nắp đậy. Vị kia không rửa sạch bát đựng mà đem cất. Các tỳ-kheo khác thấy nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Nên rửa cho sạch rồi mới đem cất.»

Khi rửa không dùng tro hay bột đậu để rửa nên không sạch. Đức Phật dạy:

«Nên dùng tro hay bột đậu để rửa.»

Rửa rồi, không để khô, liền đem cất, nên trùng sanh. Đức Phật dạy:

«Không được không để khô mà đem cất. Nên hơ cho khô rồi sau đó đem cất.»

Đồ đựng kia bị lổ hổng, nên thức ăn nhét và trong đó. Nhiều lần cạy rửa nên bị vỡ. Đức Phật dạy:

«Tùy theo những chỗ có thể rửa được thì rửa. Ngoài ra không phạm.»

Có các Tỳ-kheo nghĩ: Trong cương giới có được phép ngủ chung với cháo[587]; trong cương giới, có được phép nấu[588], và tự nấu hay không? Đức Phật dạy:

«Không được cùng ngủ chung (với thức ăn) trong cương giới, nấu trong cương giới. (Trong cương giới), cho phép tự nấu.»

Các tỳ-kheo nghĩ: Cháo được hâm lại, trong cương giới có được phép ngủ chung; trong cương giới, có được phép nấu, và tự nấu hay không? Đức Phật dạy:

«Không được trong cương giới nấu cùng ngủ chung; nhưng được phép tự nấu.»

Các tỳ-kheo nghĩ: [876a1] thuốc dùng trọn đời, trong cương giới có được phép ngủ chung; trong cương giới, có được phép nấu, và tự nấu hay không? Đức Phật dạy:

«Cho phép, thuốc dùng trọn đời, trong cương giới, được phép ngủ chung; trong cương giới, được phép nấu, và tự nấu.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo muốn thọ váng sữa mà nhầm thọ dầu. Nghi không biết có thành thọ hay không? Đức Phật dạy:

«Không thành thọ.»

Có tỳ-kheo muốn thọ dầu mà nhầm thọ váng sữa. Nghi không biết có thành thọ hay không? đức Phật dạy:

«Không thành thọ.»

Muốn thọ thứ này mà nhầm thọ thứ kia, nghi không biết có thành thọ hay không? Đức Phật dạy:

«Không thành thọ.»

Có tỳ-kheo quên không thọ thực, nên mang đi đường, qua sông rồi mới nhớ, liền nghĩ: «Ta nên giải quyết thế nào?» Liền bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu quên không thọ thực, mang đi đường như vậy, nếu gặp tịnh nhơn, nên để thức ăn xuống đất, rửa tay sạch rồi thọ[589] mà ăn.»

Đức Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ gặp lúc mất mùa lúa gạo kham hiếm, nhân dân đói khát, khất thực khó được. Các tỳ-kheo đem thức ăn để chỗ đất trống, không đậy cất, bị người chăn bò, chăn dê, hay kẻ trộm lấy đi mất. Các tỳ-kheo khởi ý nghĩ: «Quốc độ nầy gặp lúc đói khát, đức Thế Tôn có cho phép cùng ngủ với thức ăn trong cương giới hay không?» Bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu gặp lúc lúa gạo quí, cho phép cùng ngủ với thức ăn trong cương giới.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nấu thức ăn nơi chỗ trống, mà không cất đậy, nên người chăn trâu dê, hay kẻ trộm thấy lấy đi. Các tỳ-kheo nghĩ: «Lúc lúa gạo quí, có nên xin phép Phật cho nấu thức ăn trong cương giới?» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Lúc lúa gạo quí, cho phép nấu thức ăn trong cương giới.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo bảo tịnh nhơn nấu thức ăn. Họ lấy bớt phần ăn hay ăn hết. Các tỳ-kheo nghĩ: «Lúc lúa gạo quí, có nên tự nấu thức ăn?» Bạch Phật. Phật dạy:

«Lúc lúa gạo quí, cho phép tự nấu thức ăn.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo trên đường đi, thấy trên mặt đất có trái cây. Tỳ-kheo tìm tịnh nhơn để lượm, thì người khác thấy lượm đi. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép dùng cỏ hay lá tủ trái cây lại.»

Nhưng người khác vẫn lấy đi. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép lấy. Nếu gặp tịnh nhơn nên, để dưới đất, rửa tay rồi thọ và ăn.»

Các tỳ-kheo nghĩ: «Khi lúa gạo quí, đức Thế Tôn có nên cho phép chúng ta tự lấy thức ăn?» Đức Phật dạy:

«Khi lúa gạo quí, tự mình được phép lấy thức ăn để ăn.»[590]

Bấy giờ, các tỳ-kheo, sáng sớm dậy, thọ thực rồi cất thức ăn. Sau đó vào thôn, được mời ăn. Khi trở về, đến bên tỳ-kheo khác làm pháp dư thực. Vị kia ăn một phần hoặc ăn hết. Tỳ-kheo nghĩ: «Lúc lúa gạo quí, mong đức Thế Tôn cho phép chúng ta, sáng sớm thọ thực rồi, không làm pháp dư thực, được ăn lại.» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép, lúc lúa gạo quí, không làm pháp dư thực, được ăn lại.»

Bấy giờ, có vị trưởng lão được nhiều người biết đến, vào thôn khất thực. Được thức ăn rồi, đem đến một chỗ để ăn. Sau đó, mang thức ăn còn dư về trong Tăng-già-lam, đến tỳ-kheo khác làm pháp dư thực để ăn lại. Vị kia hoặc ăn một phần hoặc ăn hết. Các tỳ-kheo nghĩ: «Lúc lúa gạo quí, mong đức Thế Tôn cho phép chúng ta từ nơi chỗ ăn, mang thức ăn

về, không làm pháp dư thực mà được ăn lại.» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Lúc lúa gạo quí, từ chỗ ăn mang thức ăn về, không làm pháp dư thực vẫn được ăn lại.»

Bấy giờ, có các tỳ-kheo thọ thực rồi nhận được quả hồ đào, quả thị[591], bà-đà, am-bà-la, a-bà-lợi, đến các tỳ-kheo khác làm pháp dư thực. Vị kia hoặc ăn một phần hoặc ăn hết. Các tỳ-kheo nghĩ: «Khi lúa gạo quí, mong đức Thế Tôn cho phép chúng ta, nhận được quả như vậy, không làm pháp dư thực mà được ăn lại.» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Lúc lúa gạo quí, nhận được trái cây như vậy, không làm pháp dư thực được ăn.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo ăn xong, nhận được thức uống, trong đó có ngó sen, gốc sen, ca-bà-đà, củ ấu, hạt sen, có thể ăn được, đến các tỳ-kheo khác làm pháp dư thực. Vị kia hoặc ăn một phần hoặc ăn hết. Các tỳ-kheo nghĩ: «Lúc lúa gạo quí, mong đức Thế Tôn cho chúng ta ăn rồi nhận được nước, trong đó có thức ăn như vậy, không tác pháp dư thực mà được ăn.» Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Khi lúa gạo quí, ăn xong, nhận được nước, trong đó có thức ăn như vậy, không làm pháp dư thực vẫn được ăn.»

Bấy giờ lúa gạo rẻ trở lại, đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi A-nan:

«Lúc lúa gạo quí, Ta đã từ mẫn đối với các tỳ-kheo nên cho phép tám trường hợp được phép: trong cương giới cùng ngủ với thức ăn, trong cương giới nấu, tự mình nấu, tự mình lấy thức ăn, sáng sớm thọ thực rồi từ chỗ ăn mang thức ăn đến chỗ khác ăn, ăn trái hồ đào..., trong nước có thức ăn có thể ăn, ăn rồi không làm pháp dư thực được ăn. Nay các tỳ-kheo áp dụng luôn như vậy sao?»

Tôn giả thưa:

«Áp dụng luôn.»

Đức Phật dạy:

«Không được áp dụng luôn như vậy. Nếu ăn như vậy sẽ như pháp trị.»

Lúc bấy giờ, nhà bếp của chúng Tăng bị hư hoại. Các tỳ-kheo lấy cây chống. Chân của các cây đứng trên đất không tịnh. Các tỳ-kheo nghi, không biết có tịnh hay không? Phật dạy:

«Tịnh.»

Ban đêm di chuyển, đồ ăn bị rơi vào đất không tịnh. Các tỳ-kheo không biết là tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tịnh.»

Bấy giờ, có con chó từ nơi đất tịnh tha miếng thịt đến chỗ đất không tịnh. Các tỳ-kheo không biết tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Phật dạy:

«Tịnh. Các ác thú hay chim tha đi cũng như vậy.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo hiềm tỳ-kheo khác, nên dời thức ăn của vị này đến chỗ không tịnh, với ý nghĩ: khiến cho vị này không được tịnh. Các tỳ-kheo không biết như vậy tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Phật dạy:

«Vật bị chạm là bất tịnh[592]. (Tỳ-kheo kia) phạm đột-kiết-la. Không bị chạm đến thì tịnh.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo hiềm tỳ-kheo khác với ý nghĩ: chạm tay vào tịnh địa của vị kia, khiến cho nó trở thành không tịnh. Các tỳ-kheo không biết như vậy tịnh hay bất tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Bị chạm đến, thành không tịnh. (Người kia) mắc đột-kiết-la. Không xúc chạm là tịnh.»

Bấy giờ, có vị khách tỳ-kheo đến, tìm đất tịnh muốn để thức ăn. Nhưng chưa đến đất tịnh thì tướng ánh sáng xuất hiện. Vị kia không biết tịnh hay không tịnh? bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tịnh. Muốn đi xa cũng như vậy.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo tích trử thương, đấu, hộc, cân. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tích trử.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nhận được vừng, lúa tám, đại đậu, tiểu đậu, đại mạch, tiểu mạch, tự mình muốn cân lường, bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép cân lường. Hoặc dùng cái bát cạn, hoặc cái bát hay cái chén để lường. Nghĩa là dùng dụng cụ lớn nhỏ này làm chuẩn để đong lường.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nhận được sữa đông, dầu, mật, đường cát đen, muốn cân lường. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép, lấy cây khắc vào làm cán cân, như chuẩn cân đến mức bốn, năm lượng.»

Vị kia lấy phòng tốt nhất làm tịnh xứ, khiến sữa, dầu, mỡ dính nhơ bẩn, hoặc khói xông đen. Đức Phật bảo:

«Không được lấy cái phòng tốt nhất kết làm tịnh xứ, mà nên lấy phòng xấu nhất để kiết làm tịnh xứ.»

Các tỳ-kheo nhận được trái cây. Đức Phật cho phép chia đều. Nếu không đủ thì nhớ theo thứ tự, để khi nhận được chia tiếp theo. Nếu nhận được nhiều thì chia một người bốn năm trái. Hoặc chia bằng cái vá, hay bằng cái bát cạn, hoặc bằng cái bát nhỏ hơn; hoặc tùy theo khả năng có thể ăn mà

chia. Nếu còn dư thì chia lại lần thứ hai. Lúc ấy, có vị đem cho bạch y và ngoại đạo. Đức Phật dạy:

«Không được cho ngoại đạo và bạch y.»

Tỳ-kheo kia e ngại không dám cho cha mẹ, hoặc người bệnh, trẻ nít, người đàn bà có thai, người bị nhốt trong tù, hoặc bạch y đến trong Tăng-già-lam. Đức Phật dạy:

«Những người như vậy nên cho. Nếu còn dư, nên ép lấy nước để uống.»

Bấy giờ cần dụng cụ để ép, đức Phật cho phép sắm. Nếu nước chưa lên men, không làm cho người uống say thì được dùng. Nếu nước uống mà bị say thì không được uống. Vị nào uống sẽ như pháp trị.

Thế Tôn ở Tỳ-xá-ly. Bấy giờ chúng Tăng nhận được nhiều đồ ăn thức uống cúng dường. Cơ thể các tỳ-kheo bị bịnh thấp[593]. [877a1] Bạch Phật. Đức Phật cho phép làm thuốc thổ hạ; cần cháo canh, cho phép cháo canh. Cần thịt chim rừng, cho phép.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh đau đầu, thầy thuốc bảo nhỏ nước vào lỗ mũi. Phật cho phép nhỏ. Vị ấy không biết dùng nước gì để nhỏ. Đức Phật bảo: Dùng váng sữa, dầu, mỡ, để nhỏ. Vị ấy không biết phương pháp nhỏ như thế nào? Đức Phật bảo: Cho phép dùng lông dê hay kiếp-bối, lông chim, nhúng vào dầu rồi sau đó nhỏ vào lỗ mũi. Khi nhỏ dầu chảy ra xung quanh. Đức Phật bảo làm cái ống để nhỏ. Vị kia dùng vật quý giá làm cái ống. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý giá để làm, mà nên dùng xương, răng, sừng, thiết, đồng, bạch lạp, chì, kẽm, trúc, tre, hay cây để làm. Vị kia không rửa sạch mà đem cất. Đức Phật dạy: Không được không rửa mà đem cất. Rửa rồi chưa khô nên sau đó trùng sanh. Đức Phật dạy: Rửa sạch chưa khô không được đem cất. Nên hơ cho khô rồi mới đem cất.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh đau đầu, thầy thuốc bảo nhỏ thuốc vào lỗ mũi, thuốc không vào. Đức Phật cho phép lấy tay xoa trên đầu, hoặc chà xát ngón chân cái, hay dùng váng sữa đông đặc trét vào lỗ mũi.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo mắc bệnh thống phong, thầy thuốc bảo xông hơi. Đức Phật cho phép dùng hơi để xông. Bấy giờ cần cái ống đồng để xông hơi. Đức Phật cho phép làm cái ống. Vị kia dùng vật báu để làm. Đức Phật dạy: Không được dùng vật báu để làm. Nên dùng xương, răng, sừng, thiết, đồng, bạch lạp, chì, kẽm hoặc cây để làm. Nếu sợ lửa đốt cháy, bị hở hơi, cho phép dùng thiết để lót. Hoặc sợ ống đồng rơi xuống. Đức Phật cho phép làm cái đãy để đựng. Dùng tay cầm không chặt; Đức Phật cho phép làm cái dây để cột đeo trên vai. Vị kia cần dùng thuốc hoàn. Đức Phật cho phép chế. Nếu tay cầm không bảm đảm thì nên để trong cái đãy của ống đồng để xông.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị mụt nhọt, thầy thuốc bảo làm thuốc để thoa mụt nhọt. Đức Phật dạy cho phép làm. Mụt nhọt kia bị cương mủ, nên dùng dao mổ ra để thoa thuốc. Từ nay trở đi đức Phật cho phép dùng dao để mổ mụt nhọt. Mụt nhọt bị hôi thúi, nên rửa cho sạch bằng nước rễ cây, cành cây, cộng cây, lá, bông, trái đã nấu sôi; hoặc rửa bằng nước tiểu. Bấy giờ, dùng tay kì rửa, bị đau, nên dùng lông chim để rửa. Nếu nước thuốc bị chảy, nên dùng vật gì ngăn xung quanh. Nếu sợ khô, thì dùng dầu thoa ở trên, lấy cái gì che lại. Nếu mụt bị thúi, thì dùng hương thơm để thoa.

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh sốt rét, đức Phật cho phép dùng cái y dày để đắp. Nếu vẫn còn lạnh, nên dùng cái ngọa cụ bằng dạ mền phủ lên trên. Nếu không hết lạnh, thì cho phép một tỳ-kheo cùng nằm. Có vị cẩn thận sợ không dám cùng nằm với tỳ-kheo bệnh. Đức Phật dạy:

«Cho phép cùng nằm với tỳ-kheo bệnh.»

Bấy giờ, có bạch y bệnh, đến trong Tăng-già-lam, tỳ-kheo phải chăm sóc bệnh. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép. Phương tiện hướng dẫn họ khen ngợi Phật, Pháp, Tăng. Việc gì cần giúp thì giúp cho họ.»

Khi người bệnh ấy qua đời. Các tỳ-kheo e ngại không dám chôn, vì đức Thế Tôn có dạy: Không được chôn cất người bạch y. Các tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Nên vì tịnh Tăng-già-lam mà chôn cất.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cạo lông ba chỗ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được cạo lông ba chỗ.»

Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo cùng nhau xem lông hậu môn, xem thử lông ai dài lông ai ngắn và đã thoa thuốc gì? Các tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Không được cùng nhau xem lông hậu môn, và hỏi ai lông dài lông ngắn, cùng đã thoa thuốc gì.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo dùng dầu bơ nhểu vào đường đại tiện. Đức Phật dạy:

«Không được nhểu.»

Vị kia nhờ người nhểu. Đức Phật dạy: Không được nhờ người nhểu.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo an cư ở phương bắc xong, thân thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy, đến chỗ đức Phật nơi tịnh xá Kỳ-hoàn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đức Thế Tôn an ủi khách tỳ-kheo:

«Nơi trú xứ của các thầy có được an lạc hay không? có hòa hợp không? Không vì vấn đề khất thực mà vất vả chăng?» Khách tỳ-kheo thưa:

«Trú xứ được an lạc; hòa hợp không có tranh cãi. Nước đó không có cháo, nên không nhận được cháo, do đó khí lực bị tiều tụy.»

Đức Phật hỏi rằng:

«Nước kia thường ăn những thức ăn gì?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Nước kia thường dùng thức ăn bằng bánh.»

Đức Phật dạy:

«Cho phép ăn bánh.»

Lúc bấy giờ, có người mua ngựa ở nước Ba-la-nại đến nước Xá-vệ, muốn làm cho chúng Tăng những bánh, bột đậu[594], lương khô, hủ đựng bột[595], đồ lường bột, muối và hủ đựng muối; dấm và bình dấm; thùng gỗ[596], cái thìa, cái vá, ma cao, chén, cúng gối, cúng thức ăn bằng củ, bằng cọng, bằng lá, bằng hoa, bằng trái, bằng dầu, bằng mè, bằng đường cát đen, đồ ăn nghiền nát. Đức Phật dạy:

«Tất cả thức ăn trên được thọ nhận.»

Các tỳ-kheo ăn như vậy, không biết cháo này thuộc về thức ăn hay chẳng phải thức ăn[597], được thỉnh hay chẳng phải thỉnh, túc thực hay chẳng phải túc thực. Phật dạy:

«Nếu lấy cộng cỏ vẽ ngang qua mà không có dấu là chẳng phải thức ăn, chẳng phải thỉnh, chẳng phải túc thực.»

Bấy giờ, tỳ-kheo có ý nghĩ: Uống nước nấu cơm là thức ăn hay chẳng phải thức ăn, được thỉnh hay chẳng phải thỉnh, có túc thực hay không? Đức Phật dạy:

«Nếu không chen lẩn cơm nát mà uống thì chẳng phải thức ăn, chẳng phải thỉnh, chẳng phải túc thực.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo có ý nghĩ: Không biết bánh là thức ăn hay chẳng phải thức ăn, là thỉnh hay chẳng phải thỉnh, có túc thực hay không? Đức Phật dạy:

«Chẳng phải thức ăn, *cho đến* chẳng phải túc thực.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo trộn thức ăn với muối cách đêm[598]. Phật dạy:

«Không được trộn muối cách đêm với thức ăn để ăn.»

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-li để trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu sát đất, chấp tay bạch Phật:

«Nên uống thuốc tận hình thọ vào lúc nào?»

Đức Phật dạy tôn giả:

«Không được dùng tuỳ tiện. Mà chỉ khi nào tỳ-kheo có nhơn duyên bệnh mới uống thuốc tận hình thọ.

---o0o---

CHƯƠNG VIII - Y CA-THI-NA

1. Năm công đức

[877c6] Bấy giờ, Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy có số đông tỳ-kheo an cư ở nước Câu-tát-la[599] xong, ngày mười lăm tự tứ, ngày mười sáu đến hầu thăm đức Thế Tôn. Trên đường đi, họ gặp mưa. Y phục đều bị ướt, phải vất vả, vì tăng-già-lê quá nặng. Họ đến chỗ đức Thế Tôn tại Xá-vệ, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn an ủi các tỳ-kheo rằng:

«Các thầy trụ chỉ có được hòa hợp, an lạc không? Khất thực có bị vất vả không? Đi đường có bị mỏi mệt không?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Chúng con trụ chỉ được hòa hợp an lạc. Không khổ sở vì khất thực.

«Bạch Đại đức, có số đông tỳ-kheo an cư ở nước Câu-tát-la xong, ngày mười lăm tự tứ, ngày mười sáu đến hầu thăm đức Thế Tôn. Trên đường đi, họ gặp mưa. Y phục đều bị ướt, phải vất vả, vì tăng-già-lê quá nặng.»

Lại có số đông tỳ-kheo trì y phấn tảo ở tại xứ tuyết lạnh. Hạ an cư nơi trú xứ nọ, ngày mười lăm tự tứ xong, ngày mười sáu ôm cả y cũ và y mới lên đường về hầu Thế Tôn. Trên đường đi gặp mưa, y phục ướt sủng trở nên nặng, hết sức vất vả. Về đến tịnh xá Kỳ-hoàn, họ đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật an ủi các tỳ-kheo:

«Các thầy trụ chỉ có được hòa hợp an lạc không? Không bị khổ sở vì khất thực chăng?»

Trả lời:

«Chúng con sống hoà hiệp, an lạc. Không vất vả vì khất thực.

«Bạch Đại đức, có số đông tỳ-kheo trì y phấn tảo ở tại xứ tuyết lạnh. Hạ an cư nơi trú xứ nọ, ngày mười lăm tự tứ xong, ngày mười sáu ôm cả y cũ và y mới lên đường về hầu Thế Tôn. Trên đường đi gặp mưa, y phục ướt sủng trở nên nặng, hết sức vất vả.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo và bảo các tỳ-kheo:

«An cư xong, có bốn việc cần phải làm: Tự tứ, giải giới, kết giới, thọ y công đức[600]. Bốn việc này, an cư xong cần phải làm.

Có năm nhơn duyên để thọ y công đức: Có y dư[601] ,không [878a1] mất y[602], ăn biệt chúng[603], lần lượt ăn[604], trước bữa

ăn và sau bữa ăn được vào xóm làng mà không dặn tỳ-kheo khác[605]. Có năm nhơn duyên như vậy nên thọ y công đức.

«Thọ y công đức rồi sẽ được năm việc lợi: Được chứa y dư, lìa y ngủ, ăn biệt chúng, lần lượt ăn, trước bữa ăn và sau bữa ăn không dặn tỳ-kheo khác được vào xóm làng. Thọ y công đức rồi sẽ được năm điều lợi như vậy.»

---o0o---

2. Y như pháp

Chúng Tăng nên thọ y công đức như vầy:

Y mới nhận được, y do đàn-việt cúng, y phấn tảo, y mới, y cũ. Y mới thì thiếp[606] rồi tác tịnh; hoặc đã giặt[607]; giặt xong rồi nạp, sau đó tác tịnh.

Y không do tà mạng được, không do xem tướng số mà được, không do móng ý mà được, không để cách đêm, không phải[608] y xả đọa rồi tác tịnh. Phải là y nhận trong ngày. Những trường hợp trên là y đúng pháp.

Y năm điều thì mười ô, bốn phía có viền. Y như vậy, Tăng nên thọ dùng làm y công đức. Nếu quá mức này cũng có thể thọ được. Nên tự giặt nhuộm, trương ra, cắt may làm thành mười mảnh, rồi ráp lại thành y.

Nên thọ ở trước chúng Tăng, như vậy là Tăng đã thọ y công đức xong.

Thế nào gọi là Tăng thọ y công đức không thành?

Không phải chỉ giặt rồi là thành thọ y công đức. Không phải chỉ trương ra may. Không phải chỉ viền. Không phải chỉ cắt thành bức. Không phải chỉ viền biên. Không phải chỉ kết cái khuy. Không phải chỉ làm thành lá. Không phải chỉ đặt cái khâu, là thành y công đức. Hoặc do tà mạng mà được y; do siểm khúc được y; do xem tướng số mà được y; do mớm ý được y; hay cách đêm được y; y xả đọa không tác tịnh;

không phải y nhận trong ngày. Các trường hợp trên, không đúng pháp thọ y. Y bốn phía không được viền; không thọ trước Tăng; hoặc có nạn; hoặc không có tăng-già-lê; ngay dù Tăng thọ y công đức như pháp mà vị kia ở ngoài giới, tự mình thọ y, như vậy cũng không thành thọ y công đức.

Thế nào gọi là thọ y công đức được thành tựu?

Hoặc y mới được, y đàn-việt cúng, y phấn tảo, hoặc là y mới, hay y cũ. Y mới thì phải thiếp rồi tác tịnh. Nếu (y cũ) đã giặt, giặt rồi mang tác tịnh. Chẳng phải do tà mạng mà được, chẳng phải do siểm khúc mà được, chẳng phải do xem tướng số mà được, chẳng phải cách đêm, không phải y xả đọa tác tịnh, y nhận được trong ngày. Y năm điều mười khoảng cách, bốn phía có viền, hoặc y quá hơn mức độ đó thọ làm y công đức. Tự mình giặt nhuộm, tự tay trương ra, cắt may thành mười mảnh rồi ráp lại thành y. Cần phải thọ giữa chúng Tăng. Như vậy là chúng Tăng đã thọ y công đức xong. Hoặc y công đức được thọ như pháp như vậy, ở trong giới mà thọ y công đức, như vậy gọi là thành thọ công đức y.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo dùng y lớn nhuộm màu làm y công đức để thọ trước Tăng. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được dùng y lớn nhuộm màu làm y công đức.»

Vị kia dùng gấm làm. Đức Phật dạy:

«Không được dùng gấm làm.»

Vị kia dùng sắc trắng, Phật dạy:

«Không được dùng sắc trắng để làm. Từ nay về sau cho phép dùng màu ca-sa.»

---o0o---

3. Thọ y

Lúc bấy giờ, có trú xứ nọ, hiện tiền Tăng nhận được y công đức đại quý giá, tỳ-kheo kia không biết nên như thế nào? Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép tác pháp, bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng thọ y công đức. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hợp thọ y công đức. Đây là lời tác bạch**.»**

Tác bạch như vậy rồi, sai một tỳ-kheo hỏi rằng:

«Vị nào có thể thọ trì y công đức này?»

Trả lời:

«Tôi có thể thọ trì.»

Trong chúng nên sai một người có khả năng tác yết-ma tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai tỳ-kheo tên... vì Tăng thọ trì y công đức. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng sai tỳ-kheo tên... vì Tăng thọ trì y công đức. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng sai tỳ-kheo... vì Tăng thọ trì y công đức thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã sai tỳ-kheo... vì Tăng thọ trì y công đức rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tăng yết-ma giao y cho tỳ-kheo thọ trì. Văn yết-ma như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng nơi trú xứ này nhận được y vật có thể chia, hiện tiền Tăng nên chia. Nếu thời gian

thích hợp đối với Tăng, Tăng giao y nầy cho tỳ-kheo... Tỳ-kheo nầy vì Tăng thọ trì y công đức này, ở trong trú xứ này. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng trong trú xứ này nhận được y vật có thể chia, hiện tiền Tăng nên chia. Nay Tăng đem y nầy giao cho tỳ-kheo... Tỳ-kheo nầy sẽ vì Tăng thọ trì y công đức này, trong trú xứ này. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng giao y này cho tỳ-kheo... thọ làm y công đức, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý giao y cho tỳ-kheo... này rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo kia nên đứng dậy cầm y đưa đến từng tỳ-kheo một, tùy thuộc vào độ cao thấp của tay các tỳ-kheo vừa sờ đụng y, nói rõ ràng tướng của y và nói tiếp như vầy:

«Y này chúng Tăng sẽ thọ làm y công đức. Y này nay chúng Tăng thọ làm y công đức. Y này chúng Tăng đã thọ làm y công đức rồi.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Các tỳ-kheo kia nên nói như vầy:

«Người thọ y này đã thiện thọ. Công đức trong đây có phần của tôi.»

Vị tỳ-kheo kia nên trả lời:

«Vâng.»

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Ba câu[609] này là vì đời quá khứ, hay vì đời vị lai, hay vì đời hiện tại để thọ y công đức hay chăng?»

Đức Phật dạy Tôn giả Ưu-ba-ly:

«Nếu nói đầy đủ, nên nói chín câu[610] như vậy, chứ không phải vì quá khứ thọ y công đức mà nói ba câu. Cũng không phải vì vị lai thọ y công đức mà nói ba câu hay vì hiện tại thọ y công đức mà nói ba câu. Tại sao vậy? Này, Ưu-ba-ly, quá khứ đã qua rồi, vị lai chưa đến. Cho nên, vì hiện tại thọ y công đức nên nói ba câu mà thôi.»

Nếu nhận được y chưa may thành thì chúng Tăng nên tác yết-ma sai tỳ-kheo may. May thành y xong nên như pháp thọ liền.

Nhóm sáu tỳ-kheo xuân-hạ-đông, lúc nào cũng thọ y công đức. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được xuân, hạ, đông lúc nào cũng thọ y công đức. Từ nay về sau cho phép tự tứ xong, không thọ y công đức thì một tháng, có thọ y công đức thì năm tháng.»[611]

---o0o---

4. Xuất y

Nhóm sáu tỳ-kheo không chịu xuất y công đức vì nghĩ rằng, để hưởng năm việc phóng xả lâu hơn. Các tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Không được có ý nghĩ như vầy: để hưởng năm việc phóng xả lâu hơn mà không xuất y công đức. Từ nay về sau, cho phép hết bốn tháng mùa đông, Tăng phải xuất y công đức.»

Nên xuất y công đức như vầy:

Tập Tăng hòa hợp, người chưa thọ đại giới đã ra; người không đến thuyết dục. Tăng nay hợp để làm gì? Trả lời rằng: Xuất y công đức.

Tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng xuất y công đức, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp

thuận nay Tăng hòa hợp xuất y công đức. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy để xuất y công đức. Nếu không xuất, để quá thời gian đã định của y công đức, phạm đột-kiết-la.

Có tám nhơn duyên để xả y công đức:[612] Ra đi, y thành, y chưa thành, mất y, mất hy vọng, nghe xả, xuất giới, đồng xả.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, đi ra ngoài giới [879a1] với ý nghĩ đi luôn không trở lại. Ra đi, liền mất y công đức.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, đi ra ngoài giới may y. Vị kia may y xong, liền mất y công đức.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới với ý nghĩ: Không may y cũng không trở lại trú xứ. Chưa xong[613] là xả y công đức.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới may y đã xong. Khi tỳ-kheo mất y ấy, y công đức cũng mất.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới với hy vọng được y. Tỳ-kheo kia ra ngoài giới, đến chỗ hy vọng được y. Tỳ-kheo thấy chỗ đó rồi, mà không được y. Hy vọng bị mất, không có chỗ nào để đặt hy vọng nữa. Hy vọng ấy đã bị mất, mất luôn y công đức.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới may y. May y rồi, nghe tin chúng Tăng xuất y công đức. Vị kia khi vừa nghe, khi ấy mất y công đức.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới may y xong. Nhiều lần có ý nghĩ là trở về. Khi còn ở ngoài giới, chúng Tăng xuất y công đức. Vị kia ở ngoài giới mất y công đức.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ở ngoài giới may y. Y kia dù may xong hay may chưa xong, trở về lại trú xứ. Tỳ-kheo kia

hòa hợp cùng xuất y công đức. Đó là tám trường hợp xả y công đức.

Lại có sáu nhơn duyên: Tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới với ý nghĩ không trở lại. Ra đi tuy chưa được y, nhưng vẫn mất y công đức. (Trong tám trường hợp trên, trừ hai trường hợp mất y và mất hy vọng).

Lại có sáu nhơn duyên: Tỳ-kheo thọ y công đức rồi, mang y ra ngoài giới để may y. Khi ngoài giới may y xong, liền mất y công đức. (Trong tám trường hợp trên, trừ hai trường hợp mất y và mất hy vọng).

Chưa được y lại có mười lăm vế. (Kế đó, đã được y, cũng có mười lăm vế). Được y, chưa được y, cũng có mười lăm vế. (Trường hợp này lẫn lộn với tám điều trên nên không chép ra).

Lại có mười hai nhơn duyên.

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra đi, hy vọng cầu y, đạt được chỗ hy vọng cầu y. Ở ngoài giới may y, may y xong mất y công đức (vế ‹may chưa xong› cũng như vậy, mất cũng như vậy, hy vọng mất như trên).

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra đi, hy vọng được y, không nói với người sẽ trở lại. Ra ngoài giới đến chỗ hy vọng y, mà không được y hy vọng, lại được y chẳng phải chỗ hy vọng. Ở ngoài giới may y. May y xong, liền mất y công đức. (May chưa xong cũng như vậy, mất cũng như vậy, hy vọng mất như trên).

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra đi, không nói với người sẽ trở lại, cũng không có ý trở lại. Ở ngoài giới đến chỗ hy vọng y, được y chỗ hy vọng. Ở ngoài giới may y. May y xong, liền mất y công đức. (May không thành cũng như vậy, mất cũng như vậy, hy vọng mất như trên).

Lại có mười hai nhơn duyên: Đặng y chỗ hy vọng, không đặng y chỗ hy vọng, đồng như mười hai nhơn duyên trên.

Lại có chín nhơn duyên:

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra đi, chưa đặng y. Ở ngoài giới, các tỳ-kheo khác hỏi: ‹Thầy ngủ ở đâu? Y thầy ở đâu? Sao không mang đến tôi sẽ may y cho thầy?› Tỳ-kheo kia trở về đến trú xứ, nghe chúng Tăng xuất y công đức. Ông nghĩ như vầy: ‹Nay Tăng xuất y công đức mà ta mới may y.› May y xong mất y công đức. (Không may y cũng như vậy; mất y cũng như vậy. Đây là ở trong giới nghe, có ba vế. Mang y ra ngoài giới, trên đường đi mà nghe, ba vế cũng như vậy. Mang y đến chỗ tỳ-kheo kia, ba vế cũng như vậy. Đây là chín nhơn duyên. Kế đó, chín vế được y cũng như vậy. Được y không được y đều có chín nhơn duyên cũng như vậy).

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, ra ngoài giới, đến địa phương khác, vị ấy nghĩ rằng: Nếu gặp được bạn lành thì sẽ đi, không gặp được bạn lành thì sẽ trở về. Đến giữa đường nghe chúng Tăng xuất y công đức, vị ấy nghĩ rằng ta đang may y. May y xong, vị kia mất y công đức. (May chưa xong cũng như vậy; mất y cũng như vậy; ngoài giới cũng như vậy; nghe cũng như vậy, có năm vế).

Nếu tỳ-kheo thọ y công đức rồi, muốn đến chỗ vắng vẻ thanh tịnh; nếu thích thì vị kia sẽ ở, không thích thì về lại. Tỳ-kheo kia đến chỗ đó, nghe chúng Tăng xuất y công đức, vị ấy nói rằng ta đang may y, may y xong, tức xả y công đức. (May chưa xong cũng như vậy; mất y cũng như vậy; ngoài giới cũng như vậy; nghe cũng như vậy, có năm vế).

Có hai loại xả y công đức, tỳ-kheo trì y công đức ra ngoài giới ngủ, chúng Tăng hòa hợp cùng xả.

---o0o---

CHƯƠNG IX - CÂU-THIỂM-DI

1. Tránh sự phát khởi

[879b24] Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di[614]. Bấy giờ có tỳ-kheo phạm giới. Trong chúng, có vị nói phạm; có vị nói không phạm. Trong số tỳ-kheo thấy phạm nói với tỳ-kheo không thấy phạm rằng:

«Tỳ-kheo này thực sự có phạm chứ không phải là không phạm.» Vị tỳ-kheo không thấy có tội kia hiểu, liền nói:

«Tỳ-kheo này thật sự phạm giới, chứ chẳng phải là không phạm.»

Sau đó, cùng hoà hiệp, tác pháp cử tội[615]. Tỳ-kheo phạm tội nói:

«Tôi không phạm. Cử tội phi pháp, không thành cử tội, không thành yết-ma.»

Tỳ-kheo này[616] bèn đi vào nhân gian tìm bạn đảng; nói với các tỳ-kheo khác rằng:

«Tôi không phạm tội. Cử tội phi pháp, không thành cử tội. Yết-ma đối với tôi không thành tựu.»

Tỳ-kheo kia thấy như vầy: «Tỳ-kheo này không phạm tội. Cử tội phi pháp, không thành cử tội, không thành yết-ma.»

Tỳ-kheo phạm tội liền dẫn các tỳ-kheo tùy cử[617] là bộ đảng của mình, đến chỗ tỳ-kheo mà trước kia nói là không thấy phạm, nói rằng:

«Nầy trưởng lão! Tỳ-kheo này không phạm giới, không thành cử, phi pháp cử tội kẻ khác, yết-ma không thành.»

Tỳ-kheo này[618] trở lại thấy không phạm nên nói:

«Vị kia không phạm tội, không thành cử tội, phi pháp cử tội yết-ma không thành.»

Vị bị cử kia cùng tỳ-kheo tùy cử, bèn yết-ma thuyết giới tách riêng[619] các tỳ-kheo thấy tội.

---o0o---

2. Biệt bộ yết-ma

Bấy giờ tỳ-kheo cử tội đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

«Tỳ-kheo bị cử và các tỳ-kheo tùy cử yết-ma cùng với chúng con đã thành yết-ma thuyết giới biệt bộ.»

Đức Phật dạy:

«Đây là những kẻ ngu si phá Tăng. Nếu những vị kia yết-ma thuyết giới như lời ta dạy thì yết-ma thành tựu, không phạm[620]. Nếu các thầy cũng yết-ma thuyết giới như lời ta dạy thì cũng thành tựu, không phạm. Tại sao vậy? Vì có hai trú xứ bất đồng: Tỳ-kheo kia tự tác thành trú xứ bất đồng, hoặc chúng Tăng cho tác thành trú xứ bất đồng.»

Thế nào gọi là tỳ-kheo kia tự tác thành trú xứ bất đồng?

Nếu tỳ-kheo phá Tăng kia đi ra ngoài tìm cầu bạn đảng. Như vậy, tỳ-kheo tự tác thành trú xứ bất đồng.

Thế nào gọi là chúng Tăng tác thành cho trú xứ bất đồng?

Tăng tác pháp yết-ma không thấy phạm, yết-ma không sám hối, yết-ma không bỏ ác kiến[621]. Như vậy gọi là chúng Tăng tác thành cho trú xứ bất đồng. Đây là hai trú xứ bất đồng.

Có hai đồng trú xứ: Tỳ-kheo tự tác thành đồng trú xứ, hoặc Tăng tác thành cho đồng trú xứ.

Thế nào gọi là tự tác thành đồng trú xứ?

Tỳ-kheo phá Tăng này cùng với bộ đảng của mình đi tìm cầu bộ đảng tốt bên ngoài. Như vậy là tỳ-kheo tự tạo sự chung sống.[622]

Thế nào là Tăng tác thành cho đồng trú xứ? Chúng Tăng hòa hợp, trước kia tác pháp yết-ma bất kiến phạm, yết-ma bất sám, yết-ma bất xả ác kiến; nay Tăng hòa hợp giải các yết-ma đó. Như vậy gọi là Tăng tác thành cho đồng trú xứ. Đó là hai đồng trú xứ.

Tỳ-kheo bị cử kia và tỳ-kheo tùy cử, cùng với tỳ-kheo tác cử nầy, gây đấu tranh, mạ nhục phỉ báng nhau, moi móc sở trường, sở đoản của nhau. Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Bạch Đại đức Thế Tôn, tỳ-kheo tùy cử, cùng với tỳ-kheo tác cử nầy, gây đấu tranh, mạ nhục phỉ báng nhau, moi móc sở trường, sở [880a1] đoản của nhau. Chúng con phải làm thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Cho phép, khi Tăng bị vỡ, phi pháp hoà hợp, hãy nên cùng ngồi tại một chỗ như vậy, sao cho thân và miệng không phát sinh sự xấu ác[623]. Khi Tăng bị vỡ, nhưng như pháp hòa hợp, hãy ngồi xen kẽ từng người một.»[624]

---o0o---

3. Hoà giải

Rồi thì, đức Thế Tôn đến chỗ tỳ-kheo bị cử, nói như vầy:

«Các ngươi chớ nên phạm tội mà nói là không phạm, không sám hối. Tại sao vậy? Nếu tỳ-kheo phạm tội; các Tỳ-kheo khác nói, ‹Trưởng lão phạm tội, có tự thấy hay không?› Đáp rằng không thấy. Nhưng tỳ-kheo kia đa văn, biết A-hàm, trì pháp, trì luật, biết Ma-di[625], có được nhiều bạn bè, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các loại sa-môn, bà-la-môn, ngoại đạo. Tỳ-kheo phạm tội kia liền nghĩ rằng, ‹Tỳ-kheo kia đa văn, biết A-hàm, trì pháp, trì luật, biết Ma-di, có được nhiều bạn bè, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các loại sa-môn, bà-la-môn, ngoại đạo. Nay, nếu ta không thấy tội, tỳ-kheo kia liền vì ta tác pháp yết-ma bất kiến tội, yết-ma bất sám hối, yết-ma bất xả ác kiến. Hoặc tỳ-kheo kia tác pháp cử tội ta: yết-ma bất kiến, yết-ma bất sám hối, yết-ma bất xả ác kiến. Tỳ-kheo kia lại không cùng ta yết-ma thuyết giới, không cùng ta tự tứ, đồng ở một nhà, đồng trú một chỗ, ngồi một giường, một phản, trước bữa ăn sau bữa ăn cũng không cung kính lễ bái, chấp tay tiếp đón nhau theo tuổi lớn

nhỏ. Hay tỳ-kheo kia không cùng ta đồng một yết-ma, đồng một thuyết giới... cho đến không chấp tay tiếp đón nhau[626]. Như thế thì trong Tăng sẽ phát sinh sự đấu tranh, mạ nhục phỉ báng nhau, moi móc sở trường, sở đoản của nhau. Như vậy, Tăng sẽ bị vỡ, khiến cho Tăng bị bôi bẩn, khiến cho Tăng sống chia rẽ.›

«Nếu tỳ-kheo thấy sự phá Tăng này là nghiêm trọng thì nên theo lời người kia mà nói rằng ‹Tôi có tội.› Hãy nên như pháp sám hối.

«Thôi, hãy dừng lại, các tỳ-kheo, chớ đấu tranh nhau nữa. Chớ mạ nhục phỉ báng nhau; moi móc sở trường, sở đoản của nhau. Tất cả các ngươi phải nên hòa hợp, cùng tập họp một chỗ, đồng một thầy học, hoà hợp như nước với sữa, mới có lợi ích, sống an lạc trong chánh pháp của Phật.»

Đức Thế Tôn sau khi khuyên bảo tỳ-kheo bị cử và các tỳ-kheo tùy cử như vậy rồi, liền đến chỗ tỳ-kheo tác cử kia, nói rằng:

«Các ngươi chớ nên thường xuyên cử tội tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Trong khi tỳ-kheo phạm sự được tỳ-kheo kia hỏi, ‹Trưởng lão có tự thấy phạm tội hay không?› Vị kia nói không thấy. Nhưng tỳ-kheo kia, nếu đa văn, biết A-hàm, trì pháp, trì luật, biết Ma-di, nhiều bạn bè thuộc tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các hàng sa-môn, ngoại đạo. Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: ‹Tỳ-kheo ấy đa văn, biết A hàm, trì pháp, trì luật, biết Ma-di, có được nhiều bạn bè trong hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các hàng sa-môn, ngoại đạo. Nếu vị kia nói không thấy tội, nay chúng ta yết-ma tác cử vì không thấy tội, yết-ma vì không sám hối, yết-ma vì không xả ác kiến. Nếu chúng ta tác pháp yết-ma vì không thấy tội, yết-ma vì không sám hối, yết-ma vì không xả ác kiến; chúng ta không cho vị kia cùng một yết-ma thuyết giới, không cùng tự tứ cho đến, không chấp tay tiếp đón, chúng ta không cùng một yết-ma thuyết giới, cho đến không chấp tay tiếp đón; thế thì trong Tăng sẽ có sự đấu tranh, mạ nhục, phỉ báng lẫn nhau; moi móc sở trường, sở đoản của nhau, khiến Tăng bị vỡ, khiến Tăng bị trần cấu, khiến Tăng sống chia rẽ.›

«Nếu tỳ-kheo coi sự phá Tăng này là nghiêm trọng thì không được cử tội Tỳ-kheo kia.

«Thôi, hãy dừng lại, các tỳ-kheo, chớ đấu tranh nhau nữa. Chớ mạ nhục phỉ báng nhau; moi móc sở trường, sở đoản của nhau. Tất cả các ngươi phải nên

hòa hợp, cùng tập họp một chỗ, đồng một thầy học, hoà hợp như nước với sữa, mới có lợi ích, sống an lạc trong chánh pháp của Phật.»

---o0o---

4. Trường Sanh Vương

Thế Tôn, sau khi nói với tỳ-kheo kia rồi, khi đêm đã qua, tảng sáng, khoác y, bưng bát, vào Câu-thiểm-di khất thực. Sau đó, về lại trong Tăng-già-lam, dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo bảo rằng:

Thuở quá khứ xa xưa vua Phạm Thí[627] nước Già-xa[628] có oán thù với tổ phụ vua Trường Sanh[629] nước Câu-tát-la. Vua Phạm Thí có binh chúng oai lực dũng mãnh, tài bảo lại nhiều. Oai lực binh chúng của vua Trường Sanh không bằng, của báu lại ít. Sau một thời gian, Vua Phạm Thí cử bốn bộ binh kéo đến nước Câu-tát-la chinh phạt Vua Trường Sanh, đoạt cả quốc độ, binh chúng cùng kho tàng trân bảo. Vua Trường Sanh cùng đệ nhất phu nhơn tẩu thoát đến nước Ba-la-nại, giả làm người bà-la-môn bện tóc. Cả hai ở trong nhà người thợ đồ gốm.

Sau đó một thời gian, đệ nhất phu nhơn của Vua Trường Sanh phát khởi tâm niệm: ‹Ta muốn được thấy bốn bộ binh, vào buổi sáng, cùng nhau thao diễn tại ngã tư đường chỗ đất bằng. Ta muốn uống nước rửa đao kiếm.›

Phu nhơn nghĩ xong, liền đến chỗ nhà vua nói:

«Vua có biết không? Vừa rồi thiếp có ý nghĩ: Muốn được thấy bốn bộ binh, vào buổi sáng, cùng nhau thao diễn tại ngã tư đường chỗ đất bằng. Tôi muốn uống nước rửa đao kiếm.»

Nhà vua nói:

«Khanh làm sao có được ước nguyện đó! Vua Phạm Thí, có oán cừu với Tổ phụ ta, đã đoạt cả quốc độ, binh chúng, cùng kho tàng trân bảo của ta. Không còn gì cả!»

Phu nhơn nói:

«Nếu không được mãn nguyện, thiếp sẽ chết.»

Bấy giờ, vua Phạm Thí có một vị đại thần tự là Phú-lô-hê-xỉ[630], là bạn của vua Trường Sanh. Vua Trường Sanh nói với vợ rằng:

«Ta cần phải nói với người bạn ta biết việc này.»

Rồi vua Trường Sanh liền đến chỗ Phú-lô-hê-xỉ nói như vầy:

«Nầy, ông bạn có biết không? Đệ nhất phu nhân của ta có ý nghĩ: Muốn được thấy bốn bộ binh, vào buổi sáng, cùng nhau thao diễn tại ngã tư đường chỗ đất bằng; và muốn uống nước rửa đao kiếm. Nghĩ xong liền đến nói với tôi sự việc như vậy. Tôi nói với vợ tôi rằng: ‹Khanh làm sao có được ước nguyện đó! Vua Phạm Thí, có oán cừu với Tổ phụ ta, đã đoạt cả quốc độ, binh chúng, cùng kho tàng trân bảo của ta. Không còn gì cả!› Vợ ta liền nói: ‹Nếu không được toại nguyện thì thần thiếp sẽ chết.› Ta liền nói rằng: ‹Ta cần phải nói cho bạn ta biết nhân duyên này.› »

Phú-lô-hê-xỉ nói:

«Hãy chờ một chút, để tôi xem trong bụng của phu nhân đã.»

Phú-lô-hê-xỉ đến xem trong bụng của đệ nhất phu nhân vua Trường Sanh xong, liền để trống vai bên hữu, quỳ thẳng gối, chấp tay ba lần xưng nói: «Vua của nước Câu-tát-la hiện đang ở trong bụng.» Rồi ông nói với phu nhân: ‹Phu nhân sẽ được thấy bốn bộ binh, vào buổi sáng, cùng nhau thao diễn tại ngã tư đường chỗ đất bằng; và sẽ uống nước rửa đao kiếm, tại chỗ đó.›»

Bấy giờ, Phú-lô-hê-xỉ đến chỗ vua Phạm Thí tâu như vầy:

«Vua biết chăng? Khi có vì tinh tú như vậy xuất hiện, thì cần phải vào buổi sáng sớm, khi mặt trời mới mọc, cho bốn bộ thao diễn tại ngã tư đường, và rửa đao kiếm.»

Phú-lô-hê-xỉ:

«Nay chính là lúc thích hợp.»

Bấy giờ, Phú-lô-hê-xỉ liền tập hợp bốn bộ binh tại ngã tư đường thao diễn, rồi rửa đao kiếm.

Khi ấy, phu nhân của vua Trường Sanh được nhìn thấy bốn bộ binh, vào buổi sáng, cùng nhau thao diễn tại ngã tư đường chỗ đất bằng; và bà được uống nước rửa đao kiếm.

Sau đó, thai đủ tháng, phu nhân hạ sanh một nam nhi, tướng mạo đoan chánh, liền được đặt tên là Trường[631]. Khi khôn lớn, Vua Trường Sanh rất yêu mến.

Bấy giờ, vua Phạm Thí nghe vua Trường Sanh nước Câu-tát-la cùng đệ nhất phu nhân trốn thoát làm bà-la-môn bện tóc ở tại nhà người thợ đồ gốm, liền ra lệnh người hầu cận rằng:

«Ngươi đến nơi nhà người thợ gốm [881a1] bắt vua Trường Sanh và đệ nhất phu nhân trói cho kỹ dẫn về đây. Rồi nổi tiếng trống hung dữ, báo hiệu sự chết xuất hiện. Dẫn ra từ cửa bên hữu, phanh thây làm bảy phần; bêu trên đầu cây nhọn.»

Bấy giờ, vua Trường Sanh khi nghe vua Phạm Thí ra lệnh như vậy, liền kêu người con trai dặn dò rằng:

«Này Trường con, nay con có biết không? Vua Phạm Thí nước Già-xa, là oán cừu của Tổ phụ cha, đã chiếm đoạt tất cả quốc độ, binh chúng, cùng tài sản của ta và nay ra lệnh người hầu cận giết bố mẹ con. Con nên trốt thoát, đừng để vua Phạm Thí giết.»

Vương tử Trường trốn thoát. Vua Phạm Thí sai người đến bắt vua Trường Sanh và đệ nhất phu nhân trói kỹ. Rồi nổi tiếng trống hung dữ, báo hiệu sự chết xuất hiện. Dân chúng tụ tập rất đông.

Lúc ấy, con của vua Trường Sanh cải trang đi theo sau cha mẹ mình khóc kể, nước mắt chảy ròng rã. Vua Trường Sanh xoay lại thấy con mình liền nói như vầy: «Oán thù lớn nhỏ, đều không nên báo. Lấy oán trả oán, oán không thể trừ. Chỉ không thù oán, oán thù mới dứt.» Nhà vua nói như vậy ba lần.

Khi ấy dân chúng nghĩ rằng: «Vua nước Câu-tát-la tâm cuồng điên loạn. Hôm nay mới dạy Trường Ma-nạp. Nay đây ai là Trường Ma-nạp?» Đám đông cùng nói như vậy ba lần.

Rồi thì, Vua Phạm Thí sai người dẫn Vua Trường Sanh đi ra từ cửa bên hữu, phanh thây làm bảy phần, bêu lên đầu cây nhọn.

Bấy giờ, con vua Trường Sanh là Trường từ đó trở lại trong thành Ba-la-nại, học các kỹ thuật, học kinh thơ, học xem tướng, tinh tú, học bói toán, học vẽ hình tượng, âm nhạc, hý kịch, xuất sắc nhất trong số học chúng.

Lúc bấy giờ, ở chỗ của kỹ nữ vua Phạm Thí cách đó không xa có một người huấn luyện voi. Vương tử Trường đến nơi tượng sư xin được học. Tượng sư chấp thuận.

Một thời, Trường Ma-nạp, vào lúc quá nửa đêm, gảy đàn và ca vũ, tấu lên âm thanh tuyệt diệu. Trong đêm đó vua Phạm Thí sau khi nghe tiếng đàn cầm ca vũ du dương, liền hỏi người hầu cận:

«Quá nửa đêm rồi, ai là người gảy tiếng đàn cầm và ca vũ với âm thanh tuyệt diệu như thế?»

Người hầu cận thưa:

«Tâu Đại vương, cách chỗ ở kỹ nữ của Vua không xa, có một người huấn luyện voi đang ở. Người học trò của ông tên là Trường Ma-nạp, thường quá nửa đêm khảy đàn cầm ca vũ với âm thanh du dương đó.»

Vua nghe rồi liền bảo, «Gọi đến đây. Ta muốn gặp.» Người hầu cận vâng lệnh đi gọi đến. Ma-nạp đến, đảnh lễ sát chân Vua rồi đứng qua một bên. Vua hỏi:

«Có thật vào lúc quá nửa đêm, ngươi khảy đàn và ca hát với âm thanh vi điệu đó hay chăng?»

Ma-nạp thưa:

«Đúng như vậy.»

Nhà vua nói:

«Nay trước mặt ta, ngươi hãy khảy đàn và ca hát, tấu lên âm thanh mỹ diệu đó.»

Ngay trước mặt nhà vua Ma-nạp liền khảy đàn và ca hát, tấu lên âm thanh mỹ diệu đó. Nhà vua nghe xong, rất hoan hỷ, nói:

«Ngươi ở lại đây. Ta sẽ nuôi ngươi.»

Ma-nạp tâu:

«Vâng.»

Lúc bấy giờ, nơi nhà ở của đệ nhất phu nhân vua Phạm Thí không ai được vào, chỉ có phu nhân của vua và Ma-nạp Trường mà thôi. Sau đó một thời gian, ngọc ma ni của phu nhân bị mất. Phu nhân đến chỗ Vua thưa rằng:

«Bệ hạ biết không? Ngọc ma ni của thần thiếp đã bị mất rồi.»

Nhà vua hỏi:

«Có ai vào nhà hay không?»

«Không có ai vào cả. Chỉ có Vua và thần thiếp cùng Ma-nạp Trường mà thôi.»

Vua liền kêu Trường Ma-nạp hỏi:

«Đệ nhất phu nhân của ta bị mất viên ngọc ma ni, ngươi có lấy không?»

Ma-nạp liền nghĩ: «Nhà của phu nhân Vua ở không ai được vào. Chỉ có Phu nhân và ta. Nếu ta nói không lấy thì nhà vua sẽ trị tội ta. Từ nhỏ tới lớn ta đã quen sống sung sướng, không thể chịu khổ hình được.»

Ma-nạp liền thưa vua rằng:

«Con lấy.»

Nhà vua hỏi cùng với ai lấy? Thưa rằng:

«Cùng với Thái tử của vua lấy.»

Nhà Vua lại hỏi:

«Cùng với ai lấy nữa.»

Tâu rằng:

«Cùng với đại thần có trí tuệ bậc nhất của Vua Lấy.»

Nhà vua hỏi:

«Cùng với ai lấy nữa?»

Thưa rằng:

«Cùng với đại trưởng giả bậc nhất lấy.»

Vua hỏi:

«Cùng với ai lấy nữa?»

Thưa rằng:

«Cùng với đệ nhất dâm nữ.»

Nhà vua liền bắt Ma-nạp, thái tử, đại thần, trưởng giả, đệ nhất dâm nữ trói lại.

Bấy giờ, thái tử nhà vua hỏi Trường Ma-nạp:

«Nhà ngươi biết thật sự ta không lấy viên ngọc. Nhưng tại sao nhà ngươi vu oan cho ta lấy? »

Trường Ma-nạp trả lời:

«Thật sự thái tử không lấy mà tôi cũng không lấy. Nhưng Thái tử là người được nhà Vua yêu trọng nhất, chắc chắn không vì viên ngọc mà nhà Vua đoạn mạng thái tử, do đó tôi khai.»

Vị đại thần có trí tuệ bậc nhất hỏi Trường Ma-nạp rằng:

«Thật sự nhà ngươi biết ta không lấy viên ngọc, nhưng tại sao vu oan cho ta lấy?»

Trường Ma-nạp nói:

«Thật sự ông không lấy, tôi cũng không lấy. Nhưng ông là vị đại thần có trí tuệ. Ông có thể tìm được viên ngọc, do đó tôi khai ông.»

Đại trưởng giả nói với Trường Ma-nạp rằng:

«Thật sự nhà ngươi biết ta không lấy viên ngọc, nhưng tại sao vu oan cho ta lấy?»

Trường Ma-nạp nói:

«Ông thật sự không lấy. Thật sự tôi cũng không lấy. Nhưng ông là đại trưởng giả trong nước này. Ông là một nhà đại phú tài bảo vô số. Nếu vua cần viên ngọc thì ông có thể bồi thường được, do đó tôi khai cho ông.»

Đệ nhất dâm nữ nói với Trường Ma-nạp rằng:

«Ông biết tôi không lấy viên ngọc, tại sao khai oan cho tôi?»

Trường Ma-nạp nói:

«Thật sự cô không lấy mà tôi cũng không lấy viên ngọc. Nhưng cô là đệ nhất dâm nữ, có nhiều người để ý cô nhưng chưa đạt được cô. Do đó thế nào họ cũng tìm cho được ngọc. Cho nên tôi khai cho cô.»

Bấy giờ, Bạch Tặc ở nước Ba-la-nại, nghe đệ nhất Phu nhân của nhà vua bị mất viên ngọc, nhà Vua bắt trói Trường Ma-nạp, thái tử, đại thần, đại trưởng giả, dâm nữ nên liền đến chỗ Trường Ma-nạp hỏi rằng:

«Thật sự phu nhân Nhà vua bị mất viên ngọc không?»

Ma-nạp nói:

«Thật sự có mất.»

Bạch Tặc hỏi:

«Có ai vào nhà của phu nhân không?»

Ma-nạp nói:

«Chỉ có phu nhân của vua và tôi mà thôi.»

Bạch Tặc hỏi:

«Vậy có ai đang đi trong đó?»

Ma-nạp nói:

«Con khỉ cái đi trong đó.»

Bạch Tặc nói với Trường Ma-nạp rằng:

«Như vậy viên ngọc có thể tìm được.»

Bấy giờ, Bạch Tặc liền đến chỗ Vua Phạm Thí tâu rằng:

«Vua biết không? Nay viên ngọc có thể tìm được. Vua hãy cho mang ra các thứ anh lạc trang sức của các nữ nhơn.»

Vua liền ra lệnh đem tất cả những đồ trang sức anh lạc ra, và tập trung những con khỉ cái lại, mang cho chúng các anh lạc, để chúng ở trong cung. Lúc ấy, con khỉ cái trước kia ở trong nhà phu nhân, thấy những con khỉ cái kia mang anh lạc. Nó cũng liền lấy viên ngọc đã lấy trộm của phu nhân đem ra tự trang sức cho mình. Bấy giờ Bạch Tặc liền bao vây xung quanh và bắt con khỉ cái tâu với Vua rằng:

«Vua nay có biết không? Tôi đã lấy lại được viên ngọc ma ni rồi.»

Khi ấy, Vua Phạm Thí liền kêu Trường Ma-nạp đến hỏi rằng:

«Ngươi không lấy ngọc châu; tại sao nhận là có lấy?»

Ma-nạp liền thưa:

«Vì con nghĩ như vầy: Phòng của Phu nhân ở không ai được vào. Chỉ có Phu nhân và con mà thôi. Nếu con nói không lấy, thì sợ Vua trị tội, tra tấn, làm con đau khổ. Nhưng con thì không thể chịu được đau khổ, nên con nói có lấy.»

«Tại sao ngươi lại khai cho thái tử?»

«Con nghĩ rằng, thái tử rất được vua yêu quí, không lẽ vì hạt châu mà nhà vua đoạn mạng thát tử. Nên con khai cho thái tử.»

«Tại sao ngươi khai cho đại thần?»

«Con khai cho vị đại thần vì con nghĩ: Vị đại thần có nhiều trí tuệ, có khả năng tạo phương tiện tìm lại được viên ngọc. Cho nên con khai cho vị đại thần.»

«Tại sao ngươi lại khai cho đại trưởng giả?»

«Đại trưởng giả là người đại phú gia, nhiều của cải châu báu, có thể bồi hoàn lại viên ngọc cho Vua. Nên con khai cho đại trưởng giả.»

«Tại sao ngươi lại khai cho dâm nữ?»

«Con nghĩ như sau nên khai cho dâm nữ: Người trong nước cũng như các nơi nhiều kẻ để tâm cô ta, nhưng chưa đạt được cô ta. Họ có thể vì dâm nữ mà tìm được viên ngọc. Nên con khai cho đệ nhất dâm nữ.»

Nhà Vua nói:

«Chưa từng có người nào nhiều trí tuệ như Trường Ma-nạp.»

Vua liền dùng Trường Ma-nạp để làm tất cả các nơi quan trọng. Sau đó một thời gian, vua Phạm Thí nghiêm giá bốn bộ binh để đi săn bắn. Bấy giờ Vua cũng như bốn bộ binh [882a1] đều ham mê đuổi theo những con nai, gặp lúc trời nóng bức nên mỏi mệt. Trường Ma-nạp liền hướng dẫn xe Vua đến chỗ khuất kín để nghĩ ngơi. Vua xuống xe, vào dưới bóng mát của xe, gối đầu trên đầu gối của Trường Ma-nạp ngủ. Bấy giờ, Trường Ma-nạp nghĩ như vầy: «Nhà Vua này là oán cừu của ông nội của cha ta, đã phá hoại quốc độ ta, đã đoạt bốn bộ binh chúng của ông nội của cha ta, cùng kho tàng bảo vật tất cả đều thu hết; đã giết cha mẹ ta, đã tàn sát giòng họ Vua Câu-tát-la.» Nghĩ đến mối thù xưa, Trường Ma-nạp liền rút gươm muốn chém đầu nhà Vua. Nhưng lại nghĩ đến lời dạy của cha: «Oán thù lớn nhỏ, đều không nên báo. Lấy oán trả oán, oán không thể trừ. Chỉ không thù oán, oán thù mới dứt.» Bèn bỏ gươm vào bao trở lại.

Bấy giờ, Vua Phạm Thí kinh sợ, tỉnh dậy. Trường Ma-nạp hỏi:

«Sao Vua thức dậy?»

Nhà Vua nói:

«Vua nước Câu-tát-la có người con tên là Trường Ma-nạp rút gươm muốn chém ta.»

Ma-nạp thưa Vua rằng:

«Nay đây, chỗ nào có Trường Ma-nạp, con của vua Trường Sanh? Chỉ có Nhà Vua và con mà thôi. Xin Ngài cứ yên tâm nghĩ.»

Nhà Vua ngủ lần thứ hai, lại cũng như vậy. Cho đến ngủ lần thứ ba, Trường Ma-nạp cũng suy nghĩ như trước, lại rút gươm ra. Vua liền kinh sợ thức dậy. Bấy giờ Trường Ma-nạp liền nắm đầu Vua. Vua hỏi:

«Ngươi muốn giết ta sao?»

Trường Ma-nạp trả lời:

«Vâng.»

Nhà Vua hỏi:

«Vì lí do gì?»

Trường Ma-nạp trả lời:

«Tôi là Trường Ma-nạp, con của Vua Trường Sanh. Vua có oán cừu với ông nội của cha tôi. Vua đã phá tan quốc độ của tôi, đã chiếm đoạt hết tất cả binh chúng kho tàng bảo vật; đã giết cha mẹ tôi, đã tàn sát giòng họ Vua Câu-tát-la. Nghĩ đến cừu oán này cho nên tôi muốn giết Vua!»

Vua Phạm Thí liền nói:

«Nay ta sẽ trả lại binh chúng, quốc độ cùng tất cả trân bảo của cụ cố của ông. Ông đừng giết tôi!»

Trường Ma-nạp nói:

«Tôi sẽ để mạng sống cho nhà Vua. Nhà Vua cũng đừng giết tôi.»

Vua Phạm Thí trả lời:

«Ta sẽ tha mạng sống cho nhà ngươi.»

Bấy giờ, hai bên đồng xóa hết oán cừu tổ phụ, cùng nhau hòa hợp như cha với con, cùng đi một xe trở về nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Vua Phạm Thí tập hợp các đại thần và bảo như vầy:

«Nếu bắt gặp Trường Ma-nạp con Vua Trường Sanh thì giải quyết như thế nào?»

Có người nói phải xử trị thế này; có người nói phải dùng dao giết nó; có người nói phải dùng xe nghiền nát nó; có người nói phải treo đầu nó lên; có người nói phải đốt nó như cây đuốc; có người nói phải lấy dầu nấu nó; có người nói phải chẻ thân nó ra; có người nói phải dùng móc câu câu vào thịt của nó; có người nói phải lấy mật nấu nó; có người nói phải trói nó quăng trong lửa; có người nói phải lấy vải quấn nói rồi đốt; có người nói phải chặt tay, chặt chân, xẻo mũi, xẻo tai nó; có người nói phải xâu nó rồi bêu nó trên đầu cây nhọn; có người nói phải chặt đầu nó. Nhà Vua liền chỉ cho các vị đại thần mà nói:

«Người này là con Vua Trường Sanh tên là Trường Ma-nạp. Từ nay về sau tất cả mọi người không được bàn luận đến việc đó nữa. Tại sao vậy? Vì người này đã cho ta mạng sống và ta cũng đã cho người này mạng sống.»

Bấy giờ, Nhà Vua công bố hoàn trả lại tất cả binh chúng và quốc độ cũng như kho tàng trân bảo của Vua Trường Sanh lại cho Trường Ma-nạp, và sửa soạn trang sức con để gã cho Trường Ma-nạp.

«Nầy các tỳ-kheo! Trường Ma-nạp kia, vốn là kẻ chấp nhận gươm đao[632], có oán cừu của tổ phụ của cha, mà còn trở lại hòa hợp như cha với con. Huống chi các người đã xuất gia làm đạo, đồng học một thầy, như sữa hòa với nước thì ở trong Phật pháp mới có lợi ích, và an lạc.

«Thôi, hãy dừng lại, các tỳ-kheo, chớ đấu tranh nhau nữa. Chớ mạ nhục phỉ báng nhau; moi móc sở trường, sở đoản của nhau. Tất cả các ngươi phải nên hòa hợp, cùng tập họp một chỗ, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa, mới có lợi ích, sống an lạc trong chánh pháp của Phật.»

Trong khi đức Phật dạy như thế, các tỳ-kheo bạch Phật rằng:

«Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn hãy tự yên nghỉ. Như Lai là đấng Pháp chủ. Các tỳ-kheo tự biết rõ sự đấu tranh này.»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã phải hai ba lần ngăn chận các tỳ-kheo ở Câu-thiểm-di, đừng cùng nhau đấu tranh, mạ nhục phỉ báng lẫn nhau, moi móc tội lỗi nhau, mà nên hòa hợp chung sống, đồng một thầy học, như nước hòa với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có lợi ích, và an lạc. Tỳ-kheo kia lại nói với đức Thế Tôn như vầy:

«Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn hãy tự yên nghỉ. Như Lai là đấng Pháp chủ. Các tỳ-kheo tự biết rõ sự đấu tranh này.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di nói bài kệ:

Đám đông dậy tiếng xấu,

Chẳng cần pháp Thượng tôn[633]

Khi phá vỡ Chúng Tăng,

Còn biết lẽ gì khác?[634]

Chẻ xương, hại sanh mạng,

Cướp bò, ngựa, tài bảo;

Đất nước loạn, đấu tranh,

Còn trở lại hòa hợp.

Các ngươi đáng lẽ không

Bao giờ nhục mạ nhau.

Nếu có sự như thế,

Oán kia không thể trừ.

Đối các mạ lỵ ác,

Không bao giờ đáp trả.

Người hay im lặng nhẫn,

Oán kia tự nhiên hết.

Lấy oán trừ oán cừu;

Oán cừu không hết được.

Không oán, oán tự tiêu.

Pháp kia vui dõng mãnh.[635]

Không bảo người khác làm,

Chính mình cũng không làm.

Người thật hành như vậy,

Như mưa dập bụi trần.

Không thật, nói chắc thật;

Chắc thật, nói không thật.

Nó không rõ cái thật,

Rơi vào ức niệm tà.

Chắc thật, biết chắc thật.

Không thật, biết không thật.

Ai hiểu pháp chắc thật,

Vào trong chỗ chánh niệm.[636]

Cũng như người cầm tên

Cầm lỏng, hại tay mình.

Sa-môn không khôn khéo,

Tăng thêm số địa ngục.

Người biết khéo cầm tên,

Cầm chặt, không hại tay.

Sa-môn biết khôn khéo,

Liền được sanh đường lành.

Tuy mặc áo cà-sa,

Ôm chặt các kết sử,

Không thể trừ oán hại,

Không xứng mặc cà-sa.

Kết sử đã trừ diệt,

Tự trang nghiêm bằng giới,

Chế ngự các oán cừu,

Người ấy xứng cà-sa.

Tìm kiếm bạn khắp nơi,

Không có người hợp ý;

Thà một mình bền lòng,

Không đồng hành kẻ ngu.

Nếu khắp nơi tìm bạn,

Không được người như mình;

Thà một mình làm lành,

Không bạn kẻ ngu ác.

Độc hành, không làm ác;

Như voi rừng núi cao.

Nếu tìm được bạn lành,

Cùng chung sống, dũng mãnh.[637]

Đi, ở, giữa các chúng,

Tâm họ thường hoan hỷ.

Nếu không có bạn lành,

Độc hành, thường dũng mãnh;

Xa lánh nơi đô hội,

Vô sự như voi rừng.

Lúc bấy giờ, vì các tỳ-kheo tại Câu-thiểm-di đấu tranh, phỉ báng mạ nhục, chúng Tăng bị rối loạn, đức Thế Tôn không vui. Thế Tôn không nói với chúng Tăng và người thị giả, mà tự xếp ngọa cụ để lại chỗ cũ. Mang y cầm bát, dùng sức thần túc rời Câu-thiểm-di [883a1] trở về nước Xá-vệ.[638]

Bấy giờ, các vị ưu-bà-tắc ở Câu-thẩm-di nghe nói, vì các tỳ-kheo tại Câu-thiểm-di đấu tranh, phỉ báng mạ nhục, chúng Tăng bị rối loạn, đức Thế Tôn

không vui. Thế Tôn không nói với chúng Tăng và người thị giả, mà tự xếp ngọa cụ để lại chỗ cũ. Mang y cầm bát, dùng sức thần túc rời Câu-thiểm-di trở về nước Xá-vệ. Bấy giờ, các ưu-bà-tắc cùng nhau tự lập ra quy chế: «Tất cả chúng ta, khi gặp các tỳ-kheo ở Câu-thiểm-di, không được đứng dậy nghinh đón, cung kính lễ bái, hỏi chào, nói năng và cúng dường y phục ẩm thực, thuốc men chữa bệnh.»

---o0o---

5. Tăng hoà hợp

Các tỳ-kheo kia giống như người bị cử tội, nên tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các hàng sa-môn ngoại đạo đều tránh xa không giao tiếp. Các tỳ-kheo đấu tranh kia, do vậy không có sự lợi dưỡng nên nghĩ như vầy: «Chúng ta cần phải đến chỗ đức Thế Tôn để chấm dứt việc đấu tranh này.» Họ liền đến nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe các tỳ-kheo đấu tranh nơi Câu-thiểm-di, phỉ báng mạ nhục nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, từ Câu-thểm-di đến nước Xá-vệ. Tôn giả liền cùng năm trăm vị tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Các tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di, cùng nhau đấu tranh, phỉ báng mạ nhục, miệng tuôn ra những lời như gươm như đao. Nay họ từ Câu-thiểm-di đến nước Xá-vệ, chúng con nên làm thế nào?»

Đức Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

«Hãy cho phép hai bộ nói. Nếu tỳ-kheo nào nói như pháp thì nên chấp nhận lời nói ấy, khen ngợi trưởng dưỡng, cùng làm người bạn.»

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

«Làm thế nào để biết tỳ-kheo kia nói đúng pháp hay phi pháp?»

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

«Có mười tám sự việc khiến Tăng bị vỡ: pháp, phi pháp, tỳ-ni, phi tỳ-ni, phạm, không phạm, nhẹ, nặng, hữu dư, vô dư, thô ác, không thô ác, nên làm, không nên làm, chế, không chế, thuyết, không thuyết.»[639]

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

«Ông nên xem xét việc này thời sẽ biết lời nói của tỳ-kheo kia là như pháp hay phi pháp.»

Tôn giả lại bạch Phật rằng:

«Phân phối phòng xá ngọa cụ cho các tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di như thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Nên cho họ phòng xá ngọa cụ ở chỗ khuất kín[640]. Nếu không có chỗ khuất kín thì hãy lập ra chỗ khuất kín cho họ, cũng như cách thức phân phối ngọa cụ cho chúng Tăng.»

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

«Chia y vật của chúng Tăng cho tỳ-kheo Câu-thiểm-di như thế nao?»

Đức Phật dạy:

«Tùy theo thứ bậc mà chia.»[641]

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

«Đối với tỳ-kheo Câu-thiểm-di, nên sắp xếp chỗ ngồi như thế nào để chia cháo trong bữa tiểu thực?»

Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

«Trước kia Ta há đã không nói điều này? Khi Tăng bị vỡ, phi pháp hoà hợp, ngồi sao cho không phát sanh sự dữ của thân và miệng. Chúng Tăng bị vỡ, nhưng như pháp hòa hợp, sự việc đã chấm dứt, nên ngồi chỗ ngồi cách khoảng một người.»[642]

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, nghe các tỳ-kheo đấu tranh nơi Câu-thiểm-di, phỉ báng mạ nhục nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, từ Câu-thiểm-Di đến nước Xá-vệ, liền cùng với năm trăm tỳ-kheo-ni đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật rằng:

«Đại đức Thế Tôn, tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di này cùng nhau đấu tranh, cùng nhau mạ nhục phỉ báng, soi bói tốt xấu nhau, từ Câu-thiểm-di đến Xá-vệ. Chúng con nên đối với họ như thế nào?»

Đức Phật bảo Cù-đàm Di:

«Hãy nghe cả hai bên nói. Nếu tỳ-kheo nào nói như pháp thì chấp nhận lời nói ấy, khen ngợi trưởng dưỡng, coi đó là bạn hữu.»

Cù-đàm Di bạch Phật:

«Làm sao biết lời nói của tỳ-kheo kia là pháp hay phi pháp?»

Phật dạy:

«Có mười tám việc phá Tăng: Pháp phi pháp... cho đến thuyết không thuyết.» (như trên)

«Nên xem xét việc này để biết lời nói tỳ-kheo kia là pháp hay phi pháp. Tỳ-kheo-ni Cù-đàm Di, nên đến cầu giáo thọ trong bộ chúng tỳ-kheo như pháp.»

Lúc bấy giờ, trưởng giả A-nan-bân-đê[643] nghe các tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di đấu tranh nhau, mạ nhục phỉ báng nhau, moi móc tội lỗi nhau, từ Câu-thiểm-di đến Xá-vệ, liền cùng năm trăm ưu-bà-tắc đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật:

«Các tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di, đấu tranh nhau, mạ nhục phỉ báng nhau, moi móc tội lỗi nhau, từ Câu-thiểm-di đến Xá-vệ. Bạch đức Thế Tôn, chúng con nên đối xử thế nào?»

Thế Tôn dạy:

«Nên nghe cả hai bên nói, như trên. Nếu có đàn-việt cúng dường nên chia hai phần, đây cũng là Tăng, kia cũng là Tăng. Nầy các cư sĩ, như thỏi vàng chia làm hai phần, cả hai đều là vàng. Do vậy, nầy các cư sĩ, vật bố thí cúng dường nên chia làm hai phần. Vì đây là Tăng, kia cũng là Tăng.»

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu nghe các tỳ-kheo nơi Câu-thiểm-di đấu tranh nhau, mạ nhục phỉ báng nhau, moi móc tội lỗi nhau, từ Câu-thiểm-di đến Xá-vệ, liền cùng năm trăm ưu-bà-di đến chỗ đức Thế Tôn đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên bạch Phật:

«Các tỳ-kheo Câu-thiểm-di đấu tranh phỉ báng mạ nhục xoi bói tốt xấu nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, nay từ Câu-thiểm-di đến Xá-vệ, kính bạch đức Thế Tôn, chúng con nên đối xử thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Nên nghe cả hai bên nói, như trên. Nếu có đàn-việt cúng dường nên chia hai phần, đây cũng là Tăng, kia cũng là Tăng. Nầy các cư sĩ, như thỏi vàng chia làm hai phần, cả hai đều là vàng. Do vậy, nầy các cư sĩ, vật bố thí cúng dường nên chia làm hai phần. Vì đây là Tăng, kia cũng là Tăng.»

---o0o---

6. Giải yết-ma

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo bị cử, trên đường đi, nơi chỗ vắng, tâm tự suy nghĩ rằng: «Tránh sự này của ta cần phải dẫn chứng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, kiểm hiệu Phật pháp, xét duyệt xem cử đúng hay cử sai, là cử như pháp, yết-ma thành tựu hay là không cử như pháp, yết-ma không thành tựu.» Bấy giờ vị ấy liền xem xét Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, theo pháp của đức Phật xét duyệt, rồi nghĩ như vầy: «Sự thật là phạm chứ không phải không phạm; cử tội đúng chứ chẳng phải là không đúng; như pháp cử yết-ma thành tựu, chứ không phải là không như pháp cử yết-ma không thành tựu.» Vị ấy liền đến chỗ các tỳ-kheo tùy cử nói như vầy: «Tôi trên đường đi, nơi chỗ vắng, tâm tự suy nghĩ rằng: ‹Tránh sự này của ta cần phải dẫn chứng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, kiểm hiệu Phật pháp, xét duyệt xem cử đúng hay cử sai, là cử như pháp yết-ma thành tựu hay là không cử như pháp, yết-ma không thành tựu.› Bấy giờ tôi liền xem xét Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, theo pháp của đức Phật xét duyệt, rồi nghĩ như vầy: ‹Sự thật là phạm chứ không phải không phạm;

cử tội đúng chứ chẳng phải là không đúng; như pháp cử yết-ma thành tựu, chứ không phải là không như pháp cử yết-ma không thành tựu.›»

Bấy giờ các tỳ-kheo tùy cử dẫn tỳ-kheo bị cử đến chỗ tỳ-kheo tác cử bạch rằng:

«Tỳ-kheo bị cử này nói với tôi như vầy: ‹Trên đường đi nơi chỗ vắng, tôi tư duy (nói đầy đủ như trên).› »

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo cử tội dẫn tỳ-kheo tùy cử, tỳ-kheo bị cử đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

«Tỳ-kheo tùy cử này dẫn tỳ-kheo bị cử đến chỗ con, đem nhơn duyên của tỳ-kheo bị cử trình bày đầy đủ. Nay con cũng đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ.»

Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

«Đó là phạm chứ chẳng phải không phạm. Cử tội đúng chứ chẳng phải không đúng; như pháp cử tỳ-kheo này, yết-ma thành tựu. Nếu tỳ-kheo kia thuận tùng chúng Tăng để sám hối, hoán cải tội lỗi, thì yêu cầu giải yết-ma bất kiến cử.»

Nên bạch tứ yết-ma để giải, cách giải như vầy:

Tỳ-kheo kia đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... đã bị Tăng cử tội, yết-ma bất kiến cử. Nay tôi thuận tùng chúng Tăng, cải hoán tội lỗi, sám hối, cầu xin giải yết-ma bất kiến cử. Nguyện Tăng từ mẫn, vì tôi giải cho.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong đây, [884a1]Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật hay không tụng luật được, miễn là có thể tác pháp yết-ma, bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... Tăng đã tác pháp yết-ma bất kiến cử. Nay thuận tùng chúng Tăng, hoán cải tội lỗi sám hối, cầu xin

giải yết-ma bất kiến cử. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng giải yết-ma bất kiến cử cho Tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... Tăng đã tác pháp yết-ma bất kiến cử, vị kia đã thuận tùng chúng Tăng cải hoán tội lỗi sám hối, nay cần cầu Tăng giải yết-ma bất kiến cử. Trưởng lão nào đồng ý Tăng giải yết-ma bất kiến cử cho Tỳ-kheo tên là... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

(Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã đồng ý giải yết-ma bất kiến cử cho Tỳ-kheo... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Đức Phật dạy tiếp: cho phép tác bạch yết-ma hòa hợp, nên bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Sự việc khiến Tăng đấu tranh, phỉ báng nhục mạ lẫn nhau, xoi bói sở trường sở đoản nhau. Người phạm sự bị cử kia nay đã được giải rồi, trần cấu của Tăng được diệt sạch. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng tác pháp hòa hợp. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy để hòa hợp.

Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch đức Thế Tôn rằng:

«Kính bạch đức Thế Tôn, sự việc khiến Tăng đấu tranh, phỉ báng nhục mạ, xoi bói sở trường, sở đoản nhau, khiến cho Tăng bị phá, khiến Tăng chia rẽ, khiến Tăng bị trần cấu. Việc kia chưa liệu lý, chưa phân xử, Tăng chưa diệt trần cấu, như vậy có được hòa hợp như pháp hay không?»

Phật dạy:

«Không được như pháp hòa hợp. Nầy Ưu-ba-ly! Nhân bởi tránh sự[644] kia, khiến Tăng đấu tranh, phỉ báng nhục mạ nhau, xoi bói sở trường, sở đoản nhau, khiến Tăng bị phá, khiến Tăng chia rẽ, khiến cho Tăng bị trần cấu. Khi tránh sự ấy đã được liệu lý, đã được giải quyết. Tăng đã diệt trần cấu, bấy giờ được hòa hợp như pháp.»

Đức Phật dạy:

Từ nay về sau cho phép tác bạch yết-ma hòa hợp Bố-tát. Nên bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nhân bởi tránh sự kia đã khiến Tăng đấu tranh, phỉ báng nhục mạ, xoi bói sở trường, sở đoản nhau, khiến cho Tăng bị phá, khiến Tăng chia rẽ, khiến Tăng bị trần cấu. Người ấy đã được Tăng tác cử, và đã được giải rồi, Tăng đã được diệt trần cấu. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng tác pháp hòa hợp bố-tát. Đây là lời tác bạch.»

Nên bạch như vậy rồi hòa hợp bố-tát.

Lúc bấy giờ, Đức Phật nói với Ưu-ba-ly:

«Có năm hạng người phạm tội. Những gì là năm?

«Tỳ-kheo phạm tội như vậy. Các tỳ-kheo khác bảo rằng, ‹Thầy phạm tội, có thấy hay không?› Vị kia trả lời, ‹Không thấy.› Vị kia nói với vị tỳ-kheo này rằng: ‹Nếu thấy tội này thì nên sám hối.› Đây là người phạm tội thứ nhất.

«Tỳ-kheo phạm tội như vậy. tỳ-kheo khác bảo rằng, ‹Thầy phạm tội, có thấy hay không?› Vị kia trả lời: ‹Không thấy.› Tỳ-kheo kia nói: ‹Thầy nếu thấy tội nên đến trong Tăng sám hối.› Đây là người phạm tội thứ hai.

«Tỳ-kheo phạm tội như vậy. Tỳ-kheo khác bảo rằng, ‹Thầy phạm tội, có thấy hay không?› Vị kia trả lời: ‹Không thấy.› Tỳ-kheo kia nói: ‹Thầy nếu thấy tội nên ở trong Tăng này mà sám hối.› Đây là người phạm tội thứ ba.

«Tỳ-kheo phạm tội như vậy. Tỳ-kheo khác bảo rằng, ‹Thầy phạm tội, có thấy hay không?› Vị kia trả lời: ‹Không thấy.› Chúng Tăng nên xả trí, không hỏi nữa, mà nói như vầy, ‹Nay thầy không thấy tội. Nơi nào mà thầy đến, nơi đó cũng sẽ cử tội thầy. Đối với thầy, họ sẽ tác pháp tự ngôn, không cho thầy tác pháp a-nậu-bà-đà[645], không cho phép bố-tát, tự tứ. Như người điều khiển ngựa, đối với con ngựa chứng khó điều khiển, họ phải buộc nó vào cây nọc, bỏ mặc nó nơi đó. Thầy là tỳ-kheo không tự thấy tội cũng lại như vậy. Tất cả mọi người đều phải bỏ mặc thầy. Nơi nào mà thầy đến, nơi đó, cho đến, sẽ không cho phép thầy bố-tát, tự tứ. Người như vậy, không được đến họ để cầu thỉnh[646]. Ở đây như vậy tức là thỉnh. Đây là người phạm tội thứ tư.

«Tỳ-kheo phạm tội như vậy, tỳ-kheo khác bảo rằng, ‹Thầy phạm tội, có thấy hay không?› Vị kia trả lời, ‹Không thấy.› Đối với vị ấy chúng Tăng nên tác pháp yết-ma, bằng pháp bạch tứ bất kiến cử, đây là người phạm tội thứ năm.

Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật rằng:

«Có bao nhiêu pháp để thành người liệu lý sự vụ?»

Đức Phật dạy:

«Có năm pháp để thành người liệu lý sự vụ:

«Muốn thành tỳ-kheo tác sự, nên quan sát việc này thật hay không thật. Hoặc giả có việc không thật. Tỳ-kheo kia, nếu biết việc này không thật thì không được làm.

«Nếu tỳ-kheo kia biết việc này là thật, thì lại phải quan sát việc này có lợi ích hay không có lợi ích. Hoặc giả có việc không lợi ích. Tỳ-kheo kia, nếu biết được việc này không lợi ích thì không được làm.

«Nếu tỳ-kheo kia biết việc này có lợi ích, thì lại phải quan sát việc này là đúng thời hay không đúng thời. Hoặc giả có việc làm phi thời. Tỳ-kheo kia nếu biết việc này là làm phi thời thì không được làm.

«Nếu tỳ-kheo kia biết việc này là đúng thời, thì lại phải xem xét, là làm việc này hoặc sẽ khiến Tăng đấu tranh, phỉ báng mạ nhục nhau, sẽ khiến Tăng bị phá, sẽ khiến Tăng chia rẽ, sẽ khiến Tăng bị trần cấu; hoặc sẽ không khiến Tăng đấu tranh, cho đến sẽ không khiến Tăng bị trần cấu. Tỳ-kheo kia, nếu biết làm việc này, khiến Tăng đấu tranh, cho đến khiến Tăng trần cấu, thì không được làm.

«Nếu tỳ-kheo biết làm việc này sẽ không khiến Tăng đấu tranh, cho đến không khiến Tăng trần cấu, thì tỳ-kheo kia lại phải quan sát, nếu tỳ-kheo làm việc này có được bạn hữu hay không được bạn hữu. Hoặc giả làm việc này, không có được tỳ-kheo bạn hữu. Nếu tỳ-kheo kia biết được làm việc này không có được tỳ-kheo bạn hữu thì không được làm. Nếu tỳ-kheo kia biết có tỳ-kheo bạn hữu thì nên làm đúng thời, với hảo tâm thiện niệm.

«Nầy Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào biết được năm pháp này thì sẽ được làm người liệu lí sự vụ.»

Bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay hướng về đức Phật nói bài kệ rằng:

Vì Tăng nói điều này,

Nghĩa lợi quyết định vậy.

Thế nào biết là hơn?

Tỳ-kheo được kiên trì?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trả lời Ưu-ba-ly bằng bài kệ sau:

Đệ nhất trì giới không hủy hoại,

Tỳ-kheo oai nghi tự trang nghiêm;

Oan gia không thể như pháp trách.

Người kia được vậy khỏi ai chê.

Người kia trụ nơi thanh tịnh giới,

Nói không sợ và không nghi nan,

Giữa chúng không đổi dời, không sợ,

Hỏi đâu đáp đó không mất nghĩa.

Trong chúng dù hỏi nghĩa lý gì,

Liền đáp, khỏi nghĩ, không ưu lự.

Lúc nào hỏi nghĩa cũng đáp được.

Ứng đáp nhiều câu, lòng không đổi.

Cung kính các tỳ-kheo Trưởng lão,

Thượng tọa, trung tọa và hạ tọa.

Nói được nguồn gốc, khéo phân biệt,

Hiểu các oan gia lời dối trá.

Oan gia không thể hơn vị ấy.

Cũng lại điều phục được nhiều người.

Thường làm thầy dạy, không thiếu sót.

Trang nghiêm trí tuệ người đều biết.

Nếu phạm việc như vậy.

Không phạm, tội được trừ.

Bản này, biết cả hai.

Biết bản, sám hối trừ.

Không hối, Chúng bỏ mặc.

Nếu hối, Chúng không đuổi.

[885a1]Nên khuyên người như vậy;

Phân minh biết như vậy.

Có tín thì hay thọ.

Vì Tăng nên mới đuổi.

Chúng đuổi, hãy nghe lời,

Tuân hành, không tự cao;

Cung kính bậc Trưởng lão,

Thượng, trung và hạ tọa,

Trí tuệ nhiều lợi ích.

Người này hay hộ pháp.[647]

---o0o---

CHƯƠNG X - CHIÊM-BA

1. Cử tội phi pháp

[885a15] Thế Tôn ở tại thành Chiêm-ba[648]. Tại nước Già-thi[649], có thôn Bà-sa-bà[650]. Bấy giờ, trú xứ nọ có cựu tỳ-kheo[651],thường tiếp mọi người, giống như nguồn suối[652], nói như vầy: «Nếu tỳ-kheo chưa đến mà đến làm khách[653], tôi sẽ cung cấp các thứ cần dùng, như nấu nước tắm, đồ ăn, thức uống để cúng dường.»

Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo ở nước Già-thi du hành trong nhân gian đến nơi xóm Bà-sa-bà. Tỳ-kheo kia liền cung cấp các thứ cần dùng, và cúng dường đồ ăn thức uống. Sau đó một thời gian, tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: «Ta không thể thường xuyên đến bạch y đòi xin đồ ăn thức uống, và cung cấp đầy đủ như nước để tắm rửa, hay nấu cháo để cúng dường nữa. Khách tỳ-kheo này từ xa đến, hiện tại đã hết mệt mỏi. Trước kia chưa có người quen biết chứ hiện nay đã có. Nay ta không thể đi hỏi xin thêm được nữa.» Rồi ông ngưng.

Tỳ-kheo khách này lại nghĩ như vầy: «Tỳ-kheo kia ghét chúng ta. Trước đây đã cung cấp đầy đủ những thứ cần dùng, như đồ ăn thức uống, nước tắm rửa cho chúng ta. Nay

lại ngưng, không cung cấp cho ta. Chúng ta có nên cử tội tỳ-kheo kia không?» Họ liền nhóm họp để cử tội tỳ-kheo kia.

Tỳ-kheo kia nghĩ: «Nay ta không thể tự biết là phạm hay chẳng phạm, là cử tội đúng hay cử tội không đúng, là như pháp cử yết-ma thành tựu, hay không như pháp cử yết-ma không thành tựu. Nay ta có thể đến chỗ đức Thế Tôn ở Chiêm-ba, đem nhơn duyên này trình bày đầy đủ với đức Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có chỉ dạy gì thì tùy theo lời dạy của đức Thế Tôn ta sẽ thi hành.»

Lúc bấy giờ, cựu tỳ-kheo kia, đắp y mang bát đến Chiêm-ba, qua chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn an ủi khách tỳ-kheo:

«Khất cầu có dễ được không? Sống có hòa hợp không? Đi đường có mệt nhọc lắm không?»

Tỳ-kheo khách thưa:

«Con sống hòa hợp. Khất cầu dễ được. Đi đường không mệt nhọc.»

Đức Phật hỏi tiếp:

«Thầy ở đâu đến?»

Tỳ-kheo thưa:

«Con ở nơi xóm Bà-sa-bà, nước Già-thi, là cựu trú tỳ-kheo ở một trú xứ nọ. Con thường đón tiếp và cung cấp những gì cần thiết cho những vị khách giống như dòng nước suối. Nếu có khách tỳ-kheo chưa đến mà đến làm khách đều được cung cấp đầy đủ những thứ cần dùng như đồ ăn thức uống hoặc làm cháo, nước tắm... Sau đó có số đông tỳ-kheo tại nước Già-thi du hành trong nhân gian đến xóm Bà-sa-bà, bấy giờ con liền cung cấp đầy đủ những thứ cần dùng như đồ ăn thức uống, hoặc làm cháo, nước tắm rửa... Bạch Đại đức, khi ấy con nghĩ như vầy: ‹Ta không thể thường xuyên

đến nhà bạch y đòi xin đồ ăn thức uống, và những thứ cần dùng được. Quý khách tỳ-kheo này hiện tại đã hết mệt mỏi. Trước kia chưa có người quen biết, hiện tại đã có rồi. Nay ta không thể đến hỏi xin được nữa.› Rồi con ngưng cung cấp. Khách tỳ-kheo này lại nghĩ, ‹Tỳ-kheo cựu trú kia ghét chúng ta. Trước đây thường cung cấp đầy đủ cho ta các thứ cần dùng như thức ăn uống, cháo, nước tắm rửa... Nay lại không cung cấp cho chúng ta nữa. Chúng ta có thể cử tội tỳ-kheo kia.› Các vị ấy liền họp lại để cử tội. Bạch Đại đức Thế Tôn con nghĩ như vầy, ‹Ta không thể biết là phạm hay không phạm, là cử tội đúng hay sai, là như pháp cử yết-ma thành tựu hay không như pháp cử yết-ma không thành tựu? Nay ta nên đến chỗ đức Thế Tôn ở thành Chiêm-ba đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Nếu đức Thế Tôn có dạy gì, thì tùy theo lời dạy của đức Thế Tôn mà thi hành.› »

Đức Phật bảo tỳ-kheo kia:

«Ông là tỳ-kheo không phạm, chẳng phải phạm. Cử tội sai quấy, không thành cử. Cử tội ông như vậy là phi pháp. Tỳ-kheo ấy yết-ma không thành tựu. Này tỳ-kheo, ông trở về xóm Bà-sa-bà, cung cấp những thứ cần dùng cho khách tỳ-kheo như trước giống như nguồn suối. Này tỳ-kheo, Ta trợ bạn ông, như pháp, chẳng phải chẳng như pháp.»

Bấy giờ các khách tỳ-kheo kia từ xóm Bà-sa-bà du hành trong nhân gian đến nước Già-thi, tới chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ rồi đứng lui qua một bên. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn an ủi khách tỳ-kheo:

«Các ngươi trụ chỉ có hòa hiệp không? Không do khất thực mà phải vất vả chăng?»

Tỳ-kheo này thưa:

«Trụ chỉ được hòa hiệp. Không do khất thực mà phải vất vả.»

Đức Phật hỏi tiếp:

«Các thầy từ đâu đến?»

«Chúng con từ tụ lạc Bà-sa-bà đến.»

Đức Phật hỏi?

«Nghe nói có cựu trú tỳ-kheo thường hay cung cấp cho khách tỳ-kheo những thứ cần dùng, như nước suối, mà các thầy cử tội người ấy, phải không?»

Các vị ấy trả lời:

«Sự thật như vậy.»

Đức Thế Tôn hỏi:

«Bằng vào sự gì các ông cử tội như vậy?»

Các vị này thưa:

«Không sự việc, không nhân duyên.»[654]

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện ha trách các tỳ-kheo này:

«Các ông làm điều sai quấy chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Các ông là những người ngu si. Sao cựu tỳ-kheo kia, như nguồn nước suối, cung cấp cho khách tỳ-kheo, mà các ông không duyên, không sự gì, lại cử tội?»

---o0o---

2. Túc số yết-ma

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi ha trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Có bốn loại yết-ma: phi pháp yết-ma, phi pháp biệt chúng yết-ma, phi pháp hòa hợp yết-ma, pháp biệt chúng yết-ma[655]. Trong này, hai yết-ma: phi pháp yết-ma, biệt chúng yết-ma, thì không được làm. Nếu làm sẽ như pháp trị. Chỉ có pháp yết-ma, và hòa hợp yết-ma thì nên làm.

«Có bốn trường hợp túc số[656]: Có người được kể trong túc số nhưng không được quyền ngăn. Có người không được kể trong túc số mà được quyền ngăn. Có người không được kể trong túc số mà cũng không được quyền ngăn. Có người được kể trong túc số và cũng được quyền ngăn.

«Thế nào là người được quyền túc số mà không được quyền ngăn? Là người bị tác pháp yết-ma ha trách, yết-ma tẫn, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Những người này được kể túc số mà không được quyền ngăn.

«Thế nào là người không được kể túc số mà được quyền ngăn? Là người muốn thọ đại giới. Người này không được kể túc số mà được quyền ngăn.

«Thế nào là người không được kể túc số cũng không được ngăn? Tỳ-kheo tác yết-ma, tỳ-kheo-ni không được kể túc số cũng không được ngăn. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni; hoặc người phạm biên tội, hoặc phạm tỳ-kheo-ni, hoặc thọ giới với tặc tâm, hoặc phá nội ngoại đạo, hoặc huỳnh môn, hoặc giết cha giết mẹ, hoặc giết A-la-hán, hoặc phá Tăng, hoặc ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc phi nhơn, súc sanh, hoặc hai căn, hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng diệt; hoặc biệt trú, hoặc ở trên giới trường, thần túc trên hư không, hoặc ẩn hình, hoặc lìa chỗ thấy nghe, hoặc là người tác yết-ma: Những người như vậy không được kể túc số cũng không được ngăn.

[886a1]«Thế nào là người được kể túc số cũng được quyền ngăn? Là thiện tỳ-kheo, đồng trụ một giới, không dùng thần túc ở trên không, không ẩn hình, không lìa chỗ thấy nghe,

cho đến nói với người gần bên. Những người như vậy được kể túc số mà cũng được quyền ngăn.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo, một người cử tội một người, một người cử tội hai người, hoặc cử tội ba người, hoặc cử tội Tăng. Hai người cử tội một người, hai người cử tội hai người, hai người cử tội ba người, hoặc cử tội Tăng. Ba người cử tội một người, hoặc cử tội hai người, hoặc cử tội ba người, hoặc cử tội Tăng, hay Tăng cử tội Tăng. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được một người cử tội một người, hai người, ba người, hay cử tội Tăng. Không được hai người cử tội một người, hai người, ba người, cử tội Tăng. Không được ba người cử tội một người, hai người, ba người, hay cử tội Tăng. Không được Tăng cử tội Tăng.

«Nếu một người cử tội một người là phi pháp yết-ma, phi tỳ-ni yết-ma, không được làm như vậy. Hoặc một người cử tội hai người, ba người hay Tăng. Hoặc hai người cử tội một người, hai người, ba người, hay Tăng. Hoặc ba người cử tội một người, hai người, ba người, hay Tăng. Hoặc Tăng cử tội Tăng, là phi pháp yết-ma, phi tỳ-ni yết-ma, không được làm như vậy.»

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo tác pháp yết-ma chồng[657], như tác yết-ma ha trách rồi lại tác yết-ma tẫn; tác y chỉ rồi lại ngăn không cho đến nhà bạch y; trao cho pháp cử tội rồi lại cho pháp ba-lợi-bà-sa; cho pháp bổn nhật trị rồi lại cho pháp ma-na-đỏa; cho pháp a-phù-ha-na rồi, lại cho pháp hiện tiền tỳ-ni; cho pháp ức niệm tỳ-ni rồi, lại trao cho pháp bất si tỳ-ni; cho pháp tự ngôn rồi, lại cho pháp mích tội; cho pháp mích tội tướng rồi, lại cho pháp như cỏ che đất. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tác pháp yết-ma chồng. Không được tác yết-ma ha trách rồi lại tác yết-ma tẫn, *cho đến* như cỏ che đất.»

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

---o0o---

3. Túc số Tăng

«Có bốn loại Tăng[658]: Tăng bốn vị, Tăng năm vị, Tăng mười vị, Tăng hai mươi vị.

«Tăng bốn vị: trừ tự tứ, thọ đại giới, xuất tội, còn tất cả các pháp yết-ma như pháp khác đều làm được.

«Tăng năm vị: trừ trường hợp thọ đại giới nơi đô hội, xuất tội, còn tất cả các pháp yết-ma như pháp khác đều làm được.

«Tăng mười vị: chỉ trừ xuất tội, còn tất cả các pháp yết-ma như pháp khác đều làm được.

«Tăng hai mươi vị: tất cả các pháp yết-ma như pháp đều làm được, huống nữa là hơn hai mươi vị.

«Nếu cần bốn vị để tác pháp yết-ma mà thiếu một vị thì yết-ma ấy thành, là phi pháp, phi tỳ-ni. Nếu dùng tỳ-kheo-ni làm người thứ tư, hoặc dùng thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, hoặc người phạm biên tội, hoặc phạm tỳ-kheo-ni, hoặc tặc tâm thọ giới, hoặc phá nội ngoại đạo, hoặc huỳnh môn, hoặc giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc phi nhơn hoặc súc sanh, hoặc người hai căn, hoặc kẻ bị cử, diệt tẫn, hoặc đáng diệt tẫn, người tác yết-ma. Lấy những hạng người như vậy để được túc số bốn vị, thì yết-ma đó phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy. Tăng năm vị, mười vị, hai mươi vị cũng như vậy.»

---o0o---

4. Yết-ma bất thành

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo tác yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Họ tác yết-ma phi pháp biệt chúng, yết-ma phi pháp hòa hợp, yết-ma pháp biệt chúng, yết-ma pháp tương tợ biệt

chúng, yết-ma pháp tương tợ hòa hợp, tác yết-ma ha bất chỉ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tác yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni, không được tác yết-ma phi pháp biệt chúng, không được tác yết-ma phi pháp hòa hợp, không được tác yết-ma pháp biệt chúng, không được tác yết-ma pháp tương tợ biệt chúng, không được tác yết-ma pháp tương tợ hòa hợp, không được tác yết-ma ha bất chỉ.»

---o0o---

1. Thế nào là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni?

Bạch nhị yết-ma mà tác bạch rồi không tác yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch nhị yết-ma, tác hai lần bạch mà không tác yết-ma; tác ba lần bạch mà không tác yết-ma; nhiều lần tác bạch mà không tác yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Bạch nhị yết-ma mà một lần tác bạch hai lần yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch nhị yết-ma mà một lần tác bạch mà ba lần yết-ma, một lần tác bạch mà nhiều lần yết-ma; hai lần tác bạch mà một lần yết-ma, hai lần tác bạch mà hai lần yết-ma; hai lần tác bạch mà ba lần yết-ma; hai lần tác bạch mà nhiều lần yết-ma; ba lần tác bạch mà một lần yết-ma; ba lần tác bạch mà hai lần yết-ma; ba lần tác bạch mà ba lần yết-ma; ba lần tác bạch mà nhiều lần yết-ma; nhiều lần tác bạch mà một lần yết-ma; nhiều lần tác bạch mà hai lần yết-ma; nhiều lần tác bạch mà ba lần yết-ma; nhiều lần tác bạch mà nhiều lần yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Bạch nhị yết-ma mà một lần yết-ma, không tác bạch. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch nhị yết-ma mà hai lần yết-ma không tác bạch, ba lần yết-ma không tác bạch, nhiều lần yết-ma không tác bạch. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Bạch nhị yết-ma mà một lần yết-ma hai lần bạch. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch nhị yết-ma, một lần yết-ma mà ba lần bạch; một lần yết-ma mà nhiều lần bạch; hai lần yết-ma mà một lần bạch; hai lần yết-ma mà hai lần bạch; hai lần yết-ma mà ba lần bạch; hai lần yết-ma mà nhiều lần bạch; ba lần yết-ma mà một lần bạch; ba lần yết-ma mà hai lần bạch; ba lần yết-ma mà ba lần bạch; ba lần yết-ma mà nhiều lần bạch; nhiều lần yết-ma mà một lần bạch; nhiều lần yết-ma mà hai lần bạch; nhiều lần yết-ma mà ba lần bạch; nhiều lần yết-ma mà nhiều lần bạch. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni, không được như vậy.

Bạch nhị yết-ma mà không như pháp tác bạch, không như yết-ma pháp tác yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch tứ yết-ma, mà một lần bạch không tác yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch tứ yết-ma, hai lần bạch mà không tác yết-ma; ba lần bạch mà không tác yết-ma; nhiều lần bạch mà không tác yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni yết-ma. Không được như vậy.

Với bạch tứ yết-ma, một lần bạch mà một lần yết-ma, một lần bạch mà hai lần yết-ma, một lần bạch mà nhiều lần yết-ma; hai lần bạch mà một lần yết-ma, hai lần bạch mà hai lần yết-ma, hai lần bạch mà ba lần yết-ma, hai lần bạch mà nhiều lần yết-ma; ba lần bạch mà một lần yết-ma, ba lần bạch mà hai lần yết-ma, ba lần bạch mà ba lần yết-ma, ba lần bạch mà nhiều lần yết-ma; nhiều lần bạch mà một lần yết-ma, nhiều lần bạch mà hai lần yết-ma, nhiều lần bạch

mà ba lần yết-ma, nhiều lần bạch mà nhiều lần yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch tứ yết ma, một lần tác yết ma mà không tác bạch. Đó là yết ma phi pháp, phi tỳ ni, không được làm.

Với bạch tứ yết-ma, hai lần yết-ma mà không tác bạch, ba lần yết-ma mà không tác bạch, nhiều lần yết-ma mà không tác bạch. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Với bạch tứ yết-ma, một lần yết-ma mà một lần tác bạch, một lần yết-ma mà hai lần tác bạch, một lần yết-ma mà ba lần tác bạch, một lần yết-ma mà nhiều lần tác bạch; hai lần yết-ma mà một lần tác bạch, hai lần yết-ma mà hai lần tác bạch, hai lần yết-ma mà ba lần tác bạch, hai lần yết-ma mà nhiều lần tác bạch; ba lần yết-ma mà một lần tác bạch, ba lần yết-ma mà hai lần tác bạch, ba lần yết-ma mà ba lần tác bạch, ba lần yết-ma mà nhiều lần tác bạch; nhiều lần yết-ma mà một lần tác bạch, nhiều lần yết-ma mà hai lần [887a1] tác bạch, nhiều lần yết-ma mà ba lần tác bạch, nhiều lần yết-ma mà nhiều lần tác bạch. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Tác bạch tứ yết-ma mà không như pháp bạch mà tác bạch, không như pháp ba yết-ma mà tác yết-ma. Đó gọi là yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được như vậy.

Trong đây, có tỳ-kheo thấy không có tội[659]. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy phạm tội, có thấy không?› Vị ấy trả lời: ‹Không thấy.› Bấy giờ tỳ-kheo kia liền cử yết-ma không thấy tội[660]. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trong đây, có tỳ-kheo không có tội phải sám hối[661]. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy phạm tội, nên sám hối.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không sám hối.› Vị kia liền cử yết-ma không sám hối. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trong đây, có tỳ-kheo không có ác kiến không xả. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không xả.› Vị kia liền cử yết-ma không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trong đây, có tỳ-kheo thấy không có tội, và không có tội phải sám hối. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội không? Thầy nên sám hối.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không thấy tội. Tôi không sám hối.› Vị kia liền cử yết-ma không thấy tội không sám hối. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trong đây, có tỳ-kheo thấy không tội, không ác kiến không xả. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy có tội? Có ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không thấy tội. Không có ác kiến không xả.› Vị kia liền cử yết-ma không thấy tội, và ác kiến không xả. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trong đây, có tỳ-kheo không có tội sám hối, không có ác kiến không xả. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội nên sám hối. Có ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không sám hối. Tôi không ác kiến không xả.› Vị kia liền cử yết-ma không sám hối, không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy không tội, không có tội sám hối, không ác kiến không xả. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội? Thầy nên sám hối. Thầy hãy xả ác kiến.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không thấy tội. Tôi không sám hối. Tôi không ác kiến không bỏ.› Vị kia liền cử yết-ma không thấy tội, không sám hối, không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo không tội thấy không tội. Nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội hay không?› Vị ấy trả lời: ‹Thấy.› Tỳ-kheo kia liền cử yết-ma không thấy tội. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo không tội sám hối, nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội nên sám.› Vị ấy trả lời: ‹Sẽ sám hối.› Tỳ-kheo kia liền cử yết-ma không sám hối. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo không ác kiến không xả, nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi sẽ xả.› Vị kia liền cử yết-ma ác kiến không xả. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo không tội, thấy không tội, không sám hối, nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội nên sám hối.› Vị ấy đáp: ‹Tôi thấy tội, sẽ sám hối.› Vị kia liền cử yết-ma không thấy tội, không sám hối. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo không thấy tội, không ác kiến không xả, nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội, ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi thấy tội. Sẽ xả ác kiến.› Vị kia cử yết-ma không thấy tội, không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo không tội sám hối, không ác kiến không xả, nhưng tỳ-kheo kia nói rằng: ‹Thầy có tội sám hối, ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Sẽ sám hối, xả ác kiến.› Vị

kia liền cử yết-ma không sám hối, không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy không tội, không tội sám hối, không ác kiến không xả, nhưng tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội, nên sám hối, ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi thấy tội, sẽ sám hối, xả ác kiến.› Vị kia liền cử yết-ma không thấy tội, không sám hối, ác kiến không bỏ. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy có tội. Các tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội, thấy không?› Vị ấy trả lời: ‹Thấy.› Nhưng vị kia liền cử yết-ma không thấy tội. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo có tội sám hối. Các tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội nên sám hối.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi sẽ sám hối.› Nhưng vị kia liền cử yết-ma không sám hối. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo có ác kiến không xả, các tỳ-kheo nói rằng: ‹Thầy có ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Sẽ xả.› Nhưng vị kia liền cử yết-ma không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy có tội, có tội nên sám hối. Các tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy có tội nên sám hối.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi thấy có tội sẽ sám hối.› Nhưng vị kia liền tác yết-ma bất kiến tội, bất sám hối. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy có tội, có ác kiến không xả. Các tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy có tội. Ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi thấy tội. Sẽ xả ác kiến.› Nhưng tỳ-kheo kia liền cử yết-ma không thấy tội, ác kiến không xả. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo có tội sám, có ác kiến không xả. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội nên sám hối. Ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi sẽ sám hối. Sẽ xả ác kiến.› Nhưng vị kia liền cử yết-ma bất kiến sám hối, bất xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy có tội sám hối, ác kiến không xả. Các tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy tội. Nên sám hối. Ác kiến nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi thấy tội. Sẽ sám hối. Xả ác kiến.› Nhưng vị kia cử yết-ma không thấy tội, không sám hối, không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni. Không được làm vậy.

Đó là những yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni.

---o0o---

2. Thế nào là yết-ma như pháp như tỳ-ni?

Bạch nhị yết-ma, như pháp bạch mà tác bạch, như pháp yết-ma mà tác yết-ma. Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.

Bạch tứ yết-ma, như pháp bạch mà tác bạch, như pháp yết-ma mà tác yết-ma. Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.

Trường hợp, có tỳ-kheo thấy có tội[662], tỳ-kheo khác hỏi rằng: ‹Thầy có tội, thấy không?› Vị ấy trả lời: ‹Không thấy.› Vị kia liền cử yết-ma không thấy tội. Đức Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.»

Trường hợp có tỳ-kheo có tội nên sám hối. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội nên sám hối.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không sám hối.› Vị kia liền cử yết-ma không sám hối. Đức Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. [887a1] Nên làm như vậy.»

Trường hợp có tỳ-kheo ác kiến không xả. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Không xả.› Vị kia liền cử yết-ma ác kiến không xả. Đức Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.»

Trường hợp có tỳ-kheo thấy có tội, có tội sám hối. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy có tội. Có tội sám hối.› Vị ấy trả lời: ‹Không thấy. Không sám hối.› Vị kia liền như điều vị ấy phạm, tác yết-ma không thấy tội, không sám hối, đức Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.»

Trường hợp có tỳ-kheo thấy có tội, có ác kiến không xả. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội. Có ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không thấy tội, ác kiến không xả.› Vị kia liền như điều vị ấy phạm, tác yết-ma không thấy tội, ác kiến không xả, Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.»

Trường hợp có tỳ-kheo thấy có tội, sám hối, ác kiến không xả. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy có tội. Nên sám hối. Ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không sám hối. Không xả ác

kiến.› Vị kia liền như điều vị ấy phạm tác yết-ma không sám hối, không xả ác kiến, đức Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.»

Trường hợp có tỳ-kheo thấy có tội sám hối, ác kiến không xả. Tỳ-kheo khác nói rằng: ‹Thầy thấy có tội. Nên sám hối. Ác kiến, nên xả.› Vị ấy trả lời: ‹Tôi không thấy tội. Không sám hối. Không xả ác kiến.› Vị kia liền như điều vị ấy phạm tác yết-ma không thấy tội, không sám hối, không xả ác kiến. Đức Phật dạy:

«Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Nên làm như vậy.»

Tất cả những yết-ma đó đều như pháp như tỳ-ni.

---o0o---

3. Thế nào là yết-ma phi pháp biệt chúng?

Khi yết-ma đồng một trú xứ, có vị không đến, đáng ra nên dữ dục nhưng không dữ dục. Người hiện tiền có quyền ngăn bèn ngăn. Vị kia tác bạch nhị yết-ma, nhưng lại tác bạch tứ yết-ma; bạch việc này mà lại tác yết-ma vì việc kia. Đó gọi là yết-ma phi pháp và biệt chúng.

---o0o---

4. Thế nào là yết-ma phi pháp hòa hợp?

Trường hợp đồng một trú xứ, hòa hợp một chỗ để yết-ma, người nên dữ dục thì dữ dục, người hiện tiền được phép ngăn thì không ngăn. Vị kia tác bạch nhị yết-ma, lại tác bạch tứ yết-ma; bạch việc này mà lại tác yết-ma vì việc kia. Đó là yết-ma phi pháp nhưng hòa hợp.

---o0o---

5. Thế nào là yết-ma như pháp biệt chúng?

Khi yết-ma đồng một trú xứ, có vị không đến, người nên dữ dục lại không dữ dục, người hiện tiền được phép ngăn thì ngăn. Vị kia tác bạch nhị, bạch tứ yết-ma như pháp tác. Đó là yết-ma như pháp nhưng biệt chúng.

---o0o---

6. Thế nào là yết-ma pháp tương tợ biệt chúng?

Đồng một trú xứ khi yết-ma, có người không đến, nên dữ dục mà không dữ dục, người hiện tiền có quyền ngăn bèn ngăn. Tác bạch nhị, bạch tứ yết-ma, (đúng pháp nhưng), trước tác yết-ma sau mới tác bạch. Đó là yết-ma tương tợ như pháp, và biệt chúng.

---o0o---

7. Thế nào là yết-ma pháp tương tợ hòa hợp?

Đồng một trú xứ khi yết-ma, có người không đến thì dữ dục, người hiện tiền được phép ngăn thì không ngăn. Bạch nhị, bạch tứ yết-ma, trước tác yết-ma sau mới tác bạch. Đó là yết-ma tương tợ như pháp, nhưng hòa hợp.

---o0o---

5. Ngăn yết-ma

Những hạng người nào ngăn[663] thành ngăn? Hoặc có người ngăn thành ngăn, có người ngăn không thành ngăn?

Người nào ngăn không thành ngăn?

Tỳ-kheo tác yết-ma, tỳ-kheo-ni ngăn, không thành ngăn. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni; hoặc nói phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, hoặc tặc tâm thọ giới, hoặc phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha mẹ, giết A-la-hán, ác tâm làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng, phi nhơn, súc sanh,

hai căn, hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc nên diệt tẫn, hoặc ở trên giới trường, hoặc tác biệt trú, hoặc dùng thần túc ở trên không, hoặc ẩn hình, hoặc lìa chỗ thấy, nghe, hoặc vị làm yết-ma. Những người như vậy ngăn, không thành ngăn.

Thế nào gọi là ngăn thành ngăn?

Thiện tỳ-kheo đồng ở trong một giới, không ở trên hư không, không ẩn hình, không lìa chỗ nghe thấy, *cho đến* nói tỳ-kheo ngồi gần. Những hạng người như vậy ngăn, thành ngăn. Đó là ngăn yết-ma.

Lúc bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

«Đáng làm yết-ma ha trách mà cho làm yết-ma tẫn; yết-ma có như pháp như tỳ-ni không?»

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

«Đó không phải là yết-ma như pháp.»

Ưu-ba-ly lại bạch Phật rằng:

«Nên trao cho yết-ma ha trách, mà trao cho pháp yết-ma y chỉ, hay là pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, cho đến như cỏ che đất, như vậy yết-ma có như pháp như tỳ-ni không?»

Đức Phật dạy:

«Không như pháp. Không được, đáng cho pháp yết-ma ha trách mà lại trao cho pháp yết-ma tẫn, cho đến như cỏ che đất. Đó là yết-ma phi pháp phi tỳ-ni. Không được làm như vậy. Cũng vậy *cho đến* như cỏ che đất đều là yết-ma phi pháp phi tỳ-ni. Không được làm như vậy.»

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

«Đáng làm yết-ma ha trách thì nên cho làm pháp yết-ma ha trách. Đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni, nên làm. Cũng vậy, *cho đến*yết-ma như cỏ che đất, đều là yết-ma như pháp như tỳ-ni, nên làm.

Lúc bấy giờ, có trú xứ nọ, chúng Tăng cho tỳ-kheo yết-ma ha trách[664], mà lại làm yết-ma phi pháp biệt chúng. Chúng Tăng khác nghe[665] Tăng cho tỳ-kheo yết-ma ha trách mà lại làm yết-ma phi pháp biệt chúng, nên yết-ma không thành, bèn nói, «Chúng ta hãy cùng tác yết-ma ha trách.» Liền tác yết-ma ha trách phi pháp hòa hợp.

Lại có chỗ khác[666], Tăng nghe chúng Tăng kia cho tỳ-kheo yết-ma ha trách phi pháp hòa hợp, nên yết-ma không thành; bèn nói, «Chúng ta hãy làm yết-ma ha trách.» Họ liền làm yết-ma ha trách như pháp biệt chúng.

Tăng chỗ khác nghe, chúng Tăng kia cho tỳ-kheo yết-ma ha trách, yết-ma như pháp biệt chúng, nên yết-ma không thành; bèn nói, «Chúng ta hãy làm pháp yết-ma ha trách.» Liền tác yết-ma ha trách, pháp tương tợ biệt chúng.

Tăng chỗ khác nghe, chúng Tăng kia cho tỳ-kheo yết-ma ha trách, pháp tương tợ biệt chúng nên yết-ma không thành; bèn nói, «Chúng ta hãy tác yết-ma ha trách.» Yết-ma như pháp tương tợ hòa hợp.

Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào?» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Các yết-ma như trên không như pháp, không thành tựu. Tất cả những yết-ma nào như vậy đều không thành tựu.»

Lúc bấy giờ, có trú xứ nọ chúng Tăng vì tỳ-kheo tác yết-ma phi pháp biệt chúng. Khi ấy trong Tăng có nhiều tranh tụng nhau. Có vị nói yết-ma phi pháp biệt chúng, có vị nói phi pháp hòa hợp, có vị nói pháp biệt chúng, có vị nói pháp

tượng tợ biệt chúng, có vị nói pháp tương tợ hòa hợp, có vị nói yết-ma thành tựu, có vị nói không thành tựu. Các tỳ-kheo không biết như thế nào, báo lại tỳ-kheo khác, đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trú xứ kia, chúng Tăng vì tỳ-kheo tác yết-ma ha trách, phi pháp biệt chúng. Khi ấy trong Tăng có nhiều tranh tụng nhau. Có vị nói yết-ma phi pháp biệt chúng, *cho đến*, có vị nói yết-ma thành tựu, có vị nói không thành tựu. Trong tăng, vị nào nói phi pháp biệt chúng, thì đây là lời nói đúng pháp. *Cho đến* vị nào nói pháp tương tợ hòa hợp, thì đây cũng là lời nói đúng pháp.»

Lúc bấy giờ [889a1], Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

«Nếu có tỳ-kheo trước đó Tăng trao cho pháp yết-ma, sau đó chúng Tăng cho giải. Như vậy có thành giải hay không thành giải?»

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

«Hoặc thành, hoặc không thành.»

Ưu-ba-ly lại hỏi:

«Thế nào là thành, thế nào là không thành?»

Đức Phật dạy:

«Này Ưu-ba-ly, có mười ba hạng người[667], trước đó Tăng vì họ tác yết-ma, thì không thành giải. Trừ mười ba hạng người này ra, còn các người khác, tác yết-ma rồi, nếu Tăng trao cho pháp giải thì thành giải.»

Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

«Nếu trước đó Tăng vì họ tác yết-ma, rồi cho yết-ma giải. Khi ấy, người bị đuổi, có trở thành bị đuổi hay không?»

Đức Phật dạy:

«Hoặc thành đuổi, hoặc không thành đuổi. Đối với mười ba hạng người, nếu tác yết-ma rồi đuổi thì thành đuổi. Ngoài mười ba hạng người này ra, các người khác tác yết-ma, sau yết-ma giải thì được giải. Khi ấy, nếu đuổi thì không thành đuổi.

---o0o---

CHƯƠNG XI - KHIỂN TRÁCH[668]

1. Khiển trách

[889a14] Phật ở tại nước Xá-vệ. Có hai tỳ-kheo, một vị tên là Trí Tuệ, một vị tên là Lô-hê-na[669], thích tranh tụng, mạ lỵ nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, tìm tòi sở trường, sở đoản của nhau. Các vị ấy tự mình gây gổ, mạ lỵ nhau. Nhưng nếu có các tỳ-kheo khác nào tranh tụng nhau, thì liền đến chỗ họ để khuyến khích rằng: «Các Thầy hãy cố gắng cho tốt lên, chớ để thua họ. Các thầy đa văn trí tuệ, của cải cũng hơn, được nhiều người biết đến. Chúng tôi đứng về phía các thầy.» Do đó, trong Chúng nếu chưa có sự đấu tranh liền phát sanh sự đấu tranh; đã có sự đấu tranh rồi thì không thể nào diệt trừ được.

Các tỳ-kheo nghĩ như vầy: «Vì lí do gì trong Chúng nếu chưa có sự đấu tranh liền phát sanh sự đấu tranh; đã có sự đấu tranh rồi thì không thể nào diệt trừ được?» Các tỳ-kheo tìm hiểu, biết do hai tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na thích gây gổ, mạ lỵ nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, tìm tòi sở trường, sở đoản của nhau. Các vị ấy tự mình gây gổ, mạ lỵ nhau. Nhưng nếu có các tỳ-kheo khác nào gây gổ nhau, thì liền đến chỗ họ để khuyến khích rằng: ‹Các Thầy hãy cố gắng cho tốt lên, chớ để thua họ. Các thầy đa văn trí tuệ, của cải cũng hơn, được nhiều người biết đến. Chúng tôi đứng về phía các thầy.› Do đó, trong Chúng nếu chưa có sự đấu tranh liền phát sanh sự đấu tranh; đã có sự đấu tranh rồi thì không thể nào diệt trừ được.»

Bấy giờ trong chúng có tỳ-kheo nghe biết, là vị thiểu dục tri túc, tu hạnh đầu-đà, ưa học giới, có tàm quý, hiềm trách hai tỳ-kheo kia rằng: «Sao các thầy thích gây gổ, mạ lỵ nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, khiến cho Tăng xảy ra sự tranh cãi không thể nào diệt trừ được?»

Bấy giờ các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn đem nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách hai tỳ-kheo kia:

«Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không được làm. Này Trí Tuệ và Lô-hê-na, sao các ông thích gây gổ, mạ lỵ nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, khiến cho Tăng xảy ra sự tranh cãi không thể nào diệt trừ được?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện ha trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép các tỳ-kheo trao cho Trí Tuệ và Lô-hê-na pháp ha trách[670] bằng bạch tứ yết-ma. Nên họp Tăng, họp Tăng xong, đối với Trí Tuệ... tác cử, tác cử rồi vì họ tác ức niệm, tác ức niệm rồi cho tội[671]. Trong Chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Hai tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na này thích tranh tụng, mạ lỵ nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, tìm tòi sở trường, sở đoản của nhau. Các vị ấy tự mình gây gổ, mạ lỵ nhau. Nhưng nếu có các tỳ-kheo khác nào tranh tụng nhau, thì liền đến chỗ họ để khuyến khích rằng: ‹Các thầy hãy cố gắng cho tốt lên, chớ để thua họ. Các thầy đa văn trí tuệ, của cải cũng hơn, được nhiều người biết đến. Chúng tôi đứng về phía các thầy.› Do đó, trong Chúng nếu chưa có sự đấu tranh liền phát sanh sự đấu tranh; đã có sự đấu tranh rồi thì không thể nào diệt trừ được. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp

thuận, Tăng đối với hai tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na tác yết-ma ha trách. Nếu sau này còn đấu tranh, mạ lỵ nữa, thì chúng Tăng sẽ tăng thêm tội để trị. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Hai tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na này thích tranh tụng, mạ lỵ nhau, miệng tuôn ra những lời như đao như kiếm, tìm tòi sở trường, sở đoản của nhau. Các vị ấy tự mình gây gổ, mạ lỵ nhau. Nhưng nếu có các tỳ-kheo khác nào tranh tụng nhau, thì liền đến chỗ họ để khuyến khích rằng: ‹Các thầy hãy cố gắng cho tốt lên, chớ để thua họ. Các thầy đa văn trí tuệ, của cải cũng hơn, được nhiều người biết đến. Chúng tôi đứng về phía các thầy.› Do đó, trong Chúng nếu chưa có sự đấu tranh liền phát sanh sự đấu tranh; đã có sự đấu tranh rồi thì không thể nào diệt trừ được. Tăng đối với hai tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na tác pháp yết-ma ha trách. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho hai tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na pháp yết-ma ha trách, nếu sau này đấu tranh lại, mạ lỵ nhau nữa, chúng Tăng sẽ tăng thêm tội để trị, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận đối với Trí Tuệ và Lô-hê-na tác pháp yết-ma ha trách rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Người bị tác yết-ma ha trách rồi, có năm việc không được làm: 1. Không được trao đại giới cho người. 2. Không được nhận người y chỉ. 3. Không được nuôi sa-di. 4. Không được nhận Tăng sai giáo thọ tỳ-kheo-ni. 5. Nếu Tăng đã sai rồi, không được giáo thọ. Đó là năm việc không được làm khi yết-ma ha trách rồi.

Lại có năm việc không được làm nữa: 1. Không được thuyết giới. 2. Chúng Tăng hỏi nghĩa tỳ-ni, không được đáp. 3. Chúng Tăng sai làm yết-ma, không được làm. 4. Chúng Tăng chọn người trí tuệ họp để bình luận việc của Chúng, không

được dự. 5. Chúng Tăng sai người làm tín mạng, không được làm. Đó là năm việc không được làm sau khi yết-ma ha trách rồi.

Lại có năm việc không được làm nữa: 1. Không được vào tụ lạc quá sớm. 2. Không được về quá muộn. 3. Phải gần gũi tỳ-kheo, không được gần gũi người ngoại đạo. 4. Phải khéo thuận tùng lời dạy của các tỳ-kheo. 5. Không được nói quanh co[672]. Đó là năm việc không được làm khi ha trách rồi.

Lại có năm việc không được làm nữa: 1. Chúng Tăng tùy theo việc phạm giới đã tác yết-ma ha trách rồi thì không được phạm lại tội đó. 2. Cũng không được phạm các tội khác. 3. Hoặc tương tợ hoặc từ giới này mà sanh. 4. Hoặc nặng hơn tội này. 5. Không được chỉ trích yết-ma và người tác yết-ma. Đó là năm việc không được làm khi bị ha trách rồi.

Lại có năm việc không được làm nữa: 1. Thiện tỳ-kheo trải chỗ ngồi cúng dường, không được nhận. 2. Không được nhận người khác rửa chân cho. 3. Không được nhận người khác đặt đồ rửa chân cho. 4. Không được nhận người khác lau giày dép cho. 5. Không được nhận người khác xoa chà thân thể cho. Khi đã tác yết-ma ha trách rồi, không được làm những việc trên.

Lại có năm việc không được làm nữa: 1. Không được nhận thiện tỳ-kheo lễ bái. 2. Không được nhận thiện tỳ-kheo chấp tay. 3. Không được nhận thiện tỳ-kheo chào hỏi. 4. Không được nhận thiện tỳ-kheo nghinh đón. 5. Không được nhận thiện tỳ-kheo cầm y bát cho. Khi đã yết-ma ha trách rồi, không được làm năm việc trên.

Lại có năm việc không được làm: 1. Không được cử tội thiện tỳ-kheo. 2. Không được tác ức niệm, tác tự ngôn[673] đối với thiện Tỳ-kheo. 3. Không được làm chứng việc người khác. 4. Không được ngăn bố-tát, tự tứ. 5. Không được cùng thiện tỳ-

kheo tranh tụng. Đó là năm việc người bị ha trách rồi không được làm.

Phải chấp hành như vậy.

Chúng Tăng đối với Trí Tuệ và Lô-hê-na tác pháp ha trách bằng bạch tứ yết-ma rồi, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy [890a1]:

«Có ba pháp tác yết-ma ha trách phi pháp phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu: Không nêu tội, không tác ức niệm, không phục thủ tội.[674]

«Lại có ba việc: không phạm tội, không thuộc tội cần sám hối[675], hoặc phạm tội nhưng đã sám hối rồi.

«Lại có ba việc: không tác cử, phi pháp, biệt chúng.

«Lại có ba việc: không tác ức niệm, phi pháp, biệt chúng.

«Lại có ba việc: không phục tội[676], phi pháp, biệt chúng.

«Lại có ba việc: không phạm, phi pháp, biệt chúng.

«Lại có ba việc: phạm tội không cần sám hối, phi pháp, biệt chúng.

«Lại có ba việc: phạm tội nhưng đã sám hối rồi, phi pháp, biệt chúng.

«Lại có ba việc: không hiện tiền[677], phi pháp, biệt chúng. Ba pháp như vậy, tác yết-ma ha trách, phi pháp, phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu.

«Có ba việc tác yết-ma ha trách, như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu. Ba việc ấy là gì? Tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn.

«Lại có ba việc: phạm tội, thuộc tội phải sám tội, phạm chưa sám tội.

«Lại có ba việc: Tác cử, như pháp, hòa hợp. Tác ức niệm, như pháp, hòa hợp[678]. Tác tự ngôn, như pháp, hòa hợp. Phạm tội, như pháp, hòa hợp. Thuộc tội phải sám hối, như pháp, hòa hợp. Có phạm mà chưa sám hối, như pháp hòa hợp. Có hiện tiền, như pháp, hòa hợp. Đó là (những) ba pháp tác yết-ma ha trách như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu.

«Có năm pháp tác yết-ma ha trách phi pháp phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu: Không hiện tiền, không tự ngôn, nhắm người thanh tịnh, biệt chúng. Đó là năm việc tác yết-ma ha trách, phi pháp phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu.

«Có năm pháp tác pháp ha trách như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu. Năm pháp ấy là gì? Hiện tiền, tự ngôn, nhắm người không thanh tịnh, pháp hòa hợp. Đó là năm pháp tác yết-ma ha trách như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu.»

Khi chúng Tăng đang bữa tiểu thực hay bữa ăn chính, hoặc nói pháp, hoặc bố-tát, người bị yết-ma ha trách sửa y phục ngay thẳng, cởi bỏ giày dép, đứng qua một bên, quỳ gối, chấp tay bạch như sau:

«Xin đại đức nhận sự sám hối của tôi.»

«Từ nay về sau, tự trách tâm mình. Thôi, không tái phạm nữa.»

Bấy giờ, tỳ-kheo Trí Tuệ và Lô-hê-na tùy thuận chúng Tăng, không chống trái, cần cầu giải yết-ma ha trách. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu đã tùy thuận chúng Tăng, không chống trái, mà cần cầu giải yết-ma, thì cho phép giải bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

«Có năm pháp không được giải yết-ma ha trách: vì trao đại giới cho người, *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Người bị ha trách có năm việc như vậy không được vì họ giải yết-ma ha trách[679].

«Có năm pháp nên giải: Không trao đại giới cho người, *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Người bị yết-ma ha trách có năm pháp như vậy thì nên giải.»

Nên giải như vầy: Người bị yết-ma ha trách nên đến giữa chúng Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là tỳ-kheo tên... Tăng trao cho pháp yết-ma ha trách. Nay tôi thuận tùng chúng Tăng, không chống trái, cầu xin chúng Tăng giải yết-ma ha trách. Cúi xin Tăng dũ lòng thương, vì tôi giải yết-ma ha trách.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch như vậy.

Trong Chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... đã bị Tăng yết-ma ha trách. Tỳ-kheo kia tùy thuận chúng Tăng, không chống trái, cần cầu chúng Tăng giải yết-ma ha trách. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận giải yết-ma ha trách, cho tỳ-kheo... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên... đã bị Tăng tác yết-ma ha trách, tỳ-kheo kia tùy thuận chúng Tăng không chống trái. Nay đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma ha trách. Nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma ha trách. Trưởng lão nào đồng ý Tăng vì tỳ-kheo... giải yết-ma ha trách, thì im lặng. Vị nào không đồng ý hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

«Tăng đã đồng ý giải yết-ma ha trách cho tỳ-kheo... rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

2. Tẫn xuất

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ ở nước Ky-ly-na[680] có hai cựu tỳ-kheo, một vị tên A-thấp-tỳ, vị thứ hai tên Phú-na-bà-sa[681]. Tại nước Kỳ-ly-na họ đã có hành vi xấu, làm hoen ố nhà người. Hành vi xấu mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Họ làm những hành vi xấu như sau: tự mình trồng bông, trồng cây, bảo người trồng; tự mình tưới nước, bảo người tưới nước; tự mình hái hoa, bảo người hái hoa; tự mình làm tràng hoa, bảo người làm tràng hoa; tự mình mang các loại hoa đi, bảo người mang các loại hoa đi. Đến nhà bạch y có con trai, con gái, đồng ngồi trên một giường, đồng ăn trong một bát, đồng uống một ly; ca múa, vui đùa, làm các trò kỹ nhạc. Nếu có người khác làm thì liền xướng họa theo; hoặc thổi bằng miệng, hoặc đánh đàn, đánh trống, thổi sáo, hoặc thổi ống bối, hoặc làm tiếng chim khổng tước, hoặc làm tiếng con hạc, hoặc chạy hoặc đi nhót chân, hoặc huýt gió, hoặc hát chèo, hoặc làm tiếng chim đùa giỡn.

Bấy giờ, có một số đông tỳ-kheo từ nước Già-thi du hành trong nhân gian, đến nước Kỳ-ly-na. Sáng sớm khoác y, bưng bát, vào thành khất thực, bước đi khi tiến, khi dừng, oai nghi rõ nét, mắt nhìn ngay thẳng, cúi ngước, co duỗi thong thả; khoác y, bưng bát, nhìn thẳng trước bước đi, các căn không loạn; khất thực tại nước Kỳ-ly-na. Các cư sĩ thấy vậy nói như vầy: «Đây là những người nào, mà nhìn ngay, không giỡn cười, không liếc ngó hai bên, không gần gũi vui đùa, cũng không chào hỏi nhau? Chúng ta không nên cho những người này ăn. Họ không như sa-môn của chúng ta là A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta, không cần nhìn ngay thẳng, nói

đùa cười giỡn, nhìn ngó bên này bên kia, cùng nhau vui nhộn, hỏi chào an ủi nhau. Người như vậy chúng ta sẽ cho đồ ăn.» Bấy giờ các tỳ-kheo ở nước Kỳ-ly-na khất thực khó được no đủ. Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: «Nơi đây có cựu trú tỳ-kheo xấu. Tỳ-kheo xấu ở, nên tỳ-kheo tốt bị xa lánh. Họ làm các hành vi xấu như trồng các loại cây bông, *cho đến* nhận làm các sứ giả cho người.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo từ nước Kỳ-ly-na du trong hành nhân gian trở về nước Xá-vệ, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn an ủi các tỳ-kheo:

«Các thầy sống có được hòa hợp an lạc không? Không vì vấn đề ăn uống mà vất vả chăng?»

Các tỳ-kheo bạch Phật rằng:

«Chúng Tăng sống được hòa hợp an lạc. Chúng con từ nước Già-thi du hành nhân gian, đến nước Kỳ-ly-na.» Trình bày đầy đủ nhơn duyên lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lúc bấy giờ dùng vô số phương tiện quở trách rằng:

«Các ông đó làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta, tại sao các ông đó làm ô uế nhà người, có hành vi xấu? Sự làm hoen ố nhà người, ai cũng thấy, ai cũng nghe; hành vi xấu, ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đó làm các hành vi xấu như trồng các loại hoa, các loài cây tạp, *cho đến* nhận làm sứ giả của người.»

Lúc bấy giờ, Thế Tôn ha trách A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta, rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Cho phép Tăng vì A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta tác pháp tẫn[682] bằng bạch tứ yết-ma.»

Nên làm như vầy: Tập tăng rồi, vì A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta tác cử [891a1], tác cử rồi tác ức niệm, tác ức niệm rồi trao cho tội trạng. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta này ở tại nước Kỳ-ly-na làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận đối với A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta tác yết-ma tẫn. Nói rằng, ‹Các ngươi làm hoen ố nhà người, làm hành vi xấu. Các ngươi làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ngươi nên rời khỏi trú xứ này, không được ở đây nữa.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta này ở tại nước Kỳ-ly-na làm hoan ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận đối với A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta tác yết-ma tẫn. Nói rằng, ‹Các ngươi làm hoen ố nhà người, làm hành vi xấu. Các ngươi làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ngươi nên rời khỏi trú xứ này, không được ở đây nữa.› Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đối với hai Tỳ-kheo A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta tác pháp yết-ma tẫn thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận vì A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta tác pháp yết-ma tẫn rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Người bị tác yết-ma tẫn có năm pháp không được làm: Không được trao giới cụ túc cho người, *cho đến* không được cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh[683]. Nên tác pháp như pháp yết-ma ha trách trên, chỉ trừ ở chỗ ‹trong chúng khác thuyết giới.›[684]

Chúng Tăng đã tác pháp tẫn bằng bạch tứ yết-ma cho hai tỳ-kheo A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-ta rồi. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Có ba pháp và năm pháp tác yết-ma tẫn phi pháp phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu như trên[685]. Có ba pháp và năm pháp tác yết-ma tẫn như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu như trên.

Tỳ-kheo bị tẫn kia không được gọi mà tự đến trong cương giới. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được tự đến trong cương giới. Cho phép ở ngoài cương giới khi chưa được gọi, sai người đáng tin cậy đến trong Tăng, bạch Đại đức Tăng xin sám hối, từ nay về sau tự trách lòng mình không để tái phạm.»

Tỳ-kheo A-thấp-tỳ kia đã tùy thuận chúng Tăng không dám chống trái, đến Tăng cầu xin giải yết-ma tẫn. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu đã tùy thuận chúng Tăng, không còn chống trái nữa, thì nên đến Tăng cầu xin giải yết-ma tẫn. Nên bạch tứ yết-ma giải.»

«Có năm pháp không nên giải yết-ma tẫn: Trao đại giới cho người, *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.

«Lại có năm pháp nên giải yết-ma tẫn: Không trao đại giới cho người *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.»

Giải như vầy: Tỳ-kheo bị tẫn kia đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con là tỳ-kheo tên... Tăng đã trao cho con pháp yết-ma tẫn, nay con đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch nữa, đến Tăng cầu xin giải yết-ma tẫn, cúi xin Tăng dũ lòng thương xót, vì con mà giải yết-ma tẫn.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... này, Tăng đã trao pháp yết-ma tẫn, nay tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch nữa, đến Tăng cầu xin giải yết-ma tẫn. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma tẫn. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên... Tăng đã được tác yết-ma tẫn, nay tùy thuận chúng Tăng không dám chống trái nữa, đến giữa Tăng cầu xin tăng giải yết-ma tẫn. Nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma tẫn. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng vì tỳ-kheo... giải yết-ma tẫn, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như trên.

«Tăng đã vì tỳ-kheo... giải yết-ma tẫn rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

3. Y chỉ

Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là Tăng-sô[686], ngu si không hiểu biết, phạm rất nhiều tội; sống lẫn lộn với các bạch y, gần gũi chung chạ, không hợp với Phật pháp.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo Tăng-sô: «Thầy ngu si không hiểu biết, phạm rất nhiều tội. Sao lại sống lẫn lộn với các bạch y, gần gũi chung chạ, không hợp với Phật pháp?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Bấy giờ, đức Thế Tôn tập họp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện ha trách tỳ-kheo Tăng-sô:

«Ông đã làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại sống lẫn lộn với các bạch y, gần gũi chung chạ, không hợp với Phật pháp?»

Quở trách rồi đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép Tăng vì tỳ-kheo Tăng-sô tác pháp y chỉ[687] bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Tác pháp như vầy: Họp Tăng. Tăng họp rồi tác cử. Tác cử rồi tác ức niệm. Tác ức niệm rồi cho tội. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Tăng-sô này ngu si không hiểu biết, phạm rất nhiều tội; sống lẫn lộn với các bạch y, gần gũi chung chạ, không hợp với Phật pháp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho tỳ-kheo Tăng-sô pháp yết-ma y chỉ. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Tăng-sô ngu si không hiểu biết, phạm rất nhiều tội; sống lẫn lộn với các bạch y, gần gũi chung chạ, không hợp với Phật pháp. Nay Tăng vì tỳ-kheo Tăng-sô tác pháp yết-ma y chỉ. Các Trưởng lão nào chấp thuận vì tỳ-kheo Tăng-sô này tác pháp yết-ma y chỉ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận vì tỳ-kheo Tăng-sô tác yết-ma y chỉ rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tác yết-ma y chỉ, năm việc không được làm: Không được trao đại giới cho người, *cho đến* không cùng với thiện tỳ-kheo đấu tranh[688]. Nên làm như vậy. Chúng Tăng đã trao cho tỳ-kheo Tăng-sô tác yết-ma y chỉ bằng pháp bạch tứ yết-ma rồi. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có ba pháp và năm pháp được tác yết-ma y chỉ, không được tác yết-ma y chỉ, như trên.»

Vị kia xưng địa phương tác yết-ma y chỉ. Địa phương kia bị phá hoại, nhân dân phản loạn. Đức Phật dạy:

«Không được xưng địa phương tác yết-ma y chỉ.»

Vị kia xưng quốc độ tác yết-ma y chỉ. Quốc độ kia bị phá hoại, nhân dân tán loạn. Đức Phật dạy:

«Không được xưng quốc độ tác yết-ma y chỉ.»

Vị kia xưng trú xứ tác yết-ma y chỉ. Trú xứ kia nhân dân phá hoại. Đức Phật dạy:

«Không được xưng trú xứ tác yết-ma y chỉ.»

Vị kia xưng người tác yết-ma y chỉ. Người kia hoặc bị phá giới, hoặc bị phá kiến, hoặc phá oai nghi, hoặc bị cử, hoặc bị diệt tẫn, hoặc bị nên diệt tẫn, không thể tăng ích cho pháp Sa-môn, Phật [892a1] dạy:

«Không được xưng người tác yết-ma y chỉ.»

Vị kia xưng an cư tác yết-ma y chỉ. Người bị yết-ma kia trong an cư đắc trí tuệ. Đức Phật dạy:

«Không được xưng an cư tác yết-ma y chỉ, mà cho phép nói rằng: ‹Ngươi hãy thọ y chỉ, nương theo mà sống.›»

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo Tăng-sô đến chỗ tỳ-kheo thân hậu đa văn trí tuệ, giỏi về việc ăn nói, ở trong tụ lạc xin học phép tỳ-ni. Trong khi an cư đặng trí tuệ, tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến trước Tăng xin giải yết-ma y chỉ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo Tăng-sô tùy thuận Chúng Tăng, không dám trái nghịch, đến trước Chúng Tăng, cầu xin giải yết-ma y chỉ thì nên cho giải bằng pháp bạch tứ yết-ma.

«Có năm pháp không được giải yết-ma y chỉ: Trao đại giới cho người, *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.

«Có năm pháp cho giải yết-ma y chỉ: Không trao đại giới cho người *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Năm pháp như vậy nên cho giải yết-ma y chỉ.»

Nên giải như vầy: Vị bị tác pháp yết-ma y chỉ nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tỳ-kheo tên là... Tăng đã trao cho con pháp yết-ma y chỉ. Nay con tùy thuận Chúng Tăng đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma y chỉ. Cúi xin Tăng dũ lòng thương vì con giải yết-ma y chỉ.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã được Tăng trao cho pháp yết-ma y chỉ. Tỳ-kheo kia đã tùy thuận Chúng, không dám trái phạm nữa, (nay) đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma y chỉ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng,

Tăng chấp thuận, nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma y chỉ. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã được Tăng trao cho yết-ma y chỉ, nay tùy thuận Chúng Tăng, không dám trái phạm nữa, đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma y chỉ. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo tên... pháp yết-ma giải y chỉ. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo... pháp yết-ma giải y chỉ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo tên... pháp yết-ma giải y chỉ rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

4. Hạ ý

Đức Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên cùng năm trăm tỳ-kheo ở nước Già-thi du hành trong nhơn gian đến nơi Mật lâm[689]. Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên ở trong vườn A-ma-lê[690]. Cư sĩ Chất-đa-la[691] nghe hai Tôn giả du hành nhơn gian đến nơi Mật lâm hiện đang ở trong vườn A-ma-lê. Người cư sĩ kia đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên, đảnh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên vì cư sĩ nói các pháp khai hóa, khiến được hoan hỷ. Khi cư sĩ nghe Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên nói pháp mở bày hoan hỷ rồi, bạch rằng: «Xin Đại đức cùng Chúng Tăng nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai.» Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên nhận lời bằng cách im lặng. Cư sĩ biết Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên đã hứa khả rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ rồi cáo lui.

Về đến nhà, cư sĩ sắm sửa đủ các loại đồ ăn thức uống ngon bổ nhất trong thế gian, không thiếu một thứ gì.

Bấy giờ, trong vườn A-ma-lê, tỳ-kheo cựu trú tên là Thiện Pháp[692] nghĩ như vầy: «Ta hãy đến nhà cư sĩ Chất-đa-la xem coi ông ta sửa soạn đồ ăn thức uống, làm thức ăn cho tỳ-kheo khách như thế nào; làm thức ăn cho tỳ-kheo cựu trú như thế nào?»

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo cựu trú Thiện Pháp liền đến nhà cư sĩ, đến chỗ làm thức ăn để xem coi thì thấy họ sửa soạn đầy đủ các đồ ăn thức uống tối thượng trong thế gian, không thiếu một thứ gì. Thấy rồi, ông nói như vầy: «Cư sĩ làm các thứ đồ ăn thức uống cho tỳ-kheo khách và làm các thứ đồ ăn thức uống vì cựu trú tỳ-kheo khác nhau.»

Rồi ông khởi tâm ganh tị, sân hận, liền nói những lời ác như vầy:

«Trong các thứ đồ ăn thức uống mà cư sĩ sắm sửa, có đủ những thứ đồ ăn thức uống tối thượng trong thế gian, không thiếu một thứ gì. Chỉ thiếu một thứ, đó là kẹo mè (vừng)[693].»

Cư sĩ Chất-đa-la liền nói rằng:

«Thưa Trưởng lão Thiện Pháp, ngài ôm trong lòng nhiều bảo vật như căn, lực, giác ý, thiền định, chánh thọ, mà nói những lời thô ác như vậy! Ngài Thiện Pháp, tôi sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ như vậy thì dùng cặn bã cây vừng để làm gì?»

Cư sĩ nói tiếp:

«Nay tôi xin nói một thí dụ. Người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Thí như có một quốc độ không có giống gà, trong khi đó có một người khách buôn đem đến một con gà mái. Con gà mái kia, vì không có gà trống, cùng với con quạ giao nhau. Con gà đẻ trứng ấp thành con, không gáy tiếng gà, lại cũng không kêu tiếng của quạ, nên gọi là gà quạ[694]. Cũng vậy, ngài Thiện Pháp, ngài ôm trong lòng nhiều bảo vật như căn, lực, giác ý, thiền định, chánh thọ, mà nói những lời thô ác

như vậy! Ngài Thiện Pháp, tôi sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ như vậy thì dùng cặn bã cây vừng để làm gì?»

Tỳ-kheo Thiện Pháp nói như vầy:

«Cư sĩ mạ nhục tôi. Nay tôi muốn đi!»

Cư sĩ nói:

«Thưa đại đức Thiện Pháp, tôi không ác ngôn cũng không mạ nhục Đại đức. Ngài nên vui vẻ an trụ nơi Mật lâm này, chúng tôi sẽ cung cấp y phục, chăn màn, ngọa cụ, ẩm thực, thuốc men chữa bệnh.»

Thiện Pháp lại nói như vầy:

«Cư sĩ mạ nhục tôi. Tôi sẽ đi!»

Cư sĩ nói rằng:

«Đại đức muốn đi đâu?»

Tỳ-kheo Thiện Pháp nói:

«Tôi muốn đến chỗ đức Thế Tôn, nơi nước Xá-vệ.»

Cư sĩ nói:

«Như những lời giữa tôi và ngài, Ngài cứ trình bày đúng sự thật với đức Thế Tôn. Chứ đừng thêm bớt. Tại sao vậy? Vì ngài sẽ còn trở lại chỗ này.»

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo Thiện Pháp mang y bát đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn an ủi bằng cách hỏi thăm:

«Các tỳ-kheo trụ chỉ có được an lạc không? Không bị vất vả vì thức ăn chăng?»

Thiện Pháp thưa:

«Trụ chỉ được an lạc. Không vì sự ăn uống mà phải khổ.»

Rồi đem những sự việc cùng lời nói của cư sĩ bạch lên đức Thế Tôn đầy đủ, không thêm bớt. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Thiện Pháp rằng:

«Ông làm điều phi pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Thiện Pháp, sao cư sĩ kia là người đàn-việt có tâm tin tưởng, làm nhiều việc lợi ích, cung cấp chúng Tăng, mà ông dùng những lời hạ tiện mạ nhục?»

Khi đức Thế Tôn ha trách Thiện Pháp rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép các tỳ-kheo vì tỳ-kheo Thiện Pháp tác pháp bạch tứ yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.[695]

«Đối với tỳ-kheo có năm pháp, không được tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: Không cung kính cha mẹ, không kính sa-môn, bà-la-môn, điều nên trì mà không kiên trì. Năm pháp như vậy Tăng không được trao pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.[696]

«Có năm pháp nên tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: Cung kính cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, điều nên trì kiên trì không bỏ. Năm pháp như vậy Tăng nên tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

«Tỳ-kheo có mười pháp nên tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: Ác khẩu mạ lỵ bạch y gia; phương tiện khiến nhà bạch y tổn giảm; làm điều không lợi; làm cho không có trú xứ; đấu loạn bạch y[697]; trước bạch y hủy báng Phật; báng Pháp; báng Tăng; trước bạch y [893a1] mắng chửi hạ tiện; như pháp hứa bạch y mà không thật hiện[698]. Tỳ-kheo có mười pháp như vậy nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

«Có chín pháp, tám pháp, cho đến một pháp ác khẩu mạ lỵ bạch y gia, nên tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.»

Nên làm như vầy: Họp Tăng. Tăng họp rồi tác cử. Tác cử rồi tác ức niệm. Tác ức niệm rồi trao tội. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Thiện Pháp này đối với cư sĩ Chất-đa-la là người đàn-việt có tâm tín mộ, thường hay cung cấp bố thí cúng dường cho Chúng Tăng, mà lại dùng lời hạ tiện xấu xa để mạ lỵ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng vì tỳ-kheo Thiện Pháp tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Thiện Pháp đối với cư sĩ Chất-đa-la là người đàn-việt có tâm tín mộ, thường hay cung cấp bố thí cúng dường cho Chúng Tăng, mà tỳ-kheo Thiện Pháp dùng lời hạ tiện để mạ lỵ. Nay Tăng vì tỳ-kheo Thiện Pháp tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Trưởng lão nào đồng ý, Tăng vì tỳ-kheo Thiện Pháp tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.» Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo Thiện Pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Vị kia đã được tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y rồi, thì có năm pháp không được làm: Không được trao đại giới cho người,*cho đến* không được cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Nên làm như vậy.

Tăng đã vì tỳ-kheo Thiện Pháp tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y bằng pháp bạch tứ rồi. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có ba pháp, có năm pháp tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y là phi pháp phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu, như trên.[699]

«Có ba pháp, có năm pháp tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y là như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu, như trên.»

Đức Phật cho phép sai một sứ giả đến nhà cư sĩ Chất-đa-la vì tỳ-kheo Thiện Pháp sám hối cư sĩ Chất-đa-la. Sai bằng pháp bạch nhị yết-ma. Sứ giả có tám pháp nên sai: 1. Nghe nhiều. 2. Khéo nói. 3. Đã tự biết rõ. 4. Hiểu được ý người. 5. Chấp nhận lời của người. 6. Có khả năng ghi nhớ. 7. Không sơ sót. 8. Rõ được nghĩa của lời nói thiện ác. Người có tám pháp như vậy thì nên sai làm sứ giả. Ngài liền nói kệ rằng:

Trước mặt những người trí,

Nói không hề nhầm lẫn,

Cũng không hề thêm bớt,

Không quên lời đã dạy,

Lời nói không thể hoại,

Nghe không bị khuynh động:

Tỳ-kheo được như vậy,

Có thể làm sứ giả.

A-nan là người có đủ khả năng thực hiện tám pháp như vậy: Khéo nghe, khéo nói, tự mình hiểu rõ, hiểu được ý người, chấp nhận lời của người, đủ khả năng ghi nhớ, không sơ sót, rõ được nghĩa của lời nói thiện ác. Đức Phật cho phép Tăng sai A-nan làm người sứ giả, vì tỳ-kheo Thiện Pháp sám hối cư sĩ Chất-đa-la, sai bằng pháp bạch nhị yết-ma như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai A-nan làm người sứ giả, vì tỳ-kheo Thiện Pháp sám hối cư sĩ Chất-đa-la. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai A-nan làm sứ giả, vì tỳ-kheo Thiện Pháp sám hối cư sĩ Chất-đa-la. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai A-nan làm sứ giả, vì tỳ-kheo Thiện Pháp sám hối cư sĩ Chất-đa-la thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng chấp thuận sai A-nan làm sứ giả, vì tỳ-kheo Thiện Pháp sám hối cư sĩ Chất-đa-la rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tăng đã sai sứ giả. Vị được sai đến nhà cư sĩ nói lời sám hối như vầy: *«Tăng đã vì tỳ-kheo Thiện Pháp tác pháp khiển trách phạt vị ấy.»*[700] Nếu cư sĩ nhận sự sám hối thì tốt. Bằng không, thì nên đưa cư sĩ đến chỗ mắt thấy, tai không nghe[701]. Rồi để tỳ-kheo bị yết-ma ở chỗ mắt thấy, tai không nghe, khiến như pháp sám hối. Sau đó, đến nói với cư sĩ đó rằng: «Tỳ-kheo kia trước phạm tội. Nay đã sám hối. Tội đã trừ.» Nếu cư sĩ nhận sự sám hối thì tốt, bằng không thì tỳ-kheo phạm tội tự mình đến để sám hối.[702]

Tôn giả A-nan nghe đức Thế Tôn dạy như vậy rồi, dẫn tỳ-kheo Thiện Pháp đến nhà cư sĩ Chất-đa-la nói lên lời sám hối cư sĩ: «Tỳ-kheo kia Tăng đã làm pháp khiển phạt.» Cư sĩ Chất-đa-la liền chịu nhận cho sám hối.

Bấy giờ tỳ-kheo Thiện Pháp thuận tùng Chúng Tăng không dám trái nghịch, đến giữa Tăng cầu xin giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo Thiện Pháp đã thuận tùng Chúng Tăng không dám trái nghịch, mà cầu xin giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y thì nên giải bằng pháp bạch tứ yết-ma.

«Có năm pháp không được giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: Trao đại giới cho người, *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.

«Có năm pháp nên giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: Không trao đại giới cho người, *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Năm pháp như vậy thì nên giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.»

Nên giải như vầy: Người bị yết-ma nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... Tăng đã trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Nay tôi đã thuận tùng Chúng Tăng không dám trái nghịch, nên đến giữa Tăng cầu xin giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Cúi xin Tăng dũ lòng thương vì tôi giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng cầu xin như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... Tăng đã vì ông tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Tỳ-kheo kia tùy thuận Chúng Tăng không dám trái nghịch, (nay) đến giữa Chúng Tăng cầu xin giải pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì ông mà giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên là... Tăng đã tác pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, tỳ-kheo kia đã tùy thuận Chúng Tăng không dám trái nghịch, đến trước Tăng cầu xin giải pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Trưởng lão nào chấp thuận Tăng vì tỳ-kheo... giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch

y thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận vì tỳ-kheo... giải yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc nầy được ghi nhận như vậy.»[703]

---o0o---

5. Xả trí

[894a8]1. Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di. Bấy giờ tỳ-kheo Xiển-đà[704] phạm tội, tỳ-kheo khác bảo rằng: «Thầy phạm tội có thấy không?» Xiển-đà trả lời: «Không thấy.»

Các tỳ-kheo nghe biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo Xiển-đà rằng: «Thầy phạm tội, các tỳ-kheo nói, ‹Thầy phạm tội có thấy không?› Sao Thầy lại nói ‹Không thấy›?»

Các tỳ-kheo liền đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Nầy tỳ-kheo Xiển-đà, ông phạm tội, các tỳ-kheo nói, ‹Thầy phạm tội có thấy không?› Sao ông lại nói ‹Không thấy›?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Xiển-đà, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép Chúng Tăng trao cho tỳ-kheo Xiển-đà yết-ma bị cử vì không thấy tội[705], bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Nên làm như vầy: Tập họp Tăng. Tăng họp rồi tác cử. Tác cử rồi tác ức niệm. Tác niệm rồi trao tội. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Tỳ-kheo khác hỏi rằng: ‹Thầy phạm tội; có thấy không?› Xiển-đà đáp: ‹Không thấy.› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì Xiển-đà tỳ-kheo tác yết-ma bất kiến tội cử. Đây là lời tác bạch .

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Tỳ-kheo khác hỏi rằng: ‹Thầy phạm tội; có thấy không?› Xiển-đà đáp: ‹Không thấy.› Nay Tăng vì Xiển-đà tác yết-ma bất kiến tội cử. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng vì tỳ-kheo Xiển-đà tác yết-ma bất kiến tội cử thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận vì tỳ-kheo Xiển-đà tác yết-ma bất kiến cử rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

«Đã tác yết-ma bất kiến tội cử rồi, thì có năm pháp không được làm: Không được trao đại giới cho người, *cho đến* không được cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Nên làm như vậy.»

Chúng Tăng đã vì tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp bất kiến tội cử bằng bạch tứ yết-ma rồi, các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có ba pháp, năm pháp tác yết-ma bất kiến tội cử là phi pháp phi tỳ-ni không thành tựu, như trên.

«Lại có ba pháp, năm pháp tác yết-ma bất kiến tội cử thì như pháp như tỳ-ni yết-ma thành tựu như trên.»

Tỳ-kheo bị cử bất kiến tội kia, khi Chúng Tăng khi tiểu thực hay đại thực, lúc nói pháp, lúc bố-tát, nên đến giữa Tăng, đứng qua một bên, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa: «Xin Đại đức

nhận sự sám hối tự trách tâm của tôi, từ đây về sau không dám trái phạm nữa.»

Tỳ-kheo Xiển-đà đã tùy thuận Chúng Tăng, không dám trái nghịch, đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất kiến tội cử. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu Xiển-đà đã tùy thuận Chúng Tăng, không dám trái nghịch, đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất kiến tội cử thì nên trao cho pháp yết-ma giải, bằng pháp bạch tứ.

«Có năm pháp không được giải yết-ma bất kiến tội cử: Trao đại giới cho người, *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.

«Có năm pháp nên giải yết-ma bất kiến tội cử: Không trao đại giới cho người, *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.»

Nên giải như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên là... Tăng đã trao cho pháp yết-ma bất kiến tội cử, đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, nay đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất kiến tội cử. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì tỳ-kheo tên là... giải yết-ma bất kiến tội cử. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã được Tăng tác yết-ma bất kiến tội cử, đã tùy thuận chúng Tăng, không dám trái phạm, nay đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất kiến tội cử. Nay Tăng vì tỳ-kheo... giải yết-ma bất kiến tội cử. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng vì tỳ-kheo... giải yết-ma bất kiến tội cử thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận giải yết-ma bất kiến tội cử cho tỳ-kheo... rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

2. Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di. Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, các tỳ-kheo hỏi rằng: «Thầy có tội, cần sám hối.» Xiển-đà trả lời: «Không sám hối.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo Xiển-đà rằng:

«Thầy phạm tội, tỳ-kheo khác bảo: ‹Thầy phạm tội, cần sám hối.› Sao Thầy lại trả lời: ‹Không sám hối›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện ha trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Ông phạm tội, tỳ-kheo khác bảo: ‹Thầy phạm tội, cần sám hối.› Sao Ông lại trả lời: ‹Không sám hối›?»

Đức Phật ha trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép Chúng Tăng trao cho tỳ-kheo Xiển-đà pháp bị cử vì không chịu sám hối[706] bằng pháp bạch tứ yết-ma. Nên làm như vầy: Tập họp Tăng, Tăng họp rồi tác cử, tác cử rồi tác ức niệm, tác ức niệm rồi trao tội. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Tỳ-kheo khác bảo: ‹Thầy phạm tội, cần sám hối.› Xiển-đà đáp: ‹Không sám hối.› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng,

Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho Xiển-đà pháp yết-ma bất sám hối tội cử. Đây là lời tác bạch .

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Tỳ-kheo khác bảo: ‹Thầy phạm tội, cần sám hối.› Xiển-đà đáp: ‹Không sám hối.› Nay trao cho Xiển-đà pháp yết-ma bất sám hối tội cử. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho Xiển-đà yết-ma bất sám hối tội cử, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận vì Xiển-đà tác yết-ma bất sám hối tội cử rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Vị kia đã được tác pháp bất sám hối tội cử rồi, thì có năm pháp không được làm: Không được trao đại giới cho người, *cho đến* không được cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Nên làm như vậy.

Chúng Tăng vì Xiển-đà tác yết-ma bất sám hối tội cử bằng pháp bạch tứ yết-ma rồi, các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có ba pháp, có năm pháp tác yết-ma bất sám hối tội cử là phi pháp phi tỳ-ni [895a1], yết-ma không thành tựu, như trên. [707]

«Có ba pháp, có năm pháp tác yết-ma bất sám hối tội cử thì như pháp như tỳ-ni, yết-ma thành tựu như trên.

Vị đã bị tác yết-ma bất sám hối tội cử kia, khi Chúng Tăng, hoặc vào bữa tiểu thực, hay đại thực, hoặc khi thuyết pháp, bố-tát, nên đến trong Tăng, đứng qua một bên, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch: «Xin Đại đức nhận sự sám hối tự trách tâm mình của tôi, từ nay về sau không dám tái phạm.»

Tỳ-kheo Xiển-đà đã tùy thuận Chúng Tăng không dám trái nghịch, đến trước Tăng xin giải yết-ma bất sám hối tội cử, các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo Xiển-đà đã tùy thuận Chúng Tăng không dám trái phạm, cầu xin giải yết-ma bất sám hối tội cử thì Tăng nên giải bằng pháp bạch tứ yết-ma.

«Có năm pháp không được giải yết-ma bất sám hối tội cử: Trao đại giới cho người *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.

«Có năm pháp nên giải yết-ma bất sám hối tội cử: Không trao đại giới cho người *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.»

Nên giải như vầy: Vị tỳ-kheo không sám hối tội cử kia nên đến trong Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là... Tăng đã tác yết-ma bất sám hối tội cử, đã tùy thuận Chúng Tăng, không dám trái phạm. Nay đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất sám hối tội cử. Cúi xin Tăng dũ lòng thương vì tôi mà giải yết-ma bất sám hối tội cử.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... Tăng đã trao cho pháp yết-ma bất sám hối tội cử. Vị kia đã tùy thuận Tăng chúng, không dám trái nghịch. Nay đến trước Tăng xin giải yết-ma bất sám hối tội cử. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì tỳ-kheo giải yết-ma bất sám hối tội cử. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... Tăng đã trao cho pháp yết-ma bất sám hối tội cử, đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma bất sám hối tội cử. Nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma bất sám hối tội cử. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng vì tỳ-kheo... giải yết-ma bất sám hối tội cử, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là lời yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý trao cho tỳ-kheo... pháp giải yết-ma bất sám hối tội cử rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

4. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Tỳ-kheo tự là A-lợi-tra[708], đã sanh ác kiến như vầy: «Tôi hiểu pháp nghĩa do đức Phật nói, theo đó, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.» Các tỳ-kheo nghe tỳ-kheo tự là A-lợi-tra, đã sanh ra ác kiến nói: «Tôi biết pháp nghĩa do đức Phật nói, theo đó, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghe, muốn trừ khử ác kiến đã sanh ra nơi tỳ-kheo A-lợi-tra, nên liền đến chỗ tỳ-kheo A-lợi-tra, cung kính chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Các tỳ-kheo nói với A-lợi-tra, rằng:

«Thật sự ông hiểu pháp do đức Phật nói ra, theo đó, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo?»

A-lợi-tra, trả lời:

«Thật sự tôi hiểu pháp do đức Phật nói ra, theo đó, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.»

Các tỳ-kheo muốn trừ khử ác kiến đã sanh ra nơi A-lợi-tra, nên liền ân cần khuyên bảo:

«Này A-lợi-tra, chớ nói như vậy, chớ hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thế Tôn không tốt, đức Thế Tôn không bao giờ

nói như vậy. Này A-lợi-tra, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói pháp để đoạn dục, đoạn dục tưởng, diệt dục niệm, trừ bỏ lửa dục, vượt qua ái kết. Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói dục như hầm lửa lớn, dục như đuốc cỏ khô, dục như trái chín muồi, như vật tạm mượn, như xương khô, như miếng thịt, dục như cảnh trong mộng, dục như mũi kiếm nhọn, dục như đồ gốm mới làm mà đựng nước để giữa nắng, dục như đầu con rắn độc, dục như nắm lưỡi gươm bén, dục như cây kích nhọn bén. Đức Thế Tôn đã nói như vậy. Này A-lợi-tra, đức Như Lai đã khéo léo nói pháp đoạn dục, không dục, loại bỏ cấu uế, không uế, diệt trừ khát ái, diệt trừ hang ổ[709]; thoát ly tất cả các sự ràng buộc, Niết-bàn với sự diệt tận của ái. Đức Phật nói như vậy đó. Sao lại nói dâm dục chẳng phải là chướng đạo?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo ân cần hỏi tỳ-kheo A-lợi-tra như vậy, nhưng tỳ-kheo A-lợi-tra, vẫn kiên trì ác kiến, quả quyết nói:

«Điều đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo vì không thể loại trừ được ác kiến của A-lợi-tra, nên liền đến chỗ đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn lúc bấy giờ bảo một tỳ-kheo khác rằng:

«Ông nhân danh Ta, gọi tỳ-kheo A-lợi-tra đến đây.»

Bấy giờ, tỳ-kheo kia vâng lời đức Thế Tôn, đến chỗ tỳ-kheo A-lợi-tra bảo rằng:

«Đức Thế Tôn gọi thầy.»

A-lợi-tra nghe đức Thế Tôn kêu, liền đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đức Thế Tôn bảo:

«Này A-lợi-tra, thật sự ông có nói ‹Tôi hiểu pháp do đức Thế Tôn nói, dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo›, phải không?»

A-lợi-tra thưa:

«Bạch Đại đức, thật sự con có nói như vậy.»

Đức Phật hỏi:

«Sao ngươi biết điều Ta nói như vậy? Ta đã từng dùng vô số phương tiện để đoạn ái dục, *như trên đã nói* hay sao?»

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện ha trách tỳ-kheo A-lợi-tra rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép Tăng vì tỳ-kheo A-lợi-tra tác pháp ha gián cho bỏ việc này, bằng bạch tứ yết-ma.»

Nên can gián như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-lợi-tra này đã nói như vầy, ‹Hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo A-lợi-tra pháp can gián cho bỏ việc này. Tăng nói: ‹A-lợi-tra, đừng nói như vậy. Đừng hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thế Tôn không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy. Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói, Hành dâm dục là pháp chướng đạo. Nếu phạm dâm dục tức là chướng đạo.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-lợi-tra đã nói như vầy: ‹Tôi đã biết pháp do Phật nói ra, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo. Nay Tăng tác pháp can gián cho bỏ việc này. Tăng nói: ‹A-lợi-tra, đừng nói như vậy. Đừng hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thế Tôn không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy. Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói. Hành dâm dục là pháp chướng đạo. Nếu phạm dâm dục tức là chướng đạo.› Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng vì tỳ-kheo A-lợi-tra tác pháp can gián cho bỏ việc này, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng vì tỳ-kheo A-lợi-tra tác pháp can gián ha trách rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo A-lợi-tra đã được Tăng trao cho pháp can gián ha trách rồi mà cố ý không bỏ ác kiến. Bấy giờ các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, ha trách tỳ-kheo A-lợi-tra: «Tăng trao cho pháp can gián mà sao thầy cố ý không bỏ ác kiến?»

Lúc ấy các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách tỳ-kheo A-lợi-tra rằng:

«Ông làm điều [896a1] sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tăng trao cho pháp can gián mà sao thầy cố ý không bỏ ác kiến?»

Dùng vô số phương tiện ha trách, rồi đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép các tỳ-kheo trao cho tỳ-kheo A-lợi-tra pháp bất xả ác kiến cử[710] bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Nên tác pháp như vầy: Tập họp Tăng. Tăng họp rồi tác cử, tác cử rồi tác ức niệm, tác ức niệm rồi trao tội. Trong chúng nên sai một vị có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-lợi-tra đã sanh ra ác kiến. Tăng đã trao cho pháp can gián mà cố tâm không chịu bỏ ác kiến. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo A-lợi-tra yết-ma ác kiến bất xả cử. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-lợi-tra không bỏ ác kiến, Tăng đã trao cho pháp can gián ha trách mà cố tâm không xả ác kiến. Nay Tăng vì tỳ-kheo A-lợi-tra tác yết-ma bất xả ác kiến cử. Các Trưởng lão nào đồng ý nay Tăng trao cho tỳ-kheo A-lợi-tra yết-ma bất xả ác kiến cử thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo A-lợi-tra yết-ma bất xả ác kiến cử rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

«Người đã được tác pháp ác kiến bất xả rồi, thì có năm việc không được làm: Không được trao đại giới cho người, *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh. Nên làm như vậy.»

Tăng đã vì tỳ-kheo A-lợi-tra tác pháp ác kiến bất xả bằng pháp bạch tứ yết-ma rồi, các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có ba pháp, có năm pháp tác ác kiến bất xả cử yết-ma thì phi pháp phi tỳ-ni, yết-ma không thành tựu, như trên.[711]

«Có ba pháp, năm pháp tác ác kiến bất xả cử yết-ma thì như pháp, như tỳ-ni, yết-ma thành tựu như trên.»

Vị đã bị cử ác kiến bất xả yết-ma kia, vào lúc Tăng tiểu thực, đại thực, hay lúc nói pháp, lúc bố-tát, nên đến trước Tăng, đứng qua một bên, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất chấp tay bạch: *«Xin Đại đức nhận sự sám hối, tự trách tâm tôi, từ nay về sau không dám tái phạm.»*

Tỳ-kheo A-lợi-tra đã tùy thuận Chúng Tăng không dám trái nghịch, nên đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất xả ác kiến cử. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo A-lợi-tra đã tùy thuận Chúng Tăng không dám trái nghịch, đã đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất xả ác kiến cử, thì Chúng Tăng nên giải bằng pháp bạch tứ yết-ma.

«Có năm pháp không được giải yết-ma bất xả ác kiến cử: Trao đại giới cho người, *cho đến* cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.

«Có năm pháp nên giải bất xả ác kiến cử yết-ma: Không trao đại giới cho người, *cho đến* không cùng thiện tỳ-kheo đấu tranh.»

Nên giải như vầy: Vị tỳ-kheo đã bị yết-ma bất xả ác kiến cử kia, nên đến trước Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... Tăng đã trao cho pháp yết-ma bất kiến xả cử, đã tùy thuận Tăng không dám trái phạm, đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất kiến cử. Cúi xin Tăng vì tôi giải yết-ma ác kiến bất xả cử, từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên mà tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã bị Tăng tác yết-ma bất kiến xả cử. Nay tùy thuận chúng không dám trái phạm, đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma bất xả ác kiến cử. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma ác kiến bất xả cử. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã bị Tăng trao cho pháp yết-ma ác kiến bất xả cử, đã tùy thuận Chúng Tăng không dám trái nghịch. Nay đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma ác kiến bất xả cử. Nay Tăng vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma bất xả ác kiến. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng

vì tỳ-kheo... giải yết-ma bất xả ác kiến cử thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng chấp thuận vì tỳ-kheo tên... giải yết-ma bất xả ác kiến cử rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

CHƯƠNG XII - NGƯỜI[712]

1. Phú tàng

i. Hành ba-lợi-bà-sa

[896b26] Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo phạm tăng tàn mà che dấu. Vị kia nghĩ như vầy: ‹Ta nên như thế nào?› Rồi bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng tùy theo ngày che dấu, trao cho tỳ-kheo kia, pháp trị tội phú tàng[713] bằng bạch tứ yết-ma.

Nên làm như vầy: Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối chấp tay, bạch những lời như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn[714] mà che dấu. Tôi tỳ-kheo tên... phạm tội tăng tàn, tùy theo số ngày che dấu[715], nay đến giữa Tăng xin yết-ma phú tàng[716]. Cúi xin Tăng cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo số ngày, từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo tên... kia đã phạm tội tăng tàn mà che dấu, tùy theo ngày che dấu đến giữa Tăng xin yết-ma phú tàng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng trao cho Tỳ-kheo... yết-ma phú tàng tùy theo số ngày. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã phạm tội tăng tàn. Tỳ-kheo tên là... kia đã phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu đến Tăng xin yết-ma phú tàng. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là... yết-ma phú tàng tùy theo số ngày. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo tên... yết-ma phú tàng tùy theo số ngày thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý trao cho tỳ-kheo tên... yết-ma phú tàng tùy theo số ngày rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

ii. Bản nhật trị

Tỳ-kheo kia khi hành phú tàng lại phạm tội chồng[717][718]. Vị kia nghĩ như vầy: «Ta nên như thế nào?» rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng vì Tỳ-kheo kia tác pháp bổn nhật trị[719] bằng bạch tứ yết-ma.»

Nên bạch như vầy: Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là... phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tôi tỳ-kheo tên... phạm tội tăng tàn, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu.

Tăng đã trao cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tôi tỳ-kheo tên là... trong khi hành phú tàng, tái phạm tội cũ[720]. Tôi tỳ-kheo tên là... nay đến trước Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Cúi xin Tăng cho tôi tỳ-kheo tên là... yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo tên là... phạm tội tăng tàn [897a1] đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Vị kia khi hành pháp phú tàng, lại tái phạm tội cũ. Nay đến giữa Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho tỳ-kheo tên là... yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo này đã phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng lại tái phạm tội cũ. Tỳ-kheo kia đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý trao cho tỳ-kheo... yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

iii. Ma-na-đỏa

Tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng rồi, bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng tác pháp sáu đêm ma-na-đỏa[721] cho tỳ-kheo kia bằng bạch tứ yết-ma.»

Nên trao cho như vầy: Tỳ-kheo kia đến giữa Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là... phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tôi tỳ-kheo tên... phạm tội tăng tàn, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tôi trong khi hành phú tàng, tái phạm tội cũ, đến trước Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tăng đã cho tôi yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tôi là Tỳ-kheo tên... đã hành pháp bổn nhật trị của pháp phú tàng xong, nay đến giữa Tăng xin yết-ma sáu đêm ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng cho tôi yết-ma sáu đêm ma-na-đỏa. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma theo sự việc như trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... này, đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu, đã đến tăng xin yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo... yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Trong khi vị kia hành pháp phú tàng tái phạm tội cũ. Tỳ-kheo... này, đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... pháp yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tỳ-

kheo... này đã hành pháp bổn nhật trị của pháp phú tàng rồi, nay đến trước Tăng xin yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm . Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... này, đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo... yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Trong khi vị kia hành pháp phú tàng tái phạm tội cũ. Tỳ-kheo... này, đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... pháp yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tỳ-kheo... này đã hành pháp bổn nhật trị của pháp phú tàng rồi, nay đến trước Tăng xin yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho Tỳ-kheo... yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

iv. Xuất tội

Vị kia đã hành ma-na-đỏa rồi, bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng cho tỳ-kheo kia pháp xuất tội[722] bằng bạch tứ yết-ma.»

Nên xuất tội như vầy: Tỳ-kheo kia nên đến trong Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là... phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tôi tỳ-kheo tên... phạm tội tăng tàn, đã đến tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu. Tôi trong khi hành phú tàng, tái phạm tội cũ, đến trước Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tăng đã cho tôi yết-ma bổn nhật trị của phú tàng. Tôi là tỳ-kheo... đã hành bổn nhật trị của phú tàng rồi, đến Tăng xin yết-ma ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi yết-ma sáu đêm ma-na-đỏa. Tôi là tỳ-kheo tên... hành sáu đêm ma-na-đỏa rồi. Nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... này, đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo... yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Trong khi vị kia hành pháp phú tàng tái phạm tội cũ. Tỳ-kheo... này đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... pháp yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tỳ-kheo... này đã hành pháp bổn nhật trị của pháp phú tàng rồi, đến trước Tăng xin yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo... yết-ma sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này đã hành sáu đêm ma-na-đỏa rồi. Nay đến trong Tăng xin yết ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì Tỳ-kheo... tác pháp yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên... này, đã phạm tội tăng tàn mà che dấu. Tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... yết-ma phú tàng theo số ngày che dấu. Trong khi vị kia hành

pháp phú tàng tái phạm tội cũ. Tỳ-kheo... này, đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... pháp yết-ma bổn nhật trị của pháp phú tàng. Tỳ-kheo... này đã hành pháp bổn nhật trị của pháp phú tàng rồi, đến trước Tăng xin yết-ma ma-na-đỏa sáu đêm. Tăng đã trao cho tỳ-kheo... yết-ma sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này đã hành sáu đêm ma-na-đỏa rồi. Nay đến trong Tăng xin yết-ma xuất tội. Nay Tăng vì tỳ-kheo tác pháp yết-ma xuất tội. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận vì tỳ-kheo... tác pháp yết-ma xuất tội rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

2. Không phú tàng

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn mà không che dấu, suy nghĩ: «Ta nên như thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Cách trao như sau: Tỳ-kheo kia đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại [898a1] đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là... đã phạm tội tăng tàn mà không che dấu. Nay đến giữa Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng cho tôi sáu đêm ma-na-đỏa. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn mà không che dấu. Nay đến trước Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... đã phạm tội tăng tàn không che dấu. Nay đến trước Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Vị kia trong thời gian hành pháp ma-na-đỏa lại tái phạm tội cũ. Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: ‹Ta nên làm sao đây?› Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia pháp bổn nhật trị của ma-na-đỏa bằng bạch tứ yết-ma.»

Cách trao như sau: Tỳ-kheo kia nên đến trước Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là... đã phạm tội tăng tàn không che dấu, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng đã trao tội sáu đêm ma-na-đỏa. Trong khi hành pháp ma-na-đỏa lại tái phạm tội cũ, nay đến Tăng xin pháp yết-ma bổn nhật trị ma-ma-na đỏa. Cúi xin Tăng cho tôi yết-ma-ma-na đỏa của bổn nhật trị. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn không che dấu, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng đã cho sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia khi hành pháp ma-na-đỏa lại tái phạm tội cũ, đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của ma-na đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho tỳ-kheo... yết-ma bổn nhật trị của ma-na đỏa. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn không che dấu, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng đã cho sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này khi hành pháp ma-na-đỏa lại tái phạm tội cũ, đến Tăng cầu xin yết-ma bổn nhật trị của ma-na đỏa. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma-ma-na đỏa của bổn nhật trị. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma bổn nhật trị của ma-na đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo... yết-ma bổn nhật trị của ma-na đỏa rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Vị kia hành ma-na-đỏa rồi, bạch các tỳ-kheo, các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng vì tỳ-kheo kia xuất tội bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Nên xuất như sau: Tỳ-kheo kia phải đến trước Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo... đã phạm tội tăng tàn không che dấu, đã đến trong Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Khi tôi hành pháp ma-na-đỏa lại tái phạm tội cũ, đã đến trước Tăng xin bổn nhật trị của ma-na đỏa. Tăng đã cho tôi yết-ma bổn nhật trị của ma-na đỏa. Tôi là tỳ-kheo tên... đã hành bổn nhật trị của ma-na đỏa rồi, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội, cúi xin Tăng cho tôi yết-ma xuất tội. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn không che dấu, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng đã cho sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia khi hành pháp sáu đêm ma-na-đỏa lại tái phạm tội cũ, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của ma-na-đỏa. Tăng đã cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của ma-na-đỏa. Vị kia đã hành ma-na-đỏa rồi, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng vì tỳ-kheo... xuất tội, đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn không che dấu, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm ma-na-đỏa. Vị kia khi hành pháp ma-na-đỏa lại phạm trọng tội, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của ma-na-đỏa. Tăng đã cho yết-ma bổn nhật trị của ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này đã hành pháp bổn nhật trị của ma-na-đỏa rồi, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Nay Tăng cho tỳ-kheo... yết-ma xuất tội. Các Trưởng lão nào đồng ý nay Tăng cho tỳ-kheo... yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng chấp thuận cho tỳ-kheo... yết-ma xuất tội rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

---o0o---

3. Tổng hợp tăng tàn

1. Bấy giờ, có một tỳ-kheo phạm nhiều tội tăng tàn, hoặc phạm rồi che dấu một đêm, hoặc phạm rồi che dấu hai đêm, như vậy cho đến che dấu mười đêm. Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: «Ta làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia, gộp lại làm mười ngày phú tàng cho nhiều tội tăng tàn đã phạm[723], bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Cách trao cho như sau: Tỳ-kheo kia đến trong Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo... đã phạm nhiều tội tăng tàn, hoặc đã che dấu một đêm, hoặc đã che dấu hai đêm cho đến che dấu mười đêm. Nay đến trước Tăng xin yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm. Cúi xin Tăng cho tôi yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm, từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa xin như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm nhiều tội tăng tàn, hoặc đã che dấu một đêm cho đến mười đêm. Nay đến trong Tăng xin yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo... pháp yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm nhiều tội tăng tàn, hoặc đã che dấu một đêm cho đến mười đêm. Nay đến trước Tăng xin yết-ma phú tàng một đêm cho đến

mười đêm. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm. Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận cho tỳ-kheo... yết-ma phú tàng từ một đêm cho đến mười đêm rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này [899a1] được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo kia hành phú tàng rồi, bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Tỳ-kheo kia nên đến trước Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo... đã phạm nhiều tội tăng tàn, đã che dấu một đêm hoặc hai đêm, cho đến mười đêm, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng một đêm cho đến mười đêm, Tăng đã cho tôi yết-ma phú tàng. Tôi tỳ-kheo... hành phú tàng rồi, nay đến xin Tăng sáu đêm ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng cho tôi sáu đêm ma-na-đỏa. Từ mẫn cố.» Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này, đã phạm nhiều tội tăng tàn, đã che dấu một đêm, hoặc hai đêm cho đến mười đêm, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng mười đêm, và Tăng đã cho Tỳ-kheo... này yết-ma phú tàng mười đêm. Tỳ-kheo này đã hành phú tàng rồi, nay đến xin Tăng sáu đêm ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp

thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này đã phạm nhiều tội tăng tàn, đã che dấu một đêm, hoặc hai đêm cho đến mười đêm, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng mười đêm, và Tăng đã cho yết-ma phú tàng mười đêm. Tỳ-kheo kia đã hành mười đêm phú tàng xong, nay đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Nay Tăng cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thư hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Vị kia thi hành ma-na-đỏa rồi, bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia pháp xuất tội bằng bạch tứ yết-ma. »

Tỳ-kheo kia nên đến trong Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo... đã phạm nhiều tội tăng tàn, che dấu một đêm hoặc hai đêm cho đến mười đêm, đã đến trong Tăng xin yết-ma phú tàng mười đêm, Tăng đã cho tôi yết-ma phú tàng mười đêm. Tôi đã hành phú tăng tàn xong, đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, và Tăng đã cho tôi sáu đêm ma-na-đỏa. Tôi đã hành sáu đêm ma-na-đỏa rồi, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Nguyện Tăng cho tôi yết-ma xuất tội. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm nhiều tội tăng tàn, hoặc che dấu một đêm hoặc hai đêm cho đến mười đêm, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng mười đêm, Tăng đã cho vị kia yết-ma phú tàng mười đêm. Tỳ-kheo... kia đã hành pháp mười đêm che dấu rồi, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, và Tăng đã cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo đã hành pháp sáu đêm ma-na-đỏa rồi, nay đến trước Tăng xin yết-ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận nay Tăng trao cho tỳ-kheo... yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này, đã phạm nhiều tội tăng tàn, hoặc che dấu một đêm, hoặc hai đêm cho đến mười đêm, đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng mười đêm, Tăng đã cho yết-ma phú tàng mười đêm. Tỳ-kheo... kia đã hành pháp mười đêm phú tàng rồi. Đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, và Tăng đã cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia hành pháp ma-na-đỏa rồi, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Nay Tăng cho tỳ-kheo... kia yết-ma xuất tội. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo kia yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất»

Lần thứ hai, lần thư ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo... kia yết-ma xuất tội rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

2. Bấy giờ, có một tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, cả hai đều che dấu, chỉ nhớ một tội, không nhớ một tội. Tỳ-kheo kia tùy theo chỗ nhớ được, tùy theo ngày che dấu, đến trước Tăng xin yết-ma theo ngày che dấu, và Tăng đã cho tỳ-kheo kia yết-ma tùy theo chỗ nhớ, tùy theo ngày che dấu. Tỳ-kheo

kia khi thi hành pháp phú tàng nhớ tội thứ hai, không biết nên làm thế nào? Bạch các tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu của tội thứ hai đã nhớ.»

Bấy giờ có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn đều che dấu cả hai, một tội không nghi ngờ. Vị kia đối với tội không nghi ngờ, tùy theo ngày che dấu, đến trong Tăng xin yết-ma ngày che dấu, và Tăng đã cho tỳ-kheo kia yết-ma tùy theo ngày che dấu. Khi tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng, đối với tội có nghi ngờ kia không còn nghi ngờ nữa, tự nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng cho yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu.»

Bấy giờ có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn cả hai đều che dấu; biết một tội, không biết một tội. Vị kia đối với tội đã biết đến Tăng xin yết-ma phú tàng, và Tăng đã cho yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Vị kia khi hành pháp phú tàng liền biết trở lại tội thứ hai, tự nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng vì tỳ-kheo kia tùy theo chỗ biết tội thứ hai, với số ngày che dấu cho yết-ma phú tàng.»

Bấy giờ có Tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn cả hai đều che dấu. Khi vị kia xin tội che dấu, chỉ nói một tội, che dấu một tội. Vị kia tùy theo tội được nói đến Tăng xin yết-ma phú tàng, và Tăng đã cho yết-ma phú tàng. Vị kia thi hành pháp phú tàng, đối với tội phạm thứ hai, tâm tàm quý sanh, tự nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tăng nên cho yết-ma phú tàng tùy theo số ngày che dấu của tội phạm thứ hai.

Đức Phật bảo tiếp:

«Các ông hãy lắng tai nghe cho kỹ, trường hợp nếu tỳ-kheo nào phạm hai tăng tàn, cả hai đều che dấu. Chỉ nhớ một tội, không nhớ một tội. Tỳ-kheo kia đối với tội nhớ và tội không nhớ, đem cả hai đến Tăng xin yết-ma phú tàng, và Tăng cũng cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng cho cả hai tội. Khi vị kia hành pháp phú tàng, có khách tỳ-kheo đến, biết pháp, biết luật, biết Ma-di. Khách tỳ-kheo kia hỏi cựu tỳ-kheo:

«Này Trưởng lão, tỳ-kheo này phạm tội gì? Tại sao hành pháp phú tàng?

«Cựu tỳ-kheo trả lời:

«Thưa Trưởng lão, tỳ-kheo này phạm hai tội tăng tàn, cả hai đều che dấu. Chỉ nhớ một tội, không nhớ một tội. Đem cả hai đến Tăng xin yết-ma phú tàng. Tăng cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng cho cả hai tội. Cho nên, tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng.

«Tỳ-kheo khách kia nói:

«Này Trưởng lão, yết-ma phú tàng cho tỳ-kheo kia là bất thành. Tại sao vậy? Yết-ma phú tàng cho tội mà tỳ-kheo kia nhớ thì đúng. Yết-ma phú tàng đối với tội mà tỳ-kheo kia không nhớ là không đúng, phi pháp; yết-ma bất thành. Chúng Tăng nên tác sám đột-kiết-la. Vị kia nên trao cho ma-na-đỏa.» [900a1]

Nghi, không nghi; biết, không biết; cũng như vậy.

3. Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn mà che dấu hai tháng. Vị kia chỉ nhớ một tháng, một tháng không nhớ. Vị kia theo chỗ nhớ một tháng, đến Tăng xin yết-ma phú tàng; Tăng cho yết-ma phú tàng một tháng. Vị kia khi hành pháp

phú tàng, nhớ lại tháng thứ hai, tự nghĩ: «Ta nên thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng tùy the chỗ nhớ tháng thứ hai.»

Nghi, không nghi, cũng như vậy. Biết, không biết, cũng như vậy. Khi xin pháp phú tàng, che dấu một tháng phát lồ một tháng cũng như vậy.

Đức Phật nói:

«Các tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Trường hợp nếu có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn che dấu hai tháng. Chỉ nhớ một tháng, không nhớ một tháng. Đem cả hai đến Tăng xin yết-ma phú tàng. Tăng cũng cho vị kia yết-ma phú tàng hai tháng. Khi vị kia hành pháp phú tàng, có khách tỳ-kheo đến, biết pháp, biết luật, biết Ma-di. Tỳ-kheo khách hỏi cựu tỳ-kheo:

«Này Trưởng lão, vị kia phạm tội gì? Tại sao hành phú tàng?

«Cựu tỳ-kheo đáp:

«Tỳ-kheo này phạm tội tăng tàn che dấu hai tháng. Nhớ một tháng, không nhớ một tháng. Vị kia đem cả hai, nhớ và không nhớ, đến Tăng xin yết-ma hai tháng che dấu. Tăng cũng tùy theo vị kia cho yết-ma hai tháng che dấu, cho nên tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng.

«Tỳ-kheo khách kia nói với cựu tỳ-kheo rằng:

«Cho phép phú tàng không đúng. Tại sao vậy? Tỳ-kheo kia nhớ một tháng thì cho pháp phú tàng là đúng. Còn một tháng không nhớ mà cho pháp phú tàng là không đúng, phi pháp; yết-ma không thành tựu. Tăng nên tác pháp sám đột-kiết-la. Nên trao ma-na-đỏa cho tỳ-kheo kia.»

Nghi, không nghi; biết, không biết; cũng vậy.

4. Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn. Cả hai đều che dấu. Vị kia thôi tu. Sau đó, trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, đối với hai tội đã che dấu (trước kia), tự nghĩ: «Ta nên làm như thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, che dấu cả hai. Vị kia thôi tu. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, đối với hai tội đã che dấu, Tăng nên tùy theo số ngày che dấu đã phạm trước kia, và số ngày che dấu sau, trao cho yết-ma phú tàng. Cho yết-ma phú tàng xong, cho ma-na-đỏa.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, cả hai đều che dấu. Vị kia thôi tu. Sau đó, trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi phát lồ hai tội. Tăng nên tùy theo số ngày che dấu đã phạm trước kia của tỳ-kheo mà trao cho yết-ma phú tàng. Trao cho yết-ma phú tàng rồi, trao cho ma-na-đỏa.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, cả hai đều không che dấu. Vị kia thôi tu. Sau đó, trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, che dấu hai tội. Vị kia tự nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu Tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, cả hai đều không che dấu. Vị kia thôi tu. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi che dấu hai tội. Tăng nên tùy theo số ngày che dấu sau của tỳ-kheo kia trao cho yết-ma phú tàng. Sau đó mới trao cho pháp ma-na-đỏa.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, cả hai đều không che dấu. Vị kia thôi tu. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi phát lồ hai tội. Tăng nên trao cho hai tội ma-na-đỏa.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, che dấu một tội, không che dấu một tội. Vị kia thôi tu. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, trước kia chỉ phát lồ một tội, sau lại

che dấu cả hai. Vị kia nghĩ: «Ta nên như thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, che dấu một tội, không che dấu một tội. Vị kia thôi tu. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, trước kia chỉ phát lồ một tội, sau lại che dấu cả hai. Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia yết-ma tùy theo ngày, một tội đã phạm mà trước sau đều che dấu; và một tội sau mới che dấu.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, che dấu một tội, phát lồ một tội. Vị kia thôi tu. Sau đó, trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, tội trước kia che dấu, sau cũng che dấu. Tội trước kia phát lồ, sau cũng phát lồ. Tăng nên tùy theo tội mà trước sau đều che dấu trao cho yết-ma phú tàng, tội thứ hai không che dấu nên trao cho pháp ma-na-đỏa.

Có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, che dấu một tội, phát lồ một tội. Vị kia thôi tu. Sau đó, trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, tội trước kia che dấu, sau lại phát lồ. Tội trước kia phát lồ, sau lại che dấu. Tăng nên trao cho vị kia tùy theo một tội trước kia che dấu trao cho yết-ma phú tàng, và theo tội thứ hai mà sau che dấu, trao cho yết-ma phú tàng.

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, che dấu một tội, phát lồ một tội. Vị kia thôi tu, rồi trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, cùng với tội trước kia che dấu, sau cả hai đều phát lồ. Tăng nên trao cho yết-ma phú tàng cho tỳ-kheo kia tùy số ngày của một tội phạm mà trước kia che dấu. Cho pháp ma-na-đỏa cho cả hai, kể luôn tội thứ hai.

Nhớ một tội, không nhớ một tội, tạo thành bốn vế; cũng như vậy.

Nghi một tội, không nghi một tội, tạo thành bốn vế; cũng lại như vậy.

Biết một tội, không biết một tội, tạo thành bốn vế; cũng lại như vậy.

Khi xin tội phú tàng, che dấu một tội, phát lồ một tội, tạo thành bốn vế; cũng lại như vậy.

(Trong đây, từ che dấu của một tội, không che dấu một tội, cho đến đây, có tất cả năm nhóm. Mỗi nhóm đều có bốn vế, như che một không che một thành bốn vế. Tổng cộng thành hai mươi vế).

Khi hành pháp phú tàng, hai mươi vế; cũng lại như vậy. Hành pháp phú tàng rồi, hai mươi vế; cũng lại như vậy. Khi hành pháp ma-na-đỏa, hai mươi vế; cũng như vậy. Hành pháp ma-na-đỏa rồi, hai mươi vế; cũng lại như vậy.

Làm sa-di rồi trở lại thọ đại giới, một trăm vế; cũng lại như vậy. Điên cuồng, một trăm vế; cũng lại như vậy. Thống não, một trăm vế; cũng lại như vậy. Tăng trao cho pháp bất kiến tội cử, một trăm vế; cũng lại như vậy. Không sám hối tội cử, một trăm vế cũng lại như vậy. Ác kiến bất xả tội cử, một trăm vế cũng lại như vậy.

5. Bấy giờ, có tỳ-kheo đang hành phú tàng thì bãi đạo. Sau đó, trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, vị kia tự nghĩ: «Ta nên như thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo đang hành phú tàng, bãi đạo, rồi trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, nên nối lại số ngày đã hành trước kia, rồi tiếp tục hành phú tàng số ngày còn lại.»

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo đáng cho bổn nhật trị. Tỳ-kheo kia bãi đạo rồi trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, Tăng nên tác pháp bổn nhật trị cho tỳ-kheo kia, bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Bấy giờ, có tỳ-kheo hành phú tàng xong rồi, bãi đạo. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Bấy giờ, có tỳ-kheo đang hành ma-na-đỏa, bãi đạo. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, tỳ-kheo kia đã hành bao nhiêu ngày ma-na-đỏa rồi mới nghỉ, còn số ngày chưa hành nên tiếp tục hành.

Bấy giờ, có tỳ-kheo hành ma-na-đỏa xong rồi, bãi đạo. Sau đó trở lại thọ đại giới. Thọ đại giới rồi, Tăng nên trao cho vị kia pháp xuất tội bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Trường hợp trở lại làm Sa-di, năm vế cũng như vậy. Điên cuồng, năm vế cũng như vậy. Loạn tâm, năm vế cũng [901a1] như vậy. Thống não, năm vế cũng như vậy. Tăng trao cho các pháp yết-ma bất kiến tội cử, bất sám hối tội cử, ác kiến bất xả cử, mỗi tội cử năm vế cũng như vậy.

6. Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo khi hành pháp phú tàng, trung gian phạm tội, biết số ngày mà che dấu. Vị kia tự nghĩ rằng: «Ta nên như thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu khi hành phú tàng, trung gian lại phạm tội, biết số ngày mà che dấu. Tăng nên tùy theo trung gian phạm tội mà trao cho yết-ma phú tàng. Cho yết-ma phú tàng rồi trao cho bổn nhật trị. Hành bổn nhật trị của phú tàng rồi, trao cho ma-na-đỏa. Trao cho ma-na-đỏa rồi, nên xuất tội cho người đó.»

Không biết số ngày che dấu cũng như vậy. Biết số ngày che dấu, không biết số ngày che dấu cũng như vậy. Hành phú tàng rồi, cũng như vậy.

Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo đang hành ma-na-đỏa, trung gian phạm tội, biết số ngày, không che dấu. Vị kia nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo trong khi hành ma-na-đỏa, trung gian lại phạm chồng, biết số ngày, không che dấu. Tăng nên trao cho pháp ma-na-đỏa. Trao ma-na-đỏa rồi, nên trao cho

pháp bổn nhật trị của ma-na-đỏa. Hành bổn nhật trị ma-na-đỏa rồi, nên trao cho yết-ma xuất tội.»

Không biết số ngày, không che dấu; cũng như vậy. Biết số ngày, không biết số ngày, không che dấu; cũng như vậy. Hành ma-na-đỏa rồi, biết số ngày, không che dấu; cũng như vậy. Biết số ngày, không biết số ngày, không che dấu; cũng như vậy.

7. Lúc bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, che dấu, không che dấu, che dấu hoàn toàn, không che dấu hoàn toàn, một tội danh, nhiều chủng loại, tự tánh, phi tự tánh; chỗ trú khác nhau. Vị kia nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao yết-ma phú tàng cho tỳ-kheo kia tùy theo ngày che dấu.»

Nên trao như vầy: Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa rằng:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, che dấu, không che dấu, che dấu hoàn toàn, không che dấu hoàn toàn, một tội danh, nhiều chủng loại, tự tánh, phi tự tánh; chỗ trú khác nhau. Tùy theo ngày che dấu đến bên Chúng Tăng xin yết-ma phú tàng. Cúi xin Tăng cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Từ mẫn cố!»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, che dấu,

không che dấu, che dấu hoàn toàn, không che dấu hoàn toàn, một tội danh, nhiều chủng loại, tự tánh, phi tự tánh; chỗ trú khác nhau. Vị kia tùy theo ngày che dấu đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Vị kia tùy theo ngày che dấu đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng. Nay Tăng cho tỳ-kheo tên... yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo... kia yết-ma tùy phú tàng theo ngày che dấu thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã chấp thuận trao cho Tỳ-kheo... yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Vị kia đang hành pháp phú tàng, trung gian lại tái phạm tội, biết số ngày che dấu, vị kia nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia bạch tứ yết-ma bổn nhật trị đối với trung gian phú tàng của tội trước.»

Nên trao như vầy: Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Tôi tùy theo số ngày che dấu đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng; Tăng đã cho tôi yết-ma phú tàng. Tôi tỳ-kheo... khi hành pháp phú tàng phạm tội trở lại, biết số ngày che dấu, đến bên Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú

tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Cúi xin Tăng trao cho tôi yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo này đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Tỳ-kheo này khi hành pháp phú tàng, trung gian phạm tội, lại biết số ngày che dấu, nay đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho tỳ-kheo này yết-ma tội phạm trước, trung gian tái phạm phú tàng bổn nhật trị. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo này tùy theo ngày che dấu đã đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng, Tăng đã trao cho tỳ-kheo này yết-ma tùy theo ngày che dấu. Tỳ-kheo này khi hành pháp phú tàng, trung gian lại tái phạm biết số ngày che dấu, nay đến Tăng xin yết bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo này yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo tên... yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo tên là... yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm

trước rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo hành pháp phú tàng, trung gian lần thứ hai tái phạm, cũng như vậy. Tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng rồi bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo này sáu đêm ma-na-đỏa bằng bạch tứ yết-ma.»

Nên trao cho như vầy: Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Tùy theo ngày che dấu, đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Tăng đã cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Khi tôi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu, đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tôi yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Nhưng khi tôi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đến bên Tăng xin yết bổn nhật trị của phú tàng của trung gian tái phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tôi yết-ma bổn nhật trị của phú tàng của trung gian tái phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tôi tỳ-kheo tên là... đã hành pháp phú tàng rồi, nay đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, từ mẫn cố.» [902a1]

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn biết số ngày, không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo này tùy theo ngày che dấu, đã đến bên

Tăng xin yết-ma phú tàng. Tăng đã cho tỳ-kheo này yết-ma phú tàng. Tỳ-kheo này khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo này yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Nhưng tỳ-kheo này khi hành pháp phú tàng lại trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đã đến bên Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng của trung gian tái phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo này yết-ma bổn nhật trị của phú tàng của trung gian tái phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng rồi, nay đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này đã phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, cho đến chỗ trụ khác nhau. Tùy theo ngày che dấu, đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng. Tăng đã cho tỳ-kheo này yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Khi tỳ-kheo này hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Nhưng tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng của trung gian tái phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng của trung gian tái phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng rồi, nay đến xin sáu đêm ma-na-đỏa. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa, các trưởng lão nào chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo... sáu đêm ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo.... sáu đêm ma-na-đỏa rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Bấy giờ, tỳ-kheo kia hành ma-na-đỏa rồi, bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia pháp xuất tội bằng bạch tứ yết-ma, như trên.»

Nên xuất tội như vầy: Khi Chúng Tăng xuất tội cho tỳ-kheo kia mà không như pháp, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Lắng nghe cho kỹ: Nếu tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, *cho đến* chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo kia đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu, Tăng trao cho yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Vị kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu. Vị kia đến bên Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm của tội phạm trước. Nhưng tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tỳ-kheo kia tưởng là đúng, hành pháp phú tàng rồi đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Tăng cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa phi pháp. Tỳ-kheo kia tưởng là đúng, hành ma-na-đỏa xong, đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Tăng cho tỳ-kheo kia xuất tội phi pháp, Ta nói tỳ-kheo này không thanh tịnh, tội không khỏi.

«Trường hợp có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn biết số ngày, không biết số ngày, *cho đến* chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo kia tùy theo ngày che dấu đã đến bên Tăng xin yết-ma phú

tàng. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng trung gian trùng phạm. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng trung gian trùng phạm. Nhưng tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước như pháp. Nhưng tỳ-kheo kia hành pháp phú tàng rồi, đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa không như pháp. Tỳ-kheo kia tưởng là như pháp, hành ma-na-đỏa rồi, đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Tăng trao cho tỳ-kheo kia xuất tội phi pháp. Ta nói tỳ-kheo kia không thanh tịnh, tội không khỏi.

«Trường hợp có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn biết số ngày, không biết số ngày, *cho đến* chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo kia tùy theo ngày che dấu đã đến bên Tăng xin yết-ma phú tàng. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng trung gian trùng phạm. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng trung gian trùng phạm. Nhưng tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước như pháp. Tỳ-kheo kia hành phú tàng xong, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa như pháp. Tỳ-kheo kia hành ma-na-đỏa rồi, đến tăng xin yết-ma xuất tội. Tăng trao cho tỳ-kheo kia xuất tội phi pháp. Ta nói người này không thanh tịnh, tội không khỏi.

«Trong đây, biết số ngày, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số che dấu, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Không biết số ngày, che dấu, ba vế; cũng như vậy. Không biết số ngày, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Không biết số ngày, che dấu, không che dấu; ba câu cũng như vậy. Biết số ngày, không biết số ngày, che dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số ngày, không biết số ngày, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số ngày, không biết số ngày, che dấu, không che dấu, ba vế; cũng như vậy.

«Trong đây, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không biết số ngày, *cho đến* chỗ trụ khác nhau. Tỳ-kheo kia tùy theo ngày che dấu đã đến Tăng xin yết-ma phú tàng, Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm, biết số ngày che dấu, đã đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tăng đã trao cho tỳ-kheo này yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm. Nhưng tỳ-kheo kia khi hành pháp phú tàng, trung gian tái phạm lần thứ hai, biết số ngày che dấu, đến Tăng xin yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai. Tăng trao cho Tỳ-kheo kia [903a1] yết-ma bổn nhật trị của phú tàng đối với trung gian trùng phạm lần thứ hai của tội phạm trước. Tỳ-kheo kia hành phú tàng xong, đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa như pháp. Tỳ-kheo kia hành ma-na-đỏa rồi, đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Tăng đã trao cho tỳ-kheo kia xuất tội như pháp. Ta nói tỳ-kheo này thanh tịnh không phạm, tội được khỏi.

«Biết số, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số, che dấu, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Không biết số, che dấu, ba vế; cũng như vậy. Không biết số, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Không biết số, che dấu, không che dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số, không biết số, che dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số, không biết số, không che

dấu, ba vế; cũng như vậy. Biết số, không biết số, che dấu, không che dấu, ba vế cũng như vậy.»

8. Lúc bấy giờ, trú xứ nọ có hai tỳ-kheo phạm tội tăng tàn. Tỳ-kheo kia trong ngày, từ trú xứ ra đi và nói: «Nếu gặp được tỳ-kheo thanh tịnh tôi sẽ sám hối.» Tỳ-kheo thứ nhất khi bắt đầu đi, lại che dấu. Tỳ-kheo thứ hai khi thấy tỳ-kheo khác bèn che dấu; như vậy cả hai đều che dấu. Vị thứ nhất nhớ tội. Vị thứ hai không nhớ tội. Vị kia nhớ mà che dấu là phú tàng. Vị không nhớ, chẳng phải phú tàng. Vị thứ nhất nghi, vị thứ hai không nghi. Vị nghi mà che dấu tức là không phú tàng. Vị không nghi mà che dấu tức là phú tàng. Vị thứ nhất biết, vị thứ hai không biết. Vị biết mà che dấu tức là phú tàng. Vị không biết mà che dấu tức là không phú tàng.

9. Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, mà bảo là phạm ba-la-di che dấu. Vị kia nghĩ rằng: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm tội tăng tàn bảo là ba-la-di che dấu, nên trao cho pháp sám đột-kiết-la, sau đó trao cho ma-na-đỏa.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, mà bảo là phạm ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết che dấu, vị kia nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm tội tăng tàn mà gọi là ba-dật-đề *cho đến* ác thuyết che dấu, dạy họ tác pháp sám hối đột-kiết-la rồi trao cho ma-na-đỏa.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm ba-dật-đề mà bảo là ba-la-di che dấu. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm ba-dật-đề mà bảo là ba-la-di che dấu, nên dạy họ sám đột-kiết-la rồi sau như pháp sám.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm ba-dật-đề mà bảo là phạm tăng tàn, cho đến ác thuyết che dấu. Đức Phật dạy:

«Nên dạy họ sám đột-kiết-la rồi sau như pháp sám. ba-dật-đề, ba-la-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết cũng như vậy.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, nếu tác ý tăng tàn phú tàng, thì nên dạy họ sám đột-kiết-la, sám rồi trao cho phú tàng. Phạm ba-dật-đề cho đến ác thuyết cũng như vậy.

10. Bấy giờ, nơi trú xứ nọ có tỳ-kheo phạm nhiều tội tăng tàn. Tỳ-kheo kia không nhớ số tội phạm, không nhớ số ngày. Vị kia nghĩ như vầy: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, không nhớ số tội phạm, không nhớ số ngày, thì nên kể từ lúc thanh tịnh về sau là phú tàng. Nếu nhớ số tội phạm mà không nhớ ngày cũng nên kể từ lúc thanh tịnh về sau là phú tàng. Nếu nhớ số ngày mà không nhớ tội phạm nên tính theo ngày mà trao cho tội phú tàng.

«Nghi, không nghi; cũng như vậy. Biết, không biết; cũng như vậy.»

Tỳ-kheo kia hoặc nhớ số lượng một tội, hoặc không nhớ số lượng một tội, hoặc nhớ số ngày một tội, hoặc không nhớ số ngày một tội, nên kể từ ngày thanh tịnh về sau là che dấu. Nếu nhớ số lượng phạm hoặc nhớ số ngày phạm một tội, không nhớ số ngày phạm một tội, nên kể từ thanh tịnh về sau là che dấu. Nếu nhớ số ngày hoặc nhớ số tội phạm, hoặc không nhớ số tội phạm, nên tính ngày trao cho tội che dấu. Nghi, không nghi; cũng như vậy. Biết, không biết; cũng như vậy.»

11. Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn biết số lượng, không che dấu. Vị kia đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng trao cho vị kia sáu đêm ma-na-đỏa. Liền trong ngày ấy tái phạm, biết số lượng che dấu, vị kia nghĩ như vầy: «Ta

nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm tội tăng tàn biết số lượng, không che dấu, đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng trao cho sáu đêm ma-na-đỏa, liền trong ngày ấy tái phạm, biết số lượng che dấu, Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia ma-na-đỏa và nói: ‹Này tỳ-kheo, thầy nên hành lại pháp ma-na-đỏa.› Nếu hành pháp ma-na-đỏa một đêm, cho đến sáu đêm, trong thời gian ấy tái phạm, biết số lượng che dấu, Tăng nên trao cho tỳ-kheo này ma-na-đỏa. Trao cho ma-na-đỏa rồi, nên trao cho bổn nhật trị của ma-na-đỏa. Hành bổn nhật trị ma-na-đỏa rồi, nên cho pháp xuất tội.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, biết số lượng không che dấu, đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng trao cho vị kia sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia liền trong ngày ấy, trung gian tái phạm, không biết số lượng che dấu. Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa và nói: «Này tỳ-kheo, thầy nên hành ma-na-đỏa lại. Nếu hành một đêm, cho đến sáu đêm, trong thời gian ấy tái phạm, không biết số lượng che dấu. Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia ma-na đỏa. Trao cho họ ma-na-đỏa rồi, nên trao cho ma-na-đỏa bổn nhật trị, trao cho ma-na-đỏa bổn nhật trị rồi, nên trao cho pháp xuất tội.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, biết số ngày, không che dấu, đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa, Tăng trao cho vị kia sáu đêm ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia liền trong ngày ấy tái phạm, biết số lượng, không biết số lượng che dấu. Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa và nói: «Này Tỳ-kheo, thầy nên hành ma-na-đỏa lại.» Nếu hành một đêm, cho đến sáu đêm, trong thời gian ấy tái phạm, biết số lượng, không biết số lượng, che dấu. Tăng nên trao cho tỳ-kheo kia sáu đêm ma-na-đỏa. Vị kia hành ma-na-đỏa rồi, nên trao cho bổn nhật trị ma-na-đỏa, trao cho bổn nhật trị ma-na-đỏa rồi, nên trao cho pháp xuất tội.

Không biết số lượng, không che dấu; cũng như vậy. Biết số lượng, không biết số lượng, không che dấu; cũng như vậy[724].

---o0o---

CHƯƠNG XIII - PHÚ TÀNG[725]

[904a7] Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo bản thân hành phú tàng, lại cùng nhau trao yết-ma phú tàng, yết-ma bổn nhật trị, ma-na-đỏa, xuất tội. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên bản thân hành phú tàng mà trao cho người khác yết-ma phú tàng, bổn nhật trị, ma-na-đỏa, xuất tội.»

Tỳ-kheo hành bổn nhật trị kia lại thay nhau tác phú tàng bổn nhật trị, ma-na-đỏa, xuất tội. Đức Phật dạy:

«Không nên bản thân hành bổn nhật trị, lại thay nhau tác phú tàng, bổn nhật trị, ma-na-đỏa, xuất tội.»

Tỳ-kheo bản thân hành ma-na-đỏa, lại thay nhau tác phú tàng. Đức Phật dạy:

«Không nên bản thân hành ma-na-đỏa, và trao cho người khác tác yết-ma phú tàng, cho đến xuất tội.»

Tỳ-kheo bản thân xuất tội, lại thay nhau tác yết-ma phú tàng, cho đến xuất tội. Đức Phật dạy:

«Không nên bản thân xuất tội, và trao cho người khác yết-ma phú tàng, cho đến xuất tội.»

Có vị hành phú tàng, lại thay nhau tác yết-ma phú tàng, bổn nhật trị, ma-na-đỏa, túc số hai mươi vị để xuất tội. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy; bản thân hành Phú tàng, bổn nhật trị cũng như vậy; bản thân hành ma-na-đỏa cũng như vậy; bản thân hành xuất tội cũng như vậy.

Có vị hành phú tàng, lại trao cho người khác thọ đại giới, cho người khác y chỉ, nuôi sa-di, thọ Tăng sai, sai rồi giáo thọ tỳ-kheo-ni. Đức Phật dạy:

«Người hành phú tàng không được làm như vậy.»

Có vị khi hành phú tàng, biết có tỳ-kheo khác có thể thuyết giới, lại thuyết giới cho các vị ấy. Ở trong Tăng, hoặc hỏi, hoặc trả lời nghĩa Tỳ-ni. Hay ở trong túc số khi Chúng Tăng làm yết-ma. Hoặc nhận Tăng yết-ma sai làm người bình đoán sự; nhận làm sứ giả cho chúng Tăng. Đức Phật dạy:

«Người hành phú tàng không được làm như vậy.»

Có vị hành phú tàng vào tụ lạc quá sớm, về quá trễ; hoặc không gần gũi sa-môn, lại gần gũi với ngoại đạo; không tùy thuận tỳ-kheo, nói quanh co. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị hành phú tàng, hoặc phạm tội này, hoặc tương tợ tội này, hoặc từ tội này sanh, hoặc trùng phạm tội này, ngăn trách yết-ma của người khác và làm người tác yết-ma. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Có vị hành phú tàng, nhận tỳ-kheo thanh tịnh trải chỗ ngồi, rửa chân, lau giày dép, xoa chà thân thể. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị hành phú tàng, nhận sự đón rước, lễ bái, vòng tay cung kính hỏi chào, cầm y bát của tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị hành phú tàng, tác ức niệm, tác tự ngôn đối với tỳ-kheo thanh tịnh, làm chứng cho người khác, ngăn thuyết

giới, ngăn tự tứ, cùng với tỳ-kheo thanh tịnh tranh tụng. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị hành phú tàng, cùng với tỳ-kheo thanh tịnh đi vào nhà bạch y, hoặc theo tỳ-kheo khác đi, hoặc dẫn tỳ-kheo khác đi, hoặc nhận người khác cúng dường, hoặc nhận sự cạo tóc của tỳ-kheo thanh tịnh, hay nhờ tỳ-kheo thanh tịnh làm sứ giả. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị hành phú tàng, cùng tỳ-kheo thanh tịnh đi đến bữa ăn trước và bữa ăn sau; đi trước, cùng nói, hay đi ngang hàng, hoặc lật ngược y, hoặc trùm y phủ hai vai, hoặc trùm đầu, hoặc phủ hai vai, hoặc mang giày dép. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy. Từ nay về sau cho phép để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đi theo sau.»

Có tỳ-kheo đang hành phú tàng, có ý nghĩ, không lên đến nơi ăn. Sợ tỳ-kheo khác biết là mình đang hành phú tàng. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Vị đang hành phú tàng kia lại nghĩ, lên đến bữa ăn nhưng không ngồi. Sợ tỳ-kheo khác biết mình đang hành phú tàng.

Có tỳ-kheo đang hành phú tàng nọ có ý nghĩ, chỉ ăn thức ăn được mời. Sợ tỳ-kheo kia biết ta hành phú tàng. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Vị hành phú tàng kia cùng tỳ-kheo thanh tịnh theo thứ tự ngồi. Đức Phật dạy:

«Không được ngồi như vậy. Cho phép đi và ngồi sau.»

Đức Thế Tôn có dạy:

«Người phạm tội nên đi và ngồi sau.»

Có vị bèn ngồi sau bạch y. Đức Phật dạy:

«Không nên ngồi như vậy.»

Có vị ngồi dưới sa-di. Đức Phật dạy:

«Không nên ngồi như vậy. Nên ngồi và đi sau đại tỳ-kheo.»

Vị hành phú tàng nọ đi kinh hành chung chỗ kinh hành của tỳ-kheo thanh tịnh. Vị kia kinh hành chỗ thấp, mình kinh hành chỗ cao. Hoặc đi trước, hoặc cùng nói, hoặc đi ngang hàng, lật ngược y, trùm y hai vai, trùm đầu, phủ hai vai, mang giày dép. Đức Phật dạy:

«Cho phép để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đi phía sau.»

Vị hành phú tàng kia trên đường đi khởi ý nghĩ, không đi trên đường chánh. Sợ các tỳ-kheo khác biết ta đang hành phú tàng. Đức Phật dạy:

«Không nên nghĩ như vậy.»

Vị hành phú tàng kia, trên đường đi, khởi ý nghĩ, hãy đi phía sau. Sợ tỳ-kheo khác biết ta đang hành phú tàng. Đức Phật dạy:

«Không nên nghĩ như vậy.»

Vị hành phú tàng kia ngồi chung một giường, một ván với tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Phật dạy:

«Không nên ngồi như vậy.

«Nếu giường dài hay ván dài thì Phật cho phép làm cách đoạn, sau đó mới ngồi. Nếu các loại giường khác thì ngồi đằng sau.»

Vị hành phú tàng kia vào bữa tiểu thực, đại thực nên lau quét, trải chỗ ngồi, lấy bình đựng nước rửa, dụng cụ đựng đồ ăn thừa. Trải tọa cụ cho tỳ-kheo thanh tịnh; *cho đến* đồ rửa chân, vật lau chân, đồ đựng nước. Tỳ-kheo thanh tịnh đến, nên ra ngoài xa đón rước, cầm y bát. Nếu có giường nào khác, chỗ để bát, thì đặt nơi đó. Tăng-già-lê ở trên đầu, trên vai nên lấy xem có bụi đất bẩn hay không. Nếu có bụi đất bẩn thì nên đập giũ. Nên giặt thì giặt. Giặt rồi nên phơi khô, treo trên giường dây, giường cây. Nên trải chỗ ngồi cho tỳ-kheo thanh tịnh, lấy đồ rửa chân, khăn lau chân, đồ đựng nước, lau giày dép rồi để phía bên tả, xem coi đừng để nước bùn làm bẩn. Nếu bị nước bùn bẩn thì nên di chuyển đến chỗ khác. Tỳ-kheo thanh tịnh rửa chân rồi, nên dọn dẹp cục đá rửa chân, đồ đựng nước; đem để lại chỗ cũ. Vị kia nên rửa tay sạch, trao thức ăn buổi chiều cho tỳ-kheo thanh tịnh. Khi tỳ-kheo thanh tịnh ăn, nên cung cấp các thứ cần dùng như sữa, tương, man-nâu, dấm chua, muối, rau. Nếu thời tiết nóng thì nên quạt, cần nước thì đưa nước. Nếu sợ quá giữa ngày thì nên cùng ăn. Tỳ-kheo thanh tịnh ăn xong, nên rước lấy bình bát, đưa nước rửa tay. Nếu tự mình ăn rồi, thức ăn còn nên cho người, hoặc phi nhơn, hoặc đổ chỗ nước không có trùng, hay chỗ đất không có cỏ. Rửa đồ đựng thức ăn rồi để lại chỗ cũ. Quét dọn nhà ăn, dọn dẹp sạch sẽ. Tỳ-kheo kia dùng cái bát mình thường ăn đựng rác đem đổ. Tỳ-kheo khác thấy vậy nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng bình bát đựng đồ rác rưởi. Cho phép dùng cái bồn, cái mâm. Hoặc quét. Bình bát chỉ nên đựng đồ sạch sẽ mà thôi.»

Tỳ-kheo hành phú tàng kia, khi Tăng cần tắm rửa[726], nên đến tỳ-kheo thanh tịnh hỏi: ‹Thưa đại đức, ngài có tắm không?› Nếu vị đó trả lời là tắm, thì tỳ-kheo này nên đến xem coi nhà tắm có bẩn không. Nếu bẩn thì nên quét dọn.

Cần dội nước thì nên [905a1] dội nước; cần củi thì lấy củi; củi cần bửa thì bửa; cần lửa thì nhen lửa; cần đun nước thì đun. Nên trao cho tỳ-kheo thanh tịnh bình đựng nước tắm, ghế ngồi tắm, dao cạo mồ hôi, đồ đựng nước, đồ đựng bùn, vỏ cây, thuốc bột mịn, hoặc bùn. Nên hỏi Thượng tọa trước khi nhen lửa. Nếu tỳ-kheo thanh tịnh bệnh, hoặc già yếu, thì nên dìu đến nhà tắm. Nếu không thể đi được thì nên dùng giường dây, giường cây hoặc y khiêng đến nhà tắm. Nên lấy y của tỳ-kheo thanh tịnh treo trên cây sào, hay long nha hoặc cây trụ. Nếu có dầu thì nên thoa nơi thân vị ấy. Đồ đựng dầu để chỗ không bảo đảm, đức Phật bảo treo trên cây long nha hay cây trụ, hoặc treo trên vách tường.

Nếu tỳ-kheo thanh tịnh bệnh già yếu thì nên dìu vào trong nhà tắm, trao giường dây, giường cây, bình nước tắm, dao cạo mồ hôi, đồ đựng nước, bình đựng bùn, vỏ cây, thuốc bột mịn, bùn. Nếu bị khói xông lên con mắt thì nên dùng đồ che. Nếu đầu bị nóng, lưng bị nóng nên lấy đồ che. Nếu muốn vào nhà tắm để tắm thì nên bạch với tỳ-kheo thanh tịnh ý muốn của mình. Nếu sợ bạch tỳ-kheo thanh tịnh phiền ngài, hay bị trở ngại thì hầu ngài vào nhà tắm, đứng sau tỳ-kheo thanh tịnh xoa chà thân người. Vị kia liền vào nhà tắm, đến đứng sau lưng tỳ-kheo thanh tịnh, họ nên vì các tỳ-kheo xoa chà thân thể, không nên nhận sự xoa chà của người khác. Chờ thanh tịnh tỳ-kheo tắm rồi mình mới tắm. Nếu tỳ-kheo thanh tịnh già thì nên dìu ngài ra. Nếu bệnh thì dùng giường dây, giường cây khiêng ra nhà tắm. Nên trao cho tỳ-kheo thanh tịnh tòa ngồi, đồ rửa chân, khăn lau chân, giày dép. Nên lấy y của tỳ-kheo thanh tịnh trương ra xem, đập dũ, đừng để rắn, bò cạp, các loại độc trùng ở trong đó, rồi sau đó mới trao cho ngài. Nếu có thuốc nhỏ mắt và có hương bằng viên thì trao cho ngài. Nếu có nước cam bồ đào, mật, thạch mật, rửa tay sạch để thọ rồi trao cho ngài. Nếu tỳ-kheo thanh tịnh già bệnh, khí lực kém thì nên dìu, hay dùng giường dây, giường cây hoặc y khiêng trở về phòng.

Nên vào trước trong phòng của tỳ-kheo thanh tịnh trải ngọa cụ, hoặc giạ bằng lông, rồi bồng ẳm, hay đỡ tỳ-kheo thanh

tịnh nằm xuống, lấy áo lót mặc vào trong, lấy mền đắp lên trên. Khi ra khỏi phòng nên đóng cửa, và trở lại trong nhà tắm xem coi. Nếu có giường dây, giường cây, bình nước tắm, dao cạo mồ hôi, đồ đựng nước, đồ đựng bùn, vỏ cây, thuốc bột mịn hay bùn thì để lại chỗ cũ; cần dội nước rửa nhà tắm thì dội, có nước không sạch cần đổ thì đổ, có lửa cần tắt thì tắt, cần che phủ lại thì che phủ, cửa nhà tắm cần đóng thì đóng, cần tháo ra thì tháo ra. Một ngày ba lần đến chỗ tỳ-kheo thanh tịnh, vị ấy cần việc gì thì nên như pháp làm tất cả. Nếu tỳ-kheo thanh tịnh có việc gì cần làm thì không được chống trái. Nếu chống trái thì sẽ như pháp trị.

Đến ngày bố-tát, vị hành phú tàng kia phải lau quét chỗ bố-tát, trải chỗ ngồi, lấy bình đựng nước, bình rửa chân, đèn dầu, sắp thẻ xá-la. Bố-tát xong, vị hành phú tàng kia phải dọn dẹp ghế ngồi, bình nước, bình rửa chân, thẻ xá-la để lại chỗ cũ.

Vị tỳ-kheo hành phú tàng ở nơi phòng tốt. Các tỳ-kheo khách không có chỗ ở. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo hành phú tàng không nên ở phòng tốt. Cho phép ở nơi phòng nhỏ.»

Tỳ-kheo khách đến, bảo tỳ-kheo hành phú tàng ra ngoài. Đức Phật dạy:

«Không nên bảo như vậy mà cũng không nên đi ra. Cho phép nói như vầy: ‹Chúng tôi không được phép ngủ chung hai, ba người.›»

Tỳ-kheo hành phú tàng có ý nghĩ, y vật của Chúng Tăng tùy theo thứ tự nhận lấy hay tùy theo chỗ ngồi mà nhận? Đức Phật dạy:

«Tùy theo thứ tự mà nhận. Nhận rồi phải về chỗ sau mà ngồi.»

Tỳ-kheo hành phú tàng nghĩ, chúng ta có được sai sử lẫn nhau không? Đức Phật dạy: « Được.»

Chúng ta được tự cung kính nhau, lễ bái, đón tiếp, vòng tay hỏi chào nhau không? Đức Phật dạy: «Được.»

Có vị nghĩ, chúng ta có được phép sai người của Tăng-già-lam hay sa-di không? Đức Phật dạy: «Được phép.»

Chúng ta có được phép nhận sự lễ bái, đón tiếp, vòng tay hỏi chào của người Tăng-già-lam và sa-di không? Đức Phật dạy: «Được phép nhận.»

Vị hành phú tàng kia không bạch với tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Phật dạy: «Cho phép bạch.»

Nên bạch như sau: Đến ngày bố-tát, tỳ-kheo kia phải đến trong Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên bữu chấm đất, bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! tôi là tỳ-kheo tên... phạm tội tăng tàn, tùy theo ngày che dấu, đến Tăng xin yết-ma phú tàng, Tăng cho tôi yết-ma phú tàng tùy theo ngày che dấu. Tôi là tỳ-kheo tên... đã phụng hành (bao nhiêu)... ngày, còn... (bao nhiêu) ngày. Bạch đại đức Tăng chứng tri cho, tôi là người đang hành phú tàng.»

Nếu đại chúng khó tập họp, hoặc không muốn phụng hành, hoặc vị kia có nhiều khiếp nhược, có hổ thẹn thì nên đến tỳ-kheo thanh tịnh thưa:

«Bạch Đại đức Thượng tọa! Nay tôi xin tạm thời xả giáo sắc, không phụng hành.»

Nếu khi nào muốn phụng hành, thì nên đến tỳ-kheo thanh tịnh thưa:

«Bạch Đại đức! Nay tôi xin tùy theo giáo sắc, phụng hành lại.»

Vị hành phú tàng kia đến chỗ khác, gặp tỳ-kheo khác, không bạch. Đức Phật dạy:

«Phải bạch. Không bạch thì mất một đêm; mắc tội đột-kiết-la.»

Đức Thế Tôn cho phép bạch, có tỳ-kheo bèn từ đây đến chỗ khác bạch. Từ đây đến chỗ khác bạch nhiều lần nên mỏi mệt. Đức Phật dạy:

«Không nên từ chỗ này đến chỗ khác bạch. Cho phép nếu có nhơn duyên đến thì nên bạch. Nếu không bạch thì mất một đêm; lại mắc tội đột-kiết-la.»

Vị hành phú tàng kia, có khách tỳ-kheo đến, không bạch. Đức Phật dạy:

«Phải bạch. Nếu không bạch thì mất một đêm; lại phạm đột-kiết-la.»

Đức Thế Tôn cho phép bạch. Vị kia bạch khách tỳ-kheo ngay trên đường đi. Khi các tỳ-kheo cần đi gấp, nên bực bội. Đức Phật dạy:

«Không nên bạch với các tỳ-kheo đi gấp trên đường. Nên ở trong Tăng-già-lam. Đối vời những vị đi thong thả, hãy bạch. Nếu không bạch thì mất một đêm, mắc tội đột-kiết-la.»

Vị hành phú tàng kia bị bệnh, không nhờ người tin cậy thưa. Đức Phật dạy:

«Phải thưa. Nếu không thưa, mất một đêm và phạm tội đột-kiết-la.»

Vị hành phú tàng kia cùng hai, ba người ngủ chung một phòng. Đức Phật dạy:

«Không được ngủ như vậy. Nếu hai, ba người cùng ngủ một phòng thì mất một đêm, lại phạm đột-kiết-la.»

Vị hành phú tàng kia cư trú chỗ không có tỳ-kheo. Đức Phật dạy:

«Không nên ở như vậy. Nếu ở thì mất một đêm, mắc đột-kiết-la.»

Vị hành phú tàng kia, vào kỳ thuyết giới mỗi nửa tháng, không bạch. Đức Phật dạy:

«Cho phép bạch. Nếu không bạch, mất một đêm và mắc đột-kiết-la.»

Có tám việc mất đêm: 1. Đến chùa khác không bạch. 2. Có khách tỳ-kheo đến không bạch. 3. Có duyên sự tự đi ra ngoài không bạch. 4. Trong chùa, những vị đi thong thả không bạch. 5. Bệnh không sai người tin cậy bạch. 6. Hai, ba người ngủ chung một phòng. 7. Ở chỗ không có tỳ-kheo. 8. Vào kỳ thuyết giới mỗi nửa tháng, không bạch. Đó là tám việc mất đêm.

Đức Phật cho bạch khi thuyết giới nửa tháng. Bạch như vầy: Vị hành phú tàng kia nên đến trong Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! tôi là tỳ-kheo tên... phạm tội tăng tàn, che dấu. Tôi là tỳ-kheo... tùy theo ngày che dấu, đến trong Tăng xin yết-ma phú tàng ngày che dấu. Tăng đã cho tôi yết-ma phú tàng ngày che dấu. Tôi là tỳ-kheo... đã hành... (bao nhiêu) [906a1] ngày, chưa hành... (bao nhiêu) ngày. Bạch đại đức chứng tri. Tôi là người đang hành phú tàng.»

Đức Phật cho phép tỳ-kheo hành ma-na-đỏa cũng phụng hành như trên. Vị hành ma-na-đỏa nên thường ngủ ở trong Tăng, hằng ngày bạch như sau: vị ấy để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là tỳ-kheo... phạm tội tăng tàn, không che dấu, đã đến Tăng xin sáu đêm ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm ma-na-đỏa. Tôi là tỳ-kheo... đã hành... (bao nhiêu) ngày, còn... (bao nhiêu) ngày chưa hành. Bạch các Đại đức Tăng chứng tri, tôi là người đang hành ma-na-đỏa.»

---o0o---

CHƯƠNG XIV - GIÀ YẾT-MA[727]

1. Cầu thính

[906a10] Đức Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo nghĩ rằng đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện dạy các tỳ-kheo phải hỗ tương dạy bảo nhau, nghe lời lẫn nhau, liền cử tội tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Phật dạy: «Không nên cử tỳ-kheo thanh tịnh vô tội.»

Đức Phật dạy tiếp: «Cho phép phải cầu thính[728] trước.»

Khi nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Phật cho phép cầu thính trước, liền đến tỳ-kheo thanh tịnh mà trước kia đã theo nhóm sáu tỳ-kheo để cầu thính, bảo vị này cầu thính[729]. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy, từ nay về sau cho phép tự mình có năm pháp mới được nhận cầu thính: 1. Đúng thời chứ chẳng phải phi thời. 2. Chơn thật chứ chẳng phải không chơn thật. 3. Lợi ích chứ chẳng phải tổn giảm. 4. Dịu dàng chứ chẳng phải thô lỗ. 5. Từ tâm chứ chẳng phải sân nhuế.»

Nhóm sáu tỳ-kheo tự mình không có năm pháp, tỳ-kheo khác thì tự thân có năm pháp này. Nhóm sáu tỳ-kheo đến cầu thính, vị ấy không cho. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu vị nào tự thân có năm pháp mà được cầu thính thì nên cho.»

Khi người khác cầu thính, nhóm sáu tỳ-kheo liền bỏ đi. Có khi hứa cho người khác, rồi cũng bỏ đi. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Cho phép tác tự ngôn.»[730]

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đã hứa với người khác cầu tự ngôn[731] rồi mà vẫn bỏ đi, tự mình tác tự ngôn[732], tác rồi lại bỏ đi. Đức Phật dạy: «Không nên như vậy.»

---o0o---

2. Già thuyết giới

Đức Phật dạy:

«Cho phép khi bố-tát thuyết giới, có thể ngăn thuyết giới.»

Nhóm sáu tỳ-kheo khi nghe đức Phật cho phép ngăn thuyết giới, liền ngăn tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới. Đức Phật dạy:

«Không nên làm như vậy. Các ông lắng nghe. Có trường hợp ngăn thuyết giới như pháp, có trường hợp ngăn thuyết giới không như pháp: một phi pháp, một như pháp, hai phi pháp, hai như pháp, ba phi pháp, ba như pháp, bốn phi pháp, bốn như pháp, năm phi pháp, năm như pháp, sáu phi pháp, sáu như pháp, bảy phi pháp, bảy như pháp, tám phi pháp, tám như pháp, chín phi pháp, chín như pháp, mười phi pháp, mười như pháp.

Thế nào là một phi pháp? Nếu ngăn với tác nhân[733] vô căn cứ[734] là một phi pháp.

Thế nào là một như pháp? Ngăn với tác nhân có căn cứ là một như pháp.

Thế nào là hai phi pháp? Ngăn với tác nhân không căn cứ, và không tác nhân không căn cứ[735] là hai phi pháp.

Thế nào là hai như pháp? Ngăn với tác nhân có căn cứ, hay không có tác nhân nhưng có căn cứ, là hai như pháp.

Thế nào là ba phi pháp? Ngăn bằng sự phá giới, phá kiến, phá oai nghi, mà không có căn cứ là ba phi pháp.

Thế nào là ba như pháp? Ngăn bằng sự phá giới, phá kiến, phá oai nghi, có căn cứ, là ba như pháp.

Thế nào là bốn phi pháp? Ngăn bằng sự phá giới, phá kiến, phá oai nghi không căn cứ, và tà mạng không căn cứ, là bốn phi pháp.

Thế nào là bốn như pháp? Ngăn bằng phá giới, phá kiến, phá oai nghi có căn cứ, và tà mạng có căn cứ, là bốn như pháp.

Thế nào là năm phi pháp? Ngăn bằng ba-la-di, tăng tàn, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kiết-la, mà không căn cứ, là năm phi pháp.

Thế nào là năm như pháp? Ngăn bằng ba-la-di, tăng tàn, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kiết-la, mà có căn cứ, là năm như pháp.

Thế nào là sáu phi pháp? Ngăn do có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá giới mà không có căn cứ; có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá kiến mà không có căn cứ; có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá oai nghi mà không có căn cứ; là sáu phi pháp.

Thế nào là sáu như pháp? Ngăn do có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá giới mà có căn cứ; có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá kiến mà có căn cứ; có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá oai nghi mà có căn cứ; là sáu như pháp.

Thế nào là bảy phi pháp? Ngăn bằng ba-la-di, tăng tàn, ba-dật-đề, ba-la-để-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết, mà không căn cứ, là bảy phi pháp.

Thế nào là bảy như pháp? Ngăn bằng ba-la-di, tăng tàn, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết, mà có căn cứ, là bảy như pháp.

Thế nào là tám phi pháp? Ngăn do có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá giới, phá kiến, phá oai nghi, không căn cứ, và tà mạng, mà không căn cứ là tám phi pháp.

Thế nào là tám như pháp? Ngăn do có tác nhân, hay không có tác nhân về sự phá giới, phá kiến, phá oai nghi, không căn cứ, và tà mạng, mà có căn cứ, là tám như pháp.

Thế nào là chín phi pháp? Ngăn do có tác nhân, hay không có tác nhân, hay vừa có vừa không có tác nhân về sự phá giới; do có tác nhân, hay không có tác nhân, hay vừa có vừa không có tác nhân về sự phá kiến, do có tác nhân, hay không có tác nhân, hay vừa có vừa không có tác nhân về sự phá oai nghi, mà không căn cứ, là chín phi pháp.

Thế nào là chín như pháp? Ngăn do có tác nhân, hay không có tác nhân, hay vừa có vừa không có tác nhân về sự phá giới; do có tác nhân, hay không có tác nhân, hay vừa có vừa không có tác nhân về sự phá kiến, do có tác nhân, hay không có tác nhân, hay vừa có vừa không có tác nhân về sự phá oai nghi, mà có căn cứ, là chín như pháp.

Thế nào là mười phi pháp? Chẳng phải ba-la-di; không được kể vào trong ba-la-di[736]; chẳng phải xả giới; không được kể vào trong xả giới; tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng[737]; không trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng[738]; không được kể vào trong sự trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng; phá giới không được thấy, nghe, nghi phá kiến không được thấy, nghe, nghi; phá oai nghi không được thấy, nghe, nghi. Đó gọi là mười phi pháp.

---o0o---

3. Mười như pháp già

Thế nào là mười như pháp? Ba-la-di; được kể vào trong ba-la-di; xả giới; được kể vào trong xả giới; không tùy theo Tăng yếu như pháp; trái nghịch Tăng yếu như pháp; được kể vào trong sự trái nghịch Tăng yếu như pháp; phá giới được thấy, nghe, nghi; phá kiến được thấy, nghe, nghi; phá oai nghi được thấy, nghe, nghi. Đó gọi là mười như pháp.

Thế nào là phạm ba-la-di? Như dựa vào tướng phạm ba-la-di. Tỳ-kheo thấy những tướng trạng này biết là có phạm ba-la-di. Nếu không thấy tỳ-kheo này phạm ba-la-di, mà nghe tỳ-kheo kia phạm ba-la-di. Tỳ-kheo, bằng vào sự thấy-nghe-nghi này, với sự hiện diện của tỳ-kheo kia, khi bố-tát, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo này tên là... phạm ba-la-di. Chúng Tăng không nên thuyết giới trước tỳ-kheo này. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn thuyết giới.

Khi thuyết giới, chúng Tăng gặp phải tám nạn sự khởi lên như nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn bệnh, nạn người, nạn phi nhơn, nạn trùng độc. Tỳ-kheo đó nếu muốn sử dụng thấy-nghe-nghi này[739], khi thuyết giới tại trú xứ này hay trú xứ kia[740], thì phải đối trước tỳ-kheo này, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... được kể vào trong số ba-la-di, việc này chưa quyết định được. Nay cần phải quyết định. Không nên ở trước tỳ-kheo này thuyết giới. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn thuyết giới.

Thế nào gọi là xả giới? Như dựa vào những tướng trạng mà biết là tỳ-kheo xả giới. Tỳ-kheo thấy những biểu hiện của tỳ-kheo này là tỳ-kheo xả giới. Nếu không thấy tỳ-kheo này xả giới, mà nghe tỳ-kheo tên... kia đã xả giới tỳ-kheo. Nếu

muốn sử dụng thấy-nghe-nghi này, thì trong khi bố-tát phải ở trước tỳ-kheo, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... đã xả giới. Không nên ở trước tỳ-kheo này thuyết giới. Nay tôi [907a1] ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn thuyết giới.

Khi ấy có tám nạn sự khởi, như nạn vua, cho đến nạn trùng độc. Tỳ-kheo kia nếu muốn sử dụng thấy-nghe-nghi này, thì khi bố-tát, tại trú xứ này hay trú xứ kia, ở trước tỳ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... được kể vào trong số xả giới, việc này chưa quyết định được. Nay cần phải quyết định. Không nên ở trước tỳ-kheo này thuyết giới. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn.

Thế nào là không tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng? Như dựa vào tướng mạo của sự là không tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng. Tỳ-kheo thấy những biểu hiện này, biết tỳ-kheo này không tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng. Nếu không thấy tỳ-kheo này không tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng, mà chỉ nghe tỳ-kheo tên... kia là tỳ-kheo không tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng. Nếu muốn sử dụng thấy-nghe-nghi này, thì khi bố-tát, đối trước tỳ-kheo, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... không tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng. Không nên ở trước tỳ-kheo này thuyết giới. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn.

Thế nào là trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng? Như dựa vào tướng mạo của sự trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng. Tỳ-kheo thấy những biểu hiện này, biết tỳ-kheo này trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng. Nếu không thấy tỳ-kheo này như pháp Tăng yếu trái nghịch, mà chỉ nghe tỳ-kheo... kia là tỳ-kheo trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng. Nếu muốn sử dụng thấy-nghe-nghi này, thì khi bố-tát, đối trước tỳ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng. Không nên ở

trước tỳ-kheo này thuyết giới. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn.

Khi ngăn thuyết giới mà trong tám nạn sự có bất cứ nạn sự nào khởi lên, từ nạn vua cho đến nạn trùng độc, thì tỳ-kheo kia nếu muốn sử dụng kiến-văn-nghi này nơi trú xứ này hay trú xứ nọ, thì khi bố-tát đối trước tỳ-kheo này, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... được kể trong số trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng. Việc này chưa quyết định được. Nay cần phải quyết định. Không nên ở trước vị này thuyết giới. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn.

Thế nào là phá giới? Như dựa vào tướng mạo là phá giới. Tỳ-kheo thấy những biểu hiện này biết tỳ-kheo kia phá giới. Nếu không thấy tỳ-kheo này phá giới, mà chỉ nghe tỳ-kheo tên... phá giới. Tỳ-kheo này nếu muốn sử dụng kiến-văn-nghi này, thì khi bố-tát, với dự hiện diện tỳ-kheo này, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa: «Tỳ-kheo tên... phá giới. Không nên ở trước tỳ-kheo này thuyết giới. Nay tôi ngăn tỳ-kheo này thuyết giới.» Như vậy thành ngăn.

Phá kiến, phá oai nghi cũng như vậy. Đó là mười như pháp.

---o0o---

4. Tỳ-kheo cử tội

«Nếu tỳ-kheo nào muốn cử tội tỳ-kheo khác, thì chính mình phải có năm pháp sau đây mới được cử tội người khác: 1. Đúng lúc chứ chẳng phải không đúng lúc. 2. Chơn thật chứ chẳng phải là không chơn thật. 3. Có ích chứ chẳng phải là tổn giảm. 4. Dịu dàng chứ chẳng phải là thô lỗ. 5. Từ tâm chứ chẳng phải là sân nhuế.

«Tỳ-kheo có năm pháp này được cử tội người khác. Tại sao vậy? Ta thấy tỳ-kheo cử tội người khác bằng phi thời chứ

chẳng phải bằng đúng thời, bằng sự không chơn thật chứ không bằng chơn thật, cốt gây thiệt hại chứ không vì lợi ích, bằng sự thô lỗ chứ không bằng dịu dàng, bằng sân nhuế chứ không bằng từ tâm. Các tỳ-kheo khác kia nên nói tỳ-kheo này rằng: ‹Tội của thầy được cử phi thời chứ chẳng phải là đúng thời. Đừng vì lời ấy mà khởi sân hận. Bằng sự không chơn thật chứ chẳng phải là chơn thật; cốt gây thiệt hại chứ không vì lợi ích, bằng sự thô lỗ chứ không bằng dịu dàng, bằng sân nhuế chứ không bằng từ tâm. Đừng nên vì vậy mà sân nhuế.› Nếu tỳ-kheo bị người khác cử tội không chơn thật, nên đem năm việc này giải thích và hiểu dụ: ‹Thầy bị cử tội phi thời, không chơn thật, tổn giảm, thô lỗ, sân hận. Đừng nên vì vậy mà ưu sầu.› Người bị cử tội không chơn thật nên dùng năm việc này giải thích và hiểu dụ. Có vị cử tội người khác bằng sự không chơn thật, cần phải bị khiển trách bằng năm sự này: ‹Thầy cử tội người khác phi thời chứ không đúng thời, bằng sự không chơn thật chứ không bằng sự chơn thật, cố gây thiệt hại chứ không vì lợi ích, bằng sự thô lỗ chứ không bằng sự dịu dàng, bằng sân hận chứ không dùng từ tâm. Thật đáng hổ thẹn.› Ai cử tội người khác bằng sự không chơn thật, cần phải bị khiển trách bằng năm việc này. Tại sao vậy? Để cho sau này không cử tội tỳ-kheo thanh tịnh bằng sự không chơn thật. Khiển trách rồi, nên như pháp trị.

«Tỳ-kheo bị cử tội chơn thật thì nên bằng vào năm pháp này để khiển trách như sau: ‹Thầy được cử tội là đúng thời chứ chẳng phải phi thời. Chớ nên sanh sân hận. Chơn thật chứ chẳng phải là không chơn thật, lợi ích chứ chẳng phải là thiệt hại, dịu dàng chứ chẳng phải là thô lỗ, từ tâm chứ chẳng phải là sân nhuế. Chớ nên sanh sân hận.› Tỳ-kheo bị cử chơn thật, cần được khiển trách bằng năm pháp này. Khiển trách rồi, nên như pháp trị.

«Người cử người khác bằng sự chơn thật, cần được khen ngợi bằng năm pháp này: ‹Thầy cử tội người khác đúng thời chứ chẳng phải là phi thời. Chớ nên hối hận. Chơn thật chứ chẳng phải là không chơn thật, lợi ích chứ chẳng phải là thiệt

hại, dịu dàng chứ chẳng phải là thô lỗ, từ tâm chứ chẳng phải là sân hận. Chớ nên sanh hối hận.› Người cử tội người khác chơn thật nên được khen ngợi bằng năm pháp này. Tại sao vậy? Để sau này vị ấy có cử tội người khác cũng bằng sự chơn thật mà cử.»

---o0o---

5. Pháp thức già

Tỳ-kheo muốn ngăn thuyết giới, đến trước Thượng tọa thưa: «Tôi muốn ngăn tỳ-kheo... thuyết giới, xin Thượng tọa cho phép.» Vị Thượng tọa nên hỏi: «Chính thầy bên trong có năm pháp không?» Nếu nói không thì nên khuyên vị ấy đừng nên ngăn. Nếu nói có, thì hỏi năm pháp là những gì? Nếu vị ấy không thể nói được thì nên bảo: «Đừng ngăn.» Nếu vị ấy có thể nói được thì nên hỏi: «Thầy đã hỏi ý kiến trung tọa chưa?» Nếu vị ấy nói chưa hỏi thì nên khiến hỏi ý kiến Trung tọa.

Có vị đến trước tỳ-kheo trung tọa nói: «Tôi muốn ngăn tỳ-kheo... thuyết giới. Cúi xin trưởng lão chấp thuận.» Trung tọa nên hỏi: «Chính thầy bên trong có năm pháp không?» Nếu vị ấy nói không thì nên khuyên đừng ngăn. Nếu nói có thì nên hỏi năm pháp ấy là gì? Nếu vị ấy không thể nói được thì khiến đừng ngăn. Nếu có thể nói được thì hỏi: «Thầy đã hỏi ý kiến Thượng tọa chưa?» Nếu nói chưa thì nên bảo nên hỏi ý kiến Thượng tọa. Nếu nói đã hỏi ý kiến rồi thì nên nói: «Thầy đã hỏi ý kiến hạ tọa chưa?» Nếu vị ấy nói chưa thì bảo nên hỏi ý kiến Hạ tọa.

Có vị đến trước tỳ-kheo hạ tọa thưa: «Tôi muốn ngăn tỳ-kheo... thuyết giới, cúi xin hạ tọa chấp thuận.» Hạ tọa nên hỏi: «Chính thầy có năm pháp không?» Nếu vị ấy nói không thì khuyên đừng ngăn. Nếu nói có, thì nên hỏi năm pháp ấy là gì? Nếu vị ấy không thể nói được thì bảo đừng ngăn. Nếu có thể nói được thì nên hỏi: «Thầy đã hỏi ý kiến Thượng tọa chưa?» Nếu vị ấy nói chưa thì nên khiến hỏi ý kiến Thượng tọa. Nếu nói đã hỏi rồi thì nên hỏi: «Thầy đã hỏi ý kiến trung

tọa chưa?» Nếu nói chưa thì bảo nên hỏi. Nếu nói đã hỏi rồi thì nên hỏi: «Thầy đã hỏi tỳ-kheo kia chưa?» Nếu nói chưa hỏi thì khiến hỏi.

Tỳ-kheo này nên đến chỗ tỳ-kheo kia nói: «Tôi muốn ngăn trưởng lão thuyết giới. Xin trưởng lão biết cho.» Có vị hỏi: «Bản thân thầy có đủ năm pháp không?» Nếu nói không thì nên khuyên đừng nên ngăn. Nếu nói có thì nên hỏi năm pháp ấy là gì? Nếu không thể nói được thì khuyên chớ nên ngăn. Nếu có thể nói được thì nên hỏi: «Thầy đã hỏi Thượng tọa chưa?» Nếu chưa hỏi thì bảo nên [9081a] hỏi trung tọa, hạ tọa cũng như vậy.

Tỳ-kheo ngăn nên tự quán sát: «Ta làm việc này, có tỳ-kheo đồng bạn hay không?» Nếu không có đồng bạn thì nên nói với tỳ-kheo ngăn kia rằng: «Đừng ngăn.» Nếu có đồng bạn thì nên nói: «Cần phải tùy thời.»

---o0o---

6. Cáo tội

Bấy giờ có trú xứ nọ, khi bố-tát có tỳ-kheo phạm tăng tàn, suy nghĩ: «Ta nên làm như thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có trú xứ nào, tỳ-kheo phạm tội tăng tàn chúng Tăng nên trao cho ba-lợi-bà-sa[741]. Cho ba-lợi-bà-sa rồi, nếu cần cho bổn nhật trị thì cho, nên cho cho ma-na-đỏa thì cho, nên cho cho xuất tội thì cho cho xuất tội. Tác pháp như vậy rồi thì thuyết giới.»

Bấy giờ có trú xứ nọ[742], có tỳ-kheo phạm ba-dật-đề. Trong đó, có tỳ-kheo nói phạm ba-dật-đề; có người nói phạm ba-la-đề-đề-xá-ni. Tỳ-kheo kia nghĩ: «Ta nên thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có trú xứ nào, tỳ-kheo phạm ba-dật-đề, mà có người nói phạm ba-dật-đề, có người nói phạm ba-la-đề-đề-xá-ni. Trong trường hợp đó, tỳ-kheo nào thấy là phạm ba-dật-đề thì nên hướng dẫn tỳ-kheo kia đến chỗ mắt thấy tai không nghe, bảo như pháp sám hối. Sám hối rồi đến chỗ tỳ-kheo kia nói: «Tỳ-kheo này đã như pháp sám hối tác pháp như vậy rồi thuyết giới.»

Có trú xứ nọ, có tỳ-kheo phạm thâu-lan-giá, trong khi đó có tỳ-kheo nói phạm thâu-lan-giá, có tỳ-kheo nói phạm ba-la-di. Những vị nói phạm thâu-lan-giá đều là đa văn, học A-hàm trì pháp trì luật trì ma-di, được tán trợ bởi tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, đại thần, các ngoại đạo sa-môn, bà-la-môn. Còn những vị nói phạm ba-la-di thì cũng đều là đa văn, học A-hàm trì pháp trì luật trì ma-di, được tán trợ bởi tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các ngoại đạo sa-môn bà-la-môn. Có vị khởi ý nghĩ: «Nếu nay thuyết giới, Tăng sẽ tranh cãi, phỉ báng nhau, khiến cho Tăng bị vỡ, khiến cho Tăng bị trần cấu, khiến cho Tăng chia rẽ. Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có trú xứ nào, tỳ-kheo phạm thâu-lan-giá, có vị nói phạm thâu-lan-giá, có vị nói phạm ba-la-di. Các vị nói phạm thâu-lan-giá đều là đa văn, cho đến trì ma-di, được tán trợ bởi tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cho đến sa-môn ngoại đạo bà-la-môn. Còn những vị nói phạm ba-la-di cũng đều là đa văn, cho đến trì ma-di, được tán trợ bởi tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cho đến sa-môn ngoại đạo bà-la-môn. Có vị khởi ý nghĩ: ‹Nếu thuyết giới hôm nay, Tăng sẽ tranh cãi, phỉ báng nhau, khiến Tăng bị vỡ, khiến Tăng bị trần cấu, khiến Tăng chia rẽ. Nếu tỳ-kheo coi vấn đề phá Tăng này là quan trọng thì không nên thuyết giới hôm nay.›»

Đức Phật dạy: «Cho phép ngăn thuyết giới.»

---o0o---

7. Tỳ-kheo ngăn

1. Khi nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Phật cho phép ngăn thuyết giới, thì liền ngăn tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới. Đức Phật dạy:

«Không nên ngăn tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới. Các ông nên lắng nghe, tuy ngăn thuyết giới nhưng không thành ngăn. Ngăn có tác nhân nhưng không căn cứ[743], không thành ngăn. Nếu ngăn có tác nhân có căn cứ mới thành ngăn. Ngăn mà không có tác nhân không căn cứ, không thành ngăn. Ngăn mà không có tác nhân nhưng có căn cứ, cũng thành ngăn. Ngăn mà vừa có tác nhân vừa không tác nhân, đều không căn cứ, không thành ngăn. Ngăn mà vừa có tác nhân vừa không có tác nhân, thảy đều có căn cứ, thành ngăn. Ngăn mà vừa có tác nhân vừa không có tác nhân đều không đầy đủ, và không có căn cứ, cũng vậy. Ngăn mà vừa có tác nhân vừa không có tác nhân, đều đầy đủ, nhưng có căn cứ, cũng vậy.

2. Trong năm cách thuyết giới, khi chưa thuyết giới mà ngăn thuyết giới, không thành ngăn. Thuyết giới rồi mới ngăn thuyết giới, không thành ngăn. Khi đang thuyết giới mà ngăn thuyết giới, thành ngăn.

Nếu tỳ-kheo ngăn thuyết giới có thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thạnh tịnh, tà mạng, si, không khả năng nói, không khả năng biết phương tiện, không hiểu rõ vấn đáp, thì tỳ-kheo khác nên nói: «Trưởng lão, thôi đi. Không cần gây nên sự tranh cãi này.» Nói như vậy rồi thuyết giới. Tỳ-kheo ngăn thuyết giới tuy có thân hành thanh tịnh, nhưng khẩu hành không thanh tịnh, tà mạng, si, không khả năng nói, không biết phương tiện, không hiểu cách vấn đáp, thì tỳ-kheo khác nên nói: «Trưởng lão, thôi đi. Không cần gây nên sự tranh cãi này.» Nói như vậy rồi thuyết giới.

Tỳ-kheo ngăn thuyết giới tuy thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, nhưng tà mạng, si, không khả năng nói,

không biết phương tiện, không hiểu cách vấn đáp, thì tỳ-kheo khác nên nói: «Trưởng lão, thôi đi. Không cần gây nên sự tranh cãi này.» Nói như vậy rồi thuyết giới. Tỳ-kheo ngăn thuyết giới, thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, không tà mạng, có trí tuệ, có khả năng nói, biết phương tiện, rành việc vấn đáp, thì tỳ-kheo khác nên nói: «Trưởng lão ngăn tỳ-kheo này thuyết giới vì lý do gì? Vì phá giới chăng? Vì phá kiến chăng? Vì phá oai nghi chăng?» Nếu vị đó nói, ‹vì phá giới› thì nên hỏi phá những giới nào? Nếu nói, ‹phá ba-la-di› hay nói ‹phá tăng tàn›, hay ‹phá thâu-lan-giá›, như vậy mới gọi là phá giới. Nếu nói không phá giới mà phá kiến cho nên ngăn, thì nên hỏi: ‹Phá những kiến nào?› Nếu nói ‹sáu mươi hai kiến› thì đây là phá kiến. Nếu nói không phá kiến mà phá oai nghi cho nên ngăn, thì nên hỏi: ‹Phá những oai nghi nào?› Nếu nói, ‹phá ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kiết-la, ác thuyết›, như vậy mới gọi là phá oai nghi. Hỏi tiếp: ‹Do bởi đâu mà ngăn tỳ-kheo này thuyết giới? Do thấy chăng, vì nghe, nghi chăng?› Nếu nói do bởi thấy, thì nên hỏi: ‹Thấy việc gì? Thấy thế nào? Thầy ở chỗ nào? Vị ấy ở chỗ nào? Thấy những gì của ba-la-di, hay là tăng tàn, hay là ba-dật-đề, hay là ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết?› Nếu nói không thấy mà nghe, thì nên hỏi: ‹Nghe những gì? Nghe từ ai? Người ấy là tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni? Là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di? Nghe chỗ nào? Tỳ-kheo này phạm ba-la-di, tăng tàn, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết?› Nếu nói không nghe, mà là nghi, thì nên hỏi: ‹Nghi việc gì? Tại sao nghi? Nghe từ ai mà nghi? là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di? Nghi phạm việc gì? là ba-la-di, là tăng tàng, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết?» Tỳ-kheo ngăn thuyết giới không thể trả lời tỳ-kheo có trí tuệ trì giới nên khiến cho hoan hỷ; thì nếu vị ấy ngăn bằng pháp ba-la-di thì nên kết cho vị ấy pháp tăng tàn[744]; rồi thuyết giới. Nếu ngăn bằng pháp tăng tàn thì kết cho ba-dật-đề; rồi thuyết giới. Nếu ngăn bằng ba-dật-đề, thì nên dùng các pháp sám hối; rồi thuyết giới. Tỳ-kheo ngăn thuyết giới có thể trả lời tỳ-kheo có trí tuệ trì giới khiến hoan hỷ; thì nếu ngăn bằng ba-la-di thì phải diệt tẫn người bị ngăn; rồi

thuyết giới. Nếu ngăn bằng tăng tàn, nên buộc cho phú tàng; rồi thuyết giới. Nếu cần cho hành bổn nhật trị thì cho hành bổn nhật trị; rồi thuyết giới. Nếu cần cho hành ma-na-đỏa thì cho hành ma-na-đỏa; rồi thuyết giới. Nếu cần cho yết-ma xuất tội thì cho xuất tội; rồi thuyết giới. Nếu ngăn bằng ba-dật-đề, thì bảo người bị ngăn như pháp sám hối; rồi thuyết giới. Nếu vì các việc khác [909a1] để ngăn, thì sám hối như pháp rồi thuyết giới.

3. Bấy giờ có trú xứ nọ khi thuyết giới, tỳ-kheo bệnh ngăn tỳ-kheo bệnh thuyết giới. Tỳ-kheo bệnh suy nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo bệnh nào ngăn tỳ-kheo bệnh thuyết giới, thì các tỳ-kheo khác nên nói rằng, ‹Đức Thế Tôn có dạy như vầy: ‘Không nên ngăn tỳ-kheo bệnh, cần phải chờ cho bệnh của Trưởng lão lành, và tỳ-kheo bệnh kia cũng lành đã. Trưởng lão nên nói như pháp.’ Tỳ-kheo kia cũng nên nói như pháp.› Nên nói như vậy rồi thuyết giới.»

Có trú xứ nọ, khi thuyết giới, tỳ-kheo bệnh ngăn tỳ-kheo không bệnh thuyết giới. Các tỳ-kheo khác nên nói, ‹Đức Thế Tôn có dạy như vầy: ‘Người bệnh không nên ngăn thuyết giới. Cần chờ cho bệnh lành rồi sẽ nói như pháp.’ Vị kia cũng nên như pháp nói.› Nên nói như vậy rồi thuyết giới.»

Có trú xứ nọ, khi thuyết giới, tỳ-kheo không bệnh ngăn tỳ-kheo bệnh thuyết giới. Các tỳ-kheo khác nên nói: ‹Này Trưởng lão, đức Thế Tôn có dạy như vầy: ‘Không nên ngăn tỳ-kheo bệnh. Cần phải chờ bệnh lành rồi hỏi như pháp. Tỳ-kheo kia cũng nói như pháp.’ Nên nói như vậy rồi thuyết giới.›

4. Có trú xứ nọ số đông tỳ-kheo, ngày thuyết giới nghe có tỳ-kheo trú xứ kia ưa đấu tranh mạ lỵ, phỉ báng nhau, miệng tuôn ra lời như gươm giáo, muốn đến đây thuyết giới:

«Chúng ta nên làm thế nào?» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có việc như vậy khởi lên thì nên làm hai, ba cách bố-tát bằng như: Nếu thường xuyên thuyết ngày mười lăm thì nên thuyết ngày mười bốn. Nếu thường thuyết ngày mười bốn thì nên thuyết ngày mười ba. Nếu nghe ngày nay họ đến thì nên nhanh chóng tập hợp lại một chỗ để bố-tát. Nếu nghe họ đã đến trong giới thì nên ra ngoài giới để bố-tát. Nếu họ đã vào trong Tăng-già-lam thì nên quét, lau sửa soạn nhà tắm, ghế ngồi tắm, bình nước tắm, dao cạo mồ hôi, bình nước, đồ đựng bùn, vỏ cây, thuốc bột mịn, bùn, hỏi Thượng tọa rồi nhen lửa. Khi khách tỳ-kheo vào trong nhà tắm để tắm thì tất cả tìm cách ra ngoài giới để thuyết giới. Nếu khách tỳ-kheo gọi cựu tỳ-kheo cùng thuyết giới thì nên nói là ‹Chúng tôi đã thuyết giới rồi.› Nếu cựu tỳ-kheo đã thuyết giới, khách tỳ-kheo ngăn thuyết giới, không thành ngăn. Nếu khách tỳ-kheo đang thuyết giới, cựu tỳ-kheo ngăn thuyết giới, thành ngăn. Nếu có thể làm như vậy được thì tốt. Bằng không, tác bạch hoãn ngày thuyết giới. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Hôm nay không thuyết giới, đến tháng tối trăng sẽ thuyết giới. Đây là lời tác bạch.»

Nên bạch như vậy để hoãn ngày thuyết giới. Nếu tỳ-kheo khách đợi chứ không đi, thì tỳ-kheo nên tác bạch lần thứ hai để hoãn ngày thuyết giới. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! nay Tăng không thuyết giới, đến tháng có trăng sẽ thuyết giới. Đây là lời tác bạch.»

Nên bạch lần thứ hai như vậy để hoãn ngày thuyết giới. Nếu khách tỳ-kheo không đi, đến tháng có trăng thì nên như pháp cưỡng khách tỳ-kheo cùng vấn đáp.[745]

---o0o---

CHƯƠNG XV - PHÁ TĂNG[746]

1. Đề-bà-đạt-đa

[909b8] Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ có nhơn duyên, chúng Tăng tập hợp. Đề-bà-đạt-đa[747] từ chỗ ngồi đứng dậy, hành xá-la:

«Các Trưởng lão nào chấp thuận năm việc[748] này là pháp, là tỳ-ni, là lời dạy của Phật thì rút một thẻ.»

Bấy giờ có năm trăm vị tỳ-kheo tân học vô trí rút thẻ. Lúc ấy tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy lấy uất-đa-la-tăng mặc vào một bên, nói như vầy:

«Các trưởng lão nào chấp thuận năm việc này là phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy, thì lấy uất-đa-la-tăng mặc một bên.»

Trong đó có sáu mươi trưởng lão tỳ-kheo lấy uất-đa-la-tăng mặc một bên. Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa nói với các tỳ-kheo rằng:

«Này các trưởng lão, chúng ta không cần Phật và chúng Tăng. Chúng ta cùng nhau tác pháp yết-ma thuyết giới.»

Họ liền đến trong núi Già-da[749]. Đề-bà-đạt-đa đến trong núi Già-da, lìa Phật và Tăng, tự tác yết-ma thuyết giới. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Trong thành Vương-xá có nhơn duyên, chúng Tăng hội họp. Đề-bà-đạt-đa từ chỗ ngồi đứng dậy hành trù, nói: ‹Các trưởng lão nào chấp thuận năm việc này là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy thì rút thẻ.› Trong số đó năm trăm vị tỳ-kheo tân học vô trí liền rút thẻ. Trưởng lão A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy uất-đa-la-tăng mặc một bên, nói: ‹Các trưởng lão nào chấp thuận năm pháp này là phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy, thì xả uất-đa-la-tăng mặc một bên.› Bấy giờ có

sáu mươi Trưởng lão tỳ-kheo xả uất-đa-la-tăng, mặc một bên. Đề-bà-đạt-đa nói với các tỳ-kheo: ‹Chúng ta có thể xả Phật và Tăng, tự mình tác yết-ma thuyết giới.› Rồi liền đến trong núi Già-da, xả Phật và Tăng tác yết-ma thuyết giới.»

Đức Phật dạy:

«Kẻ si phá Tăng này, có tám điều phi chánh pháp[750] trói buộc, che lấp, tiêu diệt thiện tâm, Đề-bà-đạt-đa đã hướng đến phi đạo trong nê-lê[751] một kiếp, không thể cứu được. Tám điều phi chánh pháp ấy là gì? Lợi, không lợi, khen, không khen, cung kính, không cung kính, ác tri thức, ưa bạn ác[752]. Có tám điều phi chánh pháp như vậy trói buộc, che lấp, tiêu diệt thiện tâm, Đề-bà-đạt-đa đã hướng đến phi đạo trong nê-lê một kiếp, không thể cứu được. Nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có thiện pháp bằng sợi lông, sợi tóc, thì ta đã không ghi nhận và nói ‹Đề-bà-đạt-đa sẽ ở trong Nê-lê một kiếp không thể cứu được.› Do ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được thiện pháp bằng sợi lông, sợi tóc, nên mới ghi nhận và nói, ‹Đề-bà-đạt-đa sẽ ở trong Nê-lê một kiếp không thể cứu được.› Thí như có người chìm trong hố xí. Có người muốn kéo nó ra. Nhưng không thấy ở nơi nó có chỗ sạch nào bằng sợi lông, hay sợi tóc để dùng tay nắm nó kéo ra. Nay quán sát Đề-bà-đạt-đa cũng lại như vậy. Không thấy có một bạch pháp nào bằng sợi lông, hay sợi tóc. Bởi vậy Ta nói, ‹Đề-bà-đạt-đa sẽ ở trong Nê-lê một kiếp không thể cứu được.›»

Bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên đi đến trong núi Già-da. Có tỳ-kheo thấy vậy, than khóc sướt mướt, và đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch đức Thế Tôn rằng:

«Đệ tử hạng nhất của đức Thế Tôn cũng đến núi Già-da.»

Đức Phật bảo:

«Này tỳ-kheo, ngươi đừng lo sợ. Xá-lợi-phất và Mục-liên đến trong núi Già-da là vì việc lợi ích.»

Đề-bà-đạt-đa ở trong núi Già-da cùng vô số chúng vây quanh đang nói pháp, từ xa thấy Xá-lợi-phất và Mục-liên đến liền nói:

«Thiện lai! Thầy là đại đệ tử. Tuy trước đây không chấp thuận mà nay đã chấp thuận. Tuy có muộn nhưng tốt.»

Trưởng lão Xá-lợi-phất và Mục-liên đến nơi, trải chỗ ngồi mà ngồi. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa ở trước đại chúng, làm như thường pháp của Phật, bảo Xá-lợi-Phất vì chúng Tăng nói pháp, nay ta đau lưng tạm nghỉ khỏe một chút. Khi ấy Đề-bà-đạt-đa cũng làm giống như đức Thế Tôn, tự xếp Tăng-già-lê thành bốn lớp, nằm nghiêng bên hữu như con sư tử. Bỗng nhiên, nghiêng về phía tả như con dã can, nằm ngủ ngáy. Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Mục-liên rằng:

«Nay có thể thị hiện cho đại chúng, khiến sanh tâm yểm ly.»

Trưởng lão Mục-liên nghe Xá-lợi-phất nói vậy, rồi dùng thần thông bay lên hư không, hoặc hiện hình nói pháp, hoặc ẩn hình mà nói pháp, hoặc hiện nửa hình mà nói pháp, hoặc ẩn nửa hình mà nói pháp, có lúc tuôn ra khói, có lúc tuôn ra lửa, có khi [910a] phần dưới thân tuôn ra lửa, phần trên thân tuôn ra nước, hoặc có khi phần trên thân tuôn ra lửa, phần dưới thân tuôn ra nước, có khi cả thân thành ngọn lửa cháy, mà từ lỗ chân lông tuôn ra nước. Trưởng lão Xá-lợi-phất biết Đại Mục-liên đã thị hiện cho đại chúng này, khiến sanh tâm yểm ly rồi, liền nói pháp tứ đế Khổ-Tập-Tận-Đạo. Khi ấy các tỳ-kheo liền từ nơi chỗ ngồi xa lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Bấy giờ trưởng lão Xá-lợi-phất, Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

«Ai là đệ tử của đức Thế Tôn hãy theo tôi trở về.»

Xá-lợi-phất, Mục-liên cùng năm trăm tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Trưởng lão Xá-lợi-phất và Mục-liên ra đi chưa bao lâu, Tam-văn-đạt-đa[753] lay ngón chân của Đề-bà-đạt-đa và nói với Đề-bà-đạt-đa:

«Thức dậy! Thức dậy! Xá-lợi-phất và Mục-liên dẫn năm trăm tỳ-kheo rời chỗ ngồi ra đi rồi.»

Đề-bà hoảng hốt thức dậy, máu nóng nổi lên, từ mặt và lỗ chân lông tiết ra. Các tỳ-kheo thấy trưởng lão Xá-lợi-phất và Mục-liên đã dẫn năm trăm tỳ-kheo trở về, vui mừng đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

«Xá-lợi-phất và Mục-liên đã dẫn năm trăm tỳ-kheo trở về rồi!»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đây không phải là lần thứ nhất Xá-lợi-phất phá Đề-bà-đạt-đa mà là lần thứ hai Xá-lợi-phất phá vỡ Đề-bà-đạt-đa.»

Đời quá khứ thuở xa xưa có niên thiếu bà-la-môn tên là Tán-nhã[754], đến chỗ người thầy dạy bắn, thưa: «Tôi muốn học nghệ thuật bắn.» Ông thầy dạy bắn nói, «Được!» Tán-nhã theo học bắn bảy năm. Qua bảy năm rồi liền nghĩ: «Nay ta học bắn, đến khi nào mới xong?» Rồi liền đến chỗ ông thầy thưa: «Tôi phải học nghệ thuật bắn này với thời gian bao lâu?» Ông Thầy liền bảo lấy cây cung, kéo dây cung ra, đặt mũi tên vào và nói:

«Ta có nhơn duyên vào thôn. Đợi ta trở về sẽ bắn.»

Ông thầy ra lệnh như vậy rồi đi vào thôn. Khi ấy Tán-nhã nghĩ: «Tại sao thầy của ta bảo ta kéo dây đặt tên vào, rồi lại đợi thầy về mới bắn? Nay ta cứ bắn thử xem có việc gì xảy ra?»

Trước mặt Tán-nhã có cây sa-la to lớn. Khi mũi tên được bắn ra xuyên qua cây ấy rồi rơi sâu xuống đất, không thấy. Ông thầy vào thôn, xong việc trở về, đến chỗ Tán-nhã hỏi:

«Ngươi chưa bắn chứ?»

Tán-nhã trả lời:

«Bắn rồi.»

Vị thầy nói:

«Ngươi làm điều không tốt. Nếu ngươi không bắn mũi tên thì sẽ là bậc đại sư tối thượng trong cõi Diêm-phù-đề. Nay ta là đại sư bậc nhất. Nếu ta qua đời, thì sẽ có ngươi.»

Vị thầy liền trang điểm cho đứa con gái của mình và đem năm trăm cái tên, luôn cả chiếc xe ngựa, cho người học trò. Tán-nhã nhận rồi, trên đường đi phải trải qua vùng hoang vu. Tán-nhã liền để vợ trên xe, dùng năm trăm cái tên này để qua vùng hoang vu. Bấy giờ, có bọn cướp gồm năm trăm người đang ăn nơi vùng hoang vu. Tán-nhã nói với vợ:

«Em đến chỗ bọn cướp để xin thức ăn.»

Người vợ liền đến nói với bọn cướp:

«Tán-nhã bảo tôi đến đây xin thức ăn.»

Khi ấy thủ lĩnh của bọn giặc quan sát, rồi nói:

«Xem người được sai này, biết kia không phải là người tầm thường. Hãy cho thức ăn.»

Trong khi đó, một tên giặc có ý nghĩ: «Chúng ta để người này sống mà chở vợ đi à?» Tán-nhã liền bắn một mũi tên, tên giặc đó bị trúng tên, chết. Tên giặc khác lại cũng đứng dậy nói: «Chúng ta để người này sống mà chở vợ đi à?» Tán-nhã lại cũng bắn một mũi tên. Tên giặc đó bị trúng tên, chết. Cứ như vậy, từng đứa một đứng lên, đều bị trúng tên mà chết. Lúc bấy giờ Tán-nhã còn một mũi tên. Chỉ còn thủ lĩnh của bọn cướp, chưa có sơ hở để buông tên. Tán-nhã liền nói với vợ.

«Em hãy cởi áo để xuống đất.»

Người vợ liền cởi áo. Tên giặc sơ ý. Tức thì mũi tên được bắn ra, giết chết.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo.

«Các ông có biết chăng, năm trăm tên giặc trước kia chính là năm trăm tỳ-kheo hiện nay. Thủ lĩnh bọn cướp là Đề-bà-đạt-đa. Tán-nhã bà-la-môn đâu phải ai khác, mà là Xá-lợi-phất. Như vậy, trước kia Xá-lợi-phất đã phá, nay lại phá lần thứ hai.»

Khi ấy Xá-lợi-phất và Mục-liên dẫn năm trăm tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật:

«Năm trăm tỳ-kheo này tùy thuận Đề-bà-đạt-đa tạo thành biệt chúng. Nay có cần phải thọ đại giới lại?»

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất và Mục-liên:

«Tỳ-kheo tùy thuận Đề-bà-đạt-đa trước kia đã có giới. Nay chỉ nên hướng dẫn họ tác pháp sám hối thâu-lan-giá mà thôi.»

Tôn giả Mục-liên bạch Phật rằng:

«Đức Thế Tôn khi ở giữa vô số chúng bảo Xá-lợi-phất: ‹Ông hãy nói pháp. Nay Ta đau lưng cần nghỉ một chút.› Đề-bà-đạt-đa cũng bắt chước y như vậy. Tự xếp Tăng-già-lê thành bốn lớp, rồi nằm nghiêng phía bên tả, giống như con dã can, nằm ngủ và ngáy.»

Đức Phật bảo Mục-liên:

«Chẳng phải ngày nay Đề-bà-đạt-đa bắt chước ta để rồi phải bị khổ. Mà đây là lần thứ hai, vì bắt chước ta mà phải bị khổ não. Này Mục-liên, đời quá khứ xa xưa về trước, bên tả của núi chúa Tuyết sơn có một ao nước lớn, một con voi lớn sống bên ao. Voi lớn kia xuống ao nước tắm rửa, uống nước, rồi

dùng vòi nhổ lấy gốc sen, rửa sạch ăn. Khí lực dồi dào, hình thể tươi sáng. Một con voi nhỏ thường đi theo voi lớn. Voi nhỏ bắt chước voi lớn, xuống ao tắm, rồi nhổ lấy gốc sen, không rửa sạch bùn mà ăn. Do ăn gốc sen không sạch kia nên khí lực không đầy đủ, hình thể không tươi sáng, bèn sinh bệnh.»

Thế Tôn nói kệ:

Chúng ta không ham muốn.

Ăn sen rất thanh tịnh.

Voi nhỏ ăn bùn tạp;

Học đòi khiến phải bịnh.

Thây chết có hơi thối.

Ăn tiêu, ợ tự hết.

Người nào hành phi pháp,

Đêm dài khí không dứt,

Tham dục, sân nhuế, si.

Trượng phu có ác tâm.

Người si tự làm hại.

Như trái nhiều, nhánh gãy.

Cây chuối, lột bẹ, chết.

Trúc lau, cũng như vậy.

Người khốn, lợi dưỡng hại.

Con lừa mang thai chết.

---o0o---

2. Truyện thiện hành

Đức Phật bảo Mục-liên:

«Voi lớn tức là Ta. Voi nhỏ là Đề-bà-đạt-đa.»

Đức Phật nói:

«Đây là lần thứ hai, Đề-bà-đạt-đa bắt chước Ta mà phải chịu khổ não.»

Các tỳ-kheo liền nghĩ: ‹Hy hữu thay, Đề-bà-đạt-đa, đệ tử đức Thế Tôn mà lại bội ân làm việc phi pháp, đem tà giáo phá hoại năm trăm đệ tử như vậy.›

Đức Thế Tôn biết tâm các tỳ-kheo nghĩ như thế, liền bảo các tỳ-kheo:

«Đề-bà-đạt-đa chẳng phải chỉ ngày nay mới phá hoại đệ tử của Ta.»

Thuở quá khứ, có hai vua Diêm-phù-đề. Một người tên là Nguyệt. Người thứ hai tên là Nguyệt Ích. Người sanh ngày mười bốn đặt tên là Nguyệt. Người sanh ngày mười lăm gọi là Nguyệt Ích. Hai vị thuận hòa với nhau không có sự hiềm khích. Trong cõi Diêm-phù-đề có một con sông tên là Tu-la-tra. Mỗi bên bờ sông đều có bốn mươi hai ngàn thành. Quốc độ rộng rãi, bằng phẳng, trang nghiêm tốt đẹp. Nhân dân giàu có, của cải phong phú, thức ăn dồi dào. Khi ấy bên bờ sông Tu-la-tra của vua Nguyệt Ích có cái thành cũng mang tên là Tu-la-tra, đông tây mười hai do tuần, nam bắc bảy do tuần. Hai vua hứa hẹn nhau, ‹Tôi sanh con trai sẽ cưới con gái của bạn. Bạn sanh con trai sẽ cưới con gái của tôi.› Bấy giờ, vua Nguyệt Ích không có con cái. Vì muốn cầu [911a1] có con nên đến các miễu, am thần nước để lễ kính, thờ cúng chư thiên, như Mãn thiện thiên, Bảo thiện thiên, mặt trời, mặt trăng, Thích, Phạm, thần đất, thần lửa, thần gió, Ma-hê-

thủ-la thiên, thần vườn, thần rừng, thần đồng trống, thần chợ, thần quỷ tử mẫu, thần thành quách… vì các nơi làm phước với hy vọng sẽ có con. Khi ấy bên kia sông Tu-la-tra có hai vị Tiên nhân đắc ngũ thông. Bấy giờ, Thần Sông tâu với vua rằng: ‹Bên kia sông Tu-la-tra có hai vị Tiên nhân đắc ngũ thông. Nếu vị Tiên kia ước nguyện sanh làm con Vua thì Vua sẽ có con. Vua Nguyệt Ích liền đến bên bờ sông, tuần tự đi tìm đến chỗ Tiên nhơn, nói với tiên nhơn rằng: ‹Tiên nhơn biết chăng, nhà tôi không có con. Nếu các ngài ước nguyện sanh nơi nhà tôi thì khi mạng chung sẽ được sanh. Nếu sanh vào nhà tôi thì ngũ dục đầy đủ, tiêu dùng khoái lạc, không khi nào thiếu thốn.› Tiên nhơn trả lời: ‹Có thể được.› Vua Nguyệt Ích vui mừng, trở về nhà. Sau bảy ngày, một Tiên nhơn mạng chung. Liền khi ấy đệ nhất phu nhơn có thai. Người nữ có ba loại trí: biết khi có thai, biết do đâu mà có, biết đàn ông có ý ham muốn. Phu nhơn tâu với vua:

«Vua có biết chăng? Nay thiếp đã có thai.»

Nhà vua nói:

«Rất sung sướng.».

Nhà vua tăng gia việc cúng dường[755] nhiều hơn gấp bội. Khi ấy Tiên nhơn thứ hai, sau bảy ngày lại mạng chung. Liền khi đó đệ nhị phu nhơn có thai. Phu nhơn tâu với nhà vua:

«Nhà vua có biết chăng? Nay thiếp đã có thai.»

Nhà vua lại tăng thêm sự cung cấp, như trên. Bấy giờ, nhà vua sai người đến bên bờ sông Tu-la-tra tìm xem có bao nhiêu Tiên nhơn chết. Sứ giả liền đến xem, thấy hai tiên nhơn đã chết, trở về tâu với vua: hai Tiên nhơn đã chết. Vua tự nghĩ: ‹Hai Tiên nhơn kia mạng chung, thọ thai vào hai phu nhơn của ta.› Sau chín tháng, phu nhơn sanh con trai, tướng mạo đoan chánh. Đệ nhất phu nhơn của vua sanh con trai, bấy giờ, những điều tốt lành tự thể hiện đến. Có năm trăm người khách buôn đến. Năm trăm khách buôn này lấy châu báu từ biển trở về. Năm trăm mỏ quý đều tự xuất hiện.

Năm trăm người tử tù từ ngục được thả. Khi ấy vua Nguyệt Ích tự tư duy rằng: ‹Nên đặt hài nhi này tên gì?› Theo quốc pháp của nước này, khi một nam nhi mới sanh thì hoặc cha mẹ hay sa-môn, bà-la-môn đặt tên. Nhà vua tự nghĩ: ‹Cần gì sa-môn, bà-la-môn đặt tên. Ngày sanh hài nhi này có nhiều điều lành xuất hiện, nên đặt tên là Thiện Hành.› Nhà vua liền trao cho bốn bà mẹ để chăm sóc: một bà bồng ẳm, bà thứ hai tắm rửa, bà thứ ba cho bú, bà thứ tư giúp vui, voi ngựa, xe cộ, làm các kỹ nhạc, các thứ vui chơi, lại cầm cái đuôi con chim công phía đằng sau, trang nghiêm những thứ vui chơi như vậy. Vương tử Thiện Hành tuổi lên tám, chín, được dạy các thứ kỹ nghệ, thư số, ấn họa, hý tiếu, ca vũ, kỹ nhạc, các môn cỡi ngựa, cỡi voi, xe cộ, bắn cung, thuộc loại chiến đấu cũng được dạy. Tất cả các bộ môn vương tử đều được dạy.

Khi đệ nhị phu nhơn của vua sanh con thì có nhiều việc xấu ác tự khởi lên. Như con dã can kêu. A-tu-la nắm mặt trời[756]. Năm trăm người đáng tội chết đến nơi. Theo quốc pháp của nước này, nếu hài nhi mới sanh nên mời sa-môn, bà-la-môn đến đặt tên, nhưng nhà vua tự nghĩ: ‹Đâu có phiền sa-môn, bà-la-môn đặt tên, ngày hài nhi này sanh có nhiều việc xấu ác xuất hiện thì nên đặt tên là Ác Hành.› Nhà vua cũng giao cho bốn bà mẹ chăm sóc: một bà bồng ẳm, bà thứ hai tắm rửa, bà thứ ba cho bú, ba thứ tư giúp các trò vui, voi ngựa, xe cộ làm các kỹ nhạc, các loại vui chơi, cho đến dạy các bộ môn chiến đấu.

Bấy giờ, Thiện Hành được vua rất yêu mến, và các vương tử, phu nhơn, đại thần thị tùng, tất cả nhơn dân tiểu quốc khác, không một người nào không ái niệm. Trong khi đó, vương tử Ác Hành không được nhà vua yêu mến, và tất cả mọi người cũng không yêu mến. Bấy giờ, vương tử Ác Hành khởi ý nghĩ: ‹Vương tử Thiện Hành được nhà vua và tất cả nhơn dân rất yêu mến. Còn ta thì không những chỉ nhà vua không yêu mến mà bao nhiêu người khác cũng không yêu mến. Ta phải tìm cách nào để dứt mạng nó?›

Bấy giờ, đệ nhất phu nhơn của Nguyệt vương lân quốc, sanh được con gái, liền sai sứ đến chỗ vua Nguyệt Ích thông báo: ‹Đệ nhất phu nhơn của tôi sanh được con gái, sẽ làm vợ của Thiện Hành, con của ông bạn.›

Một hôm, Vương tử Thiện Hành nghĩ: ‹Chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề đều nhiều nghèo khổ. Ta nên vào trong biển cả tìm lấy ngọc như ý châu, khiến cho chúng sanh trong Diêm-phù-đề khỏi phải nghèo khổ.› Thiện Hành liền đến chỗ vua cha thưa:

«Chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề đều nhiều nghèo khổ. Con muốn vào trong biển cả tìm lấy ngọc như ý châu để khiến chúng sanh nơi Diêm-phù-đề thoát khỏi sự nghèo khổ.»

Vua cha liền nói:

«Cha có rất nhiều vàng bạc, bảy báu, vô số kho tàng, cái nào cũng đầy dẫy. Con có thể tùy ý lấy cho.»

Thiện Hành trả lời:

«Không thể được! Con muốn vào trong biển cả tìm lấy ngọc như ý châu, khiến cho chúng sanh nơi Diêm-phù-đề khỏi phải nghèo khổ.»

Vua cha nói:

«Tùy ý con.»

Khi ấy Vương tử Ác Hành liền có ý nghĩ: «Nay chính là lúc ta có dịp để dứt mạng nó.»

Ác Hành liền đến chỗ vua thưa:

«Thiện Hành là người anh mà con rất trọng. Nay anh con muốn vào trong biển cả, nếu con không có mặt, sợ anh con có thể táng thân mất mạng. Nay con muốn cùng anh con đi vào biển cả.»

Vua cha nói:

«Tùy ý con.»

Khi ấy từ biệt vua và phu nhơn, cùng quyến thuộc rồi, Thiện Hành đến trong thành Tu-ba-la rung chuông rao:

«Ai có thể xả ly cha mẹ, vợ con, anh em chị em và các thân quyến, muốn cầu vàng bạc trân bảo vô giá bảo châu, thì theo tôi vào biển. Tất cả mọi nhu cầu ăn uống, mọi thứ để trang sức, tôi sẽ cung cấp.»

Bấy giờ, có năm trăm khách buôn đến tập hợp liền chỗ đó. Thiện Hành cùng năm trăm khách buôn đều đến thành Tu-ba-la để mua thuyền và tìm thuyền sư. Thuyền sư cho biết trong biển có các nạn như: nạn sóng thần, nạn nước xoáy, nạn đại ngư... Chuẩn bị thuyền xong, rao truyền như trên lần thứ hai, rồi thả thuyền ra biển. Nhờ phước đức của Thiện Hành nên thuyền được thuận buồm xuôi gió đến chỗ bãi thất bảo. Thiện Hành nói với các thương nhơn rằng:

«Nay đã đến chỗ bãi báu vật. Nên cột thuyền cho chắc. Rồi tùy ý thu nhặt của báu cho vừa đầy thuyền. Đừng để bị chìm đắm.»

Các thương nhơn vâng lời, thu lấy của báu. Thiện Hành dạy bảo các thương nhơn rồi, lại đến chỗ khác. Bấy giờ, Vương tử Ác Hành dùng ác ngôn nói với các thương nhơn rằng:

«Nếu vương tử Thiện Hành mà an ổn trở về, thì sẽ đoạt hết của báu của các người. Ngay bây giờ chúng ta nên nhận chìm thuyền của Thiện Hành rồi đi.

Ác Hành nói với năm trăm thương nhơn như vậy. Họ nhận lời nên nhận chìm thuyền của Thiện Hành rồi bỏ đi. Do quả báo bạc phước của họ nên thuyền bị gió đánh vỡ, năm trăm thương nhơn bị chết chìm. Còn vương tử Ác Hành bám được một miếng ván của thuyền, nên được gió thổi từ từ vào

trong bờ. Giờ đây, Ác Hành sống trong một xóm nghèo nàn nơi bờ biển; hằng ngày khất thực từng nhà để sống.

Khi Thiện Hành trở lại chỗ cũ không thấy các thương nhơn, cũng không thấy thuyền, liền đấm ngực khóc than áo não vì sợ các thương nhơn bị ác quỷ la sát hại. Khi ấy vị thần nơi bãi của báu nói với Thiện Hành rằng:

«Năm trăm thương nhơn chẳng phải bị ác quỷ la sát hại. Mà do lời nói ác của vương tử Ác Hành phá hoại. Năm trăm thương nhơn bị xúi, họ đã nhận chìm thuyền của ông rồi bỏ đi. Do quả báo bạc phước của họ nên bị gió đập bể thuyền, năm trăm thương nhơn đều bị chết chìm trong biển. Còn vương tử Ác Hành thì bám được miếng ván của thuyền nhờ gió thổi đã trôi đến bờ, đang sống bên bãi biển bằng cách xin ăn hàng ngày.»

Thiện Hành tự [912a1] nghĩ: ‹Nay ta hãy đến trước cung của Hải Long vương xin ngọc như ý châu.› Nghĩ xong, theo lộ trình tiến đến bãi của La sát. Năm trăm nữ La sát ra tiếp đón. Vừa thấy từ xa, họ liền nói lên lời chào:

«Thiện lai, Đồng tử! Người muốn đến đâu?»

Thiện Hành trả lời:

«Chúng sanh nơi Diêm-phù-đề bần cùng khổ sở. Tôi muốn đến nơi cung của Hải long vương để xin ngọc như ý bảo châu, khiến cho chúng sanh ở Diêm-phù-đề khỏi phải bần cùng khốn khổ.»

La sát hỏi:

«Muốn dùng loại xe nào?»

Thiện Hành nói:

«Tôi muốn dùng loại xe lớn.»

La sát nữ nói:

«Lành thay, nếu ông thành Tối Chánh giác, tôi sẽ xuất gia làm đệ tử của ông.»

Thiện Hành nói:

«Có thể được.»

Thiện Hành từ xa thấy thành bằng vàng. Trong thành có một cái giường bằng vàng, rồng đang ngồi trên chiếc giường đó. Vương tử Thiện Hành liền đến nơi thành bằng vàng, chỗ của rồng ngồi. Long Vương từ xa thấy liền nói lên lời chào hỏi:

«Thiện lai, Đồng tử! Người muốn đến đâu?»

Thiện Hành trả lời:

«Long Vương biết chăng, chúng sanh nơi cõi Diêm-phù-đề đều nghèo khổ khốn cùng. Tôi muốn đến nơi cung của Hải Long vương lấy ngọc như ý châu, khiến cho người nơi Diêm-phù khỏi phải nghèo cùng khốn khổ.»

Long Vương liền nói:

«Cung của Hải Long vương khó có thể đến được. Bảy ngày lội nước, thường đến đầu gối. Bảy ngày lội nước đến rốn. Bảy ngày lội nước đến nách. Bảy ngày bơi qua. Bảy ngày đi trên bông sen. Bảy ngày đi trên đầu rắn. Sau đó, mới đến cung của Hải Long vương. Nay người hãy hủy bỏ chuyến đi. Tôi có bảo châu, có khả năng mưa bảy món báu xuống phương Đông hai ngàn do tuần. Nay tôi biếu cho người.»

Thiện Hành trả lời:

«Không thể được. Dầu sao, tôi phải đến cung Hải Long vương.»

Long Vương hỏi:

«Người cần lấy thứ xe nào?»

«Tôi cần lấy loại xe lớn.»

Long vương nói:

«Nếu người thành bậc Tối Chánh giác, tôi sẽ xuất gia, làm người đệ tử trí tuệ đệ nhất của người.»

Thiện Hành liền bỏ thành bằng vàng ra đi. Từ xa thấy thành bằng bạc, trong đó có Long Vương đang ngồi trên giường bằng bạc. Vương tử Thiện Hành đến thành bạc, chỗ của Long Vương. Long Vương từ xa thấy liền nói lên lời chào:

«Thiện lai, Đồng tử! Người muốn đến đâu?»

Thiện Hành nói:

«Long Vương biết chăng, chúng sanh cõi Diêm-phù-đề đều bần cùng khốn khổ. Tôi muốn đến cung Hải Long vương lấy ngọc như ý châu, để khiến cho người nơi Diêm-phù-đề khỏi phải bần cùng khốn khổ.»

Long Vương nói:

«Cung Hải Long vương khó có thể đến được. Bảy ngày lội nước thường đến đầu gối. Bảy ngày đến rốn. Bảy ngày đến nách. Bảy ngày bơi qua. Bảy ngày đi trên hoa sen. Bảy ngày đi trên đầu rắn. Sau đó, mới đến cung của Hải Long vương. Nay người hãy hủy bỏ chương trình đi. Tôi có bảo châu có khả năng mưa bảy món báu xuống phương Nam bốn ngàn do tuần. Tôi sẽ biếu cho người.»

Thiện Hành nói:

«Tôi không lấy. Dầu sao, tôi phải đến cung của Hải Long vương.»

Long Vương hỏi:

«Người muốn lấy loại xe nào?»

«Tôi muốn lấy thứ xe lớn.»

Long Vương lại nói:

«Nếu người thành bậc Tối Chánh giác tôi sẽ xuất gia làm đệ tử thần túc đệ nhất của người.»

Thiện Hành liền bỏ thành bạc ra đi, lại thấy có thành lưu ly, và các long vương đang ngồi... như trên... Tôi biếu cho người như ý châu có khả năng mưa bảy món báu sáu mươi ngàn do tuần xuống phương Tây.»

Thiện Hành nói:

«Tôi không lấy. Chủ yếu tôi phải đến cung của Hải Long vương.»

Long vương lại hỏi:

«Người cần lấy loại xe gì?»

«Tôi cần lấy thứ xe lớn.»

Long Vương nói:

«Nếu người thành bậc Tối Chánh giác, tôi sẽ xuất gia làm người đệ tử đa văn đệ nhất của người.»

Khi ấy Thiện Hành bắt đầu lội nước bảy ngày đến đầu gối, cho đến bảy ngày đi trên bông sen, cho đến chỗ rắn độc, với ý nghĩ: ‹Do làm nhơn gì mà quả báo sanh trong loài rắn độc? Đâu không phải đây là quả báo do đời trước sân nhuế. Cần phải dùng pháp gì để hàng phục nó? Duy chỉ có lòng từ.› Thiện Hành liền tư duy từ tâm tam-muội. Khi ấy các con rắn độc đều cúi đầu xuống. Thiện Hành đi qua. Đến chỗ cung của Hải Long vương. Khi ấy Hải Long vương từ xa thấy liền an ủi hỏi:

«Thiện lai Đồng tử, người muốn điều gì?»

«Nay tôi muốn được hạt như ý bảo châu nơi búi tóc của ngài.»

Hải Long vương nói:

«Các người đời sống ngắn ngủi. Hạt châu này giá trị rất lớn. Chẳng phải là ta không cho. Ta sẽ cho ngươi với điều là khi nào ngươi gần qua đời thì đem hạt châu này trả lại.»

Nói vậy xong, Hải Long vương liền cởi hạt châu trao cho Thiện Hành, và sai hai con rồng sau này sẽ mang hạt châu về lại. Thiện Hành cầm hạt châu cầu nguyện:

«Nếu đây là ngọc như ý thì bỗng nhiên đưa tôi về đến thành Tu-ba-la.»

Thiện Hành vừa nghĩ trong ý muốn, thì liền trong chốc lát về đến thành Tu-ba-la.

Bấy giờ, vương tử Ác Hành nghe vương tử Thiện Hành từ biển cả an ổn trở về liền đến chỗ Thiện Hành nói:

«Anh có biết chăng. Nay em ở tại xóm bần cùng. Tìm sự sống bằng cách xin ăn từng nhà. Anh từ biển cả an ổn trở về, thu hoạch được gì?»

Thiện Hành nói:

«Anh nhận được ngọc như ý bảo châu đem về đây.» Thiện Hành nói tiếp: «Hiện tại anh đang mệt mỏi. Muốn nghỉ một chút.»

Thiện Hành liền gối đầu nơi đầu gối của Ác Hành mà ngủ. Khi ấy Ác Hành liền lấy gai cây khư-đà-la[757] đâm vào hai tròng con mắt của Thiện Hành rồi lấy hạt châu đi. Thiện Hành bị tổn thương hai con mắt, máu chảy ướt cả thân, sờ soạng sợ hãi đi khắp nơi mà không thấy đường. Bèn đến trong vườn của Nguyệt vương. Khi ấy bà già giữ vườn có hai đứa con nhỏ, từ xa thấy một người đi đến, máu dính đầy

người, không thấy đường đi, động lòng thương, hỏi: ‹Vì lý do gì ông đi tới đi lui trong vườn của vua Nguyệt, với dáng điệu sờ soạng sợ hãi, không thấy đường như vậy?›

Thiện Hành kể lại đầy đủ nhơn duyên cho bà lão nghe. Bà lão nói:

«Ta có hai đứa con có thể cùng ngươi vui chơi. Nay ngươi có thể ở đây như con của ta vậy.»

Bấy giờ, Ác Hành liền trở lại thành Tu-la-tra, đến chỗ vua Nguyệt Ích tâu với vua rằng:

«Vua nên biết, con ở trong biển cả gặp gió lớn đánh bể thuyền. Năm trăm thương nhơn đều bị chết chìm dưới biển. Chỉ có một mình con trở về an ổn.»

Nhà vua nói:

«Con từ biển cả trở về an ổn. Con có tìm được những thứ gì không?»

Ác Hành thưa:

«Con tìm được như ý bảo châu đây.»

Nhà Vua liền hỏi:

«Ngọc châu này có công dụng thế nào?»

Ác Hành thưa:

«Không biết.»

Nhà vua liền lấy ngọc châu giao cho người giữ kho cất. Khi ấy Ác Hành liền sai sứ nói với Nguyệt Vương lân quốc rằng: ‹Thiện Hành cùng năm trăm thương nhơn vào trong biển cả để lấy vật báu, bị nước nhận chìm chết rồi. Nay Vua có thể gả con gái cho tôi.› Nhà vua liền trả lời: ‹Đợi ta hỏi ý kiến của con gái ta đã.› Nhà vua liền kêu con mình hỏi:

«Thiện Hành cùng năm trăm thương nhơn vào trong biển lấy của báu, bị nước nhận chìm chết rồi. Ác Hành trở về an ổn. Nay muốn cưới con làm vợ. Ý con thế nào?»

Con gái của vua Nguyệt trả lời:

«Không thể được! Con muốn chính con đi tìm chồng của con.»

Nhà vua liền ra lệnh trong nước, tập trung lại để trang điểm con gái mình. Cô đi ra ngoài tìm chồng khắp mọi nơi. Bấy giờ, Thiện Hành đang sử dụng cây đàn với âm điệu du dương trầm bổng, đang có mặt trong vườn. Người con gái của vua thưởng thức âm thanh du dương đó. Liền đến tâu với vua cha rằng:

«Vua cha biết chăng, con muốn lấy người này làm chồng.»

Vua cha nói:

«Người này là người mù kia mà.»

Người con gái vua nói:

«Điều đó không can gì.»

Khi ấy vua Nguyệt liền kêu Thiện Hành nói:

«Này Đồng tử, ngươi là người ở đâu?»

Thiện Hành thưa:

«Nhà vua biết cho, tôi là đệ nhất Thái tử của vua Nguyệt Ích, tên là Thiện Hành.»

Nhà vua hỏi:

«Tại sao hai con mắt bị mù như thế?»

Thiện Hành liền đem nhơn duyên trên trình bày rõ ràng cho nhà vua. Nhà vua nói:

«Nếu ngươi là con của vua Nguyệt Ích thì nay ngươi sẽ phát nguyện khiến cho con mắt bình phục lại.»

Thiện Hành liền phát nguyện:

«Tôi vì chúng sanh cõi Diêm-phù-đề nghèo khổ nguy khốn nên vào biển cả để tìm cầu ngọc như ý bảo châu. Vì muốn cho chúng sanh nơi Diêm-phù-đề khỏi phải bần cùng khốn khổ. Vương tử Ác Hành đã dùng ác ngôn để phá hoại, khiến năm trăm thương nhơn bỏ tôi đi về, lại dùng gai cây khư-đà-la đâm vào hai con mắt tôi, lấy ngọc như ý của tôi đi. Tôi đối với Ác Hành không hề có ác tâm. Nếu lời tôi là chơn thật [913a1] không hư đối thì xin cho hai con mắt tôi được bình phục lại.»

Lời phát nguyện vừa xong, hai con mắt bắt đều bình phục lại. Nhà vua liền ra lệnh trang điểm cực đẹp cho con gái mình để gả cho Thiện Hành. Nhà vua sai sứ báo tin cho vua Nguyệt Ích rằng: ‹Ngài có biết chăng, vương tử Thiện Hành từ biển trở về an ổn. Nay tôi đã trang điểm cực đẹp con gái tôi để gả cho Thiện Hành. Giờ ngài nên đến thành Tu-la-tra.› Vua Nguyệt Ích liền ra lệnh cả nước trang hoàng các thứ.

Vương tử Thiện Hành đi đến thành Tu-la-tra, đảnh lễ sát chân vua rồi, trình bày đầy đủ nhơn duyên cho nhà vua nghe. Nhà vua liền ra lệnh giết Ác Hành. Thiện Hành tâu với vua cha rằng:

«Xin vua cha không nên giết.»

Vua Nguyệt Ích ra lịnh trục xuất Ác Hành ra khỏi nước. Thiện Hành thưa vua cha:

«Ác Hành đem ngọc châu về. Nay ngọc châu để ở đâu?»

Vua cha nói:

«Hiện cất trong kho.»

Thiện Hành yêu cầu vua cha cho đem ngọc châu ra. Thiện Hành liền tắm rửa sạch sẽ, mặc áo trắng mới, sạch, lấy ngọc châu cung trí nơi đầu trụ cờ, để trên điện cao đẹp rồi phát nguyện:

«Nếu quả đúng đây là ngọc như ý bảo châu thì nên mưa xuống cơn mưa báu xuống đầy cõi Diêm-phù-đề. Trong cõi Diêm-phù-đề, có người nào bệnh, hãy khiến cho được lành.»

Thiện Hành phát lời nguyện vừa xong, trong khoảng khắc liền có trận mưa bảy món báu đầy cả Diêm-phù-đề. Sau đó một thời gian vua Nguyệt Ích qua đời. Thiện Hành kế vương vị. Khi ấy vương tử Ác Hành đến chỗ Thiện Hành thưa:

«Nay em sống ngoài nước, xin ăn từng nhà để sống.»

Vua nói:

«Nếu em có thể bảo vệ cái đầu của anh thì anh sẽ đảm bảo sự sống của em.»

Ác Hành trả lời:

«Vâng.»

Sau đó, khi nhà vua nằm ngủ, Ác Hành nghĩ rằng: ‹Nay ta có thể dứt mạng nó.› Khi vừa rút dao để chém, tức thì cánh tay của Ác Hành tự nhiên bị rơi xuống, liền la lên:

«Đại họa!»

Nhà vua liền tỉnh dậy, hỏi:

«Tại sao Đồng tử gọi là đại họa?»

Ác Hành trả lời:

«Trời tạo ra nghiệp này.»

Nhà vua nói:

«Tại sao vậy?

Ác Hành đem nhơn duyên này trình bày với vua, vua nói:

«Thật sự là do ngươi tạo ra nghiệp này.»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Vua Nguyệt Ích không phải là ai khác mà là Tịnh Phạn vương. Đệ nhất phu nhơn nay là Ma-da. Vua Nguyệt là Chấp Trượng Thích chủng. Con gái của vua Nguyệt nay là Cù-di. Bà già giữ vườn là Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề. Hai đứa nhỏ nay là Nan-đà và A-nan. Thiện Hành chính là Ta. Ác Hành là Đề-bà-đạt-đa vậy. Năm trăm thương nhơn tức năm trăm tỳ-kheo hiện nay đó. Xưa kia Đề-bà dùng lời ác để dạy, phá hoại mọi người, nay cũng lại dùng lời ác dạy và phá hoại vậy.»

---o0o---

3. Ưu-ba-ly vấn

Bấy giờ Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, thế nào gọi là phá Tăng? Bao nhiêu người mới gọi là phá Tăng? Ai là người phá hòa hiệp Tăng?»[758]

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

«Có hai sự việc phá Tăng: Vọng ngữ, tương tợ ngữ. Dùng hai việc này nên gọi là phá Tăng. Này Ưu-ba-ly, lại có hai sự việc phá Tăng: tác yết-ma, hành xá-la. Này Ưu-ba-ly, một tỳ-kheo không thể phá Tăng, tuy cầu phương tiện cũng không thể phá Tăng. Cũng chẳng phải tỳ-kheo-ni, chẳng phải thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phá Tăng, tuy cầu phương tiện phá Tăng cũng không thể phá Tăng. Này Ưu-ba-

ly, chúng này một tỳ-kheo, chúng kia một tỳ-kheo, họ làm việc phá Tăng, hành xá-la, tác yết-ma như vậy cũng không thể phá Tăng, chỉ khiến cho Tăng trần cấu[759] mà thôi; hai người, ba người cũng vậy. Này Ưu-ba-ly, nếu chúng này bốn người hoặc hơn, chúng kia bốn người hoặc hơn, làm việc phá Tăng hành xá-la, tác yết-ma. Này Ưu-ba-ly, với số người như vậy được gọi là phá Tăng. Như vậy gọi là phá hòa hợp Tăng.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

«Phá hòa hợp Tăng mắc những tội gì?»

Đức Phật dạy:

«Phá hòa hợp Tăng thọ tội trong nê-lê một kiếp không thể cứu chữa được.»

Ưu-ba-ly lại hỏi:

«Tăng bị vỡ rồi, người nào làm cho hòa hợp lại được những phước gì?»

Đức Phật dạy:

«Được nhận sự an lạc nơi cõi Phạm Thiên một kiếp.»

Ngài nói kệ:

Vui thay, Tăng hòa hợp!

Hòa hợp không tranh cãi.

Hòa hợp thì có pháp,

Thường được siêng năng tu.

Làm cho Tăng hòa hợp,

Sống vui một kiếp trời.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

«Tất cả người phá Tăng đều đọa địa ngục một kiếp để thọ khổ phải không?»

Đức Phật nói với Ưu-ba-ly rằng:

«Tất cả những người phá Tăng không phải chỉ đọa địa ngục để thọ khổ một kiếp mà hết đâu.

«Này Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo, phi pháp mà nói là pháp, chấp chặt pháp này phá hòa hợp Tăng. Kẻ kia tự biết, phá Tăng với tưởng phi pháp[760], bèn tác với ý tưởng phi pháp mà nói rằng,: ‹Đây là pháp, đây là tỳ-ni, đây là lời Phật dạy.› Bằng kiến giải dị biệt, xu hướng dị biệt, mà hành xá-la[761] để phá Tăng[762]. Này Ưu-ba-ly, kẻ phá Tăng này một kiếp thọ khổ nơi Nê-lê không thể cứu được.

«Nếu tỳ-kheo phi pháp nói là pháp, chấp chặt việc này, phương tiện phá Tăng, biết rằng trong sự phá Tăng là phi pháp, nói rằng, ‹Đây là pháp, đây là tỳ-ni, đây là lời Phật dạy.› Rồi hành xá-la phá Tăng, tác yết-ma. Này Ưu-ba-ly, người phá Tăng như vậy một kiếp thọ khổ nơi nê-lê không thể cứu được.

«Phá Tăng với tưởng pháp, bèn với tưởng phi pháp mà nói[763], cũng như vậy.

«Này Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo phi pháp nói là pháp, chấp chặt việc này, phá hòa hợp Tăng, có ý tưởng là pháp để phá, tưởng là pháp nói: ‹Đây là pháp, đây là tỳ-ni, đây là lời dạy của Phật,› kiến giải không khác, chấp nhận không khác, hành xá-la, tác yết-ma như vậy để phá Tăng. Này Ưu-ba-ly, người này không đọa địa ngục một kiếp để thọ khổ. Nghi, không nghi bốn vế cũng như vậy[764]. Tưởng phi pháp nghi bốn vế cũng như vậy. Như vậy cho đến thuyết không thuyết cũng như vậy.[765]

---o0o---

CHƯƠNG XVI - DIỆT TRÁNH[766]

I. BẢY DIỆT TRÁNH

1. Hiện tiền tì-ni

[913c19] Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Ca-lưu-đà-di cùng nhóm sáu tỳ-kheo đến tắm trong sông A-di-la-bạt-đề[767]. Ca-lưu-đà-di tắm xong, lên bờ khoác y của nhóm sáu tỳ-kheo mà không xem, tưởng là của mình. Khoác xong rồi đi. Nhóm sáu tỳ-kheo tắm xong lên bờ, không thấy y của mình lại thấy y của Ca-lưu-đà-di, liền nói: «Ca-lưu-đà-di ăn trộm y của ta.» Khi ấy người không hiện tiền mà tác yết-ma diệt tẫn.[768]

Ca-lưu-đà-di nghe chuyện, có sự nghi, liền đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, đem nhơn duyên trên bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn hỏi:

«Ngươi lấy y với tâm gì?»

Ca-lưu thưa:

«Con nghĩ là y của con nên lấy. Chứ không có ý nghĩ ăn trộm.»

Đức Phật dạy:

«Như vậy thì không phạm tội. Nhưng không nên không xem y mà mặc. Cũng không nên khi người vắng mặt mà tác yết-ma như yết-ma ha [914a1] trách, yết-ma tẫn, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử tội, yết-ma diệt tẫn. Nếu tác yết-ma, không thành lại mắc tội đột-kiết-la. Từ nay về sau Ta vì các Tỳ-kheo kết hiện tiền tỳ-ni diệt tránh[769]. Nên nói hiện tiền tỳ-ni như vậy.

---o0o---

2. Ức niệm tỳ-ni

Khi đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, thì bấy giờ Đạp-bà-ma-la Tử[770] không phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá mà các tỳ-kheo đều nói là phạm trọng tội nên hỏi: «Thầy có nhớ là phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá không?» Vị ấy không nhớ phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá nên trả lời: «Tôi không nhớ phạm trọng tội như vậy.» Rồi liền nói các tỳ-kheo rằng: «Các Trưởng lão, đừng cật vấn tôi mãi.» Các tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi. Vị ấy nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép vì tác pháp ức niệm tỳ-ni[771] cho Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Pháp thức như sau : Đạp-bà-ma-la Tử nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Đạp-bà-ma-la Tử, không phạm trọng tội. Các tỳ-kheo nói tôi phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo hỏi tôi, ‹Thầy nhớ có phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá không?› Tôi không nhớ có phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá nên trả lời, ‹Tôi không nhớ phạm trọng tội như vậy. Các trưởng lão không nên luôn luôn nạn vấn tôi.› Nhưng các tỳ-kheo cứ nạn vấn tôi mãi. Nay tôi không ức niệm, đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Cúi xin Tăng cho tôi ức niệm tỳ-ni. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đạp-bà-ma-la Tử này không phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá, mà các tỳ-kheo đều nói phạm trọng tội ba-la-di, cho đến thâu-

lan-giá. Các tỳ-kheo hỏi, ‹Thầy nhớ phạm trọng tội ba-la-di cho đến thâu-lan-giá không?› Tỳ-kheo này không nhớ phạm trọng tội nên trả lời, ‹Tôi không nhớ có phạm trọng tội. Các trưởng lão chớ có cật vấn tôi.› Nhưng các tỳ-kheo cố nạn vấn không chịu thôi. Tỳ-kheo này không ức niệm có phạm tội, nay đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao cho tỳ-kheo này ức niệm tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đạp-bà-ma-la Tử này không phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá, mà các tỳ-kheo đều nói phạm trọng tội ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo hỏi, ‹Thầy nhớ phạm trọng tội ba-la-di cho đến thâu-lan-giá không?› Tỳ-kheo này không nhớ phạm trọng tội nên trả lời, ‹Tôi không nhớ có phạm trọng tội. Các Trưởng lão chớ có cật vấn tôi.› Nhưng các tỳ-kheo cố nạn vấn không chịu thôi. Tỳ-kheo này không ức niệm có phạm tội, nay đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho Đạp-bà-ma-la Tử pháp ức niệm tỳ-ni thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.»

Lần thứ hai, lần thứ ba, cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho Đạp-bà-ma-la Tử yết-ma ức niệm rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

«Từ nay về sau, cho các tỳ-kheo kết ức niệm tỳ-ni để diệt tránh. Nên thuyết ức niệm tỳ-ni như vậy.»

---o0o---

3. Bất si tì-ni

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ có tỳ-kheo tên là Nan-đề[772], điên cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm các tội, chẳng phải pháp sa-môn, nói năng không chừng mực; tới lui, ra vào, không thuận oai nghi. Khi tâm được bình phục

trở lại, các tỳ-kheo nói vị ấy phạm trong tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo hỏi Nan-đề: «Thầy có nhớ phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá không?» Vị ấy liền trả lời: «Trước đây tôi điên cuồng tâm loạn, khi ấy nhiều lần phạm các tội, tới lui, vào ra, không thuận oai nghi. Chẳng phải tôi cố làm như vậy, mà là do điên cuồng. Các Trưởng lão đừng nên gạn hỏi việc ấy mãi.» Nhưng các tỳ-kheo cố ý gạn hỏi mãi không chịu thôi. Tỳ-kheo kia khởi ý nghĩ: «Ta nên làm thế nào?» Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép, Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề bất si tỳ-ni[773] bằng pháp bạch tứ yết-ma theo diễn tiến như sau: Tỳ-kheo Nan-đề nên đến trong Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo Nan-đề, điên cuồng tâm loạn, khi ấy nhiều lần phạm các tội, tới lui, ra vào, không thuận oai nghi. Sau đó bình phục lại. Các tỳ-kheo hỏi tôi, ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá không?› Tôi trả lời, ‹Trước đây tôi điên cuồng tâm loạn, khi ấy nhiều lần phạm các tội, tới lui, ra vào, không thuận oai nghi. Chẳng phải tôi cố ý làm mà là do tâm điên cuồng vậy. Các trưởng lão đừng nên gạn hỏi tôi mãi.› Nhưng các tỳ-kheo cứ gạn hỏi tôi không chịu thôi. Nay tôi hết si, đến trước Tăng xin bất si tỳ-ni. Cúi xin Tăng cho tôi bất si tỳ-ni. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề đây điên cuồng tâm loạn, phạm các tội nhiều, nói năng lung tung, ra vào tới lui không thuận với oai nghi, sau đó phục hồi lại. Các tỳ-kheo hỏi Nan-đề, ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá không?› Vị ấy liền trả lời, ‹Trước đây tôi điên cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm các tội,

nói năng không chừng mực; ra vào, tới lui, không thuận oai nghi. Đây là do điên cuồng chứ chẳng phải tôi cố ý làm. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi mãi.› Nhưng các tỳ-kheo cố ý cật vấn mãi không thôi. Tỳ-kheo này nay không còn si cuồng, đến trước Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề bất si tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề đây điên cuồng tâm loạn, phạm các tội nhiều, nói năng lung tung, ra vào tới lui không thuận với oai nghi, sau đó phục hồi lại. Các tỳ-kheo hỏi Nan-đề, ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâu-lan-giá không?› Vị ấy liền trả lời, ‹Trước đây tôi điên cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm các tội, nói năng không chừng mực; ra vào, tới lui, không thuận oai nghi. Đây là do điên cuồng chứ chẳng phải tôi cố ý làm. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi mãi.› Nhưng các tỳ-kheo cố ý cật vấn mãi không thôi. Tỳ-kheo này nay không còn si cuồng, đến trước Tăng xin bất si tỳ-ni. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề bất si tỳ-ni. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề bất si tỳ-ni thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo Nan-đề bất si tỳ-ni rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy»

Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo kết bất si tỳ-ni để diệt tránh. Nên nói bất si tỳ-ni như vậy.

---o0o---

4. Tự ngôn trị

Thế Tôn ở tại thành Chiêm-bà, bên ao Già-cừ[774]. Bấy giờ đức Thế [915a1] Tôn bố-tát vào ngày mười lăm có trăng. Chúng Tăng ngồi vây quanh Ngài chỗ đất trống. Đầu đêm đã qua,

tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đầu đêm đã qua, cúi xin đức Thế Tôn thuyết giới.»

Đức Thế Tôn im lặng. Tôn giả A-nan liền trở về lại chỗ ngồi. Giữa đêm, sau đêm đã qua, tướng bình minh đã xuất hiện, tôn giả A-nan lại từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Kính bạch đức Thế Tôn, giữa đêm, sau đêm đã qua, tướng bình minh đã xuất hiện, chúng Tăng ngồi đã lâu, cúi xin Thế Tôn thuyết giới.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Trong chúng không thanh tịnh. Muốn Như Lai yết-ma thuyết giới trong một chúng không thanh tịnh, là điều không thể có.»

Tôn giả A-nan im lặng, trở về lại chỗ ngồi. Khi ấy trưởng lão Mục-liên nghĩ: ‹Trong chúng có vị nào không thanh tịnh nên đức Như Lai mới nói, trong chúng không thanh tịnh. Muốn Như Lai yết-ma thuyết giới trong một chúng không thanh tịnh, là điều không thể có.›

Bấy giờ trưởng lão Mục-liên tự suy nghĩ, quán sát trong chúng bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy tỳ-kheo không thanh tịnh kia ngồi cách Phật không xa. Vị ấy phi sa-môn tự nói là sa-môn, phi tịnh hạnh tự nói là tịnh hạnh, là kẻ phá giới làm các điều ác, bất tịnh, không có bạch pháp, tà kiến, che dấu các ác đã phạm, như cái cây bộng ruột, tuy bên ngoài có nhánh lá mà bên trong trống không, không chắc thật. Mục-liên thấy rồi, liền nghĩ: ‹Đức Thế Tôn thấy tỳ-kheo này nên mới nói, ‘Trong chúng không thanh tịnh. Muốn Như Lai yết-ma thuyết giới trong một chúng không thanh tịnh, là điều không thể có.’› Khi ấy trưởng lão Mục-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ tỳ-kheo kia nói:

«Tại sao thầy không chịu đứng dậy? Thế Tôn đã biết thầy, đã thấy thầy. Thầy nên đứng dậy, đi ra khỏi chỗ này! Thầy không nên ngồi nơi đây.»

Khi ấy Mục-liên nắm tay tỳ-kheo kia kéo ra ngoài cửa, rồi trở vô bạch Phật:

«Trong chúng đã thanh tịnh rồi. Cúi xin đức Thế Tôn thuyết giới.»

Đức Phật bảo:

«Này Mục-liên, không nên làm như vậy. Vào lúc khác cũng không nên làm như vậy. Này Mục-liên, phải khiến cho người kia phục tội, sau đó mới kết tội. Người kia không phục tội mà kết tội thì không nên. Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kết tự ngôn trị để diệt tránh. Nên nói tự ngôn trị[775] như vậy.»

Khi đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ, thì bấy giờ các tỳ-kheo ở Xá-vệ tranh cãi nhau, chúng Tăng tìm kiếm tội như pháp như tỳ-ni, như lời Phật dạy.

---o0o---

5. Đa nhân ngữ

Bấy giờ Thế Tôn ở tại Xá-vệ. Các tỳ-kheo ở Xá-vệ tranh cãi nhau. Chúng Tăng truy cứu tội như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Khi ấy, Phật nói với các tỳ-kheo:

«Nên tìm kiếm tội bởi nhiều người; căn cứ theo lời của đa số biết pháp để nói. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kết pháp diệt tránh đa nhân ngữ[776]. Nên nói như vậy, dùng đa nhân ngữ.

---o0o---

6. Tội xứ sở

Khi đức Thế Tôn ở tại Thích-sí-sấu. Tỳ-kheo tên là Tượng Lực[777], ưa luận nghị cùng ngoại đạo. Khi bị hỏi gắt, thì lời trước mâu thuẫn lời sau. Ở trong Tăng khi được hỏi, cũng như vậy, lời trước mâu thuẫn lời sau. Ở trong Chúng, cố ý nói dối. Bấy giờ, các ngoại đạo đều cùng nhau cơ hiềm rằng: «Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, chỉ làm việc vọng ngữ, mà tự nói mình biết chánh pháp. Khi bị hỏi gắt, thì lời trước mâu thuẫn lời sau. Khi ở trong chúng bị hỏi, thì trước sau nói nghịch nhau, cố ý vọng ngữ. Như vậy có gì là chánh pháp?» Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tượng Lực Thích tử rằng: ‹Sao cùng ngoại đạo luận nghị, khi bị hỏi gắt, thì lời trước mâu thuẫn lời sau. Ở trong Tăng khi được hỏi, cũng như vậy, lời trước mâu thuẫn lời sau?› Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, đem nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo khiển trách Tượng Lực Thích tử:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao cùng ngoại đạo luận nghị, khi bị hỏi gắt, thì lời trước mâu thuẫn lời sau. Ở trong Tăng khi được hỏi, cũng như vậy, lời trước mâu thuẫn lời sau, cố ý nói dối?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khiển trách Tượng Lực rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Nên trao cho tỳ-kheo kia tác tội xứ sở[778], bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Pháp thức như sau: Tập Tăng. Tập Tăng rồi tác cử. Tác cử rồi tác ức niệm. Tác ức niệm rồi kết tội. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tượng Lực Thích tử này ưa luận nghị cùng ngoại đạo, khi bị hỏi gắt, thì lời trước mâu thuẫn lời sau. Ở trong Tăng khi được hỏi, cũng như vậy, lời

trước mâu thuẫn lời sau, cố ý nói dối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho Tượng Lực Thích tử yết-ma tác tội xứ sở, nói rằng: ‹Này Tượng Lực, không lợi và không hay gì cho ông, khi lý luận bị kẹt ông dùng cách nói, trước sau nghịch nhau. Trong chúng khi được hỏi đến ông cũng dùng cách nói trước sau trái nghịch nhau, cố ý nói vọng.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tượng Lực Thích tử này ưa luận nghị cùng ngoại đạo, khi bị hỏi gắt, thì lời trước mâu thuẫn lời sau. Ở trong Tăng khi được hỏi, cũng như vậy, lời trước mâu thuẫn lời sau, cố ý nói dối. Nay Tăng trao cho Tượng Lực Thích tử yết-ma tác tội xứ sở, nói rằng: ‹Này Tượng Lực, không lợi và không hay gì cho ông, khi lý luận bị kẹt ông dùng cách nói, trước sau nghịch nhau. Trong chúng khi được hỏi đến ông cũng dùng cách nói trước sau trái nghịch nhau, cố ý nói vọng.› Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho Tượng Lực Thích tử yết-ma tác tội xứ sở thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao cho Tượng Lực Thích tử yết-ma tác tội xứ sở rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kết làm pháp diệt tránh bằng tội xứ sở. Nên nói như vậy, kết tội xứ sở.

---o0o---

7. Như thảo phú địa

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ tỳ-kheo nước Xá-vệ cùng nhau tranh cãi. Các tỳ-kheo phần đông phạm giới, chẳng phải pháp sa-môn, ai cũng làm, ai cũng nói, ra vào không chừng mực. Sau đó các tỳ-kheo tự nghĩ: ‹Chúng ta phần đông phạm các giới, chẳng phải pháp sa-môn, ai cũng làm ai cũng nói, ra vào không giới hạn. Nếu chúng ta không tự

mình khéo hỏi việc này, hoặc giả tránh sự này càng sâu thêm, càng nặng thêm. Trải qua năm tháng mà không thể như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ tránh sự được, khiến cho Tăng không được an lạc.› Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên diệt tránh sự này bằng cách như cỏ che đất.[779]

«Từ nay về sau, vì các tỳ-kheo kết pháp diệt tránh như cỏ che đất. Nên nói như vậy, như cỏ che đất.»

---o0o---

II. BỐN TRÁNH SỰ

Thế Tôn ở Câu-thiểm-di. Các tỳ-kheo Câu-thiểm-di tranh cãi nhau[780]. Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo. Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni tranh cãi với tỳ-kheo. Tỳ-kheo-ni tranh cãi với tỳ-kheo-ni. Xiển-đà tỳ-kheo bỏ tỳ-kheo, tán trợ cho tỳ-kheo-ni, về phía với tỳ-kheo-ni. Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách các tỳ-kheo rồi, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện khiển trách các tỳ-kheo:

«Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, [916a1] làm việc không nên làm. Này các tỳ-kheo Câu-thiểm-di, sao tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo. Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni tranh cãi với tỳ-kheo. Tỳ-kheo-ni tranh cãi với tỳ-kheo-ni. Xiển-đà tỳ-kheo bỏ tỳ-kheo, tán trợ cho tỳ-kheo-ni, về phía với tỳ-kheo-ni?»

Dùng vô số phương tiện để khiển trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Có bốn tranh chấp[781]: ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh và sự tránh.[782]

Thế nào là ngôn tránh?[783]

Tỳ-kheo cùng tỳ-kheo tranh cãi nhau, đưa đến mười tám tránh sự: pháp, phi pháp, tỳ-ni, phi tỳ-ni, *cho đến* thuyết, bất thuyết[784]. Nếu do tướng trạng như vậy, tranh cãi nhau về ngôn ngữ, dẫn đến chỗ hai bên tranh chấp nhau, đó gọi là ngôn tránh.

Thế nào gọi là mích tránh?[785]

Tỳ-kheo cùng tỳ-kheo tìm tội nhau, dùng ba việc kiến-văn-nghi để cử, phá giới, phá kiến, phá oai nghi, cùng nhau tìm tội như vậy, không vọng cầu phe cánh thế lực, an ủi ý người, hoặc cử tác ức niệm hoặc an việc này không an việc này, không si không thoát, đó gọi là mích tránh.

Thế nào gọi là phạm tránh?[786]

Phạm bảy loại tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, cho đến ác thuyết, đó gọi là phạm tránh.

Thế nào gọi là sự tránh?[787]

Việc cần làm trong ngôn tránh, việc cần làm trong mích tránh, việc cần làm trong phạm tránh. Đó gọi là sự tránh.[788]

Gốc rễ của ngôn tránh là gì?

Tham, nhuế, si là gốc rễ. Không tham, không nhuế, không si là gốc rễ. Tăng là gốc rễ. Giới[789] là gốc rễ. Nhơn là gốc rễ. Sáu tránh[790] là gốc rễ. Mười tám sự phá Tăng[791] là gốc rễ. Đó gọi là căn của ngôn tránh.

Gốc rễ của mích tránh là gì?

Tham, nhuế, si, là gốc rễ. Không tham, không nhuế, không si là gốc rễ. Tăng làm là gốc rễ. Giới là gốc rễ. Nhơn là gốc rễ. Ba cử sự là gốc rễ. Đó gọi là căn của mích tránh.

Gốc rễ của phạm tránh là gì?

Tham, nhuế, si, là gốc rễ. Tăng là gốc rễ. Giới là gốc rễ. Nhơn là gốc rễ. Ba cử sự là gốc rễ. Chỗ khởi của sáu phạm[792] là gốc rễ. Đó gọi là căn của phạm tránh.

Gốc rễ của sự tránh là gì?

Tham, nhuế, si, là gốc rễ. Không tham, không nhuế, không si là gốc rễ. Tăng làm là gốc rễ. Giới là gốc rễ. Nhơn là gốc rễ. Đó là căn của sự tránh.

Ngôn tránh là thiện, bất thiện, vô ký? Ngôn tránh hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Tại sao gọi ngôn tránh là thiện?

Tỳ-kheo cùng với tỳ-kheo tranh cãi nhau với tâm thiện, nói pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Cùng nhau tranh cãi như vậy, cả hai đều tranh cãi nhau với thiện tâm, cho nên gọi ngôn tránh là thiện.

Tại sao gọi ngôn tránh là bất thiện?

Tỳ-kheo cùng tỳ-kheo tranh cãi nhau với tâm bất thiện, nói pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Bằng tướng trạng như vậy, tranh cãi lời lẽ với nhau dẫn đến xung đột. Đó là ngôn tránh là bất thiện.

Tại sao gọi ngôn tránh là vô ký?

Tỳ-kheo tranh cãi nhau với tâm vô ký, dẫn mười tám việc, pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Tranh cãi lời lẽ với nhau về những sự viêc như vậy, đó là ngôn tránh là vô ký.

Mích tránh là thiện, bất thiện, vô ký? Mích tránh hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký.

Tại sao gọi mích tránh sự thiện?

Trong đây, tỳ-kheo với tâm thiện cùng nhau tìm kiếm tội về phá giới, phá kiến, phá oai nghi, căn cứ trên ba cử sự thấy-nghe-nghi; bên trong có năm pháp khiến người ấy được xuất tội, trở thành không phạm, thanh tịnh không cấu uế, không khiến cho người ấy có tiếng xấu lan đi. Bằng tướng trạng như vậy mà tìm kiếm tội, cùng nhau thảo luận, không vọng cầu thế lực trợ bạn; nhưng an ủi tâm người kia, khi tác cử, tác ức niệm, yên việc này, không yên việc này, không si mê, khiến cho thoát khỏi tội. Đó gọi là thiện mích tránh sự.

Tại sao gọi mích tránh sự không thiện?

Tỳ-kheo cùng tỳ-kheo bằng tâm bất thiện tìm kiếm tội về phá giới, phá kiến, phá oai nghi, căn cứ trên ba cử sự thấy-nghe-nghi; bên trong không có năm pháp, không muốn khiến người này được xuất tội, mà muốn cho người này phạm tội, cấu uế không thanh tịnh, muốn khiến cho người này có tiếng tăm bất thiện lan tràn. Bằng tướng trạng như vậy mà tìm kiếm tội; cùng thảo luận, không vọng cầu thế lực trợ bạn, không làm cho người kia an tâm, khi bị tác cử, khi bị tác ức niệm, an việc này không an việc này, si mê không thoát tội. Đó gọi là mích tránh sự bất thiện.

Thế nào gọi là mích tránh sự vô ký?

Tỳ-kheo cùng tỳ-kheo với tâm vô ký tìm kiếm tội về phá giới, phá kiến, phá oai nghi, căn cứ trên ba cử sự thấy-nghe-nghi. Bằng tướng trạng như vậy mà tìm kiếm tội, cùng nhau thảo luận, không vọng cầu thế lực trợ bạn; nhưng an ủi tâm người kia, khi tác cử, tác ức niệm, yên việc này, không yên việc này, không si mê, khiến cho thoát khỏi tội. Đó gọi là thiện mích tránh sự. Đó gọi là mích tránh sự vô ký.

Phạm tránh là thiện, là bất thiện, là vô ký? Phạm tránh hoặc bất thiện hoặc vô ký.

Tại sao gọi phạm tránh là bất thiện?

Sự phạm tội cố ý của phàm phu, hoặc học nhơn[793]. Đó gọi là phạm tránh là bất thiện.

Tại sao gọi phạm tránh là vô ký? Sự phạm tội không cố ý của phàm phu hoặc học nhơn; sự phạm không cố ý của bậc vô trước[794]. Đó gọi là phạm tránh vô ký.

Sự tránh là thiện, là bất thiện, là vô ký? Sự tránh hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký.

Tại sao gọi sự tránh là thiện?

Tỳ-kheo với thiện tâm mà tác sự[795] trong ngôn tránh, tác sự trong mích tránh, tác sự trong phạm tránh. Đó gọi là sự tránh thiện.

Tại sao gọi sự tránh là bất thiện? Với tâm bất thiện mà tác sự trong ngôn tránh, tác sự trong mích tránh, tác sự trong phạm tránh. Đó gọi là sự tránh không thiện. Vô ký cũng như vậy. Nếu bằng tâm vô ký mà làm tức là sự tránh vô ký.

Ngôn, ngôn tránh, ngôn tránh và ngôn, ngôn tránh và tránh ngôn.[796]

Hoặc có ngôn tức là ngôn tránh, hoặc có ngôn chẳng phải ngôn tránh, hoặc có ngôn tránh tức là ngôn, hoặc có ngôn tức là tránh, hoặc có ngôn chẳng phải tránh, hoặc có tránh tức là ngôn, hoặc có tránh chẳng phải ngôn.

Thế nào là có trường hợp ngôn tức là ngôn tránh?

Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo, liên hệ mười tám sự: pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Bằng tướng

trạng như vậy, tranh chấp lời lẽ với nhau, dẫn đến xung đột, hai bên không hòa. Đó gọi là có ngôn tức là ngôn tránh[797].

Thế nào là có trường hợp ngôn chẳng phải ngôn tránh?[798]

Cha cãi với con, con cãi với cha; con cãi với mẹ, mẹ cãi với con; anh cãi với em, em cãi với anh; chị cãi với em, em cãi với chị, hoặc những người khác cãi nhau[799]. Đó gọi là có ngôn chẳng phải ngôn tránh[800].

Thế nào là ngôn tránh tức là ngôn?

Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo, liên hệ mười tám sự: pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Bằng tướng trạng như vậy, tranh chấp lời lẽ với nhau, dẫn đến xung đột, hai bên không hòa. Đó gọi là ngôn tránh tức là ngôn.[801]

Thế nào là ngôn tức tránh?[802]

Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo, liên hệ mười tám sự: pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Bằng tướng trạng như vậy, tranh chấp lời lẽ với nhau, dẫn đến xung đột, hai bên không hòa. Đó gọi là ngôn tức là tránh.[803]

Thế nào là ngôn không tránh?[804]

Cha cãi với con, con cãi với cha; con cãi với mẹ, mẹ cãi với con; anh cãi với em, em cãi với anh; chị cãi với em, em cãi với chị, hoặc những người khác cãi nhau[805]. Đó gọi là ngôn mà không tránh.

Thế nào là tránh tức là ngôn?[806]

Tỳ-kheo tranh cãi với tỳ-kheo, liên hệ mười tám sự: pháp hay phi pháp, *cho đến* thuyết hay bất thuyết. Bằng tướng trạng như vậy, tranh chấp lời lẽ với nhau, dẫn đến xung đột, hai bên không hòa. Đó gọi là tránh, tức là ngôn.[807]

Thế nào là tránh mà chẳng phải ngôn?

Trừ ngôn tránh, các tránh sự khác như mích tránh, phạm tránh, sự tránh thì gọi là tránh mà chẳng phải ngôn.

Mích và mích tránh, mích tránh và mích, mích tránh và tránh mích.

(Bốn vế này giải thích chéo như bốn vế ngôn tránh trên không khác, nên không chép ra. Tức nói rằng: mích tức là mích tránh. Phạm tránh, sự tránh, cũng giải chéo như vậy)[808]

---o0o---

III. TRÁNH SỰ DIỆT

1. Nguyên tắc hiện tiền

[917a1] Nếu một tỳ-kheo trước mặt một tỳ-kheo nói những lời hay đẹp để giáo giới, hay để tẫn xuất, nhưng là phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy, mà vị kia lại nói nói: ‹Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy, hãy nên chấp hành.› Tránh sự được diệt như vậy là phi pháp diệt tránh, phi pháp tương tợ hiện tiền tỳ-ni.

Một tỳ-kheo trước mặt hai tỳ-kheo, trước ba tỳ-kheo, trước Tăng cũng như vậy.

Hai tỳ-kheo trước một tỳ-kheo trước hai tỳ-kheo, trước ba tỳ-kheo, trước Tăng cũng như vậy.

Ba tỳ-kheo trước một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, trước Tăng cũng như vậy.

Hoặc Tăng vì một tỳ-kheo, vì hai tỳ-kheo, vì ba tỳ-kheo, vì Tăng cũng phải như vậy.

Nếu một tỳ-kheo trước mặt một tỳ-kheo nói những lời hay đẹp để giáo giới, như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Vị

kia nói như vầy: ‹Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy, thầy nên thọ trì, nên chấp nhận› Nếu làm như vậy mà tránh sự được diệt, đó là như pháp diệt tránh hiện tiền tỳ-ni.

Trong đây, thế nào gọi là hiện tiền? Đó là pháp, tỳ-ni, và người.[809]

Thế nào là pháp hiện tiền? Đó là pháp được thọ trì để diệt tránh.

Thế nào là tỳ-ni hiện tiền? Đó là tỳ-ni được thọ trì để diệt tránh.

Thế nào là người hiện tiền? Đó là người được trao đổi bằng nói năng, luận nghị.

Nếu tránh sự diệt rồi, tỳ-kheo nào khơi lên lại, phạm ba-dật-đề.[810]

Nếu tỳ-kheo mới đến sau, hay mới thọ giới, gọi đó là sơ tránh[811], nếu phát khởi trở lại, phạm ba-dật-đề.

Một tỳ-kheo vì hai tỳ-kheo, vì ba tỳ-kheo, vì Tăng cũng như vậy. Hai tỳ-kheo vì một tỳ-kheo, vì hai tỳ-kheo, vì ba tỳ-kheo, vì Tăng cũng như vậy. Ba tỳ-kheo vì một tỳ-kheo, vì hai tỳ-kheo, vì ba tỳ-kheo, vì Tăng cũng như vậy.

Tăng vì một tỳ-kheo nói những lời hay đẹp để giáo giới, như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Vị kia nói như vầy: ‹Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy, thầy nên thọ trì, nên chấp nhận.› Nếu làm như vậy mà tránh sự được diệt, đó là như pháp diệt tránh hiện tiền tỳ-ni.

Thế nào gọi là hiện tiền? Đó là pháp, người, Tăng và giới.[812]

Thế nào là pháp hiện tiền? Đó là pháp được thọ trì để diệt tránh.

Thế nào là tỳ-ni hiện tiền? Đó là tỳ-ni được thọ trì để diệt tránh.

Thế nào là người hiện tiền? Đó là người được trao đổi bằng nói năng, luận nghị.

Thế nào là Tăng hiện tiền? Đồng một yết-ma, hoà hợp tụ hội một chỗ, người không đến thì chúc thọ, người có mặt đủ tư cách ngăn mà không ngăn.

Thế nào là giới hiện tiền? Yết-ma tại trong cương giới được qui định.

Nếu tránh sự đã được chấm dứt, vị nào khơi lên lại phạm ba-dật-đề. Nếu tỳ-kheo mới đến sau hay mới thọ giới, gọi đó là sơ tránh, mà phát khởi lên lại, thì phạm ba-dật-đề. Vị nào dữ dục rồi sau hối hận, phạm ba-dật-đề.[813]

Tăng vì hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, Tăng cũng như vậy.

---o0o---

2. Diệt ngôn tránh

i. Hiện tiền luật

1. Bấy giờ tôn giả A-nan[814] từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

«Kính bạch đức Thế Tôn, có bao nhiêu pháp để diệt ngôn tránh?»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Ngôn tránh được diệt bằng hai pháp. Diệt bằng hiện tiền tỳ-ni, dùng đa nhơn ngữ.»

Tôn giả A-nan lại hỏi:

«Có trường hợp nào ngôn tránh được diệt bằng một pháp là hiện tiền tỳ-ni, mà không dùng đa nhơn ngữ hay không?»

Đức Phật bảo A-nan:

«Có.»

A-nan hỏi:

«Đó là trường hợp nào?»

Đức Phật dạy:

«Nếu một tỳ-kheo trước mặt một tỳ-kheo nói những lời hay đẹp để giáo giới, như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Vị kia nói như vầy: ‹Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy, thầy nên thọ trì, nên chấp nhận.› Như vậy tránh sự được diệt. Này A-nan, đó gọi là ngôn tránh được diệt bằng một pháp, không dùng đa nhơn ngữ.»

Hiện tiền: nghĩa như trên.

Một tỳ-kheo vì hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, Tăng cũng như vậy.

Hai tỳ-kheo vì một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, Tăng cũng như vậy. Ba tỳ-kheo vì một tỳ-kheo, hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, Tăng cũng như vậy. Tăng vì một Tỳ-kheo nói những lời hay đẹp để giáo giới, như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Vị kia nói như vầy: ‹Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy, thầy nên thọ trì, nên chấp nhận.› Này A-nan, tránh sự này nhờ vậy mà được chấm dứt. Đó là ngôn tránh được diệt bằng một pháp là hiện tiền tỳ-ni, chứ không dùng đa nhơn ngữ.

Hiện tiền: nghĩa như trên.

Tăng vì hai tỳ-kheo, ba tỳ-kheo, Tăng cũng như vậy.

Đức Phật lại bảo A-nan:

«Vị tỳ-kheo tranh cãi kia, không thể chấp nhận Tăng tác pháp như vậy để diệt tránh, nghe trú xứ nọ có chúng Tăng giỏi, Thượng tọa giỏi, là người trí tuệ. Vị tỳ-kheo tranh cãi kia do sự tranh cãi này nên đến nơi trú xứ kia. Hoặc giả trên đường đi gặp được người có thể chấm dứt sự tranh cãi như

pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, này A-nan, đó là ngôn tránh được diệt bằng một pháp hiện tiền tỳ-ni, chứ không dùng đa nhơn ngữ. Chữ *hiện tiền* ở đây cùng có nghĩa như trên.»

2. Tỳ-kheo tranh cãi kia trên đường đi không gặp được vị có thể như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt sự tranh cãi thì vị tỳ-kheo tranh cãi kia nên đến nơi chúng Tăng đó, trước Thượng tọa có trí tuệ, thưa như vầy: «Tránh sự này của tôi khởi lên như vầy, do bởi nguyên nhân thật sự là như vậy. Tăng tác pháp như vậy để diệt. Tôi không thể chấp nhận, cho nên đến Trưởng lão. Lành thay! Trưởng lão vì tôi như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy chấm dứt tránh sự này. Nếu Trưởng lão có thể vì chúng tôi chấm dứt sự tranh cãi này như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, chúng tôi sẽ đối trước Trưởng lão xả bỏ tránh sự này. Nếu Trưởng lão không thể như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt tránh sự này, chúng tôi sẽ tự tại tranh chấp, khiến cho tội trạng càng sâu nặng. Không như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt tránh sự này, các tỳ-kheo sẽ sống không an lạc.» Tỳ-kheo tranh cãi kia nên ở trước Tăng xả bỏ việc tranh cãi như vậy. Tăng nên nói với vị tỳ-kheo tranh cãi kia rằng:

«Này Trưởng lão, tránh sự nếu khởi lên như vậy, do nguyên nhân thật sự là như vậy mà khởi lên, và chúng Tăng ở kia đã chấm dứt việc tranh cãi như vây. Nếu có thể nói như thật, thì chúng tôi sẽ tự lượng có thể chấm dứt tránh sự này hay không. Nếu tránh sự này của Trưởng lão khởi lên như vậy, nguyên do sự thật như vậy mà khởi lên, Chúng Tăng kia đã diệt tránh như vậy, mà không được thuyết minh như thật, thì, này Trưởng lão, tránh sự này càng ngày càng sâu nặng, phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy. Tránh sự này không được chấm dứt, các tỳ-kheo sẽ không sống được an lạc.

«Tăng nên thụ lý tránh sự như vậy. Thụ lý rồi nên quyết đoán. Nếu tỳ-kheo tranh cãi kia là hạ tọa thì nên nói: ‹Thầy ra ngoài một chút để chúng tôi cùng nhau bình đoán việc

này cho được như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy.› Nếu tỳ-kheo tranh cãi ấy là bậc Thương tọa thì Tăng nên tự tránh đến chỗ khác để cùng nhau bình đoán việc này cho như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Chúng Tăng nên suy nghĩ như vầy, ‹Nếu chúng ta ở trong Tăng bình đoán việc này, thì sợ sẽ có các việc khác xảy ra, khiến cho hai bên lời thiện lời ác không thôi. Chúng ta hãy cùng với các vị có trí tuệ tập hợp riêng một chỗ để cùng nhau bình đoán việc này.›»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

Bấy giờ, Tăng nên tác bạch bình đoán việc này như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng tập hợp các vị có trí tuệ cùng nhau bình đoán riêng việc này. Đây là lời tác bạch.»

«Nên tác bạch như vậy rồi cùng nhau bình đoán.»

Tỳ-kheo có mười pháp nên sai để bình đoán riêng việc này[815]. Mười pháp là: 1. Trì giới đầy đủ, 2. Đa văn, 3. Tụng hai bộ tỳ-ni thuộc lòng, 4. Lý giải rộng [918a1] nghĩa của Luật, 5. Khéo léo xử dụng ngôn từ, biện luận rành mạch, đủ khả năng vấn đáp khiến cho vị kia hoan hỷ, 6. Nếu tránh sự khởi lên phải có khả năng chấm dứt, 7. Không thiên vị, 8. Không giận hờn, 9. Không khiếp sợ, 10. Không si mê. Có mười pháp như vậy thì nên sai cùng nhau họp riêng để bình đoán sự. Trong số tỳ-kheo đoán sự, có vị nào không tụng giới được, không biết tỳ-ni của giới, cho nên không nói theo chánh nghĩa, mà nói lời phi pháp, thì Tăng nên tác bạch khiến tỳ-kheo này đi ra. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên là... không tụng giới được, không biết tỳ-ni của giới, bỏ nghĩa chánh, nói lời phi pháp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Tỳ-kheo này ra. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi khiến người ấy ra. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

Trong số tỳ-kheo đang ngồi đoán sự kia có vị tụng giới, nhưng không tụng tỳ-ni của giới, cho nên bỏ chánh nghĩa, chỉ nói được một ít văn. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan, Tăng nên tác bạch khiến tỳ-kheo đoán sự này đi xa. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... tụng giới, nhưng không tụng tỳ-ni của giới, cho nên bỏ chánh nghĩa, chỉ nói được một ít văn. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến tỳ-kheo này ra. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi khiến vị ấy ra. Nếu trong số tỳ-kheo đoán sự có vị pháp sư[816] ngồi dự. Vị kia bỏ chánh nghĩa, dùng sức mạnh của ngôn từ để nói lấn áp. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

Tăng nên tác bạch khiến tỳ-kheo này đi ra. Văn bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo pháp sư này tên là... bỏ chánh nghĩa, dùng sức mạnh của ngôn từ để nói lấn áp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến tỳ-kheo này ra. Đây là lời tác bạch.»

Nên bạch như vậy rồi khiến vị ấy đi ra.

Nếu trong các tỳ-kheo đang ngồi đoán sự, có vị tụng giới, tụng tỳ-ni, thuận chánh nghĩa, nói đúng như pháp. Đức Phật bảo A-nan, Tăng nên như pháp như tỳ-ni, như lời Phật dạy tán trợ tỳ-kheo này. Nếu tránh sự kia được Tăng ở kia diệt không như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, thì nay Tăng ở đây nên diệt tránh sự ấy như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật. Nếu chúng Tăng ở kia đã như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy diệt tránh sự ấy rồi, thì nay Tăng ở đây cũng hãy chuẩn nhận việc này. Tức thời, Tăng ở đây nên nói với tỳ-kheo tranh cãi kia rằng: ‹Nếu Tăng ở kia đã như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy chấm dứt tránh sự này rồi, thì ở đây chúng

tôi cũng nhẫn khả sự việc này là diệt tránh như pháp. Bây giờ chúng tôi cũng sẽ tác pháp diệt tránh y như vậy thôi.›

Nếu làm như vậy mà chấm dứt được việc tranh cãi, thì này A-nan, đó là ngôn tránh được diệt bằng một pháp, tức hiện tiền tỳ-ni, không dùng đa nhơn ngữ.

Nghĩa hiện tiền: pháp *cho đến* giới, cũng như trên.

Nếu tránh sự như pháp diệt rồi, sau đó vị nào khơi động lại, phạm ba-dật-đề, như trên.

3. Tỳ-kheo tranh cãi kia không thuận tòng Tăng thứ hai tác pháp như vậy để diệt tránh. Nghe trú xứ nọ có số đông tỳ-kheo trì pháp, trì luật, trì ma-di. Tỳ-kheo tranh cãi kia nên đến chỗ tỳ-kheo trì pháp, trì luật, trì ma-di. Tỳ-kheo kia đang trên đường đi mà có thể chấm dứt tránh sự, thì này A-nan, đó gọi là ngôn tránh được diệt bằng một pháp hiện tiền tỳ-ni, không dùng đa nhơn ngữ.

Trong đây nói hiện tiền tỳ-ni. Thế nào là hiện tiền? Đó là pháp, tỳ-ni, người, Tăng, và giới. Nghĩa cũng như trên.

Như pháp chấm dứt việc tranh cãi rồi, sau đó ai phát khởi lên lại phạm ba-dật-đề, cũng như trên.

Trường hợp nếu tỳ-kheo tranh cãi kia, giữa đường không thể như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt tránh sự, thì tỳ-kheo tranh cãi kia nên đến chỗ số đông tỳ-kheo trì pháp, trì luật, trì ma-di kia nói như vầy: «Thưa Trưỡng lão, việc tranh cãi này của tôi do nguyên nhân như vậy, phát khởi như vậy. Sự thật, nhân bởi đó mà phát khởi. Tăng tác pháp như vậy để diệt tránh. Tăng thứ hai cũng tác pháp như vậy để diệt tránh. Tôi không thuận tòng, nên đến Trưởng lão. Lành thay, Trưởng lão có thể như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy chấm dứt việc tranh cãi này. Tôi sẽ đối trước Trưởng lão bỏ việc tranh cãi này. Nếu Trưởng lão không thể như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy chấm dứt việc tranh cãi này thì chúng tôi vẫn tiếp tục tranh cãi, khiến cho tội lỗi

càng sâu nặng. Không như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để diệt tránh sự này, thì các tỳ-kheo sẽ sống không an lạc.»

Tỳ-kheo tranh cãi kia nên đến trước số đông tỳ-kheo để xả bỏ việc tranh cãi này.

Số đông tỳ-kheo kia nên nói với tỳ-kheo tranh cãi này rằng: «Nếu Trưởng lão thuyết minh một cách như thật tránh sự này đúng như đã phát khởi, với nguyên nhân thật sự như vậy mà phát khởi, như Tăng thứ hai đã diệt tránh chấm dứt tranh cãi. Thuyết xong, xả tránh. Chúng tôi sẽ tự lượng xem có khả năng diệt tránh sự này hay không. Nếu Trưởng lão không nói đúng sự thật, thì việc tránh sự sẽ tiếp tục, khiến cho tội càng thêm sâu nặng. Không như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt việc tranh cãi thì các tỳ-kheo sẽ sống không an lạc.»

«Này A-nan, số đông tỳ-kheo kia nên tác pháp như vậy để thụ lý việc tranh cãi. Thụ lý việc tranh cãi rồi quyết đoán. Nếu tỳ-kheo tranh cãi kia là hạ tọa thì nên nói với vị ấy rằng: ‹Thầy ra ngoài chờ một chút. Chúng tôi cần bình đoán sự việc.› Nếu vị ấy là Thượng tọa, thì chúng nên tự tránh đi chỗ khác để cùng nhau bình đoán việc này. Nếu Tăng ở kia không như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt việc tranh cãi, và Tăng thứ hai cũng không như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy để chấm dứt việc tranh cãi này, thì số đông tỳ-kheo nên như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy chấm dứt tránh sự này. Nếu Tăng kia như pháp diệt tránh, Tăng thứ hai cũng như pháp diệt tránh, thì số đông tỳ-kheo cũng nên chấp nhận việc này, và nên nói với tỳ-kheo tranh cãi kia rằng: ‹Như Tăng thứ hai kia diệt tránh chúng tôi cũng chấp nhận.›

«Này A-nan, đó là ngôn tránh được diệt bằng một pháp, tức hiện tiền tỳ-ni, không dùng đa nhơn ngữ.»

Trong đây, hiện tiền là pháp, tỳ-ni, người; nghĩa cũng như trên. Như pháp chấm dứt tranh cãi rồi, sau đó vị nào phát khởi lên lại thì phạm ba-dật-đề, như trên.

Đến chỗ hai tỳ-kheo trì pháp, trì luật, trì ma-di cũng như vậy. Đến chỗ một tỳ-kheo trì pháp, cho đến trì ma-di cũng như vậy.

---o0o---

ii. Đa nhân ngữ

Bấy giờ tỳ-kheo nước Xá-vệ tranh cãi nhau. Chúng Tăng nơi Xá-vệ như pháp chấm dứt tranh cãi. Tỳ-kheo tranh cãi kia không chấp nhận Tăng chấm dứt tránh sự. Họ nghe trú xứ kia, *như trên*. Số đông tỳ-kheo, *cũng như trên*. Hai tỳ-kheo, một tỳ-kheo *cũng như trên*.

Tỳ-kheo tranh cãi kia không chấp nhận Tăng nơi Xá-vệ chấm dứt tránh sự, *cho đến* một tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật liền tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện khiển trách tỳ-kheo tranh cãi kia rằng:

«Các ngươi làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Các ngươi, những người ngu si, Tăng nơi Xá-vệ như pháp chấm dứt tranh cãi mà sao không chấp nhận? *Cho đến* một tỳ-kheo chấm dứt tranh cãi cũng không chấp nhận?»

---o0o---

a. Hành xá-la

1. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện ha trách rồi bảo các tỳ-kheo nên chấm dứt tranh cãi này bằng đa nhơn ngữ, bằng pháp hành xá-la. Sai người hành xá-la bằng pháp bạch nhị yết-ma. Vị nào có năm pháp sau đây không nên sai hành xá-la: có thiên vị, hay giận hờn, khiếp sợ, có si, không biết đã hành hay không hành. Có năm pháp như vậy không nên sai hành xá-la. Không thiên vị, không hay giận hờn, không hay khiếp sợ, không si, biết đã hành hay không hành. [919a1] Người có năm pháp như vậy nên sai hành xá-la. Trong chúng nên sai người có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận, Tăng sai tỳ-kheo tên... hành xá-la. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai tỳ-kheo... hành xá-la. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai tỳ-kheo tên... hành xá-la, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận sai tỳ-kheo... hành xá-la rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

2. Có ba cách hành xá-la, một là công khai, hai là kín, ba là rỉ tai[817].

a. Thế nào gọi là bỏ phiếu công khai?

Các tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: ‹Trong chúng, tỳ-kheo phi pháp nhiều, song Hòa thượng A-xà-lê của họ đều là như pháp.› Nên cần công khai hành xá-la. Các tỳ-kheo kia nghĩ: ‹Trong chúng, phần nhiều là người phi pháp mà Thượng tọa là người trí, trì pháp, trì tỳ-ni, trì ma-di đều là những người nói như pháp.› Nên cần công khai hành xá-la. Các tỳ-kheo nghĩ: ‹Không biết trong tránh sự này là người nói như pháp nhiều, hay người nói phi pháp nhiều. Song Hòa thượng A-xà-lê của họ đều là như pháp.› Tỳ-kheo kia nên công khai hành

xá-la. Các tỳ-kheo nghĩ: ‹Không biết trong tránh sự này là người nói như pháp nhiều, hay người nói phi pháp nhiều. Song bậc Thượng tọa là người có trí, trì pháp, trì tỳ-ni, trì ma-di đều như pháp nói.› Tỳ-kheo kia nên công khai hành xá-la. Các tỳ-kheo kia nghĩ: ‹Trong tránh sự, này người nói đúng pháp nhiều.› Nên công hai hành xá-la.

Thể thức thực hành như sau: nên làm hai loại xá-la, một loại chẻ hai, một loại để nguyên. Làm xá-la rồi nên tác bạch: ‹Vị nào nói như thế này, thì rút thẻ nguyên. Vị nào nói như thế kia, thì rút thẻ chẻ.› Hành xá-la xong, đến chỗ khác để kiểm. Nếu tỳ-kheo như pháp ngữ nhiều thì vị chủ trì công bố kết quả để chấm dứt việc tranh cãi. Nếu số tỳ-kheo như pháp ít thì vị ấy nên tác lễ[818] rồi đứng dậy ra đi. Sau đó sai người tin cậy đến trong Tăng của trú xứ tỳ-kheo bạch: ‹Trú xứ kia tỳ-kheo phi pháp nhiều. Lành thay, Trưởng lão hãy đến đó. Nếu tỳ-kheo như pháp ngữ nhiều, tránh sự kia được chấm dứt, được nhiều công đức.› Tỳ-kheo này nghe vậy, nên đến. Nếu không đến, sẽ như pháp trị.

«Này A-nan, nếu tác pháp như vậy mà tránh sự được chấm dứt thì gọi là ngôn tránh được diệt bằng hai pháp để diệt: hiện tiền tỳ-ni, dùng đa nhơn ngữ.»

Trong đây, hiện tiền là pháp, tỳ-ni, người, giới, Tăng. Nghĩa như trên. Trong đây, Thế nào là dụng đa nhơn ngữ? Căn cứ lời nói nhiều người, là những người trì pháp, trì tỳ-ni, trì ma-di.

Nếu tránh sự đã được diệt như pháp rồi, sau đó vị nào phát khởi lại, phạm ba-dật-đề, *như trên*.

b. Thế nào gọi là hành xá-la kín?

Các tỳ-kheo nghĩ: ‹Trong tránh sự này, tỳ-kheo như pháp nhiều mà Hòa thượng A-xà-lê của họ không như pháp. Nếu chúng ta công khai hành xá-la, sợ các tỳ-kheo tùy theo Hòa thượng A-xà-lê rút xá-la.› Tỳ-kheo kia hành xá-la kín. Có vị nghĩ: ‹Trong tránh sự này, tỳ-kheo như pháp nhiều. Nhưng

trong chúng kia có Thượng tọa tiêu biểu cho người trí, trì pháp, trì tỳ-ni, trì ma-di mà lại trụ phi pháp. Nếu chúng ta công khai hành xá-la, thì các tỳ-kheo tùy thuận theo vị Thượng tọa trong chúng, người tiêu biểu về trí mà trụ phi pháp kia rút xá-la.› Cho nên tỳ-kheo nên hành xá-la kín. Hai vế không biết cũng như trên. Nên hành xá-la như vậy.

Từ hai cách, *cho đến* như pháp diệt tránh rồi, vị nào phát khởi trở lại mắc ba-dật-đề, *như trên, trong mục công khai hành xá-la*.

c. Thế nào là hành xá-la rỉ tai?

Tỳ-kheo kia nghĩ, như pháp tỳ-kheo nhiều, nhưng Hòa thượng A-xà-lê của họ lại nói phi pháp, vị kia nên rỉ tai hành xá-la. Vị tỳ-kheo kia khởi ý nghĩ, việc tranh cãi này tỳ-kheo như pháp nhiều mà vị Thượng tọa trong chúng người tiêu biểu về trí, lại trụ nơi phi pháp, trì pháp, trì tỳ-ni, trì ma-di nên tỳ-kheo kia rỉ tai hành xá-la. Hai vế không biết cũng như trên.

Nên làm hai loại xá-la một loại chẻ, một loại nguyên, tuyên bố. ‹Vị nào nói như vầy thì rút thẻ nguyên. Vị nào nói như vầy thì rút thẻ chẻ.› Khi hành xá-la nên bố trí ngồi cách khoảng, có thể một người đi chen vào giữa che khuất người kia để rỉ tai, nói: ‹Hòa thượng, đồng Hòa thượng, A-xà-lê đồng A-xà-lê, thân hậu tri thức của thầy đã rút xá-la... Lành thay, thầy cũng nên rút xá-la... Từ mẫn cố!Nếu như pháp tỳ-kheo nhiều, tránh sự được chấm dứt thì được công đức nhiều.› Hành xá-la rồi, qua một bên để kiểm. *Từ đây cho đến* như pháp diệt tránh rồi, vị nào phát khởi lại, phạm ba-dật-đề, *như trên*.

---o0o---

b. Xá-la phi pháp

Có mười cách rút xá-la không như pháp: 1. Không hiểu rõ mà bốc xá-la, 2. Không theo đồng bạn tốt mà bốc xá-la, 3. Muốn khiến cho người phi pháp nhiều mà bốc xá-la, 4. Biết tỳ-kheo phi pháp nhiều mà bốc xá-la, 4. Muốn khiến chúng Tăng bị phá vỡ nên bốc xá-la, 6. Biết chúng Tăng sẽ bị phá vỡ mà bốc xá-la, 7. Phi pháp bốc xá-la, 8. Biệt chúng bốc xá-la, 9. Do một vi phạm nhỏ mà bốc xá-la, 10. Không đứng theo sở kiến mà bốc xá-la.

Thế nào là không hiểu rõ mà rút xá-la?

Đối với tránh sự này không nắm vững, không hiểu rõ, không biết là pháp hay phi pháp, cho đến thuyết hay phi thuyết. Như vậy là không hiểu rõ mà rút xá-la.

Thế nào là không cùng bạn lành mà rút xá-la?

Không đồng bạn với tỳ-kheo đa văn, trì pháp, trì tỳ-ni, trì ma-di, pháp hay phi pháp *cho đến* thuyết hay phi thuyết. Như vậy là không cùng với bạn lành rút xá-la.

Thế nào là khiến cho tỳ-kheo phi pháp nhiều mà rút xá-la?

Tỳ-kheo kia nghĩ: ‹Trong tránh sự này có nhiều tỳ-kheo như pháp. Nay ta nên rút xá-la theo phi pháp, khiến cho tỳ-kheo phi pháp nhiều.› Như vậy gọi là khiến tỳ-kheo phi pháp nhiều mà rút xá-la.

Thế nào gọi là biết nhiều tỳ-kheo phi pháp mà rút xá-la?

Tỳ-kheo kia nghĩ: ‹Trong tránh sự này tỳ-kheo phi pháp nhiều. Đồng bạn với phi pháp rút xá-la.› Như vậy gọi là biết tỳ-kheo phi pháp nhiều mà rút xá-la.

Thế nào gọi là muốn khiến Tăng phá vỡ rút xá-la?

Vị kia khởi ý nghĩ: ‹Tránh sự này tỳ-kheo như pháp nhiều, nay ta rút xá-la theo phe phi pháp khiến cho chúng Tăng bị

phá vỡ.› Như vậy là muốn khiến chúng Tăng phá vỡ mà rút xá-la.

Thế nào gọi là biết Tăng phá vỡ mà rút xá-la?

Tỳ-kheo kia biết tỳ-kheo phi pháp nhiều, vì bạn bè phi pháp mà rút xá-la, như vậy gọi là biết Tăng sẽ bị phá mà rút xá-la.

Thế nào gọi là phi pháp rút xá-la?

Bạch nhị, bạch tứ yết-ma mà bạch khác, yết-ma khác. Như vậy gọi là phi pháp rút xá-la.

Thế nào gọi là biệt chúng rút xá-la?

Đồng một cương giới, khi yết-ma không tập hợp hết, người đáng chúc thọ không chúc thọ, người hiện tiền đáng ngăn, ngăn. Như vậy gọi là biệt chúng rút xá-la.

Thế nào gọi là do một vi phạm nhỏ mà rút xá-la?

Hoặc nghĩ phạm tội, hoặc không cố phạm, hoặc phát tâm làm như vậy mà rút xá-la. Như thế gọi là do một vi phạm nhỏ mà rút xá-la.

Thế nào là không đúng như sở kiến mà rút xá-la?

Kiến giải khác, nhẫn khả khác mà rút xá-la. Như vậy là không đúng như sở kiến mà rút xá-la.

Đó gọi là mười cách phi pháp rút xá-la. Lại có mười cách như pháp rút xá-la. (*Ở đây tức là ngược lại* [920a1] *mười điều không như pháp rút xá-la trên*).[819]

---o0o---

c. Bình đoán sự

Có năm loại bình đoán nhơn[820]: có người thân không làm mà khẩu làm, có người khẩu không làm mà thân làm, có người thân không làm khẩu không làm, có người thân làm khẩu làm, có người không ái không nhuế không bố không si.

Thế nào là người thân không làm mà khẩu làm? Nghĩa là người thân không hiện tướng mà miệng có nói năng dạy dỗ, đó là người thân không làm mà miệng làm.

Thế nào là người miệng không làm mà thân làm?

Là người thân hiện tướng mà miệng không nói năng dạy dỗ, đó là người miệng không làm mà thân làm.

Thế nào là người thân không làm, khẩu không làm?

Là người thân không hiện tướng, miệng không nói năng dạy dỗ, đó là người thân không làm, miệng không làm.

Thế nào là người miệng làm thân làm?

Là người thân hiện tướng, miệng nói năng dạy dỗ, đó là người thân làm miệng làm.

Trong số này, người không ái, không nhuế, không bố, không si, là người bậc nhất hết sức tôn quý. Sữa cho ra lạc, lạc cho ra tô, tô cho ra đề hồ là tối thắng, không có thứ gì so sánh được. Cũng như vậy, người không ái, không nhuế, không bố, không si là rất tôn quý thù thắng không ai so sánh được. Đây là năm hạng người bình đoán.[821]

---o0o---

3. Diệt mích tránh

1. Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Bạch đức Thế Tôn, mích tránh được diệt bằng bao nhiêu pháp?»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Mích tránh được diệt bằng bốn pháp. Đó là, hiện tiền tỳ-ni, ức niệm tỳ-ni, bất si tỳ-ni và tội xứ sở.»

2. Tôn giả A-nan lại hỏi:

«Có trường hợp nào mích tránh được diệt không phải bằng hai pháp tức bất si tỳ-ni và tội xứ sở tỳ-ni hay không?»[822]

Đức Phật trả lời:

«Có.»

Tôn giả A-nan lại hỏi:

«Đó là trường hợp nào?»

Đức Phật dạy:

«Này A-nan, tỳ-kheo không phạm tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá, mà các tỳ-kheo nói[823]: ‹Thầy có nhớ phạm ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá hay không?› Vị ấy không nhớ nên trả lời, ‹Tôi không nhớ phạm ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá. Trưởng lão đừng gạn hỏi tôi mãi.› Tỳ-kheo kia cố gạn hỏi không thôi. Này, A-nan Tăng nên trao cho tỳ-kheo này ức niệm tỳ-ni, bằng pháp bạch tứ yết-ma như trên.»

Có ba trường hợp phi pháp trao ức niệm tỳ-ni. Nếu tỳ-kheo phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo nói phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá. Tỳ-kheo kia nói: ‹Thầy nhớ phạm trọng tội ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá hay không?› Tội phạm trả lời: ‹Tôi không nhớ phạm. Trưởng lão đừng gạn hỏi tôi.› Nhưng tỳ-kheo cố gạn hỏi không thôi. Phạm nhơn đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng cho tác pháp ức niệm tỳ-ni tức là phi pháp.

Tỳ-kheo phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo cũng nói phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá, nên hỏi: ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá không?› Phạm nhơn trả lời: ‹Tôi không nhớ phạm trọng tội ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá. Tôi nhớ phạm tội nhỏ, sẽ như pháp sám hối. Các trưởng lão đừng gạn hỏi tôi mãi.› Các tỳ-kheo cứ gạn hỏi mãi không thôi. Tỳ-kheo kia đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng cho ức niệm tỳ-ni là phi pháp.

Nếu tỳ-kheo phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo cũng nói phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá, nên hỏi: ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội không?› Người ấy nói: ‹Tôi không nhớ phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá. Tôi nhớ phạm tiểu tội, đã như pháp sám hối, các Trưởng lão đừng đến gạn hỏi tôi mãi.› Các tỳ-kheo cố nạn hỏi không thôi. Người ấy đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng cho ức niệm tỳ-ni, tức là phi pháp.

Đó là ba loại trao ức niệm tỳ-ni phi pháp. Có ba loại trao ức niệm tỳ-ni như pháp (*tức ngược lại ba vế trên*).[824]

Có năm trường hợp không như pháp trao ức niệm tỳ-ni: không hiện tiền, không tự ngôn, không thanh tịnh, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm phi pháp trao ức niệm tỳ-ni.

Có năm cách như pháp trao ức niệm tỳ-ni: hiện tiền, tự ngôn, thanh tịnh, pháp, hòa hợp. Đó là năm như pháp trao ức niệm tỳ-ni.

Này, A-nan, nếu việc tranh cãi được chấm dứt như vậy, tức là mích tránh được diệt bằng hai pháp, hiện tiền tỳ-ni, ức niệm tỳ-ni, không bằng bất si tỳ-ni và tội xứ sở.

Trong đây, cái gì hiện tiền? Đó là pháp, tỳ-ni, người, Tăng, và giới. *Nghĩa cũng như trên.*

Trong đây, ức niệm tỳ-ni như thế nào?

Tội ấy của tỳ-kheo không được nêu trở lại thì không được tác ức niệm. Nếu tỳ-kheo đã như pháp chấm dứt sự tranh cãi rồi, mà sau đó vị nào phát khởi lên trở lại, phạm ba-dật-đề, *như trên*.

3. Tôn giả A-nan lại hỏi:

«Có trường hợp nào mích tránh được diệt bằng hai pháp, hiện tiền tỳ-ni, bất si tỳ-ni, mà không dùng ức niệm tỳ-ni và tội xứ sở hay không?»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Có.»

Tôn giả A-nan thưa:

«Trường hợp đó là thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Trường hợp có tỳ-kheo điên cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm các tội, sau đó bình phục trở lại. Các tỳ-kheo đều nói phạm trọng tội, ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá, nên hỏi: ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội, ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá, hay không?› Vị đó không nhớ phạm trọng tội nên trả lời: ‹Tôi không phạm trọng tội, ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá. Khi ấy tôi bị điên cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm các tội. Đây chẳng phải là cố ý, mà là do tôi điên cuồng vậy. Các trưởng lão đừng gạn hỏi tôi nữa.› Các tỳ-kheo cứ gạn hỏi mãi, không thôi.»

Vị ấy nghĩ: ‹Ta nên làm thế nào?› Rồi bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật.

Đức Phật dạy:

«Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo này bất si tỳ-ni, bằng pháp bạch tứ yết-ma như trên. Có ba phi pháp trao bất si tỳ-ni:

«Tỳ-kheo không si giả làm si, nhiều lần phạm các tội, chẳng phải pháp sa-môn. Các tỳ-kheo nói, phạm trọng tội ba-la-di, tăng tàn, thâu-lan-giá. Các tỳ-kheo hỏi: ‹Thầy có nhớ phạm trọng tội ba-la-di, cho đến thâu-lan-giá hay không?› Người ấy trả lời: ‹Khi ấy tôi cuồng si, nhiều lần phạm các tội, chẳng phải pháp sa-môn. Chẳng phải tôi cố ý làm, mà là do cuồng si cho nên làm. Các Trưởng lão đừng gạn hỏi tôi nữa.› Các tỳ-kheo cứ gạn hỏi mãi không thôi. Tỳ-kheo đó đến Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, là phi pháp. (*Đây là vế đầu. Kế đến câu thứ hai cũng như trên. Chính người ấy nói, tôi nhớ nhiều lần phạm tội như người trong mộng làm vậy. Kế đến vế thứ ba cũng như trên. Chính người ấy nói, tôi nhớ nhiều lần phạm các tội, như người từ trên núi cao rớt xuống chỉ nắm được vật nhỏ, tôi cũng như vậy*)[825]. Đó là ba phi pháp trao bất si tỳ-ni. Có ba như pháp trao bất si tỳ-ni (*ngược lại với* [921a1]*ba câu trên là như pháp*)[826].

Có năm phi pháp trao bất si tỳ-ni. Có năm như pháp trao bất si tỳ-ni như trên.

«Này A-nan, nếu việc tranh cãi được chấm dứt như vậy, đó là mích tránh được diệt bằng hai pháp, hiện tiền tỳ-ni, bất si tỳ-ni, không dùng ức niệm tỳ-ni, tội xứ sở. Trong đây, nghĩa của hiện tiền như trên.

Thế nào gọi là bất si tỳ-ni?

Tội này của Tỳ-kheo không được nêu trở lại thì không được tác ức niệm vậy. Tỳ-kheo kia đã như pháp chấm dứt tránh sự, sau đó ai phát khởi lên lại, phạm ba-dật-đề, *như trên*.

4. Tôn giả A-nan lại hỏi:

«Có trường hợp nào mích tránh được diệt bằng hai pháp, hiện tiền tỳ-ni, tội xứ sở, mà không dùng ức niệm tỳ-ni, bất si tỳ-ni không?»

Đức Phật dạy:

«Có.»

A-nan thưa:

«Trường hợp ấy là thế nào?»

Nếu tỳ-kheo ưa luận nghị cùng ngoại đạo[827], khi bị hỏi gắt thì lời nói trước mâu thuẫn lời nói sau. Khi ở trong chúng được hỏi, cũng lời nói trước mâu thuẫn lời nói sau, cố ý nói dối. Này A-nan, Tăng nên trao cho tỳ-kheo này tội xứ sở, bằng pháp bạch tứ yết-ma như trên.

Có ba phi pháp trao tội xứ sở tỳ-ni: không tác cử, không tác ức niệm, không tác tự ngôn. Đó gọi là ba.

Lại có ba: không phạm, tội phạm không thể sám, phạm tội đã sám.

Lại có (những nhóm) ba: không cử, phi pháp, biệt chúng. Không tác ức niệm, phi pháp, biệt chúng. Không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng. Không phạm tội, phi pháp, biệt chúng. Phạm tội không thể sám, phi pháp, biệt chúng. Phạm tội nhưng đã sám, phi pháp, biệt chúng. Không hiện tiền, phi pháp, biệt chúng. Đó gọi là (những nhóm) ba phi pháp trao tội xứ sở.

Lại có ba như pháp trao tội xứ sở (ngược lại với việc trên, chứ không khác, nên không chép ra là như pháp vậy)[828].

Có ba như pháp trao tội xứ sở.

Có năm phi pháp trao tội xứ sở: Không hiện tiền, không tác tự ngôn, không thanh tịnh, phi pháp biệt chúng. Đó là năm phi pháp trao tội xứ sở.

(Lại có năm vế như pháp ngược với việc trên, chứ không khác, nên không chép ra)[829].

Nếu việc tranh cãi được chấm dứt thì đó là tránh sự được diệt bằng hai pháp, hiện tiền tỳ-ni, tội xứ sở; không dùng ức niệm tỳ-ni, bất si tỳ-ni. *Nghĩa của hiện tiền như trên*.

Thế nào la tội xứ sở?

Với tội này, tỳ-kheo kia bị tác cử, bị tác ức niệm.

Tỳ-kheo kia, nếu tránh sự đã như pháp chấm dứt rồi, sau đó phát khởi lên lại, phạm ba-dật-đề, *như trên*.

---o0o---

4. Diệt phạm tránh

1. Tôn giả A-nan lại thưa:

«Phạm tránh được diệt bằng bao nhiêu pháp?

Phật dạy tôn giả A-nan:

«Phạm tránh được diệt bằng ba, hiện tiền tỳ-ni, tự ngôn trị, thảo phú địa.»

Tôn giả A-nan lại hỏi:

«Có trường hợp nào phạm tránh được diệt bằng hai pháp, hiện tiền tỳ-ni và tự ngôn trị, mà không dùng thảo phú địa hay không?»

Đức Phật dạy:

«Có.»

A-nan lại thưa:

«Trường hợp đó là thế nào?»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

Tỳ-kheo phạm tội, nếu muốn đến trước một tỳ-kheo để sám hối thì nên đến chỗ một tỳ-kheo thanh tịnh, để trống vai bên hữu. Nếu vị ấy là bậc Thượng tọa thì nên kính lễ sát chân, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, nói rõ tên tội, nói chủng loại của tội, như sau:

«Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi tỳ-kheo tên... phạm... tội, nay đến Trưởng lão để sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì an lạc, không sám hối không an lạc. Tôi nhớ nghĩ có phạm nên phát lồ, biết mà không dám che giấu. Trưởng lão nhớ cho, tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh bố-tát.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Vị thọ sám nên nói:

«Thầy nên tự trách tâm mình, nên sanh tâm yểm ly.»

Trả lời:

«Vâng.»

«Này A-nan, nếu làm như vậy mà việc tranh cãi được chấm dứt tức là phạm tránh này được diệt bằng hai pháp hiện tiền tỳ-ni và tự ngôn trị, mà không dùng như thảo phú địa.»

Trong đây, nghĩa của hiện tiền, pháp, tỳ-ni, *như trên*. Người hiện tiền tức là người thọ sám.

Thế nào gọi là tự mình nói tên tội, nói chủng loại tội?

Tức là sám hối vậy.

Thế nào gọi là trị?

Là ‹Hãy tự trách tâm của ngươi, sanh yểm ly.› Nếu việc tranh cãi được chấm dứt rồi, sau đó vị nào phát khởi lên lại, phạm ba-dật-đề. Trừ thọ dục rồi, ngoài ra như trên.

Nếu muốn đến hai tỳ-kheo sám hối thì nên đến chỗ hai tỳ-kheo thanh tịnh, để trống vai bên hữu. Nếu vị ấy là bậc

Thượng tọa thì kính lễ sát chân rồi, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay nói tên tội, nói chủng loại tội, tác pháp sám hối như trên.

Vị thọ sám, trước hết nên hỏi vị tỳ-kheo thứ hai rằng: ‹Nếu Trưởng lão cho phép tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo... thì tôi sẽ nhận.›

Vị thứ hai nên nói:

«Đồng ý.»

Nếu muốn đối với ba vị tỳ-kheo để sám hối cũng như vậy. Hay muốn sám hối đối với Tăng thì nên đến giữa Tăng, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là tỳ-kheo tên... phạm... tội, nay đến Tăng xin sám hối.»

Thưa xin như vậy ba lần. Vị thọ sám nên tác bạch rồi sau mới nhận sám của vị kia. Văn tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên là... phạm... tội, nay đến Tăng xin sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo... Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy rồi nhận sám. Vị thọ sám nên nói:

«Thầy nên tự trách tâm mình; sanh tâm yểm ly.»

Tỳ-kheo sám hối nên thưa:

«Vâng.»

«Này A-nan, nếu tác pháp như vậy mà tránh sự được chấm dứt tức là phạm tránh này được diệt bằng hai pháp hiện tiền tỳ-ni và tự ngôn trị, chứ không dùng như cỏ che đất.»

Trong đây, hiện tiền là pháp, tỳ-ni, *cho đến* giới, *như trên*.

Thế nào là tự nói tên tội, nói chúng loại tội? Tức sám hối vậy.

Thế nào là tự trị? là ‹Tự trách tâm ngươi; sanh tâm yểm ly.› Tránh sự được như pháp diệt rồi, sau đó ai phát khởi lại, thì *như trên*.

2. Tôn giả A-nan lại thưa:

«Bạch Đại đức, có trường hợp nào phạm tránh được diệt bằng hai pháp hiện tiền tỳ-ni và như cỏ che đất chứ không dùng tự ngôn trị hay không?»

Đức Phật dạy:

«Có.»

Tôn giả hỏi:

«Trường hợp đó thế nào?»

Đức Phật dạy:

«Trong tránh sự này, trong đó các tỳ-kheo đa số phạm các tội, chẳng phải pháp sa-môn, nói năng không chừng mực, ra vào tới lui không thuận oai nghi. Các tỳ-kheo nghĩ: ‹Trong tránh sự này, chúng ta đa số phạm các tội, chẳng phải pháp sa-môn, nói năng không chừng mực, ra vào tới lui không thuận oai nghi. Nếu chúng ta cùng nhau tự mình truy cứu tránh sự này, sợ khiến cho tội sâu nặng, không thể như pháp như tỳ-ni như lời Phật dạy để chấm dứt, khiến các tỳ-kheo không sống an lạc.› Này A-nan, trong một chúng kia có tỳ-kheo trí tuệ có khả năng, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Bạch các Trưởng lão, trong tránh sự này, chúng ta đa số phạm các tội, chẳng phải pháp sa-môn, nói năng không

chừng mực, ra vào tới lui không thuận oai nghi. Nếu chúng ta cùng nhau tự mình truy cứu tránh sự này, sợ khiến cho tội sâu nặng, không thể như pháp như tỳ-ni như lời Phật dạy để chấm dứt, khiến các tỳ-kheo không sống an lạc. Nếu các Trưởng lão chấp thuận, tôi vì các Trưởng lão tác pháp sám hối như cỏ che đất đối với tội này.»

Chúng thứ hai cũng nói như vậy.

«Này A-nan, các tỳ-kheo kia nên tác bạch pháp sám như cỏ che đất, như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng vì việc tranh cãi này tác pháp sám hối như cỏ che đất. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy rồi, tác pháp sám hối như cỏ che đất.

«Này A-nan, trong một chúng kia có vị trí tuệ, có khả năng, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, [922a1] đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Thưa các Trưởng lão, nay tôi, trong tránh sự này, nếu các Trưởng lão chấp thuận, tôi vì các Trưởng lão tác pháp sám hối như cỏ che đất đối với các tội đã phạm, trừ trọng tội, và yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.»

Chúng thứ hai cũng nói như vậy.

«Này A-nan, nếu tránh sự do thế mà được chấm dứt tức là phạm tránh này được diệt bằng hai pháp hiện tỳ-ni và như cỏ che đất để chấm dứt, chứ không dùng tự ngôn trị.» *Hiện tiền*, nghĩa *như trên*.

Thế nào gọi là cỏ che đất? Không nói tên tội, tên chủng loại của tội để sám hối.

Nếu việc tranh cãi được chấm dứt rồi, sau đó có ai phát khởi lên lại, cũng như trên.

---o0o---

5. Diệt sự tránh

Tôn giả A-nan lại thưa:

«Sự tránh được diệt bằng bao nhiêu pháp?»

Đức Phật dạy:

«Tùy theo tội phạm, bằng tất cả pháp để chấm dứt.

---o0o---

6. Ưu-ba-ly hỏi

1. Bấy giờ, trưởng giả Ưu-ba-ly, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, bạch Phật:

«Tác tự ngôn trị, tất cả đều như pháp hết phải không?»

Đức Phật dạy:

«Này Ưu-ba-ly, tự ngôn trị không phải tất cả đều như pháp.

«Trong đây, tỳ-kheo không phạm ba-la-di. Vị kia không tác cử, không tác ức niệm, tự nói phạm ba-la-di. Các tỳ-kheo liền trao cho ba-la-di để trị. Này Ưu-ba-ly, đó là tự ngôn trị phi pháp.

«Này Ưu-ba-ly, trong đây tỳ-kheo không phạm ba-la-di. Vị kia không tác cử, không tác ức niệm. Vị kia tự nói phạm tăng tàn. Các tỳ-kheo liền trao cho tội tăng tàn để trị. Này Ưu-ba-ly, như vậy là trao cho tự ngôn trị phi pháp.»

Cho đến, tự nói phạm ác thuyết cũng như vậy.

«Này Ưu-ba-ly, trường hợp tỳ-kheo không phạm tăng tàn. Vị kia không tác cử, không tác ức niệm. Tỳ-kheo kia tự nói phạm ba-la-di. Các tỳ-kheo trao cho pháp ba-la-di để trị. Như vậy gọi là tự ngôn trị phi pháp.

«Này Ưu-ba-ly, trường hợp tỳ-kheo không phạm tăng tàn. Các tỳ-kheo không tác cử, không tác ức niệm. Tỳ-kheo kia tự nói phạm tăng tàn. Các tỳ-kheo trao cho pháp tăng tàn để trị. Đó là trao tự ngôn trị phi pháp.»

Trường hợp tỳ-kheo không phạm tăng tàn, tự nói phạm ba-dật-đề, cho đến ác thuyết cũng như vậy.

Trường hợp tỳ-kheo không phạm ba-dật-đề tự nói phạm ba-la-di, cho đến ác thuyết cũng như vậy.

Trường hợp tỳ-kheo không phạm ba-la-đề-đề-xá-ni, tự nói phạm ba-la-di, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Thâu-lan-giá cho đến ác thuyết cũng như vậy. Đột-kiết-la cho đến ác thuyết cũng như vậy. Ác thuyết mà tự nói phạm ba-la-di, trở lại đến ác thuyết cũng như vậy.

2. «Này Ưu-ba-ly, trường hợp tỳ-kheo không phạm ba-la-di. Vị kia tác cử, tác ức niệm, bèn tự nói phạm ba-la-di. Các tỳ-kheo liền trao cho pháp ba-la-di để trị. Đó là tác tự ngôn trị phi pháp.»

cho đến tự nói phạm ác tác, bảy vế xen nhau làm đầu mối cũng như trên.

«Này Ưu-ba-ly, trường hợp tỳ-kheo phạm ba-la-di. Vị kia không tác cử, không tác ức niệm, tự nói phạm tăng tàn. Các tỳ-kheo liền trao tội tăng tàn để trị. Như vậy là tự ngôn trị phi pháp.»

Cho đến tự nói phạm ác thuyết cũng như vậy. Trường hợp tỳ-kheo phạm tăng tàn, tỳ-kheo kia không tác cử, không tác ức niệm, bèn tự nói phạm ba-la-di. Các tỳ-kheo liền trao tội ba-la-di để trị. Như vậy là phi pháp trao tự ngôn trị. Trường

hợp tỳ-kheo phạm tăng tàn. Tỳ-kheo kia không tác cử, không tác ức niệm, tự nói phạm ba-dật-đề. Các tỳ-kheo liền trao tội ba-dật-đề để trị. Tức là phi pháp tự ngôn trị.

Cho đến tự nói phạm ác thuyết xen nhau làm đầu mối cũng như vậy.

«Này Ưu-ba-ly, trường hợp tỳ-kheo phạm ba-la-di. Tỳ-kheo kia tác cử, tác ức niệm, bèn nói phạm tăng tàn. Các tỳ-kheo liền trao tội tăng tàn để trị.» C*ho đến* ác thuyết xen nhau làm thành vế cũng như vậy.

«Này Ưu-ba-ly, đó là trao tự ngôn trị phi pháp.»

3. Ưu-ba-ly lại hỏi:

«Thế nào là tự ngôn như pháp trị?»

Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo phạm ba-la-di. Vị kia không tác cử, không tác ức niệm. Vị kia tự nói phạm ba-la-di. Các tỳ-kheo liền vì vị ấy tác tội ba-la-di để trị. Như vậy là trao tự ngôn như pháp trị.»

Cho đến ác thuyết cũng như vậy.

«Này Ưu-ba-ly, trường hợp tỳ-kheo phạm ba-la-di. Tỳ-kheo kia tác cử, tác ức niệm. Vị kia tự nói phạm ba-la-di. Các tỳ-kheo liền trao cho tội ba-la-di để trị. Tức là trao tự ngôn như pháp trị.»

Cho đến ác thuyết cũng như vậy.

«Này Ưu-ba-ly, đó là trao tự ngôn như pháp trị.»

5. Bấy giờ, có tỳ-kheo nói với các tỳ-kheo rằng:

«Tôi phạm bất tịnh hạnh, muốn thôi tu.»

Tỳ-kheo kia nói:

«Nên biết đúng thời.»

Tỳ-kheo kia đi. Ưu-ba-ly kinh hành cách đó không xa nghe, đến chỗ tỳ-kheo kia hỏi:

«Các vị vừa bàn nói việc gì?»

«Vị kia nói, tôi phạm bất tịnh hạnh, muốn thôi tu.»

Ưu-ba-ly hỏi:

«Thầy phạm cùng người nào?»

«Tôi phạm cùng với vợ cũ.»

Ưu-ba-ly hỏi:

«Vợ cũ, ở chỗ nào?»

«Vợ cũ ở tại nước Ưu-thiền.»

Ưu-ba-ly hỏi:

«Thầy đến đó à?»

«Tôi không đến đó.»

Ưu-ba-ly hỏi:

«Người ấy đến đây à?»

«Người ấy không đến đây.»

Ưu-ba-ly hỏi:

«Vậy, Thầy phạm bằng cách nào?»

«Tôi phạm ở trong mộng.»

Ưu-ba-ly nói:

«Thôi, đủ rồi! Kể cả tội đột-kiết-la, Thầy cũng không phạm.»

---o0o---

CHƯƠNG XVII - TỲ-KHEO-NI[830]

I. KIỀU-ĐÀM-DI

[922c7] Thế Tôn ở vườn Ni-câu-luật[831] tại Thích-sí-sấu[832], thì bấy giờ, Ma-ha Ba-xà-ba-đề[833] cùng năm trăm người nữ Xá-di[834], đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Lành thay, cúi xin đức Thế Tôn cho phép người nữ được xuất gia vì đạo ở trong pháp của đức Phật.»[835]

Đức Phật dạy:

«Thôi đi, Cù-đàm-di[836], đừng nói lời ấy nữa. Tôi chưa muốn cho người nữ xuất gia vì đạo. Tại sao vậy? Cù-đàm-di, nếu người nữ xuất gia vì đạo trong giáo pháp của Phật thì sẽ khiến cho pháp Phật không lâu dài.»[837]

Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe đức Thế Tôn dạy như vậy rồi, đến trước Ngài kính lễ sát chân rồi nhiễu quanh, cáo lui.

Rồi Thế Tôn từ Thích-sí-sấu cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử du hành trong nhân gian đến nước Câu-tát-la; từ nước Câu-tát-la trở về lại tinh xá Kỳ-hoàn nước Xá-vệ.

Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Phật đang ở tại tinh xá Kỳ-hoàn, bèn cùng năm trăm người nữ Xá-di cạo tóc, mặc áo ca-sa, đến tinh xá Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ, đứng bên ngoài cửa. Vì đi bộ nên chân bị lở, bụi đất bẩn cả thân, nước mắt chảy đầm đìa. Tôn giả A-nan thấy vậy, liền ra hỏi Cù-đàm-di:

«Vì sao Bà cùng năm trăm người nữ Xá-di cạo tóc, mặc áo ca-sa, đi bộ, gót chân bị lở, bụi đất dính cả người, đứng nơi đây than khóc thế này?»

Cù-đàm-di trả lời:

«Chúng tôi là người nữ không được đức Phật cho phép xuất gia thọ đại giới trong giáo pháp của Ngài.»

Tôn giả A-nan nói:

«Thôi đừng khóc nữa, tôi vì các Bà đến chỗ đức Phật cầu xin điều này.»

Tôn giả A-nan liền đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Lành thay, đức Thế Tôn, nguyện xin cho phép người nữ được xuất gia thọ đại giới trong giáo pháp của đức Phật.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Thôi đi, đừng có ý muốn cho người nữ xuất gia thọ đại giới trong giáo pháp của Phật. Vì sao vậy? Nếu người nữ xuất gia thọ đại giới [923a1] trong giáo pháp của Phật thì sẽ khiến cho Phật pháp không lâu dài.

«Này A-nan! Giống như có nhà ông trưởng giả con trai ít, con gái nhiều, thì nhà ông trưởng giả kia sẽ bị suy vi[838]. Cũng như vậy, này A-nan, nếu người nữ xuất gia thọ đại giới trong giáo pháp của Phật thì sẽ khiến cho Phật Pháp không lâu dài.

«Lại cũng như ruộng lúa đang tốt mà bị sương móc[839], tức thời phải hư hoại. Cũng như vậy, này A-nan, nếu cho người nữ xuất gia thọ đại giới trong giáo pháp của Phật, thì sẽ khiến cho Phật pháp không lâu dài ngay.»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Ma-ha Ba-xà-ba-đề đối với Phật có ân lớn. Phật mẫu qua đời, Người đã nuôi dưỡng đức Thế Tôn khôn lớn.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Đúng vậy! Đúng vậy! Cù-đàm-di đối với Ta có ân lớn. Mẹ ta qua đời, Cù-đàm-di đã nuôi dưỡng ta, khiến ta khôn lớn. Ta đối với Ma-ha Ba-xà-ba-đề cũng có ân lớn. Nếu người nào nhờ kẻ khác để biết được Phật Pháp Tăng, thì ân này khó trả; chẳng phải dùng áo mặc, cơm ăn, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men, mà có thể trả được. Ta ra đời cũng lại như vậy; đã khiến cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề biết được Phật Pháp Tăng.»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Nếu có người nào nhờ kẻ khác mà tin Phật Pháp Tăng thì ân này khó trả, chẳng phải dùng cơm ăn áo mặc, giường nằm ngọa cụ, thuốc men mà có thể trả được. Ta ra đời khiến cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề tin ưa Phật Pháp Tăng cũng lại như vậy.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Nếu có người nào nhờ kẻ khác được quy y Phật Pháp Tăng, thọ trì năm giới, biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo. Đối với Khổ, Tập, Tận, Đạo không có hồ nghi, đắc quả Tu-đà-hoàn, đoạn các ác thú, quyết định được vào chánh đạo, ra vào bảy phen sanh tử liền hết gốc khổ.

«Này A-nan, ân đối với người như vậy khó có thể trả được. Chẳng phải dùng cơm ăn, áo mặc, giường nằm ngọa cụ, thuốc men mà có thể trả được. Ta ra đời khiến cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề thọ ba quy y, cho đến quyết định được vào chánh đạo cũng như vậy.»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Người nữ ở trong Phật pháp xuất gia thọ giới có thể đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán hay chăng?»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan rằng:

«Có thể chứng được.»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Nếu người nữ ở trong Phật pháp xuất gia thọ đại giới mà chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, thì cúi xin Phật cho phép người nữ xuất gia thọ đại giới.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Nay Ta sẽ vì người nữ mà chế tám pháp suốt đời không được vượt qua[840]. Nếu nữ nhơn có thể phụng hành tức là thọ giới. Tám pháp ấy là:

«1. Tỳ-kheo-ni tuy một trăm tuổi, nhưng thấy tỳ-kheo mới thọ giới, phải đứng dậy đón chào, lễ bái, trải chỗ ngồi mời ngồi[841]. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tán thán, trọn đời không được vượt qua.

«2. Này, A-nan! Tỳ-kheo-ni không được mạ lỵ, ha trách tỳ-kheo, không được phỉ báng nói: phá giới, phá kiến, phá oai nghi[842]. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tán thán, trọn đời không được vượt qua.

«3. Này, A-nan! Tỳ-kheo-ni không được tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn đối với tỳ-kheo; không được ngăn người khác tìm tội, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ[843]. Tỳ-kheo-ni không được quở tỳ-kheo, mà tỳ-kheo được quyền quở tỳ-kheo-ni. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tan thán, trọn đời không được vượt qua.

«4. Thức xoa-ma-na học giới rồi đến Tăng tỳ-kheo xin thọ đại giới[844]. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tan thán, trọn đời không được vượt qua.

«5. Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàn phải ở trước hai bộ Tăng nửa tháng hành ma-na-đỏa. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tan thán, trọn đời không được vượt qua.

«6. Tỳ-kheo-ni nửa tháng đến Tăng xin cầu giáo thọ[845]. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tan thán, trọn đời không được vượt qua.

«7. Tỳ-kheo-ni không được hạ an cư chỗ không có tỳ-kheo[846]. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tan thán, trọn đời không được vượt qua.

«8. Tỳ-kheo-ni, Tăng an cư rồi, nên đến trong Tăng tỳ-kheo cầu ba việc tự tứ, kiến văn nghi[847]. Pháp này phải được tôn trọng, cung kính, tan thán, trọn đời không được vượt qua.

«Này A-nan, nay ta nói tám pháp không được vượt qua này, nếu người nữ nào có thể phụng hành tức là thọ giới.

«Thí như có người bắt cầu trên dòng nước lớn để đi qua. Này A-nan, cũng như vậy, nay Ta vì người nữ nói tám pháp không được vượt qua này, nếu người nữ nào có thể phụng hành được tức là thọ giới.»

Tôn giả A-nan nghe đức Thế Tôn dạy như vậy rồi liền đến chỗ Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói:

«Người nữ đã được phép xuất gia thọ đại giới trong giáo pháp của Phật. Đức Thế Tôn vì nữ nhơn chế tám pháp không thể vượt qua, nếu người nữ nào có thể phụng hành tức là thọ giới.»

Tôn giả A-nan vì những người nữ nói lại tám pháp như trên. Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói:

«Nếu đức Thế Tôn đã vì những người nữ nói tám pháp không thể vượt qua này rồi, thì tôi và năm trăm nữ Xá-di sẽ cùng nhau cúi đầu thọ nhận. Thưa tôn giả A-nan, giống như những thiếu niên nam hay nữ, thanh khiết, trang sức đẹp

đẽ. Có người tắm rửa xong rồi, đứng trên lầu cao, cầm tràng hoa ưu-bát-la, hoa a-hy-vật-đa, tràng hoa chiêm-bà, tràng hoa tô-man-na, tràng hoa bà-sư[848] trao cho người kia. Người kia liền nhận, và quàng ngay lên đỉnh đầu. Cũng như vậy, này A-nan, đức Thế Tôn vì những người nữ nói tám pháp không thể vượt qua, tôi và năm trăm người nữ Xá-di sẽ cùng nhau cúi đầu nhận lãnh.»

Tôn giả A-nan liền đến chỗ đức Thế Tôn đảnh lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Đức Thế Tôn đã vì những người nữ nói tám pháp không thể vượt qua. Ma-ha Ba-xà-ba-đề v.v... nghe rồi, đã cúi đầu thọ lãnh. Giống như những thiếu niên nam hay nữ, thanh khiết, trang sức đẹp đẽ. Có người tắm rửa xong rồi, đứng trên lầu cao, cầm tràng hoa ưu-bát-la, hoa a-hy-vật-đa, tràng hoa chiêm-bà, tràng hoa tô-man-na, tràng hoa bà-sư trao cho người kia. Người kia liền nhận, và quàng ngay lên đỉnh đầu. Như vậy, này A-nan[849], Ma-ha Ba-xà-ba-đề và năm trăm người nữ đã được thọ giới.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Nếu người nữ không xuất gia ở trong Phật pháp thì Phật pháp sẽ được lâu dài năm trăm năm.»[850]

Tôn giả A-nan nghe vậy, lòng rất không vui, ôm sự hối hận, buồn rầu khóc kể, nước mắt dầm dề, đến trước đức Phật đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh, rồi cáo lui.

---o0o---

II. NI THỌ GIỚI

1. Sa-di-ni[851]

Bấy giờ, có những người nữ khác muốn thọ giới, tỳ-kheo-ni kia dẫn đến chỗ đức Phật, nửa đường gặp giặc. Giặc toan

hủy nhục, trêu ghẹo. Các tỳ-kheo-ni thưa với các tỳ-kheo các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ khác xuất gia thọ đại giới, theo thể thức sau đây:

«Nếu muốn cạo tóc trong chùa tỳ-kheo-ni thì phải bạch Tăng, hoặc thưa từng vị một được biết, sau đó mới cạo tóc. Văn bạch như sau:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... muốn cầu tỳ-kheo-ni... cạo tóc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận vì người tên... cạo tóc. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy rồi, sau đó mới cạo tóc.

Nếu muốn xuất gia trong chùa tỳ-kheo-ni thì nên bạch Tăng hoặc thưa từng vị một để biết. Văn bạch như sau:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... cầu tỳ-kheo-ni... xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người tên... xuất gia. Đây là lời tác bạch.»

Nên tác bạch như vậy rồi cho xuất gia. Bạch như vậy cho xuất gia rồi, nên dạy người cầu xuất gia, mặc áo ca-sa, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, hướng dẫn cho họ thưa:

«Thưa A-di![852] Con tên là... quy y Phật, Pháp, Tăng. Nay con theo Phật xuất gia. Hòa thượng hiệu là... Đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

«Thưa A-di! Con tên là... đã quy y Phật, Pháp, Tăng rồi. Nay con đã theo [924a1] Phật xuất gia. Hòa thượng hiệu là... Đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy, rồi trao giới.

1. Trọn đời không sát sanh là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

2. Trọn đời không được ăn trộm là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

3. Trọn đời không được dâm dục là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

4. Trọn đời không được nói dối là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

5. Trọn đời không được uống rượu là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

6. Trọn đời không được đeo tràng hoa, thoa hương thơm vào mình là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được .

7. Trọn đời không được ca múa xướng hát, cũng không được cố ý nghe-xem là giới của sa-di-ni. Nếu giữ được thì trả lời là giữ được.

8. Trọn đời không được ngồi nằm trên giường cao rộng lớn là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

9. Trọn đời không được ăn phi thời là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

10. Trọn đời không được cầm nắm sanh tượng vàng bạc vật báu là giới của sa-di-ni. Nếu có thể giữ được thì trả lời là giữ được.

Mười giới sa-di-ni như vậy trọn đời thọ trì không được phạm.

---o0o---

2. Thức-xoa-ma-na

Cho phép đồng nữ mười tám tuổi, học giới hai năm, tuổi đủ hai mươi, thọ đại giới trong tỳ-kheo-ni Tăng. Nếu mười tuổi đã từng có chồng, cho hai năm học giới, tuổi đủ mười hai cho thọ giới[853]. Cho thọ hai năm học giới theo thể thức sau[854]:

Sa-di-ni nên đến trong tỳ-kheo-ni Tăng để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Con là sa-di-ni tên... đến xin Tăng hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu là... Cúi xin Tăng từ mẫn, cho con hai năm học giới.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa xin như vậy. Nên bảo sa-di-ni đến chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Sa-di-ni này tên là... nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu là... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho sa-di-ni tên là... này hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu... Đây là lời tác bạch.

«Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Sa-di-ni tên là... này nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu là... Nay Tăng trao sa-di-ni tên... hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu là... Các đại tỷ nào chấp thuận Tăng cho sa-di-ni tên... hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu là... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận cho sa-di-ni tên là... hai năm học giới, Hòa thượng ni hiệu... rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tiếp theo trao cho sa-di-ni sáu pháp như vầy:

«Nay sa-di-ni lắng nghe! Đức Như lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác đã nói sáu pháp không được phạm.

1/ Bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục. Nếu thức-xoa-ma-na nào hành pháp dâm dục, thì chẳng phải thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Cùng nam tử có tâm nhiễm ô, hai thân xúc chạm nhau là phạm giới, cần phải thọ giới lại[855]. Trong đây, trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì trả lời là được.

2/ Không được trộm cắp, cho đến một cọng cỏ, một lá cây. Nếu thức-xoa-ma-na nào lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự mình lấy, hoặc dạy người lấy, hoặc tự mình đoạn hoặc dạy người đoạn, hoặc tự mình phá hoặc dạy người phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc, thì chẳng phải thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu lấy dưới năm tiền thì phạm giới, phải thọ lại[856]. Trong đây, trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì trả lời là được.

3/ Không được cố tâm đoạn mạng chúng sanh, cho đến loài kiến. Nếu thức-xoa-ma-na nào cố ý tự tay mình đoạn mạng người, tìm dao trao cho người, bảo chết, khuyên chết, khen chết, hoặc cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, rủa nộp chú thuật, tự mình làm dạy người làm, thì chẳng phải thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu đoạn mạng loài súc sanh không thể biến hóa thì phạm giới, phải thọ lại. Trong đây, trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì trả lời là được.

4/ Không được nói dối, cho đến nói vui chơi. Nếu thức-xoa-ma-na nào không chơn thật, thật sự mình không có mà tự xưng là tôi được pháp thượng nhơn, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc định, đắc chánh thọ, đắc Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến cúng dường tôi, thì không phải là thức-xoa-ma-na, không phải là Thích chủng

nữ. Nếu ở trong chúng cố ý nói vọng là phạm giới, phải thọ lại. Trong đây, trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì trả lời là được.

5/ Không được ăn phi thời. Nếu thức-xoa-ma-na nào ăn phi thời tức là phạm giới phải thọ lại. Trong đây, trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì trả lời là được.

6/ Không được uống rượu. Nếu thức-xoa-ma-na nào uống rượu là phạm giới phải thọ lại. Trong đây, trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì trả lời là được.

Thức-xoa-ma-na nên học tất cả giới của tỳ-kheo-ni, trừ vì tỳ-kheo-ni quá thực[857], tự lấy thức ăn để ăn.[858]

Nên cầu Hòa thượng, với văn cầu thỉnh như sau:

«Đại tỷ nhất tâm niệm! Con tên là... nay cầu A-di làm Hòa thượng, cúi xin A-di vì con làm Hòa thượng. Con nương nơi A-di để được thọ đại giới.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng cầu thỉnh như vậy.

Vị Hòa thượng nên trả lời: «Được.»

---o0o---

3. Thọ cụ túc[859]

i. Bản bộ yết-ma

Thức-xoa-ma-na nào đã có học giới rồi, tuổi đủ hai mươi, hoặc đủ mười hai nên cho thọ đại giới bằng pháp bạch tứ yết-ma, theo diễn tiến sau đây:

Dẫn người thọ giới đến đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong khi ấy giới sư nên sai một vị giáo thọ, bạch như sau:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... đến Hòa thượng ni hiệu là... cầu thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tỳ-kheo-ni... làm giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch.»

Vị giáo thọ nên đến chỗ người thọ giới nói:

«Này cô, đây có phải là an-đà-hội, uất-đa-la-tăng, tăng-già-lê; đây có phải là tăng-yết-chi, Phú kiên y; đây có phải là bình bát; đây có phải là y bát của cô không? Cô lắng nghe, nay chính là lúc cần nói đúng sự thật. Nay tôi hỏi cô, có cô nói có, không cô nói không. Cô tên gì? Hòa thượng cô hiệu gì? Cô đã đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ hoặc phu chủ có cho phép cô không? Cô không mắc nợ của ai chăng? Cô không phải là tôi tớ chăng? Cô có phải là người nữ không? Người nữ có các bệnh hủi trắng, ung thư, càn tiêu, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp lại, đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường tiết ra. Cô có các chứng bệnh như vậy không?»

Nếu người thọ giới trả lời đúng cách thì nên nói:

«Như tôi vừa hỏi, chút nữa trong Tăng cũng sẽ hỏi như vậy, cô cũng trả lời đúng như vậy.»

Vị giáo thọ sư hỏi xong, trở lại trong Tăng với oai nghi bình thường, chỗ có thể đưa tay đụng các tỳ-kheo-ni, đứng nơi đó tác bạch:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... cầu Hòa thượng ni hiệu... để thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi đã giáo thọ xong, cho phép kêu vào. Đây là lời tác bạch. »

Vị kia nên bảo kêu vào, vào rồi để y bát xuống dạy kính lễ sát chân tỳ-kheo-ni Tăng, rồi quỳ trước mặt giới sư chấp tay bạch:

«Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Con tên là... theo Hòa thượng ni hiệu... cầu [925a1]thọ đại giới. Nay, con tên là... đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Cúi xin chúng Tăng tế độ con. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Khi ấy, giới sư nên tác bạch:

«Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Người này tên là... cầu Hòa thượng ni hiệu là... thọ đại giới. Nay người này tên là... đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.»

Giới sư nói:

«Cô lắng nghe, nay chính là lúc cần nói đúng sự thật. Nay tôi hỏi cô, có thì nói có, không nói không. Cô tên gì? Hòa thượng cô hiệu gì? Cô đã đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ hoặc phu chủ có cho phép cô không? Cô không phải là người mắc nợ chăng? Cô không phải là tôi tớ? Cô là người nữ phải không? Người nữ có các chứng bệnh hủi trắng, ung thư, càn tiêu, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp lại, đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường tiết ra. Cô có các chứng bệnh như vậy không?»

Nếu trả lời đúng cách thì nên tác bạch:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... cầu Hòa thượng ni hiệu... thọ đại giới. Nay người này tên là... đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Người này nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ hai mươi, y bát đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người tên là... thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Đây là lời tác bạch.

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... cầu Hoà thượng ni hiệu... thọ đại giới. Nay người này tên là... đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Người này nói

thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đã đủ hai mươi, y bát có đủ. Nay Tăng trao cho người này tên là... đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Các đại tỷ nào chấp thuận Tăng trao cho người tên... đại giới, Hòa thượng ni hiệu... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý trao đại giới cho người có tên... Hòa thượng ni hiệu... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

---o0o---

ii. Chánh pháp yết-ma

Người thọ giới cùng tỳ-kheo-ni Tăng đến trong Tăng tỳ-kheo kính lễ sát chân, đầu gối bên hữu sát đất chấp tay bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Con tên là... nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Cúi xin Tăng tế độ con. Từ mẫn cố.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch như vậy (giới sư nơi đây cũng hỏi như cách hỏi trên) Hỏi rồi, nên hỏi tiếp:

«Cô đã học giới chưa? Cô có thanh tịnh không?»

Nếu nói đã học giới thanh tịnh thì nên hỏi các tỳ-kheo-ni khác rằng:

«Cô này đã học giới chưa? Có thanh tịnh không?»

Nếu trả lời: ‹Đã học giới và thanh tịnh.› Thì nên tác bạch liền:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... cầu Hòa thượng ni hiệu... thọ đại giới. Nay, người này tên là... đến

Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Người này tên là... nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đời đã đủ, y bát đã có, và đã học giới thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng cho người tên là... thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! người này tên là... cầu Hoà thượng ni hiệu... thọ đại giới. Nay người này tên là... đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Người này tên là... nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đời đã đủ, y bát đã có, và đã học giới thanh tịnh. Nay Tăng vì người tên là... này cho thọ đại giới, Hoà thượng ni hiệu... Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng trao đại giới cho người có tên... Hòa thượng ni hiệu là... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã chấp thuận trao đại giới cho người có tên... Hòa thượng ni tên... rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Giới sư gọi:

«Thiện nữ nhơn lắng nghe: Đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, nói tám pháp ba-la-di, nếu tỳ-kheo-ni phạm thì chẳng phải là tỳ-kheo-ni nữa, chẳng phải là người con gái của dòng họ Thích.

«1. Không được làm bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục. Tỳ-kheo-ni nào làm bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục, cho đến cùng loài súc sanh, thì vị ấy chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải là người nữ dòng họ Thích. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«2. Không được trộm cắp, cho đến cọng cỏ, lá cây. Tỳ-kheo-ni nào lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự mình lấy hoặc dạy người khác lấy, hoặc tự đoạn hoặc dạy người khác đoạn, hoặc tự phá hoặc dạy người khác phá,

hoặc đốt hoặc chôn, hoặc làm hoại sắc, thì chẳng phải tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«3. Không được đoạn mạng chúng sanh, cho đến loài kiến. Tỳ-kheo-ni nào tự tay đoạn mạng người, cầm dao đưa cho người, hướng dẫn cách chết, khen sự chết, khuyên cho chết, cho uống thuốc độc, làm đọa thai, nguyền rủa ếm thư chú thuật, hoặc tự làm, phương tiện dạy người làm, thì vị ấy chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải là người nữ của dòng họ Thích. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«4. Không được nói dối, cho đến nói giỡn. Tỳ-kheo-ni nào không chơn thật, chẳng phải tự mình có mà nói: 'Tôi đắc pháp thượng nhơn, đắc thiền, đắc giải thoát, tam muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến cúng dường tôi', thì vị ấy chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải là người nữ dòng họ Thích. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«5. Không được hai thân xúc chạm nhau, cho đến cùng với loài súc sanh Tỳ-kheo-ni nào với tâm nhiễm ô cùng nam tử có tâm nhiễm ô, hai thân xúc chạm nhau, từ nách trở xuống từ đầu gối trở lên, hoặc xoa hoặc đẩy, rờ xuôi rờ ngược, hoặc kéo hoặc xô, hoặc bồng lên hoặc để xuống, hoặc nắm gấp hay hoãn, thì vị ấy không phải tỳ-kheo-ni, chẳng phải là người nữ dòng họ Thích. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«6. Không được phạm tám việc, cho đến cùng với loài súc sanh. Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm ô chấp nhận tâm nhiễm ô của nam tử, nhận sự nắm tay, nắm y, đứng nơi chỗ vắng, cùng đứng, nói chuyện nơi chỗ vắng, cùng đi, hai thân kề nhau, cùng hẹn, phạm tám việc này, thì chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải là người nữ dòng họ Thích. Trong đây,

trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«7. Không nên che dấu trọng tội của người, cho đến đột-kiết-la, ác thuyết. Tỳ-kheo-ni nào biết tỳ-kheo-ni phạm ba-la-di, không tự cử cũng không bạch Tăng, không nói với ai, sau đó vào một thời gian khác tỳ-kheo-ni này thôi tu, hoặc bị diệt tẫn, hoặc bị ngăn không cùng làm Tăng sự, hoặc vào ngoại đạo. Vị ấy nói như vầy: ‹Trước đây tôi biết người này phạm tội như vậy như vậy,› thì vị ấy chẳng phải tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích, vì che dấu trong tội của người khác vậy. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Có thể.

«8. Không được nói theo tỳ-kheo bị cử, cho đến sa-di. Tỳ-kheo-ni nào biết tỳ-kheo bị Tăng cử tội như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không tác pháp cọng trú, mà tùy thuận theo tỳ-kheo kia để nói chuyện. Các tỳ-kheo-ni can gián tỳ-kheo-ni này rằng: ‹Đại tỷ, tỳ-kheo kia bị Tăng cử tội như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, [926a1] không tác pháp cọng trú, cô đừng tùy thuận theo tỳ-kheo kia để nói chuyện.› Khi các tỳ-kheo-ni can gián tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ. Các tỳ-kheo-ni nên can gián cho đến ba lần để bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ thì vị này không phải tỳ-kheo-ni, không phải người nữ dòng thọ Thích vì đã tùy thuận kẻ bị cử. Trong đây, trọn đời không được phạm. Cô có thể giữ được không? Trả lời là: Được.

«Này, Thiện nữ nhơn hãy lắng nghe! Đức Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác nói pháp tứ y. Tỳ-kheo-ni y nơi đây xuất gia thọ đại giới. Đó là pháp của tỳ-kheo-ni:

«1. Y nơi áo phấn tảo xuất gia thọ đại giới là pháp của tỳ-kheo-ni. Trong đây, trọn đời cô có thể giữ được không?» Trả lời là: Được.

«Nếu được của lợi đàn-việt cúng y cắt rọc may thành thì nên nhận.»

«2. Y nơi khất thực xuất gia thọ đại giới là pháp của tỳ-kheo-ni. Trong đây, trọn đời cô có thể giữ được không?» Trả lời là: Được.

«Nếu được của lợi hoặc Tăng sai thọ thực, hay đàn-việt dâng thức ăn vào những ngày chay, mồng tám, mười lăm, mồng một, hoặc thường thực của chúng Tăng, hay đàn-việt mời thì nên nhận.»

«3. Y nơi dưới gốc cây để ngồi, xuất gia thọ đại giới là pháp của tỳ-kheo-ni. Trong đây, trọn đời cô có thể giữ được không? Trả lời là: Được.

«Nếu được của lợi người cho phòng riêng, nhà có nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng có một cửa thông thì không nên nhận.»

«4. Y nơi hủ lạn dược, xuất gia thọ đại giới, là pháp của tỳ-kheo-ni. Trong đây, trọn đời cô có thể giữ được không? Trả lời là: Được.

«Nếu được của lợi như tô, dầu, sanh tô, mật, thạch mật thì nên nhận.»

«Cô đã thọ giới rồi. Bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu, đúng cách. Hòa thượng như pháp. A-xà-lê như pháp. Hai bộ Tăng đầy đủ. Cô nên khéo thọ giáo pháp, nên siêng năng giáo hóa, làm việc phước đức, tu bổ tháp, cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Hòa thượng A-xà-lê dạy bảo những điều như pháp cô không được chống trái. Nên học vấn tụng kinh, cố gắng cầu phương tiện ở trong Phật Pháp để đạt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, thì sơ tâm xuất gia của cô mới không bị uổng phí... Những gì chưa biết cô nên hỏi Hoà thượng A-xà-lê.»

Khi giải tán, bảo người thọ giới đi trước.

Bấy giờ, những người thọ giới bằng bạch tứ yết-ma nêu[860] lên với các tỳ-kheo-ni Xá-di Câu-lê rằng:

«Đức Thế Tôn có nói như vầy, ‹Thọ đại giới phải bạch tứ yết-ma.› Chúng tôi đắc giới, còn các bà không đắc giới.»

Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe vậy, khởi lòng nghi, bạch các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề và các Tỳ-kheo-ni Xá-di cũng đều đắc giới.»

Bấy giờ, có người đứng cầu xin giới. Cư sĩ bạch y thấy nói: ‹Cô ấy đứng ở đây là muốn chờ đàn ông đấy.› Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được đứng cầu xin giới. Nên quỳ thẳng gối để xin giới.»

Có người ngồi xổm[861] để xin giới nên bị té, lộ hình, hổ thẹn, không thể xin giới. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni khác nên thay thế để bạch.»

---o0o---

iii. Đại diện thọ giới

Các tỳ-kheo-ni Xá-di Câu-lê dẫn người muốn thọ đại giới đến Tăng-già-lam. Trên đường đi gặp cướp, hủy phạm tỳ-kheo-ni. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhờ người thay thế đến thọ giới. Cho phép nhờ một tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có chướng nạn. Tăng bạch nhị yết-ma để sai.»[862]

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng sai tỳ-kheo-ni tên là... làm sứ giả vì tỳ-kheo-ni tên... đến Tăng tỳ-kheo xin thọ đại giới. Đây là lời tác bạch.

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Nay Tăng sai tỳ-kheo-ni tên... làm sứ giả, vì tỳ-kheo-ni tên... đến Tăng tỳ-kheo cầu thọ đại giới. Các đại tỷ nào đồng ý, Tăng sai tỳ-kheo-ni tên... làm sứ giả, vì tỳ-kheo-ni... đến trong Tăng tỳ-kheo cầu thọ đại giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý sai tỳ-kheo-ni... làm sứ giả rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Trường hợp nếu đi một mình không bảo đảm thì nên sai hai, ba tỳ-kheo-ni cùng đi. Tỳ-kheo-ni sứ giả nên đến trong Tăng tỳ-kheo, kính lễ sát chân, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người nữ tên là... theo tỳ-kheo-ni hiệu...[863] cầu thọ đại giới. Nay người nữ kia tên..., từ Tăng xin cầu thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu...[864] Cúi xin Tăng từ mẫn cứu vớt.»[865] Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy.

Tăng tỳ-kheo nên hỏi «Người nữ kia tên gì? Hòa thượng ni là vị nào? Đã học giới chưa? Có thanh tịnh không?» Nếu trả lời: «Đã học giới thanh tịnh rồi», thì nên hỏi tỳ-kheo-ni bạn rằng: «Vị ấy đã học giới thanh tịnh chưa?» Nếu trả lời «đã học giới và thanh tịnh», trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! (Tỳ-kheo-ni)[866] tên là... này, theo (Hòa thượng ni) hiệu... thọ đại giới. Nay vị này tên là... từ Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Vị này tên là... đã học giới thanh tịnh, tuổi đã đủ, y bát có. Nếu thời

gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng cho người có tên... thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe ! Người này tên là... theo tỳ-kheo-ni hiệu... cầu thọ đại giới. Nay người này tên là... đến Tăng tỳ-kheo xin thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... vị này tên là... nói là thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đã đủ, y bát có, đã học giới thanh tịnh. Nay Tăng cho vị này tên là... thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... các Trưởng lão nào chấp thuận cho vị này tên là... thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.»

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

«Tăng đã đồng ý cho người tên là... thọ đại giới, Hòa thượng ni hiệu... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Vị sứ giả kia trở về lại trong chùa của tỳ-kheo-ni nói:

«Đại tỷ, cô thọ đại giới rồi.»[867]

Đức Thế Tôn cho phép nhờ người thọ đại giới. Vị kia chỉ có chút ít nhan sắc cũng nhờ người thọ giới. Đức Phật dạy:

«Người nữ có chút ít nhan sắc không nên nhờ người thọ đại giới.»

Có vị trao đại giới cho người thường rỉ máu[868], bẩn cả thân cả y cả ngọa cụ. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người thường rỉ máu.»

Đức Thế Tôn dạy không nên trao đại giới cho người nữ thường rỉ máu. Có vị liền trao đại giới cho người không có nguyệt kỳ. Người thọ giới kia buông lung tình dục. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người không có nguyệt kỳ (thủy).»

Có vị trao đại giới cho người nữ không có vú. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người không có vú.»

Có vị trao đại giới cho người chỉ có một vú. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người nữ chỉ có một vú.»

Có vị trao đại giới cho người hai đường bị lở lói. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người hai đường bị lở lói.»

Có vị trao đại giới cho người hai đường bị lở thối. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người hai đường bị lở thối.»

Có vị trao đại giới cho người hai căn. Đức Phật dạy:

«Không nên trao đại giới cho người hai căn.»[869]

---o0o---

III. NI THƯỜNG HÀNH

1. Bấy giờ, các tỳ-kheo tụ hợp lại một chỗ, cùng nhau tụng pháp tỳ-ni. Các Tỳ-kheo-ni khởi ý nghĩ: Chúng ta có nên tụng pháp tỳ-ni hay không?

Đức Phật dạy: «Nên tụng.»

Các vị không biết thọ trì giữa ai để tụng. Đức Phật dạy: «Nên thọ trì giữa tỳ-kheo để tụng.»

Các tỳ-kheo nghĩ: «Chúng ta được phép cùng [927a1] tỳ-kheo-ni tụng các câu kệ hay chăng?»[870]

Đức Phật dạy: «Cho phép tụng.»

Tỳ-kheo ngồi ngay trước mặt dạy học tụng, ni hổ thẹn. Phật dạy:

«Nên trải chỗ ngồi ở sau lưng tỳ-kheo mà học tụng. Hoặc dùng một trong mười thứ y làm màn ngăn để học tụng.»

2. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni vì nhân duyên nhỏ mọn nổi sân không vui, xả Phật Pháp Tăng và nói:

«Đâu phải chỉ có sa-môn Thích tử mới có thể tu phạm hạnh, các sa-môn, bà-la-môn khác cũng có. Nay tôi cũng có thể đến đó để tu phạm hạnh.»[871]

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tỳ-kheo-ni khi nổi giận mà nói xả giới, không thành xả giới.»

3. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni làm việc mê hoặc và dạy người làm[872]. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

4. Nhóm sáu tỳ-kheo tác yết-ma chống nhóm sáu tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni kia tùy thuận ngôn giáo, không dám trái nghịch, xin giải yết-ma. Các tỳ-kheo ấy không chịu giải. Các cư sĩ thấy nói:

«Tại vì các cô không chìu ý nên mới làm như vậy.»

Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo không nên tác yết-ma đối với tỳ-kheo-ni.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni tác yết-ma trao cho tỳ-kheo-ni. Phật nói:

«Cho phép, tỳ-kheo-ni tác yết-ma trao cho tỳ-kheo-ni. Nếu tỳ-kheo-ni không biết thì cho phép đến bên tỳ-kheo tụng yết-ma cho, rồi sau đó tác yết-ma.»[873]

5. Khi ấy có tỳ-kheo muốn thôi tu, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề biết mà sợ không dám đến can ngăn vì đức Thế Tôn có dạy: «Tỳ-kheo-ni không được ha trách tỳ-kheo.»

Khi ấy tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

«Phải chăng tất cả các trường hợp tỳ-kheo-ni không được ha trách tỳ-kheo?»

Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni nhất thiết không được ha trách tỳ-kheo. Tỳ-kheo-ni không được mắng tỳ-kheo, không được ha trách tỳ-kheo, không được phỉ báng tỳ-kheo. Nếu tỳ-kheo phá giới phá kiến phá oai nghi, cũng không nên ha trách như vậy. Nhưng này Cù-đàm di, nếu nhằm mục đích giúp tỳ-kheo trì Tăng thượng giới, Tăng thượng tâm, Tăng thượng trí, học vấn tụng kinh; vì những việc như vậy thì nên làm.»

6. Các tỳ-kheo-ni tóc đã dài. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhờ cạo, hay tự cạo.»

Bấy giờ, có người thợ cạo trẻ tuổi cạo tóc cho tỳ-kheo-ni trẻ tuổi. Khi tiếp xúc với làn da mịn màng, dục ý khởi, muốn phạm đến tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni lớn tiếng kêu la:

«Đừng làm vậy! Đừng làm vậy!»

Tỳ-kheo-ni khác nghe, hỏi:

«Sao lớn tiếng kêu la, đừng làm vậy, đừng làm vậy?»

Cô ấy trình bày lại đầy đủ mọi việc. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Khi cạo tóc cần phải có bạn. Biết người có dục ý thì không nên nhờ họ cạo.»

Có cô nhờ đàn ông hớt lông mũi, đức Phật dạy:

«Không được nhờ đàn ông hớt lông mũi.»

Cô kia nhờ đàn ông cắt móng tay. Đức Phật dạy:

«Không được nhờ đàn ông cắt móng tay.»

7. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni đang ở trong nhà bạch y. Có tỳ-kheo đến khất thực, tỳ-kheo-ni kia không dám nói, tại sao vậy? Sợ tỳ-kheo nói là tỳ-kheo-ni giáo hóa để có thức ăn[874]. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép nói để chủ nhà biết, chứ không nên khen ngợi.»

Tỳ-kheo-ni đang ở trong nhà bạch y. Có tỳ-kheo đến, cô không đứng dậy[875]. Bạch Phật. Phật dạy:

«Nên đứng dậy. Nếu tỳ-kheo-ni hành nhất tọa thực, hoặc không ăn lại dù tác pháp dư thực, hoặc bệnh, hoặc ăn đủ rồi, thì cho phép nói, «Thưa đại đức, tôi có nhơn duyên như vậy, nên không đứng dậy được.›»

Có tỳ-kheo-ni, tại nhà bạch y, không xin phép tỳ-kheo bèn ngồi[876]. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni, tại nhà bạch y không được ngồi không xin phép tỳ-kheo.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo sáng sớm khoác y, bưng bát, đến nhà bạch y. Trong nhà này, có tỳ-kheo-ni thường đến giáo hóa. Tỳ-kheo-ni thấy tỳ-kheo đến, liền đứng dậy thưa hỏi:

«Thưa đại đức, tôi được phép ngồi không?»

Tỳ-kheo nói:

«Đừng ngồi.»

Tỳ-kheo-ni kia đã quen sung sướng, không đứng lâu nổi, nên bị té xuống và bệnh. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên nhường nhau. Người phía trước nếu ngồi được thì ngồi.

8. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo cùng đi chung một tuyến đường. Hoặc đi trước, hoặc vừa nói vừa đi, hoặc khi đi trước khi đi sau, hoặc lật ngược y, hoặc quấn cổ, hoặc phủ đầu, hoặc choàng hai vai, hoặc mang giày dép. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy. Nên trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đi sau tỳ-kheo.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni có việc Phật Pháp Tăng, hoặc có tỳ-kheo-ni bệnh cần sự chăm sóc, mà không dám đi trước tỳ-kheo. Đức Phật dạy:

«Cho phép bạch tỳ-kheo rồi mới đi.»

Có vị bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, cẩn thận không dám không thưa để đi (trước tỳ-kheo). Đức Phật dạy:

«Nếu có các nạn sự như vậy, thưa hỏi hay không thưa hỏi vẫn được phép đi.»

Có tỳ-kheo-ni, trên đường đi thấy tỳ-kheo không tránh đường. Đức Phật dạy:

«Nên tránh đường,»

Có tỳ-kheo-ni, trên đường đi, thấy tỳ-kheo, bèn tránh đường. Trời mưa, cô trượt chân té xuống đất, mắc bệnh. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Có nhơn duyên như vậy, tỳ-kheo-ni nên nghiêng mình một chút, chắp tay thưa: ‹Đại đức thứ lỗi cho, vì đường hẹp.›»

9. Bấy giờ, có đàn-việt thỉnh hai bộ Tăng. Mời tỳ-kheo-ni ăn trước, tỳ-kheo ăn sau, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên mời Tăng tỳ-kheo-ni ăn trước mà nên mời Tăng tỳ-kheo dùng trước rồi sau đó mới mời tỳ-kheo-ni Tăng.

Có đàn-việt mời hai bộ Tăng, nghĩ như vầy: «Đức Phật có dạy nên mời Tăng tỳ-kheo trước rồi sau đó mới mời Tăng tỳ-kheo-ni.» Người ấy mời Tăng tỳ-kheo ăn xong thì quá ngọ, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu thì giờ gần quá ngọ thì nên mời một lượt.»

Có cư sĩ mời Tăng tỳ-kheo-ni sáng sớm thọ thực. Nửa đêm, cư sĩ chuẩn bị các thức ăn ngon bổ xong, sáng ngày đến mời. Các tỳ-kheo-ni khoác y, bưng bát, đến nhà kia. Các vị hỏi nhau về tuổi tác để ngồi theo thứ tự, nên quá ngọ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Nếu gần quá ngọ, cho phép tám tỳ-kheo-ni thượng tọa theo thứ tự ngồi, còn bao nhiêu vị khác thì tùy tiện cứ ngồi.»

10. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni đến trong Tăng-già-lam của tỳ-kheo, đức Phật cho phép cho họ ngồi trên giường. Tỳ-kheo-ni có nguyệt thủy, rỉ chảy bẩn nệm, giường giây, giường cây, ngọa cụ, rồi đứng dậy đi về. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên ngồi trên nệm, giường giây, giường cây.»

Trường hợp đến trong Tăng-già-lam cầu giáo thọ, hoặc thọ thỉnh, hoặc nghe pháp, không có chỗ ngồi. Đức Phật dạy:

«Cho phép ngồi trên đá, trên ngói, trên gạch, trên đầu cây, trên cỏ, trên lá, trên bục đất cứng.»

Tỳ-kheo-ni không đủ sức chịu khó khổ nên sanh bệnh. Đức Phật dạy:

«Nên nói với tỳ-kheo-ni rằng, nếu họ có thể giữ gìn tốt tọa cụ thì nên cho ngồi.»[877]

11. [928a7] Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Bấy giờ gặp lúc mất mùa, lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khất cầu khó được. Các tỳ-kheo-ni thọ thực rồi, thức ăn còn dư, các vị liền nghĩ, «Thức ăn còn dư này của chúng ta có được phép cho tỳ-kheo hay không?» Đức Phật dạy:

«Được phép cho.»

Các vị lại nghĩ, «Chúng ta có được phép trao thức ăn cho tỳ-kheo hay không?» Đức Phật dạy:

«Được phép trao.»

«Thức ăn cách đêm của chúng ta, trao cho tỳ-kheo có được tịnh hay không?» Đức Phật dạy:

«Được tịnh.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo thọ thực rồi, còn thức ăn dư, suy nghĩ, «Thức ăn này của chúng ta được phép cho tỳ-kheo-ni hay không?» Đức Phật dạy:

«Được phép cho.»

«Được phép trao thức ăn cho tỳ-kheo-ni hay không?» Đức Phật dạy:

«Được phép trao.»

Bấy giờ, có thức ăn cách đêm; các tỳ-kheo nghĩ, «Đem cho tỳ-kheo-ni, có được tịnh hay không?» Đức Phật dạy:

«Được tịnh.»

12. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni ở nơi a-luyện-nhã, sau đó tại a-luyện-nhã có sự việc xảy ra[878]. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên ở nơi a luyện nhã.»[879]

Tỳ-kheo-ni sống trong nhà bạch y[880], thấy phu chủ của người, cùng vợ hôn hít, âu yếm, sờ mó nơi thân thể, bóp vú. Tỳ-kheo-ni niên thiếu thấy vậy sanh tâm nhàm chán Phật pháp. Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép vì tỳ-kheo-ni làm trú xứ riêng biệt.»

Có tỳ-kheo-ni nọ ở trú xứ riêng biệt thực hành kỹ thuật, dạy người kỹ thuật[881]. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên ở trú xứ riêng biệt thực hành kỹ thuật.»

Có tỳ-kheo-ni nọ ở trú xứ riêng biệt bán rượu[882]. Đức Phật dạy:

«Không nên ở trú xứ riêng biệt bán rượu.»

Có tỳ-kheo-ni nọ cho dâm nữ ở trong trú xứ. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

13. Có vị cất chứa hương hoa, đồ trang sức[883]. Đức Phật dạy:

«Không nên làm như vậy.»

14. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni đứng nơi đường hẻm, ngã tư, đường cái, trong chợ, đứng bên các đống rác. Các cư sĩ thấy cơ hiềm, chê trách mắng nói:

«Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, không có tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp, mà đứng những chỗ như vậy, giống như dâm nữ, có gì là chánh pháp?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên đứng những chỗ như vậy.»

15. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni dùng ngà voi xương xoa chà thân cho tươi sáng. Tỳ-kheo bạch Phật[884]. Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni dùng bột mịn xoa chà thân cho tươi sáng[885]. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị xoa chà lông nơi thân cho nó quắn lại. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị cắt lông nơi thân. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có tỳ-kheo-ni nọ lấy y quấn nơi eo lưng, muốn làm thon đẹp. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có tỳ-kheo-ni nọ mặc áo của người nữ. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có tỳ-kheo-ni nọ mặc áo đàn ông. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy. Cho phép tỳ-kheo-ni mặc y của tỳ-kheo-ni.»

Có tỳ-kheo-ni dùng nhiều y quấn nơi ngực[886] cho lớn ra. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị quấn y không kỹ, khiến cho hở hang. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị thắt tai con chim nơi đầu sợi giây lưng. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị làm sợi giây lưng bằng mạn-đà-la. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị cất chứa giây lưng bề-lâu[887]. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị cất chứa giây lưng sa[888]. Đức Phật dạy:

«Không được làm như vậy.»

Có vị dùng chỉ rời làm giây lưng để buộc. Đức Phật dạy:

«Cho phép tỳ-kheo-ni bện hay dệt thành giây lưng quấn quanh lưng một vòng. Nếu dệt tròn thì cho phép hai vòng.»

16. Tỳ-kheo-ni đến chỗ có người nữ tắm[889]. Khi tắm, tặc nữ, dâm nữ nói với tỳ-kheo-ni rằng:

«Các cô tuổi còn nhỏ, nách mới mọc lông, làm sao tu phạm hạnh được? Nay cô phải kịp thời hành dục lạc, đừng để sau này hối hận, khi già có thể tu phạm hạnh. Như vậy cả hai đều không mất.»

Khi ấy tỳ-kheo-ni niên thiếu nghe bèn sanh tâm nhàm chán Phật pháp. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên tắm ở chỗ của người nữ.»

Tỳ-kheo-ni khi tắm chỗ gần bạch y nam tử. Các cư sĩ thấy cơ hiềm:

«Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, không tu phạm hạnh, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại tắm bên cạnh bạch y nam tử, như tặc nữ dâm nữ không khác?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không được tắm bên bạch y nam tử.»

Bấy giờ, có người phụ nữ, chồng đi vắng, gian dâm với người khác, có thai. Người ấy tự phá thai rồi, đến nói với vị tỳ-kheo-ni thường giáo hóa rằng: «Chồng con đi vắng. Con có thai với người khác. Con đã phá thai. Cô có thể đem vất giùm cho?»

Cô ni trả lời: «Được.»

Tỳ-kheo-ni kia liền đựng nó trong một bát, đậy kín, lấy một bát khác úp lên, rồi bỏ vào đãy, đem ra ngoài đường để vất.

Bấy giờ, có trưởng giả Xá-vệ thường phát nguyện: Nếu không cúng dường cho người xuất gia trước thì ta không ăn. Cốt yếu là cúng dường trước rồi sau đó mới ăn. Sáng sớm trưởng giả có việc cần đến nơi khác, liền sai người đi, nói:

«Ngươi ra ngoài ngã tư hay nơi đường hẽm thấy có người xuất gia mời về đây.»

Người được sai vâng lời, ra ngoài đường tìm. Thấy tỳ-kheo-ni, vội thưa:

«Thưa a-di, mời a-di vô đây có người cúng thức ăn.»

Tỳ-kheo-ni nói:

«Thôi! thôi! Như vậy là đã cúng dường rồi.»

Người kia nói:

«Không được. Cô phải vô để tôi cúng thức ăn.»

Tỳ-kheo-ni nói:

«Thôi! Thôi! khỏi phải cúng.»

Người kia cưỡng bức dẫn tỳ-kheo-ni vào trong nhà. Vào nhà xong, nói:

«Sư cô đưa bát đây, con xin được bỏ bát.»

Tỳ-kheo-ni kia nói:

«Thôi! thôi! Như vậy là đã cúng dường rồi.»

«Cô đưa bát đây, tôi sẽ cúng thức ăn cho.»

Cô ni kia cũng lại nói:

«Khỏi phải cúng.»

Người ấy liền cưỡng đoạt lấy bình bát. Thấy trong bát có cái bào thai mới bị phá.

Trưởng giả thấy vậy, rồi liền cơ hiềm:

«Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn, không tu phạm hạnh, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy? Tự mình phá thai rồi đem bỏ như dâm nữ tặc nữ không khác.»

Các tỳ-kheo-ni bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nhà bạch y có người chết, tỳ-kheo-ni không nên đem đi bỏ giùm[890]. Nếu tỳ-kheo-ni ở trong thôn thấy tỳ-kheo khất thực, nên mở bát ra để tỳ-kheo xem.»

17. Bấy giờ, có bạch y bịnh đến trú xứ của tỳ-kheo-ni nhờ chăm sóc. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép tìm cách đuổi đi. Nếu người ấy là kẻ tin ưa tán thán Phật Pháp Tăng thì tỳ-kheo-ni theo khả năng của mình nhờ người chăm sóc.»

Sau đó người kia qua đời. Các tỳ-kheo-ni e ngại không dám đem chôn. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép vì làm sạch trú xứ nên đem chôn.»

Bấy giờ, nơi biên quốc của Vua Ba-tư-nặc, nhơn dân làm phản loạn. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni du hành nhơn gian, đến nơi có sự nghi ngờ khủng bố. Các người bạn của giặc thấy, bèn nghĩ, ‹Các tỳ-kheo-ni này được Vua Ba-tư-nặc kính ái. Chúng ta chớ nên đùa giỡn.› Các cư sĩ thấy cơ hiềm:

«Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy? Sao lại du hành nhơn gian nơi nghi có sự khủng bố, giống [929a1] như tặc nữ dâm nữ không khác?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên du hành trong nhơn gian ở vùng biên quốc, nơi có sự nghi ngờ.»[891]

18. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni có trú xứ nơi a-lan-nhã, tỳ-kheo có trú xứ nơi tụ lạc, muốn cùng trao đổi bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép trao đổi.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni có trú xứ a-luyện-nhã; cư sĩ có trú xứ nơi tụ lạc. Muốn cùng trao đổi. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép, sai tịnh nhơn trao đổi.»

Bấy giờ, có hai cư sĩ tranh nhau về trú xứ. Một trong hai cư sĩ đem cúng cho tỳ-kheo-ni Tăng. Ni Tăng liền nhận. Cư sĩ kia cơ hiềm nói:

«Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn. Nhận nhiều mà không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng ta biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy? Trú xứ đang bị tranh chấp nhau, một người đem cúng, sao lại nhận? Người thí tuy không nhàm chán nhưng người nhận phải biết tri túc chứ!»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trú xứ đang tranh chấp, không nên nhận.»

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, trong vườn vua có trú xứ tỳ-kheo-ni, muốn hạ an cư nơi đó, nhưng e ngại không dám, vì đức Thế Tôn có dạy: «Tỳ-kheo-ni không được ở nơi a-luyện-nhã. Song trú xứ của tỳ-kheo-ni trong vườn Vua thì kiên cố[892]. Không biết thế nào?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Trừ trú xứ tỳ-kheo-ni trong vườn Vua, ngoài ra các chỗ a-luyện-nhã khác thì không nên ở.»

19. Có tỳ-kheo-ni không đến chỗ giáo thọ. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Phải đến.»[893]

Có tỳ-kheo-ni có việc Phật Pháp Tăng, hoặc đang chăm sóc tỳ-kheo-ni bệnh. Bạch Phật. Phật dạy:

«Cho phép dữ dục.»

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di mắng, đánh tỳ-kheo-ni. Hoặc nhổ nước bọt, hoặc ném hoa, tạt nước, nói lời thô tục, nói lời dối trá, nói lời dụ dỗ.

Mắng: là như nói, ‹Cầu cho âm đạo của cô bị hư nát, lở lói, để cho con lừa nó giao.›

Đánh: là dùng tay, dùng gậy dùng đá để đánh.

Nói thô tục: như nói hai đường tốt xấu.

Nói dối trá: như nói, ‹Nếu đàn ông tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm thoa vào mình, lấy lược chải tóc, đeo tràng hoa, chuỗi anh lạc trang điểm thân, cầm lọng bằng lông chim công, không có gì đẹp hơn những việc này. Hoặc nói về người nữ cũng như vậy.

Khuyến dụ: như nói, ‹Này đại tỷ, cô hãy còn nhỏ, mới mọc lông nách, tại sao cô phải làm như vậy? Cô phải kịp thời, đừng tu phạm hạnh nữa, mà hưởng ngũ dục lạc đã. Khi nào tuổi về già sẽ tu phạm hạnh.›

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni niên thiếu sanh tâm yểm ly, không ưa Phật Pháp. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Ca-lưu-đà-di rằng: ‹Tại sao đánh mắng tỳ-kheo-ni, *cho đến* dùng lời nói lừa dối khuyến dụ?›

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Bấy giờ, đức Phật tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện ha trách Ca-lưu-đà-di: ‹Sao ngươi mạ nhục đánh mắng tỳ-kheo-ni, *cho đến* dùng lời nói hư dối khuyến dụ?›

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện ha trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép tỳ-kheo-ni Tăng tác pháp không kính lễ đối với Ca-lưu-đà-di, bằng pháp bạch nhị yết-ma.»

Tác pháp như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Ca-lưu-đà-di này mạ nhục đánh chửi tỳ-kheo-ni, cho đến dùng lời nói dối trá, khuyến dụ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tác yết-ma không kính lễ đối với Ca-lưu-đà-di. Đây là lời tác bạch.

«Đại Tỷ Tăng xin lắng nghe! Ca-lưu-đà-di này mạ nhục đánh mắng tỳ-kheo-ni, cho đến dùng lời nói dối trá, khuyến dụ. Nay Tăng làm pháp yết-ma không kính lễ. Các đại tỷ nào chấp thuận, Tăng tác yết-ma không kính lễ Ca-lưu-đà-di thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận tác yết-ma không kính lễ Ca-lưu-đà-di rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di tùy thuận tỳ-kheo-ni Tăng không dám trái nghịch, đến tỳ-kheo-ni Tăng cầu giải yết-ma không kính lễ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu tùy thuận tỳ-kheo-ni Tăng, không dám trái nghịch, đến tỳ-kheo-ni Tăng xin giải yết-ma không kính lễ. Tỳ-kheo-ni Tăng nên giải bằng pháp bạch nhị yết-ma.»

Giải như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Ca-lưu-đà-di này, tỳ-kheo-ni Tăng tác pháp yết-ma không kính lễ. Nay đã tùy thuận tỳ-kheo-ni Tăng không dám trái nghịch, nay đến tỳ-kheo-ni Tăng xin giải yết-ma không kính lễ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng giải yết-ma không kính lễ. Đây là lời tác bạch.

«Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Ca-lưu-đà-di này, tỳ-kheo-ni Tăng tác yết-ma không kính lễ. Nay đã tùy thuận tỳ-kheo-ni Tăng không dám trái nghịch, đến tỳ-kheo-ni Tăng xin giải yết-ma không kính lễ. Nay Tăng vì Ca-lưu-đà-di giải yết-ma không kính lễ. Các đại tỷ nào đồng ý, Tăng vì Ca-lưu-đà-di

giải yết-ma không kính lễ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã đồng ý vì Ca-lưu-đà-di giải yết-ma không kính lễ rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

20. Nhóm sáu tỳ-kheo đến trú xứ tỳ-kheo-ni, cùng với nhóm sáu tỳ-kheo-ni ở chung, lại cùng nhau nô đùa, cùng nhau ngâm vịnh, cùng nhau khóc la, hoặc vui cười, náo loạn các tỳ-kheo-ni tọa thiền. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Cho phép ngăn cản.»

Các tỳ-kheo-ni bèn ngăn hết không cho ai vào trú xứ tỳ-kheo-ni. Đức Phật dạy:

«Không nên ngăn tất cả. Nên ngăn chỗ nào náo loạn. Nếu cả trú xứ đều bị náo loạn thì ngăn hết.»

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni đến trú xứ Tăng tỳ-kheo cùng với nhóm sáu tỳ-kheo ở chung, lại cùng nhau nô đùa, cùng nhau ngâm vịnh, cùng nhau khóc la, hoặc vui cười, bạch Phật. Đức Phật cho phép ngăn. Các vị lại ngăn tất cả, đức Phật dạy:

«Không nên ngăn tất cả. Nên ngăn những nơi nào náo loạn. Nếu cả trú xứ đều náo loạn thì mới ngăn hết.»

Sa-di của nhóm sáu tỳ-kheo đến trú xứ tỳ-kheo-ni, cùng với sa-di-ni, thức-xoa-ma-na của nhóm sáu tỳ-kheo-ni cùng ở chung, lại cùng nhau nô đùa, cùng nhau chúc tụng, cùng nhau khóc la, cùng nhau vui cười, náo loạn các tỳ-kheo-ni ngồi thiền. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nên kêu đến la rầy trị phạt. Nếu họ không thay đổi thì nên tác yết-ma bất kính lễ đối với Hòa thượng A-xà-lê của sa-di kia.»

Sa-di-ni, thức-xoa-ma-na của nhóm sáu tỳ-kheo-ni đến trong chùa cùng với sa-di của nhóm sáu tỳ-kheo cùng ở chung, lại cùng nhau nô đùa, cùng nhau chúc tụng, cùng nhau khóc la, cùng nhau vui cười, làm náo loạn các tỳ-kheo tọa thiền. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Nên kêu họ đến la rầy trị phạt. Nếu họ không thay đổi thì nên vì Hòa thượng, A-xà-lê của sa-di-ni kia, tác yết-ma xả giáo thọ.»[894]

21. Bấy giờ, cách trú xứ của tỳ-kheo-ni không xa có một lạch nước chảy. Tỳ-kheo-ni hứng lấy dòng nước ngược, cảm thấy khoái lạc, nghi. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không phạm ba-la-di mà phạm thâu-lan-giá. Tỳ-kheo-ni không nên hứng lấy dòng nước ngược như vậy.»

Tỳ-kheo-ni Nan-đà đến dưới cây hoa, chỗ đi kinh hành, có tên cướp dẫn đi dâm lộng. Cô ni có sự nghi, đem nhơn duyên ấy bạch Phật. Đức Phật hỏi:

«Này Nan-đà, cô có cảm thấy khoái lạc không?»

Nan-đà thưa:

«Giống như sắt nóng áp vào thân.»

Đức Phật dạy:

«Không phạm. Nhưng tỳ-kheo-ni không nên một mình đến chỗ kinh hành như vậy.»

22. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc[895] kinh hành nơi a-luyện-nhã. Tỳ-kheo-ni [930a1] này nhan sắc đoan chánh, có Bà-la-môn niên thiếu thấy để tâm vào cô ni, liền nắm tay muốn xúc phạm, Tỳ-kheo-ni nói:

«Buông tôi ra. Tôi sẽ đến chỗ đó. Chàng ta thả tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc ra và đến chỗ đó. Vừa đến nơi, cô ni liền dùng phấn uế bôi nơi mình. Bà-la-môn nổi giận, lấy đá đánh vào

đầu, khiến hai con mắt lòi ra. Lúc ấy Liên Hoa Sắc không nhớ mình có thần thông. Sau đó mới biết, liền dùng sức thần túc bay đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Phật nói:

«Tỳ-kheo-ni này nếu có tín nhạo thì hai con mắt sẽ trở lại như cũ.»

Đức Phật nói xong, hai con mắt cô ni liền trở lại như cũ. Tỳ-kheo-ni này sanh lòng nghi, đức Phật dạy:

«Không phạm. Nhưng tỳ-kheo-ni không nên đến chỗ a-luyện-nhã như vậy.»

23. Tỳ-kheo-ni phá giới, có thai. Đang ngồi đại tiểu tiện trên cầu xí treo[896] thì bị truỵ thai, rơi xuống hầm xí. Người dọn vệ sinh thấy cơ hiềm, mạ nhục, nói:

«Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn, không tu tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy? Đọa thai nơi hố xí, như tặc nữ dâm nữ không khác.»

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên đại tiểu tiện trên cầu xí treo.»

Tỳ-kheo-ni kia nghi, không dám đại tiểu tiện trên nước. Đức Phật dạy:

«Được phép.»

24. Tỳ-kheo-ni ngồi kiết già huyết bất tịnh tiết ra bẩn gót chân[897]. Khi đi khất thực trùng bám nơi chân. Các cư sĩ thấy chê cười. Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên ngồi kiết già.»

Có vị nghi, không dám ngồi bán già. Đức Phật dạy:

«Cho phép ngồi bán già.»

25. Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo-ni nhòm vào trong nhà bạch y qua lỗ hổng, các cư sĩ thấy cơ hiềm nói:

«Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy? Tại sao dòm vào trong nhà người ta qua lỗ hổng giống như tặc nữ, dâm nữ vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Tỳ-kheo-ni không nên dòm vào trong nhà bạch y qua lỗ hổng như vậy.»

26. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, A-nan cùng với năm trăm vị đại Tăng tỳ-kheo đều ở Ma-kiệt-đề[898] du hành trong nhân gian. Tôn giả A-nan có sáu mươi người đệ tử, tuổi đều còn nhỏ nên muốn xả giới hoàn tục. Tôn giả A-nan khi đến thành Vương-xá, trưởng lão Ma-ha Ca-diếp từ xa thấy A-nan đến, nói:

«Chúng này muốn thối thất. Ông con nít, không tri túc.»[899]

A-nan nói:

«Bạch Đại đức[900], đầu con đã hiện tóc bạc. Sao vẫn không tránh khỏi bị Ngài Ca-diếp kêu là con nít?»

Ca Diếp trả lời:

«Ông cùng tỳ-kheo-niên thiếu, đều không khéo đóng kín các căn; ăn không biết tri túc; đầu đêm cuối đêm không chịu siêng tu, đi rảo khắp mọi nhà, ăn uổng cơm. Chúng của ông sẽ thối thất. Ông là tỳ-kheo-niên thiếu, không tri túc.»

Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nghe câu nói ấy nổi giận, không vui, nói:

«Ma-ha Ca-diếp vốn là ngoại đạo, sao dám mắng A-nan[901] là con nít, khiến cho A-nan không vui?»

Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan:

«Ông hãy xem, tỳ-kheo-ni này sân hận mắng tôi như vậy đó. Này A-nan, chỉ trừ đức Thế Tôn, tôi không nhớ ngoài Phật pháp ra lại có việc gì khác.»[902] A-nan nói tiếp:

«Bạch Đại đức, con xin sám hối sự vô tri của người nữ.»

Ma-ha Ca-diếp nói ba lần như vậy. A-nan cũng ba lần nói sám hối như vậy.

Đêm vừa qua khỏi, sáng sớm Ma-ha Ca-diếp khoác y, bưng bát, đến thành Vương-xá khất thực. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy, bèn thoá mạ[903]. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Thâu-lan-nan-đà rằng:

«Sao lại thóa mạ Đại đức Ca-diếp?» Tỳ-kheo-ni bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà rằng:

«Sao cô lại thóa mạ Đại đức Ca-diếp?»

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện ha trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép tỳ-kheo gọi tỳ-kheo-ni đến khiển trách trị phạt. Nếu một tỳ-kheo kêu một tỳ-kheo-ni thì phải đến. Không đến sẽ như pháp trị.

«Nếu một tỳ-kheo kêu hai tỳ-kheo-ni, ba tỳ-kheo-ni, hay Tăng thì nên đến. Không đến sẽ như pháp trị.

«Hai tỳ-kheo kêu một tỳ-kheo-ni thì phải đến. Không đến sẽ như pháp trị. «Hai tỳ-kheo kêu hai tỳ-kheo-ni, hoặc ba tỳ-kheo-ni, hoặc Tăng thì phải đến. Không đến sẽ như pháp trị.

Ba tỳ-kheo kêu một tỳ-kheo-ni thì nên đến. Không đến sẽ như pháp trị. Ba tỳ-kheo kêu hai tỳ-kheo-ni, ba tỳ-kheo-ni, hoặc Tăng thì phải đến. Không đến sẽ như pháp trị. Tăng kêu một tỳ-kheo-ni thì nên đến, không đến sẽ như pháp trị. Tăng kêu hai tỳ-kheo-ni, ba tỳ-kheo-ni, hoặc Tăng thì phải đến. Không đến sẽ như pháp trị.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe nói như vậy, họ nói như vầy: Chúng ta muốn kêu tỳ-kheo-ni thì họ liền phải đến, muốn bảo họ làm gì thì họ phải làm, tại sao vậy? Vì Thế Tôn có dạy: ‹Một tỳ-kheo kêu một tỳ-kheo-ni thì phải đến, không đến sẽ như pháp trị. Cho đến Tăng cũng như vậy.› Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Nên nhận xét đối tượng, không nên đến thì đừng đến.»

---o0o---

CHƯƠNG XVIII - PHÁP[904]

1. Khách tỳ-kheo

[30c7] Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ có khách tỳ-kheo không hỏi cựu tỳ-kheo mà vào trong phòng trống, rắn từ trên rớt xuống, bèn la lớn: ‹Rắn! Rắn!› Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh nghe hỏi:

«Cái gì mà la lớn vậy?»

Vị kia nói rõ nhân duyên. Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo khách rồi, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách tỳ-kheo khách:

«Ngươi làm điều phi pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy

thuận, làm việc không nên làm. Trước khi vào phòng trống, sao không nói cho cựu tỳ-kheo biết, để cho rắn từ trên rớt xuống, rồi la lớn, ‹Rắn! Rắn!› là sao?»

Dùng vô số phương tiện ha trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, cho phép chế pháp khách tỳ-kheo cho tỳ-kheo khách. Tỳ-kheo khách nên tùy thuận theo pháp khách tỳ-kheo.»[905]

Phải tùy thuận như vầy: Nếu khách tỳ-kheo muốn vào trong chùa, nên biết có tháp Phật, tháp Thinh văn, hay Thượng tọa, thì nên cởi giày dép xách nơi tay.

Có vị không đập giũ giày dép, nên khi xách làm bẩn tay. Đức Phật dạy:

«Không nên không đập giũ mà xách. Nên đập giũ.»

Đức Thế Tôn bảo đạp giũ, vị kia đem đập dũ nơi gốc cây. Thọ thần hiềm trách. Đức Phật dạy:

«Không nên đập giày dép nơi gốc cây. Nên đập nơi hòn đá, hoặc nơi đầu khúc cây, hoặc nơi bờ rào, hay hai chiếc đập với nhau.»

Vị khách đến trong cửa, nên lấy tay đẩy cánh cửa ra. Cửa nếu có then khóa, thì nên mở. Nếu mở không được thì nên gõ thong thả khiến cho người bên trong nghe. Nếu họ không nghe thì nên gõ mạnh. Nếu không mở được thì nên giao y bát cho tỳ-kheo thứ hai cầm, rồi đến nơi tường rào để tìm chỗ trèo vào bên trong để mở cửa.

Vị kia đi bên tả của tháp, vị thần bảo hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

«Không nên đi bên tả, [931a1] mà nên đi bên hữu của Tháp.»

Vị khách tỳ-kheo đến trong chùa phải máng y nơi trụ cột, móc long nha, hay giá của y. Hoặc để y bát nơi bên khe nước, nơi cây, nơi cục đá, hay trên cỏ, rồi đến chỗ rửa chân. Nếu không có nước thì hỏi, chỗ nào có nước. Tùy theo vị kia nói chỗ nào có nước thì đến đó để lấy. Nên hỏi:

«Nước có trùng hay không?»

Nếu nói có trùng, mà loại trùng lớn thì làm chao động nước để nó tránh đi, rồi lấy bình múc.

Vị kia không rửa tay mà cầm bình lấy nước. Tỳ-kheo khác thấy nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên không rửa tay mà cầm bình lấy nước. Cho phép lấy hai cánh tay ôm ngang bụng của bình hay lấy chéo y xâu qua quai bình.»

Vị kia đến chỗ có nước, nên rửa tay cho sạch, và lấy đầy nước để rửa chân. Vị kia dùng tay rửa chân nhúng vào nước, tỳ-kheo khác thấy gớm. Phật dạy:

«Không nên làm như vậy. Nên lấy một tay tạt nước, một tay rửa chân.»

Vị kia rửa chân bên hữu trước, bên tả sau. Đức Phật dạy:

«Nên rửa chân bên tả trước, rửa chân bên hữu sau.»

Vị ấy không lau giày dép mà mang nên làm bẩn y. Đức Phật dạy:

«Không nên không lau giày dép mà mang. Phải lau rồi mới mang.»

Vị kia không đợi chân khô, mang giày dép vào nên bị hư mục. Phật dạy:

«Không nên làm như vậy! Phải đợi chân khô nước rồi mới mang giày dép.»

Khách tỳ-kheo nên hỏi: «Tôi có chừng ấy tuổi hạ. Có phòng dành cho tôi không?»

Vị tri khách nên trả lời: «Có.»

Vị khách hỏi:

«Phòng này có người nào ở hay chưa?»

Nếu nói không có người ở thì nên hỏi:

«Có ngọa cụ hay không?»

Nếu nói có thì nên hỏi:

«Có chăn hay không có chăn?»

Nếu nói có thì nên hỏi:

«Có lợi dưỡng hay không?»

Nếu nói có lợi dưỡng thì nên hỏi:

«Có đồ dùng hay không?»

Nếu nói có thì hỏi:

«Có y của phòng hay không?»

Nếu nói có thì hỏi:

«Có phước nhiêu[906] hay không?»

Nếu nói có, mà cần lấy thì nên nói:

«Tôi muốn lấy.»

Vị kia đến phòng, nên đẩy cánh cửa ra. Nếu có then khoá, thì nên mở. Vị kia mở cửa rồi tay nên cầm hai má cửa, thò đầu vào trong phòng xem coi có rắn có độc trùng hay không? Nếu có thì đuổi nó ra chứ đừng để.

Vị kia khi vào trong phòng rồi thì nên trải giường nệm, ngọa cụ, gối, chăn chiên trải trên đất. Nếu trải trên gỗ, trên ván, hay trên đất thì nên biết rõ mặt trong, mặt ngoài. Quét sạch phòng. Dọn rác và đất. Trước hết nên tìm chỗ nào bỏ được thì bỏ. Nếu lượm được kim, chỉ dao con, hoặc đồ hư cũ, cho đến một viên thuốc, nên để vào một chỗ, nếu có chủ biết, họ sẽ đến lấy. Vị kia nên lau quét những nơi như khe cửa, cây trụ, long nha, giá máng y. Nếu vách bị lở hư, hoặc hang chuột, nên trét thì trét. Nếu nền đất không bằng phẳng thì nên dùng bùn đất tu bổ cho bằng, rưới nước cho sạch. Lấy đồ trải dưới đất, đập giũ phơi khô rồi đem vào phòng. Trước đây trải không tốt thì nên trải lại. Nếu trước đã trải tốt thì trải lại như cũ. Đem đồ kê giường ra lau chùi cho sạch, rồi đem vào. Quét giường cho sạch, đập dũ, rồi đem vào trong phòng, để lên trên đồ kê. Lấy ngọa cụ, gối, chăn chiên đập giũ cho sạch, trải lên trên giường giây. Y thường mặc, y không thường mặc, vị kia để chung một chỗ. Khi lấy y thường để mặc, nhầm lẫn với các y khác. Đức Phật dạy:

«Y thường mặc nên để riêng một chỗ.»

Vị kia dùng cái đãy đựng bát, đãy đựng giày dép, ống đựng kim chỉ, đồ đựng dầu, để chung chỗ. Các tỳ-kheo khác gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên để chung như vậy. Mỗi thứ nên để chỗ riêng.»

Trước khi vào phòng, nên coi khung cửa cao hay thấp rồi hãy đóng. Khi ra khỏi phòng nên xem coi bốn phía vách có đất bụi hay không. Nếu có đất bụi, nên dội nước quét dọn, rồi mới đi. Nên lấy cái ghế rửa sạch. Nên chuẩn bị đủ bình nước sạch, bình rửa, đồ đựng nước uống. Nên hỏi: Chỗ nào là chỗ đại tiện? Chỗ nào là chỗ tiểu tiện? Chỗ nào là tịnh địa? Chỗ nào bất tịnh địa? Tháp Phật là tháp nào? Tháp nào là tháp Thinh văn? Phòng nào là phòng đệ nhất Thượng tọa? Phòng nào là phòng đệ nhị, đệ tam, đệ tứ Thượng tọa? Vị kia nên kính lễ tháp của Phật trước, rồi lễ tháp của Thinh văn, bốn Thượng tọa tùy theo thứ tự mà kính lễ.

Vị kia nắm cẳng chân mà lễ. Không nên nắm cẳng chân mà lễ. Có vị nắm đầu gối mà lễ. Không nên nắm đầu gối kính lễ. Có vị lật ngược y, quấn y nơi cổ, trùm đầu, dùng y phủ cả hai vai, mang giày dép mà hành lễ. Đức Phật dạy:

«Những kiểu như trên không nên làm.»

Từ nay về sau, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, nắm hai gót chân, nói như vầy:

«Thưa Đại đức, con xin kính lễ.»

Bốn vị Thượng tọa tư duy trong phòng, nên tùy theo cấp bực mà kính lễ. Vị kia nên hỏi:

«Chỗ nào là chỗ đại thực, tiểu thực của chúng Tăng? Chỗ nhóm họp, chỗ thuyết giới ở đâu? Vị nào được Tăng sai đi thọ thực? Đàn-việt có dâng thức ăn vào ngày mồng một, mồng tám, mười lăm[907] không? Đàn-việt có thỉnh theo thứ tự đến chỗ nào thọ thực không?» Lại hỏi:

«Ngày mai có Đàn-việt nào mời chúng Tăng thọ đại thực hay tiểu thực không? Có Đàn-việt nào bị Tăng tác pháp Phú bát không? Nhà nào là học gia? Chỗ nào có chó dữ? Chỗ nào là có người tốt? Chỗ nào là có người xấu?

«Từ nay về sau, Ta quy định phép tắc cho khách tỳ-kheo. Khách tỳ-kheo nên tùy thuận. Nếu không tùy thuận nên như pháp trị. Từ nay về sau Ta quy định phép tắc cho cựu tỳ-kheo. Cựu tỳ-kheo phải tùy thuận.»

Phải tùy thuận như vầy:

«Cựu tỳ-kheo nghe có khách tỳ-kheo đến, nên ra ngoài nghinh đón, rước y bát, rồi đem để hoặc có nhà tắm, trên gác, hoặc chỗ đi kinh hành[908]. Mời khách tỳ-kheo ngồi. Đưa nước rửa chân, đồ đựng nước, khăn lau chân. Xách giùm giày dép để phía bên trái, đừng để dính bùn bẩn. Nếu dính bùn bẩn, nên dời đến chỗ khác. Vị kia vì khách tỳ-kheo rửa

chân rồi, nên thu dọn đồ rửa chân để lại chỗ cũ, và nên hỏi: ‹Trưởng lão có uống nước không? ›

«Nếu nói cần uống nước thì vị kia nên đem bình lấy nước. Vị kia không rửa tay mà cầm bình, các tỳ-kheo gớm. Nên hai tay ôm bình, hay lấy chéo y móc vào cái quai. Đến chỗ múc nước, rửa tay cho sạch. Nếu là nước ao, nước dòng, thì nên lấy tay khỏa bỏ nước trên mặt, múc nước sạch ở dưới. Vị kia gánh nước giữa trưa, nước bị nóng. Đức Phật dạy:

«Nên lấy cỏ hay lá cây phủ lên trên rồi gánh đi. Vị kia không rửa sạch lá bằng nước. Đức Phật bảo nên rửa sạch.

Vị kia uống rồi không rửa tách, mời người uống. Mời tỳ-kheo, tỳ-kheo gớm. Phật dạy:

«Nên rửa rồi mới đưa cho người khác.»

Vị kia vừa đưa nước vừa nói, nước miếng văng vào trong nước.

Đức Phật dạy:

«Không nên vừa bưng nước vừa nói như vậy. Nếu cần nói, nên quay mặt đi mà nói.»

Vị kia không rửa đồ mà đem cất. Các tỳ-kheo thấy gớm. Phật dạy:

«Không nên như vậy.»

Vị kia nên hỏi: «Đại đức Trưởng lão bao nhiêu tuổi?»

Nếu khách tỳ-kheo nói tôi chừng ấy tuổi thì nên theo đó mà chỉ dẫn:

«Thầy nghỉ phòng này. Đây là giường giây, giường cây, nệm, gối, chăn chiên, đồ trải dưới đất, đây là ống nhổ, đây là đồ tiểu tiện, đây là chỗ đại tiện, đây là chỗ tiểu tiện, đây là tịnh xứ, đây là bất tịnh xứ, đây là tháp Phật, đây là tháp Thinh

văn, đây là phòng của đệ nhất Thượng tọa, đây là phòng đệ nhị, đệ tam, đệ tứ Thượng tọa, đây là chỗ đại thực tiểu thực của chúng Tăng, đây là chỗ ban đêm họp, đây là chỗ bố-tát, Tăng sai thọ thực, cho đến chỗ nào, Đàn-việt nào thỉnh Tăng thọ đại thực tiểu thực vào sáng mai, nhà nào Tăng tác pháp phú bát, nhà nào là học gia, nhà nào có chó dữ, chỗ nào tốt, chỗ nào xấu.

«Nay ta vì cựu tỳ-kheo quy định phép tắc. Cựu tỳ-kheo nên tùy thuận. Nếu không tùy thuận thì nên như pháp trị.»

---o0o---

2. Vệ sinh

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá.

Bấy giờ tại Xá-vệ có bà-la-môn xuất gia làm tỳ-kheo, rất nhờm gớm đồ đại tiểu tiện của chính mình, nên dùng [932a1] cỏ sắc bén lau chùi, thương tổn thân thể, sanh ghẻ, chảy máu bẩn thân, bẩn y, bẩn ngọa cụ, bẩn giường. Các tỳ-kheo hỏi:

«Trưởng lão có bệnh gì?»

Vị kia nói rõ nhân duyên.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách bà-la-môn xuất gia làm tỳ-kheo rằng: ‹Tại sao lại nhờm gớm đồ đại tiểu tiện của chính mình, dùng cỏ sắc bén để lau chùi, làm thương tổn thân thể, chảy máu bẩn thân, bẩn y, bẩn ngọa cụ, bẩn giường?› Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem việc này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách tỳ-kheo kia rằng:

«Ngươi làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm.

Này bà-la-môn, xuất gia làm tỳ-kheo, sao ngươi lại nhờm gớm đồ đại tiểu tiện của mình, dùng cỏ sắc bén chùi, gây tổn thương thân thể, chảy máu mủ bẩn thân, bẩn y, bẩn ngọa cụ, bẩn giường?»

Dùng vô số phương tiện ha trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, Ta vì tỳ-kheo quy định pháp đến nhà xí. Các tỳ-kheo nên tùy thuận pháp này.»

Nên tùy thuận như vầy:

«Không nên nín lâu đại tiểu tiện. Khi đi nên cầm cỏ để chùi.

Có vị là hạ tọa đi trước Thượng tọa, hoặc vừa nói vừa đi, hoặc đi trước hoặc đi sau, lật ngược y, hoặc quấn nơi cổ, hoặc phủ đầu, hoặc mang giày dép. Đức Phật dạy:

«Không được như vậy.»

Nếu đi trước thì được phép đi trước. Đến bên ngoài nhà xí, nên búng tay hay tằng hắng để cho có người hay phi nhơn biết. Đến nhà xí, chỉ mặc áo lót bên trong. Y máng nơi trục cây, long nha, giá móc y, hoặc bên bờ nước, cỏ cây, ốc đá, có cỏ thì để y nơi đó. Nếu sợ mưa ướt thì nên để chỗ không mưa. Nếu bị mưa gió văng ướt y thì cho phép cầm y nơi tay theo chiều dọc, đừng để vướng nơi hố xí. Đặt gót chân vững chắc hai bên. Trước khi lên hố xí, nên xem có rắn, rít, bò cạp... Nếu có thì đuổi ra.

Có vị chưa ngồi xong, vén y lên lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không nên làm như vậy. Nên vừa ngồi xổm vừa từ từ vén y.»

Ngồi xổm xong, nên xem kỹ lại, đừng để bàn chân trước gần hai bên, khiến đại tiểu tiện hay khạc nhổ bẩn lỗ xí.

Có vị rặn lớn tiếng, khiến các tỳ-kheo nghe cảm thấy gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên rặn như vậy.»

Có vị, khi đại tiện bất ngờ phát ra tiếng, nghi có tội. Phật dạy:

«Không phạm.»

Có vị, khi ở trong hố xí nhăm dương chi[909], hoặc ngủ, hay nhập định. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy.»

Có vị nghi, không dám trên nước, trong hố xí đại tiểu tiện. Đức Phật dạy:

«Không phạm.»

Có vị không dùng cỏ để chùi mà đứng dậy bẩn thân, bẩn y, bẩn ngọa cụ. Đức Phật dạy:

«Nên dùng cỏ để chùi, sau đó mới đứng dậy.»

Đức Thế Tôn dạy tiếp:

«Cho phép dùng cỏ để chùi.»

Có vị dùng cỏ quá dài để chùi. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng cỏ quá dài. Dài nhất là một gang tay mà thôi.»

Có vị dùng cỏ xoa-kỳ[910], lá cây tạp, vỏ khô, cục phân bò để chùi. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng như vậy.»

Có vị dùng cỏ ngắn quá để chùi nên bẩn tay. Phật dạy:

«Không nên dùng cỏ quá ngắn như vậy. Ngắn lắm là phải dài bằng bốn ngón tay.»

Có vị dùng cỏ không đập giũ, nơi cỏ dính phân. Các tỳ-kheo thấy gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng như vậy.»

Có vị để thứ cỏ dùng rồi và chưa dùng chung một chỗ, khi lấy bị bẩn tay. Phật dạy:

«Nên để riêng.»

Có vị vừa chùi xong liền đứng dậy, lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không nên đứng dậy gấp như vậy. Nên đứng dậy từ từ và hạ y xuống.»

Khi đến chỗ tẩy tịnh, nên búng ngón tay, khiến cho người hoặc phi nhơn biết. Đến chỗ tẩy tịnh phải xem coi nếu có rắn, rít, độc trùng nên đuổi nó ra.

Có vị vén y trước sau đó mới ngồi, bị lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy.»

Có vị rửa trong đồ chứa nước. Các tỳ-kheo thấy gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy.»

Có vị dùng nước rửa, khua động có tiếng, tỳ-kheo khác nghe gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy.»

Có vị dùng hết nước. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng hết như vậy. Phải để lại ít nhất vừa đủ một người rửa.»

Có vị rửa rồi không đứng lui, đứng ngay trên nước, bẩn y bẩn thân. Đức Phật dạy:

«Không nên đứng như vậy. Nên đứng cách chỗ nước. Lấy tay, hoặc lá, hay đồ cũ chùi. Nếu tay bị thối nên rửa. Nếu dùng đất bủn, tro, bùn, phân bò để rửa mà vẫn thúi thì nên mài trên đá, hoặc vách tường, hay bột tháo đậu để rửa.»

Có vị không xổ y xuống mà đứng dậy, lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Nên từ từ hạ y xuống rồi mới đứng dậy.»

Có vị thấy đồ đựng nước rửa hết nước mà không múc nước đổ vào. Phật dạy:

«Không nên không múc nước đổ vào.»

Có vị trước nhà xí thọ kinh, tụng kinh, kinh hành, may y, trở ngại sự đại tiểu tiện của các tỳ-kheo khác. Đức Phật dạy:

«Không nên làm như vậy.»

Có vị ở bên hố xí tụng kinh, thọ kinh, kinh hành, may y. Tỳ-kheo khác thấy gớm. Phật dạy:

«Không nên làm như vậy.»

Có vị thấy trên hố xí có rác rưới mà không dọn dẹp. Đức Phật dạy:

«Thấy rác rưới nên dọn dẹp. Nay ta vì các tỳ-kheo quy định pháp đại tiểu tiện. Các Tỳ-kheo nên tùy thuận. Nếu ai không tùy thuận sẽ như pháp trị.»

---o0o---

3. Khất thực

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một tỳ-kheo khất thực, tuổi còn nhỏ, không hiểu biết, không xem hình tướng của cửa ngõ, vội bước vào trong nhà có người nữ đang ngủ. Người nữ kia lộ hình, đang nằm ngửa ngủ, vật không sạch tiết ra nơi nữ căn. Tỳ-kheo thấy, hổ thẹn, sợ hoảng liền bỏ chạy trở ra lại. Tỳ-kheo vừa chạy ra khỏi nhà thì người chồng từ ngoài về nhà, thấy vợ mình lộ hình nằm ngửa ngủ, vật bất tịnh tiết ra bẩn thân, liền khởi ý nghĩ: «Vợ ta nằm ngửa ngủ, vật bất tịnh tiết ra bẩn thân, mà Tỳ-kheo kia từ trong nhà gấp gáp chạy ra, chắc là đã phạm đến vợ ta.» Ông liền đuổi theo tỳ-kheo và hỏi:

«Ông phạm vợ tôi rồi chạy phải không?»

Tỳ-kheo kia nói:

«Cư sĩ đừng nói lời như vậy. Tôi không hề làm chuyện ấy.»

Cư sĩ nói:

«Ông từ trong nhà tôi đi ra, tại sao nói không làm chuyện ấy?»

Cư sĩ liền đánh tỳ-kheo đến gần chết.

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo khất thực kia: «Tỳ-kheo khất thực, tuổi trẻ không biết gì. Sao không để ý hình tướng cửa ngõ, lại vào trong nhà người, có nữ nhơn đang ngủ?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem nhơn duyên này trình bày đầy

đủ với đức Phật. Đức Phật dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách tỳ-kheo khất thực:

«Ông làm điều phi pháp, phá oai nghi, chẳng phải sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này tỳ-kheo khất thực, tuổi nhỏ không biết gì, sao không xem xét tướng cửa ngõ, vào trong nhà người, có nữ nhơn đang ngủ?»

Dùng vô số phương tiện ha trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, ta vì tỳ-kheo khất thực chế định phép tắc khất thực.»

Tỳ-kheo nên tùy thuận như vầy:

Nếu tỳ-kheo khất thực, vào thôn khất thực, thì sáng sớm rửa tay sạch, đến chỗ giá máng y, một tay dở y lên, một tay kéo lấy, trương y ra, đập giũ, xem coi đừng để rắn rít ở trong ấy. Sau đó mới mặc, cột giây lưng. Tăng-kỳ-chi, uất-đa-la-tăng, cũng trương ra đập giũ rồi mặc. Xếp tăng-già-lê đội lên đầu, hoặc phủ trên vai. Rửa sạch bát để vào trong đãy; hoặc dùng khăn tay gói, hay để trong đãy đựng bát. Cất áo lót, rửa chân, cất giày dép, chăn chiên. Lấy guốc dép đi đường. Tỳ-kheo nên cầm then cửa đi ra khỏi phòng, đóng cửa lại, xô thử, nếu không chắc thì đóng lại. Nếu chắc, thì buộc giây phía trong, rồi nhìn xung quanh, không có người thì giấu cái móc khóa. Nếu có người thấy thì cầm đi, rồi tìm chỗ bảo đảm để cất. [933a1] Trên đường đi, thường tư duy thiện pháp. Gặp người nên hỏi chào: ‹Thiện lai!› Nếu gần đến tụ lạc, thì tạm đứng qua một bên đường, để bình bát xuống đất, lấy tăng-già-lê trương ra đập giũ, sau đó mới mặc. Bên cạnh thôn, nếu có tiệm bán đồ dùng, hay có nhà, có thợ thuyền, thì cởi guốc dép đi đường gởi nơi đó. Khi vào xóm, nên xem xét tình hình ngõ hẻm, nơi chỗ trống, nơi nhóm chợ, nơi cổng chợ, hình tướng của xóm làng. Khi vào nhà

bạch y thì nên để ý hình tướng của cửa thứ nhất, cho đến cửa thứ bảy.

Có Tỳ-kheo khất thực, vào trong nhà người, gió thổi y tuột khỏi vai. Vị kia sửa lại y ngay trước mặt người nữ. Đức Phật dạy:

«Không nên sửa lại y ngay trước mặt người nữ mà phải quay vào vách.»

Có tỳ-kheo khất thực, tay bên hữu bưng bát, tay bên tả nắm cây gậy, bị lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Nên bưng bát tay bên tả, còn tay bên hữu nắm gậy.»

Có tỳ-kheo khất thực đứng giữa đường, khiến cho nam nữ phải tránh đường. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, không có yểm túc, mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy trong khi đứng giữa đường, khiến cho nam nữ phải tránh?» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo khất thực, không nên đứng giữa đường.»

Khi đức Thế Tôn dạy không nên đứng giữa đường, có vị lại đứng chỗ vắng.

Đức Phật dạy:

«Không nên đứng như vậy. Nên đứng chỗ có người thấy.»

Có tỳ-kheo khất thực đến nhà người, chủ nhà đem thức ăn ra, liền vội bước đến trước để nhận. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy? Bước tới vội vã để nhận thức ăn, giống như chết đói?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo khất thực không nên nhận thức ăn như vậy. Hoặc có người nữ, người bệnh, người có thai, người bồng con, hoặc trời mưa, hoặc người ấy hai tay cầm đồ vật, hoặc đất bị bùn nước, nên gọi tỳ-kheo đến, tỳ-kheo nghi, không dám bước đến trước để nhận. Đức Phật dạy:

«Nếu họ gọi thì nên đến để nhận.»

Có tỳ-kheo khất thực nhận được cơm khô, bột bánh, thịt cá để chung một chỗ. Tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên để chung lại một chỗ như vậy. Nếu chỉ có một cái bát thì nên dùng lá cây hay vỏ cây hoặc lá mía ngăn ra. Hoặc dùng bát kế hay bát nhỏ để đựng. Bột bánh thì nên lấy khăn tay gói lại.»

Có Tỳ-kheo khất thực đến nơi đại gia khất thực. Cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử không biết yểm túc mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy, trong khi đến đại gia khất thực, tợ như lúc mất mùa đói kém?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên lựa đại gia (nhà giàu) mà khất thực. Nên theo thứ tự mà xin. Không được lựa chọn như vậy.»

Có tỳ-kheo khất thực, nài nỉ xin cho được mới đi. Các cư sĩ thấy vậy, cơ hiềm nói: «Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, không có yểm túc mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy, trong khi đến người cưỡng ép xin cho được mới đi, giống như lúc cơm gạo khan hiếm?» Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Không nên làm như vậy. Nếu biết sẽ được, thì nên đợi.»

Tỳ-kheo khi quay về, nên để ý cửa thứ nhất, cho đến tướng của đống rác. Ra khỏi thôn, đến lấy đôi guốc đi đường để mang. Để bình bát bên đường, xếp tăng-già-lê, vắt lên vai

hoặc đội trên đầu. Khi đi đường nên tư duy thiện pháp. Nếu gặp người nên nói: ‹Thiện lai!› để chào hỏi. Tỳ-kheo khất thực kia, đối với chỗ thường ngồi để ăn, nên đến quét cho sạch, rưới nước, đồ đựng nước, đồ đựng thức ăn thừa, ghế ngồi, hòn đá rửa chân, vật chùi chân, khăn lau đâu vào đó. Thấy tỳ-kheo khất thực khác đến nên đứng dậy ra ngoài đón rước, bưng bình bát, để vào chỗ để bát, hay treo lên, lấy y trương ra xem, đừng để đất bụi, bùn, chim làm bẩn. Nếu có bẩn cần lau thì phải lau, cần vuốt thì vuốt, cần đập giũ thì đập giũ, cần giặt thì giặt; giặt rồi vắt nước phơi khô để trên giường giây, giường cây. Vị kia nên mời tỳ-kheo khất thực ngồi, đưa đồ đựng nước, đưa nước, đưa đá rửa chân, khăn lau chân, lấy guốc dép để bên tả, đừng để chỗ bùn bẩn, nước văng. Nếu có nước văng nên dời đến chỗ khác.

Vị kia vì Tỳ-kheo khất thực rửa chân rồi, thì nên đem đồ đựng nước, đá rửa chân, các vật hoàn lại chỗ cũ. Nên dùng tháo đậu rửa tay cho sạch rồi trao nước cho tỳ-kheo khất thực, kế đó trao thức ăn cho họ.

Khi vị ấy ăn nên cung cấp các thứ cần dùng. Nếu có nước sữa đông, nước sữa trong, giấm, hoặc muối hay rau thì nên trao cho vị ấy. Nếu trời nóng thì nên quạt, cần nước nên đưa nước. Nếu gần quá nửa ngày thì nên cùng ăn.

Tỳ-kheo khất thực ăn rồi nên lấy bát, mời rửa tay. Mình ăn xong, còn thừa thức ăn nên cho người, hoặc phi nhân, hoặc đổ chỗ đất không có cỏ, hay chỗ nước không trùng. Rửa đồ đựng thức ăn dư, để lại chỗ cũ. Nên để ghế ngồi, ghế rửa chân, đồ đựng nước, các vật trở lại chỗ cũ, quét dọn chỗ ngồi ăn cho sạch.

Có vị dùng bát đựng thức ăn dơ bị loại bỏ. Tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng bát để loại bỏ đồ dơ. Nên dùng cái mâm để rửa hay lau quét. Bình bát thì để cho thanh khiết thọ trì.»

Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo khất thực cùng ăn chung một chỗ. Có con chó có chửa, thấy đồ ăn muốn ăn mà ăn không được, vì đói nên thai bị trụy. Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Khi ăn, nếu có người hay phi nhơn, nên cho ăn. Cho đến dù chỉ một vắt cơm. Nay ta vì tỳ-kheo khất thực qui định pháp thức nên tùy thuận. Nếu không tùy thuận thì sẽ như pháp trị.»

---o0o---

4. A-lan-nhã

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá.

Bấy giờ có tỳ-kheo a-lan-nhã, lười biếng, không có sở hữu bất cứ một thứ gì, không có đồ đựng nước, không có vật rửa chân, cũng không để lại thức ăn dư. Cách trú xứ không xa, có một số đông bọn cướp đang đi ngang qua đây. Một người trong bọn nói với các người khác rằng: «Thường pháp của sa-môn Thích tử là có đồ đựng nước, đồ rửa chân. Cũng có thức ăn dư. Chúng ta hãy đến đó, nếu được thức ăn thì cùng ăn.» Bọn giặc đến hỏi:

«Ông có nước không?»

«Có đồ rửa chân không?»

«Không.»

«Có thức ăn dư không?»

«Không.»

Bọn giặc nói:

«Ông ở tại chỗ a-lan-nhã mà không có nước, không có đồ rửa chân, không còn thức ăn hay sao?»

Bọn giặc liền đánh tỳ-kheo gần chết. Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo a-lan-nhã rằng: «Thầy biếng nhác. Tại sao ở chỗ a-lan-nhã mà không có nước, không có đồ đựng nước, không có thức ăn dư?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật dùng nhân duyên tập hợp Tăng tỳ-kheo ha trách tỳ-kheo a-lan-nhã kia:

«Ngươi làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp của sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao nhác nhớm, ở chỗ a-lan-nhã mà không có đồ đựng nước, cho đến không có thức ăn dư?»

Dùng vô số phương tiện ha trách tỳ-kheo a-lan-nhã rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, ta vì tỳ-kheo a-lan-nhã quy định pháp chế, tỳ-kheo a-lan-nhã phải tùy thuận.»

Nên tùy thuận như vầy:

«Nếu tỳ-kheo a-lan-nhã vào xóm khất thực[911], sáng sớm rửa tay sạch, đến chỗ giá máng y, một tay đỡ y, một tay kéo y, lấy y trương ra và đập giũ, xem coi, đừng để có rắn, trùng, rồi mới mặc, cột giây lưng. Lấy tăng-kỳ-chi, uất-đa-la-tăng trương ra đập giũ xem, xếp [934a1] tăng-già-lê đội lên đầu hay vắt trên vai, rửa bình bát cho sạch, bỏ vào trong đãy, hay dùng khăn tay gói lại. Nếu đãy của bình bát đầy rồi. Cất áo lót, rửa chân. Cất guốc dép, chăn chiên. Lấy guốc đi đường, gậy phá sương móc. Tỳ-kheo nên cầm khóa cửa ra ngoài phòng, đóng cửa, xô thử xem đã chắc chưa; nếu chưa chắc thì khép hai cánh cửa lại cho chắc, kéo cái giây bỏ bên trong. Nhìn xung quanh, nếu không thấy có người thì nên giấu cái móc khóa. Nếu thấy có người thì nên cầm theo, tìm chỗ nào bảo đảm thì cất. Trên đường đi luôn luôn tư duy

pháp lành. Nếu gặp người nên nói: ‹Lành thay!› để chào hỏi. Nếu đến gần tụ lạc thì nên đứng tạm một bên đường, để bình bát xuống đất, lấy tăng-già-lê trương ra đập giũ xem coi, sau đó mới mặc. Nếu gần bên thôn có tiệm bán đồ dùng, hay có nhà, có thợ, thì nên cởi guốc đi đường, gậy phá sương móc, gởi nơi đó. Khi vào trong thôn, nên để ý xem tình hình đường hẻm, nơi chỗ trống, chợ búa, cửa ngõ, đống rác. Vào nhà bạch y nên để ý xem tướng trạng cửa thứ nhất, cho đến cửa thứ bảy.

Tỳ-kheo a-lan-nhã đến trong nhà người, bị gió thổi, y rớt xuống. Vị sửa lại y ngay trước mặt người nữ. Đức Phật dạy:

«Không nên sửa lại y ngay trước mặt người nữ. Nên quay vào vách.»

Tỳ-kheo a-lan-nhã dùng tay bên hữu bưng bát, tay bên tả cầm gậy, bị lộ hình. Đức Phật dạy:

«Không nên cầm như vậy, nên dùng tay bên hữu cầm gậy, tay bên tả bưng bát.»

Tỳ-kheo a-lan-nhã đứng giữa đường, khiến cho người nam kẻ nữ phải tránh qua một bên. Các cư sĩ thấy cơ hiềm, nói: «Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, không nhàm chán biết đủ, mà tự nói là tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy, trong khi đứng giữa đường đi khiến người nam kẻ nữ phải tránh bên đường?» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo a-lan-nhã không nên đứng giữa đường.»

Khi đức Thế Tôn dạy không nên đứng giữa đường, thì có vị lại đứng chỗ vắng. Đức Phật dạy:

«Không nên đứng như vậy. Nên đứng chỗ có người thấy.»

Tỳ-kheo a-lan-nhã thấy người ta đem thức ăn ra, liền bước đến trước họ nhận. Cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn thích tử

không biết hổ thẹn, không nhàm chán, biết đủ, mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy trong khi nhận thức ăn vội vàng bước tới như lúc lúa gạo khan hiếm vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo a-lan-nhã không nên đến trước người đón nhận thức ăn vội vàng như vậy.»

Trường hợp người nữ có thai, hay đang bồng con, hoặc lúc trời mưa, hoặc hai tay cầm đồ vật, hay đất có bùn nước họ kêu Tỳ-kheo đến. Tỳ-kheo nghi, không dám bước đến trước để nhận. Đức Phật dạy:

«Nếu họ kêu thì nên đến.»

Có tỳ-kheo a-lan-nhã nhận được cơm khô, bột bánh, cá thịt, để chung một chỗ, tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên tập trung để một chỗ như vậy. Nếu chỉ có một bát thì nên dùng vật ngăn lại, như lá cây, vỏ cây, hoặc lá mía, hoặc cái bát kề, hoặc cái bát nhỏ. Bột bánh thì nên lấy khăn tay bao lại.»

Có tỳ-kheo a-lan-nhã đến đại gia khất thực, các cư sĩ thấy cơ hiềm: «Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, không có nhàm chán, biết đủ, mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy, trong khi lựa đại gia đến khất thực như lúc cơm gạo khan hiếm vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên lựa nhà giàu đến khất thực. Nên khất thực tuần tự chứ không nên lựa chọn.»

Có tỳ-kheo a-lan-nhã nài nỉ xin cho kỳ được mới đi. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: «Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, không có yểm túc, mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh

pháp nào như vậy, trong khi đến người nài nỉ xin cho kỳ được mới chịu đi, giống như lúc gạo cơm khan hiếm vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên nài nỉ như vậy. Nếu biết sẽ nhận được thì nên chờ.»

Khi vị kia nhận được thức ăn, suy nghĩ như vầy: «Đây là giặc. Tự mình ăn thức ăn này!»

Khi ra về, nên để ý tướng trạng cửa thứ nhất cho đến tướng đống phân. Nếu ra khỏi thôn thì nhớ lấy lại đôi guốc đi đường, cây gậy phá sương móc, rồi đứng tạm bên đường, để bát xuống đất, xếp tăng-già-lê lại, vắt trên vai hay đội trên đầu. Khi đi, nên luôn luôn tư duy thiện pháp. Nếu thấy người nên nói: ‹Thiện lai!› để chào hỏi. Vị tỳ-kheo a-lan-nhã kia thường thọ thực nơi chỗ nào thì nên đến đó quét dọn cho sạch sẽ, nước phải đầy đủ, đồ rửa, đồ đựng thức ăn dư, giường ghế ngồi nên đủ, đá rửa chân, đồ đựng nước, khăn lau chân. Nếu thấy vị a-lan-nhã khác đến phải đứng dậy ra ngoài xa nghinh đón, rước lấy bình bát, chân đế của bát, dụng cụ của bát, lấy y trương ra xem, đừng để đất, bùn, bụi, hay phân chim làm nhơ bẩn. Nếu có bẩn, nên lau thì lau, nên vuốt thì vuốt, nên đập giũ thì đập giũ, nếu cần giặt thì giặt. Giặt rồi nên vắt khô nước rồi phơi để nơi giường giây, giường cây. Tỳ-kheo nên mời tỳ-kheo a-lan-nhã ngồi, mời nước, mời rửa chân, đưa khăn lau chân, đem đôi guốc để phía bên tả, đừng để chỗ nước làm văng bẩn, nếu có bùn bẩn thì nên dời.

Vị kia vì tỳ-kheo a-lan-nhã phục vụ rửa chân rồi, thì nên đem đồ đựng nước, đá rửa chân, và các đồ vật để lại chỗ cũ. Vị kia nên dùng tháo đậu rửa tay cho sạch rồi, để riêng thức ăn dư nơi chỗ tịnh khiết. Nếu có cướp đến thì mời ngồi. Trao nước cho tỳ-kheo a-lan-nhã. Kế đó mời khách tỳ-kheo ăn. Khi khách tỳ-kheo ăn, nên cung cấp những thức cần dùng. Nếu có nước lạc tương, nước thanh lạc tương, giấm, muối,

rau thì mời khách tỳ-kheo; nếu trời nóng thì quạt, cần nước thì đưa nước. Nếu gần quá giữa ngày thì nên cùng ăn. Tỳ-kheo a-lan-nhã ăn xong nên vì họ thu bát, mời rửa tay. Mình ăn xong, nếu thức ăn còn thừa thì nên cho người hay phi nhơn, hoặc bỏ chỗ đất không có cỏ, hay trong chỗ nước không trùng, rửa đồ đựng thức ăn dư. Giường ghế, đá rửa chân, đồ đựng nước, các thứ nên để lại chỗ cũ, rồi quét dọn chỗ ngồi ăn. Vị kia dùng bình bát đựng đồ nhơ bẩn để đem đổ. Tỳ-kheo khác thấy nhờm gớm. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng bình bát đựng đồ nhơ. Nên dùng cái mâm bàn để đựng hay dọn quét, bình bát thì nên để cho tinh khiết mà thọ trì.»

Nếu có bọn giặc đến thì nên nói: «Đây là nước, đây là vật rửa chân, đây là thức ăn, vì quý vị nên chúng tôi lưu lại riêng một cách sạch sẽ, nếu cần ăn thì ăn.»

Bọn giặc hỏi a-lan-nhã:

«Bấy giờ là canh mấy của đêm?»

Tỳ-kheo kia không thể trả lời được nên hổ thẹn. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo ở nơi a-lan-nhã nên khéo biết thời tiết của đêm.»

Bọn giặc hỏi a-lan-nhã:

«Đây là phương nào?»

Tỳ-kheo a-lan-nhã không biết để trả lời nên hổ thẹn. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo a-lan-nhã nên khéo biết tướng của phương hướng.»

Bọn giặc hỏi tỳ-kheo:

«Ngày nay sao gì?»

Tỳ-kheo a-lan-nhã không biết để trả lời. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo a-lan-nhã nên khéo biết tinh tú.»

Tỳ-kheo a-lan-nhã ưa thích nằm ngủ. Các tỳ-kheo bạch Phật đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo a-lan-nhã không nên sống như vậy. Đầu đêm, cuối đêm, nên kỉnh tâm tư duy. Nay Ta vì tỳ-kheo a-lan-nhã quy định pháp tắc của a-lan-nhã. Tỳ-kheo a-lan-nhã nên như pháp mà tùy thuận. Nếu không tùy thuận sẽ như pháp trị.»

---o0o---

5. Ẩm thực

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ có cư sĩ mời chúng Tăng thọ thực vào sáng ngày mai. Trong đêm đó sắm sửa đủ các thức ăn ngon bổ, sáng sớm đến báo cáo là giờ ăn đã đến. Các tỳ-kheo khi thọ thực một cách lộn xộn. Có vị ngồi rồi. Có vị mới ngồi. Có vị sớt thức ăn rồi. Có vị mới sớt thức ăn. Có vị ăn rồi. Có vị mới ăn. Có vị đã đi khỏi. Có vị sắp sửa đi. Có vị ra khỏi. Có vị sắp ra đi. [935a1] Đàn-việt không biết vị nào đã ăn, vị nào chưa ăn. Các cư sĩ đều cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, không có nhàm chán, không biết đủ, tự nói, Tôi biết chánh pháp. Nhận sự thỉnh mời của đàn-việt mà đi lộn xộn. Có vị ngồi rồi. Có vị mới ngồi. Có vị sớt thức ăn rồi. Có vị mới sớt thức ăn. Có vị ăn rồi. Có vị mới ăn. Có vị đã đi khỏi. Có vị sắp sửa đi. Có vị ra khỏi. Có vị sắp ra đi. Khiến cho Đàn-việt không biết ai đã được sớt, ai chưa được sớt, ai đã ăn, ai chưa ăn.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên đức Thế Tôn

một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, ha trách các tỳ-kheo thọ thỉnh kia rằng:

«Nhận sự thỉnh mời của đàn-việt mà đi lộn xộn. Có vị ngồi rồi. Có vị mới ngồi. Có vị sớt thức ăn rồi. Có vị mới sớt thức ăn. Có vị ăn rồi. Có vị mới ăn. Có vị đã đi khỏi. Có vị sắp sửa đi. Có vị ra khỏi. Có vị sắp ra đi. Khiến cho đàn-việt không biết ai đã được sớt, ai chưa được sớt, ai đã ăn, ai chưa ăn?»

Dùng vô số phương tiện ha trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo quy định pháp thức của bữa ăn.»

Các tỳ-kheo nên tùy thuận pháp thức khi thọ thực.

Pháp thức như sau:

«Nếu tỳ-kheo muốn đến chỗ thọ thỉnh thì nên đến chỗ chúng Tăng thường tiểu thực hay đại thực, mà đứng nơi dễ thấy. Khi đàn-việt đến báo giờ thọ thực thì Thượng tọa phải theo thứ tự đi trước như đàn nhạn[912]. Nếu Thượng tọa bận đại tiểu tiện thì phải đợi.»

Vị hạ tọa kia đi trước, vừa nói chuyện vừa đi, hoặc trước hoặc sau, hoặc lật ngược y, hoặc y quấn cổ, hay trùm đầu, hay phủ cả hai vai, hoặc mang giày dép. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy, nên để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, và đi sau.»

Nếu có bận việc Phật, việc Pháp, việc Tăng hay chăm sóc tỳ-kheo bệnh thì đức Phật dạy:

«Bạch Thượng tọa, rồi đi trước.»

Có vị có mạng nạn, phạm hạnh nạn, nhưng e ngại không dám thưa hỏi để đi. Đức Phật dạy:

«Nếu có nạn sự như vậy, thưa hỏi hay không thưa hỏi, cho phép được đi.»

Có vị đến chờ thọ thực, tụ họp đứng lộn xộn. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy, nên theo thứ tự.»

Thượng tọa ngồi rồi, nên xem trung tọa, hạ tọa, đừng để ngồi không như pháp, không khéo che thân. Nếu có vị nào ngồi không như pháp, không khéo che thân, nên búng ngón tay kỉnh giác họ, hoặc nhờ người nói cho họ biết để họ ngồi đúng pháp. Trung tọa ngồi rồi nên xem Thượng tọa hạ tọa, đừng để ngồi không như pháp, không khéo che thân. Nếu có vị nào ngồi không đúng pháp, không khéo che thân thì nên búng ngón tay kỉnh giác họ, hoặc nhờ người nói cho họ biết, để họ ngồi đúng pháp. Hạ tọa ngồi rồi cũng như vậy.

Đến bữa ăn, tỳ-kheo không có bát, nên mượn bát để ăn. Có tỳ-kheo đến bữa ăn không rửa bát, bị rắn phun nọc độc trong bát, tỳ-kheo ăn xong mắc bệnh. Đức Phật dạy:

«Không nên không rửa bát trước khi ăn. Nên rửa sạch rồi mới ăn.»

Nhóm sáu tỳ-kheo ham muốn sự cung kính nên đến sau, khiến các tỳ-kheo thấy phải đứng dậy. Nếu vị nào chưa đến thì cho phép vị ngồi gần kéo chiếc ghế ấy ra.

Nếu đàn-việt dâng trái cây cho Thượng tọa thì nên hỏi trái cây này đã tác tịnh[913] chưa? Nếu nói chưa tịnh, thì Thượng tọa nên khiến họ làm tịnh. Nếu nói đã tác tịnh rồi thì nên hỏi: ‹Thí chủ đem đến cho vị nào?› Nếu nói đem đến cho Thượng tọa thì Thượng tọa tùy ý xử dụng. Nếu nói đem đến cho Tăng thì phải phổ biến cho Tăng biết. Nếu đàn-việt dâng Thượng tọa các thứ canh thì nên hỏi: ‹Đem đến cho ai?› Nếu nói cho Thượng tọa, thì tùy ý xử dụng. Nếu nói cho Tăng thì phải phổ biến cho Tăng biết.

Tỳ-kheo nào không nhận được thức ăn, cho phép tỳ-kheo ngồi sát cạnh hỏi giùm. Nếu hỏi mà không có, vị ngồi cạnh ấy sớt phân nửa phần ăn của mình để cho.

Các tỳ-kheo nhận vừa được thức ăn, liền ăn. Cư sĩ thấy vậy cơ hiềm: «Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, không có yểm túc, mà tự nói tôi biết chánh pháp. Nhưng có chánh pháp nào như vậy trong khi nhận được thức ăn liền ăn, giống như lúc gạo cơm khan hiếm đói khát?» Các vị bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Nên xướng lên để cùng ăn một lần.»

Nhóm sáu tỳ-kheo chỉa cùi chõ lên để ăn, trở ngại vị ngồi gần. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Không nên chỉa cùi chõ lên mà ăn. Nên khép cùi chõ lại mà ăn.»

Nhóm sáu tỳ-kheo ho khạc lớn tiếng, văng nước miếng trúng vị ngồi gần. Các tỳ-kheo gớm, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên ho khạc như vậy. Nên từ từ khạc nhổ.»

Khi ăn, trái cây hay rau còn thừa, vị ấy bỏ bừa bãi bẩn đất. Đức Phật dạy:

«Không nên bỏ như vậy. Thức ăn còn thừa nên gom lại gần bên chân. Đến khi đi ra, đem ra ngoài bỏ.»

Có vị bỏ lung tung, đổ nước rửa bát bẩn đất. Đức Phật dạy:

«Không nên đổ nước như vậy. Nên dùng cái thau để chứa rồi đem ra ngoài đổ.

Bấy giờ có số đông tỳ-kheo và nhóm sáu tỳ-kheo đến trong nhà bạch y, cùng ngồi trên một cái ghế dài để ăn. Một trong nhóm sáu tỳ-kheo đứng dậy mà không nói với vị ngồi cạnh biết nên cái ghế bị ngã xuống đất, khiến mọi người đều bị té, lộ hình. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên đứng dậy như vậy. Nên nói cho các người khác biết để đề phòng.»

Có tỳ-kheo ăn xong, im lặng bỏ đi[914]. Cư sĩ không biết thức ăn có ngon hay không ngon, ăn có đủ hay không đủ. Các cư sĩ cơ hiềm nói: «Các ngoại đạo đều khen ngợi sự bố thí, tán thán đàn-việt, mà sa-môn Thích tử ăn rồi im lặng bỏ đi, khiến cho chúng tôi không biết ăn ngon hay không ngon, ăn đủ hay không đủ.» Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên ăn rồi im lặng mà đi. Nên vì đàn-việt nói công đức bố thí, cho đến nói một bài kệ.

Nếu vì lợi nên thí,

Lợi đây chắc sẽ được.

Nếu vì lạc nên thí,

Sau chắc được khoái lạc.

Khi đức Thế Tôn dạy, nên nói công đức cúng dường, bấy giờ mọi người đều cùng nói, tạo nên sự ồn ào. Đức Phật dạy:

«Không nên loạn thuyết như vậy. Chỉ có vị Thượng tọa nói mà thôi. Nếu Thượng tọa không thể nói thì vị nào có khả năng nói được thì nói. Nếu Thượng tọa không nói thì phạm đột-kiết-la. Nếu Thượng tọa nói được mà không nói cũng phạm đột-kiết-la.

Khi vị kia nói công đức bố thí, các vị khác đều bỏ đi. Có vị an tọa, hoặc chỗ vắng, hoặc chỗ khuất; hoặc cùng người nữ, tại chỗ không có người nam quen biết nói pháp quá năm, sáu lời với người nữ lẳng lơ[915], nên bị người cơ hiềm, chê trách nói với các tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Khi nói công đức bố thí, các tỳ-kheo không nên bỏ đi. Nếu có việc gấp thì bốn Thượng tọa nên đợi nhau, các vị khác có thể đi. Nếu vì việc Phật, Pháp, Tăng, hay việc nuôi bệnh nên

bạch cho biết rồi sau đó mới đi, hay sai tỳ-kheo khác đi. Nếu đàn-việt muốn nói pháp bố thí thì nên khen ngợi sự bố thí. Nếu muốn nói pháp đàn-việt thì nên khen ngợi pháp đàn-việt. Nếu muốn nói pháp cõi trời thì nên khen ngợi cõi trời. Nếu muốn nghe việc quá khứ của tổ phụ thì nên khen ngợi tổ phụ quá khứ. Nên vì đàn-việt khen ngợi sự bố [936a1] thí, tán thán đàn-việt, khen ngợi Phật Pháp Tăng với đàn-việt. Từ nay ta vì các tỳ-kheo nói về pháp thức ẩm thực[916]. Các tỳ-kheo nên tùy thuận. Nếu không tùy thuận sẽ như pháp trị.»

---o0o---

6. Nhuộm y

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ các tỳ-kheo mặc y để bẩn, đức Phật cho phép dùng đất phèn[917], hoặc tro hay đất, hay phân bò để giặt. Có vị dùng đá hay các vật thô nhám để giặt nên y bị rách. Đức Phật dạy:

«Không nên dùng đá hay vật thô nhám để giặt y, mà nên dùng loại đá mịn để giặt. Nếu y bị bay màu thì nên nhuộm lại. Hoặc nhúng bùn, hay dùng vỏ cây đà-bà, vỏ cây bà-trà, kiền-đà-la, tất bát, a-ma-lặc[918], hoặc dùng gốc cây, hay cỏ thiến[919] để nhuộm.

Có vị ngâm nước để ngoài nắng chờ cho nóng để nhuộm. Không đủ kiên nhẫn chờ lâu. Đức Phật dạy:

«Không nên ngâm như vậy, mà nên nấu.»

Có vị không biết nấu thế nào. Đức Phật dạy:

«Nên dùng cái nồi hay cái cấm-mãn[920], cái bình đồng, cái vạc để nấu.»

Bấy giờ có vị nấu, vì miếng vỏ cây lớn quá bỏ không lọt. Đức Phật dạy:

«Dùng búa chẻ nhỏ ra.»

Nếu nước sôi trào ra thì lấy cây đè xuống.

Có vị không biết chín hay chưa. Đức Phật dạy:

«Nên lấy hai, ba giọt nhiểu vào nước lạnh. Nếu chìm, tức là chín. Rồi lược lấy nước.»

Có vị không biết lược để chỗ nào. Đức Phật dạy:

«Lược vào trong bồn.»

Nếu xuống luôn cả nước và cặn, thì nên lấy cái chỗi ngăn. Nếu chỗi yếu, thì lấy cây phụ.

Khi lọc có vị vừa lọc vừa bưng bồn, nhọc mệt. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Nên một người lược, một người bưng bồn. Nếu nóng thì dùng đồ cầm cho khỏi nóng.»

Có vị để nước lạnh, nước nóng chung lại một chỗ, nên nước nhuộm bị hư. Đức Phật dạy:

«Không nên để như vậy. Nước lạnh, nước nóng nên để riêng. Làm cho nguội rồi mới hòa lại.»

Có vị bỏ luôn vào nước nhuộm để nhuộm. Nước nhuộm bị hư. Đức Phật dạy:

«Không nên nhuộm như vậy. Nên lấy riêng ra một ít để nhuộm.»

Có vị nhuộm xong trải dưới đất, bị hư màu. Đức Phật dạy:

«Không nên làm như vậy.»

Có vị lại trải trên cỏ, khiến cho cỏ bị hư. Có vị trải trên rơm trên lá khiến cho màu sắc không đều. Đức Phật dạy:

«Không nên trải như vậy. Nên trải trên y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, hoặc trên cù-lâu[921], hoặc lấy một trong mười chiếc y trải lên trên đất, rồi trải chiếc y nhuộm lên, hoặc phơi trên giây. Có vị cần giây. Phật cho phép sắm giây. Cần thẻ cho làm thẻ. Có vị cần cái móc kết vào đầu y. Phật cho phép làm các móc. Nếu nước nhuộm không đều thì phải trộn cho đều.

Bấy giờ, có tỳ-kheo đang nhuộm y, vì có việc cần nên quay lưng về phía khác, khiến thuốc nhuộm y không đều. Có tỳ-kheo nọ thấy vậy mà không nói vì trước đó có sự bất bình với tỳ-kheo này, vì vậy khiến cho y kia bị hư hoại. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Người thấy, nên trộn giùm hay nói cho vị kia biết.»

Tỳ-kheo kia nhuộm y rồi không dọn dẹp nồi, cấm-mãn, bình đồng, bồn vạc, búa, giây, thẻ, y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, bèn bỏ đi. Đức Phật dạy:

«Không nên không dọn dẹp mà bỏ đi. Nên dọn dẹp rồi sau đó mới đi. Nếu người khác cần thì nên cho.»

Có vị nhộm y rồi, không quét dọn chỗ nhuộm y, khiến cho đất không sạch. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Nên quét dọn rồi mới đi.»

Có vị mặc y mới mà quét đất khiến cho y bị bẩn. Đức Phật dạy:

«Không nên mặc y mới, nên mặc y cũ để quét. Nếu không có y riêng thì nên mặc y của Tăng.»

Có vị quét ngược gió, bụi bay bẩn thân. Đức Phật dạy:

«Không nên quét như vậy. Nên quét thuận theo chiều gió.»

Có năm cách quét đất không được phước đức lớn: Không biết nghịch gió, thuận gió mà quét; không quét hết dấu chân; không trừ hết rác; không để chổi lại chỗ cũ. Quét đất có năm pháp như vậy, không được phước đức lớn.

Có năm pháp được phước đức lớn: Biết nghịch gió, thuận gió để quét; trừ hết dấu chân; trừ hết rác; để chổi lại chỗ cũ. Năm pháp như vậy được phước đức nhiều. Nếu Thượng tọa đứng dưới đuôi gió, nên nói: ‹Xin Ngài tránh qua một chút. Con cần quét đất.›

«Nay ta vì các tỳ-kheo nói pháp nhuộm y. Phải tùy thuận. Nếu ai không tùy thuận sẽ như pháp trị.»[922]

---o0o---

Hết Phần 3

---

[1] . Trong bản Hán, Chương V của phần II.

[2] . Trường A-hàm 6, kinh số 5 «Tiểu duyên» (T01n01 tr.38b21): «Bấy giờ đại chúng suy cử một người, để giải quyết những tranh chấp; gọi là Bình đẳng chủ 平等主.» Cf. Trung A-hàm 39, kinh 154 «Bà-la-bà-đường». Pāli, D. 27. Aggañña (D.iii.92): nhân dân suy cử một người phân xử, gọi là Mahāsammato. Họ gọi người này là rājā (vua). Đó là vị Vua tối sơ xuất hiện trong thế gian.

[3] . Các bản đều đọc là Tề 齊. Nhưng nguyên tên tiếng Phạn là Upoṣadha, nên phải đọc là Trai 齋.

[4] . Danh sách các vị Vua đầu, kể theo Mahāvastu (tr.289): Vua Mahāsammata (Đại Nhân 大人), Kalyāṇa (Thiện 善), Upoṣadha (Trai 齋), Māndhātṛ (Đảnh Sanh 頂生). Kể xuống xa nữa, Vua Ikśvāku (Ý-sư-ma 懿師摩). Ikśvāku (Pali: Okkāka) là ông tổ của giòng họ Thích. Xuống nữa, là

Siṃhahanu (Sư Tử Giáp 師子頰). Ông này có bốn người con trai. Cả là Śuddhodana (Duyệt-đầu-đàn 悅頭檀) sinh Bồ-tát sau thành Phật.

[5] . Vương thống từ Vua Đảnh Sanh trở xuống, kể theo tư liệu Pāli (Mhv. ii): Mandhātā, Caraka, Upacara, Cetīya, Mucala, Mahāmucala, Mucalinda, Sāgara, Sāgaradeva, Bharata, Aṅgīrasa, Ruci, Suruci, Patāpa, Mahāpatāpa, Panāda, Mahāpanāda, Sudassana, Neru.

[6] . Pali: Sīhahanu; Mhv. ii. 15, Dpv. ii. 44, con trai của Jayasena.

[7] . Nguyên Hán: Sát-lợi thuỷ nghiêu đảnh 剎利水澆頂, vua dòng Sát-lợi được truyền ngôi. Sau đó, nếu bảy báu xuất hiện và chinh phục được cả bốn châu thiên hạ, bấy giờ thành Chuyển luân vương. Xem Trường A-hàm 7, kinh 6 «Chuyển luân vương tu hành»; Trung A-hàm 15, kinh 70 «Chuyển luân vương»; Pāli, D. 26. Cakkavatti.

[8] . Pháp Vương 法王, vì «Sau khi chinh phục, Vua cai trị bằng Pháp, không bằng đao kiếm» (adaṇḍena asatthena dhammena abhivijiya ajjhāvasi; D. 26, iii. 59).

[9] . Tự Tại 自在. Pāli: Issara (Skt. Īśvara), ông chủ, hay vị Chúa tể. Thường dùng để gọi Thượng đế, tức Thiên Chúa.

[10] . Ma-kiệt vương Bình-sa 摩竭王洴沙; Pāli: rājā Māgadho Seniyo Bimbisāro.

[11] . La-duyệt thành 羅閱城, thủ phủ nước Ma-kiệt-đà.

[12] . Bản Cao ly: chỉ túc 止宿. Tống-Nguyên-Minh: sơn túc 山宿.

[13] . Ban-trà-bà 班荼婆. Pāli: Paṇḍava, ngọn đồi gần thành Rājagaha (Vương-xá hay La-duyệt).

[14] . Nhật 日. Pāli: Ādicca. Tên chỉ họ của bộ tộc Thích ca. Do đó, Phật cũng được gọi là đấng Nhật Tôn, hay Nhật Thân, bà con của Mặt Trời (Pāli: Ādiccabanhddhu).

[15] . Túc tán tiểu vương 粟散小王 (vua rải thóc), chỉ vua nhỏ, chư hầu.

[16] . A-lam-ca-lam 阿藍迦藍. Pāli: *Āḷāra-Kālāma*.

[17] . Nguyên trong bản: bất dụng xứ định 不用處定. Bậc thứ ba trong bốn Vô sắc định. Xem, Trung A-hàm 56, kinh 204 «La-ma» (T01n26 tr.776b08). (Pāli: ākiñcaññāyatanaṃ) Cf. Pāli, M. 64. Ariyapariyesana (i. 160).

[18] . Tăng, đây chỉ chúng đệ tử của A-lam-ca-lam.

[19] . Uất-đầu-lam Tử 鬱頭藍子. Xem Trung A-hàm 56, ibd. T01n26 tr.776c06. Pāli: Udako Rāmaputto, M. 26, ibid.

[20] . Trong bản: hữu tưởng vô tưởng định 有想無想定. Bậc thứ tư trong bốn Vô sắc định. Pali: Nevasaññānāsaññāyatanaṃ.

[21] . Hán: vô thượng hưu tức pháp 無上休息法. Xem, *Trung A-hàm* 56, đã dẫn: vô thượng an ổn Niết-bàn 無上安隱涅槃. Pāli: anuttaraṃ yogakkhemaṃ nibbānaṃ pariyesamāno.

[22] . Tượng đầu sơn 象頭山. Pāli: *Gayāsīsa*, núi đầu voi, ngọn đồi gần thị trấn Gayā.

[23] . Uất-tì-la Đại tướng thôn 鬱毘羅大將村. *Trung A-hàm* 56 (T01n26, tr.777a6): thôn Tư-na 斯那. Đoạn sau, phiên âm là Uất-bề-la 鬱鞞羅. Pāli: Uruvelā, Senā-nigama.

[24] . Nguyên Hán: hỉ lạc nhất tâm 喜樂一心. Hán dịch không chính xác. Cần sửa lại theo định cú về Sơ thiền.

[25] . Phạn khứu 飯糗.

[26] . Ni-liên-thiền 尼連禪. Pāli: *Nerañjarā*.

[27] . Cát An 吉安. Pāli: *Sotthiya*.

[28] . Cát tường thọ 吉祥樹. Có lẽ, Pāli, cây assattha, về sau được gọi là cây Bồ-đề.

[29] . Xem cht. 25 trên. Do đó, Sơ thiền cũng được gọi là «Ly sinh hỷ lạc địa» (trạng thái hỷ và lạc phát sinh do sự viễn ly).

[30] . Giác và quán, hay cũng gọi là tầm và tứ, là hai yếu tố quan trọng khi chứng Sơ thiền. Sang Nhị thiền, hai yếu tố này bị vượt qua, gọi là trạng thái «vô tầm vô tứ.» (không giác, không quán).

[31] . Nội tín 內信; Huyền Trang dịch là nội đẳng tịnh 內等淨: trạng thái trong suốt quân bình của nội tâm khi chứng Nhị thiền.

[32] . Do đó, Nhị thiền cũng được gọi là «định sanh hỷ lạc địa» (trạng thái hỷ và lạc phát sanh do định hay nhất tâm.

[33] . Hỷ, yếu tố chính trong Nhị thiền; khi nhập Tam thiền, nó bị vượt qua. Do đó, Tam thiền cũng được gọi là «Ly hỷ diệu lạc địa» (trạng thái lạc vi diệu do không còn hỷ).

[34] . Nguyên Hán: Thánh trí sở kiến hộ niệm lạc 聖智所見護念樂. Bản Hán hiểu Pāli upekkha (Skt. upekṣa: xả) là hộ. Pháp uẩn túc luận 6 (T26n1537 tr.482b05): Thánh thuyết ưng xả. Pali: yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti uppekkhako satimā sukkhavihārī, «điều mà Thánh giả nói là xả, an trú lạc với chánh niệm.»

[35] . Nguyên Hán: hộ niệm thanh tịnh 護念清淨. Xem cht. 33 trên. Xem giải thích, Pháp uẩn 7 (T26n1537 tr.485a09): «Bấy giờ, xả và niệm thảy đều thanh tịnh.» Pāli: upekkhā sati pārisuddhaṃ.

[36] . Hán: định ý 定意. Pāli: samāhite citte.

[37] . Trong bản: sở hành nhu nhuyến 所行柔軟. Pāli: mudubhūte kammaniye.

[38] . Ngài hướng tâm đến «sanh tử trí» (Pāli: cūtapapāta-ñāṇā).

[39] . Trảo 瓜 (*Nakha?*); Ưu-ba-li 優波離 (*Upāli?).* Pāli: hai anh em thương khách: *Tapussa* và *Bhallika.*

[40] . Văn 文; phiên âm từ Muni.

[41] . Mật khứu 蜜糗. Pāli: manthañca madhupiṇḍikañca, cháo lúa mạch và mật ong.

[42] . Để bản: đề 提. Tống-Nguyên-Minh: sư 師.

[43] . Thủ-đà-hội 首陀會天. Pali: Suddhāvāsa. Tức trời Tịnh cư, cao nhất trong trời Vô sắc giới, Tứ thiền; chỗ các Thánh A-na-hàm nhập Niết-bàn.

[44] . Da-nhã-đạt 耶若達; phiên âm từ Skt. Yajñadatta, trên kia dịch là Tự Thí.

[45] . Bát-ma 缽摩; phiên âm từ Skt. Padma (Pali: Paduma), trên kia đã dịch là Liên hoa.

[46] . Niên thiếu, dịch nghĩa của từ Ma-nạp (Skt., Pl: mānava) trên.

[47] . Chấp Trượng Thích chủng 執杖釋種. Pali: Daṇḍapāṇī. Tài liệu Pali (Mhv.ii. 18,19) nói ông là anh của Māyā và Pajāpatī. Truyền thuyết phương Bắc nói ông là bố vợ của Thái tử Siddhārtha.

[48] . Cù-di 瞿夷. Pali: Gotamī; thường để gọi Di mẫu của Phật. Nhưng đây chỉ Da-du-đà-la.

[49] . Trong bản: diêm-phù-đề 閻浮提. Có thể người chép, chép dư chữ đề. Phiêm âm từ jambu-dvipa, hòn đảo của những rừng cây jambu. Đề là phiên âm tắt của dvipa.

[50] . Ha-lê-lặc 呵梨勒. Pali: harīṭaka

[51] . Ly-bà-na 離婆那; không rõ.

[52] . Tô-xà-la 蘇闍羅. Pali: Sujāta, con gái của Senānī (Tướng quân) ở thị trấn Senānigâm.

[53] . Văn lân thọ 文驎樹. Tên cây, Pali: Mucalinda (âm khác: Mục-chân-lân-đà), gần cây bàng Ajapāla-nigrodha ở Uruvelā. Chính cây này là cung điện của Long vương Mucalinda.

[54] . Trong bản: Văn-lân thuỷ 文驎水; có lẽ chỉ hồ Mucalinda (Pali), Nhưng hồ này ở trên núi Himavā.

[55] . Bài kệ tương đương Pali, xem Mahāvagga, Vin. i. 3.

[56] . A-du-ba-la ni-câu-luật 阿踰波羅尼拘律樹. Pali: Ajapāla-nỉgodha, một loại cây bàng.

[57] . Hán: sào quật 櫐窟. Pali (Skt.) ālaya, chỉ vật được yêu thích, được cất giữ; chỉ tất cả sở y và đối tượng của ái dục; cũng chỉ vật mà sinh vật tựa vào làm chỗ che chở an toàn cho đời sông, như nhà cửa các thứ. Hán dịch ở đây theo nghĩa thứ hai. Từ Phạn này, trong Duy thức dịch âm là A-lại-da. Đoạn tương đương, dẫn trong Nhiếp Đại thừa luận thích (T31, tr.385c19), Huyền Trang dịch: «Thế gian chúng sanh ái a-lại-da, lạc a-lại-da, hân a-lại-da, hỷ a-lại-da.» Pali tương đương (M. i. 167): ālayarāmā kho panāyaṃ pajā ālayaratā ālayasammuditā.

[58] . Bài kệ tương đương Pali, xem Mahāvagga, Vin.i. 5; M.i. 168, D. ii. 38, S. i. 136.

* Hết quyển 31.

[59] . Vin. i.5: Phạm thiên Sahampati, Sa-bà thế giới chủ.

[60] . Cf. Vin.i. 6: pāturahosi magadhesu pubbe, dhammo asuddho samalehi cintito, «Trước đây, giữa những người

Magadha, xuất hiện pháp bất tịnh được tư duy với sự cấu uế.» Sớ giải nói, cấu uế ở đây chỉ nhóm Lục sư Ngoại đạo.

[61] . Bất vi nhiễu cố thuyết ...不為嬈故 說. Theo văn cú thông thường mà hiểu: «Không vì nhiễu loạn mà thuyết.» Nhưng đây văn dịch đảo trang, nên phải hiểu là: vi nhiễu cố bất thuyết...vi diệu pháp, vì nhiễu loạn (=mệt nhọc), nên Ta không nói pháp vi diệu.» Tham chiếu Pali, Vin.i. 7 (Cf. D.ii. 39, M. i. 169): vihiṃsasaññī paguṇaṃ na bhāsiṃ dhammaṃ paṇītaṃ... vì có ấn tượng não hại, Ta đã không giảng thuyết pháp vi diệu.

[62] . A-lan-ca-lan 阿蘭迦蘭. Các đoạn trên, âm là A-lam-ca-lam.

[63] . Ưu-đà-da phạm-chí 優陀耶梵志. Pali: Upaka ājīvaka, tà mạng ngoại đạo Upaka.

[64] . Cam lộ cổ 甘露鼓. Pali: amatadundubhi, trống bất tử.

[65] . Bản Pali (Vin, i. 8), Upaka nói: arahosi anantajino'ti, «Ngài xứng đáng là vị Chiến Thắng vô cùng tận.»

[66] . Bản Pali: jitā me, «Ta, người đã chiến thắng.»

[67] . Nguyên Hán: xưng danh nhữ Như lai 稱名汝如來. Pali (Vin. i. 9): nāmena ca āvusovādena samudācaranti. Gọi (Phật) bằng tên và bằng từ «ông bạn (hiền giả).»

[68] . Nhị biên 二邊; chỉ hai cực đoan.

[69] . Niết-bàn hành 涅槃行; Pali (Vin. i. 10): nibbānāya saṃvattati, vận chuyển đến Niết-bàn.

[70] . Pali: abhiññāya, chứng thắng trí.

[71] . Bát chánh đạo, không nên hiểu là tám con đường chánh, mà nên hiểu là con đường gồm tám sự chân chánh. Pali: aṭṭhaṅgiko maggo, con đường có tám chi; hay ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, Thánh đạo tám chi.

[72] . Bản Hán này không có «chánh tư duy» mà thay bằng «chánh hành.»

[73] . Văn Hán thiếu đoạn trung chuyển.

[74] . Ngũ thạnh ấm khổ 五盛陰苦. Pali: pañcupādānakkhandā dukkhā, năm thủ uẩn là khổ.

[75] . Duyên ái bản sở sanh 緣愛本所生. Taṇhā ponobhavikā, ái với khát vọng sự hữu tương lai. Nhưng bản Hán đọc (nhầm) là: taṇhā pubbabhavikā, ái liên hệ với hữu có từ trước. Tuy vậy, bản Việt tạm thời dịch sát y theo Hán.

[76] . Pali: nandīrāgasahagatā tatratatrabhinandinī, (ái) câu hành với hỉ tham, ước vọng (tái sinh) nơi này hay nơi kia. Pali, nói thêm: (…) seyyathidaṃ kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā, đó là dục ái, hữu ái và phi hữu ái.

[77] . Vô dục, diệt, xả, xuất yếu, giải thoát, vĩnh tận, hưu tức: tất cả các từ này đồng nghĩa với ái diệt. So sánh Pali: asesavirāganirodho, cāgo, paṭinissago, mutti,…, hoàn toàn ly dục và diệt tận (đối với ái), xả bỏ và thoát ly và giải thoát (khỏi ái).

[78] . Hán: vô hữu sào quật 無有櫑窟. Pali: anālayo, không còn sự chấp chứa. Xem cht. 46 trên.

[79] . Tham chiếu Pali: …pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ…, paññā…, vijjā…, āloko udapādi, (Thánh đế) đã làm phát sinh con mắt (để thấy) Pháp chưa từng được nghe từ trước; làm phát sinh trí, phát sinh huệ, phát sinh minh, phát sinh ánh sáng (để soi) trên các pháp vốn chưa từng được nghe từ trước.

[80] . Có nghĩa là chứng đắc Sơ quả Dự lưu.

[81] . Kiều-trần-như 憍陳如 (Pali: Koṇḍañña; Skt. Kauṇḍinya) là tên thật. A-nhã 阿若, là phiên âm từ añña (Pali) hay ajña (Skt.), do bởi Phật khen (Pali, Vin.i. 12): aññasi vata, bho koṇḍañño, aññasi vata, bho koṇḍañño, «Thật sự, ngươi đã biết, Koṇḍañña.»

[82] . Lai, tỳ-kheo來比丘 (Pali: ehi bhikkhu); Luật tạng nói đây là sự truyền cụ túc, đắc pháp tỳ-kheo đầu tiên. Các tỳ-kheo được Phật trực tiếp truyền cụ túc gọi là đắc pháp bằng «Thiện lai, tỳ-kheo.» (ehi-bhikkhu-upasampada).

[83] . Bố thí, trì giới, sanh thiên, là ba pháp tu chính của người tại gia, trước khi tu bốn Thánh đế. Thêm niệm Phật, Pháp, Tăng, thành pháp Sáu niệm của người tại gia.

[84] . Nguyên Hán: bất tăng ích 不增益; các đoạn dưới: (bất) tăng trưởng 增長. Tham chiếu Pali: (…) nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya, «(Nếu…) Sắc này sẽ không đưa đến bịnh khổ.» Có lẽ bản Hán hiểu saṃvatteyya (Skt. saṃvarteya) là tăng thịnh, thay vì dẫn khởi hay dẫn đến. Đây cố dịch sát bản Hán.

[85] . Hán tối nghĩa: *sắc thị ngã thị bỉ thị bỉ sắc thị ngã thị bỉ thị bỉ* 色是我是彼是彼色 是我是彼是彼. Tham chiếu Pali, ibid., etaṃ mama esohamasmi eso me attā, «cái này là của tôi; tôi là cái này; cái này là tự ngã của tôi.»

[86] . Da-thâu-già 耶輸伽; hay Da-xá. Pali: Yasa, con trai một thương gia rất giàu có. Vin. i. 15ff.

[87] . Thi-khư thành 尸佉城. Có lẽ Skt. śikhi-diś, góc thành đông nam.

[88] . Tự thẩm 自審; có sự nhầm lẫn trong bản Hán. Có lẽ: tự tri 自知 Xem cht. 95 đoạn dưới.

[89] . Tăng thứ thỉnh 僧次請, và biệt thỉnh 別請.

[90] . Bốn người bạn của Da-xá: Vô Cấu 無垢, Thiện Tý 善臂, Mãn Nguyện 滿願, Già-phạm-bà-đề 伽梵婆提. Pali: Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati.

[91] . Y-la-bát-la Long vương 伊羅鉢羅龍王. Skt.: Elāpatra (Pali: Erāpatha). Đại trí độ T2525n1509 tr.242c18.): Y-la-bát-đa-la Long vương 伊羅鉢多羅. Truyện kể chi tiết, Căn bản Tạp sự 21 (T24n1451 tr.303a06): Hê-la-bát long 醯羅鉢龍

[92] . Đây kể tháng 15 ngày. Nếu kể tháng 30 ngày, thêm các ngày 23, 19 và 30.

[93] . Sáu tôn sư ngoại đạo: Bất-lan Ca-diếp 不蘭迦葉 (Pali: Pūraṇo Kassapo), Mạt-khư-lê-cù-xa-li 末佉梨劬奢離 (Pali: Makkhali-Gosāla), A-di-đầu-sí-sá-khâm-bà-la 阿夷頭翅舍欽婆羅 (Pali: Ajito Kesa-kambalo), Mâu-đề-xỉ Bà-hưu-ca-chiên-diên 牟提侈婆休迦栴延 (Pali: Pakudho Kaccāyano), San-nhã-tỳ-la-tra-tử 訕若毘羅吒子 (Pali: Sañjayo Belaṭṭhi-putto), Ni-kiền Tử 尼揵子 (Pali: Nigaṇṭho Nāta-putto).

[94] . Đệ lục 第六; chỉ ý thức.

[95] . Căn bản tạp sự, đã dẫn: «Nơi chỗ nhiễm ô mà sinh dính trước.»

[96] . Tự tri 自知. Người chứng quả Dự lưu, không thể tự biết; mà cần được Phật thọ ký. Bản Hán có thể nhầm. Hoặc quan điểm của Đàm-vô-đức như vậy chăng?

[97] . Y-la-bát 伊羅鉢. Skt. elā-pattra, lá cây elā, một loại tiểu đậu khấu, hay hoắc hương.

[98] . Loạt các bài kệ, Pali, Vin.i. 21

[99] . Hán: tam ngữ; chỉ ba quy y. Pali, Mahāvagga, Vin. i. 22: anujānāmi, bhikkhave, imehi tīhi saraṇagamanehi pabbajjaṃ upasampadan ti, «Các tỳ-kheo, Ta cho phép xuất gia thọ cụ túc bằng quy y này.» Hán dịch ba quy không đủ ba câu đúng

theo công thức. Khiến cho ý nghĩa «tam ngữ» mơ hồ. Trong văn Pali, mỗi quy y là một câu nói.

[100] . Kiếp-ba viên 劫波園. Mahāvagga, Vin.i. 23: aññataro vanasaṇḍo, một khu rừng dày nọ; và được giải thích (Jātaka i. 82) là rừng kappāsiya, rừng cây gòn.

[101] . Bạt-đà-la-bạt-đề 跋陀羅跋提. Pali: Bhaddavaggiyā; không phải tên riêng một người, mà chỉ một nhóm người. Nhóm này, Mahāvagga, Vin. i. 23, gồm 30 người đàn ông là những vương tôn công tử, 29 bà vợ và một kỹ nữ.

[102] . Vin.i. 23: … yaṃ vā attānaṃ gaveseyyātha, hay là nên tìm tự ngã?

[103] . Trong bản: Uất-bệ-la-bà giới 鬱鞞羅婆界. Pali: Uruvelā, địa danh đã gặp trên, chỗ Phật thành đạo.

[104] . Uất-bề-la Ca-diếp 鬱鞞羅迦葉. Pali: Uruvela-Kassapa.

[105] . Loa kế Phạm chí 螺髻梵志; Phạm chí búi tóc hình con sò. Pali: jaṭila, một phái tu khổ hạnh, bện tóc (không bao giờ cắt).

[106] . Ương-già 鴦伽; Pali: Aṅga. Một trong 16 đại quốc thời Phật, phía đông Ma-kiệt. Hai nước bấy giờ thân thiện, nên dân chúng coi như một.

[107] . Pali: agyāgāre, trong căn nhà thờ lửa.

[108] . Mahāvagga, ibid.: na tveva ca kho arahā yathā ahan ti, «Nhưng ông chưa phải là vị A-la-hán như ta.»

[109] . Pali nói: kālo, mahāsamaṇa, niṭṭhaṃ bhattaṃ, thưa Đại Sa-môn, đã đến giờ, cơm đã dọn xong. Đây là định cú mời thọ thực trong văn Pali.

[110] . Dịch sát Hán, nhưng ý nghĩa lẩn quẩn. Có thể hiểu: «Phật đến cõi Diêm-phù-đề. Gọi là Diêm-phu-đề, vì ở đó có nhiều cây diêm-phù. Rồi Ngài hái quả diêm-phù…»

[111] . Diêm-phù quả 閻浮果. Skt: jambu, quả đào đỏ.

[112] . Uất-đan-việt 鬱單越; Pali: Uttarakuru-dīpa (Skt. Uttara-dvipa), châu lục phía bắc Tu-di. Xem Trường A-hàm 18, kinh 30 «Thế ký» phẩm Uất-đan-viết, T01, tr. 117tt.

[113] . Tự nhiên canh mễ 自然粳米. Pali: akaṭṭhapākasāli, lúa tự chín, không cần gieo trồng. Thứ lúa của loài người thời nguyên thuỷ, và của chúng sinh Bắc Câu-lô châu. Tự nhiên mọc và chín sẵn ngoài đồng. Xem Trường A-hàm 6 (T01, tr. 38a1), Trung A-hàm 39 (T01, tr. 675a19). Pali, D.iii. 87.

[114] . Mạn-đà-la hoa 曼陀羅花. Skt. mandāra-puṣpa (pali: mandārava-puppha), thiên diệu hoa; hoa cây san-hô.

[115] . Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Pali: Sakko devānam Indo (Skt. śakro devendraḥ), Sakka (Thích-ca), Vua của chư thiên. Cũng thường gọi là Thiên đế Thích.

[116] . Bản Hán, hết quyển 32.

[117] . Xem cht. 92 trên

[118] . Xem cht. 93 trên.

[119] . A-nậu đại tuyền 阿耨大泉. Skt. Anavatapta; Pali: Anottata, một trong 7 hồ lớn trên Đại Tuyết sơn. Cf.

Mahāvagga, Vin. i. 28: Phật lên Uttarakuru, khất thực và ăn bên hồ Anottata, rồi nghỉ ngay tại đó.

[120] . Quý giá phẩn tảo 貴價糞掃. Y phẩn tảo (Pali: paṃsukūla; Skt. pāṃśukūla) là vải lượm từ các đống rác và trong bãi tha ma. Cf. Vin.i. 28: bhagavato paṃsukūlaṃ uppapannaṃ hoti, «Thế Tôn nhận được một tấm y phẩn tảo.» Không có từ phẩm định «quý giá.»

[121] . Chỉ địa trì 指地池.

[122] . Ca-hưu thọ 迦休樹. Pali: atha kho kakudhe adhivatthā devatā, khi ấy vị thần ngụ trên cây kakudha, cây mồng gà (?).

[123] . Ni-liên-thiền 尼連禪. Pali: Nerañjarā (Skt. Nairañjanā).

[124] . Na-đề Ca-diếp 那提迦葉. Nadī-kassapa, «Ca-diếp Sông», vì sống bên bờ sông. Vin. i. 33.

[125] . Xem cht. 19 trên.

[126] . Già-da Ca-diếp 伽耶迦葉. Pali: Gayā-Kassapa, Vin.i. 34. Về Gayā, xem cht. 19 trên.

[127] . Xem Trường A-hàm 16, kinh 24 «Kiên cố» (T01, tr.101c8), có ba thần túc: thần túc thần túc, quán sát tha tâm thần túc, giáo giới thần túc. Xem Tập dị môn 6 (T26,

tr.389b17), ba thị đạo: thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo. Cf. Pali, Saṅgīti, D. iii. 222: tīṇi pāṭihāriyāni, iddhi-pāṭihāriyaṃ, ādesanā-pāṭihāriyaṃ, anusāsani-pāṭihāriyaṃ.

[128] . Thần túc giáo hoá 神足教化; hay thần biến thị đạo, dùng thần thông để dẫn người vào đạo.

[129] . Ức niệm giáo hoá 憶念教化; hay ký tâm thị đạo, hướng dẫn bằng cách đọc biết tâm ý của người. Truyện kể trên, Phật nhiều lần nói lên ý nghĩ của Ca-diếp, khiến ông cuối cùng quy phục.

[130] . Hán: nhữ đương… mạc…汝當…莫, «ngươi nên…chớ…» Có thể bản Hán hiểu sai về thị đạo này. Cf. Pali, Kevaddha-sutta, D. i/ 213: …bhikkhu para-sattānam…cittampi ādisati…evampi te mano itthampi te mano itipi te cittaṃ, «Tỳ-kheo nói lên tâm tư của các chúng sinh khác…«Như vậy là ý của ngươi, thế này là ý của ngươi, tâm ngươi nghĩ rằng…»

[131] . Thuyết pháp giáo hoá 說法教化; hay giáo giới thị đạo, hướng dẫn bằng sự khuyên răn dạy bảo.

[132] . Tĩnh lược: «Tai…, tiếng…, thức của tai…, cho đến ý…, pháp…»

[133] . Xem cht. 7 trên.

[134] . Trượng lâm 杖林. Pali: laṭṭhivane, trong rừng cây cọ.

[135] . Thiện trụ Ni-câu-luật thọ vương 善住尼拘律樹王. Pali: …suppatiṭṭhite cetiye, nghỉ trong miếu Suppatiṭṭhita (Thiện trụ).

[136] . Pali: kevala-paripunnaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāseti, «Ngài thuyết minh phạm hạnh; phạm hạnh ấy tuyệt đối viên mãn, thanh tịnh.»

[137] . Cf. Pali, Vin.i. 35: rūpe ca sadde ca atho rase ca/ kāmitthiyo cābhivadanti yaññā, «Các tế tự ca ngợi sắc, thanh, vị, dục và nữ.»

[138] . Pali. ibid.: disvā padaṃ santam anūpadhīkaṃ, akiñcanaṃ kāmabhave assattaṃ, sau khi thấy con đường an tĩnh, không vướng mắc; con đường không vướng gì cả, không tồn tại trong cõi dục.

[139] . Bất dị, bất khả dị 不異不可異. Pali: anaññathābhāvim anaññaneyyaṃ, (con đường) không đổi khác, không lạc hướng.

[140] . Pali: năm ước nguyện. Không có nguyện thứ 4 của bản Hán.

[141] . Nhất thiết giải 一切解, theo nghĩa là «thấu hiểu tất cả.» Tham chiếu Pali: sabbadhi danto, được chế ngự trong mọi trường hợp; tức các căn hoàn toàn được nhiếp phục. Trong bản Hán, sabbadhi (mọi trường hợp) được đọc là sabbadhī: thấu hiểu tất cả.

[142] . Chỉ bốn bộc lưu: dục, hữu, kiến và vô minh. Xem *Tập dị môn 8* (T26, tr. 399b29)

[143] . Ca-lan-đà Trúc viên 迦蘭陀竹園. Pali: Kalandakanivāpa-Veḷuvana, chỗ nuôi sóc trong khu rừng Trúc. Trúc lâm, hay rừng Trúc (Veḷuvana) là lạc viên (uyyāna) của Vua Bimbisāra. Kalandaka, hay Ca-lan-đà, là một khu trong rừng Trúc; không phải là vườn Trúc có tên là Ca-lan-đa như thường hiểu theo văn Hán.

[144] . Nghi lễ tiếp nhận khu Rừng.

[145] . Nguyên Hán: tiểu sàng 小床, cái giường nhỏ.

[146] . San-nhã phạm chí 刪若梵志. Pali (Vin. i.39): Sañco paribbājako; thường được đồng nhất với Sañjaya-Belaṭṭhiputta, một trong sáu tôn sư ngoại đạo đương thời Phật.

[147] . Ưu-bà-đề-xá Câu-luật-đà 優波提舍拘律陀. Ưu-ba-đề-xá (Pali: Upatissa) là tên khác của Xá-lợi-phất (Sāriputta). Câu-luật-đà (Pali: Kolita) là tên khác của Mục-kiền-liên (Moggallāna).

[148] . A-thấp-ti 阿濕卑. Pali: Assaji, một trong năm tỳ-kheo đầu tiên.

[149] . Niên ấu trỉ 年幼稚. Hán nói theo sáo ngữ; hoặc nuốn nói tuổi đạo con non trẻ. Pali: …navo acirapabbajito, người mới (thọ tỳ-kheo), xuất gia chưa bao lâu.

[150] . Pali (Vin.i. 40): ye dhammā hetuppabhavā, tesaṃ hetuṃ tathāgato āha/ tesañca yo nirodho, evaṃvādi mahāsamaṇo, «Những pháp gì sinh khởi do nhân, Như lai nói nhân của các pháp đó, và cũng nói sự diệt tận của chúng. Đó là lời dạy của Đại Sa-môn.»

[151] . Hai giải thoát, chỉ huệ giải thoát và câu (phần) giải thoát. A-la-hán không chứng diệt tận định, gọi là huệ giải thoát, tức chỉ do huệ kiến mà giải thoát các phiền não. Chứng diệt tận định, được gọi là câu giải thoát, tức là do cả năng lực của huệ và định mà giải thoát phiền não, và giải thoát các chướng; quả A-la-hán cao nhất. Xem Câu xá 25 (T29, tr.131c11). Pali, Vin.i. 42: sāvakayugam... aggaṃ bhaddayugaṃ, một đôi thượng túc đệ tử; một đôi hiền triết.

[152] . Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nguyên là đệ tử của San-nhã. Xem đoạn kể trên.

[153] . Bất tịnh thực 不淨食 và bất tịnh bát 不淨缽, nhận thức ăn không như pháp, và dùng bình bát không đúng quy định. Tham chiếu Pali, Vin. i. 44: khi mọi người đang ăn, họ đưa bát ngay trên thức ăn, trên gia vị, trên thức uống để nhận phần dư.

[154] . Hoà-thượng 和尚. Pali (Vin. i. 45): upajjhāya (Skt. upādhyāya), hoặc âm là Ô-ba-đà-da 鄔波馱耶; dịch là*thân giáo sư* 親教師.

[155] . Đệ tử 弟子. Pali: saddhivihārika, chỉ đệ tử là người đang sống chung trong cùng một trú xứ. Phân biệt với đệ tử thị giả, luôn luôn đi theo hầu thầy, Pali gọi là antevāsika (Skt. antevāsa). Và đệ tử chỉ đến thọ giáo thôi, gọi là sāvaka (Skt. śrāvaka; dịch là Thanh văn).

[156] . Hán: nhi ý 兒意, và phụ ý 父意. Pali: puttacitta (tâm của người con), pitucitta (tâm của người cha).

[157] . Tống-Nguyên-Minh: Hoà-tiên 和先; bản Cao-li: Bà-tiên 婆先. Pali (Vin.i. 59): Upasena (Vaṅgataputta); được nói là em ngài Xá-lợi-phất.

[158] . Từ «không bạch Hoà thượng» này đọc thông xuống các đoạn dưới. Nghĩa là, đệ tử không hỏi xin phép Hoà thượng, mà tự ý làm.

[159] . Đoạn văn này, bản Hán theo quán tính nên sao nguyên pháp Hoà thượng vào pháp đệ tử.

[160] . Trong bản Hán, nguyên câu này dư.

[161] . Tăng-kỳ-chi 僧祇支, yếm của tỳ-kheo-ni. Xem Phần II, Ni luật, Ba-đạt-đề 160 & cht. 316. Trong đoạn văn này, tăng-kỳ chi hiểu là phú kiên y, tức y để trùm vai. Pali: saṃkacchika.

[162] . Bát chi 缽榰 (Tống-Nguyên-Minh 枝).

[163] . Bát sàng 缽床.

[164] . Sàng chi 床榰 (Tống-Nguyên-Minh: 支).

[165] . Long nha 龍牙, răng rồng hay ngà voi, hay các vật tương tự dùng làm đinh móc đóng trên vách tường để máng áo chăn các thứ; một loại gạc nai. Pali: nāgadantaka; cf. Vin.ii. 152

[166] . Hán: ôn thất 溫室; nhà ấm; tức nhà tắm có nước nóng. Thường chỉ chung nhà tắm. Pali: jantāghara.

[167] . Hết quyển 33.

[168] . A-xà-lê 阿闍梨, giáo sư, quỹ phạm sư. Pali (Vin.i. 60): ācariya (Skt. ācārya).

[169] . Đệ tử, ở đây Pali: antevāsika; xem cht. 154 trên.

[170] . Tiểu chú trong nguyên bản.

[171] . Ha trách 呵責. Cảnh cáo hay đuổi cảnh cáo. Đây muốn nói là dứt y chỉ. Pali (Vin.i. 53): paṇāmita: đuổi (đệ tử).

[172] . Phụ nữ 婦女; đây chỉ đàn bà đã có chồng.

[173] . Đại đồng nữ 大童女; con gái lớn tuổi nhưng chưa chồng.

[174] . Thuận ý Thầy, để cho bị đuổi.

[175] . Cựu trú 舊住; thường trú tại một trú xứ.

[176] . Vì chỗ cũ không có thầy để y chỉ.

[177] . Không có người thường trú coi, nên chùa bị sập.

[178] . Thất-lê-sa trùng 失梨[沙/虫]虫. Pali (Cf. Mahāvagga ii, Vin.i. 113): sirīsapa, loài bò sát (rắn, rết các thứ).

[179] . Cf. Mahāvagga, Vin.i. 61, nissayapaṭippassadhika

[180] . Tăng thượng oai nghi 增上威儀. Pali (Vin. i. 64): abisamācārikā, tăng thượng hành nghi, oai nghi tế hạnh, oai nghi lễ tiết.

[181] . Tăng thượng tịnh hạnh 增上淨行. Pali, ibid., ādibrahma-cāriyikā, căn bản phạm hạnh, những nguyên tắc căn bản cho đời sống tịnh tu. Bản Hán đọc adhi- (tăng thượng), thay vì ādi- (tối sơ, căn bản).

[182] . Đọc bạch và yết-ma riêng cho đủ năm pháp.

[183] . Bố-tát 布薩. Pali (Vin. i. 69): yo so aññatitthiyapubbo, một người nguyên trước kia là ngoại đạo.

[184] . Tứ biện 四辯法辯義辯了了辯辭辯. Xem Câu-xá 27 (T29, tr.142a22), có 4 vô ngại giải Skt. catasraḥ pratisaṃvidaḥ; Pali: catasso paṭisambhidā): pháp (Skt. dharma), nghĩa (Skt. artha), từ (Skt. nirukti), biện (Skt. pratibhāna).

[185] . Cộng trú 共住. Pali (Vin. i. 67): parivāsa; từ này cũng dùng trong tăng-già-bà-thi-sa; nhưng phiên âm là ba-lợi-bà-sa, hoặc dịch là biệt trú.

[186] . Pali (Vin.i. 71), có hai trường hợp vốn ngoại đạo nhưng không cần bốn tháng cọng trú: 1. Các nhà khổ hạnh bện tóc thờ lửa; 2. Những người gốc họ Thích-ca.

[187] . Thập thất quần đồng tử 十七群童子. Xem Phần I, Ch.v. Ba-dật-đề 65.

[188] . Ưu-ba-li 優波離. Pali (Vin.i. 77): Upāli.

[189] . Pali: lekhaṃ sikhassati.

[190] . Pali: học viết thì đau ngón tay.

[191] . Càn tiêu 乾痟; không rõ bịnh gì. Từ nguyên nói: *tiêu*, bịnh đầu thống. Có lẽ là bịnh lao. Xem cht. 191 dưới

[192] . Lại 癩, ung 癰, bạch lại 白癩, càn tiêu 乾痟, điên cuồng 顛狂. Pali, Vin. i. 72, năm chứng bịnh: kuṭṭhaṃ (phung hủi), gaṇḍo (ung nhọt), kilāso (chàm vảy), soso (lao phổi), apamāro (động kinh).

[193] . Kỳ-bà Đồng tử 童子. Pali, Jīvaka-komārabhacca, vị y sỹ trị bịnh nhi đồng tên là Jīvaka. Bản Hán đọc là -kumāra: đồng tử hay vương tử, thay vì -komārabhacca: y sĩ nhi đồng, hay y sỹ của vương tử.

[194] . Ngũ phần 28 (T22n2421, tr.182c10): một tỳ-kheo tọa thiền, không nói tên. Tăng kỳ 26 (T22n1425, tr.441a28): tỳ-kheo Thiền Nan-đề, phân biệt với các Nan-đề cùng tên khác. Thập tụng 57 (T23n1435 tr.425a14): tỳ-kheo khất thực tên là Nan-đề.

[195] . Hán: Thích-súy-sấu 釋翅搜; phiên âm cách số 6 (*ư cách*), số nhiều, śakyeṣu (Skt.) hay sakkesu (Pali).

[196] . La-hầu-la mẫu 羅[目*侯]羅母. Pali: *Rahulamātā*.

[197] . Pali, Vin.i. 82 kể như sau: Rāhula đứng trước Phật nói: «Cái bóng của Sa-môn mát quá.» Rồi đi theo sau Phật, nói: «Bạch Sa-môn, cho con di sản.» (dāyajjaṃ me, samaṇa, dehi) Phật liền dẫn về tinh xá.

[198] . Đọc đúng, nên đọc: «*Như Lai, Chí chân... là Thế Tôn của con*.» Xem mục «Tam ngữ đắc giới» ở trên.

[199] . Chức thằng sàng 織繩床.

[200] . Thâu-đầu-đàn-na 輸頭檀那. Trên kia, âm là Duyệt-đầu-đàn. Xem đoạn I. Thích thị thế phổ & cht. 3. Pali, Vin. i. 82, Suddhodana.

[201] . Xảo sư 巧師. Pali (Vin.i. 76): kammārabhaṇḍu, người thợ rèn đầu trọc.

[202] . Vin. i. 83: các sa-di phạm luật, các tỳ-kheo không biết trị pháp như thế nào; Phật dạy: cho phép cấm chỉ (anujāmi,

bhikkave, āvaraṇaṃ kātun ti). Các tỳ-kheo bèn cấm sa-di vào Tăng viên...

[203] . Lưỡng biên 兩邊; chỉ đường biên của thôn xóm, và bìa rừng. Rừng không có thú dữ gọi là a-lan-nhã.

[204] . Pali, Vin.i. 79, không được độ con nít dưới 15 tuổi (na ūnapannarasavasso dārako pabbājetabbo).

[205] . Kế-na 罽那 và Ma-khư 摩佉. Pali: Kaṇḍaka và Mahaka

[206] . Tứ y 四依; xem giải thích đoạn sau. Pali, Vin. i. 58, cattāro nissayā.

[207] . Tiếp theo nhân duyên già nạn thứ 6 ở trên.

[208] . Vin. i. 73: quốc cảnh của Ma-kiệt-đà, dưới thời vua Bimbisāra có loạn. Nhưng phần lớn quân sĩ đã xuất gia, nên quân số thiếu.

[209] . Người biên tập thuật sự theo quán tính, nên gán cho Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) nói điều chỉ trích Tăng như vậy. Tham chiếu, Pali, ibid., trước khi xuất quân, Vua (Bimbisāra) tập hợp tướng lãnh, thấy thiếu mấy viên dũng tướng, nên hỏi và được tâu trình. Vua liền tự thân đến hầu Phật. Thỉnh nguyện, không xuất gia cho quan viên chưa được Vua cho phép. Bởi vì, có những vua chúa không tin Phật, nhân sự việc này sẽ chỉ trích. Vua không chống đối việc các tướng tá xuất gia.

[210] . Đến chỗ có từ bốn tỳ-kheo trở lên, gọi là đến chỗ Tăng.

[211] . Đến chỗ có ba tỳ-kheo trở xuống, vì không túc số, nên chỉ có thể thuyết giới mà không thế làm các yết-ma.

[212] . Trở lên, nêu các trường hợp được gọi là tặc tâm xuất gia.
[213] . Từ đây trở xuống, phân biệt các trường hợp tặc tâm nhưng không bị diệt tẫn.
[214] . Chỉ dự nghe thuyết giới, chứ không dự tác pháp yết-ma chung với Tăng, nên tuy tặc tâm, nhưng không bị diệt tẫn. Các trường hợp tiếp theo cũng vậy.
[215] . Trường hợp không dự nghe thuyết giới, nhưng đã dự tác pháp yết-ma chung với Tăng, nên phải bị dệt tẫn.
[216] . Hết quyển 34.

[217] . Huỳnh môn 黃門. Pali, Vin.i. 85 paṇḍaka, người bị thiến.

[218] . Năm huỳnh môn: sanh huỳnh môn 生, kiền huỳnh môn 犍, đố huỳnh môn 妒, biến huỳnh môn 變, bán nguyệt huỳnh môn 半月. Pali, Sớ giải, v.1016: āsitta-paṇḍako usūyapaṇḍako opakkamika-paṇḍako pakkhâpṇḍako nupuṃsapaṇḍako ti pañca paṇḍakā.

[219] . Thiện Hiện Long vương 善現龍王. Pali, Vin. i. aññataro nāgo, một con rắn (thần) nọ. Các từ «long» trong Hán dịch, thường chỉ loại rắn thần của Ấn độ.
[220] . Trong bản, chép nhầm chữ thọ 受 là nhận
[221] . Khoảng cách giữa giáo thọ với các tỳ-kheo khác trong giới trường
[222] . Trong bản Hán, Chương VI của phần II.

[223] . Tính theo tháng 15 ngày. Nếu tính theo tháng 30 ngày, thì mỗi tháng có sáu lần hội, vào các này: 8, 14, 15, 23, 29, 30.

[224] . Thuyết nghĩa 說義, một loại thể tài văn học, Skt. upadeśa (ưu-ba-đề-xá), cũng dịch là luận nghị, giảng giải ý nghĩa kinh mà Phật đã nói tóm tắt.

[225] . Không cần phải dẫn chánh văn.

[226] . Pháp chúng học, điều 89: Tỳ-kheo không được thuyết pháp cho người ngồi chỗ cao hơn mình.

[227] . Hiệp bối 合唄. Bối, hay phạn bối, phiên âm từ Skt. bhāṇaka. Cũng âm là bối nặc. Chỉ sự tụng đọc kinh điển (tiếng Phạn) với giọng ngâm vịnh.

[228] . Nguyên Hán: quá sai 過差.

[229] . Xem cht. 5 trên.

[230] . Sám hối 懺悔; tức phát lồ, hay thuyết tội. Vin.i. 103: So āvikareyya, giải thích: «phát lồ là, ở giữa Tăng, hoặc trước nhiều người, hoặc trước một người, mà cáo bạch, thuyết minh, giải bày, nêu rõ (điều đã vi phạm).»

[231] . Định nghĩa từ Ba-la-đề-mộc-xoa. Xem Pali, Vin. i. 103: pātimokkhan'ti ādimetam mukhametam pamukhametam kusalānam dhammānam. «Ba-la-đề-mộc-xoa, đây là khởi điểm (căn bản), là mặt, là đầu của hết thảy pháp thiện.» Xem Ngũ phần 18 (T22n1421 tr.122a15): «Nói là ba-la-đề-mộc-xoa, vì do giới này mà phòng hộ các căn, tăng trưởng thiện pháp. Đối với các thiện pháp, đây là cánh cửa đầu tiên vậy.»

[232] . Giải thích các câu trong phần mở đầu thuyết giới nêu trên. Nhưng bản Hán thường không nhắc lại đúng nguyên văn như đã nêu.

[233] . Nếu có tỳ-kheo phạm giới, đã phát lồ, cần tác yết-ma ha trách (cảnh cáo) thì hoãn lại để sau khi thuyết giới sẽ tác pháp riêng. Xem các đoạn sau, mục iii.4 «Sám hối».

[234] . Chướng đạo pháp 障道法. Pali: antarayiko dhammo, pháp gây trở ngại.
[235] . Tức làm lịch.
[236] . Hắc nguyệt 黑月, bạch nguyệt 白月. Một tháng chia làm hai phần: 15 ngày trăng tối (hắc nguyệt) và 15 ngày trăng sáng (bạch nguyệt).
[237] . Tức nghi ngờ về tháng thiếu hay tháng đủ.
[238] . Nghĩa là, tháng thiếu hay đủ, y theo lịch riêng của mỗi nước.
[239] . Biệt bộ thuyết giới 別部說戒, thuyết giới theo nhóm, không theo toàn thể Tăng trong trú xứ.
[240] . Đại Ca-tân-nậu 大迦賓[少/兔], cũng phiên âm là Ma-ha Kiếp-tân-na. Pali, Mahāvagga ii, Vin. i. 105, Mahā-Kappinna
[241] . Tiên nhân trú xứ Hắc thạch sơn 仙人住處黑石山. Pali: tại Maddakucchi, trong vườn Nai.
[242] . Pali, Vin. i. 107: Phật quy định: trong một trú xứ không được có hai thuyết giới đường (uposathāgāra). Ai làm thế, phạm đột-kiết-la.
[243] . Pali, Vin.i. 108: nếu ngồi trên mặt đất mà nghe giới được, kết hay không kết, đều được thuyết giới. Sớ giải: ngồi trong phạm vi duỗi tay chạm nhau (hatthapāse nisinno).
[244] . Mahāvagga ii. Vin.i. 113ff, phận sự Thượng tọa trong ngày thuyết giới: thuyết pháp, vấn đáp luật giữa Tăng, và thuyết giới.
[245] . Xá-la 舍羅, thẻ hay thăm, hay phiếu. Pali (Vin.i. 117): salāka
[246] . Xem Phần I, Ch. iv. ni-tát-kỳ 2.
[247] . Hết quyển 35.

[248] . Pali, Vin.i. 124: trường hợp tác pháp chỉ có ba tỳ-kheo, được gọi là thanh tịnh bố-tát (pārisuddhi-uposatha).

[249] . Ngũ phần 18 (T22n1421 tr.126a05): «Thế Tôn… ngày thuyết giới… bảo các tỳ-kheo, các ngươi hãy tĩnh lặng. Nay

sẽ bố-tát thuyết giới.» Liền đó, tỳ-kheo báo: có tỳ-kheo bịnh. Phật dạy: cho gởi dục thanh tịnh…» Cf. Pali, Vin.i. 123: (…) santi saṃghassa karanīyaṃ, cho gởi dục và thuyết tịnh, vì có Tăng sự cần phải làm.

[250] . Dữ dục 與欲. Pali, Vin. 121, chandaṃ dātum, gởi cho sự thuận tình, tức gởi phiếu thuận (chấp thuận Tăng tác pháp).

[251] . Dữ thanh tịnh 與清淨. Pali (Vin.i. 120): pārisuddhiṃ dātuṃ. Gởi thanh tịnh, trong trường hợp yết-ma thuyết giới.
[252] . Đường đi trong phạm vi trú xứ.
[253] . Đi vòng ra khỏi phạm vi trú xứ.
[254] . Chuyển luân cao tòa 轉輪高座; không hiểu làm như thế nào.
[255] . Có lẽ muốn nói là quá đông người

[256] . Theo cách tính của Luật, khi ánh sáng ban mai xuất hiện mới tính là sang ngày khác, chứ không kể bất đầu từ giữa khuya. Thọ dục và thanh tịnh trước khi ánh sáng ban mai xuất hiện, nhưng lại thuyết giới sau khi nó đã xuất hiện, gọi là thuyết giới với thọ dục và thanh tịnh cách đêm.

[257] . Na-na-do 那那. Các đoạn dưới đều gọi là tỳ kheo Na-na-do; có thể dư từ «do» vì ảnh hưởng của sự ngắt từ sai ở đây. Ngũ phần 18 (T22n1421 tr.125c10): Già-già 伽伽; Thập tụng 22 (T23n1435 tr.161a29): Thi-việt 施越. Pali, Vin. i. 123, Gagga.

[258] . Doanh sự 營事, thường chỉ sự xây dựng tinh xá, tu bổ phòng ốc, hay liệu lý sự viêc trong tinh xá cho Tăng. Pali, Cf. Vin.ii.119, 159; iii.81: navakamma.

[259] . Ma-di 摩夷; cũng phiên âm là Ma-đắc-lặc-già 摩得勒伽; dịch nghĩa: Luận mẫu 論母, Trí mẫu 智母 hay Bản mẫu 本母. Luận tạng và Luật tạng đều có thêm bộ phận này để tóm tắt tinh nghĩa. Trong Luật tạng, phần này được dịch nghĩa là Tỳ-ni mầu: cương yếu, hay tinh nghĩa của Luật. Pali: Mātikā (Skt. Mātṛkā).

[260] . Hoặc ngày mồng 1, nếu tính tháng 30 ngày.

[261] . Ưng cánh dữ thuyết giới 應更與說戒. Cf. Mahāvagga ii, Vin. i. 130: Tăng vừa thuyết giới xong (chưa giải tán); có tỳ-kheo chỗ khác đến với số lượng đông hơn. Phải thuyết giới trở lại cho các tỳ-kheo này (tehi bhikkhūhi puna pātimokkhaṃ uddisitabbaṃ). Nếu đã thuyết giới xong, tất cả đã đứng dậy; tỳ-kheo khách số lương đông này phải thuyết tịnh. Không thuyết giới trở lại (uddiṭṭhaṃ su-uddiṭṭhaṃ, tesaṃ santike pārisuddhi ārocetabbā).
[262] . Biết có tỳ-kheo (khách) đến trong trú xứ, không chịu tìm và gọi, mà vẫn tiến hành yết-ma thuyết giới. Tham chiếu Pali, Vin.i. 133: nghi bèn tìm nhưng không thấy; bèn yết-ma thuyết giới: vô tội. Tim thấy, cùng hoà hiệp bố-tát: vô tội. Tìm thấy, nhưng biệt hành bố-tát: phạm đột-kiết-la.
[263] . Vì tội gần mức phá hoà hiệp Tăng. Hay có ý phá nhưng không thành. Cf. Mahāvagga ii, Vin.i. 133: passitvā - nassantete, vinassantete, ko tehi atthi - bhedapurekkhārā uposathaṃ karonti, āpatti thullaccayassa, «sau khi tìm thấy, bèn nói: Các ngươi hãy diệt đi! Các ngươi hãy hoại đi! Các ngươi có ích lợi gì? Rồi bố-tát với mục đích phá hoại (hoà hiệp Tăng), phạm thâu-lan-giá.»
[264] . Pali, Vin.i. 133, phạm đột-kiết-la.
[265] . Xem đoạn trên & cht. 42 trên.

[266] . Để bản: giới trường 界場, chỉ trong phạm vi trú xứ. Tống-Nguyên-Minh: 戒場, chỉ trong phạm vi nhà thuyết giới.

[267] . Cf. Vin. i. 134: vào ngày bố-tát, tỳ-kheo không được đi từ trú xứ có tỳ-kheo đến trú xứ không có tỳ-kheo, trừ phi (đi với túc số để tại đó) có Tăng; hoặc trừ phi có nạn sự (phải bỏ đi).

[268] . Xem cht. 46 trên.

[269] . Cf. Vin. i. 135: không được thuyết ba-la-đề-mộc-xoa trước tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni,…

[270] . Hết quyển 36

[271] . Pali (Vin. i. 137), ekindriyaṃ jīvaṃ, loài có sự sống với một căn; chỉ một căn duy nhất là mạng căn.

[272] . Bình minh của ngày 16, tháng tiền an cư.

[273] . Phước nhiêu 福饒. Không rõ vật gì. Xem cht. 1 ch. xviii phần iv.

[274] . Chỉ tỳ-kheo giám sự, quản lý phòng ốc của tinh xá.

[275] . Tỳ-kheo giám sự được ưu tiên tự chọn phòng. Xem phần iv, ch. i «Phòng xá», mục 16 «Tỳ-kheo tri sự.»

[276] . Tăng tập xứ 僧集處; có lẽ tương đương Pali: upaṭṭhānasālā, phòng họp của Tăng, đồng thời là nhà của thị giả, hay cúng dường thất.

[277] . Ôn thất 溫室; nhà tắm nóng. Cũng chỉ chung nhà tắm

[278] . Hạ đường 夏堂; nhà mùa mưa (?). Có lẽ tương đương Pali: vaccakuṭi, nhà cầu, nhưng bản Hán đọc là vassa-kuṭi, nhà mùa Hạ.

[279] . Ma-hê-đà-la摩醯陀羅. Skt. Mahīdhara (?): trì địa (một biệt hiệu của Viṣnu).

[280] . Phật-đồ chủ 佛圖主. Tức tháp chủ.

[281] . Tứ phươngTăng 四方僧, hay chiêu-đề Tăng, phân biệt với Tăng thường trú.

[282] . Vì trễ hạn nhập an cư một ngày.

[283] . Cf. Mahāvagga iii, Vin. i. 137: dvemā vassūpanāyikā, purimikā pacchimikā, «có hai hạn khởi đầu mùa mưa: hạn đầu và hạn sau. Mùa hạ, theo lịch Ấn độ, có bốn tháng. Tiền kỳ hạ bắt đau từ ngày trăng tròn tháng Āsāḷhī (tháng 6-7, DL). Hậu kỳ hạ, ngày trăng tròn một tháng sau đó.

[284] . Xem Phần i, Ch. vii. Chúng học, điều 94.

[285] . Lạp mật 蠟蜜.

[286] . Mục ngưu giả 牧牛者. Pali: vaja, chuồng bò (hay nhà của người chăn bò).

[287] . Áp du nhân 壓油人(?) Xem Vin. i. 152: sattha, thương đoàn. Phật cho phép y thương đoàn mà an cư; và di chuyển theo thương đoàn. Ngũ phần: y cổ khách (lái buôn) an cư.

[18] Cf. Mahāvagga iii (Vin.i. 139): có bảy hạng người, khi có việc cần và họ yêu cầu, tỳ-kheo được đi trong vòng bảy ngay: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

[288] . Cf. Mahāvagga iii (Vin.i. 139): có bảy hạng người, khi có việc cần và họ yêu cầu, tỳ-kheo được đi trong vòng bảy ngay: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

[289] . Thập tụng 24 (T23n1435 tr.174b18) liệt kê 17 kinh.

[290] . Trường A-hàm 1, kinh số 21; cf. Pali, Dīgha-kāya 1. Brahmajāla.

[291] . Cf. Vin. i. 148: Chùa bị hư. Có cư sĩ cung cấp cho Tăng một số vật liệu đã đốn ở trong rừng. Tỳ-kheo vào rừng để vận chuyển về.

[292] . Xem Phần I, Ch. v. ba-dật-đề, điều 49 (mục Duyên khởi).

[293] . Như các nhân duyên thọ pháp bảy ngày kể trên

[294] . Cf. Vin. i. 148: Xuất giới 7 ngày vì người đời dù họ tin Phật hay không: mẹ, cha, anh em, chị em, thân tộc (nātāka) và bạn cũ (bhikkhugatika).

[295] . Tham chiếu Pali (Vin. i. 154): tỳ-kheo ấy đang đi đến trú xứ (tiền an cư) này, bèn bố-tát ngoài giới, rồi ngày hôm sau đi đến trú xứ khác (cũng để nhận tiền an cư tại đây). Tại trú xứ này, tỳ-kheo nhận phòng xá, v.v. rồi đi trong ngày, hay ở lại đó vài ngày, hay sau đó đi cho công việc thời hạn bảy ngày xuất giới nhưng đi quá: tất cả đều phá tiền an cư. Nếu đi không quá bảy ngày, không phá tiền an cư. Điều luật liên hệ tỳ-kheo kết an cư tại hai trú xứ. Tỳ-kheo an cư tại trú xứ nào, bố-tát tại trú xứ đó. Xem thêm Ngũ phần 19 (tr. 130b): Thọ thỉnh tiền an cư. Đã bố-tát. Sau qua trú xứ khác. Phá tiền an cư, đột-kiết-la. Xem thêm Thập tụng 24 (tr. 177c): tại trú xứ thỉnh tiền an cư mà tỳ-kheo chưa qua bố-tát, chưa nhận phân phòng xá, nếu xuất giới, chỗ đó không thành tiền an cư.

[296] . Cf. Pali, ibid., … bố-tát ngoài giới rồi, đến trú xứ khác, (tại đó) nhận…, không có sự việc gì mà bỏ đi, qua hai hoặc ba ngày: phá tiền an cư.

[297] . Mạt hậu 末後, hạn của mùa an cư, còn không quá bảy ngày. Pali, ibid., pavāranāya sakaraṇīyo, trước ngày tự tứ, có công việc.

[298] . Bố-tát tại trú xứ an cư. Thành tiền an cư tại đây.

[299] . Đến trú xứ khác.

[300] . Nhận tại trú xứ tiền an cư.

[301] . Thập tụng 23 (T23n1435 tr.165b11): thâu-lan-giá. Ngũ phần (T22n1421 tr.131a06): đột-kiết-la.

[302] . Cầu thính 求聽: «xin được nghe.» Cf. Ngũ phần 19 (T22n1421 tr.131a15), vấn thính 問聽: trước hết phải hỏi vị ấy có chịu nghe không. Nếu chịu nghe thì mới được chỉ điểm. Cầu thính hay vấn thính, đồng nghĩa với tự tứ. Chỉ có khác, tự tứ thực hiện bởi Tăng.

[303] . Ngũ phần, đã dẫn: Các tỳ-kheo nói, duy chỉ A-la-hán mới xứng đáng bảo cầu thính thôi. Nhân dó, Phật dạy pháp tự tứ.

[304] . Hết quyển 37.

[305] . Năm người, kể luôn tỳ-kheo trú xứ.
[306] . Bốn người hiện diện, không được nhận dục để báo có người thứ năm nhưng vắng mặt.

[307] . Cf. Pali, Vin. i. 163: Ở đó có 5 tỳ-kheo, không được nhận tự tứ dục (ekassa pavāraṇaṃ āharitvā) để tác Tăng pháp tự tứ (saṅghe pavāretabbaṃ). Có bốn, không được nhận dục một người để tác đối thủ tự tứ.

[308] . Xem cht. 6 & 7 trên.
[309] . Xem Chương Thuyết giới, mục «Dữ dục.»
[310] . Cf. Vin. i. 170: Phật quy định tác bạch ngăn không cho tỳ-kheo phạm tội tự tứ (pavāranaṃ ṭhapetuṃ).
[311] . Vô căn, bất tác 無根不作. Cf. Pali, Vin.i. 170: avatthusmiṃ akāraṇe, không có cơ sở (căn), không có lý do (tác).

[312] . Hữu dư bất tác 有餘不作. Không có lý do tuy chưa đầy đủ.

[313] . Hữu dư tác 有餘作. Có lý do tuy chưa đầy đủ.

[314] . Sự 事, trên kia nói là căn 根 (pali: vatthu) tức cơ sở nêu tội để ngăn tự tứ.
[315] . Xem Phần I, Ch. ii. tăng-già-bà-thi-sa 8: vô căn ba-la-di báng; và 9: giả căn báng.
[316] . Xem Phần I, Ch. v. ba-dật-đề 80: vô căn tăng-già-bà-thi-sa pháp báng.
[317] . Đột-kiết-la hoặc ác thuyết.
[318] . Đối với tỳ-kheo phạm tội bị ngăn tự tứ có căn cứ.
[319] . Tuỳ ý sự (No.1446, tr.1047b15): nếu phạm ba-la-thị-ca thì tẫn xuất. Nếu phạm tăng già-phạt-thi-sa, thì tạm gác đó chờ tự tứ xong sẽ tri tội. Các tội khác, sám hối xong mới tự tứ.
[320] . Ngũ phần 19 (T22n1421 tr.133c03): sợ các tỳ-kheo kia, sẽ đến ngăn trú xứ này tự tứ.

[321] . Cf. Vin.i. không được ngăn (phủ nhận) tự tứ đối với người đã tự tứ (na…pavāritamapi pavāraṇā ṭhapetabbā).

[322] . Tăng thượng tự tứ 增上自恣, chồng thêm ngày tự tứ.

[323] . Thập tụng 23 (No.1435, tr.167b7): «Các tỳ-kheo ấy nên tự tứ lại tỳ-kheo trước đó đã tự tứ như vậy, không có tội.» Cf. Pali, Vin. i. 165: Trong khi đang tự tứ, khách tỳ-kheo đến, đông hơn; các tỳ-kheo trú xứ tự tứ lại (tehi bhikkhūhi puna pavāretabbaṃ). Khách tỳ-kheo với số lượng bằng, hay ít hơn, ai đã tự tứ là tự tứ tốt. Ai chưa tự tứ thì tự tứ. (pavāritā suppavāritā, avasesehi pavāretabbaṃ). Những người đã tự tứ, không có tội (pavāritānam anāpatti).

[324] . Xem Ch.ii. Bố tát, mục III.6. Phá yết-ma & cht. 211.

[325] . Xem Ch. ii. Thuyết giới, Mục iii.9 Chuyển trú xứ.

---o0o---

[326] . Chiêm-bà 瞻婆. Pali: Campā, thủ phủ của nước Aṅga, lân bang thân thiện với Magadha.

[327] . Thủ-lung-na 守籠那. Pali (Vin.i. 179): Soṇo-Koḷiviso seṭṭhi-putto, Soṇa-Koḷivisa, con trai của một nhà phú hộ.

[328] . Pali, ibid., rājā Magadho Seniyo Bimbíāro.

[329] . Thành chủ Chiêm-ba la vua nước Ương-già, không phải thần dân của Vua nước Ma-kiệt. Nhưng Ma-kiệt và Ương-già có thời liên kết. Vin. ibid., Bimbisāra cai trị 80 ngàn thôn. Vua tập tọp 80 ngàn thôn trưởng.

[330] . Pali, cho 80 ngàn thôn trưởng.

[331] . Ta-kiệt-đà 娑竭陀. Pali: Sāgata. Truyện về vị thị giả này, xem Phần I, Ch. v, duyên khởi ba-dật-đề 51 (tỳ-kheo uống rượu).

[332] . Thi-đà lâm尸陀林. Pali: Sītavana, bãi tha-ma ngoại thành Vương-xá. Chỗ thiêu vất xác người chết.

[333] . Cf. Vin.i. 183: accāraddhavīriyaṃ uddhaccāya saṃvattati, atilīnavīriyaṃ kosajjāya saṃvattati…indriyānañca samataṃ paṭivijjha, «nỗ lực tinh tấn thái quá đưa đến loạn động. Ít gắng sức tinh tấn sinh ra dã dượi. Hãy giữ các căn quân bình.»

[334] . Tham chiếu, Trung A-hàm 29 (T01, tr.611c), Tạp A-hàm 9 (T02, tr.62b), Tăng nhất 13 (T02, tr.162). Pali, A. iii. 374 Soṇa-sutta.

[335] . Cf. Vin.ibid., chaṭṭhāni adhimutto, sáu thắng giải hay tín giải (xác tín): nekkhamma, xuất ly hay thoát ly gia đình; paviveka, viễn ly hay sống ẩn dật; avyāpajja, không thù hận; upādānakkhata, đã sạch các thủ (phiền não); taṇhakkhaya, ái tận; asammoha, vô si.

[336] . Tham chiếu, Pali, Vin.i.ibid., «Chớ có quan điểm rằng, tôn giả này duy chỉ y trên tín mà có tín giải về sự xuất ly... Y trên sự diệt tận của tham, do ly tham, có tín giải về xuất ly. Y trên sự diệt tận sân, do vô sân, mà có tín giải xuất ly…»

[337] . Tham chiếu Pali, ibid., «Đừng nên có quan điểm rằng, tôn giả này tin giới cấm thủ (sīlabbataparāmāsa) là tối thắng, do đó mà có tín giải nơi sự không não hại.»

[338] . Tịch tĩnh; Pali: paviveka: viễn ly, sống xa lánh, ẩn dật.

[339] . Tham chiếu Pali, ibid., «Đừng có quan điểm rằng, tôn giả này vì tham trước lợi dưỡng mà có tín giải nơi sự viễn ly.»

[340] . Tham chiếu Pali, inid., ṭhitaṃ cittaṃ vippamuttaṃ, vayañcas-sānupassatīti, Tâm đã giải thoát, an trụ; vị ấy quan sát sự chìm xuống của nó.

[341] . Hết quyển 38.

[342] . Câu-lưu Hoan hỷ sơn khúc 拘留歡喜山曲. Pali, Vin.i. 194: Kuraraghare papāte pabbate, trên sườn núi Papāta, thị trấn Kuraraghara. Ngũ phần 21 (T22n1421, tr.144a13): A-thấp-ba A-vân-đầu quốc Ba-lâu-đa sơn 阿濕波阿雲頭國波樓多山.

[343] . A-bàn-đề quốc, 阿槃提國. Pali, Vin.i. 194, Avantī.

[344] . Ức Nhĩ ưu-bà-tắc億耳優婆塞. Ngũ phần 21, ibid., cư sĩ tên là Sa-môn Ức Nhĩ 沙門 億耳. Pali, Vin.i. 194, Soṇa Kuṭikaṇṇa.

[345] . Hán: sử nhân câu 使人俱. Cf. Pali, ibid., Soṇo upasako Kuṭikaṇṇo āyasmato Mahā-Kaccānassa upaṭṭhako hoti, ưu-bà-tắc Soṇa Kuṭikaṇṇa là người phục vụ cho Trưởng lão Đại Ca-chiên-diên. Bản Hán hiểu upaṭṭhako, người phục vụ, là nhân vật thứ ba; không phải là từ đồng cách.

[346] . Ngũ phần 21, ibid., Ức Nhĩ thọ sa-di 6 năm mới thọ cụ túc.

[347] . Y-lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, cù lâu 伊梨延陀耄羅耄耄羅氍氀. Pali (Vin.i. 195): eragu, moragu, majjhāru, jantu. Thập tụng: ma nhục phú (phủ đệm gai), mao nhục phú (phủ đệm lông), hoa y nhục phú (phủ đệm áo bông) 麻褥覆毛褥覆花衣褥覆.

[348] . Cổ dương, bạch dương, lộc 羖羊白羊鹿. Pali: eḷakacamma, ajacamma, migacamma.

[349] . Y được dành cho tỳ-kheo vắng mặt tại trú xứ cũ.

[350] . Thập lục cú nghĩa 十六句義. Ngũ phần, ibid., Thập lục nghĩa phẩm kinh 十六義品 經. Thập tụng 25 (T23n1435, p181b25): Ba-la-diên-tát-giá-đà-xá-tu-đố-lộ 波羅延薩遮陀舍修妒路. Pali, Vin.i. 196, Aṭṭhakavaggikāni, được hiểu là Nghĩa phẩm, hay Bát kệ phẩm, gồm 16 kinh, 210 kệ, Phẩm thứ tư thuộc bộ Suttanipāta.

[351] . Trì luật ngũ nhân 持律五人. Nên hiểu là thứ năm là người trì luật. Tăng năm người, có một người trì luật. Không đòi hỏi tất cả năm vị đều là trì luật. Do đó không nên hiểu nhóm từ Hán này là «Năm người trì luật.» Thập tụng 25 (T23n1435 tr.181c29): trì luật đệ ngũ 持律第五. Cf. Vin.i. 197: vinayadharapañcamena.

[352] . Bạch mộc điều 白木調. Hán dịch này phù hợp Pali: Setakaṇṇika; nhưng Vin.i.197 nói thị trấn này ở về phía nam, gần với Thập tụng, ibid., trung nam phương, Bạch mộc tụ lạc 白木聚落. Lấy đây làm mốc. Qua khỏi đây, được xem là biên địa.

[353] . Tĩnh thiện 靜善. Không tìm thấy tương đương trong Thập tụng và Pali. Tham chiếu, Thập tụng: phương đông có tụ lạc bà-la-môn tên là Già-lang 伽郎. Tương đương Pali: Kajaṅgala, thị trấn nhỏ ở về phía đông.

[354] . Nhất-sư-lê Tiên nhơn chủng 一師梨仙人種. Có lẽ Thập tụng nói là Ưu-thi-la sơn 優尸羅山, ở phương bắc; Tương đương Pali: Usīraddhaja, về phía bắc.

[355] . Trụ 柱. tên nước. Thập tụng: phương tây có tụ lạc bà-la-môn tên là Trụ 住婆羅門 聚落. Pali: về phía tây có ngôi làng bà-la-môn tên là Thūna, mà hai bản Hán đều đọc là Thāna.

[356] . Đại bì 大皮; Cf. Thập tụng 25 (tr.182a 23), da của năm loại thú gọi là da lớn (kích cỡ): sư tử, cọp, beo, rái cá và chồn.

[357] . Ca-la 迦羅. không biết con gì. Có lẽ Pali (Vin.i.186): kāḷaka, con sóc (?). Hoặc Skt. kālaka, một loại rắn nước (Wogihara: hắc long)

[358] . Cù-lâu 氍毹; chưa rõ. Xem cht. 31 Ch. vi: Y ở sau. Tham chiếu Trương A-hàm 3, kinh số 2. Du hành, T01, tr. 23b.

[359] . Độc tọa sàng 獨坐床. Xem Phần II, tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 83 & cht. 142.

[360] . Ca-na-phú-la 迦那富羅. Xem dưới.

[361] . Triền giác cách tỷ 旋角革屣. Không hiểu «sừng xoay» là cái gì. Đoạn tương đương trong Mahāvagga v (Vin.i.186): meṇḍavisāṇavaddhika (có mõm giày làm bằng sừng con cừu), ajavisāṇavaddhika (có mõm giày làm bằng sừng hươu).

[362] . A-la-lê cách tỷ 阿羅梨革屣. (?)

[363] . Phú-la-bạt-đà-la 富羅跋陀羅. Pali, ibid., puṭabaddha, một loại giày ống, cao đến đầu gối.

[364] . Chơn-thệ-lê 真誓梨. Pali: tittirapattika (?), loại dép có hình cánh chim chá-cô.

[365] . Biên biên cách tỷ 編邊革屣.

[366] . Quyển hình cách tỷ 捲形.

[367] . Cẩm sắc 錦色; nên hiểu là «được thêu màu.»

[368] . Tức bông gòn.

[369] . Bà-sa 婆娑, Pali (Vin.i. 189): pabbaja, một loại cỏ lau (cỏ tim đèn). Hán-đà-la 漢陀羅; Pali: hintāla, giống cây chà-là; một loại cây cọ. Xá-la, 舍羅. Chưa rõ loại cỏ này; hoặc Pali: sara, cỏ lau.

[370] . Khâm-bà-la 欽婆羅, vải dệt bằng lông thú. Pali (Vin. i. 190): kambala.

[371] . Đa-la 多羅. Pali (Vin.i. 189): tālataruṇa, tāla non hay chồi cây tāla; loại cây lá hình quạt; loại cây cọ.

[372] . Tỳ-xá-ly Bạt-xà Tử 毘舍離跋闍子. Người họ Bạt-xà (Pali: Vajjiputta) ở Tỳ-xá-ly (Pali: Vesāli).

[373] . Chưa đủ 10 tuổi hạ, không được làm y chỉ.

[374] . Tác tịnh, vì sợ phạm súc trưởng bát; ni-tát-kỳ 21.

[375] . Liễn 輦; xe do người kéo.

[376] . Y-sư bì 伊師皮.

[377] . Hàn tuyết quốc 寒雪國.

[378] . Phú-la-am-đề 富羅菴鞮. Cf. Bì cách sự (T23, tr.1059b1): tại vùng có tuyết lạnh, cho dùng giày phú-la. Xem thêm Ngũ phần 21 (T22n1421 tr.146c24) Có lẽ một loại giày ống. Wogihara, Skt. pūla: loại giày có giây đai. Mahāvyutpatti, 272 (21): pūlā, hữu đái ngoa 有帶靴, phú-la 富羅. Nhất thiết kinh âm nghĩa (T54n2128 tr.740b07): phúc-la 腹羅, cũng viết là 福羅; hoặc nói là phú-la 富羅, chính xác nói là bố-la 布羅; dịch là đoản áo ngoa 短鞦靴, loại giày ống cổ ngắn (?). Phiên dịch danh nghĩa (T54n2131, tr.1108b17): phú-la 富羅, chính xác là phúc-la 腹羅, dịch là đoản áo ngoa 短鞦靴. Không rõ Pali tương đương.

[379] . Khẩn-thù-thán 緊殊炭. Chưa rõ cái gì.

[380] . Phấn tảo 糞掃. Thập tụng: bàn tẩu y 槃藪衣. Pali: paṃsukūla, (vải) lượm từ đống rác.

[381] . Mười loại y hay mười loại vải: 1. câu-xá 拘舍, Pali: koseyya (Skt. kauśeya), vải quyến, lụa; 2. kiếp-bối 劫貝, Pali: kappāsa (Skt. karpāsa), miên bố, vải bông; 3. khâm-bạt-la 欽跋羅衣, Pali: kambala (Skt. nt.), mao bố, vải lông, lông thú; 4. sô-ma 芻摩, Pali: khoma (Skt. kṣauma), ma bố, á ma, vải lanh; 5. xoa-ma 叉摩, Pali: ? 6. xá-nâu 舍兔, Pali: sāṇa (Skt. śāṇa), vải gai thô; 7. ma 麻 Pali: bhaṅga (Skt. đồng); 8. sí-di-la 翅夷羅, Pali: (?); 9. câu-nhiếp-la 拘攝羅, Pali: (?); 10. thẩn-la-bát 嚫羅缽, Pali: (?); . Phiên âm ở đây không giống với các chương trước. Xem Phần I, Ch. iv. Ni-

tát-kỳ 1 & cht. 8. Cf. Mahāvagga viii, Vin.i. 281: chỉ quy định sáu loại y hợp pháp: anujānāmi bhikkhave cha cīvarāni - khomaṃ kappāsikaṃ koseyyaṃ kambalaṃ sāṇaṃ bhaṅganti.

[382] . Ca-sa 袈裟. Pali: kāsāya (Skt. kāṣāya), hạt sắc y, hoại sắc y, y màu vàng nâu.

[383] . Nguyện y 願衣, lượm được do đứng chờ người vất bỏ trong bãi tha ma (Pali: āgamenta: đến đợi), xem đoạn dưới.

[384] . Quý giá phấn tảo y 貴價糞掃衣. Vải tốt, quý, nhưng được vất bỏ đống rác. Thường vải bọc thây người chết của phú gia. Xem đoạn dưới.

[385] . Xem cht. 22, Ch. v. Da thuộc.

[386] . Thập tụng 27 (T23n1435 tr.195a27), 4 loại phấn tảo: 1. trũng gian y, bọc thây người chết, vất trong bãi tha ma; 2. xuất lai y, lượm trong bãi tha ma đem về cho tỳ-kheo; 3. vô chủ, bọc xác chết vô chủ; 4. thổ y, vất trong các đống rác trong xóm.

[387] . Cầu nguyện y 求願衣; trên kia nói là nguyện y. Vải lượm từ bãi tha ma đem về chia giữa các tỳ-kheo, do có giao ước trước. *T*hập tụng gọi là xuất lai y; Pali: āgamenta: đến và đợi (paṃsukūlapariyesana, tìm cầu y phấn tảo)

[388] . Am-bà-la-bà-lợi 菴婆羅婆利. Pali: Ambapālī.

[389] . Sa-la-bạt-đề 娑羅跋提. Trong để bản đọc là Bà-la…婆羅. Theo âm Pali mà sửa lại. Vin.i. 268: Sālavatī.

[390] . Vô Úy vương tử 無畏王子. Pali: Abhaya-rājakumāra.

[391] . Kỳ-bà 耆婆. Pali: do được trả lời jīvati (nó sống), nên đặt tên là Jīvaka.

[392] . Đồng tử 童子. Do Vương tử (Kumāra) lượm được, nên cho hiệu là Komārabhacca. Hán dịch không phân biệt hai từ Phạn khác nhau này: Komārabhacca, hiệu riêng của Kỳ-bà, và Kumāra, danh từ chung, Vương tử hay đồng tử.

[393] . Đắc-xoa-thi-la 得叉尸羅. Pali: Takkasilā, thủ phủ của Gandhāra, được xem là một trung tâm học thuật danh tiếng thời bấy giờ. Nhiều vua chúa học ở đó.

[394] . Hết quyển 39.

[395] . Trong truyện kể Pali, Kỳ-bà không nhận tiền, mà xin chức thái y. Vua chấp nhận, và bảo kiêm luôn việc chữa bịnh cho Phật và các tỳ-kheo.

[396] . Chơi trò nhào lộn, dộng ngược đầu xuống đất, rồi di chuyển như bánh xe lăn. Pali (Vin.i. 275): mokkhacikāya kīlantassa.

[397] . Úy-thiền 尉禪. Pali: Ujjenī, thủ phủ của nước Avantī (A-bàn-đề)

[398] . Ba-la-thù-đề 波羅殊提. Pali: Pajjota (Caṇḍa-Pajjota).

[399] . A-ma-lặc 阿摩勒. Hán thường dịch là dư cam tử. Pali: āmalaka.

[400] . Nguyên Hán: tiệp 啑; không có nghĩa gì ở đây. Pali: nicchāresi, tiêu chảy (hạ lỵ).

[401] . Hán: hoạn thuỷ 患水. Pali: kāyo dosābhisanno, rối loạn dịch trong cơ thể (theo bản dịch Anh, B.D.iv. 394, n.1).

[402] . Pali (Vin.i. 279): icchati tathāgato virecanaṃ pātun ti, «Như lai muốn uống thuốc xổ (hạ tể).»

[403] . Ưu-bát 優缽; hay ưu-bát-la, hoa sen xanh. Pali: uppala (Skt. utpala).

[404] . Nhất chưởng noãn thuỷ 一掌煖水. Pali, ibid., xổ xong lần thứ 29, Thế Tôn sẽ tắm (bhagavā viritto nahāyissati), sau đó sẽ xổ thêm một lần nữa.

[405] . Na-la-diên 那羅延. Sjt. nārāyaṇa, lực sĩ của trời; biệt danh của thần Víṣṇu.

[406] . Thi dược quang minh 施藥光明. Tống-Nguyên-Minh: thi lạc...施樂. Cf. Skt. (Bodhisattva-bhūmi) bhaiṣjya-da(-raśmi).

[407] . Pali: y Siveyyaka, vải được sản xuất tại nước Sivi, cao giá nhất.

[408] . Câu văn chuẩn khi Phật chấp thuận một ước nguyện. Nhưng văn Hán tối nghĩa. Xem Phần I, Ch.iv ni-tát-ky 27 & cht. 94. Tham chiếu Pali, Vin. i. 280: atikkantavarā kho tathāgatā, Như lai không bao giờ cho những ước nguyện vượt quá giới hạn.»

[409] . Thanh tịnh, ở đây nên hiểu là «hợp thức.» Tham chiếu, Pali, ibid., yañca kappati, yañca anavajanti, ước nguyện ấy đúng pháp và không lỗi.

[410] . Cù-lâu 氍毹. Pali: kojava (?), y hay chăn làm bằng lông sơn dương.

[411] . Điều 條, rẻo vải hẹp mà dài, tượng trưng bờ ruộng.

[412] . Diệp 葉, rẻo vải, như chiếc lá, chỉ khâu một biên dính vào y.

[413] . Tham chiếu Ngũ phần 20 (T22n1421 tr.137a27): lá điều nửa bên trái để hở đường biên trái. Lá điều phải, hở biên phải. Lá điều giữa, hở cả hai phía.

[414] . Cát tiệt y 割截衣. Pali: chinnaka, vải được cắt thành từng miếng vuông như thửa ruộng, rồi may lại thành. Thường gọi là phước điền y.

[415] . Niết-bàn-tăng 涅槃僧; Pali: nivāsana, hạ y, nội y.

[416] . Xem cht. 161, Ch.i (phần iii).

[417] . Già-phạm-bà-đề 伽梵婆提; hay Kiều-phạm-ba-đề; Pali: Gavampati, con trai phú hộ ở Ba-la-nại, một trong bốn người bạn của Da-xá.

[418] . Xem Trường A-hàm 2 (T01, tr.13b20), kinh số 2 «Du hành»

[419] . Lê-xa 梨奢. Pali: Licchavī, một bộ tộc rất hùng mạnh thời Phật, là chủ nhân của thành Vesāli (Tỳ-xá-li).

[420] . Truyện kể bị nhảy sót nên thiếu mạch lạc.

[421] . Ý chỉ 意止, tức niệm xứ. Cf. Trường A-hàm. đã dẫn, đoạn này, Phật giảng bốn niệm xứ cho các tỳ-kheo để cảnh giác khi Am-ba-bà-lị đến. Vì sợ các tỳ-kheo trẻ sẽ bị mê hoặc bởi sắc đẹp của cô. Trong Bản Hán trên, mạch lạc bị đảo lộn.

[422] . Tân-kỳ-dương-nâu 賓耆羊菟. Ngũ phần 20 (T22n1421 tr.135c19): Ma-nạp Tân-kỳ-da 摩納名賓祇耶.

[423] . La-hầu-đa y 羅睺多衣. Có lẽ chỉ một loại vải mỏng, Pali (=Skt.): lahuta (?).

[424] . A-đa-hầu-đa y 阿哆睺多衣. Không rõ loại vải gì.

[425] . Ngũ phần 20 (T22n1421 tr.137a17): Tỳ-kheo được y kiếp-bối, không cắt tua (râu) ở đầu.

[426] . Phả-na-đà-thi 頗那陀施. Cf. Ngũ phần 20 (T22n1421 tr.138b01): có tỳ-kheo xin Phật cho dùng y chui đầu (quán đầu y 貫頭衣) rồi khoác y bạt-na 跋那 lên. Phật không cho. Có lẽ phả-na-đà-thi và bạt-na là một, nhưng không rõ phiên từ Skt. gì.

[427] . Thiện hiển hiện y 善顯現衣.

[428] . Đãn-đà-lư-đa-lê 誕陀盧多梨.

[429] . Quán đầu y 串頭衣. Loại y có cổ; khi khoác chui đầu qua.

[430] . Bát lâu 缽樓, với lời chua trong bản Hán: «Ba cây gậy chống xuống đất, đặt bát vào trong; bên trên, xỏ ngang các vật, rồi gánh trên vai mà đi. Vì thế gọi là lầu đựng bát.»

[431] . Tú thủ y 繡手衣.

[432] . Bà-thâu-già y 婆輸伽.

[433] . Biệt bộ, chia theo nhiều nhóm riêng rẻ, trong cùng một trú xứ.

[434] . Hết quyển 40

[435] . Câu-dạ-la 俱夜羅.

[436] . Hòa-tiên Bạt-đàn-đa Tử 和先跋檀陀子. Pali: Upasena Vaṅgataputta, em trai của Sāriputta, có tài hùng biện, tu hạnh đầu đà; Vin. iii. 230.

[437] . Tỳ-lưu-ly 毘琉璃. Pali: Viḍūḍabha, con trai của Pasenadi (Ba-tư-nặc) với Vāsabhakhattiyā (một nữ tỳ của nhà họ Thích).

[438] . Ca-duy-la-vệ quốc 迦維羅衛國; hay Ca-tỳ-la-vệ. Vì Nhà nước theo chế độ thành bang, nên gọi quốc hay gọi thành đều được.

[439] . Ba-lợi-ca-la y 波利迦羅衣. Pali: parikara, dây đai, dây nịt; hoặc cái khố.

[440] . Ba-bà 波婆. Pali: Pāvā, thị trấn của những người Malla (Lực sĩ). Phật đã ghé lại đây trên đường lên Câu-thi-na nhập Niết-bàn.

[441] . Ma-la 摩羅, Pali: Mallā, tên một bộ tộc. Xem cht. 59 trên.

[442] . Lâu-diên 樓延. Pali, Vin. 296, Roja.

[443] . Y lộc 衣簏. Cái sọt hay cái giỏ để đựng vải hay y. Pali, ibid.: Bấy giờ Roja trao tay cho A-nan một giải bố (khomapilotā).

[444] . Đại giá y 大價衣. Có sự nhầm lẫn ở đây. Chi tiết tiếp theo nói, chỉ là thứ vải xấu.

[445] . Trong ngoặc, phụ chú nhỏ trong bản Hán.

[446] . Trưởng y 長衣; xem Phần I, Ch. iv. ni-tát-kỳ 1.

[447] . Phú thân y 覆身衣; xem Phần I, Ch.v. ba-dật-đề 89 về phú sang y: y che ghẻ.

[448] . Xem Phần I, Ch. v, ba-dật-đề 89.

[449] . Hiến 幰; màn xe. Chưa rõ tiếng Phạn.

[450] . Phức y 複衣.

[451] . Thọ trì 受持; Pali: adhiṭṭhita, được xử lý, hay được chỉ định như là sở hữu của cá nhân. Đây chỉ cách thức chỉ định, nghĩa là, phải làm thủ tục xả, nhận trước khi sử dụng.

[452] . Man y 縵衣. y trơn, không cắt rọc. Cf. Hành sự sao (T40n1804 tr.106c27).

[453] . Ngũ nạp y 五納衣: Cf. Hành sự sao (T40n1804 tr.105b26)

[454] . Phạm xả, tức phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; xem Phần I, Ch. iv.

[455] . Chỉ định giao y được xả cho người nào.

[456] . Ba-lợi-ca-la 波利迦羅: Còn gọi là ba-già-la, là tên gọi chung cho tất cả những y phụ ngoài ba y ra như: Tăng-kỳ-chi (áo che vai), niết-bàn-tăng (Xà rông), phú thân y (y che thân), thức thân căn (khăn lau thân), thức diện cân (khăn lau mặt), Cf. Hành sự sao (T40n1804 tr.109b21): dịch là trợ thân y 助身衣.

[457] . Các quy định sử dụng y bị xả. Xem các điều ni-tát-kỳ, mục phạm tướng.

[458] . Y xả đọa, tức y phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

[459] . Bị y 被衣.

[460] . Sợ bị cướp, phải nhét vào người để dấu.

[461] . Kết khố tàng 庫藏, nhà kho để cất chứa đồ của Tăng. Pali, Vin.i. 284, bhaṇḍāgāra. Những nơi trong trú xứ Tăng được phép dùng làm nhà kho: aḍḍhayoga, nhà một mái, hay nhà mái bằng; pāsāda, lầu (trùng ốc); hammiya, biệt phòng, hay phòng hai tầng (có gác xép), hoặc hang.

[462] . Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu 毘舍佉無夷羅母, hay Tỳ-xá-khư Lộc Tử Mẫu; xem Phần I, Ch. iv. ni-tát-kỳ 27 & cht. 91.

[463] . Ương-già-na-la 鴦伽那羅衣. Chẳng biết thứ y gì. Hoặc một loại vải được sản xuất bởi người Aṅga.

[464] . Tăng phú thân y 僧覆身衣, y phú thân của Tăng, cho dùng riêng; xem cht. 66 & 75 trên.

[465] . Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã, xem Phần I, Ch.i, điều 1, duyên khởi.

[466] . Thiền đới 禪帶. Cf. Ngũ phần 21 (T22n1421 tr.143c06)

[467] . Xem Phần I, Ch.iv. điều 1, cht. 14.

[468] . Đã mang ra đường, quyền sử dụng y không còn thuộc về người cho mượn, nên người được nhờ khởi ý thân hậu với người mượn để lấy dùng.

[469] . Bầy giờ, quyền sử dụng thuộc về người được cho mượn.

[470] . Vì người sai mang đi là chủ y đích thực. Xem trường hợp A-nan với Lâu-diên trên.

[471] . Vì là cho thật, không phải cho mượn như trên kia, nên người nhờ mang đi cho này không còn là chủ đích thực của y nữa. Chỉ có thể sử dụng vật khi mà minh có ý nghĩ là thân tình với chủ nhân đích thực của vật đó.

[472] . Người được cho bây giờ chủ đích thực của y.

[473] . Hết quyển 41.

[474] . Đây chỉ năm loại chánh thực, hoặc âm là bồ-xà-ni, Pali: bhojana, chỉ thức ăn mềm. Xem Phần i, Ch.iv, điều 35 & cht. 180, 201, 202.

[475] . Mị mễ [序-予+禾]. Cf. Nhất thiết kinh âm nghĩa 59 (T54n2128 tr.703c24): «Lã thị xuân thu nói, cơm loại ngon thì có thứ gạo tế 穄 của Dương sơn. Cao Dụ nói, người Quan tây gọi là lúa mị. Người Ký châu gọi là lúa tế 穄.»

[476] . Câu-bạt-đạt-la 俱跋陀羅.

[477] . Khứu 糗. Pali: kummāsa (Skt. kulmāsa) cháo chua. Xem Hành sự sao (T40n1804 tr.117c27).

[478] . Tu-bộ 修步. Pali (Skt.): sūpa, nước thịt; súp thịt.

[479] . Lạc 酪. Pali (Skt.): dadhi, váng sữa, sữa đông, sữa đặc.

[480] . Lạc tương 酪漿. Pali (Skt.): dadhi-maṇḍaka, nước sữa chua; sữa chua chắt phần đông, phần lỏng còn lại gọi là lạc tương hay lạc thuỷ; toan nhủ chi.

[481] . Kiết-la 吉羅. Pali: khīra, sữa tươi. Sữa chỉ chung.

[482] . Man-nâu 蔓[少/兔]. Pali (Skt.): maṇḍa, váng của các loại ngũ cốc đun sôi; phần tinh chất, thượng vị, đề hồ.

[483] . Khư-xà-ni 佉闍尼. Pali (Skt.): khādaniya, thức ăn cần phải cắn; thức ăn cứng; đạm thực, ngạnh thực.

[484] . Thạch mật 石蜜. Pali (Skt.) phāṇita, mật mía, đường mía; đường thẻ hay đường cát thô.

[485] . Hủ lạn dược 腐爛藥. Pali: pūti-mutta (Skt. pūti-mukta-bhaiṣajya), cũng dịch là trần khí dược. PTS định nghĩa: nước tiểu của gia súc được dùng làm thuốc.

[486] . Ha-lê-lặc 呵梨勒. Pali (Skt.): harītaka, harītakī, một loại trái chua, tên khoa học Myrobalan vàng, dùng để nhuộm màu vàng hay để xổ.

[487] . Hoạn phong 患風. Skt. vāyvādhika, chứng thống phong, bịnh gút.

[488] . Bệ-hê-lặc 鞞醯勒. Pali (Skt.): vibhītaka, quả xuyên luyện 川練, dùng làm thuốc.

[489] . A-ma-lặc 阿摩勒. Pali: amba (Skt. āmra), quả xoài.

[490] . Tô (?)-la [廾/(麩-夫+生)]羅. Có lẽ Pali (Vin.i. 201): sulasī, cây húng quế.

[491] . Quả dược 果藥.

[492] . Tiểu ngũ chủng căn dược 小五種根藥

[493] . Chất-đa-la dược 質多羅藥.

[494] . Kế-sa dược 罽沙藥. Skt. kesara (?): nhụy hoa, râu hoa, hương tu.

[495] . Sa-lê-sa-bà dược 娑梨娑婆藥.

[496] . Thức-cừ 式渠.

[497] . Đế-thố (hay nậu?) 帝菟. Phụ chú trong bản: «đọc là để thổ 底吐.»

[498] . Tất-bạt 蓽茇, loại cỏ, trổ hoa trắng mùa xuân; quả như quả dâu. Gốc từ Ba-tư. (Từ nguyên)

[499] . Tế mạt dược 細末藥. Dược sự 1 (T24n1448 tr.2a16): sáp dược 澀藥, trị ghẻ. Skt. kaṣāya. Pal (Vin.i. 201)i: kasāva. Phật cho phép dùng các loại sáp dược: nimbakasāva, kuṭajakasāva, paṭolakasāva, phaggavakassāva, nattamalakasāva.

[500] . Mã nhĩ 馬耳. Từ nguyên không thấy ghi. Có lẽ nguyên Skt. aśva-karṇa, loại cây có lá hình tai ngựa; tên khoa học *Vatica Robusta*.

[501] . Xá-ma-la 舍摩羅. Skt. śālmala (?), một loại cây bông gòn (để dệt lụa), mộc miên.

[502] . Tượng nha dặc 象牙杙; các phần trước gọi là long nha dặc. Tức gạc nai dùng để máng đồ.

[503] . Mahāvagga vi. Vin.i. 202, năm loại muối: sāmuddaṃ (muối biển), kāḷaloṇaṃ (muối đen), sindhavaṃ (muối đá), ubbhidaṃ (muối ăn), bilaṃ (muối đỏ). Dược sự 1 (T24n1448 tr.1b27), năm loại muối: ô diêm 烏鹽; xích diêm赤鹽; bạch thạch diêm 白石鹽; chủng sanh diêm 種生鹽; hải diêm 海鹽.

[504] . Các loại muối: minh diêm 明鹽, hắc diêm 黑鹽, hoàn diêm 丸鹽, lâu-ma diêm 樓 Skt. romaka, muối của người La-mã (nhập); chi-đầu-bệ diêm 支頭鞞鹽, lỗ diêm 鹵鹽, hôi diêm 灰鹽; tân-đà-bà diêm 新陀婆鹽, saindhava, muối biển, đặc biệt vùng Shindu; thi-lô-bệ diêm 施盧鞞鹽, hải diêm 海鹽. So sánh, Mahāvagga vi; Dược sự 1, xem cht. 31 trên.

[505] . Hôi dược 灰藥. Các loại hôi dược: tát-xà 薩闍; (Skt.sarja), tân-na 賓那; ba-la-ma 波羅摩. Skt. kṣāra, tinh chất lấy được từ chưng cất hay đốt thành tro; *Dược sự 1*, có năm loại: tro vỏ trấu (Skt. yavakṣāra), tro râu lúa (Skt. yavāṣūkakṣāra), tro dầu mè (tilakṣāra), tro từ cỏ ngưu tất (sarjikākṣāra), tro lá cây bà-sa (vāsakākṣāra), một loại hương liệu, tên khoa học *Gendarussa Vulgaris*hay *Adhatoda Vasica*.

[506] . Xa-bà dược 闍婆. *Dược sự 1* (T24n1448 tr.1b21): niêm dược 黏藥, dược liệu lấy từ nhựa cây. Năm loại: a-ngụy 阿魏, ô khang 烏糠, tử khoáng 紫礦, hoàng lạp 黃蠟, tất hương 悉香. Pali, ibid., jatūni bhejjāni, nhựa cây dùng làm thuốc: hiṅgu, hiṅgu-jatu , hiṅgu-sipātika, taka, takapatti, takapaṇṇa. MūlVinay.i.2*:* hiṅgu, hưng cừ hay a-ngụy; sarjarasa, nhựa cây sa-la (ô khang); taka, nhựa tử khoáng để nhuộm màu tía; takakarṇī: hoàng lạp (sáp vàng), lấy từ sáp ong (sikthaka): tadāgata, tất hương, nhựa của các loại cây khác.

[507] . Các loại thuốc bà-xà (Skt., Pali: jatu: nhựa cây): hinh-ngưu 馨牛, (hiṅgu); hinh-nga-bà-đề 馨莪婆提, thi-bà-lê-đà 尸婆梨陀, (Skt.śivāṭikā); bộ-thê-dạ-bà-đề 步梯夜婆提, tát-xà-la-sà 薩闍羅 婆. (Skt. sarjarasa). Xem cht. 34 trên.

[508] . Nhãn dược 眼藥. Dược sự, năm loại thuốc chữa mắt (an-thiện-na 安繕那, Skt. añjana): hoa (Skt. puṣpa); nước cốt (rasa); bột (cūrṇa); viên (guṭikā); cháo chua, (sauvīraka: tao-tì-la thạch, một loại đá của người Sauvīra?). Tứ phần, có hai: đà-bà-xà-na 陀婆闍那, Skt. (?); kỳ-la-xà-na 耆羅闍那, Skt. gairāñjana, thuốc chữa lấy từ một loại đất đỏ

[509] . Bạch ế 白翳.

[510] . A-nậu 阿耨. Pali: Anotatta (Vô nhiệt trì), 1 trong 7 ao lớn trên Tuyết sơn.

[511] . Y-la-bà-ni 伊羅婆尼; Pali: Erāvaṇa, con voi của Thiên-đế.

[512] . Xem Phần I, Ch. v, Ba-dật-đề 35.

[513] . Xem Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ 27.

[514] . Hán: thủy để hành nhân 水底行人, chỉ thợ lặn, hay người đánh cá.

[515] . Chính xác, nên hiểu là thịt rắn. Cf. Mahāvagga vi, Vin.i.220.

[516] . Thiện Hiện Long vương 善現龍王. Pali, Vin.i. 219, Supassa. Hán đọc là Sudassa(na). Ngũ phần 22 (T22n1421 tr.148c26): Thiện Tự Tại Long vương 善自在龍王.

[517] . Ngũ phần, đã dẫn: «Hoặc khi có thể con rắn đó là rồng.» Thập tụng26 (T23n1435 tr.186c29): «Rắn và rồng, đều cùng một giống cả.»

[518] . Tô-tỳ 蘇卑. Pali, Vin.i. 216ff. Suppiyā.

[519] . Da-thâu-già 耶輸伽. Pali, Vin.i. 239, Yasoja.

[520] . Tống thực 送食: mang thức ăn đến chùa cho tỳ-kheo.

[521] . Mồng một, tính theo tháng 15 ngày; kể thêm ngày 16, nếu tính tháng 30 ngày.

[522] . Thính dữ phòng tiền 聽與房錢; chưa hiểu ý.

[523] . Nhân duyên, đã kể trong Phần I, Ch.iv. Ni-tát-kỳ 26. Truyện kể, Cf. Vin.i. 199: mùa thu, các tỳ-kheo bịnh, ăn cháo và các thứ vật thực, đều ói ra cả.

[524] . Tham chiếu Pali, Vin. i. 199: bhesajjāni ceva bhesajjasam-matāni ca lokassa āhāratthañ ca pharanti na ca oḷāriko āhārako paññāyati, «Đây là những thứ mà thế gian xem là thuốc, có thể sung làm thức ăn, nhưng không được kể như là thức ăn chính.»

[525] . Tô, du, mật, sanh tô, thạch mật 酥油蜜生酥石蜜. Pali: sappi, navanaṃ, telaṃ, madhu, phāṇitaṃ.

[526] . Phạn khứu pháp 飯糗法.

[527] . Trong bản: thất-thủ-ma-la 失守摩羅; Pali: suṃsumāra; Skt. śiśumāra. Trên kia, Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ 26, thay thất-thủ-ma-la bằng cá ma-kiệt.

[528] . Tư-ha-tỳ-la 私呵毘羅. Truyện đã kể trên, xem Phần I, Ch.iv. Ni-tát-kỳ 26. Trong đó, là người lái buôn tên Tư-ha tỳ-la-trà.

[529] . Hắc thạch mật 黑石蜜; đường chưa tinh luyện. Pali: gula. Phân biệt với thạch mật, tức mật đường. Pali: phāṇita.

[530] . Thiên bức luân tướng 千輻輪相.

[531] . Kế-ni 罽尼; có lẽ Pali: kiṇṇa (Skt. kiṇva), bột lên men, hay men. Hoặc. Skt. kṣāra (Pali: chārika), tro, xem cht. 33 trên. Cf. Vin.i. 210: người ta bỏ bột và tro vào trong mật đường (gule piṭṭhampi chārikampi pakkhipanti)

[532] . Nhuyến hắc thạch mật, đường mía ở dạng lỏng.

[533] . Hắc thạch mật tương 黑石蜜漿. Nước đường, tức mật đường pha với nước. Pali (Vin.i. 226): gulodaka.

[534] . Ma xan trí 磨餐緻.

[535] . Bạch thạch mật 白石蜜.

[536] . Ô-bà-đà-phả-ni 烏婆陀頗尼.

[537] . Tất-lăng-già-bà-ta 畢陵伽婆蹉. Truyện kể, xem Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ 26 & 86.

[538] . Tỳ-kheo, ni-tát-kỳ 26.

[539] . Xem đoạn trên.

[540] . Phả-ni 頗尼.

[541] . Thời dược 時藥, chỉ thực phẩm chính, ngũ cốc và cá, thịt, không được trữ dùng sau đứng bóng.

[542] . Phi thời dược 非時藥, được trữ dùng sau ngọ. Tứ phần, gồm 5 thứ: tô, du, mật, sanh tô, hắc thạch mật. Ngũ phần và Thập tụng, chỉ có 4, bỏ sanh tô.

[543] . Thất nhật dược 七日藥; thuốc chỉ được phép trừ dùng trong vòng bảy ngày.

[544] . Tận hình thọ dược 盡形壽藥; thuộc trữ dùng cho đến hết đời.

[545] . Hoạn pháo 患皰. Bong da, giộp da.

[546] . Chiên-đàn tất-lăng-kỳ-già-la-nậu-bà-la 栴檀畢陵祇伽羅[少/兔] 婆羅. Cf. Dược sự 3 (tr.10a): «bịnh nhiệt rất nặng, dùng ngưu đầu chiên đàn (Skt. gośṛiṅga-candana) thoa vào mình.»

[547] . Tám Long vương: Tỳ-lâu-lặc-xoa 毘樓勒叉, (Pali: Virūḷhaka, Skt. Virūḍhaka) Già-ninh 伽寧, Cù-đàm-minh 瞿曇冥, Thí-bà-di-đa-la 施婆彌多羅, Đa-xa-y-la-bà-ny 多奢伊羅婆尼, Già-tỳ-la-thấp-ba-la 伽毘羅濕波羅, Đề-đầu-lại-thác 提頭賴託, (Pali: Dhataraṭṭha, Skt. Dhṛtarāṣṭra). Viṇ. ii. 110, bốn gia tộc của vua rắn (cattāri ahirājakulāni): Virūpakkha (Tỳ-lâu-lặc-xoa), Erāpatha (Y-la-bà-ni), Chabyāputta (Già-tỳ-la-thấp-ba-la), Kaṇhāgotamaka (? Hắc Cù-đàm).

[548] . Tham chiếu, Vin.ii. đã dẫn.

[549] . Bệnh độc 病毒; có lẽ ngộ độc. Cf. Vin.i. 206, tỳ-kheo uống nhằm chất độc (visaṃ pītaṃ hoti), Phật dạy, cho uống phân bò (gūthaṃ pāyetuṃ) hoà với nước.

[550] . Hủ lạn dược 腐爛藥. Đây chỉ lấy nước tiểu trâu bò làm thuốc.

[551] . Nghĩa là, trâu bò đã tiểu xuống đất. Chứ không phải hứng, khi chúng đang tiểu.

[552] . Tư-ha tướng quân 私呵將軍. Pali, Vin.i. 233, Sīhasenapati; vị tướng quân người Licchavī (Lê-xa), ở Vesāli; đệ tử của Nigaṇṭha (Ni-kiền). Xem Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử» (T1, tr.440c); Pali, A.viii.12 Sīha.

[553] . Đoán sự đường 斷事堂, chỗ xử án, xử lý việc công.

[554] . Nguyên Hán: tác pháp 作法. Tham chiếu. Trung A-hàm 4 (T01n26 tr.441a01): «Sa-môn Cù-đàm chủ trương bất khả

tác 不可作.» Cf. Vin.i. 233: akiriyavādaṃ samaṇaṃ gotamaṃ, Sa-môn Cù-đàm chủ trương «Không được làm.»

555 . Đoạn diệt pháp 斷滅法. Pali: ucchedavādo samaṇo gotamo, Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt (hư vô luận)

556 . Uế ác pháp 穢惡法. Pali: jegucchī, chủ trương khổ hạnh kinh tởm.

557 . Điều phục pháp 調伏法. Pali: venayika, chủ trương tự chế ngự, khắc kỹ.

558 . Diệt ám pháp 滅闇法. Pali: tapassī, chủ trương nhiệt hành (khổ hành). Bản Hán hiểu là tamo (bống tối) thay vì tapo (sức nóng).

559 . Đoạn dưới nói rõ: không nhập thai nữa. Pali: apagabbo, chủ trương không nhập thai (không tái sinh).

560 . Vô úy pháp 無畏法. Pali: assattha, sự tĩnh chỉ, tô tức pháp.

561 . Bạt-đề 跋提. Pali: Bhaddiya, thành phố thuộc vương quốc Aṅga (Ương-già).

562 . Mân-trà 旻荼. Pali, Vin.i. 240, Meṇḍaka, phú hộ ở Bhaddiya, vương quốc Aṅga; là ông nội của bà Visakhā; là một trong 5 Đại thần Quốc khố của Vua Bimbisāra. Không thấy nói ông là đệ tử của Pūraṇa-Kassapa (Bất-lan Ca-diệp). Nhưng có một người đầy tớ tên Puṇṇa.

563 . Bất-lan Ca-diệp 不蘭迦葉. Pali: Pūraṇa-Kassapa, một trong sáu tông sư ngoại đạo.

[564] . Đa-ha-lâu-chi 多呵樓支. Theo truyện kể DhA.iii.363, Phật hiệu Vipassī (Tỳ-bà-thi).

[565] . Như đoạn trên. Xem tr. 13.

[566] . Nhũ 乳, lạc 酪, sanh tô 生酥, thục tô 熟酥, đề hồ 醍醐. Pali: khīra, sữa tươi; dadhi, sữa đông, sữa chua; takka, sữa bơ, bơ lỏng với ¼ nước, do đun dadhi rồi quậy; navanīta, bơ tươi hay bơ sống, chế biến từ takka; sappi, bơ lỏng hay bơ trong, do đun bơ sống lên, thành chất dầu ăn..

[567] . A-mâu-na 阿牟多羅. Pali: Aṅguttarāpā, nước ở phía bắc sông Mahī. Đối ngạn là Aṅga.

[568] . A-ma-na 阿摩那. Pali, Vin. i. 245, Āpaṇa, một thị trấn trong xứ Aṅguttarāpa. Từ đây, Phật đi lên Kusinārā để nhập Niết-bàn.

[569] . Súy-nậu 翅[少/兔]. Pali: Jaṭila Keniya.

[570] . Tám thứ nước, Pali: ambapāna, nước quả xoài; jambupāna, nước quả hồng đào; cocapāna, nước dừa; mocapāna, nước chuối; madhūkapāna, mật; muddikapāna, nước nho; sālūkapāna, nước ngó sen; phārusakapāna, không rõ.

[571] . Tám thứ nước, Pali: ambapāna, nước quả xoài; jambupāna, nước quả hồng đào; cocapāna, nước dừa; mocapāna, nước chuối; madhūkapāna, mật; muddikapāna, nước nho; sālūkapāna, nước ngó sen; phārusakapāna, không rõ.

[572] . Ba-bà 波婆. Pali: một thị trấn của người Malla, song đôi với Kusinārā.

[573] . Lô-di 盧夷. Pali: Roja; bạn thân của A-nan. Trên kia, phiên âm là Lâu-diên. Xem Ch. vi. Y, mục iii.10 & cht. 61.

[574] . A-đầu 阿頭. Pali: Ātumā, thị trấn nằm giữa Kusinārā và Sāvatthi.

[575] . Một người cha làm nghề hớt tóc, có hai người con. Cha sau đi tu.

[576] . A-lậu-di, na-lậu-tỳ, na-lậu-đề, bà-đàn, lư-càn-lậu, tư-la-nậu, 阿漏彌那漏比那漏提婆檀豆檀盧乾漏私羅漏 không đoán ra nguyên Phạn được. Dược sự 1, thuốc chế từ rễ: phụ tử (Skt. musta) xương bồ (Skt. vaca), hoàng khương hay nghệ (haridra). Sanh khương hay gừng (ārdraka), phụ tử trắng (? Skt. ativiṣā: mạch đông). Danh sách Pali, Vin.i. 201: halidda (củ nghệ), siṅgivera (gừng), vaca (xương bồ hay rễ diên vĩ), vacattha (xương bồ trắng), ativisa (mạch đông), kaṭukarohiṇi (hồ liên cay), usīra (hương căn), bhaddhamutta (cát tường thảo).

[577] . Dược sự 1: tận thọ dược, gồm thuốc được chế từ rễ, lá, hoa và quả.

[578] . Hết quyển 42.

[579] . Tịnh địa 淨地; Pali, Mahāvagga vi, Vin.i. 239, kappiyabhūmi, khu đất được dành riêng. Hành sự sao 10 (T40n1804 tr.119b14) giải: «Nghiệp là uế, nên nói là bất tịnh.» Nhưng chữ Hán nói là tịnh trong *tịnh trù, tịnh khố, tác*

tịnh, đều dịch ý tiếng Phạn kalpa (Pali: kappa), nghĩa chính là «tư duy phân biệt» (Nghĩa Tịnh dịch là *phân biệt*), theo đó, vật tịnh, hay được tác tịnh, là vật được chỉ định (hợp thức hoá) cho sử dụng đặc biệt nào đó. Chữ tịnh như vậy không liên quan gì đến ô uế hay thanh tịnh như Hành sự sao giải thích.

[580] . Magāvagga vi, có ba thứ tịnh địa: 1. ussāvanantika, tịnh địa do công bố, như cắm cọc, đặt đá, chỉ định riêng. 2. gonisādi, tùy cơ, cần thiết tại đâu thì làm tại đó, như bò nghỉ ở đâu thì làm chuồng ở đó. 3. gahapati, do thí chủ chỉ định khi dựng chùa.

[581] . Tự hái trái cây mà ăn.

[582] . Tham chiếu Pali, Viṇ ii. 109, pañcahi samaṇakappehi phalaṃ paribhuñjitum, ăn trái cây với điều hợp thức của sa-môn: aggiparicitaṃ (đã bị lửa phạm), satthaparicitaṃ (đã bị dao phạm), nakkhaparicitaṃ (đã bị móng tay phạm), abījaṃ (không có hạt mầm), nibbattabījaṃ (hạt mầm đã hỏng).

[583] . Sang tịnh 瘡淨.

[584] . Tự hái rau mà ăn.

[585] . Tự mình cầm lên rồi đưa cho người khác.

[586] . Phép thọ, xem cht. 117 & 118 dưới.
[587] . Được phép để qua đêm.
[588] . Người khác nấu cho mình.

[589] . Tức tác pháp thọ: Thức ăn để xuống đất. Tịnh nhân mang lại đưa cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhận lại, bằng cách «ngửa tay» mà nhận. Cf. Hành sự sao (T40n1804 tr.123c02)

[590] . Ngũ phần: (…) không thọ thức ăn, mà ăn; đồng nghĩa với sự lấy của không cho. Cf Hành sự sao (T40n1804 tr.123b03).

[591] . Phi đào 椑桃; một loại thị (Từ nguyên).

[592] . Vật được dời, bị tay người dời chạm đến, không còn thuộc chủ cũ, nên không còn tịnh. Chủ cũ muốn dùng, phải tác pháp thọ trở lại. Người di chuyển, có ác ý, phạm đột-kiết-la.

[593] . Hoạn thấp 患濕;

[594] . Đậu khứu 豆糗. Khứu: gạo lúa mạch rang khô, hay cơm khô, hay lương khô (Khang hy). Xem các cht. liên hệ trên.

[595] . Khứu liêm 糗簽. Viết đúng là – 奩. Hành sự sao 10 (T40n1804 tr.126c19)

[596] . Mộc đảng 木欓. Khang hy: đảng, thùng bằng gỗ

[597] . Thuộc về thực phẩm chính, tức năm loại chánh thực hay bồ-xà-ni. Các thức ăn này liên hệ các điều luật về thọ thỉnh và túc thực.

[598] . Cộng túc diêm 共宿鹽; muối ngủ chung, muối được phép để cách đêm. Muối ăn được; thức ăn không ăn được. Cố ý trộn hai thứ để làm thức ăn, ăn được

[599] . Pali, Kathinakkhando, Vin.i. 253: có 30 tỳ-kheo, là những vị sống a-lan-nhã, ở nước Pāvā.

[600] . Công đức y 功德衣. Pali: kaṭhina. Mahāvagga vii, Vin. i. 254.

[601] . Ni-tát-kỳ 1: súc trưởng y.

[602] . Ni-tát-kỳ 2: ly y túc.
[603] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 33: biệt chúng thực.

[604] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 32: triển chuyển thực.
[605] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 42.

[606] . Xem, tỳ-kheo, ba-dật-đề 60.

[607] . Đây nói y cũ, dùng làm y ca-thi-na.

[608] . Xem đoạn dưới: y xả đọa không tác tịnh, không thành thọ.

[609] . Văn thọ y mà từng tỳ-kheo một nói ba lần trên kia.

[610] . Văn thọ y trên chia thành ba thời nói riêng. Mỗi thời nói ba lần.

[611] . Được thọ năm việc phóng xả tức nới lỏng. Xem trên.

[612] . Y mất hiệu lực đối với cá nhân tỳ-kheo trong 8 trường hợp.

[613] . Y bất cánh 衣不竟. Kiết-xỉ-na sự: bất quyết định. Tỳ-kheo ra ngoài giới để tìm cầu y. Khi ra khỏi, có ý không trở về; nếu may y, ca-thi-na liền xả khi y chưa may xong.

[614] . Câu-thiểm-di 拘睒彌, Thập tụng: Câu-xá-di 俱舍彌. Phiên âm thường gặp: Kiêu-thưởng-di 憍賞彌. Skt. Kauśāmbī. Pali: Kosambī, thủ phủ của vương quốc Vaṃsa (Skt. Vatsa).
[615] . Thập tụng: tác yết-ma bất kiến tẩn 不見擯, đuổi đi vì không chịu nhận tội. Pali: āpattiyā adassane ukkhipiṃsu, xả trí (gạt tỳ-kheo ấy qua một bên) vi không chịu nhận tội.

[616] . Thập tụng: tỳ-kheo bị đuổi là vị giỏi pháp, giỏi luật, nổi tiếng, có thế lực, được nhiều người hỗ trợ. Pali, Vin.i. 337: nói như Thập tụng.

[617] . Tùy cử tỳ-kheo 隨舉比丘: tỳ-kheo tùy thuận với tỳ-kheo bị cử. Pali: ukkhitānuvattaka bhikkhu. Những hình thức xả trí (Vin.i. 339): không mời, không yết-ma chung, không ngồi chung, không ở chung phòng…

[618] . Thập tụng: Một số tỳ-kheo được tỳ-kheo bị đuổi thuyết phục. Số khác vẫn giữ quan điểm. Tăng chia thành hai bộ, tranh chấp nhau.

[619] . Biệt bộ thuyết giới yết-ma 別部說戒羯磨; sự phá Tăng đã thành hình.

[620] . Vin.i. 340: Tỳ-kheo bị cử tác yết-ma thuyết giới trong giới, yết-ma như pháp; trong khi đó, tỳ-kheo cử tội ra ngoài giới tác yết-ma thuyết giới; yết-ma như pháp. Cả hai đều hợp pháp, vì tác pháp yết-ma trong hai trú xứ khác nhau.

[621] . Bất kiến phạm 不見犯, bất sám hối 不懺悔, bất xả ác kiến 不捨惡見: đều thuộc yết-ma xả trí. Hình thức xả trí, xem cht. 4 trên.

[622] . Thập tụng: Tự tác cộng trú…, tỳ-kheo bị tẫn xả bộ chúng kia, về lại bộ chúng này.

[623] . Không ngồi gần nhau quá để có thể đấu khẩu hay đánh lộn. Vin.i. 341: bhinne saṅghe adhammaiyāyamāne asammodikāya vattāmānaya ettāvatā na… hatthaparāmā-saṃ karissāmā ti āsane nisīditabbaṃ, «Tăng bị vỡ dẫn khởi phi pháp, bất hoà… ngồi xuống sao cho ‹chúng ta không vói tay đến nhau.› »

[624] . Pali, ibid., bhinne saṅghe dhammiyāyamāne… āsanantarikāya nisīditabbaṃ, «Khi Tăng vỡ, nhưng như pháp, hoà hợp, hãy ngồi sát nhau (không gián cách).»

[625] . Xem cht. (trên kia)

[626] . Các hình thức xả trí đối với tỳ-kheo bị yết-ma xả trí.

[627] . Phạm Thí 梵施. Truyện kể, xem Trung A-hàm 17, kinh số 72 «Trường Thọ vương bản khởi» (No. 26. 72); Tăng nhất A-hàm 16, No.125 (24.8). Pali: Brahmadatta; Cf. M. 128 Upakkilesa; Vin.i. 342.

[628] . Già-xa 伽奢. Pali: Kāsi; trong thời Phật, là 1 trong 16 đại quốc, thủ đô là Bārāṇasī (Ba-la-nại); được sáp nhập vào Kosala (Câu-tát-la) do Pasenadi cai trị.

[629] . Trường Sanh 長生. Trung A-hàm, đã dẫn: Trường Thọ. Pali: Dīghīti.

[630] . Phú-lô-hê-xỉ 富盧醯侈. Pali: purohito brahmaṇo, bà-la-môn tư tế của Vua. Chức vụ chứ không phải tên. Quốc sư của vua Brahmadatta.

[631] . Trường 長. Bản Minh: Trường Ma-nạp (phiêm âm của māṇava: thiếu niên). Pali: Dīghāvu.

[632] . Chỉ vua chúa, sống bằng đao kiếm.

[633] . Trung A-hàm: «Bằng đủ thứ ngôn ngữ, phá vỡ Chúng tối tôn.»

[634] . Trung A-hàm: «Khi phá hoại Thánh chúng, không ai ngăn cản được.»

[635] . Cf. Pháp cú Pali, Dhp. 3-6.

[636] . Cf. Pháp cú Pali, Dhp. 11-12.

[637] . Cf. Pháp cú Pali. Dhp. 32-330.

[638] . Trung A-hàm 17 (T01n0026 tr.535c18): Thế tôn đến thôn Sa-lâu-la, sau đó đến Hộ lâm. Cf. Vin.i. 350: đến thôn Bālakaloṇakara. Sau đó đi đến Pārileyya. Cuối cùng, trở về Sāvatthi.

[639] . Thập bát phá Tăng sự. Thập tụng 30 (T23n1435 tr.216a23): «Nếu tỳ-kheo, pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, luật…, phi luật,… phạm, phi phạm, trọng, khinh, tàn, vô tàn, thường sở hành, phi thường sở hành, thuyết, phi thuyết…» Cf. Vin. i 354: aṭṭhārasahi vatthuhi adhammavādī: 18 cơ sở ngôn thuyết phi pháp dẫn đến phá Tăng: adhammaṃ dhammoti dīpeti (phi pháp mà nói là pháp), dhammaậmdhammoti dīpeti (pháp nói là phi pháp), avinayaṃ (phi luật)…vinayaṃ (luật)…abhāsitaṃ alapitaṃ tathāgatena (điều này không phải Như Lai nói), bhāsitaṃ lapitaṃ tathāgatena (điều này được Như Lai nói), anāciṇṇaṃ tathāgatena (điều này không phải là thuòng hành bởi Như Lai), āciṇṇaṃ tathāgatena (điều này được thường hành bởi Như Lai), apaññattaṃ tathāgatena (điều không được Như Lai chế), paññattaṃ tathāgatena (điều được Như Lai chế định), anāpattiṃ (không tội), āpattiṃ (tội), lahukaṃ āpattiṃ (tội nhẹ), garukaṃ āpattiṃ (tội nặng), sāvasesaṃ āpattiṃ (tội hữu dư), anavasesaṃ āpattiṃ (tội

không dư tàn), thullaṃ āpattiṃ (tội thô trọng), athullaṃ āpatti (tội không thô trọng)…

[640] . Vin.i. 356: vivittaṃ senāsanaṃ dātabbaṃ, cho họ chỗ nằm riêng biệt.
[641] . Pali, ibid., «Tất cả thọ hưởng bình đẳng.» (sabbesa samakaṃ bhājetabbaṃ)
[642] . Xem cht. 140 & 141 trên.

[643] . A-nan-bân-đê 阿難邠坻. Phiên âm, tức ông Cấp Cô Độc. Pali: Anāthapiṇḍika.
[644] . Tránh sự 諍事; cơ sở dẫn khởi tranh chấp, nguyên nhân của tranh chấp. Có bốn tránh sự: tranh chấp lời nói, tranh luận về giáo giới, bất đồng về luận tội, tranh cãi về phận sự phải làm. Pali, Vin.ii.88: cattārīmāni bhikkhave adhikaraṇāni vivādādhikaraṇaṃ, anuvādādhikaraṇaṃ, āppattādhikaraṇaṃ, kiccādhikaraṇaṃ.
[645] . A-nậu-bà-đà 阿[少/兔]婆陀. Pali: anuvāda, phi nạn, chỉ trích, buộc tội người khác.
[646] . Xem phần trên (để tìm lại)
[647] . Hết quyển 43.

[648] . Chiêm-ba 瞻波. Pali: Campā, thủ đô của vương quốc Aṅga. Xem Ch.v. Da thuộc, truyện Thủ-lung-na; cht. 1.

[649] . Già-thi 伽尸; trên kia, âm là Già-sa. Xem Ch.ix, mục 4, truyện Trường Sanh & cht. 15.

[650] . Bà-sa-bà tụ lạc聚落 婆娑婆. Lưu ý cách đọc theo bản Hán về các địa danh này: tại Chiêm-ba thành, Già-thi quốc, Sa-bà tụ lạc 在瞻波城伽尸國婆娑婆聚落. Tham chiếu Pali, Vin.i. 312: ... Campāyaṃ viharati... tena kho pana samayena

Kāsīsu janapade vāsabhagāmo hoti, «Phật trú tại Campā. Bấy giờ, tại quốc cảnh Kāsi, có một thôn tên là Vāsabha.»

[651] . Thập tụng 30, tỳ-kheo này có tên là Cộng Kim 共金. Pali, Vin.i. 312: Kassapagotta.

[652] . Có lẽ tương đương Pali: tantibaddho, Horner dịch là «người gắn liền với tục lệ cổ truyền (attached to the tradition)», tức gắn chặt với các phận sự phải làm theo truyền thống của trú xứ đó. Bản Hán dịch Nam truyền dịch là «người chấp sự» và chú thích, là người quản lý các sự việc trong trú xứ, như Ma-ma-đế hay Đế-đế-đà-la. Bản Hán hiểu tanti (sợi dây ràng buộc) theo nghĩa tượng hình là «sự liên tục như giòng suối!»

[653] . Vị lai khách tỳ-kheo 未來客比丘; Tham chiếu Pali: kinti anāgatā ca pesalā bhikkhū āgaccheyyuṃ, «làm sao để tỳ-kheo khả ái chưa từng đến có thể đến đây?»

[654] . Vô sự vô duyên 無事無緣. Pali: avatthusmiṃ akāraṇe, không dựa trên cơ sở nào, không vì nguyên nhân gì.

[655] . Bản Hán dịch thiếu chính xác. Cần sửa lại, bốn loại yết-ma: phi pháp biệt chúng, (như) pháp biệt chúng, phi pháp hòa hiệp, (như) pháp hoà hiệp.

[656] . Nguyên Hán: mãn số 滿數.

[657] . Trùng tác yết-ma 重作羯磨.

[658] . Mahāvagga ix, Có 5 Tăng, 4 Tăng như Tứ phần. Thứ năm: Tăng trên 20 tỳ-kheo.

[659] . Pali: āpatti daṭṭhabbā, loại tội cần được thấy; tội mà tự mình phải thấy (phải thừa nhận).

[660] . Pali, Vin.i. 322: āpattiyā adassane ukkhipati, yết-ma xả trí vì không nhận tội.

[661] . Pali: āpatti paṭikātabbā, loại tội cần được sám hối.

[662] . Pali: āpatti daṭṭhabbatā, xem cht. 12 trên.

[663] . Ha 呵; tức chỉ trích. Thập tụng: già 遮; nghĩa là ngăn. Ở đây có nghĩa là ngăn không cho tiến hành yết-ma. Pali: saṅghamajjhe paṭikkosanā, sự phi nạn (phủ quyết) giữa Tăng.

[664] . Mahāvagga ix, Vin.i. 328: tỳ-kheo ưa gây tranh tụng (bhaṇḍaka-bhikkhu), bị Tăng cho yết-ma khiển trách (tajjanīyakamma, yết-ma ha trách).

[665] . Mahāvagga ix, ibid., Tỳ-kheo bị khiển trách đến trú xứ khác, Tăng ở đây biết yết-ma khiển trách này không được làm đúng, muốn làm lại cho đúng

[666] . Tỳ-kheo bị khiển trách lại đi đến trú xứ khác.

[667] . 13 trường hợp được kể trong già nạn thọ cụ túc. Xem Chương thọ giới.

[668] . Tham chiếu Pali, Cullavagga 1 Kammakhandhakaṃ, Vin. ii. 1.

669 . Trí Tuệ 智慧 và Lô-hê-na 盧醯那. Thập tụng 31: Bàn-trà 般荼 và Lô-già 盧伽. Vin.ii.1: Paṇḍuka-lohitaka, một nhóm các tỳ-kheo dẫn đầu bởi Paṇḍuka (Hán đọc là Paṇḍita) và Lohitaka.

670 . Ha trách 呵責; tức khiển trách. Thâp tụng: khổ thiết yết-ma 苦切羯磨. Pali: tajjanīya-kamma.

671 . Diễn tiến của tác pháp: tác cử 作舉, ức niệm 憶念, dữ tội 與罪, tác bạch. Diễn tiến theo Pali, Cūḷavag i (Vin.ii. 2): codetabba, nêu tội danh; sāratabba, làm cho nhớ lại (xác nhận); āpattiṃ āropetabba, quyết định tội; ñāpetabba, cáo bạch (công bố biện pháp trừng phạt).

672 . Dị ngữ 異語; xem Phần I, Ch.v ba-dật-đề 12.

673 . Những điều thuộc 7 pháp diệt tránh

674 . Phục thủ tội 伏首罪, khuất phục nhận tội. Pali: āpattiṃ āropetvā, quyết định tội.

675 . Pali: adesanāgāmaniyā āpatti, tội không dẫn đến việc phải sám hối.

676 . Trên kia nói là «không phục thủ tội.» Xem cht. 19.

[677] . Đối tượng yết-ma không hiện diện. Pali: asammukhā kataṃ.

[678] . Các nhóm ba, không nhắc lại câu «Lại có…» Nghĩa là, đủ 3 yếu tố: tác ức niệm, yết-ma như pháp, Tăng hòa hợp.

[679] . Tức đã có vi phạm những quy định nêu trên.

[680] . Ky-ly-na 羈離那. Trên kia, âm là Kỳ-liên. Xem Phần i, Ch.ii. Tăng-già-bà-thi-sa 12. Thập tụng: Hắc sơn quốc 黑山國. Pali, Vin.ii. 9, Kiṭāgiri, núi Kiṭā.

[681] . A-thấp-tỳ, Phú-na-bà-sa. Truyện hai tỳ-kheo này, xem Phần i, Ch.ii. tăng-già-bà-thi-sa 12. Thập tụng: Mã Tú và Mãn Tú 馬宿滿宿. Pali: Assaji-Punabbasuka.

[682] . Tẫn yết-ma 擯羯磨. Thập tụng: khu xuất yết-ma 驅出羯磨. Cūḷavag. i (Vin. 11. 10): pabbājjaniyakamma, yết-ma đuổi đi.

[683] . Tẫn yết-ma 擯羯磨. Thập tụng: khu xuất yết-ma 驅出羯磨. Cūḷavag. i (Vin. 11. 10): pabbājjaniyakamma, yết-ma đuổi đi.

[684] . Như yết-ma ha trách trên.

[685] . Xem yết-ma ha trách.

[686] . Tăng-sô 僧芻. Thập tụng: Thi-việt 施越. Vin.ii. 7, Seyyasaka.

[687] . Y chỉ yết-ma 依止羯磨; Thập tụng 31: ba đối tượng cần cho y chỉ: phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Vin.ii. 8: Nissayakamma.

[688] . Xem yết-ma ha trách.

[689] . Mật lâm 密林. Thập tụng: Ma-xoa-chỉ-đà 磨叉止陀. Pali: Macchikāsaṇḍa, thị trấn trong nước Kāsi.

[690] . A-ma-lê 阿摩梨. Pali: Ambāṭakārāma.

[691] . Chất-đa-la cư sĩ 質多羅居士. Pali: Cittagahapati. Nguyên chủ nhân của vườn Ambāṭaka, sau đó cúng cho Tăng.

[692] . Thiện Pháp. Pali: Sudhamma.

[693] . Hồ ma tể 胡麻滓. Thập tụng: hồ ma hoan hỷ hoàn 胡麻歡喜丸. Pali: tilasaṅgulikā, bánh hay kẹo làm bằng hạt mè (vừng).

[694] . Hán: Ô kê 烏雞.

[695] . Thập tụng 下意羯磨: hạ ý yết-ma, khiến phải xin lỗi cư sĩ Cūḷavag.i (Vin.ii. 18): paṭisāraṇīyakammaṃ - gahapati khamāpetabbo, như Thập tụng.

[696] . Thập tụng 31 (T23n1435 tr.225a05): Trước khi làm yết-ma hạ ý, xét lời cư sĩ có thật không? Tỳ-kheo có khả năng làm việc ấy không? Tỳ-kheo này có chịu hạ ý không?

[697] . Vin.ii. 18: cố tình làm cư sĩ mất lợi (alābhāya); cố làm cho mất của (anatthāya); cố làm cho mất nhà (anāvāsāya);

mắng nhiếc cư sĩ (akkosati); chia rẻ cư sĩ với cư sĩ (gihī ghīhi bhedeti).

[698] . Pali, ibid., gihīnaṃ dhammikaṃ paṭissavaṃ na saccāpeti, không thực hiện lời hứa như pháp đối với cư sĩ.

[699] . Xem mục yết-ma ha trách.

[700] . Thập tụng: Nếu cư sĩ nhận lời, bảo đi ra chỗ mắt thấy, tai không nghe. Rồi tỳ-kheo phạm sám đột-kiết-la với tỳ-kheo Tăng sai, cho cư sĩ thấy.

[701] . Thập tụng: Nếu cư sĩ không chịu; Tăng sai hai tỳ-kheo. Bấy giờ nếu cư sĩ chịu, cũng bảo đi như trên, rồi tỳ-kheo phạm sám đột-kiết-la với hai tỳ-kheo Tăng sai cho cư sĩ thấy.

[702] . Thập tụng: Nếu cư sĩ vẫn không chịu, Tăng bảo tỳ-kheo đó tránh đi trú xứ khác; nếu cư sĩ có thế lực quan quyền.
[703] . Hết quyển 44.

[704] . Xiển-đà, xem Phần i, Ch. ii, Tăng-già-bà-thi-sa 13.

[705] . Bất kiến tội cử 不見罪舉. Thập tụng: bất kiến tẫn 不見擯. Pali (Vin.ii. 20): āpattiyā adassane ukkhepanīya, bị xả trí (bỏ mặc) vì không chịu nhận tội.

[706] . Bất sám hối tội cử 不懺悔罪舉. Thập tụng: bất tác tẫn yết-ma 不作擯羯磨. Pali, ibid. (25): āpattiyā appaṭikamme ukkhepanīya, bị xả trí vì không chịu sám hối tội.

[707] . Xem yết-ma ha trách.

[708] . A-lợi-tra 阿利吒. Trên kia, âm là A-lê-tra. Xem Phần i Ch.v. ba-dật-đề 68.

[709] . Sào quật 巢窟; xem cht. 57, Phần iii, Ch. i (Thọ giới).

[710] . Bất xả ác kiến cử 不捨惡見. Thập tụng: ác tà bất trừ tẫn 惡邪不除擯. Pali: pāpikāya diṭṭhiyā appaṭinissage upekkhanīya, xả trí vì không từ bỏ ác kiến.

[711] . Xem yết-ma ha trách.

[712] . Tham chiếu Pali, Cullavagga ii. Pārivāsikakkhandhakaṃ, Vin. ii. 31. Ngũ phần 23, phần iv. Ch.ii. Pháp yết ma (T22n1421 tr.156b); Tăng kỳ 26, Tạp tụng bạt cừ (T22n1425 tr.435a); Thập tụng 32, Tăng tàn sám hối pháp (T23n1435 tr.228b).

[713] . Tùy theo số ngày phú tàng mà cho số ngày biệt trụ tương ứng. Xem Thập tụng 32 (T23n1435 tr.232c08); Cūḷavag. iii (Vin.ii. 40); Ngũ phần 32 (tr.136c29).

[714] . Thập tụng, nói rõ tội danh: «Tôi tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di, cố ý xuất tinh, phạm tăng-già-bà-thi-sa này một tội phú tàng.»

[715] . Trong văn thỉnh của Pali, có nói rõ số ngày che dấu để xin. Nếu một ngày che dấu (Vin. ii. 40): (…) Sohaṃ, bhante, saṅghaṃ ekisā āpattiyā sañcetanikāya sukkavisaṭṭhiyā ekāhappaṭic-channāya ekāhaparivāsaṃ yācāmi, «…Vì vậy, thưa các Đại đức, tôi xin Tăng một ngày biệt trụ cho một tội cố ý xuất tinh một ngày phú tàng.» Nếu năm ngày che dấu

(Vin.ii. 42): … pañcāhappaṭic-channāya pañcāhaparivāsaṃ yācāmi, «tôi xin năm ngày biệt trú cho năm ngày phú tàng.» Thập tụng 32 (T23n1435 tr.233a09): «… tuỳ theo số ngày phú tàng, xin Tăng pháp biệt trụ.» Ngũ phần 32 (tr.137a 12): «… một đêm phú tàng, nay xin Tăng một đêm pháp biệt trụ.»

[716] . Các luật đều nói: «xin biệt trú.» Tức xin thi hành ba-lợi-bà-sa 波利婆沙. Hành sự sao 8: «Ba-lợi-bà-sa, hoặc dịch là phú tàng.» Không đúng. Ba-lợi-bà-sa là phiên âm từ Skt. (Pali): parivāsa. Từ này cũng áp dụng cho ngoại đạo xuất gia, gọi là «bốn tháng biệt trú» (Pali: cattaro māse parivāso), không liên hệ gì đến ý nghĩa «phú tàng.»

[717] . Trùng phạm 重犯, phạm lại tội cũ. Tham chiếu Pali, Vin.ii. 43: Udāyī đang hành biệt trụ vì 5 ngày phú tàng tội cố ý xuất tinh, lại tái phạm tội cũ mà không phú tàng. Tăng cho hành bản nhật trị không phú tàng. Sau đó (Vin.ii. 48), phạm tội cố ý xuất tinh, nửa tháng hành biệt trụ vì 15 ngày phú tàng. Trong khi hành biệt trụ, lại tái phạm, lại phú tàng 5 ngày. Tăng hiệp cả hai lần phú tàng trước sau thành pháp hiệp nhất biệt trụ (samodhānaparivāsa).

[718] . Thập tụng, đã dẫn: tái phạm tội cũ, một ngày không phú tàng, cho bản nhật trị.

[719] . Bản nhật trị 本日治. Pali: mūlāyapaṭikissanā, kéo trở lại gốc.

[720] . Cf. Vin.ii. 43: Tỳ-kheo đang hành biệt trụ về tội cố ý xuất tinh, tái phạm tội cũ, khi xin yết-ma, nói rõ tội cũ: (…) sohaṃ parivasanto antarā ekaṃ āpattiṃ āpajjiṃ sañcetanikaṃ sukkavissaṭṭhiṃ appaṭicchanaṃ. Sohaṃ,

bhante, saṅghaṃ antarā ekissā āpattiyā sañcetanikāya sukkavissaṭṭhiyā appaṭicchannāya mūlāya paṭikassanaṃ yācāmi'ti. «Tôi trong khi đang hành biệt trụ, trung gian phạm một tội có ý xuất tinh, không che dấu. Nay tôi, thưa các Đại đức, xin Tăng cho tôi bản nhật trị cho trung gian một tội cố ý xuất tinh không che dấu.»

[721] . Ma-na-đỏa 摩那埵. Pali: mānatta; PTS Dict. nói, từ nguyên không rõ. Giả thiết do māna «đo lường,» nên có thể có nghĩa «thi hành biện pháp.» Từ nguyên, theo BSK: mānāpya, «làm cho hài lòng.» Hán dịch thông dụng là ý hỷ.

[722] . Xuất tội 出罪. Pali: abbhāna, sự phục hồi.

[723] . Thập tụng 32 (T23n1435 tr.236b22): «Lần thứ nhất, cố ý xuất tinh, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, một đêm phú tàng. Thứ hai, xúc nữ, hai đêm phú tàng, thứ ba… cho đến, lần thứ 13, lệ ngữ, 13 đêm phú tàng. Cho người đó 13 đêm biệt trụ.» Nghĩa là, chọn ngày phú tàng lớn nhất cho tất cả các tội phú tàng, chứ không phải làm phép toán cộng. Tăng kỳ 26 (T22n1425 tr.436c26): phạm tội thứ nhất 10 đêm phú tàng, tội thứ hai 10 đêm, cho đến tội thứ mười 10 đêm phú tàng. Họp lại làm thành 10 đêm biệt trụ. Ngũ phần 22 (T22n1421 tr.157c04): «Phạm 1 đến nhiều tội tăng-già-bà-thi-sa, phú tàng từ 2 đến nhiều đêm; chỉ tính số đêm phú tàng lâu nhất. Theo số đó mà cho biệt trụ.»

[724] . Hết quyển 45.

[725] . Tham chiếu Pali, Cūḷavagga 2. Pārivāsakkhandhaṃ, Vin. ii. 31. Ngũ phần 28, «Biệt trụ pháp» (T22n1421 tr.181b); Thập tụng 33, «Tăng tàn hối pháp» (T23n1435 tr.236c)

[726] . Từ đây trở xuống, xem mục đệ tử hầu Hoà thượng trong chương thọ giới.

[727] . Tham chiếu, Thập tụng 33 , «Già pháp» (T23n1435 tr.239b); Ngũ phần 28, «Già bố-tát pháp» (T22n1421 tr.180c).

[728] . Cầu thính, xem Phần iii. Ch. iv. Tự tứ, mục 2. Cầu thính & cht. 2. Pali okāsakata, dành cho cơ hội, hay cho phép. Cf. Mahāvagga ii (Vin.i. 114): okāsaṃ kārāpetvā āpattiṃ codetuṃ, sau khi xin phép (yêu cầu cho cơ hội) rồi cử tội.

[729] . Pali, ibid., karotu āyasmā okāsaṃ, ahaṃ taṃ vattukāmo, (trước khi cử tội, phải nói) «Mong Trưởng lão cho tôi cơ hội nói chuyện với ngài.»

[730] . Tác tự ngôn 作自言; có lẽ Pali: paṭiññātakaraṇa, đồng nhất với tự ngôn trị trong 7 diệt tránh. paṭiññā (tự ngôn, hay tự xưng), cũng có nghĩa là sự hứa hẹn.

[731] . Nhận lời hứa của người sẽ nhận cầu thính. Xem Ch. Tự tứ, đã dẫn.

[732] . Tự mình hứa với người sẽ đến cầu thính. Xem Ch. Tự tứ, đã dẫn.

[733] . Tác 作; ở đây được hiểu là nguyên nhân hay lý do. Pali: kāraṇa.

[734] . Vô căn 無根, Pali: avatthu (không cơ sở) Cf. Thập tụng 33: vô căn già thuyết giới 無根遮說戒. Trong năm thiên tội, không dẫn được bằng chứng nào cho một tội để ngăn thuyết giới. Ở đây, thuyết giới bị ngăn, vì cho rằng trong chúng có tỳ-kheo phạm tội mà chưa sám hối. Nhưng người ngăn không nêu được bằng chứng phạm tội.

[735] . Vô căn tác bất tác 無根作不作.

[736] . Thập tụng 33: Tỳ-kheo phạm ba-la-di, nhưng chưa được Tăng nêu tội. Nghĩa là, chưa bị buộc tội là phạm ba-la-di.

[737] . Thập tụng 33: Tùy thuận Tăng sự như pháp.

[738] . Thập tụng 33: Không khinh Tăng, tức không chối đối các quyết định như pháp của Tăng.

[739] . Đoạn văn này bị gãy. Nên dẫn Thập tụng để thêm vào: «Tăng chuẩn bị đề xuất ba-la-di sự đối với một tỳ-kheo. Trong lúc đang kiểm hiệu, một trong tám nạn sau đây xảy ra… Sự việc chưa được quyết đoán, Tăng phải rời chỗ mà đi. Về sau, khi Tăng bố-tát, trước hết phải quyết đoán sự việc của tỳ-kheo này…»

[740] . Tăng đang phân xử tại trú xứ này trước khi thuyết giới, gặp nạn sự dời qua trú xứ khác bố-tát, tại đó, tiếp tục phân xử.

[741] . Xem cht. 4 trên.

[742] . Xem mục Già Tự tứ, Chương Tự tứ

[743] . Vô căn tác; ngăn có lý do nhưng không có cơ sở. Xem cht. 7 & 8 trên.

[744] . Tăng-già-bà-thi-sa 8, «Vu khống bằng ba-la-di không căn cứ.»

[745] . Đại bộ phận đoạn ngăn thuyết giới nầy tương tự với ngăn tự tứ. Xem Chương Tự tứ, mục «Già tự tứ.»

[746] . Tham chiếu Pali, Cūḷavagga 7 Saṅghabheđakakkhandhaṃ. Vin. ii. 179. Ngũ phần 25 «Pháp tăng pháp» (T22n1421 tr.164a); Thập tụng 36, «Tạp tụng, Điều-đạt sự» (T23n1435 tr.257a); Căn bản phá tăng sự, 20 quyển, (T23n1450 tr.99).

[747] . Xem Phần i, Ch. ii, tăng-già-bà-thi-sa 10, phá Tăng luân.

[748] . Xem Phần i, tr. / & cht. 118.

[749] . Già-da sơn 伽耶山. Vin.ii. 196: Gaya-sīsa.

[750] . Tám phi chánh pháp 八非正法. Cũng gọi là 8 thế gian pháp, hay 8 ngọn gió. Xem Tập dị môn 18 (tr.442c28). Pali: aṭṭha-lokadhamma, Cf. Saṅgīti, D. iii. 260

[751] . Nê-lê 泥犁; tức địa ngục. Pali (Skt.) niraya.

[752] . Xem Tập dị môn, dẫn trên: đắc, bất đắc, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Pali, đã dẫn: lābho (đắc), alābho (thất), yaso (danh dự), ayaso (sỉ nhục), nindā (chê), pasaṃsā (khen), sukhaṃ (sướng), dukkhaṃ (khổ).

[753] . Đồng bạn của Đề-bà-đạt-đa, xem Phần i, Ch.v Ba-dật-đề 33 & 157.

[754] . Tán-nhã 散若.

[755] . Phần lớn chữ «cúng dường» trong bản Hán, có nghĩa là «hầu hạ.» Ở đây, Vua tăng gia sự chăm sóc cho bà vợ.

[756] . Hiện tượng nhật thực.

[757] . Khư-đà-la 佉陀羅木刺. Skt. khadira; tên một loại cây, cho gổ rất cứng.

[758] . Tham chiếu, Vin. ii. 202: «Upāli hỏi, cho đến mức nào, thì Tăng nứt mà không vỡ? Cho đến mức nào thì Tăng nứt và vỡ?» (kittāvatā … saṅgharāji hoti, no cva saṅghabhedo? Kittāvatā ca pana saṅgharāji ceva hoti saṅghabhedo ca?)

[759] . Tăng trần cấu 僧塵垢. Tăng bẩn vì bụi. Bản Hán đọc là saṅgharaja, thay vì saṅgharāji. Xem cht. 13 trên.

[760] . Phi pháp tưởng phá 非法想破: Phi pháp, biết đó là phi pháp; và tuyên bố phi pháp với ý tương đó là phi pháp. Tỳ-kheo phá tăng biết rằng, sự phá tăng này sẽ đưa ra giáo

pháp khác với chánh pháp. Tham chiếu Pali, Vin.ii. 205: tasmi adhammadiṭṭhi, bhede adhammadiṭṭhi, trong đây có phi pháp. Trong sự phá tăng này, là phi pháp

[761] . Bốc thăm, lấy ý kiến.

[762] . Tham chiếu Pali: «Tỳ-kheo thuyết minh phi pháp là pháp, biết trong đây là phi pháp, trong sự phá Tăng này là phi pháp, mà kiên trì kiến giải dị biệt, xu hướng dị biệt, sở thích dị biệt, đề nghị rút thăm, nói rằng, ‹Đây là Pháp, đây là Luật, đây là giáo thuyết của Đạo sư.» (bhikkhu dhammaṃ dhammoti dīpeti. tasmiṃ adhammadiṭṭhi, bhede adhammadiṭṭhi, vinidhāya diṭṭhiṃ, vinidhāya khantiṃ, vinidhāya ruciṃ, vinidhāya bhāvaṃ, anussāveti, salākaṃ gāheti, ayaṃ dhammo, ayaṃ vinayo, idaṃ satthusāsanaṃ…)

[763] . Tức là, phi pháp mà tưởng là pháp, rồi tuyên bố với ý tưởng đó là phi pháp. Xem cht. 14 & 16 trên.

[764] . Tức là, pháp nghi là pháp, phi pháp nghi là phi pháp; pháp không nghi là pháp, phi pháp không nghi là phi pháp. Tứ cú theo Cūḷavagga vii: tasmiṃ adhammadiṭṭhi, bhede adhammadiṭṭhi (trong đây thấy là phi chánh pháp, trong Tăng phá cũng thấy là phi chánh pháp); tasmiṃ adhammadiṭṭhi, bhede dhammadiṭṭhi (trong đây thấy là phi chánh pháp, trong Tăng phá thấy là pháp), tasmiṃ adhammadiṭṭhi, bhede vematiko (trong đây thấy là phi pháp, trong Tăng phá thì nghi), tasmiṃ dhammadiṭṭhi, bhede adhammadiṭṭhi (trong đây thấy là pháp, trong Tăng phá thấy là phi pháp).

[765] . Hết quyển 46.

[766] . Tham chiếu Pali, Cūḷavagga 4 Samathakkhandhakaṃ, Vin. ii. 73. Ngũ phần 23, «Diệt tránh pháp» (T22n1421,

tr.153c); Thập tụng 35, «Tránh sự pháp» (T23n1435, tr.251a).

[767] . A-di-la-bạt-đề 阿夷羅跋提. Pali: Aciravatī, con sông ở Kosala, chảy qua trước cung điện của vua Pasenadi.

[768] . Kết tội ba-la-di.

[769] . Hiện tiền tì-ni diệt tránh 現前毘尼滅諍. Pali: sammukhāvinayo, chiết phục bằng sự hiện diện. Cf. Cūḷavagga iv (Vin.ii. 73).

[770] . Xem Phần i, Ch. ii. Tăng-già-bà-thi-sa 8 & 9.

[771] . Ức niệm tì-ni 憶念毘尼. Pali: sativinayo, chiết phục bằng sự hồi ức. Cf. Cūḷavagga iv (Vin. ii. 74)

[772] . Trên kia nói là tỳ-kheo Na-đề(-do).

[773] . Bất si tì-ni 不癡毘尼. Pali: amūhavinayo, chiết phục bằng sự bất si. Cf. Cūḷavagga iv (Vi. ii. 80)

[774] . Già-cừ 伽渠; các phần trước, nói là Già-già. Pali: Gagga.

[775] . Tự ngôn trị 自言治. Pali: paṭiññātakaraṇa, phán quyết bằng sự tự nhận. Cf. Cūḷavagga iv (Vin. ii. 83)

[776] . Dụng đa nhân ngữ 用多人語. Căn cứ ý kiến đa số. Thập tụng: mích tội tướng. Pali: yebuyyasikā, sự quyết định theo đa số. Cf. Cūḷavagga iv (Vin. ii. 84)

[777] . Xem Phần i, ch. v, ba-dật-đề 1.

[778] . Tác tội xứ sở 作罪處所. Ngũ phần: bản ngôn trị 本言治. Thập tụng: mích tội tướng. Pali: tassapāpiyyasikā. Cf. Cūḷavagga iv (Vin. ii. 85)

[779] . Như thảo phú địa 如草覆地. Ngũ phần: thảo bố địa 草布地. Pali: tiṇṇavatthārako.

[780] . Xem Chương Câu-thiểm-di trên.

[781] . Tránh 諍. Thập tụng: sự 事. Tránh tức sự; hai từ cùng một gốc trong tiếng Phạn. Pali: adhikaraṇā. Cf. Cūl. iv (Vin.ii. 88). vấn đề được thảo luận, được tranh cãi; chủ điểm hay trung tâm của sự tranh chấp.

[782] . Bốn tránh sự: các giải thích và cht. dưới.

[783] . Ngôn tránh 言諍. Thập tụng: đấu tránh sự 鬥諍事. Pali: vivādādhikaraṇa, tranh chấp do bất đồng về lời lẽ.

[784] . Xem trên, cht. 16, Ch. ix, tr.64.

[785] . Mích tránh 覓諍. Ngũ phần: giáo giới tránh 教誡. Thập tụng: vô căn sự 無根事. Pali: anuvādādhikaraṇa, tranh chấp về sự giáo giới, về lời lẽ buộc tội.

[786] . Phạm tránh 犯諍. Thập tụng: phạm tội sự 犯罪事. Pali: āpattādhikaraṇa, tranh chấp về tội danh.

[787] . Sự tránh 事諍. Thập tụng: thường sở hành sự 常所行事. Pali: kiccādhikaraṇa, tranh chấp về nghĩa vụ

[788] . Ngũ phần 23 (T22n1421 tr.154a25): tranh cãi về các pháp tác yết-ma, những phận sự thường ngày, là sự tránh. Thập tụng 35 (T23n1435 tr.251b16): thường sở hành sự, tranh cãi về các loại yết-ma, về bố-tát, tự tứ, các phận sự hằng ngày của Tăng.

[789] . Giới 界, chỉ cương giới.

[790] . Lục tránh 六諍. Thập tụng: lục đấu tránh bản 六鬥諍本. sáu gốc rễ của sự tranh cãi. Pali, ibid., cha vivādamūlāni: kodhano (sân hận), makkhī (ngụy thiện), issukī (tật đố) (maccharī), saṭho (giảo hoạt), pāpiccho (ác dục), sandiṭṭhiparāmāsī (bảo thủ quan điểm). Cf. Tập dị môn 15 (tr. 431a16).

[791] . Xem

[792] . Tham chiếu Pali, Vin. ii. 90, cha āpattisamuṭṭhānā, sáu đẳng khởi của tội: tội khởi chỉ từ thân, khởi chỉ từ miệng; từ cả thân và miệng, cả thân và ý; từ cả miệng và ý, từ cả thân và miệng và ý.

[793] . Bảy hạng học nhân, tức bảy bậc Thánh giả hữu học, từ Dự lưu hướng, cho đến A-la-hán hướng.

[794] . Chỉ A-la-hán quả, thuộc hàng Thánh giả vô học.

[795] . Tham chiếu Pali, Vin. ii. 91: Tăng tác yết-ma với thiện tâm, đây gọi là sự tránh thiện (kiccādhikaraṇaṃ kusalaṃ).

[796] . Bốn vế, quan hệ chéo giữa ngôn và tránh sự. Pali (Vin.ii. 91): vivādo vivādādhikaraṇaṃ (ngôn tức ngôn tránh), vivādo no adhikaraṇaṃ (ngôn không phải tránh), adhikaraṇaṃ no vivādo (tránh không phải ngôn), adhikaraṇañceva vivādo ca (vừa tránh vừa ngôn).

[797] . Pali, ibid., vivādo vivādādhikaraṇaṃ.

[798] . Pali: vivādo no adbhikaraṇaṃ, tranh luận mà không phải là tránh sự.

[799] . Pali, ibid., sahāyopi sahāyena vivadati, bạn cãi với bạn.

[800] . Những người này cãi nhau, không dẫn đến xung đột, nên không thành tránh sự. Thập tụng: đấu tránh nhưng không phải tránh sự: Tỳ-kheo tranh cãi nhau, nhưng chưa thành xung đột.

[801] . Giống như trường hợp một: ngôn tức ngôn tránh. Thập tụng và Pali không tách riêng với trường hợp đầu.

[802] . Pali, ibid., không đề cập.
[803] . Giống như trường hợp đầu. Pali và Thập tụng không tách riêng.
[804] . Pali: vivādo na adhikaraṇa, tranh luận không phải tránh sự.

[805] . Giống như trường hợp thứ hai. Thập tụng không tách riêng.

[806] . Pali: adhikaraṇaṃ no vivādo: đó là tránh sự về giáo giới, tránh sự về phạm tội, tránh sự về tác sự.

[807] . Như các trường hợp một và ba.

[808] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[809] . Ba yếu tố hiện tiền.

[810] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 66.

[811] . Chỉ tránh sự được diệt mà mình không có mặt, do đó không chấp nhận.

[812] . Bốn yếu tố hiện tiền.

[813] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 76.

[814] . Ngũ phần, Thập tụng: Ưu-ba-ly hỏi.

[815] . Tham chiếu Pali, Vin. ii. 95: bhikkhu ubbāhika, tỳ-kheo đoán sự thành tựu 10 pháp. Thập tụng 35 (T23n1435 tr.252c15): tỳ-kheo thành tựu 5 pháp được lập làm người đoán sự, gọi là Ô-hồi-cưu-la 烏迴鳩羅.

[816] . Pali, Vin. ii. 96: dhammika, vị pháp sư không am hiểu Luật tạng.

[817] . Ba loại hành trù, như Pali, Vin.ii.98: tayo salākaggāhe gūḷhakaṃ, sakaṇṇajappakaṃ, vivaṭakaṃ.

[818] . Bản Minh: tác lễ. Bản Cao-ly: tác loạn 作亂. Bản Tống: tác loạn lễ.

[819] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[820] . Nguyên Hán: bình đáng nhân 平當人. Thập tụng 35 (T23n1435 tr.252c10): Ô-hồi-cưu-la 烏迴鳩羅. Pali: Ubbāhika. Xem cht.49 trên.

[821] . Hết quyển 47.

[822] . Tức diệt bằng hai pháp: hiện tiền và ức niệm

[823] . Trường hợp vô căn báng, vu khống không căn cứ. Xem Phần i, Ch.ii tăng-già-bà-thi-sa 8.

[824] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[825] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[826] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[827] . Tỳ-kheo Tương Lực, xem Phần i, ch.v, ba-dật-đề 1. Xem mục I.6 «Tội xứ sở» trên.

[828] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[829] . Tiểu chú trong nguyên bản Hán.

[830] . Tham chiếu Pali, Cūḷavagga 10, Bikkhunikkhandhakaṃ, Vin. ii. 252.

[831] . Ni-câu-luật viên 尼拘律園. Pali: Nigrodhārāma, vườn cây bàng, gần Kapilavatthu.

[832] . Thích-sí-sấu 釋翅瘦; phiên âm của Śākyeṣu (Skt.) hay Sakkesu (Pali): giữa những người họ Thích-ca (không phải địa danh).

[833] . Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提. Các đoạn trên kia dịch là Đại Ái Đạo. Pali: Mahāpajāpati.

[834] . Xá-di nữ 舍夷女; chỉ con gái họ Thích.

[835] . Tham chiếu, Trung A-hàm 28, kinh 116 «Cù-đàm-di», Cūḷavagga x, Vin. ii. 253.

[836] . Cù-đàm-di 瞿曇彌; Pali: Gotamī, người nữ của dòng họ Gotama.

[837] . Vin. ii. 256: Phật chỉ nói điều này sau khi đã chấp nhận người nữ xuất gia.

[838] . Trong bản: sương bạc, sương và mưa đá 霜雹. Pali, ibid., ruộng lúa bị chứng bịnh gọi là sương muối (setaṭṭikā nāma rogajāti).

[839] . Trong bản: sương bạc, sương và mưa đá 霜雹. Pali, ibid., ruộng lúa bị chứng bịnh gọi là sương muối (setaṭṭikā nāma rogajāti).

[840] . Bất khả quá pháp 不可過法. Trung A-hàm: tôn sư pháp. Ngũ phần: bất khả việt pháp 不可越法. Tăng kỳ, Thập tụng: kỉnh pháp. Pali: garudhamma.

[841] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 175.

[842] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 145. Thập tụng thay điều này bằng ba-dật-đề 172.

[843] . Thập tụng, điều 8: Tỳ-kheo-ni không được nói các tội thấy, nghe, nghi của tỳ-kheo.

[844] . Tỳ-kheo ni, ba-dật-đề 124.

[845] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 141. Pali, pháp thứ 3: Mỗi nửa tháng đến tỳ-kheo Tăng có hai việc: hỏi ngày Bố-tát (uposathapucchakaṃ) và xin giáo giới (ovādūpasaṅkammaṃ). Thập tụng 47: Mỗi nửa tháng, đến tỳ-kheo nhận tám kỉnh pháp.

[846] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 143.

[847] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 142.

[848] . Các loại hoa: Ưu-bát-la 優缽羅 (Pali: uppala, bông súng xanh), A-hy-vật-đa 阿希物多 (Pali: atimuttaka, hoa thiện tư), Chiêm-bà 瞻婆 (Pali: campaka, một loại hoa vàng), Tô-man-na 蘇曼那 (Pali: sumanā, tố hương), Bà-sư 婆師. (Pali: vassika, hạ sinh hoa).

[849] . Trong bản, có sự nhầm lẫn, vì truyền khẩu theo quán tính.

[850] . Dịch sát. Ngũ phần 29 (T22n1421 tr.186a14): «Chánh pháp của Phật tồn tại ở đời một nghìn năm. Nay cho nữ xuất gia, giảm mất năm trăm năm.»

[851] . Tham chiếu, Phần ii. Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 121.

[852] . A-di 阿姨, phiên âm từ Pali: ayye, Skt.: ārya, āyya, xưng hô với người nữ, người nhỏ thưa trình người lớn.

[853] . Xem Phần ii, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 125. Tham chiếu, Thập tụng 45 (T23n1435, tr.325c25), tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 190.

[854] . Tham chiếu Thập tụng 45, nt., văn thọ sáu pháp. Văn thọ Pali, xem Vin. ii.319 (Bhikkhuni, pāc. 63).

[855] . Xem trên, phần ii, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 123 (bản Việt, quyển 3, tr. 1266: Nếu thức-xoa-ma-na phạm dâm thì phải diệt tẫn. Nếu có tâm nhiễm ô cùng với nam từ có tâm nhiêm ô, hai thân xúc chạm tức khuyết giới, phải thọ lại.

[856] . Xem Phần ii, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 123, nt.: trộm 5 tiền trở lên, diệt tẫn. Dưới 5 tiền, khuyết giới, phải thọ lại.

[857] . Chưa tìm ra nghĩa «quá thực.» Xem Phần ii. Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 121 (Bản Việt, quyển 3, tr. 1261): trừ điều tự tay lấy thức ăn, trao thức ăn cho người.

[858] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 26.

[859] . Tham chiếu Phần ii, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 124.

[860] . Hán: cử 舉, thường dùng theo nghĩa cử tội, tức buộc tội. Nhưng đây không thuộc ba cử tội thấy-nghe-nghi, nên không nói là cử tội.

[861] . Tốn 蹲; theo phong tục, cách ngồi được xem là cung kính của đàn ông. Pali: ukkuṭika; Skt. utkuṭuka

[862] . Thọ sứ cụ túc. *Thập tụng 41* (T231435, tr.295b), *56* (T23n1435 tr.410a11): Bán Ca-thi-ni 半迦尸尼 khiển sứ đắc giới cụ túc. Pali: dūtena upasampāda. Vin. ii. 277: Kỹ nữ Aḍḍhakāsī, xuất gia, muốn về Sāvatthi để thọ cụ túc. Bọn vong mạng hay tin, tổ chức chận đường để cướp. Cô biết được, không dám đi. Phật cho phép nhờ sứ giả thọ giới. Trong Câu-xá 14, đây là trường hợp của tỳ-kheo-ni pháp thọ (Skt. Dharmadinnā, Pali, Dhammadinnā).

[863] . Nguyên văn bản Hán: thử mỗ giáp tỳ-kheo-ni tùng mỗ giáp cầu thọ đại giới 此某甲比丘尼從某甲求受大戒. Văn cú đảo trang, cần chỉnh lại để đọc cho đúng nghĩa.

[864] . Tham chiếu văn bạch đại diện xin giới theo Pali, Vin. ii. 277: (...) itthannāmā, ayyā, itthannāmāya ayyāya upasampadāpekkhā ekato-upasampannā bhikkhunisaṅghe, visuddhā. Sā kenacideva antarāyena na āgacchati. itthannāmā, ayyā, saṅgha upasampādaṃ yācati.Ullumpatu taṃ ayyā saṅgho anukampaṃ upādāya «... Người nữ mỗ giáp, theo người nữ mỗ giáp khất cầu giới cụ túc. Người nữ ấy đã thọ một phần cụ túc giữa tỳ-kheo-ni Tăng. Người nữ ấy thanh tịnh. Người nữ ấy vì một chướng ngại như vậy không đến đây được. (Bạch chư Đại đức) Người nữ mỗ giáp khất cầu Tăng cho giới cụ túc. Nguyện Tăng thương tưởng cứu vớt người nữ mỗ giáp ấy.» Tham chiếu văn bạch *Thập tụng 41*, đã dẫn.

[865] . Để bản: bạt tế ngã 拔濟我. Các bản khác, không có chữ ngã 我.

[866] . Để bản: bạt tế ngã 拔濟我. Các bản khác, không có chữ ngã 我.

[867] . Pali: Tăng tỳ-kheo, sau khi chỉ dẫn cách đo bóng mặt trời, định mùa, tính ngày tháng, rồi dặn, bảo cho tỳ-kheo-ni ấy biết ba y chỉ (tayo nisaya, ni bất trụ lan nhã nên chỉ truyền ba y chỉ) và tám phi sự (aṭṭha akaraṇīyāni, tức 8 ba-la-di).

[868] . Hán: huyết xuất 血出; đây chỉ kinh nguyệt. Ngũ phần, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 178: độ người nữ thường ra nguyệt thủy. Tứ phần, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 165, thay điều này bằng, «độ người nữ mà đường đại và tiểu tiện thường chảy đàm dãi.»

[869] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 166.

[870] . Xem Phần i, Tỳ-kheo, ba-dật-đề 6.

[871] . Xem Phần ii, Tỳ-kheo-ni, tăng-già-bà-thi-sa 16.

[872] . Tác cổ đạo 作蠱道. Cf. Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 117 & 118.

[873] . Tham chiếu Pali, Vin.ii. 161: tỳ-kheo định pháp yết-ma, hay định tội của tỳ-kheo-ni, rồi uỷ nhiệm cho Tăng tỳ-kheo-ni tác yết ma và xử trị.

[874] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 29.

[875] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 175.

[876] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 84, thay Tỳ-kheo bằng chủ nhân.

[877] . Hết quyển 48.
[878] . Vin.ii. 278: Các tỳ-kheo-ni sống tại trú xứ a-lan-nhã, bị bọn xấu làm nhục.
[879] . Cf. Vin.ii. 279: Tỳ-kheo-ni sống a-lan-nhã, phạm đột-kiết-la (na bhikkhuniyā araññe vatthabbaṃ).
[880] . Xem tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 99.

[881] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 69 & 70: không được học kỹ thuật thế tục (nghề nghiệp), và dạy cho người khác để kiếm sống.

[882] . Cô tửu 酤酒. Thập tụng 41 (tr.297c18): tác tửu 作酒, làm rượu.

[883] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề, các điều 50-55, 57.

[884] . Vin.ii. 266: aṭṭhillena jaghanaṃ ghaṃsapeti.

[885] . Xem, tỳ-kheo-ni, các ba-dật-đề 150, 151.

[886] . Triền thể 纏體.

[887] . Bề-lâu 鞞婁. Pali: viḷīva, được làm bằng tre (?), Cf. Vin.ii. vilīvena paṭṭena phāsukā nāmenti, các cô quấn dây thắt lưng làm bằng tre.

[888] . Sa yêu đái 娑腰帶. Không rõ. Cf. Pali. ibid., colapaṭṭena, thắt giây lưng bằng vải cola (Skt. cola hay coḍa; các từ điển Skt. và Pali không cho biết rõ đây là loại vải gì).

[889] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 101.

[890] . Phong tục thời đó: nô lệ chết. Chủ không chôn, mà đem vất xác ngoài bãi tha ma.

[891] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 97.

[892] . Vương viên 王園. Thực chất, đây là khu rừng của Vua, trong đó có khu a-lan-nhã.

[893] . Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 140.

[894] . Xả giáo thọ 捨教授. Cf. Vin. ii. 263: ovādaṃ ṭhapetuṃ, ngưng giáo giới. Tỳ-kheo-ni bị ngưng giáo giới, không được dự bố-tát (na ovādaṭṭhapitāya bhikkhuniyā saddhiṃ uposatho katabbo).

[895] . Truyện Liên Hoa Sắc, xem Phần I, Ch. iv, Ni-tát-kỳ 4.

[896] . Huyền xí 懸廁. Pali, Vin.ii. 280: vaccakuṭī, nhà xí, làm theo kiểu nhà sàn.

[897] . Hán dịch mâu thuẫn: ngồi kiết già, hai gót chân lật lên, không dính bẩn được. Cf. Vin. ii. 280: pallaṅkena nisīdanti paṇhīsamphassaṃ sādiyanti, «ngồi kiết già, để cho chúng nó sờ vào hai gót chân.»

[898] . Ma-kiệt-đề, nhưng chỗ khác âm là Ma-kiệt-đà.

[899] . Nhữ niên thiếu bất tri túc 汝年少不知足. Xem câu trả lời của A-nan tiếp theo để hiểu rõ ý nghĩa của lời trách mắng này. Tạp A-ham 41 (T02n99 tr.303a06): Ca-diếp mắng A-nan, «Ông, trẻ con, không biết lượng sức» (nhữ thị đồng tử, bất tri trù lượng 汝是童子不知籌量). A-nan trả lời như trên. Cf. Pali, S.ii. na vāyaṃ kumārako mattamaññāsi, «Cậu bé này không biết lượng sức.»

[900] . Trong các kinh Pali, Ca-diếp xưng hô A-nan là āvuso, hiền giả (hay ông bạn). A-nan luôn luôn xưng hô Ca-diếp là bhante, bạch Đại đức, như xưng hô với Phật. Vì tôn kính Ca-diếp như là Hoà thượng của mình.

[901] . Pali, ibid., «…mắng Thánh giả A-nan, vị ẩn sĩ thông thái (ayyo Ānando vedehamuni).

[902] . Pali, ibid., Ca-diếp nói, «… từ khi Ta xuất gia đến nay, Ta chưa gọi ai là Thầy, ngoại trừ Thế Tôn.»

[903] . Thoá chi 唾之, nhổ nước bọt.

[904] . Tham chiếu Pali, Cullavagga 8, Vattakkhandhakaṃ, Vin.ii. 206. Ngũ phần 27, «Oai nghi pháp.»

[905] . Thập tụng 41 (T23n1435, tr.300a17): Khách tỳ-kheo nghi pháp; 57 (T23n1435 tr.420a24): Khách pháp. Cf. Tăng kỳ 35 (T22n1425 tr.507b4).

[906] . Phước nhiêu 福饒. Chưa rõ thứ gì. Ngũ phần 27 (T22n1421 tr.179a20), tỳ-kheo khách hỏi: «Phòng này có thức ăn không?» Thập tụng 57, nt., hỏi: «Tăng phòng này có tiền thực hậu thực không?» Ngũ phần 27, nt., cũng hỏi như Thập tụng.

[907] . Tháng 30 ngày thì kể luôn ngay 23, 29, 30

[908] . Kinh hành xứ 經行處. Có lẽ kinh hành đường đúng hơn. Pali: caṅkamana-sāla. Nhà để đi kinh hành khi trời mưa. Cũng thường dùng làm nhà khách, phòng hội

[909] . Tức xỉa răng.

[910] . Xoa kỳ xí thảo 叉奇廁草.

[911] . Quy định như pháp khất thực, đoạn trên.

[912] . Bản cao ly: tượng hàng 象行, như đàn voi. Bản Tống-Nguyên-Minh: như nhạn hàng, bầy nhạn.

[913] . Năm pháp tác tịnh trái cây, xem trên, Chương vii, về thuốc.

[914] . Pali, Vin.ii. 212: bhattagge na anumodanti, ăn xong, không tụng tùy hỷ.

[915] . Tỳ-kheo, ba-dật-đề 9.

[916] . Thực thượng pháp 食上法. Pali: bhattaggavattaṃ.

[917] . Các loại cây: đà-bà 陀婆, bà-trà 婆茶

[918] . Các loại cây: đà-bà 陀婆, bà-trà 婆茶, kiền-đà-la 揵陀羅, tất bát 蓽茇, a-ma-lặc 阿摩勒:

[919] . Thiến thảo 茜草; loại cỏ dùng để nhuộm.

[920] . Cấm-mãn 禁滿; Pali (Skṭ) kumbha (?), cái ghè.

[921] . Xem Chương về da thuộc.

[922] . Hết quyển 49. Hết phần iii